STA-LIN

TOÀN TẬP — TẬP 12

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, LIÊN HỢP LẠI !

STA-LIN

TOÀN TẬP

12

TỦ SÁCH GIA ĐÌNH
HOÀNG XUÂN THÁI
Số 12 99

Cuốn sách xưa thật đơn sơ tần tiện hợp với lúc khó khăn thiếu thốn mọi bề. Nhờ sách đó, 2 thế hệ được chất men kích thích học tập, rèn luyện, lao động chiến đấu suốt nửa cuối thế kỷ 20.

Lưu giữ lại để minh chứng một lời khuyên: "Hãy rèn luyện chí khí, nghị lực vươn lên tầm cao học vấn và hiểu biết. Không có vinh quang nào sánh bằng".

TỦ SÁCH GIA ĐÌNH
SST từ năm 1954 - 2000

BẢN TIẾNG NGA ĐÃ ĐƯỢC XUẤT BẢN THEO NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN (B) TOÀN LIÊN XÔ

ИНСТИТУТ МАРКСА — ЭНГЕЛЬСА — ЛЕНИНА
ПРИ ЦК ВКП (б)

И. В. СТАЛИН

СОЧИНЕНИЯ

ГОСУДАРСТВЕННОЕ ИЗДАТЕЛЬСТВО
ПОЛИТИЧЕСКОЙ ЛИТЕРАТУРЫ
Москва — 1953

J. V. STA-LIN

TOÀN TẬP

TẬP

12

THÁNG TƯ 1929 — THÁNG SÁU 1930

TỦ SÁCH GIA ĐÌNH
HOÀNG XUÂN THÁI
Số 12

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1965

LỜI TỰA

J.V. Sta-lin *Toàn tập* tập 12 gồm những tác phẩm viết từ tháng Tư 1929 đến tháng Sáu 1930.

Trong thời gian này, đảng bôn-sê-vích mở rộng cuộc tổng tấn công của chủ nghĩa xã hội trên khắp các mặt trận, động viên giai cấp công nhân và quần chúng lao động nông dân đấu tranh nhằm cải tạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân trên cơ sở chủ nghĩa xã hội, đấu tranh nhằm thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất. Đảng bôn-sê-vích đã thực hiện được một bước chuyển biến có tính chất quyết định về chính sách, đó là bước chuyển từ chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của cu-lắc sang chính sách thủ tiêu giai cấp cu-lắc, trên cơ sở tập thể hóa toàn bộ. Đảng đã giải quyết một nhiệm vụ lịch sử hết sức khó khăn của cách mạng vô sản, đó là chuyển hàng triệu nông hộ cá thể vào con đường nông trang tập thể, tức con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong bài diễn văn « Về xu hướng hữu khuynh trong Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô » (lần đầu tiên được in toàn văn trong tập này) đọc tại hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương thuộc Đảng cộng sản(b) toàn Liên-xô họp hồi tháng Tư (1929), J.V. Sta-lin đã phân tích những biến đổi về tình hình giai cấp đang xảy ra ở Liên-xô và ở các nước tư bản ; Người đã chỉ cho thấy là ở nước ta cuộc tấn công của chủ nghĩa xã hội vào các phần tử tư bản ở thành thị và nông thôn, đang được tăng cường và do đó đã làm cho cuộc đấu tranh giai cấp thêm gay gắt. J.V. Sta-lin đã chỉ rõ rằng sự ổn định cục bộ của chủ nghĩa tư bản đang bị lung lay và những nhân tố của cao trào cách mạng ở các nước

tư bản đang ngày càng tăng lên, đồng thời Người đã lập luận về sự cần thiết phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống các phần tử hữu khuynh trong các đảng cộng sản.

J.V. Sta-lin đã vạch trần hoạt động bè phái chống đảng của nhóm Bu-kha-rin, thủ đoạn hai mặt của chúng, những cuộc đàm phán lén lút giữa chúng với nhóm Tơ-rốt-ski nhằm tổ chức một khối chống đảng.

J.V. Sta-lin đã nhấn mạnh rằng thiên hướng hữu khuynh và thái độ điều hòa đối với thiên hướng ấy là mối nguy cơ chủ yếu trong thời kỳ này ; Người đã vạch mặt bọn đầu hàng hữu phái, coi đó là kẻ thù của chủ nghĩa Lê-nin, là tay sai của bọn cu-lắc ; Người đã bóc trần cái thực chất tự do-tư sản, phản cách mạng của cái « lý luận » cơ hội hữu khuynh cho rằng bọn cu-lắc có thể hòa bình tiến lên chủ nghĩa xã hội được. Trong cuộc đấu tranh chống phái đối lập Bu-kha-rin, J.V.Sta-lin đã phát triển nguyên lý Lê-nin về việc thủ tiêu giai cấp bóc lột thông qua các cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt của giai cấp vô sản. J.V. Sta-lin đã chỉ ra rằng đường lối cơ hội của bọn đầu hàng hữu phái trong các vấn đề đấu tranh giai cấp gắn liền với những sai lầm phản lê-nin-nít của Bu-kha-rin trong vấn đề lý luận về Nhà nước.

Trong cuộc đấu tranh chống phái cơ hội hữu khuynh, J.V. Sta-lin đã bảo vệ và phát triển học thuyết Mác-Lê-nin về Nhà nước và chuyên chính vô sản.

Trong bài « Thi đua và tinh thần phấn khởi lao động của quần chúng », J.V. Sta-lin đã xác định thi đua xã hội chủ nghĩa là một biện pháp cộng sản chủ nghĩa để xây dựng chủ nghĩa xã hội, là một cái đòn bẩy giúp những người lao động xoay chuyển lại toàn bộ đời sống kinh tế và văn hóa trong nước trên cơ sở chủ nghĩa xã hội.

Trong bài « Một năm chuyển biến lớn », J.V. Sta-lin đã đánh giá năm 1929 là năm đạt được những thành tích vĩ đại trên khắp các mặt trận xây dựng chủ nghĩa xã hội : trong lĩnh vực năng suất lao động, trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và nông nghiệp. Khi vạch ra những thành tích trong phong

trào nông trang tập thể, J.V. Sta-lin chỉ rõ rằng quần chúng nông dân cơ bản, tức trung nông, đã gia nhập nông trang tập thể, rằng do nền kinh tế nông dân cá thể đã chuyển sang con đường chủ nghĩa xã hội nên ở trong nước các nguồn gốc cuối cùng có thể phục hồi chủ nghĩa tư bản, đã bị tiêu diệt.

Dựa vào kế hoạch hợp tác hóa của V.I. Lê-nin, J.V. Sta-lin đã đề ra lý luận tập thể hóa nông nghiệp và đã chỉ ra những đường lối cụ thể để thực hiện lý luận ấy.

Trong bài diễn văn « Bàn về mấy vấn đề chính sách ruộng đất ở Liên-xô », J.V. Sta-lin đã vạch trần những thuyết tư sản và cơ hội hữu khuynh về tính « thăng bằng », tính « tự phát » trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tính « vững chắc » của kinh tế tiểu nông ; Người đã chỉ rõ tính hơn hẳn của nền kinh tế nông nghiệp đại quy mô và tập thể. J.V. Sta-lin đã xác định bản chất của nông trang tập thể là một hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa và đã lập luận về bước chuyển từ chính sách hạn chế và loại trừ những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn sang chính sách thủ tiêu giai cấp cu-lắc trên cơ sở tập thể hóa toàn bộ.

Trong các bài « Say sưa vì thắng lợi », « Trả lời các đồng chí nông trang viên » và trong một số bài khác, J.V. Sta-lin đã vạch trần những hành động « tả » khuynh làm sai lệch đường lối của đảng trong công cuộc xây dựng nông trang tập thể, đã đề ra những biện pháp sửa chữa các sai lầm của họ, và đã chỉ ra rằng ác-ten nông nghiệp là khâu cơ bản và chủ chốt của phong trào nông trang tập thể trong giai đoạn hiện tại.

Trong tập này, có in bài « Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương tại đại hội XVI của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô », trong đó J.V. Sta-lin đã phân tích sâu sắc tình trạng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới, đã vạch trần các mâu thuẫn gay gắt trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Khi nhận định về mối quan hệ giữa Liên-xô và các nước tư bản chủ nghĩa, J.V. Sta-lin đã xác định chính sách đối ngoại của Nhà nước xô-viết là chính sách hòa bình trước sau như một. J.V. Sta-lin đã chỉ rõ sự phát triển ngày càng tăng của nền kinh tế quốc dân ở Liên-xô, tính hơn hẳn của hệ thống kinh tế xã

hội chủ nghĩa so với hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa. Người đã xác định tính chất và nhiệm vụ của cuộc tấn công đại quy mô của chủ nghĩa xã hội trên khắp các mặt trận. Khi động viên đảng đấu tranh chống các thiên hướng trong vấn đề dân tộc, J.V. Sta-lin đã chỉ rõ rằng thời kỳ chuyên chính vô sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô là thời kỳ phồn vinh của các nền văn hóa dân tộc, có nội dung xã hội chủ nghĩa và mang hình thức dân tộc.

Trong tập này, lần đầu tiên có in những bức thư của J.V. Sta-lin gửi Phê-lích Côn, A.M. Goóc-ki, đồng chí Be-dư-men-ski và Ra-pha-in.

Viện Mác—Ăng-ghen—Lê-nin
trực thuộc
Ban Chấp hành trung ương
Đảng Cộng sản (b)
toàn Liên-xô

THÁNG TƯ 1929 – THÁNG SÁU 1930

VỀ XU HƯỚNG HỮU KHUYNH TRONG ĐẢNG CỘNG SẢN (b) TOÀN LIÊN-XÔ*

Diễn văn đọc tại hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô tháng Tư 1929[1]

(Bản tốc ký)

Thưa các đồng chí, tôi sẽ không nói đến nhân tố cá nhân, mặc dù nhân tố ấy đã giữ một vai trò khá quan trọng trong các bài diễn văn của một vài đồng chí trong nhóm Bu-kha-rin. Nhân tố cá nhân là một chi tiết thôi, mà chi tiết thì không đáng cho ta phải bận tâm, nên tôi sẽ không nói đến nhân tố cá nhân ấy. Đồng chí Bu-kha-rin có nhắc đến việc đồng chí ấy đã trao đổi thư từ riêng với tôi. Đồng chí ấy đã đọc nhiều bức thư chứng tỏ rằng, hôm qua đây, chúng tôi còn là bạn với nhau, mà bây giờ đây, chúng tôi lại bất đồng ý kiến với nhau về chính trị. Trong các bài diễn văn của U-gơ-la-nốp và của Tôm-ski cũng thấy lộ ra những giọng như vậy : thử hỏi, đầu đuôi ra sao mà giữa chúng ta với nhau, giữa những người bôn-sê-vích lão thành cả, lại có những ý kiến bất đồng, mà chúng ta lại không biết quý trọng nhau nhỉ ?

---

* Trong bài diễn văn này có hơn 30 trang được bổ sung ; hồi đó, các trang này không được in. *(B.T.)*

Tôi nghĩ rằng những lời ai oán và than vãn ấy không đáng giá lấy một đồng kẽm. Chúng ta không phải là bà con thân thuộc trong gia đình với nhau, cũng không phải là một nhóm bạn hữu riêng với nhau ; chúng ta là một chính đảng của giai cấp công nhân. Đặt lợi ích của tình bạn riêng lên trên lợi ích của sự nghiệp là không thể được.

Thưa các đồng chí, nếu chúng ta tự xưng là những người bôn-sê-vích lão thành chỉ vì chúng ta *già*, đó là trong chúng ta có vấn đề rồi đấy. Những người bôn-sê-vích sở dĩ được quý trọng, tuyệt nhiên không phải vì họ *già*, mà vì họ đồng thời cũng là những nhà cách mạng vĩnh viễn mới, mãi mãi không già. Nếu một người bôn-sê-vích già đã xa lìa con đường cách mạng, hoặc lạc hậu đi và tàn tạ đi về phương diện chính trị, thì người đó, dù có già đến trăm tuổi đi nữa, cũng không có quyền tự xưng là một người bôn-sê-vích lão thành ; người đó không đáng được đảng quý trọng.

Sau nữa, quyết không thể đặt vấn đề bạn hữu riêng ngang hàng với những vấn đề chính trị được, vì như ta thường nói, tình bạn là tình bạn, việc công là việc công. Chúng ta đều là những người phục vụ giai cấp công nhân, và nếu lợi ích của tình bạn riêng không phù hợp với lợi ích của cách mạng, thì phải gạt tình bạn riêng xuống hàng thứ yếu. Là những người bôn-sê-vích, chúng ta không thể nào đặt vấn đề khác đi được.

Tôi cũng sẽ không nói đến những lời ám chỉ và những lời trách cứ mập mờ, có tính chất cá nhân, rải rác trong các bài diễn văn của các đồng chí trong nhóm đối lập Bu-kha-rin. Chắc các đồng chí ấy muốn dùng những lời trách cứ và những câu mập mờ để che đậy cơ sở chính trị của những ý kiến bất đồng giữa chúng ta. Họ muốn lấy những thủ đoạn chính khách thay cho chính trị. Bài diễn văn của Tôm-ski biểu hiện đặc biệt rõ về mặt này. Đó là một bài diễn văn điển hình của một chính khách công liên chủ nghĩa muốn tìm cách thay thế những vấn đề chính trị bằng các thủ đoạn chính khách. Nhưng mưu mẹo ấy của họ không thành công đâu.

Bây giờ, tôi xin nói đến vấn đề chính của chúng ta.

I

MỘT HAY HAI ĐƯỜNG LỐI?

Chúng ta có một đường lối tổng quát chung, hay có hai đường lối? Thưa các đồng chí, đó là vấn đề cơ bản.

Ru-cốp đã phát biểu, trong bài diễn văn của mình, rằng chúng ta có một đường lối tổng quát duy nhất và nếu chúng ta có một vài ý kiến bất đồng «không đáng kể», thì chẳng qua chỉ vì cách quan niệm đường lối tổng quát có những «chỗ khác nhau nhỏ» mà thôi.

Có đúng thế không? Khốn nỗi lại không đúng như thế. Không những không đúng, mà còn rõ ràng là trái với sự thật nữa. Quả vậy, nếu đường lối của chúng ta là đường lối duy nhất, và giữa chúng ta chỉ có những chỗ khác nhau nhỏ mà thôi, thì tại sao Bu-kha-rin lại đã chạy theo bọn tơ-rốt-kít cũ, do Ca-mê-nép cầm đầu, để tìm cách thành lập cùng với chúng một tập đoàn bè phái chống lại Ban Chấp hành trung ương và Bộ Chính trị? Phải chăng sự thực là trong tập đoàn đó, Bu-kha-rin đã nói đến đường lối «tai hại» của Ban Chấp hành trung ương, đến những ý kiến bất đồng về nguyên tắc giữa Bu-kha-rin, Tôm-ski, Ru-cốp với Ban chấp hành trung ương đảng, đến sự cần thiết phải thay đổi triệt để thành phần của Bộ Chính trị trong Ban Chấp hành trung ương?

Nếu đường lối là đường lối duy nhất, thì tại sao Bu-kha-rin lại cùng với bọn tơ-rốt-kít cũ âm mưu chống lại Ban Chấp hành trung ương và tại sao Ru-cốp và Tôm-ski lại ủng hộ Bu-kha-rin trong vấn đề ấy?

Nếu đường lối tổng quát là đường lối duy nhất, thì làm sao lại có thể xảy ra tình trạng là một bộ phận này của Bộ Chính trị, bộ phận theo một đường lối tổng quát duy nhất và chung, lại âm mưu phản đối bộ phận kia của Bộ Chính trị, cũng theo cùng một đường lối tổng quát đó?

Có thể nào chấp nhận một chính sách hai mặt như thế trong khi chỉ có một đường lối tổng quát chung hay không?

Nếu đường lối là đường lối duy nhất, thì do đâu mà có bản tuyên bố của Bu-kha-rin ngày 30 tháng Giêng, hoàn toàn nhằm đả kích không chút nề nang Ban Chấp hành trung ương và đường lối tổng quát của Ban Chấp hành trung ương ?

Nếu đường lối là đường lối duy nhất, thì do đâu mà có bản tuyên bố của bộ ba (Bu-kha-rin, Ru-cốp, Tôm-ski) ngày 9 tháng Hai, trong đó họ trắng trợn dùng những lời vu khống thô bỉ để trách cứ đảng là : a) thực hành một chính sách bóc lột nông dân theo lối phong kiến và quân sự, b) thực hành chính sách nuôi dưỡng chủ nghĩa quan liêu, c) thực hành chính sách làm tan rã Quốc tế Cộng sản ?

Có lẽ những bản tuyên bố ấy là một chuyện đã qua rồi chăng ? Có lẽ hiện nay, những bản tuyên bố ấy đã bị coi là sai lầm rồi chăng ? Có lẽ Ru-cốp, Bu-kha-rin và Tôm-ski cũng đồng ý rút lui những bản tuyên bố rõ ràng là sai lầm và chống đối đảng đó rồi chăng ? Nếu vậy, thì họ cứ thẳng thắn và thật thà bảo cho chúng ta biết đi. Khi ấy thì mọi người sẽ hiểu rõ rằng đường lối của chúng ta là đường lối duy nhất, và giữa chúng ta chỉ còn những chỗ khác nhau nhỏ không đáng kể mà thôi. Nhưng họ không muốn làm như thế, những bài diễn văn của Bu-kha-rin, của Ru-cốp, và của Tôm-ski đều chứng tỏ điều đó. Không những họ không muốn làm như thế, mà họ còn không có ý định, ngay cả sau này nữa, từ bỏ những bản tuyên bố đó của họ : họ muốn cứ giữ những ý kiến đã nêu ra trong các bản tuyên bố đó.

Vậy thì đường lối tổng quát duy nhất, chung, là ở đâu ?

Nếu đường lối là đường lối duy nhất, và nếu đường lối của đảng, theo như lời của nhóm Bu-kha-rin, là thực hiện một chính sách bóc lột nông dân theo lối phong kiến và quân sự, thì có thật là Bu-kha-rin, Ru-cốp và Tôm-ski lại muốn cùng với chúng ta, thực hiện chính sách tai hại đó mà lại không đấu tranh chống lại chính sách đó chăng ? Điều đó quả là một điều vô lý.

Nếu đường lối là đường lối duy nhất và nếu đường lối của đảng, theo như lời của nhóm đối lập Bu-kha-rin, là nuôi dưỡng

chủ nghĩa quan liêu, thì có thật là Ru-cốp, Bu-kha-rin, Tôm-ski lại muốn cùng với chúng ta, nuôi dưỡng chủ nghĩa quan liêu cho đảng, mà lại không đấu tranh chống chủ nghĩa đó chăng? Đó là điều vô lý.

Nếu đường lối là đường lối duy nhất và đường lối của đảng, theo lời của nhóm đối lập Bu-kha-rin, là làm tan rã Quốc tế cộng sản, thì có thật là Ru-cốp, Bu-kha-rin là Tôm-ski lại muốn cùng với chúng ta, làm tan rã Quốc tế Cộng sản, mà họ lại không đấu tranh chống chính sách làm tan rã Quốc tế Cộng sản đó chăng? Làm sao mà tin được một điều vô lý đến như thế?

Không, các đồng chí ạ, có một cái gì không ổn trong bản tuyên bố của Ru-cốp về sự tồn tại của một đường lối duy nhất và chung ở nước ta. Muốn nói gì thì nói, nhưng nếu cứ căn cứ vào những sự thật tôi vừa trình bày về những bản tuyên bố và về hành động của nhóm Bu-kha-rin, mà bảo đường lối là đường lối duy nhất và chung thì không ổn tý nào cả.

Nếu đường lối là đường lối duy nhất, thì do đâu mà có chính sách từ chức của Bu-kha-rin, Ru-cốp và Tôm-ski? Có thể nào quan niệm được rằng đã có một đường lối tổng quát chung rồi mà một bộ phận của Bộ Chính trị lại còn nhiều lần khăng khăng từ chối không thi hành các nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương đảng, và từ sáu tháng nay, lại cứ tiếp tục phá hoại công tác trong đảng, hay không? Do đâu mà có cái chính sách từ chức có tính chất phá rối tổ chức đó mà một bộ phận của Bộ Chính trị đã theo đuổi một cách có phương pháp, nếu quả đường lối tổng quát của chúng ta thực sự là một đường lối duy nhất và chung?

Trong lịch sử đảng ta cũng đã có những thí dụ về chính sách từ chức đó. Như mọi người đều biết là ngay sau Cách mạng tháng Mười, một bộ phận đồng chí, do Ca-mê-nép và Di-nô-vi-ép cầm đầu, đã từ chối không nhận các chức vụ trao cho họ, đồng thời cứ nằng nặc đòi phải thay đổi chính sách của đảng. Mọi người đều biết rằng lúc bấy giờ họ biện minh cho chính sách từ chức bằng cách nêu ra sự cần thiết cấp bách phải thành lập một chính phủ liên hiệp với bọn men-sê-vích

và bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng, trái với chính sách của Ban Chấp hành trung ương đảng ta là định thành lập một chính phủ thuần túy bôn-sê-vích. Nhưng thời bấy giờ, chính sách từ chức còn có ý nghĩa, vì nó còn dựa trên sự tồn tại của hai đường lối khác nhau, một đường lối là thành lập một chính phủ thuần túy bôn-sê-vích, và một đường lối khác là thành lập một chính phủ liên hiệp với bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa cách mạng. Trước kia thì điều ấy là rõ ràng và có thể hiểu được. Nhưng hiện nay mà nhóm đối lập Bu-kha-rin, một mặt tuyên bố rằng đường lối tổng quát là đường lối duy nhất, nhưng mặt khác lại thực hiện chính sách từ chức, bắt chước cái lối của Di-nô-vi-ép và Ca-mê-nép trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười, thì điều đó không hề có, và tuyệt nhiên không có một tí gì là lô-gích cả.

Trong hai điều, tất phải là một : hoặc đường lối là đường lối duy nhất, — như vậy thì không sao hiểu được và giải thích được chính sách từ chức của Bu-kha-rin và bạn hữu của đồng chí ấy ; hoặc là chúng ta có hai đường lối, — như vậy thì hoàn toàn có thể hiểu được và giải thích được chính sách từ chức đó.

Nếu đường lối là đường lối duy nhất, thì do đâu mà bộ ba trong Bộ Chính trị, — Rư-cốp, Bu-kha-rin và Tôm-ski, — lại nghĩ rằng họ có thể *không biểu quyết* trong cuộc biểu quyết tại Bộ Chính trị để thông qua các đề cương cơ bản về kế hoạch năm năm và vấn đề nông dân ? Khi mọi người đều tuân theo một đường lối tổng quát duy nhất, mà một bộ phận đồng chí lại không biểu quyết về những vấn đề cơ bản trong chính sách kinh tế, thử hỏi có bao giờ xảy ra như thế chăng ? Không, các đồng chí, trên thế giới chưa từng có những chuyện kỳ lạ như thế bao giờ.

Cuối cùng, nếu đường lối là đường lối duy nhất, và nếu chỉ có những chỗ khác nhau nhỏ thôi, thì tại sao các đồng chí trong nhóm đối lập Bu-kha-rin, — Bu-kha-rin, Rư-cốp, Tôm-ski, — lại không đồng ý nhận bản hòa giải mà Ủy ban của Bộ Chính trị đã đề nghị với họ ngày 7 tháng Hai vừa qua ? Bản hòa giải đó đã mở ra cho nhóm Bu-kha-rin một lối thoát hoàn

toàn có thể nhận được để ra khỏi chỗ bế tắc mà chính nhóm ấy đã tự dấn thân vào, điều đó phải chăng là một sự thực?

Đây là nguyên văn bản hòa giải do đa số Ban Chấp hành trung ương đề ra, *ngày 7 tháng Hai* vừa qua :

Theo sự trao đổi ý kiến đã tiến hành trong Ủy ban thì kết quả là :

1) Bu-kha-rin thừa nhận rằng những cuộc thương lượng với Ca-mê-nép là một sai lầm chính trị ;

2) Bu-kha-rin thừa nhận rằng những lời quyết đoán trong « bản tuyên bố » của mình ngày 30 tháng Giêng 1929 cho rằng Ban Chấp hành trung ương thực ra đã thực hiện một chính sách « bóc lột nông dân theo lối phong kiến và quân sự », là những lời sẽ làm tan rã Quốc tế Cộng sản và sẽ nuôi dưỡng chủ nghĩa quan liêu trong đảng ; thừa nhận rằng đồng chí ấy đã phát biểu tất cả những lời quyết đoán ấy trong một lúc thiếu suy nghĩ, trong khi tranh luận quá hăng, rằng nay đồng chí ấy không giữ những lời quyết đoán ấy và nhận rằng không có những ý kiến bất đồng với Ban Chấp hành trung ương về điểm ấy ;

3) do đó, Bu-kha-rin thừa nhận rằng sự hợp tác công tác trong Bộ Chính trị là điều có thể thực hiện được và tất yếu ;

4) Bu-kha-rin rút đơn từ chức của mình ở báo *Sự thật* cũng như ở Quốc tế Cộng sản ra ;

5) do đó Bu-kha-rin xin rút lời tuyên bố của mình ngày 30 tháng Giêng.

Căn cứ vào những lời vừa trình bày, Ủy ban nhận định rằng có thể không đưa ra trước hội nghị liên tịch giữa Bộ Chính trị và Chủ tịch đoàn Ban Kiểm tra trung ương bản dự thảo nghị quyết phê phán về mặt chính trị những sai lầm của Bu-kha-rin, và đề nghị với hội nghị liên tịch giữa Bộ Chính trị và Chủ tịch đoàn Ban Kiểm tra trung ương rút ra khỏi hồ sơ tất cả những tài liệu hiện có (bản ghi tốc ký các bài diễn văn, v.v..)

Ủy ban đề nghị với Bộ Chính trị và Chủ tịch đoàn Ban Kiểm tra trung ương bảo đảm cho Bu-kha-rin tất cả những điều kiện cần thiết để đồng chí ấy công tác được bình thường tại chức vụ tổng biên tập báo *Sự thật* và thư ký Ban Chấp hành của Quốc tế Cộng sản.

Nếu đường lối của chúng ta thật sự là đường lối duy nhất, và nếu giữa chúng ta chỉ có những chỗ khác nhau nhỏ không đáng kể thôi, thì tại sao Bu-kha-rin và bạn hữu của đồng chí

ấy đã từ chối bản hòa giải ấy ? Đáng lẽ Bu-kha-rin và bạn hữu của đồng chí ấy phải cố hết sức bám lấy bản hòa giải do Bộ Chính trị đề ra, để chấm dứt tình hình nghiêm trọng trong nội bộ đảng, và gây một không khí làm việc nhất trí và chặt chẽ trong Bộ Chính trị, phải chăng điều đó là điều khó hiểu ?

Người ta nói đến sự thống nhất của đảng, đến lối làm việc tập thể trong Bộ Chính trị. Nhưng ai mà muốn đạt được sự thống nhất thực sự và quan tâm đến lối làm việc tập thể, tất phải nhận bản hòa giải ấy, đó chẳng phải là điều dĩ nhiên hay sao ? Tại sao Bu-kha-rin và bạn hữu của đồng chí ấy đã từ chối bản hòa giải đó ?

Nếu đường lối của chúng là đường lối duy nhất, thì đã chẳng có bản tuyên bố của bộ ba đề ngày 9 tháng Hai, cũng chẳng có việc Bu-kha-rin và bạn hữu của đồng chí ấy từ chối không nhận bản hòa giải do Bộ Chính trị của Ban Chấp hành trung ương đề ra, điều đó há chẳng hiển nhiên hay sao ?

Không, các đồng chí, nếu xét đến những sự kiện trình bày trên đây, thì những điều các đồng chí nói về đường lối duy nhất và chung là không ổn rồi.

Vậy là trên thực tế, không phải chúng ta có một đường lối duy nhất, mà có hai đường lối, một đường lối của Ban Chấp hành trung ương và một đường lối khác của nhóm Bu-kha-rin.

Trong bài diễn văn của mình, Ru-cốp đã nói một điều phản lại sự thật, khi đồng chí ấy tuyên bố rằng chúng ta có một đường lối tổng quát duy nhất. Như vậy là đồng chí ấy muốn che giấu đường lối riêng của mình là đường lối khác với đường lối của đảng, để ngấm ngầm phá hoại đường lối của đảng. Chính sách cơ hội chủ nghĩa, chính là chính sách lẩn tránh những sự bất đồng ý kiến, xoa dịu tình hình thực tế trong nội bộ đảng, che giấu lập trường riêng của mình và làm cho đảng không thể nào hoàn toàn thấy rõ tình hình.

Chủ nghĩa cơ hội dùng chính sách ấy để làm gì ? Để thực tế thực hiện đường lối riêng của mình, đường lối khác với đường lối của đảng, bằng cách nấp sau những lời ba hoa về sự

thống nhất của đường lối. Ru-cốp đã đứng trên quan điểm cơ hội chủ nghĩa ấy trong bài diễn văn của mình tại phiên họp toàn thể lần này của hội nghị liên tịch giữa Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương.

Các đồng chí có muốn biết đồng chí Lê-nin đã định nghĩa người cơ hội chủ nghĩa nói chung, trong một bài báo của Người như thế nào không ? Đó là một định nghĩa quan trọng đối với chúng ta, không phải chỉ vì nó có một ý nghĩa tổng quát, mà còn vì nó hoàn toàn thích dụng để chỉ Ru-cốp nữa.

Đây là lời Lê-nin nói về những đặc điểm của chủ nghĩa cơ hội và của bọn cơ hội chủ nghĩa :

« Khi nói đến đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, thì không bao giờ được quên đặc điểm của tất cả cái chủ nghĩa cơ hội hiện đại trong mọi lĩnh vực là : nó mơ hồ, lờ mờ và không thể nào hiểu nổi được. Do bản chất của hắn, người cơ hội chủ nghĩa bao giờ cũng tránh đặt vấn đề một cách rõ ràng và dứt khoát ; bao giờ hắn cũng tìm con đường trung dung, hắn quanh co uốn khúc như con rắn nước giữa hai quan điểm đối chọi nhau, hắn tìm cách « thỏa thuận » với cả quan điểm này lẫn quan điểm kia, và hắn rút những sự bất đồng ý kiến của hắn lại thành những điều sửa đổi nhỏ nhặt, những sự hoài nghi, những điều nguyện vọng thành tâm và vô hại, v.v. » (xem tập VI, tr. 320)*.

Đó là bộ mặt của người cơ hội chủ nghĩa là kẻ sợ sự rõ ràng và sự chính xác, và tìm cách che giấu chân tướng của sự vật, xoa dịu những ý kiến bất đồng thực sự trong đảng.

Đúng, các đồng chí, phải biết nhìn thẳng vào thực tế, dù thực tế có chua chát đến đâu đi nữa. Cần xin thượng đế giữ cho chúng ta đừng nhiễm phải cái bệnh sợ sự thật. Vả lại, những người bôn-sê-vích khác mọi chính đảng khác, chính là ở chỗ họ không sợ sự thật, không sợ nhìn thẳng vào sự thật, dù sự thật đắng cay đến đâu đi nữa. Mà trong trường hợp đặc biệt này, thì sự thật là trên thực tế, chúng ta không có đường lối chung. Có một đường lối, đường lối của đảng, đường lối

* Xem V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 7, tr. 373. *(B.T.)*

cách mạng, lê-nin-nít. Nhưng song song với đường lối ấy lại có một đường lối khác tức là đường lối của nhóm Bu-kha-rin, đường lối chống lại đường lối của đảng bằng những lời tuyên bố thù địch với đảng, bằng những biện pháp từ chức, bằng những lời vu khống bịa ra để chống đảng, bằng các cuộc thương lượng bí mật với bọn tơ-rốt-kít cũ nhằm thành lập một khối chống đảng. Đường lối thứ hai đó là một đường lối cơ hội chủ nghĩa.

Đó là một sự thực mà bất cứ những bài diễn văn ngoại giao nào hay những lời tuyên bố tế nhị về sự tồn tại của một đường lối duy nhất và v.v. cũng không sao che giấu được.

II

NHỮNG SỰ THAY ĐỔI TRONG QUAN HỆ GIAI CẤP VÀ NHỮNG Ý KIẾN BẤT ĐỒNG GIỮA CHÚNG TA

Những ý kiến bất đồng giữa chúng ta là ở chỗ nào ? Những ý kiến bất đồng đó gắn liền với những cái gì ?

Trước hết, nó gắn liền với những sự thay đổi xảy ra, thời gian vừa qua, trong quan hệ giai cấp, — ở nước ta và ở các nước tư bản chủ nghĩa. Một số đồng chí nghĩ rằng những ý kiến bất đồng trong đảng ta có tính chất ngẫu nhiên. Thưa các đồng chí, điều đó không đúng. Hoàn toàn không đúng. Những ý kiến bất đồng trong đảng ta đã nảy sinh trên cơ sở những sự thay đổi xảy ra trong quan hệ giai cấp, trên cơ sở sự gay gắt đã phát sinh trong đấu tranh giai cấp trong thời gian vừa qua và đã dẫn đến một bước ngoặt trong quá trình phát triển.

Sai lầm chủ yếu của nhóm Bu-kha-rin là ở chỗ họ không thấy những sự thay đổi ấy cũng như không thấy bước ngoặt ấy ; họ không nhìn thấy và không muốn thấy những sự thay đổi và bước ngoặt ấy. Đó là nguyên nhân khiến họ không hiểu những nhiệm vụ mới của đảng và của Quốc tế Cộng sản, và đặc điểm của nhóm đối lập Bu-kha-rin là ở chỗ không hiểu như thế.

Những người cầm đầu nhóm đối lập Bu-kha-rin, trong các bài diễn văn của họ tại hội nghị toàn thể liên tịch giữa Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương, đã hoàn toàn lờ đi không nói đến những sự thay đổi trong quan hệ giai cấp ở nước ta, họ không hề đả động đến sự gay gắt thêm của cuộc đấu tranh giai cấp và không hề nói dù chỉ là nói bóng gió xa xôi đến sự thực là những ý kiến bất đồng giữa chúng ta chính đã gắn liền với sự gay gắt thêm của cuộc đấu tranh giai cấp, các đồng chí có nhận thấy điều đó không ? Họ nói đến mọi vấn đề, nói đến triết học, nói đến lý luận, nhưng họ không hề nói một lời nào về những sự thay đổi trong quan hệ giai cấp, những sự thay đổi đang quyết định phương châm và công tác thực tiễn của đảng ta hiện nay.

Làm thế nào giải thích được cái hiện tượng kỳ quặc ấy ? Có lẽ vì họ quên chăng ? Đương nhiên không phải là họ quên ! Các nhà chính trị không thể nào quên điều chủ yếu được. Đó chính là vì do chỗ họ không thấy và không hiểu các quá trình cách mạng mới hiện nay đang diễn ra chung quanh chúng ta, trong nước ta, cũng như ở các nước tư bản chủ nghĩa. Đó là do chỗ họ đã không nhận thấy điều cơ bản, họ đã không nhận thấy những sự thay đổi trong quan hệ giai cấp mà một nhà chính trị không có quyền không nhận thấy. Chính đó là nguyên nhân khiến nhóm đối lập Bu-kha-rin đã tỏ ra lúng túng và bất lực trước những nhiệm vụ mới của đảng ta.

Các đồng chí hãy nhớ lại những sự kiện xảy ra gần đây trong đảng ta. Các đồng chí hãy nhớ lại những khẩu hiệu do đảng đã đề ra trong thời gian vừa qua, nhân những sự thay đổi mới trong quan hệ giai cấp ở nước ta. Tôi nói đến những khẩu hiệu như khẩu hiệu *tự phê bình*, tăng cường *đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu và thanh trừng bộ máy xô-viết*, khẩu hiệu *đào tạo cán bộ kinh tế mới và chuyên gia đỏ*, khẩu hiệu tăng cường cuộc *vận động vào nông trang tập thể và nông trường quốc doanh*, khẩu hiệu *tấn công cu-lắc*, khẩu hiệu *giảm giá thành sản phẩm* và *cải tiến* triệt để *công tác thực tiễn của công đoàn*, khẩu hiệu *thanh đảng*, *v.v.* Những khẩu hiệu ấy đã

làm cho một số đồng chí kinh ngạc và choáng váng. Song, lúc ấy, những khẩu hiệu đó là những khẩu hiệu cần thiết nhất và cấp bách nhất của đảng, điều đó thật là rõ ràng.

Bắt đầu là như thế này: nhân vụ Sa-khơ-tư[2], chúng ta lại đặt vấn đề cán bộ kinh tế mới, vấn đề đào tạo chuyên gia đỏ tuyển trong giai cấp công nhân và sẽ thay thế các chuyên gia cũ.

Vụ Sa-khơ-tư đã chứng tỏ gì? Chứng tỏ rằng giai cấp tư sản còn lâu mới bị đánh bại hoàn toàn, rằng nó đang tổ chức và sẽ còn tổ chức phá hoại công cuộc xây dựng kinh tế của ta; rằng các tổ chức kinh tế, tổ chức công đoàn của chúng ta và một bộ phận các tổ chức đảng đã không nhận thấy việc phá hoại ngấm ngầm của kẻ thù giai cấp của chúng ta; chứng tỏ rằng, do đó, phải đem hết lực lượng của chúng ta, dùng mọi cách để tăng cường và cải tiến các tổ chức của chúng ta, bằng cách đề cao và tăng cường tinh thần cảnh giác giai cấp của các tổ chức ấy.

Do đó mà ta đã đề lên hàng đầu khẩu hiệu *tự phê bình*. Tại sao? Vì không tài nào cải tiến được các tổ chức kinh tế, các tổ chức công đoàn và các tổ chức đảng của chúng ta, không tài nào xúc tiến được sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và tăng cường trấn áp sự phá hoại của giai cấp tư sản, nếu không mở rộng triệt để phê bình và tự phê bình, nếu không để cho quần chúng kiểm tra công tác của các tổ chức của chúng ta. Vả lại việc phá hoại đã xảy ra và còn tiếp tục xảy ra, không những chỉ ở vùng mỏ, mà còn cả trong ngành luyện kim, cả trong ngành công nghiệp chiến tranh, cả trong Bộ dân ủy Giao thông, trong công nghiệp vàng và bạch kim, v.v.., v.v.., đó là một sự thực. Do đó mà ta đã đề ra khẩu hiệu tự phê bình.

Sau nữa, do gặp khó khăn trong việc thu mua lúa mì, do bọn cu-lắc hoạt động chống lại chính sách xô-viết về giá cả, chúng ta đã tập trung chú ý tới việc dùng mọi biện pháp để phát triển các nông trang tập thể và các nông trường quốc doanh, đến việc tấn công bọn cu-lắc, tổ chức việc thu mua lúa mì, bằng cách dùng áp lực đối với những phần tử cu-lắc và những phần tử khá giả.

Những khó khăn trong việc thu mua lúa mì đã chứng tỏ gì? Chứng tỏ rằng bọn cu-lắc còn tinh táo, bọn cu-lắc đang phát triển, đang ngấm ngầm phá hoại chính sách của Chính quyền xô-viết, trong khi đó thì các tổ chức của đảng, của Nhà nước và các tổ chức hợp tác xã, hay ít ra thì cũng là một bộ phận các tổ chức ấy, hoặc không nhìn thấy kẻ thù, hoặc thích nghi với kẻ thù mà không đấu tranh với chúng.

Do đó, lại phải nhấn mạnh vào khẩu hiệu tự phê bình, khẩu hiệu kiểm tra và cải tiến các tổ chức đảng của chúng ta, các tổ chức hợp tác xã và, nói chung, các cơ quan thu mua.

Sau nữa, nhân những nhiệm vụ mới về cải tạo công nghiệp và nông nghiệp trên cơ sở chủ nghĩa xã hội, nên đã nảy sinh ra khẩu hiệu không ngừng hạ giá thành sản phẩm, khẩu hiệu tăng cường kỷ luật lao động, khẩu hiệu đẩy mạnh thi đua xã hội chủ nghĩa, v.v. Những nhiệm vụ ấy đòi hỏi phải cải tạo lại toàn bộ hoạt động thực tiễn của các công đoàn và bộ máy xô-viết, phải triệt để chấn hưng các tổ chức ấy và quét sạch những phần tử quan liêu chủ nghĩa ra khỏi các tổ chức ấy.

Do đó, phải nhấn mạnh vào khẩu hiệu đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu trong các công đoàn và bộ máy xô-viết.

Cuối cùng, xin bàn đến khẩu hiệu thanh đảng. Tưởng tượng rằng có thể làm cho các tổ chức hành chính, kinh tế, công đoàn và hợp tác xã của chúng ta mạnh lên, rằng có thể quét sạch khỏi các tổ chức ấy những rác rưởi của chủ nghĩa quan liêu, mà lại không rèn luyện chính ngay đảng, thì thật là buồn cười. Không phải chỉ trong các tổ chức kinh tế, hợp tác xã, công đoàn và hành chính mới có những phần tử quan liêu chủ nghĩa, mà cả trong các tổ chức đảng cũng có những phần tử đó nữa, điều đó không còn nghi ngờ gì được. Nếu đảng là lực lượng lãnh đạo tất cả các tổ chức ấy, thì rõ ràng việc thanh đảng là điều kiện cần thiết, không có điều kiện đó thì không tài nào chấn hưng và triệt để cải thiện tất cả các tổ chức khác của giai cấp công nhân được. Do đó phải đề ra khẩu hiệu thanh đảng.

Những khẩu hiệu ấy có phải là ngẫu nhiên không? Đương nhiên là không. Các đồng chí cũng tự thấy rằng những khẩu

hiệu ấy không phải là ngẫu nhiên. *Đó là những khâu tất yếu trong một sợi xích duy nhất không thể chia cắt được, gọi là cuộc tấn công của chủ nghĩa xã hội chống những phần tử của chủ nghĩa tư bản.*

Trước hết, những khẩu hiệu đó gắn liền với thời kỳ cải tạo công nghiệp và nông nghiệp của chúng ta trên cơ sở chủ nghĩa xã hội. Song, cải tạo kinh tế quốc dân trên cơ sở chủ nghĩa xã hội là gì ? Đó là cuộc tấn công của chủ nghĩa xã hội chống những phần tử tư bản chủ nghĩa trong kinh tế quốc dân trên khắp chiến tuyến. Đó là một trong những bước tiến quan trọng nhất của giai cấp công nhân nước ta trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng muốn cải tạo được như thế, trước hết phải nâng cao chất lượng và củng cố cán bộ xây dựng chủ nghĩa xã hội, cán bộ trong các tổ chức kinh tế, hành chính và công đoàn cũng như cán bộ trong đảng và trong các hợp tác xã ; phải rèn luyện tất cả các tổ chức của chúng ta, làm cho các tổ chức đó trong sạch không bị các thứ rác rưởi làm nhơ bẩn ; phải nâng cao tính tích cực của đông đảo quần chúng trong giai cấp công nhân và nông dân.

Sau nữa, những khẩu hiệu ấy gắn liền với sự kháng cự của các phần tử tư bản chủ nghĩa trong kinh tế quốc dân trước sự tấn công của chủ nghĩa xã hội. Không thể coi vụ Sa-khơ-tư là một việc ngẫu nhiên được. Hiện nay, những « tên phá hoại đầu sỏ ở Sa-khơ-tư » đang hoạt động trong mọi ngành công nghiệp của chúng ta. Nhiều tên trong bọn chúng đã bị tóm cổ, nhưng chưa phải là hết, còn chán mới hết được. Sự phá hoại của bọn trí thức tư sản là một trong những hình thức phản kháng nguy hiểm nhất đối với bước tiến lên của chủ nghĩa xã hội. Sự phá hoại sở dĩ càng nguy hiểm hơn là vì nó có liên hệ với tư bản quốc tế. Sự phá hoại của giai cấp tư sản chứng tỏ một cách không thể chối cãi được rằng những phần tử tư bản chủ nghĩa chưa chịu hạ vũ khí, còn lâu chúng mới hạ vũ khí ; rằng chúng đang tập hợp lực lượng nhằm mở những đợt tấn công mới vào Chính quyền xô-viết.

Còn về vấn đề những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, thì lại càng không thể coi hoạt động suốt hơn một năm nay của

bọn cu-lắc chống lại chính sách xô-viết về giá cả là một việc ngẫu nhiên được. Mãi đến nay mà lắm người còn chưa hiểu được tại sao, trước năm 1927, bọn cu-lắc bán lúa mì một cách tự phát, còn sau năm 1927, chúng lại thôi không bán nữa. Nhưng không có gì đáng ngạc nhiên cả. Trước kia, bọn cu-lắc còn tương đối yếu, chúng chưa có khả năng tổ chức hẳn hoi kinh tế của chúng ; chúng không đủ vốn liếng để củng cố kinh tế của chúng, do đó chúng buộc phải đem bán tất cả lương thực thừa, hay ít ra thì cũng phải đem bán ngũ cốc chúng đã sản xuất ra. Nhưng ngày nay, sau mấy năm được mùa liên tiếp bọn cu-lắc đã bố trí được chu đáo kinh tế của chúng, tích lũy được vốn liếng cần thiết, đã có thể giở được thủ đoạn trên thị trường, chúng có thể để ra một số lúa mì, tức là vật quý trong số các vật quý, để làm của dự trữ ; mà chỉ thích đem bán thịt, lúa kiều mạch, lúa đại mạch và những sản phẩm phụ khác thôi. Hiện nay mà hy vọng rằng bọn cu-lắc sẽ tự nguyện bán lúa mì, thì thật là buồn cười.

Đó là nguyên nhân sâu xa của việc bọn cu-lắc chống đối lại chính sách của Chính quyền xô-viết.

Song, sự phản kháng của những phần tử tư bản chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn trước cuộc tấn công của chủ nghĩa xã hội là gì ? Đó là việc những kẻ thù giai cấp của giai cấp vô sản bố trí lại lực lượng nhằm mục đích bảo vệ chế độ cũ, chống lại chế độ mới. Rất dễ hiểu rằng tình trạng ấy không thể không làm cho cuộc đấu tranh giai cấp trở nên gay gắt hơn. Nhưng muốn đập tan sự phản kháng của kẻ thù giai cấp và dọn đường cho chủ nghĩa xã hội tiến lên, thì ngoài những biện pháp khác, còn phải rèn luyện các tổ chức của chúng ta, quét sạch chủ nghĩa quan liêu ra khỏi các tổ chức ấy, nâng cao chất lượng cán bộ và động viên đông đảo quần chúng trong giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động ở nông thôn chống lại những phần tử tư bản chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn.

Các khẩu hiệu hiện nay của đảng ta đã nảy sinh trên cơ sở những sự thay đổi ấy trong quan hệ giai cấp.

Đối với những sự thay đổi trong quan hệ giai cấp tại các nước tư bản chủ nghĩa thì cũng phải nói như vậy. Tưởng rằng tình trạng ổn định của chủ nghĩa tư bản không thay đổi, thì thật là buồn cười. Hơn nữa, quả quyết rằng tình trạng ổn định đó ngày càng được củng cố, ngày càng vững chắc, thì lại càng buồn cười. Kỳ thực, tình trạng ổn định của chủ nghĩa tư bản, từng tháng, từng ngày bị phá hủy và lung lay hơn lên. Cuộc đấu tranh giành thị trường ở nước ngoài và nguyên liệu trở nên gay gắt, vũ trang được tăng cường, những đối kháng giữa Anh và Mỹ tăng thêm, chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô phát triển, giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa ngả về phía tả, các cuộc bãi công và các trận đấu tranh giai cấp tại các nước châu Âu nổi lên như sóng cuộn, phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, gồm cả Ấn-độ, phát triển, chủ nghĩa cộng sản phát triển ra khắp các nước trên thế giới, — bấy nhiêu sự kiện chứng tỏ không thể chối cãi được rằng tại các nước của chủ nghĩa tư bản, những yếu tố của một cao trào cách mạng mới đang lớn lên.

Do đó, cần phải tăng cường đấu tranh chống đảng xã hội-dân chủ và, trước tiên, chống cánh « tả » của nó, chỗ dựa xã hội của chủ nghĩa tư bản.

Do đó, cần phải tăng cường đấu tranh trong các đảng cộng sản chống những phần tử hữu khuynh, tức là những kẻ gieo rắc ảnh hưởng xã hội-dân chủ.

Do đó, cần thiết phải tăng cường đấu tranh chống nơi ẩn nấp ấy của chủ nghĩa cơ hội trong các đảng cộng sản, tức là tinh thần điều hòa với xu hướng hữu khuynh.

Do đó, phải đề ra khẩu hiệu thanh trừ các truyền thống xã hội-dân chủ ra khỏi các đảng cộng sản.

Do đó, phải đề ra cái mà người ta gọi là sách lược mới của chủ nghĩa cộng sản trong các công đoàn.

Một số đồng chí không hiểu ý nghĩa và tầm quan trọng của những khẩu hiệu ấy. Nhưng một người mác-xít phải luôn luôn hiểu rằng nếu không thực hiện những khẩu hiệu ấy, thì không thể nghĩ tới chuyện chuẩn bị cho quần chúng vô sản tiến hành những cuộc giao tranh giai cấp mới được, không

thể nào nghĩ tới chuyện chiến thắng đảng xã hội-dân chủ được, không thể nào chọn lựa được trong phong trào cộng sản những lãnh tụ chân chính có khả năng dìu dắt giai cấp công nhân đến chỗ đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản được.

Thưa các đồng chí, đó là những sự thay đổi trong quan hệ giai cấp, ở nước ta và ở các nước tư bản chủ nghĩa, đã làm nảy sinh những khẩu hiệu hiện nay của đảng ta về chính sách đối nội cũng như về chính sách trong Quốc tế Cộng sản.

Đảng ta đã thấy rõ những sự thay đổi ấy trong quan hệ giai cấp. Đảng đã hiểu ý nghĩa của những nhiệm vụ mới và đã huy động lực lượng để thực hiện những nhiệm vụ đó. Chính vì thế mà đảng sẵn sàng đối phó với mọi biến cố. Chính vì thế mà đảng không sợ những khó khăn trước mắt, vì đảng sẵn sàng vượt qua những khó khăn đó.

Điều bất hạnh của nhóm Bu-kha-rin là nhóm đó không thấy những sự thay đổi ấy trong quan hệ giai cấp và không hiểu những nhiệm vụ mới của đảng. Và chính vì họ không hiểu, nên họ hoàn toàn bối rối, sẵn sàng trốn tránh khó khăn, lùi bước trước khó khăn, rời bỏ trận địa.

Các đồng chí có trông thấy những người đánh cá trên một con sông lớn, như sông I-ê-nít-xê-i, trước cơn bão táp chưa ? Đã nhiều lần tôi trông thấy họ. Đứng trước cơn bão táp điên cuồng, có nhóm thì huy động toàn bộ lực lượng của họ, động viên những người trong nhóm và can đảm lái con thuyền đương đầu với bão táp : « Hãy bền chí anh em ơi, giữ vững tay lái vào, rẽ sóng tiến lên, chúng ta nhất định thắng! »

Nhưng có một hạng những người đánh cá khác, nghe chừng sắp có bão, thì mất can đảm, than vãn và làm nhụt tinh thần hàng ngũ mình : « Nguy quá, sắp có bão rồi, anh em ơi nằm sát xuống đáy thuyền, nhắm mắt lại, may ra sóng sẽ đưa chúng ta vào bờ đấy ». *(Mọi người đều cười)*

Liệu còn cần phải chứng minh rằng phương châm và hành vi của nhóm Bu-kha-rin giống như đúc với phương châm và hành vi của nhóm người đánh cá thứ hai là nhóm hoảng sợ, lùi bước trước khó khăn hay không ?

Chúng ta nói rằng, ở châu Âu những điều kiện của một cao trào cách mạng mới đang chín muồi, rằng tình hình ấy đề ra cho chúng ta những nhiệm vụ mới : tăng cường đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh trong các đảng cộng sản và khai trừ khỏi đảng những phần tử hữu khuynh, đẩy mạnh đấu tranh chống tinh thần điều hòa bênh che cho xu hướng hữu khuynh, đẩy mạnh đấu tranh chống những truyền thống xã hội-dân chủ trong các đảng cộng sản, v.v., v.v. Còn Bu-kha-rin thì lại trả lời chúng ta rằng tất cả những việc đó đều chỉ là những cái vặt vãnh, rằng chẳng có nhiệm vụ mới nào cả, rằng thực ra thì vấn đề là đa số trong Ban Chấp hành trung ương muốn « đả kích tơi bời » mình (đả kích Bu-kha-rin) đấy thôi.

Chúng ta nói rằng những sự thay đổi trong quan hệ giai cấp ở nước ta đề ra cho chúng ta những nhiệm vụ mới đòi hỏi phải không ngừng hạ giá thành sản phẩm và tăng cường kỷ luật lao động trong xí nghiệp ; rằng không tài nào làm tròn những nhiệm vụ ấy nếu không triệt để thay đổi toàn bộ hoạt động thực tiễn của các công đoàn. Còn Tôm-ski lại trả lời chúng ta rằng tất cả những việc đó đều chỉ là những cái vặt vãnh ; rằng chẳng có nhiệm vụ mới nào cả ; rằng thực ra thì vấn đề là đa số trong Ban Chấp hành trung ương muốn « đả kích tơi bời » mình (đả kích Tom-ski) đấy thôi.

Chúng ta nói rằng việc cải tạo nền kinh tế quốc dân đề ra cho chúng ta những nhiệm vụ mới : tăng cường đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu trong bộ máy hành chính và kinh tế, quét sạch ra khỏi bộ máy ấy những phần tử thối nát và thù địch, bọn phá hoại, v.v.v.v. Còn Rư-cốp lại trả lời chúng ta rằng tất cả những việc đó đều chỉ là những cái vặt vãnh ; rằng chẳng có nhiệm vụ mới nào cả ; rằng thực ra thì vấn đề là đa số trong Ban Chấp hành trung ương muốn « đả kích tơi bời » mình (đả kích Rư-cốp) đấy thôi.

Các đồng chí thấy đấy, có phải là buồn cười không ? Phải chăng thật rõ ràng là Bu-kha-rin, Rư-cốp, Tôm-ski không còn trông thấy gì khác ở trên đời này ngoài cái rốn của họ không ?

Điều bất hạnh của nhóm Bu-kha-rin là không thấy những sự thay đổi mới trong quan hệ giai cấp và không hiểu những nhiệm vụ mới của đảng. Và chính vì họ không hiểu, nên họ buộc phải theo đuôi các sự biến và đầu hàng trước khó khăn.

Chính đó là gốc rễ của những ý kiến bất đồng giữa chúng ta.

III

NHỮNG Ý KIẾN BẤT ĐỒNG GIỮA CHÚNG TA VỀ CÁC VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Tôi đã nói rằng Bu-kha-rin không nhìn thấy và cũng không hiểu những nhiệm vụ mới của Quốc tế Cộng sản : khai trừ những phần tử hữu khuynh ra khỏi các đảng cộng sản, khắc phục tinh thần điều hòa và quét sạch những truyền thống xã hội-dân chủ ra khỏi các đảng cộng sản, đó là những nhiệm vụ mà những điều kiện chín muồi của cao trào cách mạng đã đề ra cho chúng ta. Những ý kiến bất đồng giữa chúng ta về những vấn đề có liên quan đến Quốc tế Cộng sản đã hoàn toàn chứng thực luận điểm đó.

Trong lĩnh vực ấy, những ý kiến bất đồng giữa chúng ta đã bắt đầu bằng cái gì ?

Bắt đầu bằng những đề cương về tình hình quốc tế mà Bu-kha-rin đã trình bày tại đại hội VI[3]. Thông thường thì các đề cương đều phải được đưa ra cho đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô xét lại trước đã. Nhưng lần này quy tắc ấy không được tôn trọng. Thành thử những đề cương ký tên Bu-kha-rin gửi đến đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, thì đồng thời cũng đã được phân phát cho các đoàn đại biểu các đảng anh em tại đại hội VI. Song rất nhiều điểm trong các đề cương đó tỏ ra thiếu sót. Đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã phải sửa đổi gần hai mươi chỗ trong các đề cương đó.

Việc ấy đã đặt Bu-kha-rin vào một tình cảnh không được như ý lắm. Nhưng lỗi tại ai ? Bu-kha-rin cần gì phải phân phát đề cương cho các đoàn đại biểu các đảng anh em trước khi được đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô xét lại kia chứ ? Đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô có thể nào lại không sửa đổi những đề cương đã tỏ ra thiếu sót đó hay sao ? Và kết quả là như thế này: thực tế là đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã đưa ra những đề cương mới về tình hình quốc tế, và các đoàn đại biểu các nước đã đem đối lập những đề cương mới ấy với những đề cương cũ ký tên Bu-kha-rin. Tình cảnh không được như ý đó không thể nào xảy ra được, nếu Bu-kha-rin đừng vội vã gửi những đề cương của mình cho các đoàn đại biểu các nước.

Tôi muốn nêu ra bốn điểm chủ yếu mà đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã sửa chữa trong các đề cương của Bu-kha-rin. Tôi muốn nêu ra những điểm sửa chữa chủ yếu ấy để vạch rõ hơn nữa tính chất của những ý kiến bất đồng giữa chúng ta trong các vấn đề có liên quan đến Quốc tế Cộng sản.

Vấn đề thứ nhất là vấn đề tính chất ổn định của chủ nghĩa tư bản. Cứ theo như các đề cương của Bu-kha-rin thì hiện nay không có cái gì mới đã nảy sinh ra và làm lay chuyển tình trạng ổn định của chủ nghĩa tư bản cả ; trái lại chủ nghĩa tư bản đang *tự cải tạo*, và trên căn bản, địa vị của nó tương đối *vững vàng*. Rõ ràng là đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô không thể nào đồng ý với sự đánh giá như thế về thời kỳ gọi là thời kỳ thứ ba, tức là thời kỳ chúng ta đang sống hiện nay. Đoàn không thể nào đồng ý về điểm đó được vì thừa nhận sự đánh giá như thế về thời kỳ thứ ba sẽ khiến cho những người phê bình chúng ta có thể nói rằng chúng ta chấp nhận quan điểm mà người ta gọi là « sự hồi phục » của chủ nghĩa tư bản, tức là quan điểm của Hin-phéc-đinh, quan điểm mà chúng ta, những người cộng sản, chúng ta không thể nào chủ trương được. Cũng vì thế mà đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã sửa đổi lại rằng tình trạng ổn

định của chủ nghĩa tư bản không vững vàng và không thể vững vàng được, rằng tiến trình của các sự biến đang lay chuyển nó và sẽ tiếp tục lay chuyển nó vì khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới đã trở nên gay gắt hơn.

Các đồng chí, vấn đề ấy có một ý nghĩa quyết định đối với các chi bộ trong Quốc tế Cộng sản. Tình trạng ổn định của chủ nghĩa tư bản bị lay chuyển hay được củng cố, — toàn bộ đường lối trong công tác chính trị hàng ngày của các đảng cộng sản đều do nhận định đó quyết định. Chúng ta đang trải qua một thời kỳ thoái trào cách mạng, một thời kỳ đơn thuần tập hợp lực lượng, hay là chúng ta đang trải qua một thời kỳ mà những điều kiện của một cao trào cách mạng đang chín muồi, một thời kỳ chuẩn bị cho giai cấp công nhân bước vào những cuộc giao tranh giai cấp sắp đến ? — Đường lối sách lược của các đảng cộng sản sẽ do nhận định đó quyết định. Điểm sửa đổi do đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã đề ra và sau đó đã được đại hội thông qua, sở dĩ đúng là vì nó đề xuất ra đường lối rõ rệt căn cứ vào triển vọng thứ hai, căn cứ vào triển vọng là các điều kiện của một cao trào cách mạng mới đang chín muồi.

Vấn đề thứ hai là vấn đề cuộc đấu tranh chống đảng xã hội-dân chủ. Các đề cương của Bu-kha-rin cho rằng đấu tranh chống đảng xã hội-dân chủ là một trong những nhiệm vụ cơ bản của các chi bộ trong Quốc tế Cộng sản. Dĩ nhiên như thế là đúng. Nhưng chưa đủ. Muốn tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh chống đảng xã hội-dân chủ, cần phải nhấn mạnh vào ý nghĩa quan trọng của việc đấu tranh chống cái gọi là phái « tả » trong đảng xã hội-dân chủ, chống chính cái phái « tả » đã vận dụng những câu « tả » mà lừa bịp quần chúng công nhân, ngăn cản họ xa lìa đảng xã hội-dân chủ. Rõ ràng là nếu không đập cho tan nát bọn xã hội-dân chủ « tả phái » đi, thì không tài nào chiến thắng được đảng xã hội-dân chủ nói chung được. Vậy mà những đề cương của Bu-kha-rin lại đã hoàn toàn làm ngơ không nói gì đến vấn đề những người xã hội-dân chủ « tả phái » cả. Cố nhiên, đó là một thiếu sót nghiêm trọng. Do đó, đoàn đại biểu Đảng cộng sản

(b) toàn Liên-xô đã phải sửa đổi thích đáng các đề cương của Bu-kha-rin, sửa đổi mà sau đó đại hội đã thông qua.

Vấn đề thứ ba là vấn đề tinh thần điều hòa của các chi bộ trong Quốc tế Cộng sản. Các đề cương của Bu-kha-rin có nói đến sự cần thiết phải đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh, nhưng không có lấy một câu nào nói về sự đấu tranh chống tinh thần điều hòa với xu hướng hữu khuynh cả. Cố nhiên, đó là một thiếu sót nghiêm trọng. Sự thật là khi người ta tuyên chiến với xu hướng hữu khuynh, thì những phần tử hữu khuynh thường trá hình thành những phần tử điều hòa và đặt đảng vào một hoàn cảnh khó xử. Muốn đề phòng thủ đoạn ấy của các phần tử hữu khuynh, cần phải đặt vấn đề cương quyết đấu tranh chống tinh thần điều hòa. Chính vì thế mà đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô thấy cần thiết phải sửa đổi thích đáng các đề cương của Bu-kha-rin, sửa đổi mà sau đó đại hội đã thông qua.

Vấn đề thứ tư là vấn đề kỷ luật trong đảng. Các đề cương của Bu-kha-rin không đả động gì đến sự cần thiết phải giữ một kỷ luật sắt trong các đảng cộng sản. Thiếu sót này cũng có một ý nghĩa quan trọng của nó. Tại sao? Bởi vì trong thời kỳ tăng cường đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh, trong thời kỳ thực hiện khẩu hiệu quét sạch những phần tử cơ hội chủ nghĩa ra khỏi các đảng cộng sản, thì những phần tử hữu khuynh thường tổ chức thành bè phái, thiết lập kỷ luật bè phái riêng của họ mà đả phá và phá hoại kỷ luật trong đảng. Muốn đề phòng cho đảng tránh được những thủ đoạn bè phái của những phần tử hữu khuynh, thì cần phải đặt vấn đề kỷ luật sắt trong đảng và vấn đề đảng viên tuyệt đối phục từng kỷ luật ấy. Không thế, thì đừng có hòng đấu tranh quyết liệt chống xu hướng hữu khuynh. Chính vì thế nên đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã sửa đổi thích đáng các đề cương của Bu-kha-rin, sửa đổi mà sau đó đại hội VI đã thông qua.

Chúng ta có thể nào không sửa đổi như vậy các đề cương của Bu-kha-rin hay chăng? Rõ ràng là chúng ta không thể không sửa đổi được. Xưa kia, có người nói về nhà triết học

Pơ-la-tông rằng : Chúng tôi yêu Pơ-la-tông, nhưng chúng tôi lại yêu chân lý hơn nữa. Cũng có thể nói như vậy đối với Bu-kha-rin : Chúng ta yêu Bu-kha-rin, nhưng chúng ta lại yêu chân lý, đảng, Quốc tế Cộng sản hơn nữa. Chính vì thế nên đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã buộc phải sửa đổi các đề cương của Bu-kha-rin.

Có thể nói đó là *giai đoạn thứ nhất trong sự bất đồng ý kiến giữa chúng ta* trên các vấn đề có liên quan đến Quốc tế Cộng sản.

Giai đoạn thứ hai trong sự bất đồng ý kiến giữa chúng ta có liên quan đến vụ gọi là vụ Uýt-to-rơ và Ten-lơ-man. Uýt-to-rơ là cựu thư ký của tổ chức Hăm-bua, đã lạm tiêu tiền của đảng, nên đã bị khai trừ khỏi đảng. Những phần tử điều hòa trong Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Đức, lợi dụng sự thân mật giữa Uýt-to-rơ và đồng chí Ten-lơ-man, mặc dù đồng chí Ten-lơ-man không mảy may liên quan gì đến tội trạng của Uýt-to-rơ, đã biến vụ Uýt-to-rơ thành vụ Ten-lơ-man, và tự đặt cho mình nhiệm vụ lật đổ Ban lãnh đạo Đảng cộng sản Đức. Qua những tin tức trên báo chí, chắc các đồng chí đều đã biết rằng những tên điều hòa E-u-oe và Giéc-ra đã tạm thời lôi cuốn được đa số ủy viên trong Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Đức, chống lại đồng chí Ten-lơ-man. Rồi thì thế nào ? Họ gạt Ten-lơ-man ra khỏi chức vụ lãnh đạo, buộc cho đồng chí là vì tư lợi mà làm xằng và họ đã công bố một nghị quyết « thích đáng », không cho Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản biết và không có sự phê chuẩn của Ban Chấp hành đó.

Như vậy là đáng lẽ phải chấp hành chỉ thị của đại hội VI của Quốc tế Cộng sản về việc đấu tranh chống tinh thần điều hòa, đáng lẽ phải đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh và tinh thần điều hòa, thì thực tế lại thành ra vi phạm trắng trợn chỉ thị đó, thì thực tế lại thành ra đấu tranh chống lại sự lãnh đạo cách mạng của Đảng cộng sản Đức, đấu tranh chống lại đồng chí Ten-lơ-man, đấu tranh nhằm mục đích *che chở* cho xu hướng hữu khuynh và *củng cố* tinh thần điều hòa trong hàng ngũ những người cộng sản Đức.

Thế là đáng lẽ phải giúp vào một tay để ổn định tình hình ; đáng lẽ phải khôi phục quyền lực của chỉ thị đã bị vi phạm của đại hội VI, phải buộc những kẻ điều hòa đi vào con đường đúng, thì trong bức thư mà ai nấy đều biết của mình, Bu-kha-rin lại đề nghị *phê chuẩn* thủ đoạn lật đổ đó của bọn điều hòa, dâng Đảng cộng sản Đức cho bọn điều hòa, bêu xấu đồng chí Ten-lơ-man một lần nữa trên báo chí, bằng cách tuyên bố một lần nữa hành vi tội lỗi của đồng chí ấy. Như vậy mà gọi là một « lãnh tụ » của Quốc tế Cộng sản đấy ! Nhưng trên thế giới này liệu có « lãnh tụ » nào như thế không ?

Ban Chấp hành trung ương, sau khi thẩm xét, đã bác đề nghị của Bu-kha-rin. Cố nhiên là điều đó không làm vừa lòng Bu-kha-rin. Nhưng lỗi tại ai ? Những nghị quyết của đại hội VI không phải là đã được thông qua để rồi bị vi phạm, mà để được chấp hành. Nếu đại hội VI đã quyết định tuyên chiến với xu hướng hữu khuynh và tinh thần điều hòa, bằng cách duy trì sự lãnh đạo của hạt nhân cơ bản của Đảng cộng sản Đức, đứng đầu là đồng chí Ten-lơ-man, và nếu bọn điều hòa E-u-oe và Giéc-ra lại muốn lật đổ nghị quyết đó, thì nhiệm vụ của Bu-kha-rin là buộc bọn điều hòa phải đi vào con đường đúng, chứ không phải là nhường quyền lãnh đạo trong Đảng cộng sản Đức cho họ. Lỗi tại Bu-kha-rin là người đã « quên » những nghị quyết của đại hội VI.

Giai đoạn thứ ba trong sự bất đồng ý kiến giữa chúng ta gắn liền với cuộc đấu tranh chống những phần tử hữu khuynh trong Đảng cộng sản Đức, với việc đập tan bè phái Bơ-ran-đơ-le và Tan-gây-me và việc khai trừ các thủ lĩnh của bè phái ấy ra khỏi hàng ngũ Đảng cộng sản Đức. « Lập trường » của Bu-kha-rin và bạn hữu của đồng chí ấy, trong vấn đề căn bản này, là luôn luôn từ chối không góp phần giải quyết vấn đề đó. Thực ra thì vấn đề đó quyết định vận mạng của Đảng cộng sản Đức. Song, dù biết như thế, Bu-kha-rin và bạn hữu của đồng chí ấy cũng đã không ngớt cản trở việc giải quyết vấn đề này và một mực từ chối không tham gia các buổi họp của các cơ quan có thẩm quyền. Tại sao thế ? Chắc là để được « trong trắng » đối với cả Quốc tế Cộng sản lẫn phái

hữu trong Đảng cộng sản Đức. Đề sau này có thể nói rằng : « Không phải chúng tôi, nhóm Bu-kha-rin, mà là họ, đa số ủy viên trong Ban Chấp hành trung ương, đã khai trừ Bơ-ran-đơ-le và Tan-gây-me ra khỏi Đảng cộng sản. » Ấy thế mà bảo là đấu tranh chống nguy cơ hữu khuynh đấy !

Cuối cùng, *giai đoạn thứ tư trong sự bất đồng ý kiến giữa chúng ta*. Giai đoạn này liên quan đến đề nghị của Bu-kha-rin, trước hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương họp hồi tháng Một[4], đòi triệu hồi Nơ-man ở Đức về và đòi khiển trách đồng chí Ten-lơ-man vì đồng chí ấy tựa hồ như đã phê bình trong một bài diễn văn của mình, bản báo cáo của Bu-kha-rin tại đại hội VI. Cố nhiên, chúng ta không thể đồng ý với Bu-kha-rin được vì chúng ta hoàn toàn không có trong tay một tài liệu nào chứng tỏ lời yêu cầu của đồng chí ấy là chính đáng cả. Bu-kha-rin hứa sẽ đưa ra những tài liệu kết tội Nơ-man và Ten-lơ-man. Nhưng Bu-kha-rin đã không làm gì cả. Đáng lẽ đồng chí ấy phải đưa tài liệu ra, thì đồng chí ấy lại gửi cho các ủy viên đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô bài diễn văn mà ai nấy đều biết của Em-be Đơ-rô, đọc trước đoàn bí thư chính trị trong Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, chính cái bài diễn văn mà sau đó đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản đã gọi là một bài diễn văn cơ hội chủ nghĩa. Gửi bài diễn văn của Em-be Đơ-rô cho các ủy viên trong đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, coi đó là tài liệu kết tội Ten-lơ-man, Bu-kha-rin muốn tỏ ra rằng mình đòi triệu hồi Nơ-man và khiển trách đồng chí Ten-lơ-man là có lý. Thực ra, làm như thế, Bu-kha-rin đã chứng tỏ rằng mình đã đồng tình với Em-be Đơ-rô, người mà Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản coi là có lập trường cơ hội chủ nghĩa.

Các đồng chí, đó là những điểm chủ yếu trong sự bất đồng ý kiến giữa chúng ta về các vấn đề có liên quan đến Quốc tế Cộng sản.

Bu-kha-rin cho rằng đập tan xu hướng hữu khuynh và tinh thần điều hòa với xu hướng đó trong các chi bộ Quốc tế Cộng sản, rằng quét sạch những phần tử và những truyền thống

xã hội-dân chủ ra khỏi các đảng cộng sản Đức và Tiệp, rằng khai trừ bọn Bơ-ran-đơ-le và bọn Tan-gây-me ra khỏi các đảng cộng sản, làm như thế, là chúng ta « làm tan rã » Quốc tế cộng sản, là chúng ta « sát hại » Quốc tế Cộng sản. Còn chúng ta, trái lại, chúng ta cho rằng thực hiện chính sách ấy và nhấn mạnh vào ý nghĩa quan trọng của cuộc đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh và tinh thần điều hòa với xu hướng đó, là chúng ta củng cố Quốc tế Cộng sản, chúng ta quét sạch bọn cơ hội chủ nghĩa ra khỏi Quốc tế cộng sản, chúng ta bôn-sê-vích hóa các chi bộ của nó và chúng ta giúp các đảng cộng sản chuẩn bị cho giai cấp công nhân bước vào những cuộc giao tranh cách mạng sắp tới, bởi vì đảng mạnh lên khi đã trút sạch được những phần tử bệnh tật.

Các đồng chí cũng thấy rằng đó tuyệt nhiên không phải là những sự khác nhau nhỏ trong nội bộ Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, mà là những ý kiến bất đồng khá nghiêm trọng về những vấn đề cơ bản trong chính sách của Quốc tế Cộng sản.

IV

NHỮNG Ý KIẾN BẤT ĐỒNG TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NỘI

Vừa rồi tôi đã nói đến những sự thay đổi trong quan hệ giai cấp và nói đến cuộc đấu tranh giai cấp trong nước ta. Tôi đã nói rằng nhóm Bu-kha-rin đã mù quáng và không thấy những sự thay đổi ấy ; rằng nhóm ấy không hiểu những nhiệm vụ mới của đảng. Tôi đã nói rằng điều đó đã làm cho nhóm đối lập Bu-kha-rin đâm ra lúng túng, sợ khó khăn, sẵn sàng đầu hàng trước khó khăn.

Không thể bảo rằng những sai lầm ấy của nhóm Bu-kha-rin là từ trên trời rơi xuống. Trái lại, những sai lầm ấy gắn liền với giai đoạn phát triển vừa qua tức là thời kỳ *khôi phục*

kinh tế quốc dân, thời kỳ mà công cuộc xây dựng tiến hành theo con đường hòa bình, có thể nói là tiến hành theo một con đường tự phát, thời kỳ mà những quan hệ giai cấp còn chưa có những sự thay đổi như bây giờ, thời kỳ mà cuộc đấu tranh giai cấp còn chưa trở nên nghiêm trọng như chúng ta đang thấy hiện nay.

Nhưng hiện nay, chúng ta đang trải qua một giai đoạn phát triển mới, khác với thời kỳ cũ, khác với thời kỳ khôi phục. Chúng ta đang trải qua một thời kỳ xây dựng mới, thời kỳ *cải tạo* toàn bộ nền kinh tế quốc dân trên cơ sở chủ nghĩa xã hội. Thời kỳ mới này gây ra những sự thay đổi mới trong quan hệ giai cấp, làm cho cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt hơn lên. Nó buộc phải có những phương thức đấu tranh mới, phải tập hợp lực lượng của chúng ta lại, cải thiện và củng cố mọi tổ chức của chúng ta.

Điều bất hạnh của nhóm Bu-kha-rin chính là ở chỗ nhóm đó sống trong dĩ vãng, không nhìn thấy những đặc điểm của thời kỳ mới này và không hiểu là cần thiết phải có những phương thức đấu tranh mới. Do đó mà họ mù quáng, lúng túng, hoảng hốt trước khó khăn.

a) VỀ ĐẤU TRANH GIAI CẤP

Sự mù quáng và lúng túng ấy của nhóm Bu-kha-rin dựa trên cơ sở lý luận nào ?

Tôi cho rằng cơ sở lý luận của sự mù quáng và lúng túng ấy, chính là quan điểm sai lầm, phi mác-xít của Bu-kha-rin đối với cuộc đấu tranh giai cấp trong nước ta. Tôi muốn nói đến lý luận phi mác-xít của Bu-kha-rin về việc bọn cu-lắc nhập vào chủ nghĩa xã hội, nói đến sự không hiểu biết của đồng chí ấy về cung cách của cuộc đấu tranh giai cấp trong những điều kiện của nền chuyên chính vô sản.

Ở đây, có người đã nhiều lần trích dẫn đoạn văn mà ai nấy đều biết trong quyển *Con đường chủ nghĩa xã hội* của Bu-kha-rin, nói về việc bọn cu-lắc nhập vào chủ nghĩa xã hội.

Song, đoạn văn trích dẫn ấy đã bị cắt xén mất vài chỗ. Xin phép các đồng chí cho tôi trích dẫn nguyên vẹn đoạn văn ấy. Thưa các đồng chí, cần phải làm như thế để các đồng chí thấy rằng Bu-kha-rin đã xa lìa lý luận mác-xít về đấu tranh giai cấp đến mức nào.

Xin các đồng chí hãy nghe :

« Hệ thống cơ bản của các tổ chức hợp tác xã nông dân của chúng ta sẽ gồm có những đơn vị hợp tác xã, không phải theo kiểu cu-lắc mà theo kiểu « lao động », những đơn vị sẽ nhập vào hệ thống các cơ quan Nhà nước của chúng ta và do đó sẽ trở thành *những khâu trong một sợi xích duy nhất là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa*. Mặt khác, *những tổ hợp tác xã cu-lắc cũng sẽ* thông qua các ngân hàng, v.v., *mà nhập vào như thế, vào cùng một hệ thống ấy*, nhưng những tổ hợp tác xã ấy, đến *một trình độ nào đó, sẽ là một vật thể thuộc loại khác na ná như những xí nghiệp tô nhượng chẳng hạn* »*.

Tôi không rõ tại sao, khi dẫn chứng đoạn văn ấy trích trong quyển sách của Bu-kha-rin, một vài đồng chí lại quên mất câu cuối cùng, nói về những người được tô nhượng. Rô-dít, rõ ràng là muốn giúp đỡ Bu-kha-rin, nên đã lợi dụng điểm ấy để kêu lên ở đây, từ chỗ của đồng chí ấy, rằng người ta đã xuyên tạc ý kiến của Bu-kha-rin. Vậy mà điểm chủ yếu của tất cả đoạn văn này, chính là câu cuối cùng nói về những người được tô nhượng. Bởi vì nếu đặt những người được tô nhượng ngang hàng với bọn cu-lắc, và nếu bọn cu-lắc lại nhập vào chủ nghĩa xã hội thì do đó sẽ đưa đến kết luận nào ? Chỉ có mỗi một kết luận là ngay cả những người được tô nhượng cũng sẽ nhập vào chủ nghĩa xã hội, là không phải chỉ có bọn cu-lắc, mà cả những người được tô nhượng nữa, cũng đều nhập vào chủ nghĩa xã hội. (*Mọi người đều cười*).

Đấy, kết quả là như vậy.

Rô-dit. Bu-kha-rin nói là « một vật thể thuộc loại khác ».

---

* Do tôi viết ngả. *J.Sta-lin*.

Sta-lin. Bu-kha-rin không nói là «một vật thể thuộc loại khác» mà nói rằng «đến một trình độ nào đó, sẽ là một vật thể thuộc loại khác». Do đó, bọn cu-lắc và những người được tô nhượng, «đến một trình độ nào đó», đều là một vật thể thuộc loại khác trong hệ thống của chủ nghĩa xã hội. Nhưng sai lầm của Bu-kha-rin chính là ở chỗ cho rằng bọn cu-lắc và những người được tô nhượng, tuy «đến một trình độ nào đó» là một vật thể thuộc loại khác, nhưng vẫn cứ nhập được vào chủ nghĩa xã hội.

Lý luận của Bu-kha-rin dẫn đến một sự vô lý đến như thế đấy.

Bọn tư bản ở thành thị và ở nông thôn, bọn cu-lắc và những người được tô nhượng nhập vào chủ nghĩa xã hội, Bu-kha-rin đã đưa ra một điều phi lý như vậy đó.

Không, các đồng chí, chúng ta không cần một «chủ nghĩa xã hội» như thế. Bu-kha-rin hãy giữ lấy chủ nghĩa xã hội ấy cho mình.

Từ trước đến nay, chúng ta, những người mác-xít, lê-nin-nít, chúng ta vẫn cho rằng có một sự đối lập *không điều hòa được* về quyền lợi giữa một bên là bọn tư bản thành thị và nông thôn và một bên là giai cấp công nhân. Lý luận mác-xít về đấu tranh giai cấp chính là dựa trên điều đó. Song, hiện nay, theo lý luận của Bu-kha-rin về việc bọn tư bản *nhập một cách hòa bình* vào chủ nghĩa xã hội, thì tất cả điều đó bị đảo lộn cả, sự đối lập không điều hòa được về quyền lợi giai cấp giữa bọn bóc lột và người bị bóc lột cũng mất đi, bọn bóc lột nhập vào chủ nghĩa xã hội.

Rô-dit. Không đúng. Chuyên chính vô sản đã được xem như là đã có trước rồi.

Sta-lin. Nhưng chuyên chính vô sản là hình thức đấu tranh giai cấp gay gắt nhất.

Rô-dit. Đúng thế.

Sta-lin. Song, theo Bu-kha-rin, thì bọn tư bản nhập vào chuyên chính vô sản ấy. Đồng chí Rô-dit, lẽ nào đồng chí lại không hiểu được điều đó? Một khi mà bọn tư bản thành thị và nông thôn nhập vào hệ thống chuyên chính vô sản thì lúc bấy giờ phải đấu tranh chống lại ai, phải đấu tranh giai cấp dưới hình thức gay gắt nhất chống lại ai?

Chuyên chính vô sản là cần thiết để tiến hành cuộc đấu tranh không điều hòa chống những phần tử tư bản chủ nghĩa, để đè bẹp giai cấp tư sản và nhổ hết gốc rễ của chủ nghĩa tư bản. Nhưng nếu bọn tư bản thành thị và nông thôn, nếu bọn cu-lắc và bọn người được tô nhượng nhập vào chủ nghĩa xã hội, thì nói chung nền chuyên chính của giai cấp vô sản, sau đó còn có cần thiết nữa không, và nếu còn cần thiết thì nền chuyên chính vô sản sẽ phải trấn áp giai cấp nào?

Rô-dit. Theo Bu-kha-rin, khi nói nhập vào, thì đấu tranh giai cấp đã được xem như là có trước rồi vậy.

Sta-lin. Tôi thấy Rô-dit quyết giúp đỡ Bu-kha-rin. Nhưng sự giúp đỡ đó nhắc ta nhớ đến tảng đá của con gấu, vì Rô-dit muốn giúp đỡ Bu-kha-rin, nhưng kỳ thực lại là hoàn toàn làm hại Bu-kha-rin. Chẳng phải là ngẫu nhiên mà người ta bảo rằng « một con gấu hay giúp đỡ còn nguy hiểm hơn một kẻ thù ». *(Mọi người đều cười).*

Trong hai điều, tất phải là một : hoặc là có một sự đối lập quyền lợi không điều hòa được giữa giai cấp bọn tư bản và giai cấp công nhân đã nắm được chính quyền và đã tổ chức nền chuyên chính của mình, hoặc là không có sự đối lập quyền lợi ấy, và khi ấy thì chỉ còn một việc là : tuyên bố sự điều hòa giữa những quyền lợi giai cấp.

Trong hai điều, tất phải là một :

hoặc là lý luận mác-xít về đấu tranh giai cấp, *hoặc là* lý luận về việc bọn tư bản nhập vào chủ nghĩa xã hội ;

hoặc là sự đối lập không điều hòa được về quyền lợi giai cấp, *hoặc là* lý luận về sự điều hòa giữa những quyền lợi giai cấp.

Nói cho cùng thì cũng có thể hiểu được những « người xã hội chủ nghĩa » vào cái loại Bơ-ren-ta-nô hoặc Xít-nây U-ép-bơ, là những kẻ tuyên truyền việc nhập chủ nghĩa xã hội vào chủ nghĩa tư bản và việc nhập chủ nghĩa tư bản vào chủ nghĩa xã hội, vì thực ra thì những « nhà xã hội chủ nghĩa » đó chỉ là những kẻ chống lại chủ nghĩa xã hội, những tên tư sản thuộc phái tự do. Nhưng không thể nào hiểu được rằng

một người muốn là người mác-xít mà đồng thời lại tuyên truyền lý luận về việc giai cấp tư bản nhập vào chủ nghĩa xã hội.

Trong bản diễn văn của mình, Bu-kha-rin dịnh căn cứ vào một đoạn văn mà ai nấy đều biết của Lê-nin để bảo vệ lý luận của mình về việc bọn cu-lắc nhập vào chủ nghĩa xã hội. Làm như thế, Bu-kha-rin cho rằng Lê-nin cũng đã nói *như* Bu-kha-rin vậy.

Các đồng chí, như thế là sai. Thế là vu khống Lê-nin một cách bỉ ổi và không thể tha thứ được.

Đây là nguyên văn đoạn đó của Lê-nin :

« Dĩ nhiên là trong Cộng hòa xô-viết của chúng ta, chế độ xã hội đã được thiết lập trên sự hợp tác giữa hai giai cấp : công nhân và nông dân, — và ngày nay, với một vài điều kiện nhất định, ta cũng để cho bọn « nép-man » tức là giai cấp tư sản tham gia vào sự hợp tác đó » (xem tập XXVII, tr. 405)*.

Các đồng chí cũng thấy rằng trong đoạn đó không có một tiếng nào nói đến việc đưa giai cấp bọn tư bản vào chủ nghĩa xã hội cả. Trong đoạn đó chỉ có nói rằng chúng ta « để cho » bọn nép-man, tức là giai cấp tư sản tham gia « với một vài điều kiện nhất định » vào sự hợp tác giữa công nhân và nông dân mà thôi.

Nói như thế nghĩa là thế nào ? Như thế có phải là chúng ta đã thừa nhận rằng có thể nhập bọn « nép-man » vào chủ nghĩa xã hội không ? Đương nhiên là không phải. Chỉ có những kẻ nào không còn biết xấu hổ là gì nữa, thì mới giải thích đoạn văn đó của Lê-nin như vậy thôi. Điều đó chỉ có nghĩa là *hiện nay*, chúng ta chưa xóa bỏ giai cấp tư sản ; là *hiện nay*, chúng ta chưa tước đoạt giai cấp tư sản, mà chúng ta còn để cho nó tồn tại với một vài điều kiện nhất định, tức là với điều kiện tuyệt đối phục tùng pháp luật

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 444. *(B.T.)*

của chuyên chính vô sản, tức là pháp luật ngày càng hạn chế bọn tư bản, và dần dần gạt bỏ bọn chúng ra khỏi đời sống kinh tế nước nhà.

Có thể nào thực tế gạt bỏ được bọn tư bản và nhổ hết gốc rễ của chủ nghĩa tư bản mà không phải đấu tranh giai cấp quyết liệt được không? Không, không thể được.

Có thể nào dùng lý luận về việc nhập bọn tư bản vào chủ nghĩa xã hội và thực hành lý luận đó mà xóa bỏ được giai cấp không? Không, không thể được. Một lý luận như thế và một sự thực hành như thế chỉ có thể nuôi dưỡng và duy trì các giai cấp, vì nó (lý luận đó) mâu thuẫn với lý luận mác-xít về đấu tranh giai cấp.

Nhưng đoạn văn trích dẫn của Lê-nin thì hoàn toàn dựa trên cơ sở lý luận mác-xít về đấu tranh giai cấp trong điều kiện chuyên chính vô sản.

Giữa lý luận của Bu-kha-rin về việc nhập bọn cu-lắc vào chủ nghĩa xã hội, và lý luận của Lê-nin về chuyên chính tức là đấu tranh giai cấp quyết liệt, có chỗ nào là giống nhau hay không? Rõ ràng là hai lý luận đó không có và không thể có một điểm nào giống nhau cả.

Bu-kha-rin tưởng rằng dưới chuyên chính vô sản, cuộc đấu tranh giai cấp sẽ *tắt* đi và *bị thủ tiêu* đi để đạt đến kết quả là xóa bỏ các giai cấp. Nhưng, trái lại, Lê-nin dạy chúng ta rằng chỉ có thể xóa bỏ các giai cấp bằng một cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt, cuộc đấu tranh giai cấp đó, trong điều kiện chuyên chính vô sản, lại trở nên *quyết liệt hơn nữa* so với trước khi thiết lập chuyên chính vô sản.

Lê-nin nói :

« Việc xóa bỏ các giai cấp là kết quả của một cuộc *đấu tranh giai cấp* lâu dài, khó khăn và kiên trì, cuộc đấu tranh này, *sau khi* lật đổ chính quyền của Tư bản, *sau khi* phá hủy Nhà nước tư sản, *sau khi* kiến lập nền chuyên chính của giai cấp vô sản, *không phải*

đã hết (như những nhân vật dốt nát của phái xã hội chủ nghĩa cũ và của phái xã hội-dân chủ cũ đã tưởng tượng), mà nó chỉ thay đổi hình thức, và về nhiều mặt, nó còn trở nên kịch liệt hơn nữa » (xem tập XXIV, tr. 315)*.

Đó là lời Lê-nin nói về việc xóa bỏ các giai cấp.

Xóa bỏ các giai cấp *bằng một cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt của giai cấp vô sản*, công thức của Lê-nin là như vậy.

Xóa bỏ các giai cấp *bằng cách dập tắt cuộc đấu tranh giai cấp và bằng cách nhập bọn tư bản vào chủ nghĩa xã hội*, công thức của Bu-kha-rin là như vậy.

Giữa hai công thức đó, có chỗ nào là giống nhau hay không ?

Như vậy lý luận của Bu-kha-rin về việc nhập bọn cu-lắc vào chủ nghĩa xã hội là một sự rời bỏ lý luận mác-xít lê-nin-nít về đấu tranh giai cấp. Nó gần giống với lý luận của chủ nghĩa xã hội - giảng đàn[5].

Đó là cơ sở của mọi sai lầm của Bu-kha-rin và các bạn hữu của đồng chí ấy.

Người ta có thể bảo tôi rằng cần gì phải bàn dài dòng đến lý luận của Bu-kha-rin về việc nhập bọn cu-lắc vào chủ nghĩa xã hội, bởi vì lý luận ấy tự nó cũng đã lên tiếng — hay đúng hơn, nó cũng đã thét lên — phản đối Bu-kha-rin rồi. Các đồng chí, nói như thế là sai ! Chừng nào mà lý luận đó còn nằm trong ngăn kéo, thì chúng ta có thể không quan tâm đến nó được ; nhưng đằng này người ta lại tìm thấy đủ mọi điều ngây ngô trong các tác phẩm của một số đồng chí ! Từ trước đến nay, quả thật chúng ta đã làm ngơ không đếm xỉa đến lý luận của Bu-kha-rin. Nhưng thời gian gần đây, tình hình đã thay đổi. Thế lực tự phát tiểu tư sản, được thả lỏng trong những năm vừa qua, đã tiếp sức cho lý luận phản mác-xít đó bằng cách gán cho nó một tính chất thời sự. Ngày nay, không còn có thể nói rằng nó còn nằm trong ngăn kéo nữa. Ngày nay, lý luận quái gở ấy của Bu-kha-rin có

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 29, tr. 359. *(B.T.)*

cái kỳ vọng trở thành lá cờ của xu hướng hữu khuynh, lá cờ của chủ nghĩa cơ hội. Chính vì thế mà chúng ta không thể bỏ qua lý luận đó được. Chính vì thế mà chúng ta có nhiệm vụ đập tan lý luận đó, coi nó là lý luận sai lầm và tai hại, để giúp cho các đồng chí chúng ta ở trong đảng đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh được dễ dàng hơn.

b) VỀ TÍNH CHẤT NGÀY CÀNG GAY GẮT THÊM CỦA CUỘC ĐẤU TRANH GIAI CẤP

Sai lầm thứ hai của Bu-kha-rin do sai lầm thứ nhất mà ra, chính là ở chỗ đồng chí ấy quan niệm một cách sai lầm, không mác-xít, tính chất ngày càng gay gắt thêm của cuộc đấu tranh giai cấp, sự phản kháng ngày càng tăng thêm của các phần tử tư bản chủ nghĩa chống lại chính sách xã hội chủ nghĩa của Chính quyền xô-viết.

Vấn đề đó là như thế nào ? Phải chăng là các phần tử tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh hơn khu vực xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế của chúng ta, và vì thế mà các phần tử tư bản chủ nghĩa phản kháng mạnh hơn lên và phá hoại công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ? Không, vấn đề không phải là như vậy. Vả lại, cho rằng các phần tử tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh hơn khu vực xã hội chủ nghĩa là sai. Nếu thật như thế, thì công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa chẳng mấy chốc mà thất bại.

Sự thật là chủ nghĩa xã hội tấn công các phần tử tư bản chủ nghĩa một cách có kết quả ; là chủ nghĩa xã hội phát triển *nhanh chóng hơn* các phần tử tư bản chủ nghĩa ; và vì thế mà tỷ trọng tương đối của các phần tử tư bản chủ nghĩa *giảm sút*, và chính vì tỷ trọng của các phần tử tư bản chủ nghĩa *giảm sút*, nên các phần tử tư bản chủ nghĩa thấy trước nguy cơ tiêu vong và tăng thêm sự phản kháng của chúng.

Mà hiện nay, sở dĩ chúng còn có khả năng tăng thêm sự phản kháng của chúng, không những chỉ vì chúng được chủ

nghĩa tư bản thế giới ủng hộ, mà còn vì về phương diện tuyệt đối, các thành phần tư bản chủ nghĩa cũng có phát triển, tuy rằng so với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, thì tỷ trọng của các phần tử tư bản chủ nghĩa bị giảm sút, thì sự phát triển tương đối của các phần tử tư bản chủ nghĩa bị yếu đi, và điều đó khiến các phần tử tư bản chủ nghĩa có thể tích lũy được lực lượng để phản kháng lại chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn phát triển hiện nay, trong tình hình hiện nay về tương quan lực lượng, thì chính là trên cơ sở đó mà cuộc đấu tranh giai cấp trở nên gay gắt thêm và sự phản kháng của các phần tử tư bản chủ nghĩa thành thị và nông thôn tăng thêm lên.

Sai lầm của Bu-kha-rin và bạn hữu của đồng chí ấy, chính là ở chỗ họ không hiểu cái sự thật giản đơn và hiển nhiên đó. Sai lầm của họ, chính là ở chỗ họ không lấy quan điểm mác-xít mà lại lấy quan điểm tiểu tư sản để nhận định vấn đề, tức là định giải thích tính chất gay gắt hơn lên của cuộc đấu tranh giai cấp bằng đủ mọi nguyên nhân ngẫu nhiên : « sự bất tài » của bộ máy Nhà nước, chính sách « không thận trọng » của các đồng chí ở cơ sở, thái độ « thiếu » mềm dẻo, những « hành động quá trớn », v.v., v.v.

Xin lấy, chẳng hạn, đoạn sau đây trích trong tác phẩm *Con đường chủ nghĩa xã hội* của Bu-kha-rin để chứng tỏ rằng cách đồng chí ấy quan niệm tính chất gay gắt thêm của đấu tranh giai cấp là hoàn toàn trái với chủ nghĩa Mác :

« Đây đó trong nông thôn, cuộc đấu tranh giai cấp nổ ra, dưới hình thức cũ của nó, và tính chất gay gắt hơn lên đó thường là do những phần tử cu-lắc gây ra. Chẳng hạn như khi bọn cu-lắc hoặc những kẻ làm giàu trên lưng người khác, đã len lỏi được vào trong các cơ quan Chính quyền xô-viết, bắt đầu nổ súng vào các thông tấn viên nông thôn, thì đó chính là sự biểu hiện của cuộc đấu tranh giai cấp dưới hình thức gay gắt nhất của nó. (Thế là sai, vì hình thức đấu tranh gay gắt nhất là hình thức khởi nghĩa. *J. Sta-lin*). Nhưng những trường hợp như thế thường xảy ra ở nơi nào mà bộ máy xô-viết ở địa phương còn yếu. ***Bộ máy đó càng được cải thiện,*** mọi tổ chức cơ sở của chính quyền xô-viết càng được củng cố, các

tổ chức địa phương của đảng và của các đoàn thanh niên cộng sản ở nông thôn càng được cải thiện và mạnh thêm, thì *những hiện tượng như thế* sẽ ngày càng bớt đi, và cuối cùng *sẽ biến mất không để lại dấu vết gì cả**, điều đó hoàn toàn hiển nhiên là như thế ».

Thành thử cuộc đấu tranh giai cấp trở nên gay gắt hơn là do những nguyên nhân có tính chất hành chính, là do các tổ chức cơ sở của chúng ta có tài hay bất tài, yếu hay mạnh.

Thành thử, sở dĩ có cuộc phá hoại của bọn trí thức tư sản ở Sa-khơ-tư chẳng hạn, tức là một hình thức phản kháng của các phần tử tư sản chống lại Chính quyền xô-viết và một hình thức gay gắt hơn của cuộc đấu tranh giai cấp, cũng là do bộ máy hành chính của ta bất tài chứ không phải do tương quan lực lượng giai cấp, không phải do sự phát triển của chủ nghĩa xã hội.

Thành thử, trước khi có cuộc phá hoại quy mô lớn ở vùng Sa-khơ-tư, thì bộ máy của chúng ta còn tốt, nhưng bỗng nhiên, sau đó trong khi cuộc phá hoại ấy diễn ra trên quy mô lớn, thì bộ máy đó, chẳng hiểu vì sao nữa lại trở thành vô dụng.

Thành thử cho đến năm ngoái, khi mà việc thu mua lúa mì còn tiến hành một cách tự phát, và khi cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta còn chưa trở nên đặc biệt gay gắt, thì các tổ chức địa phương của chúng ta còn tốt, thậm chí còn là những tổ chức lý tưởng nữa, nhưng từ năm ngoái, khi mà sự phản kháng của bọn cu-lắc đã mang những hình thức đặc biệt gay gắt, thì các tổ chức địa phương đó bỗng nhiên lại trở thành xấu, trở thành vô dụng.

Đó không phải là một lời giải thích, mà là một lối giải thích lố bịch. Đó không phải là khoa học, mà là yêu thuật.

Thực ra thì do đâu mà cuộc đấu tranh giai cấp lại trở nên gay gắt hơn lên ?

Do hai nguyên nhân.

Thứ nhất, là do sự tiến lên của chúng ta, do sự tấn công của chúng ta, do sự phát triển của các hình thức xã hội chủ

* Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

nghĩa trong nền kinh tế, trong cả công nghiệp lẫn nông nghiệp, tức là sự phát triển đã đồng thời gạt bỏ bọn tư bản thành thị và nông thôn thuộc một vài loại nào đó. Hiện nay chúng ta đang sống trong một tình hình mà Lê-nin đã gọi bằng công thức : « Ai sẽ thắng ai ? » Hoặc là chúng ta sẽ quật ngã bọn tư bản và giao chiến với chúng một trận cuối cùng nữa, như Lê-nin đã nói, hoặc là chúng sẽ quật ngã chúng ta.

Thứ hai, là do những phần tử tư bản chủ nghĩa không muốn tự nguyện rút khỏi vũ đài : chúng đang kháng cự và sẽ còn tiếp tục kháng cự lại chủ nghĩa xã hội, vì chúng thấy chúng sắp chết đến nơi rồi. Song, hiện nay, chúng còn có thể kháng cự được ; mặc dù tầm quan trọng của chúng có giảm sút, nhưng về mặt số lượng tuyệt đối thì không phải là chúng không phát triển : theo Lê-nin, thì giai cấp tiểu tư sản thành thị và nông thôn, từng ngày và từng giờ, sản sinh ra từ hàng ngũ của nó bọn tư bản và bọn tư bản rất nhỏ, và những bọn tư bản ấy — những phần tử tư bản chủ nghĩa ấy — đã không từ một thủ đoạn nào để cứu vãn sinh mệnh của mình.

Trong lịch sử, chưa từng có giai cấp hấp hối nào mà lại tự nguyện rút khỏi vũ đài cả. Trong lịch sử, chưa từng có giai cấp tư sản hấp hối nào mà lại không sử dụng toàn bộ lực lượng còn lại để cứu vãn lấy sinh mệnh của mình. Dù bộ máy xô-viết của chúng ta ở cơ sở tốt hay xấu, thì sự tiến lên của chúng ta, sự tấn công của chúng ta cũng sẽ làm giảm con số các phần tử tư bản chủ nghĩa xuống và cũng sẽ gạt bỏ chúng ; mà các giai cấp hấp hối thì sẽ phản kháng lại, bất chấp tất cả.

Đó là cơ sở của tình trạng gay gắt thêm trong cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta.

Sai lầm của Bu-kha-rin và bạn hữu đồng chí ấy, chính là ở chỗ họ coi việc bọn tư bản phản kháng mạnh hơn lên và việc tỷ trọng của chúng tăng lên là cùng một việc. Nhưng coi như thế là không có căn cứ vào đâu cả. Không căn cứ vào đâu cả, vì nếu bọn tư bản, chúng kháng cự lại, thì việc đó cũng hoàn toàn không có nghĩa là chúng đã trở nên mạnh hơn chúng ta. Chính ngược hẳn lại, thì mới

đúng. Các giai cấp đã hết thời phản kháng lại, không phải vì chúng trở nên mạnh hơn chúng ta, mà vì chủ nghĩa xã hội tiến lên nhanh chóng hơn chúng, còn chúng thì trở thành yếu hơn chúng ta. Và chính vì chúng cảm thấy chúng yếu đi, thấy chúng sắp chết đến nơi rồi, nên chúng phải hết sức kháng cự lại bằng mọi cách.

Trong giai đoạn lịch sử hiện nay, đó là nguyên nhân làm cho cuộc đấu tranh giai cấp trở nên gay gắt hơn lên và nguyên nhân của sự phản kháng của bọn tư bản.

Trước tình hình ấy, chính sách của đảng phải như thế nào?

Chính sách của đảng phải thức tỉnh giai cấp công nhân và quần chúng bị bóc lột ở nông thôn, nâng cao sức chiến đấu của họ và phát triển ý chí chuẩn bị để đấu tranh chống những phần tử tư bản chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn, để đấu tranh chống những kẻ thù giai cấp đang phản kháng lại chúng ta.

Ngoài những lý do khác ra thì lý luận mác-xít lê-nin-nít về đấu tranh giai cấp còn có giá trị ở chỗ là nó làm cho việc động viên giai cấp công nhân chống lại kẻ thù của chuyên chính vô sản trở nên dễ dàng.

Lý luận của Bu-kha-rin về việc nhập bọn tư bản vào chủ nghĩa xã hội, và quan niệm của Bu-kha-rin về tính chất gay gắt hơn lên của cuộc đấu tranh giai cấp, tai hại ở chỗ nào?

Tai hại ở chỗ là lý luận đó ru ngủ giai cấp công nhân, hủy hoại ý chí chuẩn bị của các lực lượng cách mạng trong nước ta, làm tan rã hàng ngũ giai cấp công nhân và tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc tấn công của các phần tử tư bản chủ nghĩa chống Chính quyền xô-viết.

c) VỀ VẤN ĐỀ NÔNG DÂN

Sai lầm thứ ba của Bu-kha-rin là vấn đề nông dân. Ai nấy đều biết rằng vấn đề nông dân ở nước ta là một trong những vấn đề quan trọng nhất trong chính sách của chúng ta. Trong điều kiện nước ta, nông dân gồm có nhiều tầng lớp xã hội,

tức là : nông dân nghèo, trung nông và cu-lắc. Rất dễ hiểu rằng thái độ của chúng ta đối với các tầng lớp ấy không thể giống nhau được. Nông dân nghèo là *chỗ dựa* của giai cấp công nhân, trung nông là *đồng minh*, và cu-lắc là *kẻ thù giai cấp*: thái độ của chúng ta đối với các tầng lớp xã hội đó là như vậy. Đó là điều rõ ràng và ai nấy đều biết.

Nhưng Bu-kha-rin xét vấn đề hơi khác một chút. Trong khi nêu đặc điểm của nông dân, không thấy đồng chí ấy nói đến sự phân hóa đó trong nông dân ; các tầng lớp xã hội biến đi đâu mất không biết nữa, và chỉ còn lại một vết xám xịt, gọi là nông thôn. Đối với Bu-kha-rin, cu-lắc không còn là cu-lắc nữa, trung nông không còn là trung nông nữa, mà khắp nông thôn chỉ là sự nghèo nàn. Chính đó là điều mà đồng chí ấy nói, tại đây, trong bài diễn văn của đồng chí ấy : cu-lắc ở nước ta có thể gọi là cu-lắc được chăng ? Chỉ là một kẻ đói rách thôi, đồng chí ấy nói thế. Còn trung nông ở nước ta, họ có giống một trung nông hay không ? — đồng chí Bu-kha-rin hỏi ở đây như vậy đó. Chỉ là một kẻ đói rách ăn không đủ no. Cách nhận định nông dân như thế là sai lầm về căn bản, không tương dung được với chủ nghĩa Lê-nin.

Lê-nin đã nói rằng nông dân cá thể là *giai cấp tư bản chủ nghĩa cuối cùng*. Nguyên lý đó có đúng không ? Đúng, nguyên lý đó hoàn toàn đúng. Tại sao lại định nghĩa nông dân cá thể là giai cấp tư bản chủ nghĩa cuối cùng ? Bởi vì trong hai giai cấp cơ bản hợp thành xã hội chúng ta, thì nông dân là giai cấp có nền kinh tế dựa trên quyền tư hữu và nền tiểu sản xuất hàng hóa. Bởi vì chừng nào mà nông dân còn là nông dân cá thể sản xuất hàng hóa nhỏ, thì vẫn cứ sản sinh ra và không thể không sản sinh ra từ hàng ngũ của nó, bọn tư bản, một cách thường xuyên và liên tục.

Tình trạng đó có một ý nghĩa quan trọng quyết định đối với thái độ mác-xít của chúng ta trong vấn đề liên minh công nông. Điều đó có nghĩa là cái mà chúng ta cần, không phải là một sự liên minh *nào đó* với nông dân mà là *một sự liên minh* đặt trên cơ sở đấu tranh chống các phần tử tư bản chủ nghĩa trong nông dân.

Các đồng chí thấy rằng nguyên lý của Lê-nin cho nông dân là giai cấp tư bản chủ nghĩa cuối cùng, không những không mâu thuẫn với chủ trương liên minh công nông, mà trái lại còn đặt cơ sở cho liên minh đó bằng cách định nghĩa nó là một liên minh giữa giai cấp công nhân với đa số nông dân, chống lại các phần tử tư bản chủ nghĩa nói chung, chống lại những phần tử tư bản chủ nghĩa trong nông dân ở nông thôn, nói riêng.

Lê-nin đã đề ra nguyên lý đó để chỉ ra rằng liên minh cộng nông chỉ có thể vững chắc, nếu nó được đặt trên cơ sở đấu tranh chống ngay những phần tử tư bản chủ nghĩa mà nông dân sản sinh ra từ trong hàng ngũ của mình.

Sai lầm của Bu-kha-rin, chính là ở chỗ đồng chí ấy không hiểu và không thừa nhận cái điều giản đơn ấy ; đồng chí ấy quên mất các tầng lớp xã hội ở nông thôn ; đồng chí ấy không nhìn thấy bọn cu-lắc và nông dân nghèo mà chỉ còn thấy có một khối trung nông dầy đặc mà thôi.

Chính đó là xu hướng hữu khuynh không thể chối cãi được của Bu-kha-rin, ngược với xu hướng « tả » khuynh, tơ-rốt-kít là xu hướng không nhìn thấy tầng lớp xã hội nào khác ở nông thôn, ngoài nông dân nghèo và bọn cu-lắc ra, và không nhìn thấy trung nông.

Chỗ khác nhau giữa chủ nghĩa Tơ-rốt-ski và nhóm Bu-kha-rin trong vấn đề liên minh với nông dân là như thế nào? Chính là ở chỗ chủ nghĩa Tơ-rốt-ski thì tỏ ra *chống* chính sách liên minh *vững chắc* với quần chúng trung nông, còn nhóm Bu-kha-rin thì ủng hộ *bất cứ* liên minh nào với nông dân, nói chung. Thiết tưởng chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng hai quan điểm đó đều sai lầm và đều có giá trị ngang nhau.

Chủ nghĩa Lê-nin tuyệt đối chủ trương liên minh vững chắc với quần chúng cơ bản trong nông dân, chủ trương liên minh với trung nông ; tuy nhiên, không phải chủ nghĩa Lê-nin tán thành bất cứ liên minh nào, mà chỉ tán thành liên minh với trung nông, tức là liên minh bảo đảm *vai trò lãnh đạo* của giai cấp công nhân, *củng cố* chuyên chính vô sản và *làm cho việc xóa bỏ các giai cấp được dễ dàng.*

Lê-nin nói :

« Muốn hiểu liên minh công nông thế nào thì tùy ý. Nếu không chú ý rằng liên minh, theo quan điểm của giai cấp công nhân, chỉ có thể thừa nhận được, đúng đắn và phù hợp với nguyên tắc của giai cấp công nhân, là khi nào liên minh đó ủng hộ chuyên chính của giai cấp công nhân và là một trong những biện pháp nhằm xóa bỏ các giai cấp, thì chắc chắn công thức liên minh công nông chỉ là một công thức do tất cả những kẻ thù của Chính quyền xô-viết và tất cả những kẻ thù của chuyên chính đề xướng ra trong lý luận của chúng mà thôi » (xem tập XXVI, tr. 387)*.

Lê-nin lại nói :

« Ngày nay, giai cấp vô sản nắm chính quyền và lãnh đạo chính quyền. Giai cấp vô sản lãnh đạo nông dân. Lãnh đạo nông dân là thế nào ? Trước hết, lãnh đạo nông dân có nghĩa là hướng tới việc xóa bỏ các giai cấp, chứ không phải hướng tới nền sản xuất hàng hóa nhỏ. Nếu chúng ta đi chệch đường lối đó, đường lối cơ bản và chủ yếu, chúng ta sẽ không còn là những người xã hội chủ nghĩa nữa và chúng ta sẽ rơi vào lập trường của bọn tiểu tư sản, vào lập trường của bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng và bọn men-sê-vích, những bọn đó hiện nay là kẻ thù bỉ ổi nhất của giai cấp vô sản » (xem tập XXVI, tr. 399-400)**.

Vậy đó là quan điểm của Lê-nin về liên minh với quần chúng cơ bản trong nông dân, về liên minh với trung nông.

Sai lầm của nhóm Bu-kha-rin trong vấn đề trung nông là ở chỗ họ không thấy được bản chất hai mặt, không thấy được địa vị nước đôi của trung nông giữa giai cấp công nhân và bọn tư bản. Lê-nin đã nói : « Trung nông là một giai cấp lừng chừng ». Tại sao ? Vì một mặt thì trung nông là một người lao động, nên họ gần gũi với giai cấp công nhân ; nhưng, mặt khác, trung nông lại là người tư hữu, nên họ gần gũi với

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 32, tr. 382. *(B.T.)*

** Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 32, tr. 396. *(B.T.)*

cu-lắc. Và điều đó không phải chỉ đúng trên lý luận mà thôi. Thái độ lừng chừng ấy cũng biểu hiện từng ngày, từng giờ cả trong thực tiễn nữa.

Lê-nin nói:

«Nông dân khi họ là người lao động, thì tự họ ngả theo chủ nghĩa xã hội, họ thích nền chuyên chính của công nhân hơn là nền chuyên chính của giai cấp tư sản. Nhưng khi họ là người bán lúa mì, thì tự họ lại ngả về phía giai cấp tư sản, về phía buôn bán tự do, nghĩa là thụt lại đằng sau, đi lùi về phía chủ nghĩa tư bản cũ kỹ «từng quen thuộc», «vốn có xưa nay»» (xem tập XXIV, tr. 314)*.

Chính vì thế mà liên minh với trung nông chỉ có thể vững chắc nếu liên minh ấy nhằm chống các phần tử tư bản chủ nghĩa, chống chủ nghĩa tư bản nói chung; nếu nó bảo đảm vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong liên minh ấy; nếu nó làm cho việc xóa bỏ các giai cấp được dễ dàng.

Nhóm Bu-kha-rin quên mất những điều giản đơn và rõ ràng đó.

d) VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI VÀ QUAN HỆ THỊ TRƯỜNG

Sai lầm thứ tư của Bu-kha-rin là về vấn đề Chính sách kinh tế mới. Ở đây, sai lầm của Bu-kha-rin, chính là ở chỗ đồng chí ấy không thấy tính chất hai mặt của Chính sách kinh tế mới; đồng chí ấy chỉ thấy có một mặt thôi. Năm 1921, khi chúng ta đề ra Chính sách kinh tế mới, chúng ta đã nhằm đánh vào chủ nghĩa cộng sản thời chiến, vào một chế độ và một tình trạng đã bài trừ *mọi* tự do buôn bán của tư nhân, *bất kể là tự do như thế nào đi nữa*. Trước kia, chúng ta đã nhận rằng và hiện nay chúng ta cũng nhận rằng Chính sách kinh tế mới có nghĩa là một sự tự do buôn bán *nào đó* của tư nhân. Bu-kha-rin có nhớ đến mặt ấy của vấn đề. Đó là điều rất tốt.

---

* Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 29, tr. 359. *(B.T.)*

Nhưng Bu-kha-rin đã lầm khi cho rằng toàn bộ Chính sách kinh tế mới chỉ có mặt đó thôi. Bu-kha-rin quên rằng chính sách kinh tế mới còn có một mặt khác nữa. Vấn đề là ở chỗ Chính sách kinh tế mới không hề có nghĩa là một sự tự do buôn bán *hoàn toàn* của tư nhân, là sự hoành hành *tự do* của giá cả trên thị trường. Chính sách kinh tế mới, chính là sự tự do buôn bán của tư nhân trong những giới hạn *nhất định*, trong những khuôn khổ *nhất định, mà vai trò điều tiết trên thị trường là do Nhà nước đảm nhiệm*. Chính đó là mặt thứ hai của Chính sách kinh tế mới. Mà đối với chúng ta thì mặt thứ hai đó của Chính sách kinh tế mới quan trọng hơn mặt thứ nhất. Ở nước ta, không có hiện tượng giá cả tự do hoành hành trên thị trường, như thường xảy ra tại các nước tư bản chủ nghĩa. Về căn bản, giá lúa mì là do chúng ta quy định. Giá các sản phẩm công nghiệp là do chúng ta quy định. Để bình ổn giá các nông phẩm, chúng ta đang ra sức thực hiện chính sách giảm giá thành và hạ giá bán các sản phẩm công nghiệp. Tại các nước tư bản chủ nghĩa không có những điều kiện đặc biệt và riêng đó của thị trường, điều đó há chẳng phải là rõ ràng sao ?

Do đó mà chừng nào Chính sách kinh tế mới còn tồn tại, thì hai mặt của nó vẫn phải được duy trì : mặt thứ nhất, nhằm đánh vào chế độ cộng sản thời chiến và nhằm mục đích bảo đảm một sự tự do buôn bán *nào đó* của tư nhân ; và mặt thứ hai, nhằm đánh vào sự tự do buôn bán *hoàn toàn* của tư nhân và nhằm mục đích bảo đảm vai trò điều tiết của Nhà nước trên thị trường. Bỏ một trong hai mặt đó, thì các đồng chí sẽ không có Chính sách kinh tế mới nữa.

Bu-kha-rin nghĩ rằng mối nguy đối với Chính sách kinh tế mới chỉ có thể là ở phía « phái tả », ở phía những người muốn xóa bỏ *mọi* tự do buôn bán. Thế là sai. Thế là một sai lầm nghiêm trọng nhất. Hơn nữa, nguy cơ đó hiện nay không thực tế lắm, vì trong các tổ chức địa phương và trung ương của chúng ta, không có hoặc hầu như không có ai mà không hiểu được rằng duy trì một sự tự do buôn bán *nào đó* là hoàn toàn cần thiết và bổ ích.

Nguy cơ thực tế hơn, là nguy cơ ở phía phái hữu, ở phía những người muốn xóa bỏ vai trò điều tiết của Nhà nước trên thị trường, muốn « giải phóng » thị trường và do đó mở một kỷ nguyên tự do buôn bán hoàn toàn của tư nhân. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng hiện nay, nguy cơ phá hoại Chính sách kinh tế mới, ở phía phái hữu, là thực tế hơn nhiều.

Không được quên rằng thế lực tự phát tiểu tư sản chính đang hoạt động theo hướng đó, — theo hướng phá hoại của phía phái hữu đối với Chính sách kinh tế mới. Cũng nên nhớ rằng chính ở phía đó mà những lời kêu ca của bọn cu-lắc và của các phần tử khá giả, những lời kêu ca của bọn thương nhân tích trữ đầu cơ — bọn mà nhiều đồng chí chúng ta đã để cho chúng ảnh hưởng đến mình — đang tấn công Chính sách kinh tế mới. Bu-kha-rin không thấy nguy cơ thứ hai đó, nguy cơ thực sự của cuộc tấn công Chính sách kinh tế mới, — điều đó chứng tỏ một cách không thể chối cãi được rằng đồng chí ấy đã nhượng bộ trước áp lực của thế lực tự phát tiểu tư sản.

Bu-kha-rin đề nghị « bình thường hóa » thị trường và « vận dụng » giá cả thu mua lúa mì theo từng vùng, nghĩa là tăng giá lúa mì. Điều đó có nghĩa là thế nào? Điều đó có nghĩa là Bu-kha-rin không hài lòng về những điều kiện xô-viết của thị trường, là đồng chí ấy muốn giảm dần từng bước vai trò điều tiết của Nhà nước trên thị trường, và đề nghị nhượng bộ thế lực tự phát tiểu tư sản là thế lực đang phá hoại Chính sách kinh tế mới ở phía hữu.

Hãy tạm giả thiết rằng chúng ta làm theo lời khuyên của Bu-kha-rin. Kết quả sẽ ra sao ? Chúng ta nâng giá lúa mì lên, vào mùa thu chẳng hạn, vào đầu thời kỳ thu mua. Nhưng vì trên thị trường luôn luôn có đủ các hạng thương nhân đầu cơ tích trữ có thể mua lúa mì đắt lên gấp ba, mà chúng ta thì không thể chạy đua được với bọn đầu cơ vì chúng chỉ mua nhiều lắm là một chục triệu pút thôi, còn chúng ta thì phải mua đến hàng trăm triệu pút, nên bọn đầu cơ lúa mì vẫn cứ tích trữ lúa mì chờ cho giá lại lên cao hơn nữa. Vậy là đến mùa xuân, chính là lúc mà Nhà nước bắt đầu cần lúa mì hơn

hết thì chúng ta lại phải tăng giá lúa mì lên một lần nữa. Nhưng đến mùa xuân mà tăng giá lúa mì thì có nghĩa là thế nào ? Như thế có nghĩa là cắt cổ nông dân nghèo và các tầng lớp tiểu tư hữu ở nông thôn, là những người, chính họ, đến mùa xuân, cũng phải mua thêm lúa mì, một phần để làm giống, một phần để ăn, phải mua chính lúa mì mà họ đã bán hồi mùa thu với giá rẻ hơn. Làm như thế thì thử hỏi chúng ta có thể đạt được một kết quả nào đáng kể không, tức là có thể thu mua được đủ số lúa mì hay không ? Chắc là chúng ta sẽ không có được kết quả đó, bởi vì luôn luôn sẽ có những tên đầu cơ tích trữ lại mua lúa mì đó với giá cao gấp đôi gấp ba. Do đó ,chúng ta lại phải chuẩn bị tăng giá lúa mì lên nữa, và chúng ta sẽ không tài nào thắng được bọn đầu cơ và bọn tích trữ.

Vậy là một khi mà chúng ta đi vào con đường tăng giá lúa mì, thì chúng ta sẽ phải tiếp tục lăn theo cái dốc ấy, mà không chắc gì đã có được đủ số lúa mì.

Nhưng không phải chỉ có thế thôi đâu :

Thứ nhất, khi nâng giá *thu mua* lúa mì lên, chúng ta cũng sẽ phải nâng giá các nguyên liệu do nông nghiệp sản xuất thì mới giữ vững được một tỷ lệ nào đó trong giá cả các nông phẩm.

Thứ hai khi nâng giá thu mua lúa mì lên, chúng ta sẽ không thể giữ giá bán lẻ bánh mì tại thành thị ở mức thấp được,— do đó, chúng ta cũng sẽ buộc phải nâng giá *bán* bánh mì lên. Mà vì chúng ta không thể và không được làm thiệt hại đến công nhân, nên chúng ta sẽ phải tăng lương với một nhịp độ nhanh. Mà việc tăng lương đó không thể không làm cho giá các công nghiệp phẩm cũng lại tăng lên, nếu không thì có thể xảy ra tình trạng là các nguồn tài chính của thành thị sẽ tuôn về nông thôn, gây thiệt hại cho việc công nghiệp hóa.

Vậy là cuối cùng, chúng ta sẽ buộc phải điều chỉnh giá các công nghiệp phẩm và các nông phẩm, không phải trên cơ sở *hạ* giá hoặc ít ra thì cũng là trên cơ sở bình ổn vật giá, mà là trên cơ sở *tăng* giá của cả bánh mì lẫn các công nghiệp phẩm.

Nói một cách khác, chúng ta sẽ phải đi theo hướng *tăng cao giá* các công nghiệp phẩm và các nông phẩm.

Không khó gì mà không hiểu được rằng cách « vận dụng » giá cả như thế tất nhiên sẽ làm cho chính sách xô-viết về giá cả bị thủ tiêu hoàn toàn, làm cho vai trò điều tiết của Nhà nước trên thị trường bị xóa bỏ và làm cho thế lực tự phát tiểu tư sản tha hồ hoành hành.

Tình trạng đó sẽ có lợi cho ai ?

Chỉ có lợi cho các tầng lớp khá giả ở thành thị và nông thôn, vì rõ ràng là giai cấp công nhân cũng như nông dân nghèo và các tầng lớp tiểu tư hữu ở nông thôn đều không thể nào mua nổi những công nghiệp phẩm và nông phẩm giá đắt. Tình trạng đó sẽ có lợi cho bọn cu-lắc và những nông dân khá giả, cho bọn nép-man và các giai cấp giầu có khác.

Đó cũng là một sự liên minh, nhưng là một liên minh khác thường, liên minh với các tầng lớp giầu có ở thành thị và nông thôn. Công nhân và các tầng lớp tiểu tư hữu ở nông thôn sẽ hoàn toàn có quyền hỏi chúng ta rằng : chính quyền của các anh là chính quyền nào ? Là chính quyền của công nhân và nông dân hay là chính quyền của bọn cu-lắc và bọn nép-man ?

Cắt đứt với giai cấp công nhân và các tầng lớp tiểu tư hữu ở nông thôn, liên minh với các tầng lớp giầu có ở nông thôn và thành thị, đó là kết quả tất nhiên của việc « bình thường hóa » thị trường và của việc « vận dụng » giá lúa mì theo từng vùng do Bu-kha-rin đề ra.

Rõ ràng là đảng không thể đi vào con đường tai hại đó.

Tất cả những ý kiến của Bu-kha-rin về Chính sách kinh tế mới hỗn loạn đến mức nào và Bu-kha-rin đã bị lệ thuộc hẳn vào thế lực tự phát tiểu tư sản đến mức nào, điều đó thì thái độ quá ư tiêu cực của đồng chí ấy đối với các hình thức trao đổi mới giữa thành thị và nông thôn, giữa Nhà nước và nông dân cũng đã cho ta thấy rõ. Đồng chí ấy tức giận và lớn tiếng phản đối việc Nhà nước trở thành người cung cấp hàng hóa cho nông dân, và việc nông dân trở thành người cung cấp lúa mì cho Nhà nước. Đồng chí ấy coi việc đó như

là một sự vi phạm mọi quy tắc của Chính sách kinh tế mới, hầu như là một sự phá hoại Chính sách kinh tế mới. Người ta tự hỏi : tại sao lại như thế ? Vì những lý do nào ?

Nhà nước, công nghiệp quốc doanh cung cấp hàng hóa cho nông dân, không qua tay những người trung gian, và nông dân cung cấp lúa mì cho công nghiệp, cho Nhà nước, cũng không qua tay những người trung gian, thử hỏi như thế có hại gì không ?

Nông dân đã *biến thành* người cung cấp bông, củ cải đường, lanh cho nhu cầu của công nghiệp quốc doanh và công nghiệp quốc doanh biến thành người cung cấp công nghiệp phẩm, hạt giống và công cụ sản xuất cho các ngành nông nghiệp đó, thử hỏi rằng xét theo quan điểm của chủ nghĩa Mác và của chính sách mác-xít, thì điều đó có hại gì không ?

Ở đây, phương pháp dùng hợp đồng thu mua là phương pháp cơ bản để thiết lập những hình thức trao đổi mới giữa thành thị và nông thôn. Mà phương pháp dùng hợp đồng thu mua có trái với những nguyên tắc của Chính sách kinh tế mới chăng ?

Nhờ phương pháp dùng hợp đồng thu mua ấy mà nông dân *trở thành* người cung cấp cho Nhà nước không những chỉ có bông, củ cải đường, lanh, mà cả lúa mì nữa, thử hỏi điều đó có hại gì không ?

Tại sao việc buôn bán nhỏ, việc buôn bán lẻ có thể được coi là lưu thông hàng hóa, còn việc buôn bán lớn bằng hợp đồng ký trước (hợp đồng thu mua) về giá cả và chất lượng hàng hóa, thì lại không thể coi là lưu thông hàng hóa được ?

Những hình thức mới có tính chất quần chúng để trao đổi hàng hóa giữa thành thị và nông thôn, theo phương pháp hợp đồng, đã nảy sinh ra chính ngay trên cơ sở Chính sách kinh tế mới, và là một bước tiến rất lớn đối với các tổ chức của chúng ta, về mặt tăng cường sự lãnh đạo xã hội chủ nghĩa, sự lãnh đạo theo kế hoạch đối với nền kinh tế quốc dân của chúng ta, thử hỏi điều đó có gì khó hiểu không ?

Bu-kha-rin lại đã mất thói quen hiểu những điều giản đơn và rõ ràng đó.

đ) VỀ CÁI GỌI LÀ « CỐNG VẬT »

Sai lầm thứ năm của Bu-kha-rin (tôi nói những sai lầm chính của đồng chí ấy) là xuyên tạc theo kiểu cơ hội chủ nghĩa, đường lối của đảng về vấn đề « cánh kéo » giữa thành thị và nông thôn, về vấn đề « cống vật ».

Trong nghị quyết mà mọi người đã biết, do phiên họp liên tịch giữa Bộ Chính trị và Chủ tịch đoàn Ban Kiểm tra trung ương (tháng Hai 1929) đã thông qua, về vấn đề « cánh kéo », đã nói gì ? Nói rằng : ngoài những thuế thường, thuế trực tiếp và gián tiếp mà nông dân đóng cho Nhà nước, thì nông dân còn phải đóng một món gần giống như thuế ngoại ngạch, dưới hình thức là nông dân phải mua hàng công nghiệp với giá cao và phải bán sản phẩm nông nghiệp với giá hạ.

Có đúng là thứ thuế ngoại ngạch đó của nông dân là có thực không ? Phải, đúng như thế. Chúng ta còn gọi điều đó bằng tên nào khác không ? Chúng ta còn gọi là « cánh kéo », là « việc dồn » những tài nguyên của nông nghiệp vào công nghiệp, nhằm đẩy mạnh sự phát triển nền công nghiệp của chúng ta.

« Việc dồn » như thế có cần thiết không ? Chúng ta, không ai không đồng ý là « việc dồn » như thế, biện pháp tạm thời, là cần thiết, nếu chúng ta thật sự muốn công nghiệp được tiếp tục phát triển với một nhịp độ nhanh. Vả lại, dù sao chúng ta cũng phải thúc đẩy đà phát triển nhanh chóng của công nghiệp, vì sự phát triển đó không những cần thiết cho chính ngay công nghiệp, mà trước hết là cần thiết cho nông nghiệp, cho nông dân là những người, hơn ai hết, hiện nay đang cần đến những máy kéo, những máy móc nông nghiệp, phân bón.

Hiện nay chúng ta có thể bỏ ngay được thứ thuế ngoại ngạch đó không ? Đáng tiếc là chưa có thể được. Sau đây, khi nào có thể được, thì chúng ta phải bỏ đi. Nhưng hiện giờ chúng ta chưa thể bỏ đi ngay lập tức được.

Như thế là, thứ thuế ngoại ngạch đó, kết quả của tình trạng « cánh kéo », là một « thứ gần giống như cống vật ». Không phải là một cống vật, nhưng là một « thứ gần giống như

cống vật ». Đó là vì chúng ta lạc hậu nên phải chịu cái « thứ gần giống như cống vật » ấy. Thứ thuế ngoại ngạch đó là cần thiết để thúc đẩy công nghiệp phát triển và chấm dứt tình trạng lạc hậu của chúng ta.

Như thế có phải là trong khi thu thứ thuế phụ thêm đó, chúng ta đã bóc lột nông dân không ? Cố nhiên là không. Bản chất của Chính quyền xô-viết không cho phép Nhà nước thực hành bất cứ một cách bóc lột nào đối với nông dân. Trong những bài diễn văn mà các đồng chí chúng ta đã đọc trước hội nghị toàn thể hồi tháng Bảy[6], đều có nói rõ rằng trong khuôn khổ chế độ xô-viết, *không có* việc Nhà nước xô-viết bóc lột nông dân, vì phúc lợi của nông dân lao động được nâng cao không ngừng là một quy luật phát triển của xã hội xô-viết, điều đó loại trừ mọi khả năng bóc lột nông dân.

Thứ thuế phụ thêm đó, nông dân có đủ sức đóng không ? Có, nông dân đủ sức đóng. Tại sao ?

Một là vì việc thu thứ thuế ngoại ngạch đó được tiến hành trong lúc mà hoàn cảnh vật chất của nông dân đang được cải thiện không ngừng.

Hai là vì nông dân đều có một sản nghiệp riêng ở nông thôn, mà số thu nhập cho phép họ có thể đóng được thứ thuế phụ thêm đó, còn trường hợp công nhân thì không thế, công nhân không có doanh nghiệp riêng, thế mà họ còn dốc hết sức lực vào sự nghiệp công nghiệp hóa.

Ba là vì tỷ suất thuế phụ thêm hàng năm cứ giảm dần xuống.

Nói rằng thứ thuế phụ thêm đó là một « thứ giống như cống vật », như thế có đúng không ? Hoàn toàn đúng. Nói như thế là chúng ta ám chỉ cho các đồng chí chúng ta hiểu rằng thuế phụ thêm là điều đáng ghét, không ai ưng cả, rằng duy trì thuế đó trong một thời gian dài là điều không thể tha thứ được. Dùng những tiếng đó để gọi thứ thuế phụ thêm đánh vào nông dân, chúng ta muốn nói rằng chúng ta áp dụng thuế đó không phải là do chúng ta muốn như thế, mà là do cần thiết ; rằng chúng ta, những người bôn-sê-vích,

chúng ta phải dùng đủ mọi biện pháp để xóa bỏ thứ thuế phụ thêm đó đi khi nào có điều kiện thì xóa bỏ ngay, xóa bỏ càng nhanh càng tốt.

Đó là thực chất của vấn đề nói về « cánh kéo », về « việc dồn », về « thuế ngoại ngạch », về cái mà những tài liệu trên đây gọi là « thứ giống như cống vật ».

Có một dạo Bu-kha-rin, Ru-cốp và Tôm-ski đã tìm cách vin vào chữ « cống vật » mà buộc cho đảng là thi hành một chính sách bóc lột có tính chất phong kiến và quân sự đối với nông dân. Nhưng, hiện nay thì ngay những kẻ đui mù cũng thấy rằng đó là những người thuộc phái Bu-kha-rin đã mưu toan một cách bất chính để nói xấu đảng ta một cách thô bạo nhất. Chính họ hiện nay cũng bắt buộc phải mặc nhiên thừa nhận rằng họ đã thất bại thảm hại trong khi họ ba hoa về sự bóc lột có tính chất phong kiến và quân sự.

Vì trong hai điều tất phải là một :

hoặc là những người thuộc phái Bu-kha-rin thừa nhận rằng, hiện nay, tình trạng « cánh kéo » và « việc dồn » những tài nguyên của nông nghiệp vào công nghiệp là điều không thể tránh khỏi, nhưng thế thì họ phải công nhận rằng những lời buộc tội của họ có tính chất nói xấu và công nhận rằng chính sách của đảng là hoàn toàn có căn cứ ;

hoặc là họ không công nhận rằng, hiện nay, tình trạng « cánh kéo » và « việc dồn » là điều không thể tránh được, nhưng thế thì họ cứ việc nói thẳng ra, để cho đảng có thể liệt họ vào hạng những kẻ phản đối việc công nghiệp hóa nước ta.

Dầu sao tôi cũng có thể chứng dẫn một số những diễn văn của Bu-kha-rin, Ru-cốp và Tôm-ski, trong đó các đồng chí ấy hoàn toàn thừa nhận rằng hiện nay tình trạng « cánh kéo », « việc dồn » những tài nguyên của nông nghiệp vào công nghiệp là điều không thể tránh khỏi được. Nhưng thế tức là các đồng chí ấy thừa nhận công thức « thứ giống như cống vật ».

Như vậy, thử hỏi các đồng chí ấy có tiếp tục tán thành « việc dồn » đó, việc duy trì « cánh kéo » trong lúc này hay không ? Thì các đồng chí ấy cứ việc nói ra cho rõ ràng.

Bu-kha-rin. Việc dồn là cần thiết, nhưng tiếng « cống vật » không phải là một chữ dùng đúng chỗ. *(Cả phòng cười vui vẻ.)*

Sta-lin. Như vậy là chúng ta *không có ý kiến bất đồng về thực chất của vấn đề*; vậy « việc dồn » những tài nguyên của nông nghiệp vào công nghiệp, cái mà người ta gọi là « cánh kéo », thuế phụ thêm, « thứ giống như cống vật », tất cả những cái đó là một biện pháp cần thiết, nhưng tạm thời, để công nghiệp hóa nước nhà trong lúc này.

Hay lắm. Vậy thế là cái gì, tại sao lại có tiếng xì xào như thế ? Tiếng « cống vật » hay « thứ giống như cống vật » không làm cho các đồng chí ấy vừa lòng, vì các đồng chí ấy cho rằng trong văn học mác-xít, không dùng đến tiếng đó hẳn ?

Được, thế thì chúng ta hãy nói về tiếng « cống vật ».

Các đồng chí, tôi quả quyết rằng tiếng đó đã được văn học mác-xít dùng đến từ lâu rồi, chẳng hạn như trong những trước tác của đồng chí Lê-nin. Điều đó có thể làm cho những kẻ nào không đọc Lê-nin lấy làm ngạc nhiên, nhưng sự thật là thế đấy, các đồng chí ạ. Ở đây, Bu-kha-rin đã « hết sức cố gắng » để chỉ ra rằng văn học mác-xít tựa hồ như không thể dung nạp được tiếng « cống vật ». Đồng chí ấy phẫn nộ và ngạc nhiên rằng Ban Chấp hành trung ương đảng và những người mác-xít nói chung đã tự tiện dùng tiếng « cống vật ». Nhưng ở đấy, nào có gì đáng lấy làm ngạc nhiên, nếu rõ ràng là đã từ lâu rồi, tiếng đó đã được dùng trong những trước tác của một người mác-xít như đồng chí Lê-nin ? Hay là theo quan điểm của Bu-kha-rin, thì có lẽ Lê-nin chưa có đủ điều kiện để làm một người mác-xít chăng ? Thế thì, cứ việc nói thẳng ra, các đồng chí thân mến ạ ?

Chúng ta hãy lấy, chẳng hạn, một bài của một người mác-xít là Lê-nin : « Về bệnh ấu trĩ « tả khuynh » và tâm lý tiểu tư sản » (tháng Năm 1918), và hãy đọc đoạn sau đây :

« Người tiểu tư sản nhặt nhạnh những khoản nhỏ mấy nghìn và mấy trăm, là kẻ thù của chủ nghĩa tư bản Nhà nước ; tất cả những

nghìn bạc đó, họ muốn kiếm được hoàn toàn riêng cho họ, chống lại những người nghèo, chống lại tất cả sự kiểm soát của Nhà nước ; thế mà tổng cộng những số hàng nghìn đó lại thì thành hàng nghìn triệu làm cơ sở cho sự đầu cơ phá hoại công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Giả sử rằng một số công nhân của chúng ta trong vài ba ngày sản xuất được một tổng số giá trị là 1.000. Lại giả sử rằng 200 trong số đó, ở nước ta, bị mất đi do nạn đầu cơ nhỏ, do đủ mọi cách ăn cắp và do các mánh khóe mà những người sở hữu nhỏ đã dùng để « trốn thoát » những sắc lệnh và những biện pháp xô-viết. Mọi công nhân giác ngộ sẽ nói rằng : nếu tôi có thể bỏ ra 300 trong số 1.000 đó để làm cho có được trật tự hơn và tổ chức hơn, thì tôi sẽ sẵn lòng bỏ ra 300 chứ không phải 200, bởi vì khi mà đã có trật tự và tổ chức, khi mà đã triệt để thanh toán được tình trạng những lợi ích tư nhân vụn vặt làm hại đến mọi độc quyền của Nhà nước, thì sau đó việc giảm thứ « cống vật » đó ở trong chế độ xô-viết chẳng hạn xuống đến 100 hay 50, sẽ là một nhiệm vụ rất dễ dàng » (xem tập XXII, tr. 515)*.

Tôi thiết tưởng như thế là rõ ràng rồi. Như vậy liệu có nên tuyên bố rằng đồng chí Lê-nin là người ủng hộ chính sách bóc lột giai cấp công nhân theo lối phong kiến và quân sự không ? Hãy tuyên bố như thế xem, các đồng chí thân mến !

Một người nói. Tuy nhiên, người ta chưa bao giờ dùng khái niệm « cống vật » đối với trung nông cả.

Sta-lin. Có lẽ đồng chí tưởng rằng trung nông gần đảng hơn giai cấp công nhân chăng ? Xét về mặt là người mác-xít, thì đồng chí chỉ là một người mác-xít tồi thôi. *(Cả phòng cười vui vẻ.)* Nếu người ta có thể nói đến « cống vật » đối với giai cấp công nhân mà chúng ta là chính đảng của họ, thì tại sao lại không nói được như thế đối với trung nông, vì trung nông bất quá chỉ là đồng minh của chúng ta thôi ?

Có những kẻ trong đám thông thái rởm có thể tưởng rằng tiếng « cống vật » trong tác phẩm *Bệnh ấu trĩ « tả khuynh »*, chỉ là một sự lầm lẫn của đồng chí Lê-nin thôi, một sự lầm lẫn do ngẫu nhiên mà có thôi. Nhưng kiểm nghiệm lại thì

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 27, tr. 305. *(B.T.)*

thấy rõ rằng sự nghi ngờ đó của những kẻ thông thái rởm là hoàn toàn không có căn cứ. Hãy lấy một bài khác hay nói đúng ra một cuốn sách nhỏ của đồng chí Lê-nin *Bàn về thuế lương thực* (tháng Tư 1921), và hãy đọc trang 324 (xem tập XXVI, tr. 324)*. Các đồng chí sẽ thấy rằng đoạn văn vừa trích dẫn lúc nãy, nói về vấn đề « cống vật », đã được đồng chí Lê-nin chép lại nguyên văn. Sau hết hãy xem bài *Nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết* của Lê-nin (xem tập XXII, tr. 448, tháng Ba - tháng Tư 1918)**, thì các đồng chí sẽ thấy rằng trong bài này nữa, Lê-nin cũng lại nói đến « cống vật (lần này thì không có đặt trong dấu nháy), mà chúng ta phải chịu vì chúng ta đã lạc hậu về phương diện tổ chức thống kê và về phương diện thực hành toàn dân kiểm tra từ dưới lên ».

Do đó cho nên *tiếng* « cống vật » không phải là một cái gì ngẫu nhiên trong những trước tác của Lê-nin. *Tiếng* đó, Lê-nin đã dùng để nhấn mạnh tính chất tạm thời của « cống vật », để kích thích nghị lực của những người bôn-sê-vích và hướng nghị lực đó sao cho thanh toán được, khi có thể, chính ngay cái « cống vật » đó mà giai cấp công nhân phải chịu vì tình trạng lạc hậu của chúng ta, vì « những thiếu sót » của chúng ta.

Do đó, khi dùng từ ngữ « thứ giống như cống vật » là tôi đã khá đồng tình với những người mác-xít, đồng tình với đồng chí Lê-nin.

Ở đây, Bu-kha-rin đã nói rằng những người mác-xít không nên dung nạp chữ « cống vật » trong các sách báo của mình. Đồng chí ấy nói đến những người mác-xít nào đây ? Nếu đồng chí ấy định nói đến những kẻ tự xưng là mác-xít như Slép-cốp, Ma-rét-ski, Pê-tơ-rốp-ski, Rô-dít, v.v., là những kẻ giống với phái tự do hơn là giống những người mác-xít, thì sự phẫn nộ của Bu-kha-rin là hoàn toàn có thể hiểu được.

---

* Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 32, tr. 311 - 312. *(B.T.)*

** Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 27, tr. 222. *(B.T.)*

Nếu đồng chí ấy định nói đến những người mác-xít chân chính, chẳng hạn như đồng chí Lê-nin, thì phải thừa nhận rằng tiếng « cống vật » đã được những người mác-xít chân chính ấy công nhận từ lâu rồi, còn Bu-kha-rin vì chưa hiểu rõ lắm những tác phẩm của Lê-nin, nên ở đây đồng chí ấy đã lầm to.

Nhưng vấn đề « cống vật » không phải chỉ có thế thôi đâu. Bu-kha-rin và các bạn của đồng chí ấy đã vin vào tiếng « cống vật » để nói đến chính sách bóc lột có tính chất phong kiến và quân sự đối với nông dân, và không phải là ngẫu nhiên mà nói như thế đâu. Không còn nghi ngờ gì nữa, trong khi làm rùm beng chung quanh vấn đề bóc lột theo kiểu phong kiến và quân sự, các đồng chí ấy muốn tỏ rõ rằng họ hết sức bất bình về chính sách của đảng ta đối với bọn cu-lắc, chính sách mà các tổ chức của chúng ta đã thi hành. Bất bình với chính sách lê-nin-nít của đảng về mặt lãnh đạo nông dân, với chính sách thu mua lúa mì, với chính sách của chúng ta nhằm phát triển đến tột độ những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, sau hết là muốn «giải phóng» thị trường và công nhận cho thương nghiệp tư nhân được hoàn toàn tự do, tất cả những điều đó giải thích tại sao Bu-kha-rin lại kêu la về chính sách bóc lột theo kiểu phong kiến và quân sự đối với nông dân.

Trong lịch sử đảng ta, tôi không thấy một ví dụ nào khác nữa về việc đảng ta bị buộc lỗi là đã thực hành một chính sách bóc lột theo kiểu phong kiến và quân sự. Thứ võ khí đó để chống lại đảng, người ta đã không lấy trong xưởng võ khí của những người mác-xít ra. Thế thì võ khí ấy lấy ở đâu ra ? Lấy trong xưởng võ khí của lãnh tụ đảng dân chủ-lập hiến là Mi-li-u-cốp. Khi bọn dân chủ - lập hiến muốn chia rẽ giai cấp công nhân với nông dân, thì họ quen nói rằng : thưa các ngài bôn-sê-vích, các ngài xây dựng chủ nghĩa cộng sản trên xương máu của nông dân. Làm rùm beng chung quanh vấn đề « cống vật » là Bu-kha-rin đã bợ đỡ các ngài Mi-li-u-cốp, đã theo đuôi những kẻ thù của nhân dân.

e) VỀ VẤN ĐỀ NHỊP ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHIỆP VÀ NHỮNG HÌNH THỨC LIÊN MINH MỚI GIỮA THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

Sau cùng, chúng ta bàn về vấn đề nhịp độ phát triển của công nghiệp và những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn. Vấn đề đó là một vấn đề quan trọng nhất trong những ý kiến bất đồng của chúng ta. Tầm quan trọng của vấn đề đó là ở chỗ nó là điểm tập trung tất cả những đầu mối của những ý kiến bất đồng của chúng ta *về mặt thực tiễn* trên các vấn đề thuộc chính sách kinh tế của đảng.

Những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn là thế nào ? về phương diện chính sách kinh tế của chúng ta, thì điều đó có nghĩa là gì ?

Trước hết có nghĩa là, ngoài những hình thức liên minh cũ giữa thành thị và nông thôn, khi mà công nghiệp chỉ thỏa mãn chủ yếu là những nhu cầu ***cá nhân*** của người nông dân (vải sợi bông, giày dép, vải vóc nói chung, v.v.), chúng ta còn cần phải có những hình thức liên minh mới nữa, khi mà công nghiệp thỏa mãn được những nhu cầu của kinh tế nông dân về phương diện ***sản xuất*** (máy móc nông nghiệp, máy kéo, những hạt giống đã được cải lương, phân bón, v.v.).

Nếu trước kia, chúng ta đã thỏa mãn *chủ yếu là* những nhu cầu cá nhân của người nông dân mà không quan tâm cho lắm đến những nhu cầu của nền kinh tế của họ về phương diện sản xuất, thì ngày nay, chúng ta phải vừa tiếp tục thỏa mãn những nhu cầu cá nhân của nông dân, vừa dốc hết sức lực ra để cung cấp những máy móc nông nghiệp, máy kéo, phân bón, v.v., tất cả những thứ gì có liên quan trực tiếp với việc cải tạo sản xuất nông nghiệp trên một cơ sở kỹ thuật mới.

Chừng nào mà còn nói đến vấn đề *khôi phục* nông nghiệp và vấn đề nông dân khai thác những đất đai trước kia là của bọn đại địa chủ và bọn cu-lắc, thì chúng ta còn có thể tự thỏa mãn được với những hình thức liên minh cũ. Nhưng hiện nay, khi mà vấn đề là *cải tạo* nông nghiệp, thì như thế không đủ nữa.

Bây giờ chúng ta phải đi xa hơn nữa và giúp nông dân cải tạo sản xuất nông nghiệp của họ trên cơ sở kỹ thuật hiện đại và lao động tập thể.

Thứ nữa là, song song với việc thiết bị lại công nghiệp của chúng ta, chúng ta phải bắt đầu một cách nghiêm chỉnh vào việc thiết bị lại nông nghiệp. Chúng ta đang thiết bị lại và đã thiết bị lại được một phần công nghiệp của chúng ta, bằng cách đặt cho công nghiệp một cơ sở kỹ thuật mới, bằng cách cung cấp cho nó những máy móc mới đã cải tiến, những cán bộ mới, giỏi hơn. Chúng ta xây dựng những nhà máy và công xưởng mới ; chúng ta xây dựng lại và mở rộng những nhà máy cũ ; chúng ta phát triển ngành luyện kim, ngành công nghiệp hóa học và những ngành chế tạo máy móc. Trên cơ sở đó, những thành phố ngày càng to lớn lên, những trung tâm công nghiệp mới nhiều thêm, những trung tâm công nghiệp cũ được mở rộng ra. Trên cơ sở đó, yêu cầu về lương thực tăng lên, yêu cầu về nguyên liệu cho công nghiệp tăng lên. Thế mà nông nghiệp vẫn y như cũ, với những nông cụ cổ, với phương pháp canh tác cổ xưa, với kỹ thuật nguyên thủy cổ lỗ, hiện nay không dùng được nữa hay gần như không dùng được nữa, với những hình thức cá nhân quản lý cũ, cá nhân lao động cũ, đặc biệt của những người tiểu nông.

Chẳng hạn, trước cách mạng chúng ta chỉ có 16 triệu nông hộ, mà hiện nay thì chúng ta có ít nhất là 25 triệu nông hộ, sự thật đó nói lên cái gì ? Điều đó nói lên cái gì, nếu không phải là nói lên rằng nông nghiệp của chúng ta ngày càng có tính chất phân tán, tính chất chia nhỏ ra. Mà đặc điểm của kinh tế tiểu nông phân tán là nó không thể tận dụng được đầy đủ kỹ thuật, máy móc, máy kéo, những thành tựu của khoa học nông nghiệp ; kinh tế đó là kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa.

Do đó, nên thiếu sản phẩm nông nghiệp để cung cấp cho thị trường.

Do đó, mà có nguy cơ tan vỡ mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Do đó, cần phải thúc đẩy nông nghiệp phát triển, phải làm cho nông nghiệp ăn khớp với nhịp độ phát triển công nghiệp của chúng ta.

Và muốn cho nguy cơ tan vỡ đó không xảy ra, thì phải bắt tay một cách nghiêm chỉnh vào việc cải tạo lại nông nghiệp trên cơ sở một kỹ thuật mới. Nhưng muốn cải tạo lại nông nghiệp thì phải tuần tự tập hợp những nông hộ cá thể manh mún thành những nông trang lớn, thành nông trang tập thể ; phải xây dựng nông nghiệp trên cơ sở lao động tập thể ; phải mở rộng những nông trang tập thể, phát triển những nông trường quốc doanh cũ và mới ; phải áp dụng một cách có kế hoạch và phổ biến phương pháp ký hợp đồng thu mua trong tất cả các ngành chủ yếu của nông nghiệp ; phải mở rộng hệ thống những trạm máy nông nghiệp và máy kéo, những trạm đó sẽ giúp nông dân hấp thu được kỹ thuật mới và tập thể hóa lao động, — nói tóm lại, là phải tuần tự hướng những nông hộ cá thể nhỏ tới nền sản xuất tập thể lớn, vì chỉ có nền sản xuất đại quy mô theo kiểu tập thể mới có thể tận dụng được những thành tựu của khoa học và kỹ thuật mới và làm cho nông nghiệp của chúng ta tiến được những bước khổng lồ.

Dĩ nhiên, nói như thế không có nghĩa là chúng ta không ngó ngàng gì đến kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông. Hoàn toàn không có nghĩa là như vậy. Kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông hiện đang có và trong tương lai gần đây vẫn còn có một tác dụng chủ yếu trong việc tiếp tế lương thực và nguyên liệu cho công nghiệp. Chính vì thế mà phải giúp đỡ kinh tế cá thể, chưa hợp thành nông trang tập thể, của nông dân nghèo và trung nông.

Nhưng như thế có nghĩa là kinh tế nông dân cá thể, một mình nó, thì không đủ nữa *rồi*. Những khó khăn của chúng ta trong việc thu mua lúa mì chứng tỏ điều đó. Bởi thế nên phải *bổ sung* cho sự phát triển của kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông bằng cách phát triển đến cao độ những hình thức kinh tế tập thể và những nông trường quốc doanh.

Bởi vậy, chúng ta phải bắc một cái cầu giữa kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông với những hình thức kinh tế tập thể và công cộng bằng cách áp dụng một cách phổ biến những hợp đồng thu mua, bằng cách thành lập những trạm máy nông nghiệp và máy kéo, bằng cách dùng đủ mọi phương

tiện mà phát triển những hợp tác xã, để làm cho nông dân dễ dàng chuyển kinh tế cá thể nhỏ của họ vào con đường lao động tập thể.

Thiếu những điều kiện đó, thì không thể phát triển nông nghiệp một cách thật sự được. Thiếu những điều kiện đó, thì không thể giải quyết được vấn đề ngũ cốc. Thiếu những điều kiện đó thì không sao làm cho những tầng lớp tiểu tư hữu ở nông thôn ra khỏi tình trạng phá sản, tình trạng cùng khổ được.

Cuối cùng, như thế có nghĩa là : phải dùng đủ mọi cách mà phát triển công nghiệp của chúng ta lên, theo hướng là cải tạo nó, vì công nghiệp là nguồn chủ yếu cung cấp cho sản xuất nông nghiệp, phải phát triển ngành luyện kim, công nghiệp hóa học, những ngành chế tạo máy móc ; phải xây dựng những nhà máy chế tạo máy kéo và máy móc nông nghiệp, v.v.

Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng không áp dụng một cách phổ biến những hợp đồng thu mua để đưa quần chúng cơ bản trong nông dân vào con đường quản lý tập thể,không cung cấp cho nông nghiệp một số đáng kể những máy kéo, máy móc nông nghiệp v.v., thì không thể nào phát triển nông trang tập thể được, không thể nào phát triển những trạm máy móc và máy kéo được.

Nhưng nếu không phát triển công nghiệp của chúng ta với một nhịp độ ngày càng nhanh thì không thể cung cấp cho nông thôn những máy móc và máy kéo được. Do đó, nhịp độ phát triển nhanh của công nghiệp của chúng ta là then chốt để cải tạo nông nghiệp trên cơ sở tập thể hóa.

Đó là ý nghĩa và tầm quan trọng của những hình thức liên minh mới.

Nhóm Bu-kha-rin bất đắc dĩ phải thừa nhận — trên lời nói — rằng cần phải có những hình thức liên minh mới. Nhưng đó chỉ là một sự thừa nhận *trên đầu lưỡi*, nhằm lấy cái việc thừa nhận trên đầu lưỡi những hình thức liên minh mới để che giấu một điều trực tiếp *ngược lại*. Thật ra thì Bu-kha-rin chống lại những hình thức liên minh mới giữa thành

thị và nông thôn. Theo Bu-kha-rin thì điểm xuất phát không phải là nhịp độ phát triển nhanh của công nghiệp, coi như chiếc đòn bẩy để cải tạo sản xuất nông nghiệp, mà lại là sự phát triển kinh tế nông dân cá thể. Đồng chí ấy đặt lên hàng đầu, việc « bình thường hóa » thị trường và việc chấp nhận cho giá cả được tự do tác động trên thị trường sản phẩm nông nghiệp, việc chấp nhận cho thương nghiệp tư nhân được hoàn toàn tự do. Do đó mà đồng chí ấy có thái độ không tin tưởng đối với những nông trang tập thể, thái độ đó đã biểu hiện trong bài diễn văn của đồng chí ấy đọc tại hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương hồi tháng Bảy, và trong những đề cương mà đồng chí ấy trình bày trước hội nghị này. Do đó mà đồng chí ấy có thái độ tiêu cực đối với tất cả những biện pháp bất thường đối với bọn cu-lắc, khi thu mua lúa mì, bất chấp những biện pháp ấy là biện pháp thế nào.

Người ta biết rằng Bu-kha-rin tránh những biện pháp bất thường như ma quỷ tránh bình nước thánh vậy.

Người ta biết rằng Bu-kha-rin, không làm sao mà hiểu được rằng, trong những hoàn cảnh hiện tại, bọn cu-lắc không vui lòng nộp và không nộp một cách tự phát đầy đủ lúa mì cho chúng ta đâu.

Bây giờ thì kinh nghiệm hai năm thi hành chính sách thu mua đã chứng tỏ điều đó.

Nhưng nếu dù làm thế nào cũng vẫn không có đủ được lúa mì hàng hóa, thì sao ? Đối với điều đó, Bu-kha-rin trả lời rằng : đừng làm cho bọn cu-lắc lo lắng vì những biện pháp bất thường, và hãy mua lúa mì của nước ngoài. Cách đây chưa lâu lắm, đồng chí ấy đã đề nghị nhập khẩu 50 triệu pút lúa mì, tính ra tiền là 100 triệu rúp vàng. Nhưng nếu chúng ta cần có ngoại tệ để nhập khẩu những thiết bị cho công nghiệp thì làm thế nào ? Đối với điều đó, Bu-kha-rin trả lời rằng : phải dành ưu tiên cho việc nhập khẩu lúa mì, như thế rõ ràng là nói phải để việc nhập khẩu thiết bị cho công nghiệp xuống hàng thứ yếu.

Như thế là cơ sở để giải quyết vấn đề ngũ cốc và cải tạo nông nghiệp sẽ không phải là nhịp độ phát triển nhanh của

công nghiệp, mà lại là sự phát triển của kinh tế nông dân cá thể, kể cả kinh tế cu-lắc, trên cơ sở thị trường tự do và giá cả tự do tác động.

Như thế là về mặt chính sách kinh tế, chúng ta đứng trước hai kế hoạch khác nhau :

Kế hoạch của đảng :

1. Chúng ta thiết bị lại công nghiệp (việc cải tạo).

2. Chúng ta tiến hành nghiêm chỉnh việc thiết bị lại nông nghiệp (việc cải tạo).

3. Muốn thế, phải mở rộng việc thành lập nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, dùng một cách phổ biến những hợp đồng thu mua và những trạm máy móc và máy kéo làm phương tiện để xây dựng sự *liên minh* giữa công nghiệp và nông nghiệp, *trong lĩnh vực sản xuất*.

4. Về mặt những khó khăn trong việc thu mua lúa mì hiện nay, phải coi là có thể dùng được những biện pháp bất thường tạm thời, được quần chúng nông dân nghèo và trung nông ủng hộ, coi như một trong những phương tiện để đập tan sự phản kháng của bọn cu-lắc và để lấy của chúng được đến mức tối đa số lúa mì còn thừa mà chúng ta đang cần để có thể không phải nhập khẩu lúa mì và giữ lại được những ngoại tệ để phát triển công nghiệp.

5. Kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông đang có và sẽ còn có một tác dụng chủ yếu trong việc tiếp tế lương thực và nguyên liệu cho nước nhà, nhưng chỉ có một mình kinh tế đó thì không đủ nữa rồi. Bởi vậy phải *bổ sung* cho sự phát triển của kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông bằng cách phát triển những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, bằng cách áp dụng một cách phổ biến những hợp đồng thu mua, bằng cách phát triển mạnh những trạm máy móc và máy kéo, tạo điều kiện thuận lợi để gạt ra khỏi nông nghiệp những phần tử tư bản chủ nghĩa và để chuyển dần những nông hộ cá thể vào con đường nông trang tập thể lớn, vào con đường lao động tập thể.

6. Nhưng muốn được như vậy, thì trước tiên phải thúc đẩy khẩn trương hơn sự phát triển của công nghiệp, của ngành luyện kim, của công nghiệp hóa học, của những ngành chế tạo máy móc, của những nhà máy làm máy kéo, nhà máy làm máy móc nông nghiệp, v.v. Không thế thì không sao giải quyết được vấn đề ngũ cốc, đồng thời cũng không thể cải tạo được nông nghiệp.

Kết luận : *nhịp độ phát triển nhanh của công nghiệp của chúng ta là then chốt của việc cải tạo nông nghiệp.*

Kế hoạch của Bu-kha-rin :

1. « Bình thường hóa » thị trường, chấp nhận cho giá cả tự do tác động trên thị trường và tăng giá lúa mì, dù những biện pháp đó có gây ra tình trạng giá cả những sản phẩm công nghiệp, những nguyên liệu và bánh mì lên cao đi nữa.

2. Dùng đủ mọi cách mà phát triển kinh tế nông dân cá thể, song song với việc giảm bớt một phần nào đó nhịp độ phát triển những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh (đề cương của Bu-kha-rin hồi tháng Bảy, diễn văn của Bu-kha-rin tại hội nghị toàn thể tháng Bảy).

3. Thu mua một cách tự phát ; luôn luôn và trong mọi trường hợp, cũng không áp dụng, ngay cả áp dụng một phần thôi, những biện pháp bất thường đối với bọn cu-lắc dù những biện pháp đó có được quần chúng nông dân nghèo trung nông ủng hộ đi nữa.

4. Trong trường hợp xảy ra thiếu lúa mì, thì nhập khẩu độ 100 triệu rúp lúa mì.

5. Và nếu thiếu ngoại tệ vừa để nhập khẩu lúa mì, vừa để nhập khẩu thiết bị cần thiết cho công nghiệp, thì phải giảm bớt nhập khẩu thiết bị đi, và do đó, giảm bớt nhịp độ phát triển của công nghiệp của chúng ta, — nếu không thì trong nước ta sẽ xảy ra tình trạng nông nghiệp « đứng ỳ một chỗ » và thậm chí là tình trạng nông nghiệp « chỉ có đơn thuần đi thụt lùi ».

Kết luận : *Sự phát triển của kinh tế nông dân cá thể là then chốt của việc cải tạo nông nghiệp.*

Đấy, sự tình là như thế đấy, các đồng chí ạ!

Kế hoạch của Bu-kha-rin nhằm *làm chậm* nhịp độ phát triển công nghiệp, nhằm phá hoại những hình thức liên minh mới.

Chỗ bất đồng ý kiến giữa chúng ta là như thế đấy.

Đôi khi người ta hỏi : có phải là, đối với sự phát triển những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn, đối với việc phát triển những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, v.v., thì chúng ta đã làm chậm không?

Lại có những người khẳng định rằng : về điểm đó, thì đảng đã làm chậm ít ra là hai năm. Như thế là sai, các đồng chí ạ. Hoàn toàn sai. Chỉ có những kẻ hay la lối thuộc « cánh tả », không hiểu một tí gì về kinh tế của Liên-xô, thì mới có thể nói như vậy được.

Về điểm đó, làm chậm nghĩa là thế nào? Nếu nói làm chậm là người ta muốn nói rằng phải nhìn thấy trước là cần phải có những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, thì chúng ta đã bắt đầu làm như thế trong Cách mạng tháng Mười rồi. Đảng đã nhìn thấy trước là cần phải có những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh ngay từ lúc đó rồi, tức là ngay trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười, đó là điều không ai có thể nghi ngờ gì được. Sau cùng, người ta có thể dẫn chứng cương lĩnh của chúng ta, cương lĩnh đã được đại hội VIII của đảng (tháng Ba 1919) thông qua. Trong cương lĩnh đó, việc cần thiết phải có những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh đã được xét đến một cách hết sức rành mạch.

Nhưng, để thực hành và tổ chức được một *phong trào quần chúng* ủng hộ nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, mà chỉ có việc những lãnh tụ đảng ta đã nhìn thấy trước sự cần thiết đó, thì cũng chưa đủ. Vậy vấn đề không phải là nhìn thấy trước, mà là *thực hiện* một kế hoạch xây dựng những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Mà việc

thực hiện một kế hoạch như thế đòi hỏi phải có cả một loạt điều kiện, những điều kiện này cho đến ngày nay ở nước ta cũng vẫn còn thiếu và chỉ mới xuất hiện trong thời gian gần đây thôi.

Vấn đề là như thế đấy, các đồng chí ạ.

Muốn thực hiện kế hoạch vận động quần chúng ủng hộ nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, thì những lãnh tụ của đảng, trước hết, phải được *quần chúng* đảng viên trong đảng ủng hộ. Mà như người ta đã biết, đảng ta có hơn một triệu đảng viên. Vậy phải thuyết phục cho quảng đại quần chúng đảng viên hiểu rằng chính sách mà các lãnh tụ của đảng thi hành là chính sách đúng. Đó là điểm thứ nhất.

Muốn được như vậy, thì sau nữa cần phải làm cho trong nông dân có một phong trào quần chúng ủng hộ nông trang tập thể, để họ không sợ nông trang tập thể mà tự nguyện xin gia nhập, và do kinh nghiệm bản thân mà tin chắc rằng nông trang tập thể là có lợi hơn nền kinh tế cá thể. Đó là điều quan trọng và đòi hỏi phải có một thời gian nào đó. Đó là điểm thứ hai.

Sau nữa, Nhà nước cần phải có những tài nguyên vật chất cần thiết để giúp đỡ tài chính cho việc xây dựng những nông trang tập thể, để giúp đỡ tài chính cho nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Muốn thế thì cần phải có hàng trăm và hàng trăm triệu rúp. Đó là điểm thứ ba.

Sau cùng, công nghiệp phải được phát triển đến mức tương đối đầy đủ, mức tương đối cần thiết để có thể cung cấp cho nông nghiệp những máy móc, máy kéo, phân bón v.v. Đó là điểm thứ tư.

Cách đây hai hay ba năm, liệu có thể khẳng định rằng ở nước ta đã có tất cả những điều kiện như thế rồi không? Không, không thể khẳng định như vậy được.

Cần phải nhớ rằng chúng ta là một đảng *cầm quyền, chứ không phải một đảng đối lập*. Một đảng đối lập có thể đưa ra những khẩu hiệu—tôi muốn nói là những khẩu hiệu thực tiễn, cơ bản của phong trào—để rồi khi lên nắm chính quyền thì

thực hiện những khẩu hiệu đó. Không ai có thể buộc tội một đảng đối lập là không thực hiện ngay lập tức những khẩu hiệu cơ bản của mình, vì ai cũng hiểu rằng đảng cầm quyền lúc đó không phải là đảng đối lập, mà là những đảng khác.

Đối với một đảng cầm quyền như trường hợp đảng bôn-sê-vích của chúng ta, thì lại khác hẳn. Những khẩu hiệu của một đảng như thế không phải đơn thuần là những khẩu hiệu cổ động, mà là một cái gì quan trọng hơn nhiều, bởi vì những khẩu hiệu đó có hiệu lực của một ***quyết định thực tiễn, hiệu lực của một đạo luật***, cần được đem thực hành ngay từ bây giờ. Đảng ta không thể tung ra một khẩu hiệu thực tiễn để rồi sau đó lại trì hoãn việc thực hành. Như thế sẽ là đánh lừa quần chúng. Muốn đưa ra một khẩu hiệu thực tiễn, nhất là khẩu hiệu quan trọng như khẩu hiệu chuyển đông đảo quần chúng nông dân lên con đường tập thể hóa, thì phải có đầy đủ những điều kiện cần thiết để thực hiện ngay khẩu hiệu đó, sau nữa cần phải tạo ra và tổ chức những điều kiện đó. Đó là lẽ tại sao chỉ có việc bộ phận lãnh đạo tối cao của đảng dự kiến rằng cần phải có những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, cũng chưa đủ. Đó là lẽ tại sao chúng ta còn cần phải có những điều kiện cần thiết để ***thực hiện***, để đem ***thực hành*** ngay những khẩu hiệu của chúng ta.

Cách đây hai hay ba năm chẳng hạn, ***quần chúng*** đảng viên đảng ta có sẵn sàng dùng đủ mọi phương tiện để phát triển những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh không? Không, họ chưa sẵn sàng để làm việc đó. Quần chúng đảng viên chúng ta chỉ mới bắt đầu chuyển hướng thật sự về những hình thức liên minh mới, sau khi gặp những khó khăn nghiêm trọng trong việc thu mua lúa mì thôi. Phải có những khó khăn nghiêm trọng đó thì quần chúng đảng viên ta mới cảm thấy rằng đẩy mạnh những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn và, trước hết, xây dựng những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh là cần thiết biết bao, và mới kiên quyết ủng hộ Ban Chấp hành trung ương của mình về vấn đề đó. Đó là một điều kiện mà trước kia chúng ta chưa có và bây giờ mới có được.

Trước đây hai hay ba năm, trong đông đảo quần chúng nông dân, đã có một phong trào quan trọng ủng hộ nông trang tập thể và nông trường quốc doanh chưa? Chưa. Ai cũng biết rằng, cách đây hai hay ba năm, nông dân đã tỏ ra thù địch với nông trường quốc doanh, còn đối với nông trang tập thể, thì họ coi là những « công xã » hoàn toàn vô ích. Còn bây giờ thì sao? Bây giờ thì khác rồi. Bây giờ thì đã có trọn cả những tầng lớp nông dân coi nông trường quốc doanh và nông trang tập thể như một nguồn giúp đỡ cho kinh tế nông dân về giống má, về súc vật đã được cải lương hơn, về máy móc, về máy kéo. Bây giờ thì chỉ cần cung cấp máy móc và máy kéo là sự nghiệp nông trang tập thể sẽ tiến lên với một nhịp độ ngày càng nhanh.

Do đâu mà có sự chuyển biến đó trong một số tầng lớp— khá lớn—trong nông dân? Cái gì đã làm cho sự chuyển biến đó được thuận lợi?

Trước hết là sự phát triển việc hợp tác hóa và những hợp tác xã. Chắc chắn rằng không có một sự phát triển mãnh liệt của việc hợp tác hóa, nhất là hợp tác hóa nông nghiệp, sự phát triển đã tạo ra trong nông dân một cơ sở tâm lý ủng hộ nông trang tập thể, thì có lẽ ngày nay chúng ta không có được cái đà phấn khởi của trọn cả những tầng lớp nông dân hướng theo nông trang tập thể như thế.

Ở đây, những nông trang tập thể tổ chức tốt — tức là những nông trang đã cho nông dân thấy những tấm gương tốt về cách người ta có thể cải thiện nông nghiệp bằng cách tập hợp những nông hộ nhỏ thành những nông trang lớn, thành những nông trang tập thể — cũng có một tác dụng lớn.

Ở đây, những nông trường quốc doanh tổ chức tốt đã giúp đỡ nông dân cải tiến kinh tế của họ, cũng có một tác dụng to lớn. Tôi không cần nói đến những sự việc khác mà toàn thể các đồng chí đã biết cả rồi. Vậy, đấy cũng lại là một điều kiện mà trước đây chúng ta chưa có và ngày nay chúng ta mới có.

Sau nữa, liệu có thể quả quyết rằng, cách đây hai hay ba năm, chúng ta cũng có khả năng để thật sự giúp đỡ tài chính cho các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh không? có khả năng dùng vào việc đó hàng trăm triệu rúp không? Không, không thể quả quyết như vậy được. Các đồng chí đều biết rằng trước đây chúng ta đã thiếu những tài nguyên ngay cả để phát triển cái mức tối thiểu về công nghiệp, mà không có nó thì bất cứ một thứ công nghiệp hóa nào nói chung cũng không thể có được, chứ đừng nói gì đến cải tạo nông nghiệp nữa. Trước kia liệu chúng ta có thể lấy những tài nguyên đó của công nghiệp, cơ sở của việc công nghiệp hóa đất nước, mà đem chuyển cho các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh không? Cố nhiên là trước kia chúng ta không làm như thế được. Thế còn bây giờ thì sao? Bây giờ thì chúng ta có những tài nguyên cần thiết để phát triển những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh.

Sau cùng, liệu có thể quả quyết được rằng, cách đây hai hay ba năm, công nghiệp của chúng ta đã là một cơ sở đủ sức cung cấp một cách mạnh mẽ máy móc, máy kéo, v. v. cho nông nghiệp rồi không? Không, không thể quả quyết như vậy được. Lúc đó, nhiệm vụ là phải tạo ra *một cơ sở công nghiệp tối thiểu để sau này* cung cấp máy móc và máy kéo cho nông nghiệp. Chính để tạo ra cơ sở đó mà chúng ta đã phải tiêu hết những nguồn tài chính nghèo nàn của chúng ta. Còn bây giờ thì sao? Bây giờ thì chúng ta đã có cơ sở công nghiệp đó cho nông nghiệp rồi. Dầu sao, cơ sở đó đã được tạo ra ở nước ta với một nhịp độ ngày càng nhanh.

Như vậy là chỉ trong những thời gian gần đây ở nước ta mới có những điều kiện cần thiết cho sự phát triển phổ biến những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh.

Tình hình là như thế đấy, các đồng chí ạ.

Đấy là lẽ tại sao người ta không có thể nói là đối với việc phát triển những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn, chúng ta đã làm chậm.

g) BU-KHA-RIN VỀ PHƯƠNG DIỆN LÀ MỘT NHÀ LÝ LUẬN

Những sai lầm chủ yếu của nhà lý luận thuộc phái đối lập hữu khuynh — Bu-kha-rin — về các vấn đề cơ bản trong chính sách của chúng ta, đại thể là như vậy.

Có người bảo rằng Bu-kha-rin là một trong những nhà lý luận của đảng ta. Hiển nhiên, đúng là như thế. Nhưng thật ra thì không phải lý luận của đồng chí ấy là hoàn toàn đúng cả. Số sai lầm mà đồng chí ấy đã phạm đối với lý luận và chính sách của đảng, những sai lầm tôi vừa nêu ra, đã chứng tỏ điều đó. Những sai lầm đó — về vấn đề Quốc tế Cộng sản, vấn đề đấu tranh giai cấp, vấn đề tính chất gay gắt hơn của đấu tranh giai cấp, vấn đề nông dân, vấn đề Chính sách kinh tế mới, vấn đề các hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông thôn, — tất cả những sai lầm đó của Bu-kha-rin không thể là những sai lầm ngẫu nhiên được. Không, những sai lầm đó không phải là ngẫu nhiên. Những sai lầm đó của Bu-kha-rin xuất phát từ lập trường lý luận không chính xác, từ những thiếu sót về lý luận của đồng chí ấy. Phải, Bu-kha-rin là một nhà lý luận, nhưng là một nhà lý luận không mác-xít cho lắm; muốn trở thành một nhà lý luận mác-xít, nhà lý luận ấy còn phải học tập thêm nữa mới được.

Có người nhắc đến bức thư của đồng chí Lê-nin nói về nhà lý luận Bu-kha-rin. Chúng ta hãy đọc bức thư đó :

« Trong số trung ương ủy viên trẻ tuổi, tôi muốn nói vài lời về Bu-kha-rin và Pi-a-ta-cốp. Theo ý tôi, họ là những người nổi bật nhất (trong số những trung ương ủy viên trẻ tuổi nhất), nên khi nhận định về họ, thì cần phải nhớ điểm sau đây : Bu-kha-rin không phải chỉ là một nhà lý luận rất lớn và rất quý của đảng, mà đúng ra thì còn là người được toàn đảng yêu quý nữa, nhưng ***những quan điểm lý luận của Bu-kha-rin mà lại coi là những quan điểm hoàn toàn mác-xít, thì điều đó thật đáng ngờ, vì ở đồng chí ấy có một cái gì có tính chất sách vở (đồng chí ấy không bao giờ nghiên cứu phép biện chứng và, theo tôi chưa hề hiểu thấu phép biện chứng**)**» (Báo cáo ghi tốc ký tại Hội nghị toàn thể tháng Bảy 1926 », quyển IV, tr. 66).

---

* Do tôi viết ngả. *J. Stalin.*

Như vậy là : nhà lý luận không hiểu thấu phép biện chứng. Nhà lý luận sách vở. Nhà lý luận mà « những quan điểm lý luận lại có thể coi là những quan điểm hoàn toàn mác-xít, thì điều đó thật đáng ngờ ». Lời nhận định của Lê-nin về bản sắc lý luận của Bu-kha-rin là như vậy.

Thưa các đồng chí, các đồng chí cũng tự hiểu rằng một nhà lý luận như thế còn cần phải học tập thêm nữa mới được. Và nếu Bu-kha-rin cũng nhận thấy rằng mình chưa phải là một nhà lý luận hoàn toàn thành thục ; rằng mình còn phải học tập thêm nữa ; rằng mình là một nhà lý luận chưa thấu hiểu phép biện chứng, mà phép biện chứng lại là linh hồn của chủ nghĩa Mác, — nếu Bu-kha-rin hiểu được tất cả những điều đó, thì đồng chí ấy sẽ tỏ ra khiêm tốn hơn và như thế thì đảng thấy chỉ có lợi hơn thôi. Nhưng khốn nỗi, Bu-kha-rin lại không phạm sai lầm là khiêm tốn thái quá. Khốn nỗi là đồng chí ấy không những không phạm sai lầm là khiêm tốn thái quá, mà lại có cái cao vọng lên mặt dạy vị thày của chúng ta là Lê-nin, về một số vấn đề và trước hết là về vấn đề Nhà nước. Điều không may cho Bu-kha-rin là ở chỗ đó.

Nhân tiện, tôi xin phép dẫn chứng cuộc tranh luận nổ ra năm 1916 giữa Lê-nin và Bu-kha-rin về vấn đề Nhà nước. Như thế thì chúng ta có thể thấy được những kỳ vọng quá quắt của Bu-kha-rin là muốn dạy Lê-nin, đồng thời thấy cả những nguồn gốc của những nhược điểm về lý luận của Bu-kha-rin trong các vấn đề quan trọng như vấn đề chuyên chính vô sản, đấu tranh giai cấp, v.v.

Như ai nấy đều biết rằng năm 1916, tạp chí *Quốc tế Thanh niên*[7] có đăng một bài báo của Bu-kha-rin, ký tên là *Nô-ta Bê-nê*, thực ra là viết để chống lại đồng chí Lê-nin. Trong bài báo đó, Bu-kha-rin viết :

« ... Tìm chỗ khác nhau giữa những người xã hội chủ nghĩa và những người vô chính phủ chủ nghĩa ở chỗ là những người xã hội chủ nghĩa thì ủng hộ Nhà nước còn những người vô chính phủ chủ nghĩa thì phản đối Nhà nước, như vậy là hoàn toàn sai lầm. Thực ra thì chỗ khác nhau là đảng xã hội-dân chủ cách mạng muốn tổ chức một nền sản xuất xã hội mới, một nền sản xuất tập trung, tức

là một nền sản xuất tiến bộ hơn về mặt kỹ thuật, khi mà nền sản xuất vô chính phủ chủ nghĩa phân tán chỉ là một bước lùi về kỹ thuật cũ, về hình thức xí nghiệp cũ...

... Đảng xã hội-dân chủ là, hay ít ra cũng phải là, người giáo dục quần chúng, thì lúc này hơn lúc nào hết, phải có nhiệm vụ tỏ rõ thái độ thù địch về nguyên tắc đối với Nhà nước... Cuộc chiến tranh hiện nay đã chứng tỏ rằng quan niệm về Nhà nước đã thâm nhập vào tâm hồn công nhân sâu xa biết mấy».

Phê bình những quan điểm ấy của Bu-kha-rin, Lê-nin viết trong một bài báo nổi tiếng, đăng năm 1916 :

« Như thế là sai. Tác giả đặt vấn đề tìm xem sự khác nhau giữa thái độ của những người xã hội chủ nghĩa và những người vô chính phủ chủ nghĩa *đối với Nhà nước*, là ở chỗ nào, nhưng lại *không* giải đáp vấn đề đó, mà đi giải đáp một vấn đề *khác* : thái độ riêng của họ đối với cơ sở kinh tế của xã hội mai sau khác thái độ của những người xã hội chủ nghĩa ở chỗ nào ? Đương nhiên, vấn đề đó rất quan trọng và cần thiết. Nhưng không thể vì thế mà có thể quên chỗ khác nhau *chủ yếu* trong thái độ của những người xã hội chủ nghĩa và những người vô chính phủ chủ nghĩa đối với Nhà nước được. Những người xã hội chủ nghĩa chủ trương dùng Nhà nước hiện đại và các cơ quan Nhà nước trong cuộc đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân, và cũng chủ trương là cần phải dùng Nhà nước làm một hình thức quá độ đặc biệt từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Chuyên chính vô sản là hình thức quá độ đó, nền chuyên chính đó *cũng* là một Nhà nước. Những người vô chính phủ chủ nghĩa muốn « thủ tiêu » Nhà nước, muốn « làm nổ tung » nó lên (« *sprengen* »), theo lời đồng chí Nô-ta Bê-nê phát biểu ở một nơi khác, khi gán một cách sai lầm quan điểm đó cho những người xã hội chủ nghĩa. Những người xã hội chủ nghĩa — khốn nỗi, tác giả đã dẫn chứng một cách rất thiếu sót đoạn văn của Ăng-ghen về vấn đề đó — thừa nhận rằng *sau khi* đã tước đoạt giai cấp tư sản rồi, thì Nhà nước sẽ « tiêu vong », sẽ « lịm » dần đi.

Để « nhấn mạnh » « thái độ thù địch về nguyên tắc » đối với Nhà nước, phải quan niệm thái độ đó một cách « rõ ràng » ; nhưng, chính điều mà tác giả còn thiếu, lại là một quan niệm rõ ràng. Còn câu nói về vấn đề « quan niệm về Nhà nước », thì thật là hoàn toàn mơ hồ, phi mác-xít và phi xã hội chủ nghĩa. Không phải là « quan niệm về Nhà nước » đã xung đột với quan niệm phủ nhận Nhà

nước, mà chính là chính sách cơ hội chủ nghĩa (tức là thái độ cơ hội chủ nghĩa, cải lương chủ nghĩa, tư sản đối với Nhà nước) đã xung đột với chính sách cách mạng của đảng xã hội-dân chủ, (tức là thái độ cách mạng của đảng xã hội-dân chủ đối với Nhà nước tư sản và đối với việc dùng Nhà nước để chống lại giai cấp tư sản nhằm mục đích đánh đổ giai cấp đó). Đó là những việc hoàn toàn, tuyệt đối khác nhau » (xem tập XIX, tr. 296)*.

Thiết tưởng người ta cũng thấy rõ rằng đoạn đó nói gì và Bu-kha-rin đã sa vào vũng bùn nửa vô chính phủ chủ nghĩa nào rồi.

Sten. Thời kỳ ấy, Lê-nin chưa vạch ra một công thức cặn kẽ hơn về sự tất yếu phải « làm nổ tung » Nhà nước. Bu-kha-rin, tuy có mắc những sai lầm vô chính phủ chủ nghĩa, nhưng đã đề cập đến việc nêu lên một công thức như thế.

Sta-lin. Không, hiện thời không phải là vấn đề đó ; hiện thời là vấn đề thái độ đối với Nhà nước nói chung, là vấn đề Bu-kha-rin cho rằng *về nguyên tắc* thì giai cấp công nhân phải tỏ ra thù địch với *bất cứ* Nhà nước nào, kể cả Nhà nước của giai cấp công nhân.

Sten. Lúc bấy giờ, Lê-nin chỉ bàn đến vấn đề dùng Nhà nước, mà không đả động gì đến công thức « làm nổ tung », khi phê bình Bu-kha-rin.

Sta-lin. Đồng chí lầm rồi : « làm nổ tung » Nhà nước không phải là một công thức mác-xít, mà là một công thức vô chính phủ chủ nghĩa. Tôi dám cam đoan với đồng chí rằng vấn đề ở đây là Bu-kha-rin (và những người vô chính phủ chủ nghĩa) cho rằng công nhân phải tỏ rõ thái độ thù địch về nguyên tắc đối với mọi Nhà nước ; và như vậy là phải tỏ rõ thái độ thù địch về nguyên tắc đối với Nhà nước trong thời kỳ quá độ, đối với Nhà nước của giai cấp công nhân.

Đồng chí hãy thử giải thích một chút cho các công nhân nước ta rằng giai cấp công nhân có nhiệm vụ thấm nhuần một

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 23, tr. 155-156. *(B.T.)*

tinh thần thù địch về nguyên tắc đối với chuyên chính vô sản, vì nền chuyên chính này cũng là một Nhà nước.

Chủ trương của Bu-kha-rin, như đã trình bày trong bài báo của đồng chí ấy đăng trong tạp chí *Quốc tế Thanh niên*, là sự phủ nhận Nhà nước trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Ở đây, Bu-kha-rin đã không nhìn thấy một « chi tiết » tức là còn có cả một thời kỳ quá độ, trong đó giai cấp công nhân, nếu thực sự muốn tiêu diệt giai cấp tư sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì không thể không cần đến Nhà nước của mình được. Đó là điểm thứ nhất.

Thứ hai, nói rằng đồng chí Lê-nin, trong lời phê phán của mình, đã không đả động gì đến lý luận nhằm « làm nổ tung », nhằm « thủ tiêu » Nhà nước nói chung, nói như thế là sai. Những đoạn văn tôi đã trích dẫn chứng tỏ rằng Lê-nin không những đã đề cập đến lý luận đó, mà còn nghiêm khắc phê phán lý luận đó, coi đó là một lý luận vô chính phủ chủ nghĩa, bằng cách đem lý luận về việc *thành lập* và *sử dụng* Nhà nước mới sau khi lật đổ giai cấp tư sản, tức là Nhà nước của chuyên chính vô sản, mà đối lập lại lý luận đó.

Cuối cùng, không nên lẫn lộn lý luận vô chính phủ chủ nghĩa nhằm « làm nổ tung » và « thủ tiêu » Nhà nước, với lý luận mác-xít về sự « tiêu vong » của Nhà nước *vô sản* hoặc về sự « phá hủy », về việc « đập tan nát » bộ máy nhà nước *tư sản*. Lắm người có chiều hướng lẫn lộn hai khái niệm khác nhau đó, tưởng rằng hai khái niệm đó chỉ biểu hiện cùng một ý thôi. Nhưng như thế là sai. Khi phê phán lý luận vô chính phủ chủ nghĩa nhằm « làm nổ tung » và « thủ tiêu » Nhà nước nói chung, Lê-nin chính đã xuất phát từ lý luận mác-xít về việc « phá hủy » bộ máy Nhà nước *tư sản* và về sự « tiêu vong » của Nhà nước *vô sản*.

Để làm sáng tỏ vấn đề hơn, mà có lẽ cũng không phải là thừa, tôi xin trích dẫn ra đây một trong những bản thảo của Lê-nin viết về Nhà nước, chừng như là viết vào khoảng cuối năm 1916 hoặc đầu năm 1917 (trước cách mạng tháng Hai 1917). Đọc bản thảo đó, rất dễ nhận thấy rằng :

a) khi phê phán những sai lầm nửa vô chính phủ chủ nghĩa của Bu-kha-rin trong vấn đề Nhà nước, Lê-nin đã xuất phát từ lý luận mác-xít về sự « tiêu vong » của Nhà nước vô sản và về việc « phá hủy » bộ máy Nhà nước tư sản ;

b) mặc dù Bu-kha-rin, theo như lời Lê-nin, đã tiến đến « gần chân lý hơn Cau-sky », tuy nhiên, « đáng lẽ phải tố cáo phái Cau-sky, đồng chí ấy lại giúp đỡ phái đó bằng những sai lầm của mình ».

Sau đây là nguyên văn bản thảo đó :

« Trong vấn đề Nhà nước, bức thư của *Ăng-ghen gửi Bê-ben* ngày 18-28 tháng Ba 1875, có một ý nghĩa *vô cùng* trọng đại.

Sau đây là *nguyên văn* một đoạn chủ yếu :

« ... Nhà nước nhân dân tự do đã biến thành một Nhà nước tự do. Theo nghĩa về ngữ pháp của câu đó, thì một Nhà nước tự do là một Nhà nước được tự do đối với công dân của nước mình, tức là một Nhà nước có chính phủ chuyên chế. *Có lẽ nên bỏ tất cả những câu ba hoa về Nhà nước* đi, nhất là *sau Công xã, Công xã đã không còn là một Nhà nước theo nghĩa đen nữa.* Bọn vô chính phủ chủ nghĩa đã ném « Nhà nước nhân dân » vào mặt chúng ta khá nhiều rồi, mặc dù tác phẩm của Mác phản đối Pơ-ru-đông, và sau đó bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, đều đã nói rõ rằng *khi đã thiết lập chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, thì Nhà nước tự nó tiêu tan đi (sich auflöst), và biến đi.* Nhà nước chỉ là một cơ quan tạm thời mà người ta buộc phải dùng đến trong đấu tranh, trong cách mạng, để trấn áp bằng sức mạnh kẻ thù của mình, nên nói đến một Nhà nước nhân dân tự do, thì hoàn toàn vô lý : khi nào mà giai cấp vô sản còn *cần* (do Ăng-ghen gạch dưới) đến một Nhà nước, thì *tuyệt nhiên không phải là vì tự do, mà là để trấn áp kẻ thù của mình. Và ngày nào mà đã có thể nói đến tự do, thì Nhà nước không còn tồn tại với tư cách là Nhà nước nữa.* Cũng vì thế nên chúng tôi đề nghị thay ở mọi chỗ tiếng *Nhà nước* do (Ăng-ghen gạch dưới) bằng tiếng *« cộng đồng » (Gemeinwesen)* là một tiếng Đức cổ rất hay, tương đương với tiếng « công xã » trong Pháp văn ».

Trong trước tác của Mác và Ăng-ghen, có lẽ đó là một đoạn văn nổi bật nhất và chắc chắn có thể nói là kịch liệt nhất, để « *phản đối* Nhà nước ».

1. « Nên bỏ những câu ba hoa về Nhà nước đi ».

2. « Công xã ***đã không còn là*** một Nhà nước theo nghĩa đen nữa » (vậy thì là cái gì bây giờ? là một hình thức quá độ từ Nhà nước sang xã hội không có Nhà nước, cố nhiên rồi!).

3. Bọn vô chính phủ chủ nghĩa đã dùng những tiếng « Nhà nước nhân dân» để «ném vào mặt» (nguyên văn là *in die Zähne geworfen*, tống vào mồm) chúng ta khá nhiều rồi. (Vậy là Mác và Ăng-ghen đã lấy làm xấu hổ về sự sai lầm rành rành ra đó của những bạn hữu người Đức của hai ông: nhưng, hai ông đã coi sai lầm đó — mà, tự nhiên là, ***căn cứ vào hoàn cảnh lúc bấy giờ***, thì hai ông có lý để coi sai lầm đó là một sai lầm cực kỳ nhẹ hơn sai lầm của bọn vô chính phủ chủ nghĩa. Chú ý điểm đó ! !)

4. Khi đã thiết lập chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa... Nhà nước « tự nó tan rã (« tự tiêu tan » ***(Chú ý)*** và biến đi »... (xin hãy so sánh với tiếng : « tiêu vong » sau này vẫn dùng).

5. Nhà nước chỉ là một « cơ quan tạm thời », cần thiết « trong đấu tranh, trong cách mạng »... (cố nhiên là cần thiết đối với ***giai cấp vô sản***)...

6. Sở dĩ cần có Nhà nước, ***không phải vì tự do***, mà là để *trấn áp* (*Niederhaltung* đúng ra, không có nghĩa là trấn áp, mà có nghĩa là ngăn cản không cho khôi phục, bắt phải phục tùng) ***kẻ thù của giai cấp vô sản***.

7. Khi đã có tự do, thì không có Nhà nước nữa.

8. « Chúng tôi » (tức là Ăng-ghen và Mác) đề nghị dùng tiếng « cộng đồng » (Gemeinwesen), « công xã » « ***ở mọi chỗ*** » (trong cương lĩnh), thay cho tiếng « Nhà nước » ! ! !

Như vậy đủ thấy là không phải chỉ có bọn cơ hội chủ nghĩa, mà cả Cau-sky nữa, đều đã tầm thường hóa và làm ô danh Mác và Ăng-ghen như thế nào rồi.

Bọn cơ hội chủ nghĩa ***đã không*** hiểu được một câu nào trong tám ý kiến cực kỳ phong phú đó ! ! !

Chúng ***chỉ*** lấy cái gì cần một cách thực tế cho thời đại này : lợi dụng cuộc đấu tranh chính nghĩa, lợi dụng Nhà nước ***hiện nay*** để huấn luyện, giáo dục giai cấp vô sản, để « giành lấy những nhượng bộ ». Điều đó đúng (trái với bọn vô chính phủ chủ nghĩa), nhưng nếu nói theo lối số học, thì đó mới chỉ là một phần trăm của chủ nghĩa Mác mà thôi.

Trong công tác tuyên truyền và, nói chung, trong công tác bình luận chính trị của mình, Causky đã hoàn toàn làm mờ đi (hoặc đã quên ? hoặc đã không hiểu ?) những điểm 1, 2, 5, 6, 7, 8 và tiếng « *Zerbrechen* » của Mác (trong khi biện luận chống Pan-nơ-cô-éc năm 1912 hay 1913 (xem tr. 45-47 sau đây), Causky đã hoàn toàn rơi vào chủ nghĩa cơ hội trong vấn đề này).

Chúng ta khác bọn vô chính phủ chủ nghĩa ở chỗ là chúng ta chủ trương : (α) lợi dụng Nhà nước, *hiện tại* và (β) trong *cách mạng* của giai cấp vô sản (« chuyên chính vô sản ») — đó là những điểm có một ý nghĩa rất quan trọng trong công tác thực tiễn, ngay tức khắc. (Bu-kha-rin *đã quên* chính những điểm đó !)

Chúng ta khác bọn cơ hội chủ nghĩa ở chỗ là chúng ta nắm được những chân lý sâu sắc hơn, « vĩnh cửu hơn » (α α) về tính chất « tạm thời » của Nhà nước ; (β β) về cái *hại* của thói « ba hoa » về vấn đề Nhà nước, hiện nay ; (γ γ) về tính chất không hoàn toàn là Nhà nước của nền chuyên chính vô sản ; (δ δ) về mâu thuẫn giữa Nhà nước và tự do ; (ε ε) về quan niệm (khái niệm, tiếng dùng trong cương lĩnh), « cộng đồng », quan niệm chính xác hơn dùng thay cho Nhà nước ; (τ τ) về việc « phá hủy » (*Zerbrechen*) bộ máy quan liêu và quân sự.

Không nên quên một điểm nữa là : bọn cơ hội chủ nghĩa công khai ở Đức (Béc-stanh, Côn-bơ, v.v.) trực tiếp phủ nhận ***chuyên chính vô sản***, còn bản cương lĩnh chính thức và Cau-sky thì *gián tiếp* phủ nhận chuyên chính đó, bằng cách không đả động đến chuyên chính đó trong công tác cổ động hàng ngày của họ và bằng cách *dung thứ* hành vi phản bội của bọn Côn-bơ và bè lũ.

Tháng Tám 1916, tôi có viết cho Bu-kha-rin : « Hãy để cho những ý niệm của đồng chí về Nhà nước *chín muồi* đi đã ». Nhưng đồng chí ấy *đã không để cho những ý niệm đó* chín muồi, mà lại còn đi viết báo ký tên là *Nô-ta Bê-nê*, và đã viết thế nào mà đáng lẽ phải vạch mặt bọn theo phái Cau-sky thì lại thành ra *đã giúp đỡ chúng* bằng những sai lầm của mình ! ! Nhưng, về thực chất, Bu-kha-rin gần chân lý hơn Cau-sky »)[8].

Sơ lược cuộc tranh luận về lý luận trong vấn đề Nhà nước là như vậy.

Vấn đề, xem ra cũng đã rõ ràng : Bu-kha-rin đã mắc những sai lầm nửa vô chính phủ chủ nghĩa, — đã đến lúc sửa chữa những sai lầm đó, và từ nay về sau, đi theo con đường của

Lê-nin. Nhưng chỉ có những người lè-nin-nít mới có thể nghĩ như thế được. Như mọi người đã biết, Bu-kha-rin không đồng ý như thế. Trái lại, đồng chí ấy quả quyết rằng không phải đồng chí ấy, mà chính Lê-nin đã lầm ; rằng không phải đồng chí ấy đã đi theo hoặc phải đi theo con đường của Lê-nin, mà trái lại, chính Lê-nin phải đi theo con đường của Bu-kha-rin.

Các đồng chí, các đồng chí thấy điều đó là không thể tin được chăng ? Vậy, xin các đồng chí hãy nghe tiếp. Chín năm sau những cuộc tranh luận năm 1916, — chín năm Bu-kha-rin đã im hơi lặng tiếng, — *một năm sau khi Lê-nin từ trần*, tức là năm 1925, Bu-kha-rin cho đăng trên tập san *Cách mạng pháp quyền*, một bài báo nhan đề là : « Góp phần vào lý luận về Nhà nước đế quốc chủ nghĩa », bài báo đó trước kia đã bị ban biên tập của *Tập san của người xã hội-dân chủ*[9] từ chối không đăng (tức là bị Lê-nin từ chối). Trong lời *chú thích* của bài báo đó, Bu-kha-rin công nhiên phát biểu rằng trong cuộc tranh luận đó, không phải Lê-nin có lý, mà chính đồng chí ấy, tức là Bu-kha-rin, mới có lý.

Việc đó tưởng chừng như không thể tin được, nhưng đó là một sự thực, các đồng chí ạ.

Xin các đồng chí hãy nghe nguyên văn lời chú thích đó :

« Bài báo của chúng tôi đăng trên tạp chí *Quốc tế Thanh niên* đã khiến V.I (tức là Lê-nin) viết một bài phê bình. Độc giả sẽ thấy một cách dễ dàng rằng bài báo của tôi không có sai lầm mà trước đây người ta đã gán cho tôi, vì tôi cũng đã thấy rõ rằng chuyên chính vô sản là điều tất yếu ; mặt khác, theo bài phê bình của I-li-tsơ, thì người ta thấy rằng trong thời kỳ đó, *I-li-tsơ nhận định một cách sai lầm luận điểm về sự tất yếu phải (làm nổ tung) Nhà nước* (cố nhiên là Nhà nước tư sản), vì đã *lẫn lộn vấn đề đó với vấn đề sự tiêu vong của nền chuyên chính vô sản**. Lẽ ra lúc bấy giờ tôi phải phát triển luận đề về chuyên chính hơn nữa. Nhưng tôi có thể biện hộ cho tôi rằng *lúc bấy giờ* những người xã hội-dân

* Do tôi viết ngả. *J.Sta-lin.*

chủ đều đồng thanh tán thành Nhà nước tư sản, đến nỗi mà hoàn toàn tập trung chú ý vào sự tất yếu phải *làm nổ tung* bộ máy đó đi là điều tự nhiên.

Khi ở Mỹ trở về Nga, tôi gặp Na-đơ-đa Côn-stan-ti-nô-va (tại đại hội VI họp bí mật, thời kỳ đó V.I còn phải hoạt động bí mật), thì câu đầu tiên mà Na-đơ-đa Côn-stan-ti-nô-va đã nói với tôi là câu này : V.I có nhờ tôi nói lại với đồng chí rằng hiện nay, trong vấn đề Nhà nước, V.I không còn bất đồng ý kiến với đồng chí nữa. «Nghiên cứu vấn đề đó, *I-li-tsơ cũng đã đi đến cùng những kết luận*• là tất yếu phải « làm nổ tung » Nhà nước ; nhưng I-li-tsơ đã phát triển luận đề đó, và phát triển cả học thuyết về chuyên chính nữa, đến một trình độ mà, về mặt phát triển tư tưởng lý luận theo hướng đó, thì I-li-tsơ đã mở ra một kỷ nguyên mới ».

Một năm sau khi Lê-nin mất, Bu-kha-rin đã viết về Lê-nin như vậy đó.

Đó là kiểu mẫu về kỳ vọng quá cao của một nhà lý luận đáng lẽ ra còn phải học hỏi nhiều nữa.

Rất có thể là Na-đơ-đa Côn-stan-ti-nô-va (Cơ-rúp-scai-a) quả có nói với Bu-kha-rin những câu mà Bu-kha-rin đã thuật lại. Nhưng do đó, có thể rút ra kết luận gì ? Chỉ có thể rút một kết luận là Lê-nin đã căn cứ vào một vài điểm nào đó mà nhận định rằng Bu-kha-rin đã từ bỏ hoặc đã sẵn lòng từ bỏ những sai lầm của mình. Chỉ có thế thôi. Nhưng Bu-kha-rin lại hiểu khác. Đồng chí ấy cho rằng: từ nay về sau phải coi đồng chí ấy, tức là Bu-kha-rin, chứ không phải Lê-nin, là người sáng lập hoặc, ít ra thì cũng là người đề xướng ra lý luận mác-xít về Nhà nước.

Từ trước đến nay, chúng ta vẫn tự nhận và sẽ vẫn tự nhận là những người lê-nin-nít. Thế mà, hiện nay rõ là Lê-nin và chúng ta, các học trò của Người, tất cả đều là những người theo phái Bu-kha-rin. Thưa các đồng chí, điều đó thật là buồn cười. Nhưng trước những kỳ vọng quá to của Bu-kha-rin thì biết làm sao được ?

Người ta có thể tưởng rằng trong lời chú thích kèm theo bài báo nói trên, Bu-kha-rin đã lỡ lời, đã nói tầm bậy, và sau đó đã quên đi. Nhưng sự thực không phải là như vậy. Bu-

---

• Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin*

kha-rin tỏ ra đã phát biểu rất nghiêm chỉnh. Bằng cớ là năm 1927, tức là hai năm sau khi Bu-kha-rin đả kích Lê-nin lần thứ nhất, lời phát biểu của Bu-kha-rin trong bản chú thích đó về những *sai lầm* của Lê-nin và sự *chính xác* của quan niệm của đồng chí ấy, tức là Bu-kha-rin, lại vừa mới được đăng trong chú thích về tiểu sử của Bu-kha-rin do Ma-rét-ski viết. Thế mà Bu-kha-rin đã không hề nghĩ đến việc phản đối lại... một việc táo bạo đến như thế của Ma-rét-ski. Hiển nhiên không thể coi việc Bu-kha-rin phản đối Lê-nin là chuyện ngẫu nhiên được.

Như vậy, hầu như không phải Lê-nin mà chính Bu-kha-rin mới có lý ; và hầu như không phải Lê-nin mà chính Bu-kha-rin mới là người đề xướng ra lý luận mác-xít về Nhà nước.

Thưa các đồng chí, những sai lầm và cao vọng về lý luận của Bu-kha-rin là như vậy.

Mặc dù như vậy, con người ấy vẫn dám cả gan phát biểu tại đây, trong bài diễn văn của mình, rằng trong lập trường lý luận của đảng ta « có một cái gì mục nát », rằng trong lập trường lý luận của đảng ta, có xu hướng ngả về chủ nghĩa Tơ-rốt-ski!

Mà kẻ đã phát biểu những câu ấy, lại chính là Bu-kha-rin, người đang phạm (và trước kia đã phạm) một loạt sai lầm nghiêm trọng nhất về lý luận và về thực tiễn ; người, vừa mới đây thôi, còn là học trò của Tơ-rốt-ski ; người, vừa mới đây thôi, còn tìm cách vào bè với bọn tơ-rốt-kít để chống lại những người lê-nin-nit, và đã lén lút tìm đến bọn tơ-rốt-kít!

Các đồng chí, thế có buồn cười không ?

h) KẾ HOẠCH NĂM NĂM HAY KẾ HOẠCH HAI NĂM ?

Bây giờ, tôi xin nói đến bài diễn văn của Rư-cốp. Nếu Bu-kha-rin đã tìm cách đặt cơ sở lý luận cho xu hướng hữu khuynh, thì Rư-cốp trong bài diễn văn của mình, lại cố gắng đặt cho tất cả cái đó một cơ sở gồm những đề nghị thực tiễn ; làm như thế là Rư-cốp muốn nêu những khó khăn của chúng ta trong nông nghiệp ra để làm cho chúng ta « hoảng sợ ». Như thế không có nghĩa là Rư-cốp không đả động gì đến

những vấn đề lý luận. Có, đồng chí ấy có đề cập đến những vấn đề lý luận. Nhưng khi đề cập đến những vấn đề lý luận, đồng chí ấy đã phạm ít ra là hai sai lầm nghiêm trọng.

Trong bản dự thảo nghị quyết của Ru-cốp về kế hoạch năm năm, đã bị Ủy ban chuyên môn của Bộ Chính trị bác bỏ, Ru-cốp phát biểu rằng « tư tưởng trung tâm của kế hoạch năm năm, chính là việc nâng cao năng suất lao động của nhân dân ». Mặc dù Ủy ban chuyên môn của Bộ Chính trị đã bác quan điểm hoàn toàn sai lầm đó, Ru-cốp vẫn bảo vệ nó, ở đây, trong bài diễn văn của mình.

Tại nước *xô-viết*, tư tưởng trung tâm của kế hoạch năm năm là nâng cao năng suất lao động của nhân dân, điều đó có đúng hay không? Không, không đúng. Điều cần thiết đối với chúng ta, không phải là *bất cứ* sự nâng cao năng suất lao động nào của nhân dân. Điều cần thiết đối với chúng ta, là một sự nâng cao *nhất định* năng suất lao động của nhân dân, tức là sự nâng cao khả dĩ bảo đảm cho *khu vực xã hội chủ nghĩa trong kinh tế quốc dân phải triệt để chiếm ưu thế đối với khu vực tư bản chủ nghĩa*. Một kế hoạch năm năm mà không có tư tưởng trung tâm đó thì không còn là một kế hoạch nữa, mà là một việc hồ đồ trong năm năm.

Bất cứ xã hội nào, xã hội tư bản chủ nghĩa cũng như xã hội tiền tư bản chủ nghĩa, nói chung đều quan tâm đến việc nâng cao năng suất lao động. Xã hội xô-viết khác mọi xã hội khác, chính là ở chỗ không phải là đối với bất cứ sự nâng cao năng suất lao động nào, xã hội *xô-viết* cũng quan tâm đến cả; nó chỉ quan tâm đến sự nâng cao năng suất lao động khả dĩ bảo đảm cho các hình thức xã hội chủ nghĩa trong kinh tế chiếm ưu thế đối với các hình thức khác, trước hết là đối với các hình thức tư bản chủ nghĩa trong kinh tế, và như thế là nó giúp cho các hình thức xã hội chủ nghĩa trong kinh tế chế ngự, gạt bỏ các hình thức tư bản chủ nghĩa trong kinh tế. Nhưng Ru-cốp đã quên mất cái tư tưởng thực sự trung tâm đó của kế hoạch năm năm trong công cuộc phát triển xã hội *xô-viết*. Đó là sai lầm thứ nhất về lý luận của đồng chí ấy.

Sai lầm thứ hai của Ru-cốp là ở chỗ đồng chí ấy không phân biệt hoặc không muốn hiểu sự phân biệt, về phương diện lưu thông hàng hóa, giữa nông trang tập thể chẳng hạn, với mọi kinh tế cá thể, kể cả kinh tế cá thể tư bản chủ nghĩa. Ru-cốp quả quyết rằng về phương diện lưu thông hàng hóa trên thị trường lúa mì, về phương diện cung cấp lúa mì, đồng chí ấy không thấy có gì là khác nhau giữa một nông trang tập thể với một người có lúa mì tư, theo đồng chí ấy, chúng ta mua lúa mì của ai thì cũng thế thôi : của nông trang tập thể, của người tư hữu hoặc của một kẻ đầu cơ tích trữ theo lối Ác-giăng-tin nào đó. Như thế là hoàn toàn sai lầm. Như thế là lặp lại lời phát biểu mà ai nấy đều biết của Phơ-rum-kin quả quyết rằng, trong một thời gian, mua lúa mì ở đâu hoặc của ai, mua của tư nhân hoặc của nông trang tập thể, thì cũng thế thôi.

Đó là một hình thức kín đáo để bênh vực, biện bạch, biện hộ cho những mánh khóe của bọn cu-lắc trên thị trường lúa mì. Sự bênh vực đó đã được tiến hành trên quan điểm buôn bán, nhưng cũng không hề thay đổi được vấn đề ; sự bênh vực đó không vì thế mà không là một sự biện hộ cho những mánh khóe của bọn cu-lắc trên thị trường lúa mì. Về phương diện lưu thông hàng hóa, nếu không có gì khác nhau giữa hình thức tập thể và không tập thể trong kinh tế, thì thử hỏi cần gì phải phát triển các nông trang tập thể, cần gì phải ưu đãi các nông trang tập thể, cần gì phải gánh lấy cái nhiệm vụ khó khăn là chế ngự những phần tử tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp, kia chứ ? Rõ ràng là Ru-cốp đã đứng trên một lập trường sai lầm. Đó là sai lầm thứ hai về lý luận của đồng chí ấy.

Nhưng đó là nhân tiện thì nói qua thế thôi. Bây giờ chúng ta hãy bàn đến những vấn đề thực tiễn do Ru-cốp đã đặt ra trong diễn văn của đồng chí ấy.

Ru-cốp đã quả quyết ở đây rằng, ngoài kế hoạch năm năm ra, còn cần phải có một kế hoạch khác nữa, một kế hoạch đi song song với kế hoạch năm năm, nghĩa là cần phải có một kế hoạch hai năm phát triển nông nghiệp. Đồng chí ấy vin

vào những khó khăn trong nông nghiệp để đề nghị phải có kế hoạch hai năm song song đó. Đồng chí ấy đã nói rằng : kế hoạch năm năm là một việc tốt, tôi tán thành kế hoạch đó nhưng tốt hơn là đồng thời, ta nên đặt ra một kế hoạch hai năm trong nông nghiệp, nếu không thì nông nghiệp nửa chừng sẽ ngừng lại mất.

Bề ngoài, đề nghị đó không có gì là tai hại cả. Nhưng nếu xét kỹ hơn, ta sẽ thấy rằng kế hoạch hai năm được đề ra, chỉ là để nhấn mạnh vào tính chất không thực tế, tính chất huyền hoặc của kế hoạch năm năm mà thôi. Về điểm đó, chúng ta có thể đồng ý được chăng? Không, chúng ta không thể nào đồng ý được. Chúng ta đã nói với Ru-cốp rằng : nếu đồng chí không hài lòng về kế hoạch năm năm trong nông nghiệp, nếu đồng chí cho rằng các khoản tiền chi vào việc phát triển nông nghiệp, theo như kế hoạch năm năm đã quy định, chưa đủ, thì xin đồng chí cứ cho biết rõ những đề nghị bổ sung của đồng chí như thế nào, những đề nghị bỏ thêm vốn của đồng chí như thế nào, — chúng tôi rất muốn bỏ thêm vốn vào kế hoạch năm năm để phát triển nông nghiệp. Kết quả ra sao? Kết quả là Ru-cốp không đưa ra một đề nghị nào về việc bỏ thêm vốn vào nông nghiệp cả. Thử hỏi : như vậy thì cần gì phải có một kế hoạch hai năm song song trong nông nghiệp kia chứ?

Sau đó, chúng ta lại nói với đồng chí ấy rằng : ngoài kế hoạch năm năm ra, còn có các kế hoạch hàng năm nằm trong kế hoạch năm năm. Vậy chúng tôi có thể ghi vào kế hoạch hàng năm của hai năm đầu những đề nghị bổ sung cụ thể của đồng chí về việc phát triển nông nghiệp, — nếu quả nói chung là có những đề nghị bổ sung như thế. Kết quả ra sao? Kết quả là Ru-cốp lại không đề nghị một kế hoạch cụ thể nào về việc bỏ thêm vốn cả.

Khi ấy, chúng ta mới hiểu rằng Ru-cốp đã đề nghị phải có kế hoạch hai năm, không phải là nhằm phát triển nông nghiệp, mà là nhằm nhấn mạnh vào tính chất không thực tế, tính chất huyền hoặc của kế hoạch năm năm, nhằm làm mất uy tín của kế hoạch đó. Để an ủi « lương tâm », để khỏi mất thể

diện, thì tán thành kế hoạch năm năm ; đề hành động, đề công tác thực tiễn, thì lại tán thành kế hoạch hai năm, — chiến lược của Ru-cốp là như vậy. Đồng chí ấy đề ra kế hoạch hai năm, là đề sau này, trong quá trình thực hành cụ thể kế hoạch năm năm, thì có thể đem kế hoạch hai năm đối lập với kế hoạch năm năm, sửa chữa lại kế hoạch năm năm và làm cho nó phù hợp với kế hoạch hai năm, bằng cách giảm bớt và cắt xén những khoản tiền chi vào công nghiệp đi.

Đó là những lý do khiến chúng ta đã bác đề nghị của Ru-cốp về kế hoạch hai năm song song.

i) VẤN ĐỀ DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG

Ở đây, Ru-cốp đã tìm cách dọa đảng, bằng cách nói quả quyết với đảng rằng diện tích gieo trồng ở Liên-xô có xu hướng giảm mãi xuống. Và đồng chí ấy đã quy trách nhiệm cho đảng, ám chỉ rằng nếu diện tích gieo trồng đã giảm xuống, đó là tại chính sách của đảng. Đồng chí ấy không nói thẳng ra rằng nông nghiệp của chúng ta đang đi đến chỗ thoái hóa. Nhưng bài diễn văn của đồng chí ấy cho chúng ta cái ấn tượng là chúng ta đang đứng trước một cái gì na ná như một sự thoái hóa vậy.

Diện tích gieo trồng có xu hướng giảm mãi xuống, điều đó có đúng không ? Không, không đúng. Ở đây, Ru-cốp đã sử dụng những con số bình quân của diện tích gieo trồng trên toàn quốc. Nhưng phương pháp sử dụng những con số bình quân, mà chưa chữa theo tài liệu thống kê của từng vùng, không thể coi là một phương pháp khoa học được.

Có lẽ Ru-cốp cũng đã đọc qua cuốn *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*, của Lê-nin rồi. Nếu đồng chí ấy đã đọc tác phẩm đó, thì đồng chí ấy hẳn cũng nhớ cái cách mà Lê-nin đã mắng nhiếc các nhà kinh tế học tư sản là bọn theo phương pháp dùng những con số bình quân về sự tăng của diện tích gieo trồng mà bỏ qua những tài liệu thống kê của từng vùng. Ngày nay mà Ru-cốp lại còn mắc lại những sai

lầm của các nhà kinh tế học tư sản thì thật là kỳ. Nhưng, nếu căn cứ vào từng vùng mà quan sát mức tăng giảm của diện tích gieo trồng, nghĩa là nếu xét vấn đề một cách khoa học, thì sẽ thấy rằng, tại một vài vùng nào đó, diện tích gieo trồng cứ *không ngừng* tăng lên, còn ở vài vùng khác, *diện tích* gieo trồng *đôi khi* lại giảm xuống, chủ yếu là do ảnh hưởng của thời tiết ; ngoài ra, không hề có tài liệu thống kê nào chứng tỏ rằng ở một địa phương nào đó, dù chỉ là trong một vùng sản xuất lúa mì chủ yếu thôi, mà diện tích gieo trồng cứ *không ngừng* giảm xuống.

Quả thực là tại các vùng bị sương muối hoặc bị hạn hán, như một vài vùng ở U-cơ-ren chẳng hạn, thì diện tích gieo trồng, trong thời gian gần đây, có giảm xuống...

Có tiếng nói. Không phải là tất cả U-cơ-ren.

Slích-tơ. Ở U-cơ-ren, diện tích gieo trồng đã tăng 2,7%.

Sta-lin. Tôi muốn nói đến miền thảo nguyên U-cơ-ren. Trái lại, ở các vùng khác, không bị thời tiết xấu ảnh hưởng đến — như Xi-bi-ri, lưu vực sông Vôn-ga, Ca-dắc-stan, Ba-sơ-ki-ri — thì diện tích gieo trồng cứ không ngừng tăng lên.

Tại một vài vùng, diện tích gieo trồng cứ không ngừng tăng lên, còn tại vài vùng khác, thì diện tích gieo trồng đôi khi lại giảm xuống, giải thích hiện tượng đó như thế nào? Dù sao chăng nữa, cũng không thể bảo rằng đảng thi hành một chính sách này ở U-cơ-ren và một chính sách khác ở miền Đông hoặc ở miền trung tâm Liên-xô được. Thưa các đồng chí, như thế là vô lý. Cố nhiên là điều kiện khí hậu cũng có một tác dụng khá quan trọng.

Quả thật là bọn cu-lắc giảm diện tích gieo trồng của chúng xuống, không phải vì điều kiện thời tiết. Ở đây, có lẽ đúng là «lỗi tại» chính sách của đảng là chính sách ủng hộ quần chúng nông dân nghèo và trung nông *chống lại* giai cấp cu-lắc. Nhưng do đó, có thể kết luận như thế nào? Có bao giờ chúng ta lại đi thi hành một chính sách khả dĩ làm hài lòng mọi tập đoàn xã hội ở nông thôn, kể cả bọn cu-lắc hay không? Và nếu chúng ta muốn thi hành một chính sách mác-xít thì nói

chung, chúng ta có thể nào thi hành một chính sách khả dĩ làm hài lòng cả bọn bóc lột lẫn người bị bóc lột hay không? Nếu do chỗ chúng ta thi hành chính sách lê-nin-nít, nhằm hạn chế và đánh bại các phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, mà bọn cu-lắc bèn giảm đi, một phần nào, diện tích gieo trồng của chúng, thì điều đó có gì là lạ không? Mà có thể nào khác thế được không?

Có lẽ chính sách đó không đúng, nếu thế thì xin cứ nói thẳng ra cho chúng tôi biết. Há chẳng phải lạ lùng rằng có những kẻ tự nhận là mác-xít, nhưng, vì lo sợ, mà lại ra sức làm cho người ta hiểu rằng sự giảm sút một phần nào diện tích gieo trồng của bọn cu-lắc là một sự giảm sút diện tích gieo trồng *nói chung*, và quên rằng ngoài bọn cu-lắc ra, còn có nông dân nghèo và trung nông mà diện tích gieo trồng của họ đang mở rộng, còn có các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh mà diện tích gieo trồng tăng lên với một tốc độ nhanh chóng, hay sao?

Cuối cùng, trong diễn văn của Ru-cốp, còn có một điểm sai lầm nữa về vấn đề diện tích gieo trồng. Ru-cốp phàn nàn ở đây rằng tại một vài địa phương, nhất là tại nơi nào mà các nông trang tập thể phát triển nhất, thì khu vực sản xuất cá thể của nông dân nghèo và trung nông bắt đầu thu hẹp lại. Đúng thế. Nhưng như thế thì có hại gì kia chứ? Có thể nào khác thế được chăng? Nếu các nông hộ nông dân nghèo và trung nông bắt đầu rời bỏ khu vực cá thể để chuyển sang kinh tế tập thể, thì chẳng phải rõ ràng là các nông trang tập thể mở rộng và tăng thêm tất phải làm cho khu vực sản xuất cá thể của nông dân nghèo và trung nông thu hẹp lại hay sao? Chứ các đồng chí muốn thế nào bây giờ?

Hiện nay, nông trang tập thể có hơn hai triệu éc-ta đất. Đến cuối kế hoạch năm năm thì nông trang tập thể sẽ có hơn 25 triệu éc-ta. Khu vực nông trang tập thể mở rộng vào khu vực nào? Mở rộng vào khu vực cá thể của nông dân nghèo và trung nông. Chứ các đồng chí muốn thế nào bây giờ? Có phương pháp nào khác để chuyển kinh tế cá thể của nông dân nghèo và trung nông vào con đường kinh tế tập thể hay

không ? Há chẳng phải rõ ràng là ở rất nhiều vùng, khu vực nông trang tập thể sẽ phát triển ra lấn sang khu vực cá thể hay sao ?

Không muốn hiểu những điều đơn giản đó thì thật là kỳ.

k) VỀ VẤN ĐỀ THU MUA LÚA MÌ

Chung quanh những khó khăn của chúng ta trong vấn đề lúa mì, người ta đã kể ra ở đây thật lắm chuyện hoang đường. Nhưng người ta đã quên mất điểm chủ yếu trong những khó khăn có tính chất tạm thời đó.

Trước hết, người ta đã quên rằng năm nay chúng ta đã thu hoạch — tôi nói đến tổng số thu hoạch — ít hơn năm ngoái từ 500 đến 600 triệu pút lúa mạch và tiểu mạch. Điều đó có thể nào không ảnh hưởng đến việc thu mua lúa mì không ? Đương nhiên là không thể không ảnh hưởng được.

Có lẽ đó là tại chính sách của Ban Chấp hành trung ương chăng ? Không, chính sách của Ban Chấp hành trung ương không liên can gì đến vấn đề đó cả. Nguyên nhân là vì mất mùa to (vì sương muối và hạn hán) ở miền thảo nguyên thuộc U-cơ-ren, là vì mất mùa một phần nào ở miền Bắc Cáp-ca-dơ, ở miền Trung vùng Đất đen, cuối cùng, là ở vùng Tây-Bắc.

Chủ yếu là do nguyên nhân đó mà ngày mồng 1 tháng Tư năm ngoái, ở U-cơ-ren, chúng ta đã thu mua được 200 triệu pút (lúa mạch và tiểu mạch), còn năm nay thì chỉ thu mua được có từ 26 đến 27 triệu pút mà thôi.

Cũng do nguyên nhân đó mà mức thu mua lúa mạch và tiểu mạch ở miền Trung vùng Đất đen đã sụt xuống gần tám lần, còn ở miền Bắc Cáp-ca-dơ thì sụt xuống gần bốn lần.

Năm nay, tại một vài vùng ở miền Đông, số lúa mì thu mua được đã tăng lên gần gấp đôi. Nhưng số lúa mì đó cũng chẳng có thể bù, và đương nhiên là đã không bù được vào số lúa mì thu mua hụt mức ở U-cơ-ren, ở miền Bắc Cáp-ca-dơ và ở miền Trung vùng Đất đen.

Chớ nên quên rằng nếu mùa màng bình thường, thì U-cơ-ren và miền Bắc Cáp-ca-dơ sẽ cung cấp gần phần nửa tổng số lúa mì thu mua ở Liên-xô.

Ru-cốp quên mất tình trạng đó thì thật là kỳ.

Cuối cùng, có một tình trạng thứ hai, tình trạng thể hiện một điểm chủ yếu trong những khó khăn có tính chất tạm thời của chúng ta về mặt thu mua lúa mì. Tôi muốn nói đến sự phản kháng của các phần tử cu-lắc ở nông thôn đối với chính sách của Chính quyền xô-viết về việc thu mua lúa mì. Ru-cốp đã tránh không nói đến tình trạng đó. Nhưng tránh không nói đến tình trạng đó, là tránh vấn đề chủ yếu trong công tác thu mua lúa mì. Kinh nghiệm hai năm qua trong công tác thu mua lúa mì chứng tỏ gì? Chứng tỏ rằng các tầng lớp khá giả ở nông thôn là những kẻ vẫn cất giấu một số lớn lúa mì thừa và đóng một vai trò quan trọng trên thị trường lúa mì, họ không hề muốn tự nguyện cung cấp cho chúng ta số lúa mì cần thiết theo giá do chính quyền xô-viết đã quy định. Để tiếp tế lúa mì cho các thành thị và các trung tâm công nghiệp, cho Hồng quân và các vùng trồng cây công nghiệp, thì mỗi năm, chúng ta cần đến chừng 500 triệu pút lúa mì. Với số lúa mì bán cho chúng ta một cách tự phát, chúng ta có thể thu mua độ 300, 350 triệu pút. Để thu mua thêm 150 triệu pút nữa, chúng ta đã buộc phải dùng áp lực có tổ chức đối với bọn cu-lắc và các tầng lớp khá giả ở nông thôn. Đó là kinh nghiệm hai năm qua, trong công tác thu mua lúa mì.

Hai năm nay, đã có những sự thay đổi gì? những sự thay đổi đó do đâu mà ra? tại sao trước kia, với số lúa mì bán một cách tự phát thì đủ, mà hiện nay thì lại không đủ nữa? Tình hình đã thay đổi như sau: mấy năm nay, các phần tử cu-lắc và phần tử khá giả đã lớn lên, chúng đã có lợi vì được mùa liên tiếp, chúng đã mạnh lên về mặt kinh tế, đã thu thập được một cái vốn nho nhỏ, và hiện nay chúng đã có thể giở thủ đoạn trên thị trường, bằng cách cất giấu lúa mì thừa để chờ cho giá lên cao, và xoay xở bằng những nông phẩm khác.

Không thể coi lúa mì như một hàng hóa thường được. Lúa mì không phải như là bông mà người ta không thể ăn được và không thể bán cho bất cứ ai cũng được. Trong điều kiện hiện nay của chúng ta, khác với bông, lúa mì là một thứ hàng hóa mà mọi người đều mua và nếu không có nó thì người ta không thể sống được. Bọn cu-lắc biết rõ điều đó nên chúng cất giấu lúa mì, và lôi kéo những kẻ đầu cơ tích trữ khác cũng cất giấu lúa mì như thế. Bọn cu-lắc biết rõ rằng lúa mì là vật quý trong số các vật quý. Bọn cu-lắc biết rằng lúa mì thừa không những chỉ là phương tiện để làm giầu, mà cũng còn là phương tiện để nô dịch nông dân nghèo nữa. Trong điều kiện hiện nay, lúa mì thừa trong tay bọn cu-lắc là một phương tiện để chúng tăng cường thế lực của chúng về mặt kinh tế và chính trị. Vì thế cho nên khi lấy lúa mì thừa đó của bọn cu-lắc, thì chúng ta không những đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp tế lúa mì cho các thành thị và cho Hồng quân mà chúng ta còn tước mất của giai cấp cu-lắc phương tiện để chúng tăng cường thế lực của chúng về mặt kinh tế và chính trị.

Muốn thu được số lúa mì thừa đó, thì phải làm gì? Trước hết, cần phải trừ bỏ cái tâm lý thiên về việc bán lúa mì một cách tự phát, coi đó là tâm lý có hại và nguy hiểm. Phải *tổ chức* công tác thu mua lúa mì. Phải động viên quần chúng nông dân nghèo và trung nông chống lại bọn cu-lắc, tổ chức cho họ cùng nhau ủng hộ các biện pháp do Chính quyền xô-viết đã đề ra nhằm đẩy mạnh công tác thu mua lúa mì. Ai nấy đều biết rằng tại vùng U-ran - Xi-bi-ri, nông dân đã tự mình quy định số lúa mì cung cấp cho Nhà nước. Ý nghĩa quan trọng của phương pháp đó, chính là ở chỗ nó khiến cho có thể động viên các tầng lớp lao động ở nông thôn chống lại bọn cu-lắc, nhằm đẩy mạnh công tác thu mua lúa mì. Kinh nghiệm đã chứng tỏ rằng phương pháp đó đã đem lại những kết quả cụ thể. Kinh nghiệm đã chứng tỏ rằng, ở nước ta, chúng ta đạt được những kết quả cụ thể đó, bằng hai cách : thứ nhất, chúng ta lấy lúa mì thừa của các tầng lớp khá giả ở nông thôn, do đó khiến cho việc cung cấp lương thực cho

nước nhà được dễ dàng ; thứ hai, như vậy là chúng ta động viên quần chúng nông dân nghèo và trung nông chống lại bọn cu-lắc, chúng ta giáo dục họ về chính trị và tổ chức họ thành một đội quân chính trị, hùng hậu và đông đảo của chúng ta ở nông thôn. Một số đồng chí không quan tâm đến trường hợp thứ hai đó. Vậy mà, trường hợp đó lại chính là một trong những kết quả quan trọng nhất, — nếu không phải là kết quả quan trọng nhất, — của phương pháp thu mua lúa mì đã áp dụng ở vùng U-ran - Xi-bi-ri.

Thật ra thì phương pháp đó đôi khi đã được kết hợp với những biện pháp đặc biệt đã áp dụng để chống lại bọn cu-lắc, điều đó khiến Bu-kha-rin và Ru-cốp đã than vãn một cách tức cười. Nhưng như thế thì có hại gì không ? Tại sao đôi khi, trong những điều kiện nhất định, lại không thể áp dụng những biện pháp đặc biệt đối với kẻ thù giai cấp của chúng ta, đối với bọn cu-lắc ? Tại sao ở thành thị người ta có thể bắt hàng trăm tên đầu cơ và đầy chúng ra vùng Tu-ru-khan, còn đối với bọn cu-lắc vẫn đầu cơ lúa mì và chực bóp cổ chính quyền xô-viết, nô dịch nông dân nghèo, thì người ta lại không thể dùng phương pháp cưỡng bách công khai mà thu mua lúa mì thừa của chúng theo giá mà nông dân nghèo và trung nông vẫn cung cấp lúa mì cho các tổ chức thu mua của chúng ta ? Tại sao thế ? Thử hỏi đảng ta có bao giờ phản đối, *về nguyên tắc*, việc áp dụng những biện pháp đặc biệt đối với bọn cu-lắc và bọn đầu cơ hay chăng ?

Ru-cốp và Bu-kha-rin, rõ ràng là đã phản đối, *về nguyên tắc*, việc áp dụng mọi biện pháp đặc biệt đối với bọn cu-lắc. Nhưng đó là chính sách của phái tư sản tự do chứ không phải là chính sách mác-xít. Các đồng chí không thể không biết rằng sau khi thiết lập Chính sách kinh tế mới, Lê-nin thậm chí đã chủ trương trở lại chính sách các ủy ban nông dân nghèo, cố nhiên là trở lại chính sách đó với một vài điều kiện nhất định. Song áp dụng một phần những biện pháp đặc biệt đối với bọn cu-lắc là gì ? So với chính sách các ủy ban nông dân nghèo thì chưa bằng một giọt nước trong biển cả.

Những người ủng hộ nhóm Bu-kha-rin, họ hy vọng thuyết phục kẻ thù giai cấp của chúng ta tự nguyện từ bỏ lợi ích của chúng và tự nguyện cung cấp lúa mì thừa của chúng cho ta. Họ hy vọng rằng tên cu-lắc đã lớn lên, đang giở thói đầu cơ, đã có khả năng dựa vào các nông sản phẩm khác để gỡ lại và giấu lúa mì thừa của nó đi, — họ hy vọng rằng chính tên cu-lắc đó sẽ tự nguyện cung cấp lúa mì thừa của nó cho chúng ta theo giá thu mua mà chúng ta đã quy định. Có lẽ họ điên rồi chăng? Há chẳng rõ ràng rằng họ không hiểu bí thuật của đấu tranh giai cấp, họ không biết thế nào là giai cấp, hay sao?

Liệu họ có biết rằng trong các cuộc họp tổ chức ở nông thôn để đẩy mạnh công tác thu mua lúa mì, bọn cu-lắc chế giễu các cán bộ của chúng ta và Chính quyền xô-viết như thế nào không? Họ có biết những chuyện như chuyện đã xảy ra, chẳng hạn, ở Ca-dắc-stan, hay không? Một trong những cán bộ cổ động của chúng ta đã nói suốt hai tiếng đồng hồ để thuyết phục bọn người có lúa mì nên đem lúa mì ra để cung cấp cho nước nhà; một tên cu-lắc, mồm ngậm tẩu thuốc lá, tiến lên và đáp lại rằng: «Này chú, hãy khiêu vũ một tý xem nào, rồi may ra ta sẽ cho chú mày hai pút lúa mì đấy».

Có nhiều tiếng nói. Đồ chó má!

Sta-lin. Hãy thuyết phục bọn người đó thử xem!

Đúng, các đồng chí, giai cấp là giai cấp. Đó là một chân lý hoàn toàn. Phương pháp áp dụng ở U-ran - Xi-bi-ri sở dĩ tốt, chính là vì nó khiến cho có thể động viên dễ dàng các tầng lớp nông dân nghèo và trung nông đứng lên chống lại bọn cu-lắc; nó khiến cho có thể đập tan dễ dàng sự phản kháng của bọn cu-lắc và bắt buộc chúng cung cấp lúa mì thừa của chúng cho các cơ quan Chính quyền xô-viết.

Hiện nay, trong vấn đề thu mua lúa mì, cái câu thịnh hành nhất, trong hàng ngũ nhóm Bu-kha-rin, là câu «những hành động quá trớn». Đối với họ, câu đó là một món hàng rất thông dụng, vì nó giúp họ che giấu được đường lối riêng của họ. Khi họ muốn che giấu đường lối cơ hội chủ nghĩa của họ, họ thường nói: đương nhiên là chúng tôi không phản đối việc dùng áp lực đối với bọn cu-lắc, nhưng chúng tôi phản đối

những hành động quá trớn đã diễn ra trong địa hạt này, và đã đánh phải cả trung nông. Sau đó, lại đến câu chuyện về « tình hình khủng khiếp » do những hành động quá trớn đó gây ra, người ta đọc những bức thư của « nông dân », những bức thư rùng rợn do các đồng chí thuộc loại Mác-cốp viết ra, rồi người ta rút ra kết luận này : phải bỏ chính sách dùng áp lực đối với bọn cu-lắc.

Các đồng chí hãy thử suy nghĩ một chút xem : *vì* có những hành động quá trớn trong khi thi hành một chính sách đúng đắn, nên có lẽ là *phải bỏ chính sách đúng đắn đó đi*. Thủ đoạn mà bọn cơ hội chủ nghĩa thường dùng là như vậy : vì có những hành động quá trớn trong khi thi hành một đường lối đúng đắn, nên phải bỏ đường lối đó đi mà thay thế bằng một đường lối cơ hội chủ nghĩa. Và trong khi làm như thế, những người ủng hộ nhóm Bu-kha-rin đã cẩn thận không đả động gì đến sự tồn tại của một loại hành động quá trớn khác, nguy hiểm hơn và có hại hơn, tức là những hành động quá trớn theo hướng câu kết với bọn cu-lắc, thích nghi với các tầng lớp khá giả ở nông thôn, thay thế chính sách cách mạng của đảng bằng chính sách cơ hội chủ nghĩa của những kẻ theo xu hướng hữu khuynh.

Đương nhiên là tất cả chúng ta đều phản đối những hành động quá trớn đó. Tất cả chúng ta đều phản đối không để cho những đòn nhằm đánh bọn cu-lắc lại đánh phải trung nông. Điều đó thật rõ ràng và không còn có thể nghi ngờ gì về vấn đề đó nữa. Nhưng chúng ta kiên quyết phản đối không để cho những mưu mô ra công nói lải nhải của nhóm Bu-kha-rin về những hành động quá trớn, thủ tiêu chính sách cách mạng của đảng ta, và thay thế chính sách đó bằng chính sách cơ hội chủ nghĩa của nhóm Bu-kha-rin. Không, mưu mô đó không thành công được đâu.

Các đồng chí hãy chỉ cho tôi lấy một biện pháp chính trị do đảng thi hành mà lại đã không gây ra những hành động quá trớn này nọ xem nào. Do đó mà phải đấu tranh chống những hành vi quá trớn. Nhưng có thể nào, *vì lẽ đó*, mà lại chê bai ngay cả đường lối, một đường lối duy nhất đúng, hay chăng ?

Hãy lấy việc áp dụng ngày làm việc 7 giờ làm ví dụ. Biện pháp đó là một trong những biện pháp cách mạng nhất mà đảng ta đã thi hành trong thời gian gần đây, điều đó không còn nghi ngờ gì được nữa. Thử hỏi có ai lại không biết rằng biện pháp đó, mà thực chất là một biện pháp rất cách mạng, lại thường hay gây ra, trong nước ta, cả một loạt hành động quá trớn, đôi khi lại là những hành động quá trớn đáng phản đối nhất? Như vậy có phải là nói rằng chúng ta phải bỏ chính sách áp dụng ngày làm việc 7 giờ hay không?

Những kẻ ủng hộ nhóm đối lập Bu-kha-rin liệu có hiểu rằng khi họ dùng những hành động quá trớn trong công tác thu mua làm con bài chủ, như thế là họ đã sa vào vũng bùn nào hay chăng?

1) VỀ VẤN ĐỀ DỰ TRỮ NGOẠI TỆ VÀ NHẬP KHẨU LÚA MÌ

Cuối cùng, xin có vài lời về vấn đề nhập khẩu lúa mì và dự trữ ngoại tệ. Tôi có nói rằng Rư-cốp và các bạn thân của đồng chí ấy đã nhiều lần nêu vấn đề nhập khẩu lúa mì của nước ngoài. Thoạt tiên, Rư-cốp nói đến sự cần thiết phải nhập khẩu từ 80 đến 100 triệu pút lúa mì. Tính ra như thế là ngót 200 triệu rúp-vàng. Sau đó, đồng chí ấy đã đề nghị nhập khẩu 50 triệu pút lúa mì, vị chi là 100 triệu rúp-vàng. Chúng tôi đã bác đề nghị đó, quyết định là nên dùng áp lực đối với bọn cu-lắc để lấy lúa mì thừa mà chúng có rất nhiều, hơn là chi ngoại tệ đã dành để nhập khẩu thiết bị cho ngành công nghiệp của chúng ta.

Nay Rư-cốp lại thay đổi thế trận. Nay đồng chí ấy quả quyết rằng bọn tư bản bán chịu lúa mì cho ta, mà có thể nói là chúng ta lại không muốn mua. Đồng chí ấy nói rằng đồng chí ấy đã nhận được nhiều điện tín chứng tỏ bọn tư bản muốn bán chịu lúa mì cho chúng ta. Và đồng chí ấy đã trình bày sự việc tựa hồ như ở nước ta có những người hoặc do ý thích riêng của mình, hoặc do những nguyên nhân không thể giải thích được, mà không muốn mua chịu lúa mì.

Thưa các đồng chí, đó toàn là chuyện tầm bậy cả. Tưởng rằng bọn tư bản phương Tây bỗng nhiên lại thương hại chúng ta, và lại muốn gần như là cho không hoặc bán chịu dài hạn, cho chúng ta hàng chục triệu pút lúa mì, thì thật là buồn cười. Thưa các đồng chí, đó toàn là chuyện tầm bậy cả.

Vậy thì sự thật là thế nào? Sự thật là từ sáu tháng nay các tập đoàn tư bản chủ nghĩa này nọ đang thăm dò chúng ta, đang thăm dò khả năng tài chính, khả năng tín thải, tinh thần kiên định của chúng ta. Chúng đã nói với các đại diện thương mại của ta ở Pa-ri, Tiệp-khắc, Mỹ, Ác-giăng-tin và hứa bán chịu ngắn hạn lúa mì cho chúng ta, trong vòng ba tháng hoặc cùng lắm là sáu tháng. Điều chúng muốn, chẳng phải là bán chịu lúa mì cho chúng ta, mà là muốn biết xem hoàn cảnh của chúng ta có thực sự khó khăn không, lực lượng tài chính của chúng ta có thực sự kiệt quệ không, hay là tình hình tài chính của chúng ta đã rất vững vàng, và xem chúng ta liệu có cắn vào lưỡi câu mà chúng tung ra để dử chúng ta hay không.

Hiện nay, đang có nhiều cuộc tranh luận lớn trong giới tư bản chủ nghĩa về vấn đề khả năng tài chính của chúng ta. Kẻ thì nói rằng chúng ta đã phá sản rồi, và sự sụp đổ của Chính quyền xô-viết là một vấn đề từng tháng, nếu không phải là từng tuần. Kẻ lại bảo rằng không phải thế, Chính quyền xô-viết đã vững chắc, và có đầy đủ lực lượng tài chính và lúa mì.

Trong giờ phút này, nhiệm vụ của chúng ta là phải tỏ ra kiên quyết và kiên trì, là không để bị ảnh hưởng bởi những lời hứa hão huyền là bán chịu lúa mì, và tỏ cho thế giới tư bản chủ nghĩa biết rằng chúng ta không cần nhập khẩu lúa mì. Không phải chỉ có một mình tôi nghĩ như thế đâu ; đó cũng là ý kiến của đa số trong Bộ Chính trị.

Cũng vì thế mà chúng ta đã quyết định từ chối đề nghị của các nhà từ thiện đủ mọi hạng như hạng Nan-xen, về vấn đề nhập khẩu vào Liên-xô số lúa mì mua chịu trị giá một triệu đô-la.

Cũng vì thế nên chúng ta từ chối đề nghị của tất cả những tên thám tử của thế giới tư bản chủ nghĩa ở Pa-ri, Mỹ, Tiệp-khắc, là bán chịu cho ta một ít lúa mì.

Cũng vì thế nên chúng ta đã quyết định thực hiện tiết kiệm đến cao độ trong việc tiêu dùng lúa mì, tổ chức đến cao độ công tác thu mua lúa mì.

Trong khi làm như thế, chúng ta đã nhằm hai mục đích: một mặt, không cần nhập khẩu lúa mì và dành ngoại tệ để nhập khẩu thiết bị công nghiệp; mặt khác, tỏ cho tất cả những kẻ thù của chúng ta biết rằng chúng ta có cơ sở vững vàng và không muốn bị ảnh hưởng bởi những lời hứa hẹn bố thí.

Chính sách đó có đúng không? Tôi nghĩ rằng chính sách đó là chính sách duy nhất đúng. Không những vì chúng ta đã phát hiện, trong nước ta, những nguồn mới về lúa mì. Chính sách đó còn đúng bởi vì, khi chúng ta không cần nhập khẩu lúa mì và xua đuổi cho thật xa chúng ta bọn thám tử của thế giới tư bản chủ nghĩa, thì chúng ta đã củng cố được địa vị quốc tế của chúng ta, đã nâng cao được khả năng tài chính của chúng ta và đã dập tắt được những lời lải nhải về «sự sụp đổ sắp tới» của Chính quyền xô-viết.

Cách đây vài ngày, chúng ta đã mấy lần đàm phán sơ bộ với các đại biểu của bọn tư bản Đức. Họ hứa cho chúng ta vay 500 triệu và họ thực sự tỏ vẻ muốn cho chúng ta vay, vì thấy rằng cần làm như thế thì mới bảo đảm được Liên-xô sẽ đặt mua hàng công nghiệp của mình.

Vừa rồi, một đoàn đại biểu của đảng bảo thủ Anh sang thăm chúng ta cũng nhận thấy rằng điều cần thiết là phải xác nhận rằng Chính quyền xô-viết đã được củng cố và điều có lợi là cho chúng ta vay tiền để bảo đảm được Liên-xô sẽ đặt mua hàng công nghiệp của mình.

Tôi nghĩ rằng chúng ta không thể có được những khả năng mới đó, không được trước hết là người Đức, và sau đó là một nhóm tư bản Anh cho vay tiền, nếu chúng ta đã không tỏ rõ tinh thần kiên quyết cần thiết mà tôi đã nói trên đây.

Vậy thì không phải vì chúng ta từ chối, có thể nói là theo ý thích, mà không nhận số lúa mì tưởng tượng bán chịu dài hạn một cách cũng tưởng tượng nốt. Vấn đề là phải nhận rõ mặt kẻ thù của chúng ta, phải thấy rõ những ý định thực sự của chúng và phải tỏ rõ tinh thần kiên quyết cần thiết để củng cố địa vị quốc tế của chúng ta.

Thưa các đồng chí, nguyên nhân khiến chúng ta đã từ chối không nhập khẩu lúa mì là như vậy.

Các đồng chí cũng thấy rằng vấn đề nhập khẩu lúa mì không đơn giản như Ru-cốp đã trình bày ở đây. Mà vấn đề nhập cảng lúa mì là một vấn đề liên quan đến địa vị quốc tế của chúng ta vậy.

V

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Như vậy là chúng ta đã phân tích mọi vấn đề chủ yếu trong những ý kiến bất đồng giữa chúng ta về mặt lý luận cũng như về mặt chính sách của Quốc tế Cộng sản và chính sách đối nội của đảng ta. Những điều vừa nói trên đây chứng tỏ rằng bản tuyên bố của Ru-cốp nói chúng ta có một đường lối *duy nhất*, là không phù hợp với thực tế. Những điều vừa nói trên đây chứng tỏ rằng thực ra chúng ta có *hai* đường lối : đường lối tổng quát của đảng, tức đường lối lê-nin-nít cách mạng của đảng ta, và đường lối của nhóm Bu-kha-rin. Đường lối thứ hai này chưa hoàn toàn thành hình, một phần vì trong hàng ngũ nhóm Bu-kha-rin có những quan điểm mơ hồ không thể tưởng được, một phần vì đường lối thứ hai này, do chỗ thế lực của nó trong đảng không được mạnh lắm, nên đã tìm đủ mọi cách để tự ngụy trang. Tuy nhiên, đường lối này vẫn tồn tại, như các đồng chí đều biết, nó vẫn tồn tại với tư cách là một đường lối *khác hẳn* đường lối của đảng, một đường lối *đối lập* với đường lối tổng quát của đảng trên hầu hết mọi vấn đề trong chính sách của chúng ta. Đường lối này là đường lối của xu hướng *hữu khuynh*.

Bây giờ tôi xin nói đến những vấn đề về sự lãnh đạo của đảng.

a) VỀ HOẠT ĐỘNG BÈ PHÁI CỦA NHÓM BU-KHA-RIN

Bu-kha-rin có nói rằng trong đảng ta không có phái đối lập ; rằng nhóm Bu-kha-rin không phải là một phái đối lập. Các đồng chí, nói thế là sai. Những cuộc tranh luận trong hội nghị toàn thể chứng tỏ hoàn toàn rõ ràng rằng nhóm Bu-kha-rin là một phái đối lập mới. Hoạt động đối lập của nhóm đó là toan xét lại đường lối của đảng ; nó tìm cách sửa đổi lại đường lối của đảng và chuẩn bị điều kiện để thay thế đường lối của đảng bằng một đường lối khác, đường lối của phái đối lập, đường lối này không thể là cái gì khác hơn là đường lối của xu hướng hữu khuynh.

Bu-kha-rin có nói rằng nhóm tay ba không phải là một nhóm bè phái. Các đồng chí, nói thế là sai. Trong nhóm Bu-kha-rin có đủ mọi nhân tố của tinh thần bè phái. Nhóm đó có chính cương, có tính chất đóng kín của bè phái, có chính sách từ chức, đấu tranh có tổ chức để chống lại Ban Chấp hành trung ương. Ngoài ra thử hỏi còn cần có những gì nữa? Tinh thần bè phái của nhóm Bu-kha-rin đã rành rành ra đấy, tại sao lại giấu giếm sự thật đó? Chính là để nói toàn bộ sự thật về những ý kiến bất đồng giữa chúng ta mà Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương đã họp phiên họp toàn thể. Mà sự thật thì nhóm Bu-kha-rin là một nhóm bè phái. Và không phải chỉ là một nhóm bè phái thường, mà — tôi còn nói là — một nhóm đáng ghét nhất và ti tiện nhất trong tất cả các nhóm bè phái đã có trong đảng ta.

Bằng cớ là hiện nay nhóm đó đang tìm cách lợi dụng một sự việc quá ư nhỏ nhặt là vụ manh động ở Át-gia-ri, để đạt những mục đích bè phái của họ. Thật vậy, nếu so với những cuộc bạo động như ở Cơ-rôn-stát thì cái gọi là cuộc « bạo động » ở Át-gia-ri có thấm tháp gì chăng? Tôi nghĩ rằng, so với cuộc bạo động đó thì cái gọi là cuộc « bạo động » ở Át-gia-ri

cũng chẳng bằng một giọt nước trong biển cả. Có bao giờ đã xảy ra trường hợp là bọn tơ-rốt-kít và bọn theo phái Di-nô-vi-ép toan lợi dụng cuộc bạo động nghiêm trọng ở Cơ-rôn-stát để chống lại Ban Chấp hành trung ương, chống lại đảng hay chưa? Thưa các đồng chí, phải thú thật rằng những trường hợp như thế chưa bao giờ xảy ra cả. Trái lại, trong thời kỳ cuộc bạo động nghiêm trọng đó, các nhóm đối lập ở trong đảng ta đã giúp đảng đập tan cuộc bạo động đó, chứ không dám lợi dụng nó để chống lại đảng.

Song, ngày nay thì nhóm Bu-kha-rin hành động ra sao? Các đồng chí cũng đã có dịp để nhận thấy rõ rằng nhóm đó đang tìm cách lợi dụng cái cuộc « bạo động » con con ở Át-gia-ri một cách ti tiện nhất, trâng tráo nhất, để chống lại đảng. Đó là cái gì, nếu không phải là một sự mù quáng, là một sự thoái hóa bè phái đến cực độ?

Chắc hẳn người ta đòi hỏi chúng ta phải làm thế nào để đừng xảy ra những vụ bạo động ở những vùng giáp giới các nước tư bản chủ nghĩa. Chắc chắn người ta đòi hỏi chúng ta phải có một chính sách khả dĩ làm hài lòng mọi giai cấp trong xã hội chúng ta, cả kẻ giầu lẫn người nghèo, cả công nhân lẫn bọn tư bản. Chắc hẳn người ta đòi hỏi chúng ta phải làm thế nào để trong nước ta đừng có những phần tử bất mãn. Các đồng chí đó trong nhóm Bu-kha-rin đã mất trí rồi hay sao?

Có thể nào đòi hỏi chúng ta, những con người của chuyên chính vô sản đấu tranh chống thế giới tư bản chủ nghĩa, ở trong cũng như ở ngoài nước, — có thể nào đòi hỏi chúng ta phải làm thế nào để trong nước đừng có những kẻ bất mãn và đừng để đôi khi xảy ra những vụ manh động tại một vài vùng nào đó giáp giới các nước thù địch với chúng ta? Thế thì vòng vây tư bản chủ nghĩa tồn tại để làm gì, há chẳng phải là để cho tư bản quốc tế ra sức tổ chức, tại các vùng biên giới của chúng ta, cho những phần tử bất mãn trong nước ta hoạt động chống lại Chính quyền xô-viết đó sao? Ngoài những môn đồ của chủ nghĩa tự do rỗng tuếch ra, thì còn ai là người có thể đề ra cho chúng ta những yêu

cầu như thế? Sự ti tiện có tính chất bè phái đôi khi có thể đưa người ta đến chỗ mù quáng và hẹp hòi theo kiểu phái tự do, điều đó chẳng phải là hiển nhiên hay sao?

b) VỀ THÁI ĐỘ TRUNG THỰC VÀ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO TẬP THỂ

Rư-cốp đã quả quyết ở đây rằng Bu-kha-rin là một trong những đảng viên «không chê trách được» và «trung thực» nhất của đảng đối với Ban Chấp hành trung ương của đảng ta.

Xin hãy cho phép tôi hoài nghi điều đó. Chúng ta không thể tin lời Rư-cốp được. Chúng ta đòi hỏi có những sự kiện để chứng minh. Song, Rư-cốp thì không đưa ra một sự kiện nào cả.

Hãy xét đến, chẳng hạn, các cuộc đàm phán ngấm ngầm giữa Bu-kha-rin và nhóm Ca-mê-nép câu kết với bọn tơ-rốt-kít, tức là những cuộc đàm phán nhằm thành lập một tập đoàn bè phái, nhằm sửa đổi chính sách của Ban Chấp hành trung ương, thay đổi thành phần của Bộ Chính trị, lợi dụng cuộc khủng hoảng trong công tác thu mua lúa mì để tấn công Ban Chấp hành trung ương. Thử hỏi: vậy «thái độ trung thực», «hành vi không chê trách được» của Bu-kha-rin đối với Ban Chấp hành trung ương là ở chỗ nào?

Trái lại, như vậy há chẳng phải là một trong những ủy viên của Bộ Chính trị đã *hoàn toàn* vi phạm tính trung thực đối với Ban Chấp hành trung ương của mình, đối với đảng của mình, đó sao? Nếu phải gọi thái độ đó là trung thực đối với Ban Chấp hành trung ương, thì phải gọi sự phản bội Ban Chấp hành trung ương như thế nào đây?

Bu-kha-rin thích nói đến sự trung thực, lòng thành thực, nhưng tại sao đồng chí ấy lại không tự kiểm điểm bản thân và tự hỏi xem mình có vi phạm một cách không thành thực nhất những yêu cầu cơ bản của thái độ trung thực đối với Ban Chấp hành trung ương của mình, bằng cách đàm phán ngấm ngầm với bọn tơ-rốt-kít chống lại Ban Chấp hành trung ương và phản bội Ban Chấp hành trung ương như vậy chăng?

Ở đây Bu-kha-rin có nói rằng không có sự lãnh đạo tập thể trong Ban Chấp hành trung ương đảng, quả quyết với chúng ta rằng những yêu cầu về lãnh đạo tập thể đã bị đại đa số ủy viên trong Bộ Chính trị của Ban Chấp hành trung ương vi phạm.

Cố nhiên là hội nghị toàn thể chúng ta chịu đựng tất cả. Hội nghị có thể chịu đựng cả cái bản tuyên bố vô liêm si và giả dối của Bu-kha-rin nữa. Nhưng thật ra thì phải trơ trẽn lắm mới dám tham luận như thế ở hội nghị toàn thể chống lại đại đa số ủy viên trong Ban Chấp hành trung ương.

Sự thật là đại đa số ủy viên trong Ban Chấp hành trung ương gánh lấy việc đẩy cỗ xe là Nhà nước, nai lưng ra mà đẩy cỗ xe đó tiến tới, và yêu cầu nhóm Bu-kha-rin giúp một tay vào công việc khó khăn đó, nhưng nhóm Bu-kha-rin, đã chẳng giúp đỡ Ban Chấp hành trung ương thì chớ, lại còn dùng trăm phương nghìn kế để làm trở ngại cho Ban Chấp hành và còn thọc gậy vào bánh xe: nhóm Bu-kha-rin dọa từ chức và thương lượng với kẻ thù của đảng, tức là bọn tơ-rốt-kít để chống lại Ban Chấp hành trung ương đảng ta, như vậy, ở đây phỏng có thể nói đến sự lãnh đạo tập thể nào?

Ngoài bọn giả nhân giả nghĩa ra, thử hỏi có ai dám chối cãi rằng Bu-kha-rin, khi cùng với bọn tơ-rốt-kít thành lập một tập đoàn chống lại đảng và khi phản bội Ban Chấp hành trung ương, đã không muốn thực hiện và sẽ không thực hiện sự lãnh đạo tập thể trong Ban Chấp hành trung ương đảng ta chăng?

Ngoài những người mù ra, thử hỏi có ai lại không có thể thấy rằng tuy vậy Bu-kha-rin vẫn cứ ba hoa về vấn đề lãnh đạo tập thể trong Ban Chấp hành trung ương, mà đả kích vào đại đa số ủy viên trung ương, chẳng qua chỉ cốt để che giấu hành vi phản trắc của mình mà thôi?

Nên chú ý rằng đây không phải là lần thứ nhất mà Bu-kha-rin vi phạm những yêu cầu cơ bản của thái độ trung thực và của sự lãnh đạo tập thể đối với Ban Chấp hành trung ương đảng. Trong lịch sử đảng ta có những trường hợp chứng tỏ

rằng, hồi sinh thời Lê-nin, vào thời kỳ hòa ước Bơ-rét - Li-tốp, Bu-kha-rin ở vào địa vị thiểu số trong vấn đề hòa ước, đã sốt sắng làm thân với bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng tả phái, với kẻ thù của đảng ta, đã đàm phán ngấm ngầm với chúng, định cùng với chúng thành lập một tập đoàn chống Lê-nin và Ban Chấp hành trung ương. Lúc bấy giờ, Bu-kha-rin đã thỏa thuận với bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng tả phái trên những vấn đề gì, đó là điều mà tiếc thay chúng ta còn chưa biết được[10]. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng trong thời kỳ đó bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng tả phái đã rắp tâm truy bắt Lê-nin và tiến hành một cuộc đảo chính đánh đổ Chính quyền xô-viết... Nhưng điều đáng ngạc nhiên nhất là tuy Bu-kha-rin sốt sắng làm thân với bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng tả phái và bàn mưu lập kế với chúng để chống lại Ban Chấp hành trung ương, nhưng đồng chí ấy vẫn cứ tuyên bố, hệt như hiện nay, là cần phải có một sự lãnh đạo tập thể.

Ngoài ra, trong lịch sử đảng ta còn có những trường hợp chứng tỏ rằng, hồi sinh thời Lê-nin, Bu-kha-rin nhân nắm được đa số trong Ban Thường vụ Đảng bộ Mạc-tư-khoa của đảng ta, và được nhóm những người cộng sản « tả phái » ủng hộ, nên đã kêu gọi toàn bộ đảng viên phải dè chừng Ban Chấp hành trung ương, phải từ chối không phục tùng Ban Chấp hành trung ương, và phải đặt vấn đề phân liệt trong đảng ta. Điều đó xảy ra trong thời kỳ hòa ước Bơ-rét-Li-tốp, sau khi Ban Chấp hành trung ương đã quyết định nhận những điều kiện trong hòa ước Bơ-rét - Li-tốp.

Thái độ trung thực và sự lãnh đạo tập thể của Bu-kha-rin là như vậy đó.

Ở đây, Ru-cốp có nói đến sự cần thiết phải làm việc tập thể. Nói như thế là Ru-cốp đã đả kích vào đại đa số ủy viên trong Bộ Chính trị, đồng chí ấy quả quyết rằng chính mình và các bạn thân của mình đã tán thành lối làm việc tập thể, còn đại đa số ủy viên trong Bộ Chính trị, do đó, đã chống lại lối làm việc tập thể. Song Ru-cốp đã không dẫn ra được lấy một sự kiện nào để chứng thực lời phát biểu của mình.

Để vạch trần câu chuyện hoang đường kiểu Ru-cốp đó, tôi xin đưa ra đây một vài sự kiện, một vài ví dụ về cái lối làm việc tập thể của Ru-cốp.

Ví dụ thứ nhất. Chắc các đồng chí đều biết câu chuyện về việc xuất khẩu vàng sang Mỹ. Có lẽ nhiều đồng chí nghĩ rằng việc xuất khẩu vàng sang Mỹ là do Hội đồng dân ủy, hoặc Ban Chấp hành trung ương quyết định, hoặc đã được Ban Chấp hành trung ương đồng ý, hoặc Ban Chấp hành trung ương cũng có biết đến. Nhưng sự thực không phải như thế, các đồng chí ạ. Ban Chấp hành trung ương và Hội đồng dân ủy hoàn toàn không có nhúng vào việc đó. Ở nước ta, có một quyết định quy định rằng không được xuất khẩu vàng nếu không được Ban Chấp hành trung ương phê chuẩn. Song người ta đã không tôn trọng quyết định đó. Vậy thì ai đã cho phép xuất khẩu? Rốt cuộc là một người đại diện của Ru-cốp đã cho phép xuất khẩu vàng, Ru-cốp có biết và đã đồng ý.

Phải chăng đó là lối làm việc tập thể?

Ví dụ thứ hai. Đó là vấn đề các cuộc đàm phán với một trong những ngân hàng tư nhân lớn nhất ở Mỹ, mà tài sản đã bị quốc hữu hóa sau Cách mạng tháng Mười, và hiện nay ngân hàng đó đòi bồi thường thiệt hại. Ban Chấp hành trung ương được biết rằng một đại biểu của ngân hàng quốc gia của ta đang thương lượng với ngân hàng nói trên về các điều kiện bồi thường thiệt hại.

Các đồng chí đều biết rằng vấn đề bồi thường thiệt hại cho tư nhân là một vấn đề vô cùng quan trọng có liên quan trực tiếp với chính sách đối ngoại của chúng ta. Cũng có người tưởng rằng Hội đồng dân ủy hoặc Ban Chấp hành trung ương đã cho phép tiến hành các cuộc đàm phán đó. Nhưng sự thực không phải như thế, các đồng chí ạ. Ban Chấp hành trung ương và Hội đồng dân ủy hoàn toàn không có nhúng vào việc đó. Về sau, được tin là có những cuộc đàm phán như thế, Ban Chấp hành trung ương đã quyết định đình chỉ các cuộc đàm phán đó. Nhưng thử hỏi : ai đã cho phép tiến hành

các cuộc đàm phán đó? Thì ra những cuộc đàm phán đó đã được một người đại diện của Ru-cốp cho phép, Ru-cốp có biết và đã đồng ý.

Phải chăng đó là lối làm việc tập thể?

Ví dụ thứ ba. Đó là vấn đề cung cấp máy móc nông nghiệp cho cu-lắc và trung nông. Vấn đề là Hội đồng kinh tế trực thuộc Hội đồng dân ủy của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga[11], mà Chủ tịch là một người trong số những đại diện của Ru-cốp ở Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, đã quyết định *giảm bớt* số máy móc nông nghiệp cung cấp cho trung nông và *tăng thêm* số máy móc nông nghiệp cung cấp cho các tầng lớp trên ở nông thôn tức là cho bọn cu-lắc. Sau đây là nguyên văn bản nghị quyết của Hội đồng kinh tế trực thuộc Hội đồng dân ủy của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, một nghị quyết chống lại Chính quyền xô-viết và thù địch với đảng.

« Đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết tự trị Ca-da-khi và Ba-sơ-ki-ri, đối với các miền Xi-bi-ri và hạ lưu sông Vôn-ga cũng như đối với các vùng trung lưu sông Vôn-ga và U-ran, tỷ lệ đã dự trù trong tiết này về số máy móc và nông cụ bán cho các tầng lớp trên ở nông thôn sẽ *tăng lên* đến 20%, và bán cho các tầng lớp trung gian sẽ *giảm xuống* đến 30% ».

Vậy, các đồng chí thử nghĩ xem: trong khi đảng tăng cường tấn công bọn cu-lắc và tổ chức quần chúng nông dân nghèo và trung nông chống lại bọn cu-lắc, thì Hội đồng kinh tế trực thuộc Hội đồng dân ủy của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga lại quyết định *giảm* tiêu chuẩn cung cấp máy móc cho trung nông và *tăng* tiêu chuẩn cung cấp cho các tầng lớp trên ở nông thôn.

Vậy mà lại muốn bảo đó là chính sách lê-nin-nít, chính sách cộng sản đấy.

Sau đó Ban Chấp hành trung ương, khi biết được việc đó, đã thủ tiêu quyết định của Hội đồng kinh tế. Nhưng ai đã phê chuẩn cái quyết định chống Chính quyền xô-viết đó? Một người đại diện của Ru-cốp đã phê chuẩn quyết định đó, Ru-cốp có biết và đã đồng ý.

Phải chăng đó là lối làm việc tập thể?

Tôi nghĩ rằng từng đó ví dụ cũng đủ để chứng tỏ rằng Ru-cốp và những người đại diện của Ru-cốp đã áp dụng lối làm việc tập thể như thế nào rồi.

c) VẤN ĐỀ ĐẤU TRANH CHỐNG XU HƯỚNG HỮU KHUYNH

Bu-kha-rin có nói đến việc « tước quyền công dân » của ba ủy viên Bộ Chính trị mà các tổ chức của đảng ta đang « đả kích tơi bời », theo đúng lời lẽ của Bu-kha-rin. Đồng chí ấy nói rằng đảng đã « tước quyền công dân » của ba ủy viên Bộ Chính trị, Bu-kha-rin, Ru-cốp và Tôm-ski, bằng cách phê bình những sai lầm của họ trên báo chí và trong các cuộc họp, trong khi đó thì ba ủy viên đó trong Bộ Chính trị, chính họ lại bị « bắt buộc » không được lên tiếng.

Các đồng chí, đó toàn là chuyện tầm bậy cả. Đó toàn là những lời láo lếu của một người cộng sản đang biến thành người thuộc phái tự do, đang tìm cách làm cho đảng nhụt tinh thần trong cuộc đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh. Theo Bu-kha-rin thì nếu đồng chí ấy và bạn hữu của đồng chí ấy có sa vào những sai lầm của xu hướng hữu khuynh đi nữa, thì đảng cũng không có quyền vạch những sai lầm đó ra, đảng phải chấm dứt cuộc đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh và chờ cho đến khi Bu-kha-rin và bạn hữu của đồng chí ấy vui lòng từ bỏ những sai lầm của họ.

Phải chăng Bu-kha-rin đòi hỏi ở chúng ta quá nhiều? Hay là đồng chí ấy nghĩ rằng đảng tồn tại vì đồng chí ấy, chứ không phải đồng chí ấy vì đảng mà tồn tại! Mà ai không cho đồng chí ấy lên tiếng, ai bắt buộc đồng chí ấy phải nằm yên, trong khi toàn đảng đang được huy động chống xu hướng hữu khuynh và đang mở những đợt tấn công quyết định để giải quyết những khó khăn kia chứ? Tại sao trong giờ phút này mà Bu-kha-rin và bạn bè thân cận nhất của đồng chí ấy lại không tham gia và không tiến hành một cuộc đấu tranh quyết định chống xu hướng hữu khuynh và tinh thần điều

hòa? Có ai dám hoài nghi rằng đảng sẽ không khen ngợi Bu-kha-rin và bạn thân của đồng chí ấy nếu họ quyết định bước một bước cũng không lấy gì làm khó khăn cho lắm đó. Và tại sao họ lại không thể quyết định bước cái bước ấy, cái bước mà dù sao cũng là bắt buộc đối với họ? Phải chăng là vì họ đã đặt lợi ích của nhóm họ lên trên lợi ích của đảng và của đường lối chung của đảng? Nếu Bu-kha-rin, Ru-cốp và Tôm-ski nổi bật lên vì họ không tham gia cuộc đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh thì lỗi tại ai? Há chẳng rõ ràng rằng những luận điệu về việc «tước quyền công dân» của ba ủy viên Bộ Chính trị là một mưu toan ngụy trang vụng về của ba ủy viên đó của Bộ Chính trị để buộc đảng không được lên tiếng và chấm dứt cuộc đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh hay sao?

Không thể coi cuộc đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh là một nhiệm vụ thứ yếu của đảng ta được. Cuộc đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh là một trong những nhiệm vụ quyết định của đảng ta. Nếu ngay trong giới chúng ta, ngay trong đảng ta, trong Bộ tham mưu chính trị của giai cấp vô sản là cơ quan đang lãnh đạo phong trào và dìu dắt giai cấp vô sản tiến tới — nếu trong Bộ tham mưu đó, chúng ta cứ dung túng cho những kẻ theo xu hướng hữu khuynh tự do tồn tại và tự do hoạt động, tức là những kẻ đang ra sức làm cho đảng rã rời hàng ngũ, làm cho giai cấp công nhân tan rã, làm cho chính sách của chúng ta thích hợp với thị hiếu của giai cấp tư sản «xô-viết» và do đó mà đầu hàng trước những khó khăn trong công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa, — nếu chúng ta cứ dung túng tất cả những việc đó thì như vậy sẽ có nghĩa là thế nào? Như vậy há chẳng có nghĩa là chúng ta sẵn sàng để cho cách mạng của chúng ta tiêu vong từ từ đi, để cho sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa của chúng ta tan rã, sẵn sàng trốn tránh khó khăn, nộp trận địa của chúng ta cho các phần tử tư bản chủ nghĩa hay sao?

Rời bỏ cuộc đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh, là phản bội giai cấp công nhân, phản bội cách mạng, nhóm Bu-kha-rin có hiểu như vậy chăng?

Không chiến thắng xu hướng hữu khuynh và tinh thần điều hòa thì không tài nào vượt qua được những khó khăn trên con đường của chúng ta, mà nếu không khắc phục được những khó khăn đó thì không tài nào đạt được những thắng lợi quyết định trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, nhóm Bu-kha-rin có hiểu như vậy chăng?

Như vậy phỏng những luận điệu đáng thương kia về việc « tước quyền công dân » của ba ủy viên Bộ Chính trị còn có giá trị gì nữa chăng?

Không, các đồng chí ạ, những người trong nhóm Bu-kha-rin không thể lấy những chuyện nói lải nhải theo kiểu phái tự do về việc « tước quyền công dân » để dọa nạt đảng được. Đảng đòi hỏi họ kề vai sát cánh với tất cả các ủy viên trong Ban Chấp hành trung ương của đảng ta mà đấu tranh kiên quyết chống xu hướng hữu khuynh và tinh thần điều hòa. Đảng đòi hỏi nhóm Bu-kha-rin phải làm như thế để dễ dàng động viên giai cấp công nhân, để đập tan sự phản kháng của kẻ thù giai cấp và tổ chức cuộc chiến đấu quyết định nhằm chiến thắng những khó khăn trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Hoặc giả những người trong nhóm Bu-kha-rin làm theo yêu cầu của đảng, thì khi đó đảng sẽ hoan nghênh họ; hoặc giả họ sẽ không làm theo, nhưng khi đó thì họ hãy tự trách mình thôi.

VI

KẾT LUẬN

Bây giờ tôi xin kết luận.

Tôi xin trình bày cùng các đồng chí mấy đề nghị sau đây:

1) Trước hết phải lên án những quan điểm của nhóm Bu-kha-rin. Phải lên án các quan điểm mà nhóm đó đã trình bày trong các bản tuyên bố của nhóm đó và trong các bài diễn văn của các đại biểu của nhóm đó, và phải thừa nhận

rằng các quan điểm đó không phù hợp với đường lối của đảng mà lại hoàn toàn phù hợp với lập trường của xu hướng hữu khuynh.

2) Phải lên án các cuộc đàm phán ngấm ngầm của Bu-kha-rin với nhóm Ca-mê-nép, coi đó là biểu hiện rõ ràng nhất của thái độ không trung thực và của hoạt động bè phái của nhóm Bu-kha-rin.

3) Phải lên án chính sách từ chức, do Bu-kha-rin và Tôm-ski thực hành, coi đó là một sự vi phạm bỉ ổi những yêu cầu cơ bản của kỷ luật đảng.

4) Phải truất Bu-kha-rin và Tôm-ski ra khỏi các chức vụ hiện tại của họ, đồng thời cảnh cáo họ rằng trong trường hợp mà hơi có ý định không phục tùng các nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương, thì Ban Chấp hành trung ương sẽ buộc phải tuyên bố khai trừ họ ra khỏi Bộ Chính trị.

5) Cần phải có những biện pháp cần thiết để khi các ủy viên và đại diện của Bộ Chính trị tham gia ý kiến trong các hội nghị, thì tuyệt đối không được phép vi phạm đường lối của đảng, nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương và các cơ quan của Ban Chấp hành trung ương.

6) Phải có những biện pháp cần thiết để đường lối của đảng và những nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của đảng được thực hiện đầy đủ trong các cơ quan báo chí của đảng cũng như của các Xô-viết, trên các báo chí.

7) Phải quy định những biện pháp đặc biệt, cho đến cả biện pháp khai trừ ra khỏi Ban Chấp hành trung ương và ra khỏi đảng đối với những kẻ định để lộ các nghị quyết của đảng, của Ban Chấp hành trung ương đảng, của Bộ Chính trị của đảng.

8) Phải phân phát bản nghị quyết về những vấn đề nội bộ đảng đã được hội nghị liên tịch Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương thông qua, cho tất cả các tổ chức đảng ở địa phương và cho các đại biểu đến dự hội nghị XVI[12], hiện nay thì chưa nên công bố nghị quyết đó trên báo.

Theo ý tôi thì vấn đề phải được giải quyết như vậy.

Một số đồng chí cố đòi khai trừ ngay tức khắc Bu-kha-rin và Tôm-ski ra khỏi Bộ Chính trị của Ban Chấp hành trung ương. Tôi không đồng ý với các đồng chí đó. Theo ý tôi thì hiện nay chúng ta chưa cần phải dùng đến biện pháp cực đoan đó.

In toàn bộ lần đầu tiên

THI ĐUA VÀ TINH THẦN PHẤN KHỞI LAO ĐỘNG CỦA QUẦN CHÚNG

(Lời tựa cho cuốn Thi đua của quần chúng *của Mi-cu-li-na)*

Vị tất có thể nghi ngờ gì nữa, việc thi đua của hàng triệu quần chúng công nhân hiện đang phát triển rộng lớn, nếu không phải là sự kiện quan trọng nhất trong công cuộc kiến thiết của chúng ta, thì cũng là một trong những sự kiện quan trọng nhất. Ở khắp các địa phương khác nhau trên đất nước vô cùng rộng lớn của chúng ta, việc thi đua của rất nhiều nhà máy, việc thi đua giữa công nhân và nông dân, việc thi đua giữa những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, sự hưởng ứng lẫn nhau trong việc sản xuất có tính chất quần chúng, thể hiện ở những bản giao ước thi đua chuyên môn được ký kết giữa những người lao động, — tất cả những sự việc đó đều chứng tỏ một cách chắc chắn rằng : việc thi đua xã hội chủ nghĩa của quần chúng đã được phát triển.

Tinh thần phấn khởi sản xuất lớn mạnh của quần chúng lao động đã bắt đầu có.

Ngày nay, ngay cả đến bọn hoài nghi ngoan cố nhất cũng không thể không thừa nhận điều đó.

Lê-nin nói :

« Chủ nghĩa xã hội không những không dập tắt thi đua, mà trái lại, lần đầu tiên đã tạo ra khả năng áp dụng thi đua một cách

thật sự *rộng rãi*, với một quy mô thật sự *có tính chất quần chúng*, tạo ra khả năng thu hút thật sự đa số những người lao động vào vũ đài hoạt động khiến họ có thể thi thố bản lĩnh của mình, dốc hết năng lực, phát huy tài năng của mình ; những tài năng mà nhân dân sẵn có rất phong phú, nhưng trước kia đã bị chủ nghĩa tư bản giày xéo, đè nén, bóp nghẹt mất kể hàng nghìn hàng triệu »...

« ... Chỉ có ngày nay mới có điều kiện cho tính tháo vát, tinh thần thi đua, óc sáng kiến mạnh dạn, được phát huy một cách rộng rãi, thật sự to lớn »... vì « sau hàng bao thế kỷ phải lao động cho người khác, phải lao dịch nô lệ cho bọn bóc lột, bây giờ lần đầu tiên người ta mới có khả năng *lao động cho mình* »...

... « Bây giờ đây, khi mà một chính phủ xã hội chủ nghĩa đã nắm chính quyền, thì nhiệm vụ của chúng ta là phải tổ chức thi đua »[13].

Đại hội XVI của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô chính đã căn cứ vào luận điểm đó của Lê-nin mà phát biểu trong một bức thư chuyên nói về thi đua, gửi cho công nhân và nhân dân lao động.

Có một số « đồng chí » quan liêu cho rằng thi đua là một cái mốt bôn-sê-vích cũ kỹ, mà đã là cái mốt thì nhất định « hết mùa » là sẽ xẹp đi. Những « đồng chí » quan liêu cố nhiên là đã lầm. Sự thực thì, thi đua là một *phương pháp cộng sản chủ nghĩa để kiến thiết chủ nghĩa xã hội* trên cơ sở *tính tích cực* lớn nhất của hàng triệu quần chúng lao động. Sự thực thì, thi đua là cái đòn bẩy mà giai cấp công nhân nhờ vào đó để lay chuyển cả toàn bộ đời sống kinh tế và văn hóa trong nước trên cơ sở chủ nghĩa xã hội.

Lại một số « đồng chí » quan liêu khác thì, vì bị phong trào thi đua lớn mạnh làm cho sợ hãi, nên định tạo ra một cái giới hạn giả tạo cho thi đua, hạn chế việc thi đua trong cái khuôn khổ nhỏ bé, đem « tập trung » phong trào thi đua lại, bó hẹp quy mô của nó, để do đó mà vứt bỏ cái trọng yếu nhất trong thi đua tức là *sáng kiến* của quần chúng. Không cần nói cũng thấy rằng sự toan tính của bọn quan liêu sẽ vô ích thôi. Dù sao đảng cũng cần phải dùng mọi biện pháp để dập tan những sự toan tính đó.

Không thể coi thi đua xã hội chủ nghĩa là công việc bàn giấy được. Thi đua xã hội chủ nghĩa là biểu hiện của việc *tự phê bình* có tính chất cách mạng và thực sự cầu thị của quần chúng ; việc *tự phê bình* đó dựa vào *tính chủ động* sáng tạo của hàng triệu người lao động. Phàm những kẻ nào kìm hãm việc tự phê bình đó và tính chủ động sáng tạo đó của quần chúng, một cách có ý thức hay không có ý thức, đều phải xem là vật chướng ngại của sự nghiệp vĩ đại của chúng ta, và phải gạt chúng ra bên đường.

Tính chất nguy hiểm của chủ nghĩa quan liêu biểu hiện cụ thể ở chỗ : nó trói buộc sức sống, tính sáng tạo và tính tự động của quần chúng ; nó làm mai một những lực lượng hậu bị to lớn ấy đang tiềm tàng trong lòng chế độ chúng ta, trong giai cấp công nhân và nông dân ; nó không cho chúng ta sử dụng được những lực lượng hậu bị ấy để chống lại kẻ thù giai cấp của chúng ta. Nhiệm vụ thi đua xã hội chủ nghĩa là ở chỗ đập tan sự trói buộc ấy của chủ nghĩa quan liêu, mở ra một trường sở hoạt động rộng rãi để phát huy sức sống và tính chủ động sáng tạo của quần chúng, khai thác những lực lượng hậu bị to lớn đang tiềm tàng trong lòng chế độ chúng ta, và đem những lực lượng hậu bị ấy mà dùng vào việc đấu tranh chống kẻ thù trong nước và ngoài nước của chúng ta.

Thường người ta hay lẫn lộn thi đua xã hội chủ nghĩa với việc cạnh tranh. Đó là một điều hết sức sai lầm. Thi đua xã hội chủ nghĩa và cạnh tranh là hai nguyên tắc hoàn toàn khác nhau.

Nguyên tắc của cạnh tranh là : *sự thất bại và diệt vong của một số người này*, sự thắng lợi và thống trị của một số người khác.

Nguyên tắc của thi đua xã hội chủ nghĩa là : những người tiên tiến *giúp đỡ* những người chậm tiến với tinh thần đồng chí, do đó mà đạt tới một sự tiến bộ *phổ biến*.

Cạnh tranh thì nói : *cần phải triệt để đánh bại kẻ chậm tiến* để xác lập địa vị thống trị của mình.

Thi đua xã hội chủ nghĩa thì nói : có những người làm việc không tốt, có những người làm việc tốt, lại có những người làm việc tốt hơn, — cần phải *theo kịp người làm việc tốt hơn* và gắng sức đạt tới một sự *tiến bộ phổ biến*.

Sự thực thì điều đó cũng không nói rõ được vì sao thi đua xã hội chủ nghĩa lại có thể làm cho hàng triệu quần chúng lao động có đầy nhiệt tình sản xuất mà từ trước đến nay chưa hề có. Không cần nói cũng rõ, bất cứ bao giờ, cạnh tranh cũng đều không có thể gây nên một nhiệt tình của quần chúng như thế được.

Gần đây, trên báo chí của chúng ta ngày càng có nhiều bài xã luận và bình luận về thi đua, bàn tới triết học thi đua, nguồn gốc thi đua, khả năng kết quả của thi đua, v.v. Nhưng rất ít thấy những bài mô tả một cách tương đối có hệ thống về tình hình *quần chúng đã tự mình* tiến hành thi đua *như thế nào*, mô tả tình hình *hăng hái đã biểu hiện* ra trong việc tiến hành thi đua và giao ước thi đua của hàng triệu quần chúng công nhân như thế nào, tình hình quần chúng công nhân đã coi việc thi đua là *việc thiết thân của chính mình* như thế nào. Thế mà, đối với chúng ta thì mặt đó chính là mặt cực kỳ trọng yếu của thi đua.

Tôi cho rằng cuốn sách nhỏ của đồng chí Mi-cu-li-na là một cuốn sách căn cứ vào những tài liệu *thực tế* của việc thi đua để thử mô tả lần đầu tiên một cách có hệ thống việc thi đua là công việc của chính bản thân quần chúng lao động. Ưu điểm của cuốn sách nhỏ này là ở chỗ nó đã mô tả được một cách giản dị và chân thật quá trình sâu sắc của cái cao trào nhiệt tình lao động vĩ đại đã trở thành một động lực trong lòng việc thi đua xã hội chủ nghĩa.

Ngày 11 tháng Năm 1929

« Sự thật » số 114,
22 tháng Năm 1929
Ký tên : J. Sta-lin

GỬI ĐỒNG CHÍ PHÊ-LÍCH CÔN

Sao gửi đồng chí Cô-lô-ti-lốp, thư ký Ban Thường vụ tỉnh trong Ban Chấp hành trung ương tỉnh I-va-nô-vô - Vô-dơ-ne-xen-scơ

Đồng chí Côn !

Tôi đã nhận được bài bình luận ngắn của đồng chí Rút-xô-va về cuốn sách của đồng chí Mi-cu-li-na (*Thi đua của quần chúng*). Ý kiến của tôi về vấn đề đó như thế này :

1) Bài bình luận của đồng chí Rút-xô-va làm cho người ta có ấn tượng rằng đó là một bài bình luận quá ư phiến diện và thiên lệch. Tôi cho rằng trên đời này không có xưởng dệt Bác-đi-na và không có xưởng dệt ở Da-ri-a-đi-e. Tôi cũng cho rằng xưởng Da-ri-a-đi-ep « mỗi tuần được quét dọn một lần ». Có thể cho rằng có lẽ đồng chí Mi-cu-li-na, do bị một trong số những người kể chuyện lại nào đó lừa dối, nên đã nêu ra hàng loạt những điều hết sức sai sự thực, và đương nhiên như thế là không tốt và không thể tha thứ được. Nhưng phải chăng vấn đề là ở chỗ đó ? Phải chăng giá trị của cuốn sách nhỏ đó là do từng chi tiết riêng quyết định, chứ không phải là do xu hướng chung của nó quyết định ? Đồng chí Sô-lô-khốp, nhà văn nổi tiếng của thời đại chúng ta, trong tác phẩm *Sông Đông êm đềm* của mình, đã phạm hàng loạt sai lầm hết sức nghiêm trọng và đã đưa ra những lời giới thiệu thật là không đúng về các nhân vật Xư-rơ-txốp, Pôt-ti-ôn-cốp, Cơ-ri-bô-sơ-lư-cốp, v.v., nhưng liệu có thể vì thế mà kết luận rằng cuốn *Sông Đông êm đềm* là một cuốn sách hoàn toàn vô dụng, đáng cấm không cho phát hành được không ?

Giá trị của cuốn sách nhỏ của đồng chí Mi-cu-li-na là ở chỗ nào ? Ở chỗ nó *đã truyền bá* được tư tưởng thi đua *và đã truyền* được tinh thần thi đua cho độc giả. Thực chất là ở chỗ đó chứ không phải ở những sai lầm về từng chi tiết riêng.

2) Có thể vì tôi đã viết lời tựa cho cuốn sách nhỏ của đồng chí Mi-cu-li-na, nên các nhà phê bình đã đặt quá nhiều hy vọng vào cuốn sách nhỏ ấy và trông đợi ở cuốn sách ấy một cái gì khác thường, nhưng bây giờ, do bị thất vọng nên họ quyết định trừng phạt tác giả cuốn sách ấy. Nhưng làm như thế là không đúng và không công bằng. Đương nhiên cuốn sách của đồng chí Mi-cu-li-na không phải là một tác phẩm khoa học. Cuốn sách của đồng chí Mi-cu-li-na là một *cuốn truyện* kể về tình hình thi đua của quần chúng, tình hình thực tế của thi đua. Và chỉ có thế thôi. Nếu lời tựa của tôi đã tạo ra những ý kiến quá khuếch đại về cuốn sách đó mà thực ra là một cuốn sách rất bình thường, — thì đó không phải là lỗi tại đồng chí Mi-cu-li-na. Không thể vì thế mà trừng phạt tác giả và đồng thời cả độc giả của cuốn sách bằng cách cấm không cho phát hành cuốn sách đó. Chỉ có thể cấm không cho phát hành những tác phẩm có khuynh hướng không phải xô-viết, những tác phẩm chống đảng, chống giai cấp vô sản. Trong cuốn sách của đồng chí Mi-cu-li-na, không hề có một tí gì là chống đảng, là bài xô cả.

3) Đồng chí Rút-xô-va tỏ ra đặc biệt phẫn nộ về việc đồng chí Mi-cu-li-na « đã lừa dối được đồng chí Sta-lin ». Không thể không coi trọng sự quan tâm của đồng chí Rút-xô-va đối với đồng chí Sta-lin, biểu lộ ra trong trường hợp này. Nhưng theo ý tôi thì sự quan tâm đó là không cần thiết.

Thứ nhất, « lừa dối được đồng chí Sta-lin » không phải là một việc dễ dàng đâu.

Thứ hai, tôi hoàn toàn không hối tiếc là đã đề tựa cho một cuốn sách *bình thường* của một người *không tên tuổi* trong giới những nhà viết sách báo, vì tôi nghĩ rằng mặc dù cuốn sách của đồng chí Mi-cu-li-na có những sai lầm riêng và có thể là những sai lầm rất nghiêm trọng, nhưng nó cũng đã đem lại lợi ích to lớn cho quần chúng công nhân.

Thứ ba, tôi kiên quyết phản đối việc chỉ đề tựa cho những cuốn sách nhỏ và những tác phẩm của các « yếu nhân » trong giới viết sách báo, của các « danh nhân » và các nhà « Lỗi lạc » trong giới viết sách báo v.v. Tôi cho rằng đã đến lúc phải vứt bỏ cái lề thói *quỳ tộc* đó quen đề cao những « yếu nhân » trong giới viết sách báo vốn đã được đề cao rồi, cái « vĩ đại » của những bậc yếu nhân đó đang làm cho những lực lượng văn học non trẻ ở nước ta, tức những lực lượng không ai biết đến và bị mọi người bỏ quên, phải kêu than rên xiết.

Ở nước ta có hàng trăm hàng nghìn những người trẻ có tài năng, họ đang dốc tất cả sức lực ra để đi từ thấp lên cao, nhằm cống hiến phần của mình vào kho tàng chung của sự nghiệp kiến thiết của chúng ta. Song những nỗ lực của họ thường thường là uổng công vô ích, vì họ luôn luôn không ngừng bị đè nén bởi tính tự phụ của các « danh nhân » trong giới viết sách báo, bởi chủ nghĩa quan liêu có tính thờ ơ của một số tổ chức của chúng ta, cuối cùng, bởi tính kèn cựa — tính kèn cựa này vẫn chưa chuyển thành thi đua — của những người cùng lứa tuổi với họ. Một trong những nhiệm vụ của chúng ta là đục thủng cái bức tường dày đặc đó và mở một lối thoát cho lực lượng non trẻ là lực lượng rất đông đảo. Bài tựa tôi viết cho một cuốn sách *bình thường* của một tác giả *không tên tuổi* trong giới viết sách báo, là ý định muốn tiến lên một bước về mặt giải quyết nhiệm vụ đó. Từ nay về sau tôi sẽ chỉ đề tựa cho những cuốn sách bình thường và không ầm ĩ của những tác giả bình thường và không tên tuổi trong các lực lượng non trẻ. Có thể là những người sùng bái danh vị sẽ không thích lối làm việc như thế. Nhưng việc đó có quan hệ gì đến tôi kia chứ ? Tôi nói chung không phải là người yêu chuộng những kẻ sùng bái danh vị...

4) Tôi cho rằng các đồng chí ở I-va-nô-vô - Vô-dơ-ne-xen-scơ nên gọi đồng chí Mi-cu-li-na đến I-va-nô-vô - Vô-dơ-ne-xen-scơ và « beo tai đồng chí ấy » về những sai lầm mà đồng chí ấy đã phạm phải. Tôi hoàn toàn không phản đối việc đưa đồng chí Mi-cu-li-na lên báo để phê phán cho ra trò những sai lầm

của đồng chí ấy. Nhưng tôi kiên quyết phản đối việc đầy xuống vực sâu và làm mai một nhà nữ văn sĩ hoàn toàn có tài đó.

Còn việc cấm không cho phát hành cuốn sách nhỏ của đồng chí Mi-cu-li-na, tôi cho rằng đối với cái ý kiến thô bạo đó, ta cứ để kệ nó «không giải quyết».

Lời chào cộng sản *J. Sta-lin*

Ngày 9 tháng Bảy 1919

In lần đầu tiên

GỬI ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN U-CƠ-REN NHÂN NGÀY KỶ NIỆM MƯỜI NĂM THÀNH LẬP ĐOÀN

Nhiệt liệt chào mừng Đoàn thanh niên cộng sản Lê-nin U-cơ-ren nhân ngày kỷ niệm mười năm thành lập đoàn, đoàn đã được thử thách trong các cuộc chiến đấu trong thời kỳ nội chiến, đang mở rộng một cách thắng lợi phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa và đang tích cực tham gia vào công cuộc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa của U-cơ-ren.

J. Sta-lin

Mạc-tư-khoa, ngày 10 tháng Bảy 1929

«Sự thật» số 157,

12 tháng Bảy 1929

NHỮNG LỜI GHI TRONG CUỐN NHẬT KÝ CỦA TUẦN DƯƠNG HẠM "U-CƠ-REN ĐỎ"

Tôi đã đến thăm tuần dương hạm « U-cơ-ren đỏ ». Đã dự tối vui văn nghệ.

Cảm tưởng chung : đây là những con người xuất sắc, những đồng chí dũng cảm, có văn hóa, sẵn sàng cống hiến tất cả vì sự nghiệp chung của chúng ta.

Rất vui thích được gặp những đồng chí như thế. Rất vui thích được đứng trong hàng ngũ những chiến sĩ như thế để đấu tranh chống quân thù. Với những đồng chí như thế thì có thể chiến thắng được toàn bộ thế giới bọn bóc lột và bọn áp bức.

Các bạn trên tuần dương hạm « U-cơ-ren đỏ », xin chúc các bạn thành công !

J. Sta-lin

Ngày 25 tháng Bảy 1929

Báo « Hồng quân Hải quân ở Hắc-hải »
(Xê-va-stô-pôn) số 260, 7 tháng Một 1929

MỘT NĂM CHUYỂN BIẾN LỚN

Để kỷ niệm lần thứ XII cuộc Cách mạng tháng Mười

Năm vừa qua là một năm *chuyển biến lớn* trên tất cả các mặt trận xây dựng xã hội chủ nghĩa. Sự chuyển biến đó đã thể hiện ra và còn tiếp tục thể hiện bằng một *cuộc tấn công* quyết liệt của chủ nghĩa xã hội chống các phần tử tư bản chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn. Đặc điểm của cuộc tấn công đó là ở chỗ nó đã đưa lại cho chúng ta nhiều *thành công* quyết định trong những lãnh vực chủ yếu của công cuộc cải tổ (cải tạo) nền kinh tế quốc dân của chúng ta theo chủ nghĩa xã hội.

Do đó, có thể kết luận rằng đảng đã biết lợi dụng một cách có hiệu quả bước lùi của chúng ta trong những giai đoạn đầu của Chính sách kinh tế mới, để rồi sau đó, trong những giai đoạn sau của Chính sách kinh tế mới, tổ chức *sự chuyển biến* và mở một *cuộc tấn công thắng lợi* chống những phần tử tư bản chủ nghĩa.

Khi thiết lập Chính sách kinh tế mới, Lê-nin có nói :

«Hiện nay, chúng ta lùi, hình như chúng ta lùi, nhưng chúng ta lùi như thế là để sau đó chúng ta lấy đà rồi nhảy mạnh hơn lên phía trước. Chính chỉ với điều kiện duy nhất đó mà chúng ta đã lùi bằng cách áp dụng Chính sách kinh tế mới... để rồi sau khi lùi, chúng ta lại bắt đầu một cuộc tấn công kiên trì nhất» (xem tập XXVIII, tr. 361-362)*.

---

* Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 399. *(B.T.)*

Những kết quả đạt được trong năm qua chứng thực rằng trong công tác của mình, đảng đã thực hiện có kết quả lời chỉ dẫn quyết định đó của Lê-nin.

I

VỀ MẶT NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Không còn nghi ngờ gì nữa một trong những việc quan trọng nhất trong công cuộc xây dựng của chúng ta trong năm vừa qua là chúng ta đã đạt được một *bước chuyển biến quyết định* về mặt năng suất lao động. Bước chuyển biến đó đã được biểu hiện bằng sự phát huy *óc sáng kiến* và *bằng cái đà phấn khởi lao động* mạnh mẽ của quảng đại quần chúng công nhân trên mặt trận xây dựng xã hội chủ nghĩa. Đó là *thành tích* đầu tiên và chủ yếu của chúng ta trong năm qua.

Óc sáng kiến và đà phấn khởi lao động của quần chúng được khích lệ chủ yếu theo ba hướng sau đây :

a) đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu đang kìm hãm sáng kiến và tính tích cực của quần chúng trong lao động của họ — bằng phương pháp *tự phê bình;*

b) đấu tranh chống những phần tử trốn việc và phá hoại kỷ luật lao động của giai cấp vô sản — bằng phương pháp *thi đua xã hội chủ nghĩa;*

c) đấu tranh chống đầu óc nhân tuần và tính trì trệ trong sản xuất — bằng phương pháp tổ chức *tuần lễ lao động không ngừng.*

Kết quả là, chúng ta đã ghi được trên mặt trận lao động một thành tích cực kỳ to lớn : nhiệt tình lao động và phong trào thi đua của đông đảo quần chúng trong giai cấp công nhân ở khắp mọi nơi trên đất nước rộng lớn của chúng ta. Và ý nghĩa của thành tích đó thì thật không sao đánh giá được, vì chỉ có đà phấn khởi và nhiệt tình lao động của đông đảo quần chúng thì mới có thể bảo đảm cho năng suất lao động tăng

lên không ngừng, nếu không thế thì chủ nghĩa xã hội ở nước ta sẽ không thể hoàn toàn chiến thắng chủ nghĩa tư bản được.

Lê-nin nói :

« Phân tích đến cùng thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, căn bản nhất trong sự thắng lợi của trật tự xã hội mới. Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một năng suất lao động chưa từng thấy dưới chế độ nông nô. Chủ nghĩa tư bản có thể bị đánh bại hẳn và sẽ bị đánh bại hẳn, vì chủ nghĩa xã hội đã tạo ra một năng suất lao động mới, cao hơn nhiều » (xem tập XXIV, tr. 342)*.

Xuất phát từ đó, Lê-nin nhận định rằng :

« Chúng ta cần có đầy đủ cái nhiệt tình lao động, cái ý chí lao động, cái tinh thần bền bỉ mà nhờ đó hiện nay mới có thể cứu vãn được công nhân và nông dân một cách nhanh chóng, cứu vãn được nền kinh tế quốc dân » (xem tập XXV, tr. 477)**.

Đó là nhiệm vụ mà Lê-nin đề ra trước đảng.

Năm vừa qua đã chứng minh rằng đảng đã thực hiện nhiệm vụ đó một cách thắng lợi, bằng cách kiên quyết khắc phục những khó khăn trên con đường đó.

Đấy là thành tích quan trọng đầu tiên của đảng trong năm qua.

II

VỀ MẶT XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Thành tích thứ nhất đó có quan hệ mật thiết với thành tích thứ hai của đảng. Thành tích thứ hai của đảng là trong năm qua, về căn bản, chúng ta đã có được một giải pháp thuận lợi về *vấn đề tích lũy vốn* cho các công trình kiến trúc lớn của công nghiệp nặng ; là chúng ta đã thực hiện được một

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 29, tr. 394. *(B.T.)*

** Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 374. *(B.T.)*

nhịp độ ngày một tăng trong việc phát triển ngành chế tạo tư liệu sản xuất, và đã tạo ra những điều kiện cần thiết để biến nước ta thành một nước của *kim khí*.

Đó là *thành tích* cơ bản thứ hai của đảng trong năm qua.

Vấn đề công nghiệp nhẹ không gặp những khó khăn đặc biệt. Cách đây vài năm, chúng ta đã giải quyết được vấn đề đó rồi. Khó khăn hơn và quan trọng hơn là vấn đề công nghiệp nặng.

Khó khăn hơn, vì công nghiệp nặng đòi hỏi phải bỏ ra những số vốn to lớn ; và lại lịch sử các nước mà công nghiệp lạc hậu, chứng tỏ rằng, công nghiệp nặng không thể không cần đến những khoản vay dài hạn.

Quan trọng hơn, vì nếu không phát triển công nghiệp nặng, thì chúng ta không thể xây dựng được một công nghiệp nào cả, chúng ta không thể thực hiện được một công cuộc công nghiệp hóa nào cả.

Và vì trước kia và hiện nay chúng ta đều không vay dài hạn được và cũng không mua chịu được khá dài hạn, cho nên tính chất khẩn trương của vấn đề càng trở thành hết sức rõ rệt đối với chúng ta.

Bọn tư bản tất cả các nước chính là đã căn cứ vào điểm đó, nên đã từ chối không cho chúng ta vay và không cho chúng ta chịu ; chúng tưởng rằng chúng ta sẽ không thể nào tự lực giải quyết được vấn đề tích lũy vốn, rằng chúng ta sẽ thất bại trong việc cải tạo công nghiệp nặng và sẽ phải cúi đầu cầu cứu chúng, phải cam chịu để cho chúng muốn làm sao thì làm.

Song, về phương diện này những kết quả trong năm qua đã cho ta thấy gì ? Ý nghĩa của những kết quả đó, chính là ở chỗ nó đã đập tan được những sự tính toán của các ngài tư bản.

Năm vừa qua đã chứng tỏ rằng, mặc dầu Liên-xô bị bao vây về tài chính một cách công khai hoặc ngấm ngầm, nhưng chúng ta không hề cam chịu cho bọn tư bản muốn làm sao thì làm và chúng ta đã tự lực giải quyết thành công vấn đề tích

lũy, đã đặt cơ sở cho công nghiệp nặng. Và từ nay, ngay cả những kẻ tử thù của giai cấp công nhân cũng không thể phủ nhận được điều đó.

Thật thế, một là, nếu năm ngoái, số vốn đầu tư vào đại công nghiệp là trên 1.600 triệu rúp, trong đó khoảng 1.300 triệu rúp dùng vào công nghiệp nặng, và nếu trong năm nay, số tiền đầu tư vào đại công nghiệp là trên 3.400 triệu rúp, trong đó hơn 2.500 triệu rúp sẽ dùng vào công nghiệp nặng ; hai là, nếu tổng sản lượng đại công nghiệp trong năm qua đã tăng lên 23% — phần tăng của công nghiệp nặng là 30%, — mà tổng sản lượng đại công nghiệp năm nay phải tăng lên 32%, thì phần tăng của công nghiệp nặng phải tới 46%, — há lại không rõ ràng rằng vấn đề tích lũy vốn để xây dựng công nghiệp nặng đối với chúng ta hiện nay không còn có những khó khăn không thể vượt qua được nữa đó ư ?

Làm sao lại có thể hoài nghi được rằng hiện nay trên con đường phát triển công nghiệp nặng, chúng ta đang tiến với một nhịp độ ngày càng nhanh, rằng chúng ta đã vượt quá nhịp độ cũ và đã vứt bỏ được tình trạng lạc hậu « lâu đời » của chúng ta.

Sau tất cả những điều đã nói trên, thì trong năm vừa qua kế hoạch năm năm của chúng ta đã vượt quá số dự tính, và chỉ tiêu *cao nhất* của kế hoạch năm năm, mà bọn bồi bút tư bản cho đó là « điều ảo tưởng, không thể thực hiện được » và bọn cơ hội chủ nghĩa phái hữu của chúng ta nghe đến thì hoảng sợ (nhóm Bu-kha-rin), — cái chỉ tiêu *cao nhất* đó sự thật lại trở thành cái chỉ tiêu *thấp nhất* của kế hoạch năm năm, như thế thì có gì là lạ ?

Lê-nin nói :

« Nước Nga muốn thoát nạn thì không thể chỉ trông vào mùa màng tốt trong kinh tế nông dân, — điều đó vẫn chưa đủ, — và cũng không thể chỉ trông vào nền công nghiệp nhẹ thịnh vượng cung cấp được vật phẩm tiêu dùng cho nông dân, — cả điều này nữa cũng chưa đủ, — chúng tôi còn cần phải có một nền công nghiệp *nặng* nữa... Nếu chúng tôi không cứu vãn được công nghiệp nặng, nếu chúng tôi không phục hồi được công nghiệp nặng, thì

chúng tôi sẽ không thể xây dựng được nền công nghiệp nào cả, và nếu không có công nghiệp thì, nói chung, nước chúng tôi sẽ đi đời, không còn là nước độc lập được nữa... Công nghiệp nặng cần được Nhà nước trợ cấp. Nếu không tìm ra được những khoản trợ cấp đó, thì Nhà nước chúng tôi sẽ đi đời không còn là một Nhà nước văn minh được, chứ đừng nói là Nhà nước xã hội chủ nghĩa nữa » (xem tập XXVII, tr. 349)*.

Chính bằng những lời nói quả quyết đó mà Lê-nin đã nêu lên vấn đề tích lũy vốn và nhiệm vụ của đảng về việc xây dựng công nghiệp nặng.

Năm vừa qua đã chứng minh rằng đảng ta đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ ấy, bằng cách kiên quyết khắc phục tất cả mọi khó khăn trên con đường đó.

Điều đó cố nhiên không có nghĩa là công nghiệp sẽ không còn gặp những khó khăn to lớn nữa. Việc xây dựng công nghiệp nặng không những chỉ vấp phải vấn đề tích lũy vốn. Nó lại còn gặp phải vấn đề cán bộ nữa, tức là vấn đề phải làm sao để :

a) *thu hút* được hàng vạn nhà kỹ thuật và chuyên gia đã gắn bó với Chính quyền xô-viết, vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, và

b) *đào tạo* được những nhà kỹ thuật và chuyên gia đỏ mới, chọn lọc trong giai cấp công nhân.

Nếu người ta cho vấn đề tích lũy vốn là căn bản đã được giải quyết rồi, thì trái lại vấn đề cán bộ còn đang đợi được giải quyết gấp rút. Vả lại hiện nay, khi đang tiến hành vấn đề cải tạo kỹ thuật công nghiệp, thì vấn đề cán bộ là vấn đề quyết định đối với việc xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin nói :

« Cái mà chúng ta thiếu trước nhất là văn hóa, là nghệ thuật lãnh đạo... Về mặt kinh tế và chính trị, Chính sách kinh tế mới hoàn toàn đảm bảo cho chúng ta có thể xây dựng được cơ sở của

* V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 388-389. *(B.T.)*

kinh tế xã hội chủ nghĩa. Vấn đề « chỉ là » ở chỗ tạo nên được những lực lượng có văn hóa của giai cấp vô sản và của đội tiền phong của giai cấp đó » (xem tập XXVII, tr. 207)*.

Rõ ràng là trước hết, đây là nói về những « lực lượng có văn hóa », những cán bộ để xây dựng kinh tế nói chung, để xây dựng và lãnh đạo công nghiệp nói riêng.

Vì vậy cho nên, mặc dầu về phương diện tích lũy vốn ta đã đạt được những thành tích cực kỳ to lớn và có ý nghĩa trọng yếu đối với công nghiệp nặng, nhưng vẫn không thể coi vấn đề xây dựng công nghiệp nặng là đã hoàn toàn được giải quyết, một khi chưa giải quyết được vấn đề cán bộ.

Cho nên nhiệm vụ của đảng là tấn công thật riết vào vấn đề cán bộ, và dù thế nào cũng phải giải quyết cái đồn ấy.

Thành tích thứ hai của đảng trong năm qua là như thế đó.

III

VỀ MẶT XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP

Sau hết là thành tích thứ ba của đảng trong năm qua thành tích gắn liền một cách hữu cơ với hai thành tích trước Tôi muốn nói : *bước chuyển biến căn bản* trong sự phát triển nông nghiệp của chúng ta, từ nền kinh tế *cá thể* nhỏ, lạc hậu đến nền công nghiệp *tập thể* lớn, tiên tiến, đến việc làm chung ruộng đất, đến những trạm máy móc và máy kéo, đến những ác-ten, những nông trang tập thể dựa trên nền kỹ thuật hiện đại, sau hết là đến các nông trường quốc doanh khổng lồ được thiết bị hàng trăm máy kéo và máy gặt-đập.

Thành tích của đảng ở đây, là trong nhiều tỉnh, chúng ta đã làm cho quần chúng nông dân cơ bản đang từ con đường

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 223-224. *(B.T.)*

phát triển cũ, *tư bản chủ nghĩa*, — con đường chỉ làm lợi cho một nhúm tư bản giàu sụ, còn tuyệt đại đa số nông dân thì bị phá sản, sống lay lắt trong cảnh khốn quẫn, — *chuyển sang* con đường mới, con đường phát triển *xã hội chủ nghĩa*, con đường diệt trừ bọn tư bản giàu sụ, và thiết bị lại, theo lối mới, cho trung nông và nông dân nghèo, cung cấp cho họ những công cụ mới, những máy kéo và máy móc nông nghiệp, để làm cho họ thoát khỏi sự khốn cùng và sự nô dịch của bọn cu-lắc, và làm cho họ đi vào con đường rộng rãi là con đường lao động hợp tác, con đường canh tác tập thể.

Thành tích của đảng, chính là chúng ta đã tổ chức được bước *chuyển biến căn bản* đó ngay trong nông dân và đã lôi kéo theo chúng ta đông đảo quần chúng nông dân nghèo và trung nông, chẳng quản những khó khăn phi thường, chẳng quản những sự phản kháng tuyệt vọng của đủ mọi thứ lực lượng huyền bí, từ bọn cu-lắc và bọn giáo trưởng cho đến bọn phi-li-stanh và bọn cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh.

Năm 1928, diện tích gieo trồng của các nông trường quốc doanh là 1.425.000 éc-ta, với một sản lượng hàng hóa là hơn 6 triệu tạ ngũ cốc ; diện tích gieo trồng của các nông trang tập thể lên tới 1.390.000 éc-ta, với một sản lượng hàng hóa chừng 3 triệu rưỡi tạ ngũ cốc.

Năm 1929, diện tích gieo trồng của nông trường quốc doanh là 1.816.000 éc-ta, với một sản lượng hàng hóa gần 8 triệu tạ ngũ cốc, còn diện tích gieo trồng của các nông trang tập thể là 4.262.000 éc-ta với một sản lượng hàng hóa lên tới gần 13 triệu tạ ngũ cốc.

Trong năm 1930 tới, theo những dự toán của kế hoạch thì diện tích gieo trồng của các nông trường quốc doanh chắc sẽ lên tới 3.280.000 éc-ta với một sản lượng hàng hóa là 18 triệu tạ ngũ cốc, còn diện tích gieo trồng của các nông trang tập thể tất phải lên đến 15 triệu éc-ta, với một sản lượng hàng hóa chừng 49 triệu tạ.

Nói một cách khác, trong năm 1930, sản lượng ngũ cốc hàng hóa của các nông trường quốc doanh và các nông trang

tập thể sẽ lên tới hơn 400 triệu pút, tức là trên 50% sản lượng ngũ cốc hàng hóa của *toàn bộ* nền nông nghiệp (bán ra ngoài khu vực nông thôn).

Phải thừa nhận rằng nhịp độ phát triển nhanh chóng như thế, thì ngay cả nền đại công nghiệp xã hội hóa của chúng ta cũng *chưa từng có*, mặc dầu nhịp độ phát triển của nền đại công nghiệp ấy, nói chung, cũng đã phát triển khá mạnh rồi.

Dĩ nhiên, nền đại nông nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta (nông trang tập thể và nông trường quốc doanh), tuy còn non trẻ, nhưng có một tương lai đẹp đẽ, nó sẽ phát triển một cách kỳ diệu.

Thắng lợi chưa từng có đó trong việc xây dựng nông trang tập thể là do rất nhiều nguyên nhân, mà ít ra cũng cần phải nêu lên những nguyên nhân dưới đây.

Một là, do đảng đã chấp hành chính sách lê-nin-nít về việc giáo dục quần chúng, bằng cách đưa dần từng bước quần chúng nông dân vào nông trang tập thể, thông qua việc thành lập các tổ chức hợp tác xã. Và cũng do đảng đã tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh chống những kẻ tìm cách đi trước phong trào và dùng mệnh lệnh để phát triển nông trang tập thể (bọn « tả khuynh » nói suông), cũng như chống những kẻ tìm cách kéo lùi đảng lại, và theo đuôi phong trào (bọn « hữu khuynh » phá rối). Không có một chính sách như thế thì đảng không thể biến phong trào tập thể hóa thành một phong trào quần chúng thực sự của bản thân nông dân được.

Lê-nin nói :

« Khi giai cấp vô sản ở Pê-tơ-rô-gơ-rát và binh sĩ đóng ở Pê-tơ-rô-gơ-rát đã giành được chính quyền, thì họ đều hoàn toàn biết rằng công cuộc xây dựng ở nông thôn sẽ gặp nhiều khó khăn lớn ; rằng ở đấy, cần phải tiến một cách tuần tự hơn ; rằng ở đấy, muốn áp dụng chế độ cày chung ruộng đất mà lại dùng pháp lệnh và luật lệ thì thật là cực kỳ ngu dại; rằng chỉ mới có một số rất ít nông dân giác ngộ là có thể tán thành chế độ ấy, còn tuyệt đại đa số nông dân thì đã không hề đặt ra vấn đề đó. Bởi vậy, chúng ta chỉ chú ý đến điều tuyệt đối cần thiết cho sự phát triển của cách mạng là : bất kỳ trong trường hợp nào cũng không được vượt quá trình độ

phát triển của quần chúng, mà phải đợi cho có một phong trào tiến lên nảy sinh ra từ kinh nghiệm bản thân của quần chúng đó, từ cuộc đấu tranh của chính họ » (xem tập XXIII, tr. 252)*.

Sở dĩ đảng đã thu được một thắng lợi rất lớn trên mặt trận xây dựng nông trang tập thể, chính là vì đảng đã áp dụng đúng đắn chỉ thị sách lược đó của Lê-nin.

Hai là, nguyên nhân của thắng lợi chưa từng có đó trong công cuộc xây dựng nông nghiệp là do chỗ Chính quyền xô-viết đã biết chú ý đến nhu cầu ngày càng tăng của nông dân về nông cụ mới, về những phương tiện kỹ thuật mới ; Chính quyền xô-viết đã biết chú ý một cách đúng đắn đến tình hình bế tắc mà những hình thức canh tác cũ gây ra cho nông dân và, vì chú ý đến tất cả mọi cái đó, nên Chính quyền xô-viết đã kịp thời tổ chức sự giúp đỡ nông dân dưới hình thức những trạm cho thuê nông cụ, những đội máy kéo, những trạm máy móc và máy kéo ; dưới hình thức tổ chức cày chung ruộng đất, bằng cách thành lập các nông trang tập thể, sau hết là dưới hình thức dùng các nông trường quốc doanh mà giúp đỡ nền kinh tế nông dân về nhiều mặt.

Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, Chính quyền xô-viết xuất hiện, một chính quyền đã chứng minh một cách thực tiễn ý chí và năng lực của mình trong việc giúp đỡ quần chúng nông dân lao động một cách có hệ thống và lâu dài *về mặt sản xuất*.

Quần chúng nông dân lao động, từ bao đời nay vẫn chịu khổ vì nỗi thiếu thốn nông cụ, tất không thể không nắm lấy sự giúp đỡ đó và không thể không đi vào con đường tập thể hóa nông nghiệp, điều đó há lại không rõ ràng hay sao ?

Vả, từ nay trở đi, khẩu hiệu cũ của công nhân là « Hướng về nông thôn » phải được bổ sung bằng khẩu hiệu mới của nông dân nông trang tập thể là « hướng về thành thị », như vậy thì có đáng lấy làm lạ không ?

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 121. *(B.T.)*

Sau hết, nguyên nhân của thắng lợi chưa từng có đó trong công cuộc xây dựng nông trang tập thể là do các công nhân tiên tiến ở nước ta đã đảm nhiệm lấy công việc đó. Ở đây, tôi muốn nói đến những đội công nhân gồm hàng chục và hàng trăm người rải rác trong các miền chủ yếu trong nước ta. Cần phải thừa nhận rằng trong số tất cả những tuyên truyền viên hiện có và có thể có của phong trào tập thể hóa nông nghiệp trong quần chúng nông dân, thì những công nhân làm công tác tuyên truyền là những người giỏi nhất. Sở dĩ công nhân đã thuyết phục được nông dân và làm cho họ thấy rằng nền kinh tế lớn tập thể là ưu việt hơn nền kinh tế nhỏ cá thể, hơn nữa các nông trang tập thể và các nông trường quốc doanh hiện có là một chứng cớ hiển nhiên của tính ưu việt đó, như vậy thử hỏi có gì là lạ?

Chính trên cơ sở đó mà chúng ta đã thu được những thành tích trong công cuộc xây dựng các nông trang tập thể, những thành tích đó, theo ý tôi, là những thành tích quan trọng nhất và có tính chất quyết định nhất trong những năm vừa qua.

Những ý kiến phản đối của «khoa học» chống lại khả năng và lợi ích của việc tổ chức những công xưởng ngũ cốc lớn với quy mô từ 4 đến 5 vạn éc-ta, những ý kiến đó đã bị sụp đổ tan tành. Thực tiễn đã bác bỏ những ý kiến phản đối của «khoa học»; thực tiễn đã chứng minh một lần nữa rằng không những chỉ một mình nó phải học tập «khoa học», mà «khoa học» cũng không thể không học tập những bài học của thực tiễn.

Những công xưởng ngũ cốc đại quy mô không thích hợp với các nước tư bản chủ nghĩa. Nhưng nước ta lại là một nước xã hội chủ nghĩa. Không được quên điểm khác nhau «nho nhỏ» ấy.

Tại các nước tư bản chủ nghĩa, vì còn chế độ tư hữu ruộng đất, nên không thể tổ chức công xưởng ngũ cốc đại quy mô được, nếu không mua rất nhiều ruộng đất hoặc không trả địa tô tuyệt đối, điều đó nhất định làm cho nền sản xuất phải chịu một khoản chi phí khổng lồ. Trái lại, ở nước ta không còn địa tô tuyệt đối, cũng không còn chế độ mua bán ruộng

đất, điều đó nhất định tạo những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển những doanh nghiệp ngũ cốc đại quy mô, vì rằng ở nước ta chế độ tư hữu ruộng đất không còn nữa.

Tại các nước tư bản chủ nghĩa, các doanh nghiệp ngũ cốc đại quy mô có mục đích thực hiện lợi nhuận tối đa, hoặc ít ra cũng thực hiện những lợi nhuận tương đương với cái gọi là tỷ suất lợi nhuận bình quân, thiếu lợi nhuận đó thì nhà tư bản nói chung không bận tâm đến việc tổ chức những doanh nghiệp ngũ cốc. Trái lại, ở nước ta, các doanh nghiệp ngũ cốc đại quy mô, đồng thời là những doanh nghiệp quốc doanh, không cần phải có lợi nhuận tối đa, cũng không cần tỷ suất lợi nhuận bình quân, mới phát triển được, nó chỉ cần lợi nhuận tối thiểu và, có khi chẳng cần tý lợi nhuận nào cũng được, điều đó lại còn tạo thêm điều kiện thuận lợi cho sự phát triển những doanh nghiệp ngũ cốc đại quy mô.

Sau hết, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa thì các doanh nghiệp ngũ cốc đại quy mô không dễ gì mà vay được vốn, cũng không dễ gì mà được đặc biệt giảm thuế, còn dưới chế độ xô-viết, là chế độ nhằm ủng hộ khu vực xã hội chủ nghĩa, thì bây giờ và sau đây vẫn có được những sự dễ dàng đó.

Tất cả điều đó, « khoa học » đáng tôn kính kia đã quên mất.

Những lời quả quyết của bọn cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh (nhóm Bu-kha-rin) đã bị sụp đổ tan tành, những lời quả quyết đó cho rằng :

a) nông dân sẽ không gia nhập nông trang tập thể;

b) nhịp độ phát triển quá mau của các nông trang tập thể chỉ có thể khiến cho quần chúng bất mãn và làm mất đoàn kết giữa nông dân và giai cấp công nhân mà thôi ;

c) ở nông thôn, « con đường lớn » của sự phát triển xã hội chủ nghĩa *không phải là* nông trang tập thể, *mà* là hợp tác xã;

d) sự phát triển các nông trang tập thể và việc tấn công các phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn có thể khiến cho nước nhà không có bánh mì.

Tất cả cái mớ luận điệu cũ rích trên đây của phái tự do tư sản đều đã sụp đổ tan tành.

Một là, nông dân đã gia nhập các nông trang tập thể, họ đã gia nhập từng làng, từng tổng, và trọn từng khu nữa.

Hai là, phong trào nông trang tập thể rộng lớn đã không làm yếu mà còn củng cố sự liên minh giữa thành thị và nông thôn bằng cách đặt cho sự liên minh đó một cơ sở mới, một cơ sở sản xuất. Ngay những người mù hiện nay cũng thấy rằng quần chúng nông dân cơ bản, nếu có một sự bất mãn hơi nặng một chút, thì đó cũng không phải là vì chính sách tập thể hóa do Chính quyền xô-viết chủ trương, mà là vì Chính quyền xô-viết, về mặt cung cấp máy móc và máy kéo cho nông dân, đã không cung cấp kịp theo nhu cầu của sự phát triển của phong trào nông trang tập thể.

Ba là, cuộc tranh luận về «con đường lớn» của sự phát triển xã hội chủ nghĩa ở nông thôn là một cuộc tranh luận có tính chất sách vở chỉ thích hợp với thanh niên thuộc phái tự do tiểu tư sản thuộc loại Ây-sen-oan và Slép-cốp mà thôi. Rõ ràng là chừng nào mà chưa có phong trào nông trang tập thể rộng lớn thì «con đường lớn» được thể hiện bằng những hình thức thấp của hợp tác xã, tức là bằng hợp tác xã cung tiêu. Nhưng khi hình thức hợp tác xã cao cấp, tức là hình thức nông trang tập thể, xuất hiện, thì hình thức đó trở nên «con đường lớn» của sự phát triển.

Muốn nói không úp mở gì cả, thì con đường lớn của sự phát triển xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, chính là kế hoạch hợp tác hóa của Lê-nin, kế hoạch bao gồm tất cả những hình thức hợp tác xã nông nghiệp, từ những hình thức thấp (hợp tác xã cung tiêu) đến những hình thức cao (sản xuất theo lối nông trang tập thể). Đem *đối lập* nông trang tập thể với hợp tác xã, chính là chế nhạo chủ nghĩa Lê-nin và tỏ ra là dốt.

Bốn là, hiện nay thì ngay những người mù cũng thấy rằng nếu không có một cuộc tấn công vào những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn và nếu không có sự phát triển của phong trào nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, thì ngày nay, chúng ta không thể có được những thắng lợi quyết định

trong công tác thu mua lúa mì suốt trong năm nay, cũng không thể có hàng chục triệu pút lúa mì dự trữ thường xuyên — mà Nhà nước đã tích lũy được.

Hơn nữa, người ta có thể quả quyết rằng nhờ sự lớn mạnh của phong trào nông trang tập thể và nông trường quốc doanh mà chúng ta đang hoàn toàn thoát khỏi, hoặc cũng có thể nói là chúng ta đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng lúa mì rồi. Và nếu các nông trang tập thể và các nông trường quốc doanh cứ tiếp tục phát triển với một đà nhanh chóng như thế, thì chắc chắn rằng trong vài ba năm nữa, nước ta sẽ trở thành một trong những nước sản xuất nhiều lúa mì nhất, hoặc cũng có thể là một nước sản xuất nhiều lúa mì nhất trên thế giới nữa.

Trong phong trào nông trang tập thể hiện nay, có gì *mới* không ? Điều mới và có tính chất quyết định trong phong trào nông trang tập thể hiện nay, là nông dân đã gia nhập nông trang tập thể không phải từng nhóm riêng lẻ như trước đây, mà là gia nhập từng làng, từng tổng, từng khu, đến trọn từng quận nữa.

Như thế nghĩa là thế nào ? Nghĩa là *trung nông đã đi vào con đường nông trang tập thể*. Đó là cơ sở của sự chuyển biến căn bản đã diễn ra trong sự phát triển nông nghiệp, và sự chuyển biến căn bản đó là một trong những thành tựu chủ yếu của Chính quyền xô-viết trong năm qua.

Người ta thấy « quan điểm » men-sê-vích của bọn tơ-rốt-kít đã đổ vỡ tan tành, theo quan điểm đó thì giai cấp công nhân không có khả năng lãnh đạo quần chúng nông dân cơ bản đi vào con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa được. Hiện nay, ngay cả những người mù cũng thấy rằng trung nông đã hướng về nông trang tập thể. Hiện nay, mọi người đều thấy rõ ràng rằng kế hoạch năm năm của công nghiệp và nông nghiệp là kế hoạch xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, rằng những người không tin vào khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thì không có quyền chào mừng kế hoạch năm năm của chúng ta.

Người ta thấy hy vọng cuối cùng của bọn tư bản ở tất cả các nước sụp đổ và tan thành tro bụi, bọn chúng mong phục hồi lại ở Liên-xô chủ nghĩa tư bản và « nguyên tắc thiêng liêng

về quyền tư hữu tài sản ». Những người nông dân mà trước kia chúng coi như đống phân dùng để bón cho mảnh đất của chủ nghĩa tư bản, thì ngày nay hàng loạt những người nông dân đó đang từ bỏ lá cờ « tư hữu » đã từng được tán dương, mà đi vào con đường tập thể hóa, vào con đường chủ nghĩa xã hội. Hy vọng cuối cùng mong nhìn thấy chủ nghĩa tư bản phục hồi cũng đã sụp đổ.

Đó là một trong những nguyên nhân khiến cho những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nước ta có những âm mưu tuyệt vọng là đem tất cả lực lượng của thế giới cũ chống lại chủ nghĩa xã hội đang tiến lên và làm cho cuộc đấu tranh giai cấp ngày càng gay gắt thêm. Tư bản không muốn « nhập » vào chủ nghĩa xã hội.

Đó cũng là nguyên nhân vì sao trong thời gian vừa qua, những con chó giữ nhà cho tư bản, tức là tất cả cái bọn Sto-ru-vê và Hét-xen, Mi-li-u-cốp và Kê-ren-ski, Đan và An-bơ-ra-mô-vi-tsơ đã lồng lộn lên một cách dữ tợn để chống lại chủ nghĩa bôn-sê-vích. Các đồng chí cứ nghĩ xem thì rõ ! Mối hy vọng cuối cùng hòng phục hồi chủ nghĩa tư bản đã tiêu tan.

Nếu không phải vì đảng đã thực sự thu được thắng lợi quyết định trên mặt trận gay go nhất trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, thì mối cuồng hận đó của những kẻ thù giai cấp và những tiếng tru tréo lồng lộn lên đó của bọn tôi tớ cho tư bản còn có thể chứng thực được cái gì nữa ?

Lê-nin nói :

« Chỉ có trong trường hợp mà chúng ta lấy thực tế chỉ cho nông dân thấy được những lợi ích của việc canh tác chung, tập thể, bằng con đường hợp tác, bằng các ác-ten ; chỉ có khi nào chúng ta giúp đỡ được nông dân tổ chức nhau lại thành các tập đoàn hợp tác, thành các ác-ten thì giai cấp công nhân, nắm chính quyền Nhà nước trong tay, mới thực sự chứng minh cho nông dân thấy rằng mình đã làm đúng ; mới thực sự lôi kéo được về phía mình, một cách lâu dài và chắc chắn, quần chúng nông dân đông đảo » (xem tập XXIV, tr.579)*.

---

* Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 30, tr. 173-174. *(B.T.)*

Chính Lê-nin đã đặt vấn đề những biện pháp dùng để tranh thủ hàng triệu nông dân về phía giai cấp công nhân, để đưa nông dân vào con đường xây dựng các nông trang tập thể như thế đấy.

Năm vừa qua đã chứng tỏ rằng đảng đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đó, bằng cách kiên quyết khắc phục tất cả mọi khó khăn trên con đường đó.

Lê-nin nói :

« Trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, trung nông chỉ đứng về phía chúng ta khi chúng ta đã giảm nhẹ và cải thiện được những điều kiện kinh tế trong sinh hoạt của họ. Nếu mai đây, chúng ta có thể cung cấp được 100.000 máy kéo hạng tốt nhất, có đủ dầu xăng, có đủ công nhân lái những máy đó (ngay bây giờ, các đồng chí biết rất rõ đó là điều không tưởng), thì người trung nông sẽ nói rằng : « tôi tán thành công xã » (nghĩa là tán thành chủ nghĩa cộng sản). Nhưng muốn làm việc đó, trước hết phải thắng được giai cấp tư sản quốc tế đã, phải bắt chúng cung cấp cho chúng ta những máy kéo đó, hay là phải nâng cao năng suất lao động của chúng ta đến mức mà chính chúng ta có thể tự mình cung cấp được số máy đó. Chỉ có đặt vấn đề như thế mới đúng » (xem tập XXIV, tr. 170)*.

Chính Lê-nin đã đặt vấn đề phương pháp phải theo để thiết bị lại về mặt kỹ thuật cho trung nông, vấn đề phương pháp phải theo để thu hút trung nông vào con đường chủ nghĩa cộng sản như thế đấy.

Năm đã qua chứng tỏ rằng đảng cũng đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đó. Mọi người đều biết rằng đến mùa xuân năm 1930 sắp tới, chúng ta sẽ có hơn 60.000 máy kéo trên đồng ruộng của chúng ta ; sang năm sau nữa, chúng ta sẽ có hơn 100.000 máy kéo và trong vòng hai năm nữa, sẽ có hơn 250.000 máy kéo. Điều mà trước đây vài năm, người ta cho là « ảo tưởng »,

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 29, tr. 190. *(B.T.)*

thì ngày nay, chúng ta có đủ khả năng biến nó thành một hiện thực. Đó là lý do đã làm cho trung nông hướng về « công xã ».

Thành tích thứ ba của đảng là ở chỗ đó.

Đó là những thành tích chủ yếu của đảng trong năm qua.

KẾT LUẬN

Chúng ta đang mở hết tốc lực để đi vào con đường công nghiệp hóa, đi đến chủ nghĩa xã hội, mà bỏ lại phía sau chúng ta tình trạng lạc hậu « Nga » từ ngàn xưa.

Nước ta đang biến thành một nước của kim khí, một nước của xe hơi, một nước của máy kéo.

Và khi nào chúng ta đặt Liên-xô ngồi trên xe hơi và đặt người mu-gích ngồi trên máy kéo, thì các nhà tư bản đáng kính kia đang tự phụ với cái « văn minh » của họ, hãy thử đuổi theo chúng ta xem. Khi đó, chúng ta sẽ thấy những nước nào « đáng coi là » lạc hậu, và những nước nào đáng coi là tiên tiến.

3 tháng Một 1929
« Sự thật », số 259,
7 tháng Một 1927
Ký tên: J. Sta-lin

GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO *TIẾNG CÒI BÁO ĐỘNG*[14] CỦA ĐẠO QUÂN ĐẶC BIỆT Ở VIỄN-ĐÔNG

Xin gửi lời chào anh em tới các chiến sĩ và các cán bộ chỉ huy trong đạo quân đặc biệt ở Viễn đông, một đạo quân bảo vệ quyền lợi và lợi ích của Cách mạng tháng Mười chống lại sự xâm lược của bọn địa chủ và bọn tư bản Trung-quốc !

Các đồng chí hãy theo dõi một cách tinh nhạy mỗi hành động của bọn phản cách mạng Trung-quốc, hãy đánh trả lại các đòn bằng những đòn trí mạng và qua đó mà giúp đỡ anh em của chúng ta ở Trung-quốc, tức công nhân và nông dân Trung-quốc, đập tan ách thống trị của bọn địa chủ và bọn tư bản.

Các đồng chí hãy nhớ rằng, trong ngày long trọng này, hàng triệu những người lao động Liên-xô đang nghĩ tới các đồng chí với tấm lòng yêu mến, cùng với các đồng chí kỷ niệm ngày lễ vĩ đại, và cùng với các đồng chí vui mừng về thắng lợi của đạo quân đặc biệt ở Viễn đông.

Cách mạng tháng Mười muôn năm !

Đội quân đặc biệt ở Viễn đông muôn năm !

Công nhân và nông dân Trung-quốc muôn năm !

J. Sta-lin

« Sự thật » số 259;
7 tháng Một 1929

MỘT SỰ ĐÍNH CHÍNH CẦN THIẾT

Báo *Sự thật* số ra ngày 16 tháng Chạp (số 296) có đăng một bài không ký tên, nhan đề *« Liệu có thể đừng lẫn lộn được không? »* (mục « Xây dựng đảng »), bài này phê phán một trong những luận điểm của bài *« Khái luận về chủ nghĩa Lê-nin »* đăng trong báo *Sự thật Thanh niên cộng sản*[15], luận điểm này bàn về vấn đề những điều kiện thuận lợi nhất để dùng cách mạng phá vỡ trận tuyến của chủ nghĩa đế quốc thế giới.

Tác giả trích dẫn đoạn sau đây của bài báo bị phê phán : « Chủ nghĩa Lê-nin dạy rằng cách mạng bắt đầu ở nơi mà dây xích đế quốc chủ nghĩa có *khâu yếu nhất* ». Tiếp đó, tác giả đã đặt *một cái dấu bằng* giữa đoạn trích dẫn trên đây với đoạn trích dẫn sau đây rút trong tác phẩm *Nền kinh tế trong thời kỳ quá độ* của Bu-kha-rin : « Sự tan vỡ của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới bắt đầu từ những *hệ thống kinh tế quốc dân yếu nhất* ». Rồi sau đấy tác giả dẫn chứng những ý kiến phê bình của Lê-nin chống đoạn trích dẫn kể trên rút trong cuốn sách của Bu-kha-rin, và kết luận rằng bài *« Khái luận về chủ nghĩa Lê-nin »* đăng trong tờ *Sự thật Thanh niên cộng sản* đã phạm một sai lầm tương tự sai lầm của Bu-kha-rin.

Tôi nghĩ tác giả bài *« Liệu có thể đừng lẫn lộn được không? »* đã phạm sai lầm. Bất luận thế nào cũng không thể đặt *một cái dấu bằng* giữa luận cương — « dây xích đế quốc chủ nghĩa bị đứt ở chỗ yếu hơn » và luận cương của Bu-kha-rin — « dây xích đế quốc chủ nghĩa bị đứt ở nơi mà hệ thống kinh tế quốc dân yếu hơn ». Vì sao ? Vì luận cương thứ nhất nói về tình trạng suy yếu của dây xích đế quốc chủ nghĩa, *cái dây xích cần được làm đứt*, nghĩa là nói về tình trạng suy yếu của các lực lượng đế quốc chủ nghĩa, còn luận cương của Bu-kha-rin

lại nói về tình hình suy yếu của hệ thống kinh tế quốc dân của một nước, mà *nước này cần phải làm đứt* dây xích đế quốc chủ nghĩa, nghĩa là nói về tình trạng suy yếu của các lực lượng *chống* chủ nghĩa đế quốc. Hai điều này hoàn toàn không phải như nhau. Hơn thế nữa, đó là hai luận cương tương phản.

Theo Bu-kha-rin thì trận tuyến đế quốc chủ nghĩa bị chọc thủng ở chỗ nào mà hệ thống kinh tế quốc dân yếu nhất. Đương nhiên điều đó là không đúng. Nếu điều đó là đúng thì cách mạng vô sản đã bắt đầu tại một nơi nào đó ở Trung-Phi rồi, chứ không phải ở Nga. Còn bài *«Khái luận về chủ nghĩa Lê-nin»* đã nói đến một điều *hoàn toàn ngược lại* với luận cương của Bu-kha-rin, nghĩa là nói rằng dây xích đế quốc chủ nghĩa bị đứt ở chỗ nào nó (tức dây xích) yếu hơn và điều đó là hoàn toàn đúng. Sở dĩ dây xích đế quốc chủ nghĩa thế giới bị đứt ở một nước nào đó chính là vì chính ở nước đó và vào lúc đó, nó (dây xích) *yếu hơn*. Nếu không thì nó đã không bị đứt. Nếu không thì bọn men-sê-vích đã đúng khi đấu tranh chống chủ nghĩa Lê-nin.

Sự suy yếu của dây xích đế quốc chủ nghĩa tại một nước nào đó được quyết định ở chỗ nào ? Ở chỗ là nước đó đã có một trình độ phát triển công nghiệp tối thiểu nhất định và một trình độ văn hóa tối thiểu nhất định. Ở chỗ là tại nước đó đã có giai cấp vô sản công nghiệp với một số lượng tối thiểu nhất định. Ở tính chất cách mạng của giai cấp vô sản và của đội tiên phong của giai cấp vô sản tại nước đó. Ở chỗ là tại nước đó giai cấp vô sản đã có người bạn đồng minh thật sự (thí dụ nông dân), có khả năng đi theo giai cấp vô sản để tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc. Tức là ở chỗ tại nước đó đã có một sự kết hợp những điều kiện làm cho chủ nghĩa đế quốc không sao tránh khỏi bị cô lập và lật đổ.

Rõ ràng tác giả bài *«Liệu có thể đừng lẫn lộn được không?»* đã lẫn lộn hai *điều hoàn toàn khác nhau*.

Thật vậy : liệu có thể đừng lẫn lộn được không ?

«Sự thật» số 298,
18 tháng Chạp 1929
Ký tên : J. Sta-lin

GỬI TẤT CẢ CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ ĐÃ GỬI ĐIỆN TỚI CHÚC MỪNG NHÂN NGÀY ĐỒNG CHÍ STA-LIN THỌ 50 TUỔI

Tôi coi lời chúc mừng của các đồng chí là chúc mừng đảng vĩ đại của giai cấp công nhân, đảng đã sinh ra tôi và đã dạy dỗ tôi theo tinh thần và khuôn mẫu của đảng. Và chính vì tôi coi những lời chức mừng đó là những lời chúc mừng đối với đảng quang vinh lê-nin-nít của chúng ta, nên tôi xin mạnh dạn đáp lại các đồng chí bằng một lời cám ơn bôn-sê-vích.

Các đồng chí, các đồng chí có thể tin chắc rằng từ nay về sau tôi, cũng vẫn sẵn sàng cống hiến tất cả sức lực của mình, tất cả khả năng của mình và, nếu cần, tất cả máu của mình, hết giọt này đến giọt khác, cho sự nghiệp của giai cấp công nhân, sự nghiệp của cách mạng vô sản và của chủ nghĩa cộng sản thế giới.

Lời chào hết sức trân trọng

J. Sta-lin

Ngày 21 tháng Chạp 1929

«Sự thật» số 302,
22 tháng Chạp 1929

BÀN VỀ MẤY VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH RUỘNG ĐẤT Ở LIÊN-XÔ

Diễn văn đọc tại hội nghị những người mác-xít chuyên môn về vấn đề ruộng đất ngày 27 tháng Chạp 1929 [16]

Thưa các đồng chí, hiện giờ, trong đời sống xã hội và kinh tế của chúng ta, có một hiện tượng chủ yếu mà mọi người đều chú ý đến, đó là sự phát triển phi thường của phong trào tập thể hóa nông nghiệp.

Đặc điểm của phong trào tập thể hóa nông nghiệp hiện nay là ở chỗ không phải chỉ có những nhóm lẻ tẻ nông dân nghèo gia nhập nông trang tập thể, như từ trước tới nay vẫn thế, mà đông đảo quần chúng trung nông cũng đã đi theo con đường đó nữa. Như thế nghĩa là phong trào tập thể hóa nông nghiệp trước kia chỉ là một phong trào của những nhóm và những tầng lớp cá biệt trong nông dân lao động, ngày nay đã trở thành phong trào của hàng bao nhiêu triệu quần chúng cơ bản trong nông dân. Ngoài những lý lẽ khác ra, thì đấy là hiện tượng cần phải dựa vào để giải thích một sự thật cực kỳ quan trọng này là : phong trào nông trang tập thể đã có tính chất như một ngọn trào *chống cu-lắc* ngày càng thêm mạnh mẽ, nó đang đập tan giai cấp cu-lắc, quét sạch sức phản kháng của chúng và mở đường cho một phong trào rộng rãi xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.

Nhưng nếu chúng ta có đủ lý do để tự hào về những thắng lợi *thực tiễn* trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa,

thì chúng ta lại không có thể nào mà tự hào được về những thắng lợi trong công tác *lý luận* của chúng ta về mặt kinh tế nói chung và về mặt nông nghiệp nói riêng. Hơn nữa : cần phải thừa nhận rằng tư tưởng lý luận không tiến kịp những thắng lợi thực tiễn của chúng ta ; rằng có một sự chênh lệch nào đó giữa thắng lợi thực tiễn và sự phát triển của tư tưởng lý luận. Thế mà, công tác lý luận không những cần phải theo kịp công tác thực tiễn, mà còn cần phải vượt công tác thực tiễn và trở thành một vũ khí trong tay những người công tác thực tế của chúng ta trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Ở đây, tôi sẽ không nói nhiều về ý nghĩa quan trọng của lý luận. Các đồng chí đã thừa hiểu điều đó rồi. Mọi người đều biết rằng lý luận, nếu là lý luận chân chính, thì nó sẽ giúp cho những người công tác thực tế có được năng lực xác định phương hướng, thấy rõ tiền đồ, tin chắc trong công tác, tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp chúng ta. Tất cả những điều đó có — và không thể không có — một tầm quan trọng lớn lao đối với sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Khốn nỗi, trong lĩnh vực này, nói một cách chính xác là trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận về những vấn đề trong nền kinh tế của chúng ta, chúng ta lại bắt đầu đi khập khiễng.

Vì nếu không, thì làm thế nào giải thích được tại sao ở nước ta, trong đời sống xã hội và chính trị của chúng ta, lại vẫn còn thấy tự do lưu hành các thứ lý luận tư sản và tiểu tư sản về vấn đề kinh tế của chúng ta ? Làm thế nào giải thích được tại sao những thứ lý luận lớn và nhỏ ấy, cho mãi đến nay, vẫn chưa gặp phải một sự phản đối nào đích đáng cả ? Làm thế nào giải thích được tại sao người ta lại quên cả một số nguyên lý cơ bản của khoa kinh tế chính trị mác-xít lê-nin-nít là liều thuốc khử độc có hiệu quả nhất để đả phá những lý luận tư sản và tiểu tư sản ; làm thế nào giải thích được tại sao những nguyên lý ấy lại không được truyền bá rộng rãi trên báo chí của chúng ta và không được đặt lên hàng đầu ? Nếu không dựa vào lý luận Mác-Lê-nin để đấu tranh một cách

không nhân nhượng chống các lý luận tư sản, thì không thể nào chiến thắng được một cách triệt để những kẻ thù giai cấp, điều đó phải chăng là khó hiểu ?

Do có thực tiễn mới nên người ta có một cách nhận định mới đối với các vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ. Hiện nay người ta đang có một nhận định mới về Chính sách kinh tế mới, về các giai cấp, về các nhịp độ xây dựng, về sự liên minh giữa thành thị với nông thôn, về chính sách của đảng. Muốn khỏi lạc hậu đối với thực tiễn, thì ngay từ bây giờ, phải căn cứ vào tình hình mới và bắt tay vào nghiên cứu tất cả các vấn đề đó. Nếu không thì không thể nào chiến thắng được những lý luận tư sản đang đóng cáu trong đầu óc những người công tác thực tế của chúng ta. Nếu không thì không thể nào tiêu diệt được tận gốc những lý luận ấy nó đã ăn sâu bám chắc như những định kiến. Vì chỉ có đấu tranh chống những định kiến tư sản, trên địa hạt lý luận, người ta mới có thể củng cố được những vị trí của chủ nghĩa Mác-Lê-nin.

Bây giờ, tôi xin phân tích tính chất của một vài định kiến tư sản ấy, định kiến mà người ta gọi là lý luận, và chứng minh rõ tính chất vô căn cứ của những định kiến ấy, đồng thời làm sáng tỏ một số vấn đề then chốt trong công cuộc xây dựng của chúng ta.

I

THUYẾT « THĂNG BẰNG »

Các đồng chí không còn lạ gì rằng, từ trước đến nay, trong hàng ngũ những người cộng sản, vẫn lưu hành một thứ lý luận gọi là thuyết « thăng bằng » giữa các khu vực trong nền kinh tế quốc dân của chúng ta. Hiển nhiên là lý luận đó không có gì giống với chủ nghĩa Mác cả. Thế mà lý luận đó lại được một số người trong phe hữu khuynh truyền bá ra.

Lý luận đó giả định rằng trước hết chúng ta có một khu vực xã hội chủ nghĩa — một thứ xe goòng — và ngoài ra,

chúng ta còn có một khu vực nữa, không phải là khu vực xã hội chủ nghĩa, hay muốn gọi là một khu vực tư bản chủ nghĩa cũng được, — đó là xe goòng thứ hai. Hai xe goòng ấy đặt trên những đường ray khác nhau, đều lăn về phía trước một cách hòa bình, không va chạm vào nhau. Mọi người đều biết rằng theo hình học thì hai đường song hành không bao giờ gặp nhau cả. Thế nhưng những người đã sáng lập ra cái thuyết xuất sắc đó lại nghĩ rằng một ngày kia những đường song hành ấy sẽ gặp nhau, và một khi hai đường đó gặp nhau, là chúng ta có chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, thuyết đó không thấy rằng đằng sau những cái « xe goòng » ấy thì có các giai cấp, và cũng không thấy rằng sự vận động của những « xe goòng » ấy đang diễn ra xuyên qua một cuộc đấu tranh giai cấp khốc liệt, cuộc đấu tranh một còn một mất, cuộc đấu tranh theo nguyên tắc : « Ai thắng ai ».

Không có gì là khó hiểu rằng lý luận đó không có gì giống với chủ nghĩa Lê-nin cả. Không có gì là khó hiểu rằng, đứng về mặt khách quan mà xét, thì lý luận đó nhằm mục đích bảo vệ vị trí của kinh tế nông dân cá thể, cung cấp cho những phần tử cu-lắc một võ khí lý luận « mới » trong cuộc đấu tranh của chúng chống lại nông trang tập thể, và làm cho những nông trang này mất tín nhiệm.

Thế mà từ trước đến nay, lý luận đó vẫn lưu hành trên báo chí của chúng ta. Và không thể nói được rằng thuyết đó đã bị các nhà lý luận của chúng ta phản đối lại một cách cho hẳn hoi, chứ đừng nói là phản đối một cách như sét đánh nữa. Vì sao lại có tình trạng bất hợp lý như vậy, nếu chẳng phải là vì tư tưởng lý luận của chúng ta còn lạc hậu hay sao ?

Thế mà, chỉ cần rút trong kho tàng chủ nghĩa Mác ra lý luận về tái sản xuất và đem lý luận đó mà đối chọi lại thuyết thăng bằng giữa các khu vực kinh tế, là có thể làm cho thuyết này tan thành mây khói. Thật vậy, lý luận mác-xít về tái sản xuất dạy rằng xã hội hiện đại không thể nào phát triển được, nếu không có sự tích lũy năm này qua năm khác, và không thể nào tích lũy được, nếu không có tái sản xuất mở rộng từ

năm nọ sang năm kia. Điều đó đã rõ ràng. Nền công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa tập trung của chúng ta đang phát triển phù hợp với lý luận mác-xít về tái sản xuất mở rộng, là vì mỗi năm, khối lượng của nó một rộng lớn thêm, nó tích lũy thêm, và tiến những bước khổng lồ.

Nhưng đại công nghiệp của chúng ta chưa phải là toàn bộ kinh tế quốc dân của chúng ta. Trái lại, trong nền kinh tế quốc dân của chúng ta, từ trước đến nay, kinh tế tiểu nông vẫn còn chiếm ưu thế. Liệu có thể nói kinh tế tiểu nông của chúng ta phát triển theo nguyên tắc tái sản xuất mở rộng được chăng ? Không, không thể nói thế được. Kinh tế tiểu nông của chúng ta, chẳng những hàng năm không thể thực hiện được, trong đại bộ phận của nó, việc tái sản xuất mở rộng, mà trái lại, ngay cả đến tái sản xuất giản đơn, nó cũng ít khi có khả năng thực hiện được. Với một cơ sở nông nghiệp như nền kinh tế tiểu nông, một nền kinh tế đã không có khả năng tái sản xuất mở rộng, và ngoài ra còn tiêu biểu cho một lực lượng chiếm ưu thế trong nền kinh tế quốc dân của chúng ta nữa, thì liệu chúng ta còn có thể đẩy nền công nghiệp xã hội hóa của chúng ta tiến lên với một tốc độ càng nhanh chóng hơn nữa được chăng ? Không thể được. Trong một thời kỳ tương đối dài, liệu có thể đem Chính quyền xô-viết và công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa mà đặt trên hai cơ sở ***khác nhau***, — là nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa thống nhất to lớn nhất và nền kinh tế nông dân tiểu sản xuất hàng hóa, phân tán nhất và lạc hậu nhất, — được chăng ? Không thể được. Như thế thì một ngày kia toàn bộ nền kinh tế quốc dân sẽ phải sụp đổ.

Vậy phải làm thế nào để thoát khỏi tình trạng đó ? Phải mở rộng các doanh nghiệp nông nghiệp, làm cho nó có khả năng tích lũy, có khả năng tái sản xuất mở rộng, và do đó, cải tạo cơ sở nông nghiệp của kinh tế quốc dân.

Nhưng mở rộng các doanh nghiệp nông nghiệp như thế nào ?

Có hai con đường để thực hiện việc đó. Con đường *tư bản chủ nghĩa* : mở rộng các doanh nghiệp nông nghiệp bằng cách thiết lập chủ nghĩa tư bản ở những nơi đó, con đường này

đưa giai cấp nông dân tới chỗ bần cùng và làm cho các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa phát triển trong nông nghiệp. Con đường ấy, chúng ta phải bác bỏ, vì nó không thích hợp với nền kinh tế xô-viết.

Có một con đường khác nữa, con đường *xã hội chủ nghĩa* thiết lập ra những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh trong nông nghiệp, con đường này đưa đến chỗ liên hợp các doanh nghiệp nhỏ của nông dân thành những doanh nghiệp tập thể đại quy mô, trang bị bằng kỹ thuật và khoa học, và có khả năng đạt được những tiến bộ mới, vì những doanh nghiệp này có thể thực hiện được tái sản xuất mở rộng.

Vấn đề đặt ra là thế này : hoặc là theo con đường này hoặc là theo con đường kia ; hoặc là *lùi lại* về chủ nghĩa tư bản, hoặc là *tiến lên*, đi tới chủ nghĩa xã hội. Không có và không thể có con đường thứ ba nào cả.

Thuyết « thăng bằng » là một mưu toan vạch ra một con đường thứ ba. Và chính vì nó đặt hy vọng vào con đường thứ ba (thực tế không có), cho nên nó có tính chất không tưởng và trái với chủ nghĩa Mác.

Như thế là cứ đem lý luận tái sản xuất của Mác mà đối chọi lại thuyết « thăng bằng » giữa các khu vực kinh tế, là có thể làm cho thuyết này tan thành mây khói.

Vậy thì tại sao các nhà mác-xít chuyên môn về vấn đề ruộng đất của chúng ta lại không làm như thế ? Ai cần để cho thuyết « thăng bằng » lố bịch này lưu hành trong báo chí của chúng ta, và để cho lý luận mác-xít về tái sản xuất bị chôn vùi trong ngăn kéo ?

II

THUYẾT « TỰ PHÁT » TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Chúng ta hãy bàn đến định kiến thứ hai trong lĩnh vực kinh tế chính trị, tức là thuyết thứ hai kiểu tư sản. Ý tôi

muốn nói thuyết « tự phát » trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, một thuyết không có gì giống với chủ nghĩa Mác cả, nhưng lại được các đồng chí chúng ta trong phe hữu hăng hái tuyên truyền.

Những người đề xướng ra thuyết này chủ trương đại khái như sau : trước kia, ở nước ta đã có chủ nghĩa tư bản, nền công nghiệp đã phát triển trên cơ sở tư bản chủ nghĩa, còn nông thôn thì tự mình bước theo thành thị tư bản chủ nghĩa một cách tự phát, tự cải biến mình theo hình dáng của thành thị tư bản chủ nghĩa. Nếu tình hình đã xảy ra *như thế* trong chế độ tư bản chủ nghĩa, thì tại sao lại không có thể xảy ra như thế trong nền kinh tế xô-viết ? Tại sao nông thôn, nghĩa là kinh tế tiểu nông, lại không có thể bước theo thành thị xã hội chủ nghĩa một cách tự phát và không có thể tự mình cải biến theo hình dáng của thành thị xã hội chủ nghĩa được ? Như vậy là những người đề xướng ra thuyết này chủ trương rằng nông thôn có thể bước theo thành thị xã hội chủ nghĩa một cách tự phát. Do đó mà vấn đề đặt ra là: nếu nông thôn rồi đây thế nào cũng phải bước theo thành thị xã hội chủ nghĩa, thì liệu có cần phải tốn công tổ chức ra những nông trường quốc doanh và những nông trang tập thể, có cần phải tranh cãi về vấn đề đó nữa chăng ?

Đây cũng lại là một thứ lý luận mà xét về mặt khách quan thì nó có mục đích là cung cấp một võ khí mới cho những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn trong cuộc đấu tranh của chúng chống nông trang tập thể.

Thực chất phản mác-xít của lý luận này là điều tuyệt đối không còn có thể nghi ngờ gì được nữa.

Cho đến nay các nhà lý luận của chúng ta cũng vẫn chưa để thì giờ ra để đập tan cái lý luận kỳ quặc đó nó đương đóng cáu trong đầu óc của những cán bộ công tác thực tế của chúng ta tại các nông trang tập thể, thì như thế há chẳng phải là một sự lạ lùng hay sao ?

Chắc chắn là vai trò lãnh đạo của thành thị xã hội chủ nghĩa đối với nông thôn của những người tiểu nông cá thể, là một vai trò lớn lao, không thể lường được. Chính do đó mà

công nghiệp có tác dụng cải tạo đối với nông nghiệp. Nhưng nhân tố ấy đã đủ để làm cho nông thôn tiểu nông tự mình bước theo thành thị một cách tự phát, trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa chưa? Chưa, chưa đủ.

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nông thôn bước theo thành thị một cách tự phát, vì kinh tế tư bản chủ nghĩa của thành thị và kinh tế cá thể tiểu sản xuất hàng hóa của nông dân, về cơ bản, là những kinh tế *cùng một loại*. Cố nhiên, kinh tế tiểu nông sản xuất hàng hóa vẫn chưa phải là kinh tế tư bản chủ nghĩa. Nhưng, về cơ bản, nó vốn cùng một loại với kinh tế tư bản chủ nghĩa, vì nó dựa trên chế độ tư hữu tư liệu sản xuất. Lê-nin đã muôn phần có lý, khi trong những đoạn bút ký nhận xét về cuốn sách *Kinh tế của thời kỳ quá độ* của Bu-kha-rin, Người đã có nói đến « xu hướng của nông dân hướng về nền sản xuất hàng hóa *tư bản chủ nghĩa* » đối lập với « xu hướng *xã hội chủ nghĩa* của giai cấp vô sản»* [17]. Chính điều đó đã giải thích tại sao « nền tiểu sản xuất thì lại từng ngày, từng giờ, luôn luôn *đẻ ra* chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản, một cách tự phát và trên những quy mô rộng lớn »[18] *(Lê-nin)*.

Liệu có thể nói rằng nền kinh tế nông dân tiểu sản xuất hàng hóa, về cơ bản, cũng thuộc cùng một loại với nền sản xuất xã hội chủ nghĩa ở thành thị được không? Hiển nhiên là nếu không thoát ly chủ nghĩa Mác, thì không thể nào nói như vậy được. Nếu không, thì có lẽ Lê-nin đã không cần phải nói rằng « chừng nào mà chúng ta còn sống trong một nước tiểu nông, thì ở Nga, chủ nghĩa tư bản vẫn còn có một cơ sở kinh tế vững chắc hơn cơ sở kinh tế của chủ nghĩa cộng sản »[19].

Vì vậy, thuyết « tự phát » trong vấn đề xây dựng xã hội chủ nghĩa, là một thứ lý luận thối nát, trái với chủ nghĩa Lê-nin.

Vì vậy, muốn cho nông thôn tiểu nông bước theo thành thị xã hội chủ nghĩa, thì ngoài những biện pháp khác ra, còn

---

* Do Lê-nin viết ngả. *J. Sta-lin.*

cần phải *thiết lập*, trong các làng, để làm cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, những doanh nghiệp xã hội chủ nghĩa đại quy mô, tức là những nông trường quốc doanh và nông trang tập thể, có khả năng *lôi cuốn*, dưới sự lãnh đạo của thành thị xã hội chủ nghĩa, những quần chúng nông dân cơ bản.

Bởi thế, thuyết « tự phát » trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa là một thứ lý luận trái với chủ nghĩa Mác. Thành thị xã hội chủ nghĩa chỉ có thể *lôi cuốn* được nông thôn tiểu nông đi theo mình bằng cách *thiết lập* nông trang tập thể và nông trường quốc doanh ở nông thôn và bằng cách cải tạo nông thôn theo một phương thức mới, phương thức xã hội chủ nghĩa.

Thật là lạ lùng rằng thứ lý luận trái với chủ nghĩa Mác ấy, tức là thuyết « tự phát » trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, từ trước đến nay vẫn chưa gặp phải sự phản đối đích đáng nào của các nhà lý luận chuyên môn về vấn đề ruộng đất của chúng ta.

III

THUYẾT KINH TẾ TIỂU NÔNG LÀ KINH TẾ « VỮNG CHẮC »

Chúng ta bàn đến định kiến thứ ba trong lĩnh vực khoa kinh tế chính trị, tức là thuyết cho rằng nền kinh tế tiểu nông là « vững chắc ». Mọi người đều biết rõ những lý lẽ mà khoa kinh tế chính trị tư sản đã đưa ra để phản đối cái nguyên lý mác-xít trứ danh nhận định rằng doanh nghiệp đại quy mô hơn hẳn doanh nghiệp tiểu quy mô ; theo kinh tế chính trị đó, thì nguyên lý này hình như chỉ có giá trị đối với công nghiệp, chứ không thể nào đem áp dụng vào nông nghiệp được. Những nhà lý luận xã hội-dân chủ thuộc loại Đa-vít và Héc-xơ, tức là những kẻ tuyên truyền cho cái thuyết trên đây, định « dựa vào » hiện tượng là : người tiểu nông vốn bền bỉ, kiên nhẫn, sẵn sàng chịu đựng bất cứ một sự thiếu

thốn nào để giữ lấy mảnh đất của mình, vì lẽ đó, nên kinh tế tiểu nông đã tỏ ra vững chắc trong cuộc đấu tranh chống lại doanh nghiệp nông nghiệp đại quy mô.

Không có gì là khó hiểu rằng một « sự vững chắc » như thế thì còn tệ hơn là bất cứ sự không vững chắc nào. Không có gì là khó hiểu rằng thứ lý luận phản mác-xít đó chỉ nhằm có một mục đích là tâng bốc và củng cố chế độ tư bản chủ nghĩa đang làm cho hàng triệu quần chúng tiểu nông bị phá sản. Và chính vì nó theo đuổi mục đích đó, cho nên những người mác-xít có thể đánh bại nó một cách rất dễ dàng.

Nhưng bây giờ thì vấn đề không phải là ở chỗ đó. Vấn đề là ở chỗ thực tiễn của chúng ta, thực tế của chúng ta đã cung cấp cho chúng ta những lý lẽ mới để chống lại lý luận đó ; thế mà lạ thay, các nhà lý luận của chúng ta lại không muốn hay không thể sử dụng võ khí mới đó để chống lại kẻ thù của giai cấp công nhân. Thực tiễn mà tôi nói đó tức là việc xóa bỏ quyền tư hữu ruộng đất, việc quốc hữu hóa ruộng đất ở nước ta, thực tiễn đó làm cho người tiểu nông khỏi bị trói buộc một cách nô lệ vào mảnh đất của mình và, do đó, làm cho bước chuyển từ doanh nghiệp *tiểu quy mô* của nông dân sang doanh nghiệp tập thể *đại quy mô* được dễ dàng.

Thật vậy, cái gì vẫn trói buộc, đang trói buộc, và sẽ còn trói buộc người tiểu nông ở Tây Âu vào nền tiểu kinh tế hàng hóa của họ? Trước hết và chủ yếu là mảnh đất của họ, là chế độ tư hữu ruộng đất. Người tiểu nông dành dụm tiền nong trong hàng bao nhiêu năm để tậu lấy một mảnh đất, và một khi đã tậu được rồi thì cố nhiên anh ta không muốn rời bỏ nó ra, anh ta cam chịu tất cả mọi sự thiếu thốn, cam sống trong cảnh mông muội và khốn cùng, miễn là anh ta giữ được mảnh ruộng của mình, tức là cơ sở kinh tế cá thể của anh ta.

Liệu có thể nói rằng nhân tố đó, đúng như đã diễn tả trên đây, vẫn còn tác động trong nước chúng ta, trong những điều kiện của chế độ xô-viết được chăng ? Cố nhiên là không. Cố nhiên là không, vì rằng ở nước ta không có chế độ tư hữu ruộng đất. Và chính vì lẽ đó mà người nông dân của chúng

ta không bám chặt một cách nô lệ vào mảnh đất của mình, như tình trạng ở phương Tây. Và tình hình đó không thể nào không tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển nền kinh tế tiểu nông vào con đường nông trang tập thể.

Chính đó là một trong những nguyên nhân làm cho ở nước ta, trong điều kiện ruộng đất đã được quốc hữu hóa, những doanh nghiệp *đại quy mô* ở nông thôn, tức là những nông trang tập thể, đã chứng tỏ được một cách rất rễ dàng là *hơn hẳn* doanh nghiệp *tiểu quy mô* của nông dân.

Chính đó là ý nghĩa cách mạng vĩ đại của các đạo luật xô-viết về ruộng đất, những đạo luật này đã xóa bỏ địa tô tuyệt đối, bãi bỏ chế độ tư hữu ruộng đất và quy định việc quốc hữu hóa ruộng đất.

Do đó, chúng ta có được một lý lẽ mới để đập lại những nhà kinh tế học tư sản đương tuyên bố rằng doanh nghiệp tiểu quy mô của nông dân đã tỏ ra vững chắc trong cuộc đấu tranh chống doanh nghiệp đại quy mô.

Vậy thì tại sao lý lẽ mới đó lại không được các nhà lý luận chuyên môn về vấn đề ruộng đất của chúng ta đem ra sử dụng một cách đầy đủ trong cuộc đấu tranh của mình chống các thứ lý luận tư sản?

Trong khi tiến hành quốc hữu hóa ruộng đất, thì ngoài những tài liệu khác, chúng ta đã dựa vào những thiên lý luận trong tập III của bộ *Tư bản*, trong cuốn sách rất nổi tiếng của Mác là *Các thuyết về giá trị thặng dư*, và trong các tác phẩm của Lê-nin viết về ruộng đất, tất cả những tác phẩm đó là một kho tàng phong phú nhất về tư tưởng lý luận. Tôi muốn nói về lý luận địa tô nói chung, và lý luận địa tô tuyệt đối nói riêng. Bây giờ thì rõ ràng là những luận điểm lý luận của những tác phẩm ấy đã được chứng minh một cách rực rỡ bằng thực tiễn xây dựng xã hội chủ nghĩa của chúng ta ở thành thị và ở nông thôn.

Chỉ có một điều là người ta không hiểu tại sao các lý luận phản khoa học của những nhà kinh tế học « xô-viết » kiểu Tsai-nốp lại phải được lưu hành tự do trên các xuất bản phẩm

của chúng ta, còn những tác phẩm thiên tài của Mác-Ăng-ghen-Lê-nin về lý luận địa tô và địa tô tuyệt đối thì không được truyền bá rộng rãi và không được đặt lên hàng đầu, mà lại bị chôn vùi trong ngăn kéo.

Hẳn các đồng chí còn nhớ đến cuốn sách nổi tiếng của Ăng-ghen về *Vấn đề nông dân*. Chắc rằng các đồng chí còn nhớ Ăng-ghen đã thận trọng đến mức nào khi Người đề cập đến vấn đề xét xem phải hướng dẫn như thế nào cho những người tiểu nông đi vào con đường hợp tác nông nghiệp, vào con đường kinh tế tập thể. Tôi xin trích dẫn ra đây một đoạn :

« Chúng ta cương quyết đứng về phía người tiểu nông ; chúng ta sẽ làm đủ mọi cách để giúp cho đời sống của họ được dễ chịu hơn, làm cho họ dễ dàng chuyển sang làm ăn hợp tác, nếu họ quyết định chuyển như thế ; nhưng, trong trường hợp họ còn chưa quyết định, thì chúng ta sẽ cố gắng để cho họ *thật nhiều thì giờ* suy nghĩ vấn đề đó *trên mảnh đất nhỏ của họ* »* [20].

Các đồng chí thấy rằng Ăng-ghen đã thận trọng đến chừng nào khi Người đề cập đến vấn đề xét xem phải hướng dẫn như thế nào cho kinh tế nông dân cá thể đi vào con đường tập thể. Đối với sự thận trọng thoạt nhìn có vẻ là quá đáng ấy của Ăng-ghen, thì nên giải thích như thế nào ? Trong vấn đề này, Ăng-ghen đã căn cứ vào đâu ? Hiển nhiên là căn cứ vào chế độ tư hữu ruộng đất, vào sự thật là người nông dân có « mảnh đất của họ » mà họ khó lòng rời bỏ được. Nông dân ở phương Tây là như thế. Nông dân ở các nước tư bản chủ nghĩa, nơi mà chế độ tư hữu ruộng đất còn tồn tại, là như thế. Cho nên, người ta thấy rằng đối với những nơi đó thì cần phải hết sức thận trọng.

Có thể nói rằng trong nước chúng ta, ở Liên-xô, tình hình cũng giống y như vậy chăng. Không. Không thể nói thế được, vì rằng ở nước ta không có chế độ tư hữu ruộng đất trói buộc người nông dân vào doanh nghiệp cá thể của họ. Không thể

* Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

nói thế được, vì rằng ở nước ta, ruộng đất đã được quốc hữu hóa, khiến cho người nông dân cá thể dễ chuyển sang con đường tập thể.

Đó là một trong những nguyên nhân làm cho phong trào nông trang tập thể ở nước ta, trong thời gian gần đây, phát triển tương đối dễ dàng và mau chóng.

Tiếc rằng những nhà lý luận về vấn đề ruộng đất của chúng ta vẫn chưa tìm cách nêu lên một cách hết sức rõ rệt chỗ khác nhau giữa tình hình nông dân nước ta với tình hình nông dân phương Tây. Mà một cuốn sách như thế sẽ có một tác dụng cực kỳ lớn lao không những đối với chúng ta, những chiến sĩ xô-viết, mà đối với cả những người cộng sản ở tất cả các nước nữa. Thật vậy, đối với cuộc cách mạng vô sản trong các nước tư bản chủ nghĩa, thì vấn đề xem xem, ngay từ những ngày đầu tiên sau khi giai cấp vô sản đã nắm chính quyền, có cần phải xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cơ sở quốc hữu hóa ruộng đất, hay là không cần cơ sở ấy cũng xây dựng được chủ nghĩa xã hội, — vấn đề đó không phải là không quan hệ.

Trong một bài báo gần đây của tôi (« Một năm chuyển biến lớn »), tôi đã phát triển một số lý lẽ chứng minh rằng doanh nghiệp nông nghiệp đại quy mô hơn hẳn doanh nghiệp nông nghiệp tiểu quy mô ; tôi đã nói về những nông trường quốc doanh đại quy mô. Tôi thiết tưởng không cần phải chứng minh rằng tất cả những lý lẽ đó cũng đều có giá trị hoàn toàn và đầy đủ đối với các nông trang tập thể, coi như là những đơn vị kinh tế đại quy mô. Tôi không những chỉ nói tới những nông trang tập thể đã phát đạt, đã có được một số cơ sở máy móc và máy kéo, mà còn nói tới cả những nông trang tập thể còn đang ở hình thức sơ khai, có thể nói là còn ở trong thời kỳ công trường thủ công của công cuộc xây dựng nông trang tập thể, và còn đang dựa vào nông cụ của nông dân. Tôi muốn nói đến những nông trang tập thể còn đang ở hình thức sơ khai ấy, hiện nay đang được thành lập trong những vùng đã tập thể hóa toàn bộ, và chỉ đơn thuần dựa trên việc góp chung lại những công cụ sản xuất của nông dân.

Hãy lấy thí dụ như những nông trang tập thể ở ven sông Khô-pe-rơ, trong vùng sông Đôn thuở trước. Đứng về phương diện kỹ thuật mà xét, thì hình như những nông trang tập thể đó không khác gì nền kinh tế tiểu nông (những nông trang đó cũng có ít máy móc, ít máy kéo). Vậy mà, chỉ đơn thuần có việc góp chung lại trong nông trang tập thể những công cụ của nông dân, cũng đã đem lại một kết quả mà những người công tác thực tế của chúng ta chưa hề dám mơ tưởng đến. Kết quả đó biểu hiện ở chỗ nào? Ở chỗ là việc thực hiện chế độ nông trang tập thể đã mở rộng diện tích trồng trọt lên đến 30,40 và 50%. Vì sao có được cái kết quả « đến choáng cả người lên » ấy? Vì rằng những người nông dân, trong những điều kiện lao động cá thể thì bất lực, nhưng khi họ đã góp chung công cụ của họ lại và đã hợp nhau lại trong nông trang tập thể, thì họ trở thành một lực lượng phi thường. Vì rằng những người nông dân đã có thể khai khẩn được những đất hoang hay bỏ hóa, khó canh tác nếu làm cá thể. Vì rằng những người nông dân đã có thể tự đảm nhiệm được việc khai phá đất hoang. Vì rằng bây giờ, đã có khả năng khai khẩn được những khoảng đất hoang vu, những mảnh đất lẻ loi, những khoảnh đất ven đồng, v.v., v.v.

Việc canh tác những đất hoang hay bỏ hóa có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với nông nghiệp của chúng ta. Các đồng chí đều biết rằng vấn đề then chốt của cuộc vận động cách mạng trong nước Nga hồi xưa là vấn đề ruộng đất. Các đồng chí cũng biết rằng một trong những mục đích của phong trào ruộng đất lúc đó là giải quyết tình trạng thiếu đất. Bấy giờ có nhiều người tưởng rằng thiếu đất như thế là một hiện tượng tuyệt đối rồi, nghĩa là ở Nga hồi đó không còn có ruộng đất bỏ không, có thể canh tác được nữa. Song tình hình thực tế thì thế nào? Ngày nay ai cũng thấy rất rõ ràng là ở Liên-xô đã có và hiện nay vẫn còn hàng chục triệu éc-ta ruộng đất bỏ không. Nhưng hồi đó, tuyệt đối người nông dân không thể nào khai khẩn được những đất hoang ấy bằng những công

cụ tồi tàn của họ. Và chính vì không có khả năng khai khẩn những đất hoang hay bỏ hóa, nên họ đã phải tìm đến những « đất đã thuần thục », tức là những đất thuộc về tay bọn đại địa chủ, những đất tiện lợi cho việc canh tác bằng nông cụ của nông dân, trong điều kiện lao động cá thể. Do đó mà có « tình trạng thiếu đất ». Vì vậy, không lấy gì làm lạ rằng Tờ-rớt ngũ cốc của chúng ta, nhờ đã được trang bị bằng máy kéo, nên ngày nay đã có thể khai khẩn được hàng hai chục triệu éc-ta đất dề không mà nông dân chưa dụng tới và không thể canh tác được bằng những phương pháp lao động cá thể, bằng nông cụ của tiểu nông.

Ý nghĩa quan trọng của phong trào nông trang tập thể trong tất cả các giai đoạn của nó, — trong giai đoạn sơ khai cũng như trong giai đoạn đã phát triển cao hơn, sau khi đã được trang bị bằng máy kéo, — là ngày nay, ngoài những ruộng đất khác ra, nông dân đã có khả năng khai khẩn được những đất hoang hay bỏ hóa. Đó là bí quyết đã giúp cho diện tích trồng trọt tăng lên một cách cực kỳ rộng lớn, khi nông dân chuyển sang lao động tập thể. Đó là một trong những lý do chứng tỏ rằng nông trang tập thể hơn hẳn kinh tế nông dân cá thể.

Không cần phải nói cũng biết rằng sự hơn hẳn của nông trang tập thể đối với kinh tế nông dân cá thể sẽ càng trở thành một sự thật không thể nào chối cãi được, khi mà trong những vùng đã được tập thể hóa toàn bộ, các nông trang tập thể hiện đang ở dưới hình thức sơ khai lại được những trạm và những đội máy móc và máy kéo của chúng ta đến giúp đỡ thêm ; khi mà bản thân những nông trang tập thể có thể tập trung được vào trong tay mình những máy kéo và máy gặt đập.

IV

THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

Đối với vấn đề gọi là « cánh kéo », bọn kinh tế học tư sản đã gieo rắc một thứ định kiến mà ta cần phải tuyên chiến

chống lại thẳng tay, cũng như là cần phải tuyên chiến thẳng tay với tất cả các lý luận tư sản khác đang được truyền bá trên báo chí xô-viết một cách dáng tiếc. Tôi muốn nói đến thứ lý luận cho rằng so với cách mạng tháng Hai, thì Cách mạng tháng Mười đã đem lại cho nông dân ít quyền lợi hơn ; rằng, nói đúng ra, thì Cách mạng tháng Mười không đem lại gì cho nông dân cả.

Có một dạo, định kiến này được một nhà kinh tế học « xô-viết » tâng bốc trên báo chí của chúng ta. Thật ra, thì về sau, nhà kinh tế học « xô-viết » ấy cũng đã vứt bỏ lý luận đó của mình. (*Có tiếng hỏi :* « Ai thế ? »). Đó là Gơ-rô-man. Nhưng, lý luận đó đã được phái đối lập Tơ-rốt-ski-Di-nô-vi-ép lặp lại và lợi dụng để chống lại đảng. Và cũng không có một lý do nào để quả quyết rằng, ngày nay, lý luận đó không còn lưu hành trong các giới « xô-viết » nữa.

Đó là một vấn đề rất quan trọng, các đồng chí ạ. Nó đụng đến vấn đề những mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn. Nó đụng đến vấn đề xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn. Nó đụng đến một vấn đề rất là bức thiết, vấn đề « cánh kéo ». Bởi thế cho nên, tôi nghĩ rằng cần phải đem ra phân tích cái lý luận kỳ quặc đó.

Có thật là nông dân không hưởng được gì của Cách mạng tháng Mười không ? Hãy xét sự thật xem sao.

Tôi hiện có trong tay bản thống kê nổi tiếng của nhà thống kê nổi tiếng là đồng chí Nem-tsi-nốp. Bản thống kê này đã được đăng lại trong bài báo của tôi nhan đề là : « Trên mặt trận lúa mì »[21]. Theo bản thống kê đó, người ta thấy rõ rằng trước Cách mạng, bọn đại địa chủ « sản xuất » không dưới 600 triệu pút lúa mì. Như thế là hồi ấy, bọn *đại địa chủ* nắm trong tay 600 triệu pút lúa mì.

Theo bản thống kê ấy, thì lúc đó bọn *cu-lắc* « sản xuất » 1.900 triệu pút lúa mì. Đó là một lực lượng rất lớn mà hồi ấy bọn cu-lắc đã nắm trong tay.

Cũng theo bản thống kê đó, thì *nông dân nghèo* và *trung nông* sản xuất 2.500 triệu pút lúa mì.

Đó là tình hình sản xuất của nông thôn trước Cách mạng tháng Mười.

Sau Cách mạng tháng Mười thì ở nông thôn đã có những biến đổi gì? Tôi cũng mượn những con số trong bản thống kê nói trên. Chúng ta lấy năm 1927 làm ví dụ. Trong năm ấy, bọn *đại địa chủ* đã sản xuất được bao nhiêu? Rõ ràng là bọn chúng đã không sản xuất và không thể sản xuất được gì hết, vì quyền tư hữu ruộng đất đã được Cách mạng tháng Mười xóa bỏ rồi. Các đồng chí thừa hiểu rằng điều đó đã cất một gánh nặng lớn lao cho nông dân; vì họ đã được giải phóng ra khỏi ách của bọn đại địa chủ. Hiển nhiên đó là một mối lợi rất to lớn mà Cách mạng tháng Mười đã đem lại cho nông dân.

Năm 1927, bọn *cu-lắc* đã sản xuất được bao nhiêu? 600 triệu pút lúa mì, chứ không phải 1.900 triệu như trước nữa. Như thế là sau Cách mạng tháng Mười, bọn cu-lắc đã suy yếu hơn trước gấp ba lần, và thậm chí còn có thể là yếu hơn thế nữa. Các đồng chí thừa hiểu rằng điều đó tất nhiên đã không thể nào không làm cho hoàn cảnh của nông dân nghèo và trung nông dễ chịu hơn.

Còn nông dân nghèo và *trung nông*, trong năm 1927, đã sản xuất được bao nhiêu? 4.000 triệu pút, chứ không phải là 2.500 triệu như trước nữa. Như thế là sau Cách mạng tháng Mười, nông dân nghèo và trung nông sản xuất nhiều hơn thời kỳ trước cách mạng là 1.500 triệu pút lúa mì.

Đấy là những sự thật chứng tỏ cái lợi cực kỳ to lớn mà nông dân nghèo và trung nông đã hưởng được của Cách mạng tháng Mười.

Đấy là những cái mà Cách mạng tháng Mười đã đem lại cho nông dân nghèo và trung nông.

Đã như thế, thì làm sao lại có thể quả quyết được rằng Cách mạng tháng Mười không đem lại gì cho nông dân cả?

Nhưng không phải chỉ có thế thôi, các đồng chí ạ. Cách mạng tháng Mười đã xóa bỏ chế độ tư hữu ruộng đất, đã xóa bỏ những việc mua bán ruộng đất, đã tiến hành việc quốc hữu hóa ruộng đất. Như thế nghĩa là gì? Nghĩa là ngày nay

muốn sản xuất lúa mì, người nông dân hoàn toàn không cần phải tậu ruộng nữa. Xưa kia, họ phải dành dụm tiền nong trong hàng bao nhiêu năm, họ phải mang công mắc nợ, cam chịu làm nô lệ chỉ vì mục đích duy nhất là tậu được ruộng nương. Các khoản chi phí về việc tậu ruộng tất nhiên phải làm cho giá sản xuất của lúa mì tăng thêm lên. Ngày nay, người nông dân không cần phải làm như thế nữa. Họ có thể sản xuất lúa mì mà không cần phải tậu ruộng. Bởi vậy, hàng trăm triệu rúp mà xưa kia người nông dân phải chi về việc tậu ruộng, thì nay vẫn nằm trong túi của họ. Điều đó có làm cho hoàn cảnh của người nông dân dễ chịu hơn hay không? Hiển nhiên là có.

Xin nói tiếp. Cho đến tận gần đây, người nông dân vẫn cứ phải cày bừa bằng một thứ nông cụ cũ kỹ, cày bừa theo lối lao động cá thể. Mọi người đều biết rằng lao động cá thể, với những nông cụ sản xuất cũ kỹ hiện không còn có thể dùng được nữa, không thể đem lại cho người nông dân số thu hoạch cần thiết để sinh sống một cách hẳn hoi, cải thiện liên tục hoàn cảnh vật chất và phát triển văn hóa của mình, và để bước lên con đường rộng rãi thênh thang là con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bây giờ đây, khi mà phong trào nông trang tập thể đã phát triển mạnh mẽ, thì những người nông dân có thể liên hợp lao động của mình với lao động của những người láng giềng, tập hợp nhau lại thành nông trang tập thể, khai phá đất hoang, khai khẩn đất bỏ hóa, nhận máy móc và máy kéo, và có thể tăng lên, nếu không gấp ba thì cũng gấp đôi, năng suất lao động của mình. Như thế nghĩa là gì? Nghĩa là, ngày nay, do chỗ đã tập hợp nhau lại thành nông trang tập thể rồi, thì cũng tốn bấy nhiêu sức lao động mà người nông dân có thể sản xuất được nhiều hơn trước. Bởi vậy, điều đó có nghĩa là giá sản xuất của lúa mì đã rẻ hơn trước rất nhiều. Sau hết, điều đó còn có nghĩa là, nếu vật giá ổn định, thì khi bán lúa mì của mình ra, người nông dân sẽ có thể thu được một số tiền to lớn hơn từ trước đến nay rất nhiều.

Đã như thế, thì làm sao lại có thể quả quyết được rằng nông dân chẳng nhận được quyền lợi nào do Cách mạng tháng Mười đem lại cả ?

Há chẳng phải rõ ràng là những kẻ đưa ra cái luận điệu phi lý đó, đã nói xấu đảng và Chính quyền xô-viết một cách trắng trợn đó sao ?

Nhưng do tất cả những điều nói trên, thì phải kết luận thế nào ?

Phải kết luận là : vấn đề « cánh kéo », vấn đề xóa bỏ « cánh kéo », bây giờ phải được đặt ra theo một lối mới. Phải kết luận là : nếu phong trào nông trang tập thể cứ phát triển theo nhịp độ hiện nay, thì tình trạng « cánh kéo » sẽ bị xóa bỏ trong một tương lai rất gần. Phải kết luận là vấn đề những mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn được đặt ra trên một địa hạt mới, là sự đối lập giữa thành thị và nông thôn sẽ được xóa bỏ theo một nhịp độ ngày càng nhanh.

Thưa các đồng chí, tình hình đó có một ý nghĩa quan trọng rất lớn đối với toàn bộ công cuộc xây dựng của chúng ta. Nó cải tạo tâm lý của người nông dân và làm cho họ hướng về thành thị. Nó tạo những điều kiện cần thiết để xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn ; để cho khẩu hiệu của đảng : « Hướng về nông thôn » được bổ sung bằng khẩu hiệu của những người nông dân nông trang tập thể là : « Hướng về thành thị ».

Và điều đó không có gì là lạ cả, vì ngày nay người nông dân nhận được của thành thị những máy móc, máy kéo, kỹ sư nông học, cán bộ tổ chức, nói tóm lại là được thành thị giúp đỡ trực tiếp để chiến đấu chống bọn cu-lắc và chiến thắng chúng. Người nông dân kiểu cũ nhìn thành thị bằng con mắt nghi kỵ hằn học, coi thành thị như là kẻ cướp, thì nay không còn nữa. Thay thế họ bây giờ, chính là người nông dân mới, người nông dân nông trang tập thể, hướng về thành thị với hy vọng là được thành thị giúp đỡ thực tế trong *sản xuất*. Người nông dân kiểu cũ lo sợ rơi xuống bần nông và chỉ có thể bò lên địa vị cu-lắc một cách lén lút (vì người ta có thể tước mất quyền bầu cử của mình !), đã được thay thế

bằng người nông dân mới, có một tiền đồ mới là : gia nhập nông trang tập thể và thoát khỏi cảnh bần cùng và dốt nát để bước lên con đường rộng rãi tức là con đường phát triển kinh tế và văn hóa.

Đó, tình thế xoay vần là như thế, các đồng chí ạ.

Thưa các đồng chí, điều càng đáng bực mình hơn nữa là các nhà lý luận về vấn đề ruộng đất của chúng ta đã không dùng mọi biện pháp cần thiết để đả phá và diệt tận gốc tất cả mọi thứ lý luận tư sản đang cố ý làm giảm giá trị những thành quả của Cách mạng tháng Mười và của phong trào nông trang tập thể đang lớn mạnh.

V

VỀ BẢN CHẤT CỦA NÔNG TRANG TẬP THỂ

Với tính cách là một *hình loại* kinh tế, nông trang tập thể là một trong những hình thức của kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đối với điều đó, không có gì đáng nghi ngờ nữa cả.

Có một diễn giả nào đó phát biểu ý kiến ở đây để làm mất uy tín của nông trang tập thể. Người đó đã quả quyết rằng nông trang tập thể, về phương diện là một tổ chức kinh tế, thì chẳng có chút gì dính dáng với hình thức xã hội chủ nghĩa của kinh tế cả. Các đồng chí, tôi cần phải tuyên bố rằng nhận định như thế về nông trang tập thể là hoàn toàn không đúng. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng sự nhận định đó không có chút gì phù hợp với tình hình thực tế cả.

Cái gì quyết định hình loại kinh tế?

Hiển nhiên là những mối quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất quyết định. Thực ra, có thể nhận định hình loại này hay hình loại khác của kinh tế bằng cách nào khác được chăng? Nhưng thử hỏi trong nông trang tập

thể, có giai cấp những người chiếm hữu tư liệu sản xuất và giai cấp những người bị chiếm đoạt mất tư liệu sản xuất không ? Trong nông trang tập thể, có giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột không ? Phải chăng là nông trang tập thể không tiêu biểu cho sự tập thể hóa những công cụ sản xuất cơ bản trên một miếng đất thuộc về Nhà nước ? Có lý do gì để quả quyết rằng nông trang tập thể, với tính cách là một hình loại kinh tế, lại không phải là một trong những hình thức của kinh tế xã hội chủ nghĩa ?

Cố nhiên là trong các nông trang tập thể cũng có những mâu thuẫn. Cố nhiên là trong các nông trang tập thể, những tàn dư cá nhân chủ nghĩa và thậm chí những tàn dư tư tưởng cu-lắc cũng vẫn còn tồn tại, những tàn dư này tuy chưa biến mất hẳn, nhưng lâu dần rồi nhất định cũng sẽ bị tiêu diệt, trong quá trình các nông trang tập thể dần dần được củng cố và cơ khí hóa. Nhưng liệu người ta có thể phủ nhận được rằng, xét về toàn bộ, thì những nông trang tập thể — với tất cả những mâu thuẫn và khuyết điểm của nó, với tính cách là nhân tố cơ bản của *kinh tế* — về thực chất là tiêu biểu cho một con đường phát triển mới, con đường phát triển *xã hội chủ nghĩa* của nông thôn, *trái hẳn* với con đường phát triển theo lối cu-lắc, theo lối *tư bản chủ nghĩa*? Liệu người ta có thể nào phủ nhận được rằng trong những điều kiện của chúng ta, thì các nông trang tập thể (tôi nói những nông trang tập thể thật sự, chứ không phải những nông trang tập thể giả hiệu) là nền tảng và cái lò của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, thành hình từ trong những cuộc chiến đấu khốc liệt chống những phần tử tư bản chủ nghĩa ?

Những mưu toan của một số đồng chí nhằm làm mất uy tín của nông trang tập thể và tuyên bố rằng nông trang tập thể là một hình thức kinh tế tư sản, những mưu toan đó há chẳng phải rõ ràng là vô căn cứ đó sao ?

Năm 1923, ở nước ta chưa có phong trào nông trang tập thể có tính chất quần chúng. Trong cuốn *Bàn về chế độ hợp tác*, Lê-nin đã có ý nói đến tất cả mọi hình thức hợp tác xã,

từ những hình thức thấp (hợp tác xã cung tiêu) cho đến những hình thức cao (nông trang tập thể). Hồi đó, Lê-nin đã nói gì về chế độ hợp tác, về những xí nghiệp hợp tác xã? Sau đây là một đoạn trích trong cuốn sách đó của Lê-nin:

« Dưới chế độ hiện nay của chúng ta, xí nghiệp hợp tác xã khác với xí nghiệp tư bản chủ nghĩa tư nhân, vì nó là những xí nghiệp tập thể, nhưng nó *không khác** xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, nếu miếng đất để xây dựng xí nghiệp đó và những tư liệu sản xuất đều thuộc về Nhà nước, nghĩa là về giai cấp công nhân » (xem tập XXVII, tr. 396)**.

Như thế là Lê-nin đã không tách riêng xí nghiệp hợp tác xã đó ra mà xét, nhưng đã xét xí nghiệp đó, liên hệ với các chế độ hiện nay của chúng ta, liên hệ với sự thật là xí nghiệp hợp tác xã hoạt động trên một miếng đất thuộc về Nhà nước, trong một nước mà những tư liệu sản xuất thuộc về Nhà nước, và, khi xét như thế thì Lê-nin quả quyết rằng nó không khác với xí nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Đó là những điều mà Lê-nin đã nói về xí nghiệp hợp tác xã nói chung.

Há chẳng phải rõ ràng là ngày nay chúng ta cũng càng có lý do hơn để có thể nói như vậy về những nông trang tập thể trong thời kỳ chúng ta, hay sao ?

Và chính đó là một trong những lý do khiến Lê-nin nhận định rằng trong những điều kiện của nước ta, thì « sự phát triển đơn thuần của chế độ hợp tác » và « sự phát triển của chủ nghĩa xã hội chỉ là một ».

Các đồng chí thấy rằng vì làm mất uy tín của nông trang tập thể, cho nên diễn giả mà tôi nói trên đây đã phạm một sai lầm rất nghiêm trọng đối với chủ nghĩa Lê-nin.

Do sai lầm đó, diễn giả đã phạm một sai lầm khác : sai lầm về vấn đề đấu tranh giai cấp trong nông trang tập thể. Diễn giả đã diễn tả cuộc đấu tranh giai cấp trong nông trang

---

* Do tôi viết ngả J. Sta-lin

** Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 433. (*B.T.*)

tập thể bằng một bức họa đậm nét đến nỗi người ta có thể tưởng rằng cuộc đấu tranh đó cũng *không khác gì* cuộc đấu tranh đang diễn ra bên ngoài những nông trang tập thể. Hơn nữa, người ta có thể tưởng rằng trong nông trang tập thể cuộc đấu tranh giai cấp lại còn trở nên kịch liệt hơn. Vả lại không phải chỉ một mình diễn giả đó phạm sai lầm trong vấn đề này. Hiện nay, những lời nói ba hoa về đấu tranh giai cấp, những tiếng tru tréo và la ó về đấu tranh giai cấp trong các nông trang tập thể, là đặc điểm của tất cả những kẻ la hoảng « phái tả » của chúng ta. Nhưng điều đáng tức cười nhất trong những chuyện la ó ấy, là ngay ở nơi không có hoặc gần như không có đấu tranh giai cấp, thì những kẻ la ó cũng « nhìn thấy » đấu tranh giai cấp ; còn chính ở nơi đương có đấu tranh giai cấp, ở nơi đấu tranh ấy đương dồn dập, thì họ lại không nhìn thấy.

Trong các nông trang tập thể, có những nhân tố đấu tranh giai cấp không ? Có. Không thể nào lại không có được, nếu như trong đó những tàn dư cá nhân chủ nghĩa, và thậm chí, những tàn dư tư tưởng cu-lắc vẫn còn sống sót ; nếu như trong đó hãy còn sót lại một hiện tượng bất bình đẳng nào đó về hoàn cảnh vật chất. Liệu có thể nói rằng cuộc đấu tranh giai cấp trong các nông trang tập thể cũng giống như cuộc đấu tranh giai cấp ở bên ngoài những nông trang tập thể được chăng ? Không, không thể nói thế được. Sai lầm của các nhà nói suông « phái tả » của chúng ta chính là ở chỗ không nhìn thấy được điểm khác nhau ấy.

Đấu tranh giai cấp *bên ngoài* những nông trang tập thể, và *trước ngày* thành lập các nông trang tập thể là gì ? Là cuộc đấu tranh chống giai cấp cu-lắc *chiếm hữu* công cụ và tư liệu sản xuất và nhờ vào những công cụ và tư liệu sản xuất đó để *nô dịch* nông dân nghèo. Cuộc đấu tranh đó là một cuộc đấu tranh một còn một mất.

Còn đấu tranh giai cấp *trên cơ sở* nông trang tập thể nghĩa là gì ? Trước hết nghĩa là giai cấp cu-lắc đã bị đánh bại và bị tước mất công cụ và tư liệu sản xuất. Sau nữa, nghĩa là nông dân nghèo và trung nông đã cùng nhau hợp lại trong

những nông trang tập thể trên cơ sở tập thể hóa những công cụ và tư liệu sản xuất cơ bản. Cuối cùng, nghĩa là chúng ta đang đứng trước một cuộc đấu tranh giữa những thành viên của nông trang tập thể, trong đó có những người còn chưa thoát khỏi những tàn dư cá nhân chủ nghĩa và tàn dư của tư tưởng cu-lắc và tìm cách lợi dụng tình trạng bất bình đẳng nào đó trong nông trang tập thể để trục lợi, còn những người khác thì muốn tẩy trừ những tàn dư và tình trạng bất bình đẳng ấy ra khỏi nông trang tập thể. Há chẳng phải rõ ràng là chỉ có những kẻ mù quáng mới có thể không nhìn thấy chỗ khác nhau giữa đấu tranh giai cấp trên cơ sở nông trang tập thể và đấu tranh giai cấp bên ngoài những nông trang tập thể hay sao ?

Nhưng nếu tưởng rằng hễ có nông trang tập thể, là có đủ cả các thứ cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì sẽ là sai lầm. Và nếu tưởng rằng các hội viên nông trang tập thể đều đã trở thành những người xã hội chủ nghĩa cả rồi, thì sẽ là sai lầm còn to lớn hơn nữa. Không phải thế, ta còn cần phải làm nhiều nữa để cải tạo người nông dân nông trang tập thể, để sửa chữa tâm lý cá nhân chủ nghĩa của họ và làm cho họ trở thành một người lao động chân chính của xã hội xã hội chủ nghĩa. Và các nông trang tập thể càng được thiết bị nhanh chóng bao nhiêu bằng máy móc và máy kéo, thì chúng ta sẽ càng đạt được kết quả đó nhanh chóng bấy nhiêu. Nhưng điều đó không hề làm giảm bớt tầm quan trọng rất lớn lao của nông trang tập thể là làm đòn bẩy trong công cuộc cải tạo nông thôn theo chủ nghĩa xã hội. Tầm quan trọng lớn lao của nông trang tập thể, chính là ở chỗ nó là một cơ sở căn bản cho việc sử dụng máy móc và máy kéo trong nông nghiệp, ở chỗ nó là cơ sở căn bản cho việc cải tạo người nông dân, cải tạo tâm lý của họ theo tinh thần của chủ nghĩa xã hội. Lê-nin đã nói rất đúng rằng :

« Cải tạo người tiểu nông, cải tạo toàn bộ tâm lý và tập quán của họ lại là một công cuộc phải làm hàng mấy thế hệ mới xong. Chỉ có cơ sở vật chất, kỹ thuật, việc đem những máy kéo và máy móc dùng với quy mô lớn trong nông nghiệp, việc điện khí hóa trên

quy mô lớn, mới có thể giải quyết được vấn đề đó đối với người tiểu nông, mới có thể nói là làm cho toàn bộ tâm lý của họ lành mạnh được» (xem tập XXVI, tr. 239)*.

Liệu có thể nào phủ nhận được rằng nông trang tập thể chính là hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa duy nhất có khả năng đưa hàng triệu tiểu nông cá thể bước vào con đường doanh nghiệp đại quy mô có các máy móc và máy kéo làm đòn bẩy cho việc phát triển kinh tế, cho sự phát triển xã hội chủ nghĩa của nền nông nghiệp chăng?

Tất cả những cái đó, các nhà ba hoa «phái tả» của chúng ta đều quên mất cả.

Diễn giả của chúng ta cũng lại quên nốt.

VI

NHỮNG SỰ THAY ĐỔI TRONG QUAN HỆ GIAI CẤP VÀ BƯỚC NGOẶT TRONG CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG

Sau cùng là nói về vấn đề những sự thay đổi trong quan hệ giai cấp ở trong nước, và sự tấn công của chủ nghĩa xã hội chống những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn.

Đặc điểm công tác của đảng ta trong năm vừa qua là, với cương vị của đảng, của Chính quyền xô-viết:

a) chúng ta đã mở cuộc tấn công trên khắp các mặt trận chống những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, và

b) như mọi người đều biết, cuộc tấn công đó đã và đang luôn luôn đem lại những kết quả *cụ thể*, rất rõ rệt.

---

* Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 32, tr. 194. (*B.T.*)

Như thế nghĩa là gì? Nghĩa là từ chính sách *hạn chế* những xu hướng bóc lột của giai cấp cu-lắc, chúng ta đã chuyển sang chính sách *thủ tiêu* cu-lắc về mặt giai cấp. Nghĩa là chúng ta đã tiến hành và đang tiếp tục tiến hành một bước ngoặt có ý nghĩa quyết định trong toàn bộ chính sách của chúng ta.

Cho mãi đến những thời gian gần đây, đảng vẫn chủ trương *hạn chế* những xu hướng bóc lột của giai cấp cu-lắc. Mọi người đều biết rằng chính sách đó đã được công bố ngay từ đại hội VIII của đảng. Cũng vẫn chính sách đó đã được xác định một lần nữa, khi ban hành Chính sách kinh tế mới, cũng như trong đại hội XI của đảng ta. Mọi người còn nhớ bức thư của Lê-nin nói về những đề cương của Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski[22] (1922), trong đó Lê-nin đề cập trở lại vấn đề cần thiết phải thi hành chính là một chính sách như thế. Sau hết, chính sách đó lại được đại hội XV của đảng ta xác nhận. Và chính đó là chính sách mà chúng ta đã thi hành cho mãi đến những thời gian gần đây.

Chính sách ấy có đúng không? Đúng, lúc bấy giờ thì chính sách ấy đúng, không ai có thể chối cãi được. Năm ba năm trước đây, liệu chúng ta có thể tiến hành một cuộc tấn công như thế chống giai cấp cu-lắc được không? Lúc bấy giờ, liệu chúng ta có thể hy vọng thành công trong một cuộc tấn công như thế không? Không. Làm như thế là rơi vào một thứ chủ nghĩa phiêu lưu nguy hiểm nhất. Làm như thế là chơi cái trò tấn công một cách nguy hiểm nhất. Vì trong vấn đề này, nếu làm như thế thì nhất định chúng ta sẽ thất bại, và thất bại thì chúng ta sẽ làm cho những vị trí của giai cấp cu-lắc được củng cố thêm. Tại sao? Vì rằng, hồi đó ở nông thôn, chúng ta chưa có những chỗ dựa tức là những nông trường quốc doanh và nông trang tập thể rất nhiều hiện nay, mà chúng ta có thể dựa vào để tấn công kiên quyết chống giai cấp cu-lắc. Vì hồi đó, chúng ta chưa có khả năng *thay thế* nền sản xuất tư bản chủ nghĩa của giai cấp cu-lắc bằng nền sản xuất xã hội chủ nghĩa của các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh.

Trong những năm 1926 - 1927, phái đối lập Di-nô-vi-ép-Tơ-rốt-ski cố sức bắt buộc đảng phải thi hành một chính sách tấn công lập tức vào giai cấp cu-lắc. Đảng đã không lao mình vào con đường phiêu lưu nguy hiểm ấy, biết rằng những người đứng đắn không thể nào tự cho phép mình đùa bỡn với vấn đề tấn công. Tấn công vào giai cấp cu-lắc là một việc nghiêm trọng. Không nên lẫn lộn việc tấn công giai cấp cu-lắc với những lời hô hào đả kích giai cấp đó. Cũng không nên lẫn lộn việc tấn công đó với chính sách cào cấu vặt giai cấp cu-lắc, chính sách mà phái đối lập Di-nô-vi-ép - Tơ-rốt-ski đã cố sức bắt buộc đảng phải thi hành. Tiến hành cuộc tấn công chống cu-lắc, là đập tan và tiêu diệt cu-lắc về mặt giai cấp. Nếu xa rời những mục đích đó, thì cuộc tấn công chỉ còn là lời hô hào suông; là cào cấu vặt, là ba hoa vô ích, là cái gì cũng được, nhưng không phải là một cuộc tấn công thật sự theo kiểu bôn-sê-vích. Tiến hành cuộc tấn công giai cấp cu-lắc, là chuẩn bị hành động và đánh vào giai cấp đó, nhưng phải đánh thế nào cho nó không thể ngóc đầu dậy được nữa. Đó là cái mà chúng ta, những người bôn-sê-vích, gọi là một cuộc tấn công thật sự. Năm ba năm trước đây, liệu chúng ta có thể tiến hành một cuộc tấn công như thế và hy vọng thành công được chăng? Không, lúc đó chúng ta không thể nào làm như thế được.

Thật vậy, trong năm 1927, bọn cu-lắc sản xuất được hơn 600 triệu pút lúa mì, và trong tổng số đó, thì ngoài số lúa mì đã bán ngay tại nông thôn, chúng còn đem bán ra thị trường chừng độ 130 triệu pút nữa. Đó là một lực lượng khá quan trọng, chúng ta không thể nào không đếm xỉa đến được. Còn khi đó thì các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh của chúng ta sản xuất được bao nhiêu? Chừng độ 80 triệu pút, và, trong số đó thì chỉ có non 35 triệu pút được đưa ra thị trường (lúa mì hàng hóa). Các đồng chí hãy tự xét xem, hồi đó, liệu chúng ta có thể nào *thay thế* sản xuất và lúa mì hàng hóa của giai cấp cu-lắc bằng sản xuất và lúa mì hàng hóa của nông trang tập thể và nông trường quốc doanh được chăng? Rõ ràng là chúng ta không thể nào làm như thế được.

Trong những điều kiện ấy, tiến hành một cuộc tấn công kiên quyết vào giai cấp cu-lắc có nghĩa là thế nào? Nghĩa là nhất định sẽ thất bại, là làm cho vị trí của bọn cu-lắc được củng cố thêm và phải chịu không có lúa mì. Chính vì vậy mà hồi đó chúng ta đã không thể và không được tiến hành một cuộc tấn công kiên quyết vào giai cấp cu-lắc, mặc dầu những lời hô hào đả kích phiêu lưu của phái đối lập Di-nô-vi-ép-Tờ-rốt-ski.

Còn bây giờ thì thế nào? Tình hình hiện nay ra sao? Bây giờ, chúng ta đã có một cơ sở vật chất đầy đủ để đánh vào giai cấp cu-lắc, để đập tan sức phản kháng của nó, tiêu diệt nó về mặt giai cấp, và *thay thế* sản xuất của nó bằng sản xuất của nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Người ta biết rằng, năm 1929, nông trang tập thể và nông trường quốc doanh đã sản xuất ít nhất là 400 triệu pút lúa mì (tức là so với tổng sản lượng của kinh tế cu-lắc trong năm 1927, thì hãy còn kém 200 triệu pút). Sau đó, người ta lại biết rằng, năm 1929, nông trang tập thể và nông trường quốc doanh đã cung cấp hơn 130 triệu pút lúa mì hàng hóa (tức là hơn cả số lúa mì hàng hóa của bọn cu-lắc năm 1927). Cuối cùng, người ta còn biết rằng, năm 1930 tổng sản lượng của nông trang tập thể và nông trường quốc doanh ít nhất cũng sẽ được 900 triệu pút (tức là nhiều hơn tổng sản lượng của bọn cu-lắc năm 1927), và số lượng lúa mì mà các nông trang và nông trường ấy sẽ cung cấp cho thị trường, ít nhất cũng sẽ lên đến 400 triệu pút (nghĩa là so với số lượng lúa mì của bọn cu-lắc đã bán ra thị trường trong năm 1927, thì nhiều hơn vô cùng).

Các đồng chí, tình hình ngày nay là như thế đó.

Đó là sự thay đổi trong nền kinh tế của nước ta.

Như các đồng chí đều thấy, bây giờ chúng ta có một cơ sở vật chất để *thay thế* sản xuất của giai cấp cu-lắc bằng sản xuất của nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Chính vì vậy mà ngày nay cuộc tấn công kiên quyết của chúng ta chống giai cấp cu-lắc, đang tiếp diễn ra với một thắng lợi không thể nào phủ nhận được.

Đó, tấn công giai cấp cu-lắc thì phải làm như thế, nếu như người ta muốn tấn công nó một cách thật sự và kiên quyết, chứ không phải chỉ hô hào đả kích suông.

Bởi thế cho nên, trong những thời gian gần đây, chúng ta đã chuyển từ chính sách *hạn chế* những xu hướng bóc lột của giai cấp cu-lắc, sang chính sách *tiêu diệt cu-lắc về mặt giai cấp*.

Còn đối với chính sách tước đoạt tài sản của giai cấp cu-lắc, thì phải làm như thế nào? có thể chấp nhận chính sách tước đoạt tài sản của giai cấp cu-lắc cho những vùng đã tập thể hóa toàn bộ được không? Ở khắp mọi nơi người ta đều hỏi như thế. Thật là một câu hỏi buồn cười! Trước kia, khi mà chúng ta vẫn còn giữ quan điểm hạn chế những xu hướng bóc lột của giai cấp cu-lắc, khi mà chúng ta vẫn chưa có thể kiên quyết chuyển sang tấn công bọn cu-lắc, khi mà chúng ta vẫn chưa có thể thay thế sản xuất của bọn cu-lắc bằng sản xuất của nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, thì không thể nào chấp nhận được chủ trương tước đoạt tài sản của cu-lắc cả. Khi ấy, không chấp nhận việc tước đoạt tài sản của giai cấp cu-lắc là một chính sách cần thiết và đúng đắn. Còn bây giờ thì sao? Bây giờ thì lại là một việc khác. Chúng ta đã có khả năng tiến hành ngày nay một cuộc tấn công kiên quyết chống giai cấp cu-lắc, có khả năng đập tan sức phản kháng của nó, tiêu diệt nó về mặt giai cấp và thay thế sản xuất của nó bằng sản xuất của nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Bây giờ thì chính quần chúng nông dân nghèo và trung nông, tức là những người đang thực hiện công cuộc tập thể hóa toàn bộ, đứng ra tiến hành việc tước đoạt tài sản của giai cấp cu-lắc. Bây giờ thì việc tước đoạt tài sản của giai cấp cu-lắc, trong những vùng đã tập thể hóa toàn bộ, không còn là một biện pháp hành chính đơn thuần nữa. Ở những nơi đó, việc tước đoạt tài sản của giai cấp cu-lắc là một bộ phận tổ thành của công cuộc xây dựng và phát triển nông trang tập thể. Bởi thế, ngày nay mà còn bàn tán về việc tước đoạt tài sản của giai cấp cu-lắc,

thì thật là đáng buồn cười và thiếu nghiêm chỉnh. Một khi đầu đã bị chặt đứt rồi, thì còn thương tiếc tóc làm gì.

Lại còn câu hỏi này nữa cũng đáng buồn cười như thế: có thể chấp nhận cho cu-lắc vào nông trang tập thể không? Cố nhiên là không. Không thể được, vì nó là kẻ tử thù của phong trào nông trang tập thể.

VII

KẾT LUẬN

Thưa các đồng chí, đó là sáu vấn đề mấu chốt mà những nhà mác-xít chuyên môn về vấn đề ruộng đất của chúng ta không thể bỏ qua được trong công tác lý luận của mình.

Ý nghĩa quan trọng của những vấn đề ấy trước hết là ở chỗ: việc nghiên cứu những vấn đề ấy trên quan điểm mác-xít sẽ giúp cho chúng ta tiêu diệt tận gốc tất cả mọi thứ lý luận tư sản đôi khi đã được chính những đồng chí cộng sản của chúng ta tuyên truyền hộ, — đó là điều đáng xấu hổ, — và nó đang đóng cáu trong đầu óc những người công tác thực tế của chúng ta. Mà đáng lẽ ra người ta phải quét sạch những lý luận đó và vứt nó đi từ lâu rồi mới phải. Bởi vì chỉ có tiến hành một cuộc đấu tranh quyết liệt chống những lý luận ấy và những thứ lý luận khác tương tự như thế, thì tư tưởng lý luận của những nhà mác-xít chuyên môn về vấn đề ruộng đất mới có thể lớn mạnh thêm lên được.

Sau cùng, ý nghĩa quan trọng của những vấn đề ấy là ở chỗ nó đã làm cho những vấn đề kinh tế cũ trong thời kỳ quá độ xuất hiện với một bộ mặt mới.

Bây giờ thì vấn đề Chính sách kinh tế mới, vấn đề giai cấp, vấn đề nông trang tập thể, vấn đề kinh tế trong thời kỳ quá độ, đều được đặt ra theo một lối mới.

Cần phải vạch trần sai lầm của những người quan niệm rằng Chính sách kinh tế mới là một bước lùi và chỉ là một bước lùi thôi. Thật ra, ngay khi mới thiết lập Chính sách kinh tế mới, Lê-nin đã nói rằng chính sách này không phải chỉ đơn thuần là một bước lùi, mà đồng thời nó cũng chuẩn bị cho một cuộc tấn công mới và kiên quyết chống những phần tử tư bản chủ nghĩa ở thành thị và ở nông thôn.

Cần phải vạch trần sai lầm của những người tưởng rằng Chính sách kinh tế mới chỉ cần thiết để đảm bảo mối liên hệ giữa thành thị và nông thôn mà thôi. Không phải bất cứ một mối liên hệ nào giữa thành thị và nông thôn cũng đều cần thiết cho chúng ta cả. Điều cần thiết cho chúng ta là một mối liên hệ đảm bảo được sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Và nếu chúng ta giữ Chính sách kinh tế mới, chính là vì chính sách đó phục vụ cho sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội. Bao giờ nó thôi không phục vụ cho sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội nữa, thì khi ấy chúng ta sẽ vứt nó đi. Lê-nin đã nói rằng việc đặt ra Chính sách kinh tế mới là một việc làm đúng đắn và lâu dài. Nhưng Người không bao giờ nói rằng chính sách đó đặt ra để thi hành mãi mãi.

Cũng cần phải xét đến vấn đề truyền bá rộng rãi lý luận mác-xít về tái sản xuất. Cần phải nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến việc xây dựng phương án kết toán của nền kinh tế quốc dân của chúng ta. Cái mà Sở thống kê trung ương đã công bố năm 1926 thì chưa phải là một bảng kết toán nền kinh tế quốc dân ; đó là một trò múa rối bằng con số. Kiến giải của Ba-da-rốp và Gơ-rô-man về những vấn đề kết toán kinh tế quốc dân cũng không thích hợp nốt. Chính những người mác-xít cách mạng phải vạch lấy một phương án kết toán kinh tế quốc dân của Liên-xô, nếu quả thật họ muốn nghiên cứu những vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ.

Các nhà kinh tế học mác-xít của chúng ta nên giao cho một nhóm chuyên môn nghiên cứu những vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ, đúng như những vấn đề ấy đã được đặt ra theo một lối mới, trong giai đoạn phát triển hiện nay.

« Sự thật » số 309,
29 tháng Chạp 1929

THƯ GỬI A.M. GOÓC-KI

A-lếc-xây Mác-xi-mô-vi-tsơ thân mến !

Ngàn lần xin lỗi và xin đừng quở trách tôi vì đã trả lời chậm (quá chậm !). Tôi bận vô chừng. Ngoài ra, lại hơi mệt nữa. Đương nhiên điều đó không thể bào chữa cho tôi. Nhưng điều đó có thể giải thích một điều gì đó.

1. Chúng ta không thể không có tự phê bình. Quyết không thể được, A-lếc-xây Mác-xi-mô-vi-tsơ ạ. Không có tự phê bình thì nhất định sẽ xảy ra tình trạng là bộ máy bị đình đốn, mục nát, chủ nghĩa quan liêu sẽ phát triển, tính chủ động sáng tạo của giai cấp công nhân sẽ bị phá hoại. Đương nhiên việc tự phê bình sẽ cung cấp tài liệu cho kẻ địch. Về điểm đó, ý kiến anh hoàn toàn đúng. Nhưng việc tự phê bình đó cũng cung cấp tài liệu (và nguồn kích thích) để chúng ta tiến lên, để phát huy nghị lực kiến thiết của những người lao động, để phát triển phong trào thi đua, để xây dựng các đội xung kích, v.v. Mặt tốt đã bù lại, và bù *vượt mức*, mặt xấu.

Có thể là báo chí chúng ta đã quá cường điệu những khuyết điểm của chúng ta, và đôi khi thậm chí đã quảng cáo (một cách vô tình) những khuyết điểm đó. Điều đó có thể và thậm chí chắc là đã xảy ra. Và đương nhiên điều đó là không tốt. Do đó, anh đề nghị đưa những thành tích của chúng ta ra để cân bằng (tôi có thể nói là : làm cho trội hơn) với những khuyết điểm của chúng ta. Và về điểm đó, đương nhiên là anh đúng. Chúng ta nhất định và ngay lập tức phải lấp chỗ thiếu sót đó. Về điểm này anh có thể không hoài nghi.

2. Thanh niên ở nước ta có nhiều loại. Có loại than vãn, mệt mỏi, bi quan thất vọng (như Dê-nin). Có loại phấn khởi, yêu đời, có ý chí kiên cường và có khát vọng hăng say muốn giành bằng được thắng lợi. Hiện nay, khi chúng ta đang phá bỏ những quan hệ cũ và xây dựng những quan hệ mới trong cuộc sống, khi những con đường lớn và nhỏ quen thuộc đang bị phá vỡ và những con đường mới, không quen thuộc, đang được xây đắp, khi mà hàng loạt những nhóm dân cư trước kia sống đầy đủ nay đang bị đánh bật ra khỏi nền nếp cũ và bị loại ra khỏi hàng ngũ xã hội để dọn đường cho hàng triệu những người trước đây bị áp chế và vùi dập, — hiện nay thanh niên không thể là một khối quần chúng thuần nhất gồm toàn những người đồng tình với chúng ta và trong đám thanh niên đó không thể không có sự phân hóa, phân liệt. Một là, trong thanh niên có những người là con cháu của những kẻ giàu có. Hai là, ngay như nếu lấy số thanh niên của mình (cùng địa vị xã hội) mà xét, thì không phải người nào cũng có đủ tinh thần, nghị lực, bản lĩnh, hiểu biết, để nhìn nhận bức tranh của sự phá vỡ đại quy mô những cái cũ và xây dựng một cách rầm rộ những cái mới, coi đó là một bức tranh *cần thiết*, nghĩa là *hợp với nguyện vọng*, bức tranh ấy hơn nữa lại ít giống cõi thiên đường đầy cảnh « thiên hạ phong lưu » và phải tạo khả năng để mọi người « được nghỉ ngơi », « được hưởng hạnh phúc ». Hiển nhiên là trong cái « tình hình nhộn nhạo rất phức tạp » đó, ở nước ta không thể không có những kẻ mệt mỏi, đau thần kinh, kiệt quệ, bi quan thất vọng, lạc lõng và cuối cùng là những kẻ bỏ chạy sang hàng ngũ địch. Đó là những khoản « phí tổn » không thể tránh được của cách mạng.

Điều chủ yếu hiện nay là : những người có tác dụng lãnh đạo trong thanh niên không phải là những kẻ kêu ca than vãn, mà là những đoàn viên thanh niên cộng sản có tính chiến đấu của chúng ta, họ là hạt nhân của một thế hệ bôn-sê-vích mới, đông đảo, những người bôn-sê-vích phá đổ chủ nghĩa tư bản, những người bôn-sê-vích xây dựng chủ nghĩa xã hội, những

người bôn-sê-vích giải phóng tất cả những người bị áp bức và bị nô dịch. Sức mạnh của chúng ta là ở chỗ đó. Đó cũng là sự đảm bảo cho thắng lợi của chúng ta

3. Đương nhiên điều đó không có nghĩa là chúng ta không phải cố gắng làm giảm bớt số lượng những kẻ than vãn, những kẻ kêu khóc, những kẻ hoài nghi, v.v., giảm bớt bằng biện pháp tác động đến họ một cách có tổ chức, về mặt tư tưởng (và về tất cả các mặt khác). Trái lại, một trong những nhiệm vụ chủ yếu của đảng ta, của những tổ chức văn hóa của chúng ta, của báo chí chúng ta, của các Xô-viết của chúng ta, là phải tổ chức việc tác động đó và giành lấy những kết quả quan trọng. Do đó chúng tôi (bè bạn của chúng ta) hoàn toàn chấp nhận những kiến nghị của anh là :

a) tổ chức tạp chí *Ở nước ngoài*[23],

b) xuất bản hàng loạt những tập sách phổ thông nói về « Cuộc nội chiến » đồng thời kêu gọi A. Tôn-stôi và các nhà văn khác tham gia vào công tác đó.

Nhưng cần thêm một điều là không thể để cho Ra-đếch hoặc cho một người nào trong số bạn bè của Ra-đếch lãnh đạo bất cứ một việc nào trong số những công việc đó. Vấn đề không phải là ở thiện chí của Ra-đếch hoặc ở thái độ thành tâm của anh ta. Vấn đề là ở cái lô-gích của cuộc đấu tranh có tính chất bè phái mà anh ta và các bè bạn của anh ta hoàn toàn chưa vứt bỏ (tức là chưa vứt bỏ cuộc đấu tranh) (vẫn còn tồn tại một số ý kiến bất đồng quan trọng thúc đẩy họ đấu tranh). Lịch sử đảng ta (và không phải chỉ có lịch sử đảng ta) dạy rằng lô-gích của sự vật mạnh hơn lô-gích của ý định của con người. Nếu giao sự lãnh đạo những công việc đó cho những đồng chí kiên định về mặt chính trị, còn để Ra-đếch cùng các bè bạn của anh ta tham gia cộng tác thì như thế sẽ đúng hơn. Làm như thế sẽ đúng hơn.

4. Chúng tôi đã thảo luận kỹ vấn đề tổ chức một tạp chí chuyên môn *Bàn về chiến tranh* và đã đi đến kết luận là hiện nay không có lý do để xuất bản một tạp chí như thế. Chúng

tôi cho rằng hợp lý hơn là ta sẽ giải thích những vấn đề chiến tranh (tôi nói chiến tranh *đế quốc chủ nghĩa)* trong những tạp chí *chính trị* hiện có. Hơn nữa, không thể tách những vấn đề *chiến tranh* ra khỏi những vấn đề *chính trị*, vì chiến tranh là biểu hiện của chính trị.

Còn những mẩu chuyện về chiến tranh, thì cần phải chọn lọc thật kỹ càng rồi mới cho in được. Trên thị trường sách, hiện đang lưu hành rất nhiều mẩu chuyện văn nghệ mô tả những sự « khủng khiếp » của chiến tranh và gây ra một sự ghê tởm đối với *bất kỳ* thứ chiến tranh *nào* (không phải chỉ đối với chiến tranh *đế quốc chủ nghĩa*, mà đối với cả *mọi* thứ chiến tranh khác). Đó là những mẩu chuyện mang tính chất hòa bình chủ nghĩa của tư sản, không có một giá trị to lớn. Chúng ta cần những mẩu chuyện đưa độc giả từ những cảnh khủng khiếp của chiến tranh *đế quốc chủ nghĩa* đến chỗ thấy cần thiết phải đánh bại những chính phủ *đế quốc chủ nghĩa* đã gây ra những cuộc chiến tranh đó. Hơn nữa không phải chúng ta phản đối *bất kỳ* thứ chiến tranh *nào*. Chúng ta *phản đối* chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, vì đó là chiến tranh phản cách mạng. Nhưng chúng ta *tán thành* những cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng, chống chủ nghĩa đế quốc, mặc dù mọi người đều biết rằng cuộc chiến tranh đó không những không tránh khỏi « những sự khủng khiếp đồ máu », mà thậm chí còn tràn ngập những sự khủng khiếp đó nữa.

Chúng tôi cho rằng lập trường của Vô-rôn-ski, người có ý muốn phản đối những « sự khủng khiếp » của chiến tranh, không khác mấy so với lập trường của những người theo chủ nghĩa hòa bình tư sản.

5. Anh đã hoàn toàn nói đúng rằng ở nước chúng ta, trên báo chí của chúng ta, đang thịnh hành một tình trạng rất lộn xộn trong các vấn đề tuyên truyền chống tôn giáo. Đôi khi đã để xảy ra những lời dại dột hết sức tự nhiên, làm lợi cho kẻ địch. Về phương diện đó, còn hết sức nhiều việc cần phải làm. Nhưng tôi vẫn chưa kịp bàn về những kiến nghị của anh với những đồng chí làm công tác chống tôn giáo. Tôi sẽ viết thư cho anh về điểm đó vào lần sau.

6. Tôi không thể thỏa mãn được điều Ca-mê-gu-lốp yêu cầu đâu. Không có thời giờ nào cả ! Hơn nữa, khổ quá, tôi đâu phải là một nhà phê bình !

Xin ngừng bút.

Bắt tay thật chặt và chúc anh mạnh khỏe.

Cám ơn anh đã hỏi thăm tôi.

J. Sta-lin

Có người nói rằng anh cần một thầy thuốc người Nga. Đúng thế không ? Cụ thể anh muốn ai ? Anh hãy viết thư cho biết, chúng tôi sẽ cử đến.

J. St.

Ngày 17 tháng Giêng 1930

In lần đầu tiên

BÀN VỀ CHÍNH SÁCH THỦ TIÊU GIAI CẤP CU-LẮC

Trên tờ *Sao đỏ*[24] số 16, bài báo nhan đề là « Thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp », thực ra thì rất đúng, nhưng có hai chỗ nêu lên không đúng. Vì vậy tôi thấy cần phải sửa chữa chỗ không đúng đó.

1. Bài báo có nói :

« Trong thời kỳ khôi phục, chúng ta đã thực hành một chính sách hạn chế những phần tử tư bản chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn. Khi bắt đầu thời kỳ cải tạo, thì chúng ta đã chuyển từ chính sách hạn chế sang chính sách tước đoạt ».

Luận điểm đó không đúng. Chính sách hạn chế những phần tử tư bản chủ nghĩa và chính sách tước đoạt bọn đó không phải là hai chính sách khác nhau. Đó chỉ là một chính sách thôi. Tước đoạt những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn là kết quả tất nhiên và là một bộ phận *khăng khít* của chính sách hạn chế những phần tử tư bản chủ nghĩa, của chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn cu-lắc. Không thể coi việc tước đoạt những *phần tử* tư bản chủ nghĩa ở nông thôn và việc trừ bỏ bọn cu-lắc về mặt *giai cấp* là một được. Tước đoạt những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn chính là tước đoạt và chiến thắng những *bộ phận nào đó* của giai cấp cu-lắc, những bộ phận này không thể chống lại nổi áp lực về thuế khóa, không thể chống lại nổi một hệ thống biện pháp hạn chế của Chính quyền xô-viết. Người ta thấy rằng chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn cu-lắc, chính sách hạn chế những phần tử tư bản chủ nghĩa ở

nông thôn không thể không đi đến chỗ tước đoạt những bộ phận nào đó của giai cấp cu-lắc. Vì vậy, không thể không coi việc tước đoạt những bộ phận nào đó của giai cấp cu-lắc là kết quả tất nhiên và là một bộ phận khăng khít của chính sách hạn chế những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn được.

Chúng ta đã thực hành chính sách đó, không những trong thời kỳ khôi phục, mà còn thực hành cả trong thời kỳ cải tạo, cả trong thời kỳ sau đại hội XV (tháng Chạp 1927), cả trong thời kỳ hội nghị XVI của đảng (tháng Tư 1929), và ngay cả trong thời kỳ từ sau hội nghị đó cho đến mùa hè 1929, khi mà chúng ta bắt đầu thực hiện việc tập thể hóa toàn bộ, khi mà chúng ta bắt đầu *chuyển sang* chính sách *thủ tiêu* bọn cu-lắc về mặt giai cấp.

Nếu người ta xem xét những văn kiện quan trọng nhất của đảng, bắt đầu chẳng hạn, bằng những văn kiện của đại hội XIV, tháng Chạp 1925 (xem nghị quyết về bản báo cáo của Ban Chấp hành trung ương[25]), và cuối cùng, nghiên cứu đến văn kiện của hội nghị XVI, tháng Tư 1929 (xem nghị quyết « Những con đường khôi phục nông nghiệp »[26]), thì người ta buộc phải thừa nhận rằng luận điểm « hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn cu-lắc » hay luận điểm « hạn chế sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở nông thôn » luôn luôn *đi đôi* với luận điểm « tước đoạt những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn », « chiến thắng những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn ».

Điều đó có nghĩa là thế nào ?

Điều đó có nghĩa là đảng không *tách rời* việc tước đoạt những phần tử tư bản ở nông thôn với chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn cu-lắc, với chính sách hạn chế những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn.

Đại hội XV của đảng cũng như hội nghị XVI hoàn toàn dựa trên chính sách « hạn chế những xu hướng bóc lột của giai cấp tư sản nông thôn » (nghị quyết của đại hội XV « Về công tác nông thôn »[27]) ; dựa trên chính sách « dùng những biện pháp mới để hạn chế sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở nông thôn » *(như trên)* : dựa trên chính sách « kiên quyết hạn chế những xu hướng bóc lột của cu-lắc » (xem nghị quyết của đại hội XV

về kế hoạch 5 năm[28]); dựa trên chính sách « tấn công cu-lắc », theo hướng « chuyển sang việc sau này hạn chế bọn cu-lắc, cũng như bọn tiểu chủ và tư thương, một cách có hệ thống hơn và kiên quyết hơn (như trên) ; dựa trên một chính sách tước đoạt về kinh tế một cách kiên quyết hơn » những « thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa tư nhân » ở thành thị và nông thôn (xem nghị quyết của đại hội XV về bản báo cáo của Ban Chấp hành trung ương[29]).

Như vậy là : a) tác giả bài báo nói trên đã lầm tưởng chính sách hạn chế những thành phần tư bản chủ nghĩa và chính sách tước đoạt bọn đó là hai chính sách khác nhau. Sự thực chứng minh rằng ở đây chúng ta chỉ tiến hành một chính sách chung duy nhất là hạn chế chủ nghĩa tư bản, còn việc tước đoạt những bộ phận nào đó của giai cấp cu-lắc là một bộ phận khăng khít và là kết quả của chính sách đó.

Như vậy là : b) tác giả bài báo nói trên đã lầm mà quả quyết rằng việc tước đoạt những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn chỉ bắt đầu trong thời kỳ cải tạo, trong thời kỳ đại hội XV thôi. Thật ra thì, việc tước đoạt đó đã có trước đại hội XV, trong thời kỳ khôi phục, và sau đại hội XV, trong thời kỳ cải tạo. Trong thời kỳ đại hội XV, những biện pháp bổ sung mới không những làm mạnh thêm chính sách hạn chế sự bóc lột của cu-lắc, mà còn đẩy mạnh thêm việc tước đoạt một số đội ngũ nào đó của giai cấp cu-lắc.

2. Trong bài báo có nói :

« Chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc, về mặt giai cấp, hoàn toàn xuất phát từ chính sách tước đoạt những phần tử tư bản chủ nghĩa, và là một chính sách kế tục chính sách trên, trong giai đoạn mới ».

Luận điểm đó không chính xác, và do đó không đúng. Đương nhiên chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp không phải là từ trên trời rơi xuống. Nó đã được chuẩn bị trước trong suốt thời kỳ trước đây, — thời kỳ hạn chế và cũng là tước đoạt những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn. Nhưng nói thế không có nghĩa rằng chính sách đó, về *căn bản*, không khác với chính sách hạn chế (và tước đoạt) những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn ; rằng chính sách đó, như

người ta vẫn tưởng, là *sự kế tục* của chính sách hạn chế. Nói như tác giả của chúng ta, tức là phủ nhận *bước ngoặt* trong sự phát triển của nông thôn từ mùa hè năm 1929 tới nay. Nói như vậy, tức là phủ nhận rằng chúng ta đã thực hiện trong thời kỳ đó một sự *chuyển biến* trong chính sách của đảng ta ở nông thôn. Có thể cho rằng nói như thế là tạo ra một nơi trú ẩn về tư tưởng cho những phần tử hữu khuynh trong đảng ta, là những phần tử hiện nay đang bám vào những nghị quyết của đại hội XV để chống lại chính sách *mới* của đảng, hệt như trước đây Pho-rum-kin cũng đã bám vào những nghị quyết của đại hội XIV để chống lại chính sách thành lập nông trang tập thể và nông trường quốc doanh.

Khi tuyên bố đẩy mạnh thêm chính sách hạn chế (và tước đoạt) những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, đại hội XV đã xuất phát từ quan điểm nào ? Đã xuất phát từ quan điểm cho rằng, mặc dầu đã hạn chế bọn cu-lắc như thế, nhưng *về mặt giai cấp*, thì bọn chúng vẫn *tồn tại* trong một thời gian nào đó. *Chính dựa trên điểm đó* mà đại hội XV vẫn duy trì luật lệ về việc cho thuê ruộng đất, mặc dầu đã biết rất rõ rằng những người thuê ruộng phần lớn đều là cu-lắc cả. *Chính dựa trên điểm đó* mà đại hội XV vẫn duy trì luật lệ về việc thuê mướn nhân công ở nông thôn, đồng thời vừa đòi hỏi phải nghiêm ngặt chấp hành luật lệ đó trong thực tiễn. *Chính dựa trên điểm đó* mà đại hội lại tuyên bố một lần nữa rằng việc tước đoạt tài sản của bọn cu-lắc là điều không thể thừa nhận được. Nhưng luật lệ và những quyết định đó có mâu thuẫn với chính sách *hạn chế* (và tước đoạt) những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn không ? Chắc chắn là *không*. Những luật lệ và những quyết định đó có mâu thuẫn với chính sách *thủ tiêu* bọn cu-lắc về mặt giai cấp không ? Cố nhiên là *có !* Vì vậy, hiện nay, trong các vùng được quy định là vùng tập thể hóa toàn bộ, mà diện tích được tập thể hóa tăng lên không những hàng ngày mà ngay cả hàng giờ nữa, thì cần phải gác những luật lệ và quyết định đó lại. Hơn nữa, ngay tiến trình

của phong trào nông trang tập thể trong các vùng được quy định là vùng tập thể hóa toàn bộ cũng đã *gạt* những luật lệ và quyết định đó ra một bên rồi.

Vậy liệu có thể khẳng định được rằng chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp là *sự kế tục* chính sách hạn chế (và tước đoạt) những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn không ? Hiển nhiên là không.

Tác giả bài báo nói trên đã quên rằng nếu chỉ thi hành những biện pháp hạn chế bằng thuế khóa và những biện pháp khác mà *cứ để* cho giai cấp cu-lắc nắm giữ công cụ sản xuất và quyền tự do sử dụng ruộng đất, nếu trong thực tiễn, chúng ta vẫn *duy trì* luật lệ về thuê mướn công nhân làm thuê ở nông thôn, luật lệ về thuê ruộng đất và về việc ngăn cấm tước đoạt tài sản của bọn cu-lắc, thì chúng ta không thể thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp được. Tác giả quên rằng, với chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn cu-lắc, thì người ta chỉ có thể tính đến tước đoạt những bộ phận cá biệt của giai cấp cu-lắc thôi, điều đó không mâu thuẫn với việc *duy trì* bọn cu-lắc về mặt giai cấp mà lại còn giả định trước việc duy trì giai cấp ấy cho đến một thời gian nào đó. Muốn trừ bỏ bọn cu-lắc về mặt giai cấp, mà chỉ có chính sách hạn chế và *tước đoạt* những bộ phận cá biệt thì chưa đủ. Muốn *trừ bỏ* bọn cu-lắc về mặt giai cấp, thì cần phải *đập tan* sự phản kháng của giai cấp đó trong một cuộc đấu tranh công khai và *tước đoạt* của chúng những tư liệu sản xuất đảm bảo sự tồn tại và phát triển của giai cấp đó (quyền tự do sử dụng ruộng đất, công cụ sản xuất, địa tô, quyền thuê mướn nhân công, v.v.).

Đó chính là *bước chuyển* sang chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp. Nếu không có bước chuyển biến đó, thì những lập luận về việc tước đoạt bọn cu-lắc về mặt giai cấp chỉ là những lời nói ba hoa vô ích, chỉ bùi tai và có lợi cho bọn gây ra xu hướng hữu khuynh mà thôi. Nếu không có bước chuyển đó thì không thể có một công cuộc tập thể hóa nào đáng kể cả, mà lại càng không thể nói đến một công cuộc tập thể hóa toàn bộ nào được ở nông thôn. Những nông dân nghèo và trung nông ở nông thôn chúng ta đã hiểu rõ như thế, họ đang

tấn công bọn cu-lắc và đang tiến hành công cuộc tập thể hóa toàn bộ ở nông thôn. Nhưng hình như một số đồng chí chúng ta vẫn chưa hiểu điều đó.

Như vậy, chính sách hiện nay của đảng ở nông thôn không phải là *sự tiếp tục* chính sách cũ, mà là một *bước chuyển* từ chính sách cũ là hạn chế (và tước đoạt) những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, sang chính sách mới là *thủ tiêu* bọn cu-lắc về mặt giai cấp.

« Sao đỏ » số 18,
21 tháng Giêng 1930
Ký tên : J. Sta-lin

TRẢ LỜI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SVÉC-LỐP[30]

I

CÁC CÂU HỎI CỦA SINH VIÊN

1. Trong các đề cương về sách lược của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã được đại hội III của Quốc tế Cộng sản[31] thông qua, Lê-nin đã từng nói rằng ở Nga xô-viết có hai giai cấp chủ yếu.

Hiện nay, vấn đề đặt ra là thủ tiêu bọn cu-lắc và bọn tư sản mới — về mặt giai cấp. Như vậy có phải rằng ở nước ta, từ khi bắt đầu thi hành Chính sách kinh tế mới, đã phát triển thêm một giai cấp thứ ba không ?

2. Trong bài diễn văn của đồng chí tại hội nghị các nhà nông học mác-xít, đồng chí có nói: « Sở dĩ chúng ta đang duy trì Chính sách kinh tế mới, là vì nó còn phục vụ cho sự nghiệp chủ nghĩa xã hội. Nhưng khi nó không còn phục vụ cho sự nghiệp đó nữa thì chúng ta sẽ bỏ nó đi ». Phải hiểu câu « bỏ nó đi » như thế nào, và phải dùng phương pháp nào để thực hiện việc đó ?

3. Khi công cuộc tập thể hóa và việc thủ tiêu cu-lắc về mặt giai cấp ngày càng giành được những thắng lợi quyết định, thì cái khẩu hiệu hiện đang quy định những mối quan hệ lẫn nhau giữa giai cấp vô sản với các tầng lớp nông dân : « Phải

biết liên minh với trung nông, không hề giây phút lơ là đấu tranh chống bọn cu-lắc, đồng thời chỉ dựa chắc vào nông dân nghèo thôi !»[32] (Lê-nin), có phải thay đổi đi không ?

4. Phải dùng phương pháp nào để thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp ?

5. Việc đồng thời thực hiện cả hai khẩu hiệu : một khẩu hiệu đối với những vùng hoàn toàn tập thể hóa — «thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp» — và một khẩu hiệu đối với những vùng chưa hoàn toàn tập thể hóa — «hạn chế và tước đoạt bọn cu-lắc» — phải chăng cuối cùng sẽ đi đến chỗ làm cho bọn cu-lắc tự tiêu diệt trong những vùng chưa hoàn toàn tập thể hóa (bằng cách phung phí, phân tán tài sản và tư liệu sản xuất của chúng) ?

6. Việc thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp và việc tăng cường cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta, cũng như cuộc khủng hoảng kinh tế và sự phát triển của làn sóng cách mạng trong các nước tư bản chủ nghĩa, có thể có ảnh hưởng gì đối với «thời kỳ hòa hoãn» ?

7. Về khả năng của cao trào cách mạng hiện nay trong các nước tư bản chủ nghĩa, có thể chuyển qua một tình hình trực tiếp cách mạng, thì ý kiến của đồng chí như thế nào ?

8. Công nhân nhiều xưởng máy quyết định toàn bộ cả từng xưởng một gia nhập đảng, thì đứng về phương diện quan hệ sau này giữa đảng với giai cấp công nhân, nên nhận định như thế nào đối với thái độ mới ấy trong giai cấp công nhân ?

9. Do việc phát triển to lớn của phong trào tập thể hóa, nên vấn đề mở rộng tổ chức của đảng ở nông thôn cũng được đặt ra trước mắt. Vậy thì về phạm vi mở rộng tổ chức và về việc kết nạp các bộ phận nông trang viên vào đảng, chính sách của chúng ta phải như thế nào ?

10. Quan điểm của đồng chí về cuộc tranh luận hiện nay giữa các nhà kinh tế học về những vấn đề trọng yếu nhất của khoa kinh tế chính trị như thế nào ?

II

CÁC CÂU TRẢ LỜI CỦA ĐỒNG CHÍ STA-LIN

Về câu hỏi thứ nhất. Lê-nin có nói đến hai giai cấp chủ yếu. Nhưng cố nhiên không phải là Lê-nin không biết đến sự tồn tại của giai cấp thứ ba, giai cấp tư bản (tức là bọn cu-lắc, bọn tư sản thành thị). Đương nhiên bọn cu-lắc và bọn tư sản thành thị không phải chỉ mới « phát triển » về mặt giai cấp từ khi thi hành Chính sách kinh tế mới. Chúng đã tồn tại trước khi có Chính sách kinh tế mới, nhưng chỉ là giai cấp *thứ yếu* mà thôi. Chính sách kinh tế mới, trong giai đoạn phát triển đầu tiên, đã làm cho giai cấp này dễ dàng lớn lên trong một chừng mực nào đó. Nhưng nó càng giúp cho khu vực xã hội chủ nghĩa lớn lên trong một mức độ rộng lớn hơn nhiều. Việc đảng chuyển sang bước tiến công trên khắp mặt trận đã làm thay đổi tình hình theo hướng hủy diệt và thủ tiêu giai cấp tư bản ở nông thôn và một phần bọn tư bản thành thị.

Để được rõ hơn, cần phải nói rằng đảng không hề có một chỉ thị nào nhằm đem khẩu hiệu thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp mà áp dụng rộng ra đối với giai cấp tư sản mới ở thành thị cả. Phải thấy được sự khác nhau giữa những người tư sản mới thành thị mà phần chủ yếu trong cơ sở sản xuất của họ đã bị tước bỏ từ lâu rồi, và do đó họ không còn có một thế lực quan trọng đáng kể nào nữa trong đời sống kinh tế của chúng ta, — với bọn cu-lắc mà mãi gần đây họ vẫn còn có một uy thế kinh tế cực kỳ lớn trong nước ta, và *chỉ đến nay* chúng ta mới tước đoạt cơ sở *sản xuất* của họ mà thôi.

Hình như một vài tổ chức đã quên mất sự khác nhau đó và đã phạm khuyết điểm là muốn lấy khẩu hiệu thủ tiêu giai cấp tư sản thành thị mà « bổ sung » cho khẩu hiệu thủ tiêu cu-lắc về mặt giai cấp.

Về câu hỏi thứ hai. Phải hiểu đoạn đó trong bài diễn văn của tôi đọc tại hội nghị các nhà nông học mác-xít, theo nghĩa

là «chúng ta sẽ bỏ Chính sách kinh tế mới đi» khi nào chúng ta không cần phải thừa nhận một sự tự do buôn bán nào đó nữa, khi nào sự tự do ấy chỉ có mang lại những hậu quả không tốt, khi nào chúng ta có thể tổ chức được những quan hệ kinh tế giữa thành thị và nông thôn bằng cách trao đổi sản phẩm mà không cần đến việc buôn bán của tư nhân và việc tư nhân tham gia trao đổi hàng hóa nữa, và không cần phải để cho chủ nghĩa tư bản do đó mà phục hồi lại một phần nào nữa.

Về câu hỏi thứ ba. Rõ ràng là đến chừng nào mà đại đa số các vùng ở Liên-xô đều được tập thể hóa, và khi nào bọn cu-lắc bị thủ tiêu đi rồi — thì cái phần đó trong khẩu hiệu của Lê-nin sẽ không thích ứng nữa. Còn về trung nông và nông dân nghèo các nông trang tập thể, thì họ sẽ hợp lại thành một bộ phận thuần nhất gồm những công nhân nông trang tập thể, và điều đó sẽ diễn biến dần dần theo mức độ cơ khí hóa và trang bị về máy kéo của các nông trang tập thể. Do đó, những khái niệm «trung nông» và «nông dân nghèo» sau này sẽ không còn trong những khẩu hiệu của chúng ta nữa.

Về câu hỏi thứ tư. Phương pháp cơ bản để thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp là phương pháp tập thể hóa. Tất cả những biện pháp khác đều phải thích ứng với phương pháp cơ bản đó. Tất cả những cái gì trái với phương pháp đó hay những cái gì có bản chất làm giảm nhẹ sự quan trọng của nó đi, thì phải gạt bỏ đi.

Về câu hỏi thứ năm. Không nên xem những khẩu hiệu «thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp» và «hạn chế bọn cu-lắc» là hai khẩu hiệu *độc lập* và *ngang nhau*. Khi chuyển sang chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp, thì khẩu hiệu này đã trở thành khẩu hiệu *chủ yếu*, còn khẩu hiệu hạn chế bọn cu-lắc trong những vùng chưa hoàn toàn tập thể hóa thì đã biến, từ chỗ là khẩu hiệu độc lập, thành khẩu hiệu *bổ trợ*, thành khẩu hiệu *bổ trợ* của khẩu hiệu chủ yếu, thành khẩu hiệu làm cho những vùng ấy dễ dàng chuẩn bị những điều kiện cần thiết để chuyển sang khẩu hiệu chủ yếu. Như thế,

rõ ràng là, trong những điều kiện mới hiện nay, tác dụng của khẩu hiệu « hạn chế cu-lắc » đã thay đổi về căn bản, so với tác dụng mà nó còn có cách đây một năm.

Cần phải nhận rằng, thật đáng tiếc là một số cơ quan báo chí của chúng ta đã không chú ý đến những đặc điểm đó.

Chắc cũng có thể xảy ra trường hợp là ở những xã chưa hoàn toàn tập thể hóa, thì một bộ phận cu-lắc, do nhìn thấy cái hướng xóa bỏ giai cấp cu-lắc « nên bản thân sẽ tự thủ tiêu » bằng cách « phung phí, phân tán tài sản và tư liệu sản xuất của chúng đi ». Đương nhiên là cần phải chống khuynh hướng ấy, nhưng quyết không thể do đó mà chúng ta được coi việc thủ tiêu cu-lắc như một quá trình phát triển độc lập đứng ngoài công cuộc tập thể hóa và có thể tiến hành trước khi tập thể hóa, cũng như có thể tiến hành mà không cần phải có tập thể hóa. Thừa nhận khuynh hướng ấy, tức có nghĩa là lấy chính sách phân chia tài sản tịch thu của bọn cu-lắc nhằm mục đích làm giàu cho một vài cá nhân nông dân mà thay cho chính sách dùng biện pháp nông trang tập thể để xã hội hóa các tài sản tịch thu đó. Thay thế như vậy là lùi chứ không phải là tiến. Chỉ có một biện pháp duy nhất để chống lại sự « phung phí, phân tán » tài sản của bọn cu-lắc, tức là tăng cường công tác tập thể hóa trong những vùng chưa hoàn toàn tập thể hóa.

Về câu hỏi thứ sáu. Những biện pháp và những điều kiện mà các đồng chí nêu lên *có thể* rút ngắn « thời kỳ hòa hoãn » lại rất nhiều nhưng nó *phải* tăng cường và nhất định tăng thêm gấp bội khả năng phòng thủ của chúng ta lên. Về vấn đề đó, có rất nhiều việc còn tùy ở tình hình quốc tế, ở sự phát triển của những mâu thuẫn đối kháng trong phe chủ nghĩa tư bản quốc tế và sự phát triển sau này của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Nhưng đó lại là một vấn đề khác.

Về câu hỏi thứ bảy. Không nên có sự phân cách gì lớn giữa « cao trào cách mạng » và « tình hình trực tiếp cách mạng ». Người ta không thể nói rằng : « Cho đến mức này thì chúng ta đang ở trong cao trào cách mạng, và khi vượt quá mức đó, thì chúng ta nhảy sang một tình hình trực tiếp cách mạng ».

Chỉ có bọn mọt sách mới có thể đặt vấn đề như vậy. Thường thường thì bước này chuyển sang bước kia « một cách không thể thấy được ». Nên nhiệm vụ là *ngay từ bây giờ* đã phải chuẩn bị cho giai cấp vô sản tiến hành những cuộc đấu tranh cách mạng quyết định, chứ *không chờ* đến lúc « *bước vào* » trong cái mà người ta gọi là tình hình trực tiếp cách mạng mới làm.

Về câu hỏi thứ tám. Toàn bộ công nhân từng xưởng máy một, và ngay cả đến toàn bộ công nhân từng nhà máy đều muốn được gia nhập trọn cả vào đảng ; đó là một dấu hiệu của cao trào cách mạng to lớn của hàng triệu người trong giai cấp công nhân, một dấu hiệu tỏ rằng chính sách của đảng là đúng, một dấu hiệu tỏ rằng quần chúng rộng rãi trong giai cấp công nhân công khai tán thành chính sách đó. Đương nhiên không phải do đó mà chúng ta phải thừa nhận vào đảng, tất cả những ai muốn gia nhập đảng. Trong xưởng máy và nhà máy có đủ mọi hạng người, ngay cả bọn phá hoại cũng có. Vì vậy, đảng cần phải giữ lấy phương pháp đã từng được kiểm nghiệm là xét đơn và kết nạp *từng người một* vào đảng. Chúng ta không nên chỉ chú trọng về số lượng, mà phải chú trọng cả về chất lượng nữa.

Về câu hỏi thứ chín. Đương nhiên là số lượng đảng viên trong các nông trang tập thể sẽ tăng lên khá nhiều. Tất nhiên là những phần tử nông trang viên đã được thử thách nhiều nhất trong cuộc đấu tranh chống cu-lắc, đặc biệt là những phần tử ưu tú trong hàng ngũ công nhân nông nghiệp và nông dân nghèo, sẽ có cơ hội phát huy lực lượng của mình trong đảng. Rõ ràng là việc xét từng trường hợp cá biệt và việc kết nạp từng người một vào đảng là điều tuyệt đối cần thiết.

Về câu hỏi thứ mười. Theo tôi, thì cuộc tranh luận giữa các nhà kinh tế học có rất nhiều tính chất kinh viện và hết sức cầu kỳ tế nhị. Khi lột bỏ cái màn che bề ngoài của cuộc tranh luận đó đi, thì những sai lầm chủ yếu của đôi bên đang tranh luận là như sau :

a) trong hai bên, không có bên nào vận dụng được đúng phương pháp đấu tranh trên hai mặt trận : vừa chống « chủ nghĩa Ru-bin » lại vừa chống « chủ nghĩa máy móc » ;[33]

b) cả hai bên đều không kể đến những vấn đề cơ bản của nền kinh tế xô-viết và của chủ nghĩa đế quốc thế giới, đều đã đi miên man vào những nghị luận giáo lý trừu tượng và do đó mà đã lãng phí mất hai năm vào việc nghiên cứu những đề mục trừu tượng, cố nhiên là có lợi cho kẻ thù của chúng ta.

Gửi các đồng chí lời chào cộng sản

J. Sta-lin

9 tháng Hai 1930

« Sự thật » số 40,
10 tháng Hai 1930

SAY SƯA VÌ THẮNG LỢI

Mấy vấn đề trong phong trào tập thể hóa nông nghiệp

Hiện nay, mọi người đều nói đến những thắng lợi của Chính quyền xô-viết trong phong trào tập thể hóa nông nghiệp. Ngay đến kẻ thù cũng buộc phải thừa nhận rằng chúng ta đã đạt được những thắng lợi quan trọng. Mà những thắng lợi ấy quả thật là to lớn.

Sự thật là đến ngày 20 tháng Hai năm nay, ở Liên-xô đã có 50% các trang trại nông-dân được tập thể hóa. Nghĩa là đến hôm 20 tháng Hai 1930, chúng ta đã *vượt* mức hơn hai lần kế hoạch năm năm về tập thể hóa.

Sự thật là đến hôm 28 tháng Hai năm nay, các nông trang tập thể *đã có thể* bỏ ra hơn 36 triệu tấn hạt giống cho vụ gieo giống mùa xuân, tức là hơn 90% kế hoạch, tức là vào khoảng 220 triệu pút. Cần phải thừa nhận rằng chỉ riêng trong các nông trang tập thể mà đã gom được 220 triệu pút hạt giống— sau khi kế hoạch thu mua lúa mì thành công — như thế quả là một thắng lợi vĩ đại.

Tất cả những sự thật đó chứng tỏ gì?

Chứng tỏ rằng *người ta có thể coi bước ngoặt căn bản của nông thôn tiến lên chủ nghĩa xã hội như đã được đảm bảo rồi.*

Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng những thắng lợi ấy có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất đối với vận mệnh của nước ta, đối với toàn thể giai cấp công nhân, lực lượng lãnh đạo ở nước ta, và cuối cùng là đối với ngay chính bản

thân đảng nữa. Theo tôi, ngoài những kết quả thực tiễn trước mắt, những thắng lợi ấy còn có một ý nghĩa rất to lớn đối với sinh hoạt nội bộ của chính ngay bản thân đảng, đối với việc giáo dục của đảng ta.

Những thắng lợi đó đã làm cho đảng ta vững tin ở lực lượng mình. Nó vũ trang cho giai cấp công nhân lòng tin vào thắng lợi của sự nghiệp chúng ta. Những thắng lợi ấy thu hút nhiều lực lượng dự trữ mới gồm hàng triệu người đi theo đảng ta.

Do đó, nhiệm vụ của đảng ta là : củng cố những thắng lợi đã đạt được và *lợi dụng* những thắng lợi đó một cách có phương pháp để chúng ta tiếp tục tiến tới nữa.

Nhưng những thắng lợi đó cũng có những mặt trái của nó, nhất là khi những thắng lợi đó đã đạt được tương đối dễ dàng hay có thể nói là « một cách bất ngờ ». Những thắng lợi như thế thường làm cho người ta có tâm lý tự phụ, tự kiêu : « Cái gì chúng ta cũng có thể làm được tất ! » « Nào ta có tốn công sức gì đâu ! » Theo tôi, những thắng lợi đó thường làm cho người ta say sưa, làm cho người ta choáng váng, làm cho người ta mất ý thức chừng mực, làm cho người ta không thể hiểu được thực tế, và khiến người ta có tâm lý đánh giá quá cao lực lượng của mình và đánh giá quá thấp lực lượng của đối phương, muốn thực hiện những mưu tính phiêu lưu để giải quyết « ngay trong nháy mắt » tất cả những vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người ta không còn lo lắng gì đến việc củng cố những thắng lợi đã đạt được và lợi dụng những thắng lợi đó một cách có phương pháp nhằm làm cho chúng ta tiếp tục tiến tới. Cần gì phải củng cố những thắng lợi đã đạt được, vì dù sao mặc lòng chúng ta cũng sẽ làm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn « ngay trong nháy mắt » : « Cái gì chúng ta cũng có thể làm được tất ! » « Nào ta có tốn công sức gì đâu ! »

Do đó nhiệm vụ của đảng là phải : tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết chống những xu hướng nguy hiểm và có hại cho sự nghiệp như thế, và xua đuổi những xu hướng đó ra khỏi đảng.

Ta không thể nói rằng những xu hướng nguy hiểm và có hại cho sự nghiệp như thế chỉ lan truyền chút ít trong hàng ngũ đảng ta thôi. Nhưng theo tôi, thì không phải vì thế mà trong đảng ta không có những xu hướng đó, và không có lý do gì để khẳng định rằng những xu hướng đó sẽ không trầm trọng thêm. Và nếu những xu hướng đó được quyền tồn tại trong nước ta, thì chắc chắn rằng phong trào tập thể hóa nhất định sẽ bị suy yếu đi nhiều và nguy cơ thất bại của phong trào đó có thể trở thành sự thật.

Do đó nhiệm vụ của báo chí chúng ta là phải : vạch trần một cách có hệ thống xu hướng chống lại đường lối Lê-nin như thế và những xu hướng tương tự khác.

Một vài sự việc.

1. Sở dĩ chính sách tập thể hóa nông nghiệp của chúng ta đạt được thắng lợi là vì chính sách ấy dựa trên *nguyên tắc tự nguyện gia nhập* phong trào nông trang tập thể và dựa trên *việc chú trọng đến những điều kiện khác nhau* trong các vùng khác nhau ở Liên-xô. Người ta không thể cưỡng bức gia nhập nông trang tập thể được. Vì như thế là ngu xuẩn và phản động. Phong trào nông trang tập thể phải được quần chúng nông dân cơ bản tích cực ủng hộ. Người ta không thể áp dụng một cách máy móc những hình thức nông trang tập thể của các vùng tiên tiến vào các vùng lạc hậu được. Vì làm như thế là ngu xuẩn và phản động. Một chính sách như thế sẽ làm tổn hại đến ngay cả tư tưởng tập thể hóa. Khi quy định nhịp độ và phương pháp xây dựng nông trang tập thể, cần phải chú ý đúng mức đến hoàn cảnh khác nhau trong những vùng khác nhau ở Liên-xô.

Trong phong trào tập thể hóa nông nghiệp, những vùng sản xuất ngũ cốc đã đi hàng đầu trong tất cả các vùng khác. Tại sao vậy ?

Trước hết, vì chính trong những vùng đó, chúng ta đã có một số lớn nông trường quốc doanh và nông trang tập thể vững chắc, nhờ đó mà nông dân đã có thể tin ở sức mạnh và ý nghĩa quan trọng của nền kỹ thuật mới, tin ở sức mạnh và ý nghĩa quan trọng của tổ chức mới, tập thể, trong kinh tế.

Thứ hai, vì những vùng đó đã có được hai năm kinh nghiệm đấu tranh chống bọn cu-lắc trong chiến dịch thu mua lúa mì, điều đó nhất định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào tập thể hóa.

Cuối cùng, vì trong những năm gần đây, các vùng đó vốn đã được cung cấp nhiều cán bộ xuất sắc hơn hết, điều động từ các trung tâm công nghiệp tới.

Người ta có thể nói được rằng những điều kiện đặc biệt thuận lợi như thế cũng có trong những vùng khác, chẳng hạn như trong những vùng tiêu thụ ở miền Bắc, hay trong những vùng thuộc các dân tộc còn lạc hậu, như vùng Tuốc-ke-stan hay không?

Không, người ta không thể nói như thế được.

Rõ ràng là việc chú trọng đến những điều kiện khác nhau trong những vùng khác nhau ở Liên-xô, cộng thêm nguyên tắc tự nguyện gia nhập, là một trong những tiền đề quan trọng nhất để làm cho phong trào nông trang tập thể được mạnh mẽ.

Nhưng ở nước ta đôi khi xảy ra như thế nào? Người ta có thể nói được rằng nguyên tắc tự nguyện gia nhập và việc chú trọng đến đặc tính của các địa phương đã không bị vi phạm trong một số địa phương nào đó không? Tiếc thay người ta không thể nói như thế được. Chẳng hạn, người ta biết rằng, trong nhiều địa phương ở phía Bắc, thuộc khu vực tiêu thụ, tương đối có ít điều kiện thuận lợi để tổ chức ngay các nông trang tập thể hơn là trong các miền trồng lúa mì, thì để *thay thế* cho công tác chuẩn bị tổ chức các nông trang tập thể, người ta thường hay dùng cách ban bố phong trào nông trang tập thể, bằng những mệnh lệnh quan liêu chủ nghĩa, bằng những nghị quyết có tính chất giấy tờ để phát triển nông trang tập thể và để tổ chức các nông trang chỉ có tên mà không tồn tại thực sự, nhưng người ta lại có vô số những nghị quyết khoác lác về «sự tồn tại» của các nông trang đó.

Hoặc giả chúng ta hãy lấy ví dụ một số vùng nào đó của xứ Tuốc-ke-stan là nơi có ít điều kiện thuận lợi để tổ chức ngay các nông trang tập thể hơn các vùng phía Bắc của khu vực

tiêu thụ. Chúng ta biết rằng trong nhiều vùng ở Tuốc-ke-stan, người ta đã toan « đuổi kịp và vượt » các vùng tiên tiến ở Liên-xô, bằng cách dùng quân đội để uy hiếp, bằng cách dọa không cung cấp nước nông giang và công nghiệp phẩm cho nông dân tạm thời chưa muốn gia nhập nông trang tập thể.

Giữa chính sách theo kiểu của hạ sĩ Pơ-ri-si-bê-ép đó với chính sách của đảng dựa vào nguyên tắc tự nguyện gia nhập và chú trọng đến những đặc điểm địa phương trong khi xây dựng các nông trang tập thể, có gì giống nhau không? Rõ ràng là giữa hai chính sách đó, không có và không thể có gì giống nhau cả.

Những sai lệch như thế, việc dùng mệnh lệnh quan liêu chủ nghĩa để ban bố phong trào nông trang tập thể như thế, những sự uy hiếp hèn hạ đối với nông dân như thế, có làm lợi cho ai không? Chẳng làm lợi cho ai cả, nếu không phải là chỉ làm lợi cho kẻ thù của chúng ta thôi.

Những sai lệch đó có thể đưa đến kết quả gì? Đưa đến chỗ tăng thêm sức mạnh cho kẻ thù của chúng ta và làm cho cuộc vận động tập thể hóa mất tín nhiệm.

Bọn gây ra những sai lệch đó và tự cho mình là những người « tả », thì thực ra đã nối giáo cho chủ nghĩa cơ hội hữu phái rồi, điều đó há chẳng rõ ràng hay sao?

2. Một trong những ưu điểm lớn nhất của chiến lược chính trị của đảng ta là: trong từng lúc nhất định, đảng biết chọn lấy *khâu chính* của phong trào và nắm vững khâu đó để rồi kéo toàn bộ dây xích tiến tới một mục tiêu chung duy nhất, nhằm giải quyết vấn đề. Hỏi người ta có thể nói được rằng trong hệ thống xây dựng các nông trạng tập thể, đảng đã chọn được khâu chính của phong trào nông trang tập thể chưa? Chọn được rồi, người ta có thể nói và phải nói như thế.

Khâu chính đó là gì?

Có lẽ là *tổ chức hợp tác cày cấy chung ruộng đất* chăng? Không phải. Những tổ chức lao động hợp tác cày cấy chung ruộng đất mà những tư liệu sản xuất chưa được tập thể hóa, tiêu biểu cho một giai đoạn đã qua của phong trào tập thể hóa.

Có lẽ là *công xã nông nghiệp* chăng? Không phải. Hiện nay công xã còn là một hiện tượng cá biệt trong phong trào nông trang tập thể. Hiện nay chưa có đầy đủ điều kiện để có thể thiết lập những công xã nông nghiệp làm hình thức *chủ yếu* được, hình thức mà trong đó không những phải công hữu hóa sản xuất, mà phải công hữu hóa cả sự phân phối nữa.

Hiện nay, khâu chính của phong trào nông trang tập thể, hình thức chủ yếu của nó mà ta cần phải nắm vững, là hình thức *ác-ten nông nghiệp*.

Trong *ác-ten nông nghiệp* những tư liệu sản xuất chính đã được tập thể hóa, nhất là những tư liệu sản xuất dùng vào việc trồng trọt ngũ cốc : sức lao động, quyền sử dụng ruộng đất, máy móc và những nông cụ khác, súc vật kéo xe cộ, vật liệu dùng vào chăn nuôi và kinh doanh. Trong ác-ten *không tập thể hóa* những đất đai sát bên nhà (vườn rau nhỏ, vườn nhỏ trồng cây ăn quả), nhà ở, một phần súc vật lấy sữa, gia súc nhỏ, gia cầm v.v.

Ác-ten là *khâu chủ yếu của phong trào nông trang tập thể*, vì nó là hình thức hợp lý nhất để có thể giải quyết được vấn đề ngũ cốc. Mà vấn đề ngũ cốc lại là *khâu chủ yếu trong toàn bộ hệ thống nông nghiệp*, vì nếu không giải quyết được vấn đề đó, thì không thể giải quyết được vấn đề chăn nuôi (súc vật lớn và nhỏ), cũng như không giải quyết được vấn đề ngành trồng cây công nghiệp và cây đặc biệt, là ngành cung cấp nguyên liệu chủ yếu cho công nghiệp. Vì vậy cho nên ác-ten nông nghiệp hiện nay là khâu chính trong hệ thống phong trào nông trang tập thể.

Chính « điều lệ mẫu » của các nông trang tập thể đã dựa trên cơ sở đó, điều lệ mà hiện nay văn bản chính thức đã được công bố *.

Các nhân viên công tác của đảng và của các cơ quan Xô-viết đều phải căn cứ vào điều lệ đó mà làm việc. Một trong những nhiệm vụ của họ là phải nghiên cứu kỹ và triệt để thực hành điều lệ đó.

---

* *Sự thật*, 2 tháng Ba 1930.

Phương châm hiện nay của đảng là như thế.

Có thể nói được rằng việc thực hành phương châm đó của đảng đã không bị vi phạm và làm sai lệch, hay không? Tiếc thay không thể nói như thế được. Người ta biết rằng trong nhiều vùng ở Liên-xô, mà cuộc đấu tranh cho sự tồn tại của các nông trang tập thể còn chưa chấm dứt và những ác-ten chưa được củng cố, thì có người lại toan vượt qua hình thức ác-ten mà chạy ngay sang hình thức công xã nông nghiệp. Ác-ten chưa được củng cố, mà người ta đã toan « tập thể hóa » nhà ở, gia súc nhỏ, gia cầm, thì việc « tập thể hóa » liền biến ngay thành những lời ban bố bằng những mệnh lệnh có tính chất giấy tờ và quan liêu chủ nghĩa, vì hiện nay chưa có đủ điều kiện khiến cho việc tập thể hóa đó trở nên tất yếu. Người ta tưởng rằng trong các nông trang tập thể, vấn đề ngũ cốc đã được giải quyết rồi, rằng vấn đề đó là thuộc về một giai đoạn đã qua rồi ; rằng hiện nay, nhiệm vụ căn bản không phải là giải quyết vấn đề ngũ cốc, mà là giải quyết vấn đề chăn nuôi súc vật và chăn nuôi gà vịt. Thử hỏi cái « công việc » có tính chất làm rối việc, công việc đem nhập cục vào một bị tất cả những hình thức tập thể hóa thì có lợi cho ai? Sự hấp tấp ngu dại và có hại đó sẽ làm lợi cho ai? Trong khi vấn đề ngũ cốc *chưa được giải quyết*, trong khi hình thức ác-ten của các nông trang tập thể *chưa được củng cố*, mà lại chọc tức người nông dân nông trang tập thể bằng cách đem « tập thể hóa » cả nhà ở, toàn bộ súc vật lấy sữa, toàn bộ gia súc nhỏ, gia cầm, — thì như vậy há chẳng rõ ràng là một « chính sách » chỉ có thể làm cho kẻ thù không đội trời chung của chúng ta hài lòng và có lợi hay sao?

Trong số những « người tập thể hóa » quá nhiệt tâm đó, còn có người đi đến chỗ ra lệnh cho ác-ten là « nội trong ba ngày phải thống kê toàn bộ gia súc của mỗi trại », phải lập ra chức vụ « chỉ huy » đặc biệt để chỉ huy công việc vào sổ sách và giám sát, phải « chiếm lấy những cương vị chủ chốt trong ác-ten », phải « lãnh đạo cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội mà không được rời bỏ chức vụ », và — cố nhiên là — phải nắm vững ác-ten trong tay.

Đó là cái gì vậy ? Đó là một chính sách lãnh đạo nông trang tập thể hay một chính sách *làm tan rã* và *làm mất tín nhiệm* nông trang tập thể ?

Đó là tôi chưa nói đến những « nhà cách mạng » kia, nếu có thể gọi họ như thế, những người mà, để tổ chức một ác-ten, thì *bắt đầu* bằng cách tháo bỏ các chuông nhà thờ đi. Tháo bỏ chuông nhà thờ, thử nghĩ xem, như thế thì thật là quá ư cách mạng !

Trong chúng ta, làm sao lại có thể xảy ra được những trò rối ren về « tập thể hóa » như thế, những mưu toan lố bịch là muốn vượt quá sức mình như thế, mưu toan nhằm mục đích không đếm xỉa gì đến các giai cấp và đấu tranh giai cấp, nhưng, trên thực tế, thì lại giúp đỡ cho kẻ thù giai cấp của chúng ta ?

Chỉ có trong bầu không khí thắng lợi « dễ dàng » và « bất ngờ » của chúng ta trên mặt trận xây dựng các nông trang tập thể, thì những mưu toan như thế mới có thể phát sinh ra được thôi.

Những mưu toan đó chỉ có thể phát sinh ra được là do những xu hướng làm rối việc biểu lộ ra trong hàng ngũ của một số tầng lớp trong đảng mà thôi : « Cái gì chúng ta cũng có thể làm được tất ! », « Nào chúng ta có tốn công sức gì đâu ! »

Những mưu toan đó chỉ có thể phát sinh ra là vì thắng lợi đã làm cho một số đồng chí chúng ta choáng váng, làm cho họ tạm thời mất trí sáng suốt và mất trí xét đoán sự việc.

Muốn sửa chữa lại đường lối công tác của chúng ta về mặt xây dựng nông trang tập thể, thì *cần phải chấm dứt những xu hướng đó đi.*

Hiện nay đó là một trong những nhiệm vụ trước mắt của đảng.

Nghệ thuật lãnh đạo là một việc hệ trọng. Không được chạy theo đuôi phong trào, vì nếu đi theo đuôi là tự tách rời khỏi quần chúng. Nhưng cũng không nên chạy quá nhanh, vì chạy quá nhanh thì sẽ mất liên hệ với quần chúng. Ai muốn lãnh đạo phong trào mà đồng thời vẫn duy trì được mối liên

hệ với đông đảo quần chúng, thì phải tiến hành đấu tranh trên hai mặt trận, phải vừa chống những người lạc hậu, vừa chống những kẻ chạy quá nhanh.

Đảng ta sở dĩ mạnh và vô địch, là vì khi lãnh đạo phong trào, đảng biết duy trì và tăng cường những liên hệ của mình với hàng triệu công nhân và nông dân.

« Sự thật », số 60,
2 tháng Ba 1930.
Ký tên : J. Sta-lin

THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ BE-DƯ-MEN-SKI

Đồng chí Be-dư-men-ski!

Tôi viết thư trả lời có chậm.

Tôi không phải là một nhà chuyên gia văn học và đương nhiên không phải là một nhà phê bình. Nhưng vì đồng chí khẩn khoản yêu cầu nên tôi có thể trình bày với đồng chí ý kiến riêng của tôi.

Tôi đã đọc cuốn *Phát súng* và cuốn *Một ngày của cuộc sống của chúng ta*. Chẳng có gì là « tiểu tư sản », là « chống đảng » trong các tác phẩm đó cả. Có thể coi cả hai cuốn đó, đặc biệt là cuốn *Phát súng*, đều là những mẫu mực của nền nghệ thuật vô sản cách mạng trong thời gian hiện tại.

Thực thà mà nói, trong hai tác phẩm đó còn sót một số tàn tích của chủ nghĩa tiên phong thanh niên cộng sản. Đọc các tác phẩm đó, những độc giả thiếu kinh nghiệm trường đời thậm chí có thể tưởng rằng không phải đảng sửa chữa những sai lầm của thanh niên, mà là ngược lại. Nhưng khuyết điểm này không phải là nét cơ bản, không phải là tư tưởng cơ bản của những tác phẩm đó. Tư tưởng cơ bản của những tác phẩm này là ở chỗ đã nêu bật được vấn đề khuyết điểm của những cơ quan chúng ta, và ở niềm tin tưởng sâu sắc vào khả năng có thể sửa chữa được những khuyết điểm đó. Đó là nét chủ yếu cả trong *Phát súng* lẫn trong *Một ngày*

của cuộc sống của chúng ta. Ưu điểm chủ yếu của những tác phẩm đó cũng là ở đấy. Và ưu điểm này đã bù lại vượt mức và hoàn toàn đẩy lùi những khuyết điểm nhỏ bé của các tác phẩm đó. Và những khuyết điểm đó, theo tôi, đã thuộc về quá khứ.

Lời chào cộng sản,

J. Sta-lin

Ngày 19 tháng Ba 1930

In lần đầu tiên.

TRẢ LỜI CÁC ĐỒNG CHÍ NÔNG TRANG VIÊN

Qua các báo chí người ta được biết rằng bài báo « Say sưa vì thắng lợi » của Sta-lin và nghị quyết mà ai nấy đều biết của Ban Chấp hành trung ương « *Về cuộc đấu tranh chống những hành vi sai lệch đường lối của đảng trong cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp* »[34], đã có nhiều tiếng vang trong hàng ngũ những người thực hành cuộc vận động đó. Về vấn đề này, gần đây, tôi đã nhận được rất nhiều thư của các đồng chí nông trang viên yêu cầu tôi trả lời những câu hỏi nêu lên trong các bức thư đó. Đáng lẽ tôi phải trả lời riêng từng bức thư một. Nhưng tiếc thay tôi không thể làm như thế được, vì quá nửa số thư mà tôi nhận được lại không có địa chỉ của người viết (các đồng chí đó đã quên không cho biết địa chỉ). Thế mà những câu hỏi nêu lên trong các bức thư đó lại có một ý nghĩa chính trị rộng lớn đối với tất cả các đồng chí chúng ta. Hơn nữa, tôi cũng không thể không trả lời các đồng chí đã quên không cho tôi biết địa chỉ. Như vậy, tôi buộc phải rút ở trong các bức thư đó ra tất cả những vấn đề cần thiết, mà trả lời một cách công khai trên báo chí cho các đồng chí nông trang viên. Tôi càng vui lòng làm việc này vì Ban Chấp hành trung ương đã có quyết định rõ ràng về điểm đó rồi.

Câu hỏi thứ nhất. Gốc rễ của những sai lầm trong vấn đề nông dân là ở chỗ nào ?

Trả lời. Là ở cách đối xử sai lầm đối với trung nông. Là người ta đã dùng bạo lực trong các quan hệ kinh tế đối với trung nông. Là quên rằng liên minh kinh tế với quần chúng trung nông không phải là dựa trên những biện pháp cưỡng

bách mà là dựa trên một sự thỏa thuận với trung nông, dựa trên sự liên minh với họ. Là quên rằng lúc này, cuộc vận động nông trang tập thể phải dựa trên cơ sở giai cấp công nhân và nông dân nghèo liên minh với trung nông để chống lại chủ nghĩa tư bản, nói chung, và chống lại bọn cu-lắc, nói riêng.

Chừng nào mà cuộc tấn công chống bọn cu-lắc được tiến hành thành một mặt trận thống nhất với trung nông, thì mọi việc đều tốt đẹp. Nhưng khi mà một số các đồng chí chúng ta, say sưa vì thắng lợi, đã vô tình đi chệch từ con đường tấn công bọn cu-lắc sang con đường đấu tranh chống lại trung nông ; khi mà, chạy theo tỷ lệ tập thể hóa cao, họ đã dùng bạo lực đối với trung nông, tước quyền bầu cử của trung nông, tước quyền sở hữu tài sản của trung nông, — thì khi đó cuộc tấn công đã đi chệch hướng, mặt trận thống nhất với trung nông liền bị phá hoại, và tất nhiên là bọn cu-lắc lại có thể mưu toan ngóc đầu dậy.

Người ta đã quên rằng bạo lực, tuy là điều cần thiết và có ích trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù giai cấp của chúng ta, nhưng lại là điều không thể dung nạp được và có hại, nếu dùng nó để chống lại trung nông là bạn đồng minh của chúng ta.

Người ta quên rằng tấn công bằng kỵ binh là cần thiết và có ích để giải quyết những vấn đề quân sự, nhưng nếu dùng nó để giải quyết vấn đề xây dựng nông trang tập thể thì không có giá trị gì cả mà còn có hại nữa, vì xây dựng nông trang tập thể thì phải liên minh với trung nông.

Đó là gốc rễ của những sai lầm trong vấn đề nông dân.

Lê-nin đã nói về những quan hệ kinh tế với trung nông như sau :

« Trước hết, ta phải nhận rõ chân lý này là, ở đây mà dùng những phương pháp bạo lực, thì không thể đạt được gì cả. Ở đây, nhiệm vụ kinh tế biểu hiện ra hoàn toàn khác hẳn. Ở đây, không có cái chóp nào để người ta có thể cắt bỏ đi, mà cứ giữ y nguyên tất cả nền móng, tất cả ngôi nhà được... Cái chóp ở thành thị là bọn tư bản, thì trong trường hợp này, không còn nữa. Trong trường hợp này mà *dùng bạo lực thì sẽ làm nguy hại đến toàn bộ sự*

nghiệp... Không có cái gì ngu độn hơn là chính ngay cái ý nghĩ dùng bạo lực trong những quan hệ kinh tế của trung nông» (xem tập XXIV, tr. 168) *.

Lê-nin còn nói :

«*Không thể có gì nguy hại hơn là dùng bạo lực đối với trung nông*. Trung nông là một tầng lớp đông đảo, có đến hàng triệu người. Ngay cả ở châu Âu, nơi mà không ở đâu trung nông lại chiếm tới một lực lượng như vậy, nơi mà kỹ thuật và văn hóa, đời sống thành thị, đường sắt đã được phát triển một cách phi thường, nơi mà người ta dễ dàng nghĩ đến việc dùng bạo lực đối với trung nông, cũng chưa bao giờ có một người nào, có một người xã hội chủ nghĩa nào có tinh thần cách mạng vào bậc nhất mà lại chủ trương dùng những biện pháp bạo lực đối với trung nông cả» *(như trên, tr. 167)* **.

Tôi thiết nghĩ, điều đó đã rõ ràng.

Câu hỏi thứ hai. Những sai lầm chủ yếu trong cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp là những sai lầm gì ?

Trả lời. Ít nhất là có ba sai lầm chủ yếu sau đây :

1) Khi thành lập các nông trang tập thể, người ta đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện gia nhập do Lê-nin đề ra. Khi thành lập các nông trang tập thể, người ta đã vi phạm những chỉ thị cơ bản của đảng và điều lệ mẫu của ác-ten nông nghiệp nói về nguyên tắc tự nguyện gia nhập.

Chủ nghĩa Lê-nin dạy rằng cần phải hướng dẫn nông dân đi theo con đường kinh tế tập thể, bằng cách nắm vững nguyên tắc tự nguyện gia nhập, bằng cách thuyết phục họ thấy rõ kinh tế chung, tập thể là ưu việt hơn kinh tế cá thể. Chủ nghĩa Lê-nin dạy rằng chúng ta chỉ có thể thuyết phục được cho nông dân thấy rõ tính ưu việt của kinh tế tập thể. nếu chúng ta dùng kinh nghiệm và thực tế mà *chỉ rõ* và *chứng minh* cho họ thấy rằng nông trang tập thể là tốt hơn và có lợi hơn lối kinh doanh cá thể ; nông trang tập thể có thể làm

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 29, tr. 187, 188. *(B.T.)*

** Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 29, tr. 187. *(B.T.)*

cho nông dân, nông dân nghèo và trung nông, thoát khỏi cảnh thiếu thốn và nghèo khổ. Chủ nghĩa Lê-nin dạy rằng nếu thiếu những điều kiện đó, thì nông trang tập thể không thể vững chắc được. Chủ nghĩa Lê-nin dạy rằng mọi mưu toan hòng dùng bạo lực để ép buộc nông dân đi theo kinh tế tập thể, hòng dùng cưỡng bức để thành lập nông trang tập thể, chỉ có thể mang lại những hậu quả không tốt, chỉ có thể đẩy nông dân lánh xa cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp mà thôi.

Thật vậy, nguyên tắc cơ bản đó càng được tuân theo thì cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp càng đạt nhiều thành công. Nhưng một số đồng chí chúng ta, say sưa vì thắng lợi, đã coi thường nguyên tắc đó, đã tỏ ra quá vội vàng và vì chạy theo một tỷ lệ tập thể hóa cao, nên đã dùng cưỡng bách để xây dựng nông trang tập thể. Không lấy gì làm lạ là một « chính sách » như thế tất nhiên phải mang lại ngay những hậu quả không tốt. Những nông trang tập thể đã mọc lên quá nhanh, thì cũng đã tan biến nhanh như lúc nó nảy nở, vì vậy một bộ phận nông dân, hôm qua còn rất tín nhiệm các nông trang tập thể, thì ngày nay đã lánh xa nông trang tập thể.

Đó là sai lầm đầu tiên và chủ yếu đã mắc phải trong cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp.

Lê-nin đã nói đến nguyên tắc tự nguyện gia nhập phong trào thành lập nông trang tập thể như sau :

« Hiện nay, nhiệm vụ của chúng ta là phải chuyển sang lối canh tác *chung* ruộng đất, sang lối kinh doanh tập thể *lớn*. Nhưng Chính quyền xô-viết không thể dùng biện pháp cưỡng bách nào trong việc đó cả ; không có một đạo luật nào bắt buộc phải làm như thế cả. *Công xã* nông nghiệp được thiết lập lên *một cách tự nguyện*, việc chuyển sang lối canh tác *chung* ruộng đất chỉ có thể thực hiện được do tinh thần *tự nguyện* mà thôi ; về mặt này, chính phủ công nông không hề dùng một biện pháp cưỡng bách nào ; pháp luật cấm chỉ việc đó. Nếu người nào trong các đồng chí thấy có những thủ đoạn cưỡng bách như thế, thì các đồng chí phải biết

rằng đó là một sự hà lạm, đó là một sự vi phạm luật pháp, mà chúng ta phải hết sức chú trọng sửa chữa, và chúng ta sẽ sửa chữa được* » (xem tập XXIV, tr. 43)**.

Lê-nin lại nói :

« Chính chỉ khi nào chúng ta lấy thực tế *chứng minh* được cho nông dân thấy rằng lối canh tác chung, tập thể, canh tác bằng tập đoàn hợp tác, bằng ác-ten là có lợi hơn ; chỉ khi nào chúng ta giúp đỡ được nông dân canh tác ruộng đất bằng tập đoàn hợp tác, bằng ác-ten, chỉ khi đó thì giai cấp công nhân, nắm chính quyền Nhà nước trong tay, mới thật sự chứng tỏ cho nông dân thấy rằng mình có lý, mới thật sự thu hút được đông đảo quần chúng nông dân đi theo mình một cách lâu dài và có hiệu quả. Vì thế nên người ta không thể đánh giá quá cao bất cứ biện pháp nào nhằm khuyến khích việc canh tác bằng tập đoàn hợp tác, bằng ác-ten được.

Chúng ta có hàng triệu nông hộ đơn lẻ, phân tán và rải rác ở sâu trong những vùng nông thôn hẻo lánh... Khi nào chúng ta đã *lấy kinh nghiệm*, mà nông dân có thể tiếp thu được, để *chứng minh một cách thực tế* rằng bước chuyển sang nền nông nghiệp dựa trên cơ sở tập đoàn hợp tác và ác-ten là cần thiết và có thể thực hiện được, thì chỉ khi đó chúng ta mới sẽ có quyền nói rằng trong một nước nông dân rộng lớn như nước Nga, chúng ta đã tiến được một bước quan trọng trên con đường nông nghiệp xã hội chủ nghĩa*** » (xem tập XXIV, tr. 579-580)****

Cuối cùng, trong tác phẩm của Lê-nin lại có đoạn viết :

« Khi khuyến khích bất kỳ một loại tập đoàn hợp tác nào, cũng như khi khuyến khích những công xã nông nghiệp của trung nông, thì các đại biểu của Chính quyền xô-viết không được *cưỡng bách một chút nào cả*, lúc thành lập lên những tập đoàn đó. Chỉ có những tập đoàn hợp tác do tự bản thân nông dân tự nguyện thiết lập lên và đã được chính họ chứng nghiệm trong thực tế là có lợi, thì mới có giá trị. *Vội vàng quá độ trong công việc này là có hại*, vì vội vàng như thế chỉ có thể càng làm cho trung nông thêm thành

---

* Do tôi viết ngả. *J.Sta-lin.*

** Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 29, tr. 26-27. *(B.T.)*

*** Do tôi viết ngả. *J.Sta-lin.*

**** Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 30, tr. 173-174. *(B.T.)*

kiến đối với những cái mới. Đối với những đại biểu nào của chính quyền xô-viết mà dùng lối cưỡng bức không những trực tiếp mà ngay cả gián tiếp nữa, để đưa nông dân vào các công xã, thì những đại biểu ấy phải chịu những hình phạt nghiêm khắc nhất và không được tham gia công tác nông thôn nữa*» (xem tập XXIV, tr. 174)**.

Tôi thiết nghĩ, như thế thật đã rõ ràng.

Chẳng cần chứng minh cũng hiểu rằng đảng sẽ hết sức nghiêm ngặt áp dụng những chỉ thị đó của Lê-nin.

2) Người ta đã vi phạm nguyên tắc do Lê-nin đề ra là khi thành lập các nông trang tập thể thì phải kể đến những điều kiện khác nhau trong các vùng khác nhau ở Liên-xô. Người ta đã quên rằng ở Liên-xô có nhiều vùng rất khác nhau, với một cơ cấu kinh tế và một trình độ văn hóa khác nhau. Người ta đã quên rằng trong số các vùng đó có những vùng tiến bộ, vùng trung bình và vùng lạc hậu. Người ta đã quên rằng nhịp độ phát triển của cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp và những phương pháp xây dựng nông trang tập thể trong các vùng đó *không thể giống nhau* được, và chính những vùng này cũng không hề giống nhau.

Lê-nin nói :

« Chúng ta sẽ phạm sai lầm, nếu cứ đơn giản rập theo một khuôn mà ra sắc lệnh cho tất cả những vùng ở Nga, nếu những người bôn-sê-vích cộng sản chủ nghĩa, những nhân viên công tác ở cơ quan xô-viết ở U-cơ-ren và ở vùng sông Đôn cứ áp dụng một cách phổ biến những sắc lệnh đó vào các vùng khác mà không có phân biệt gì cả, áp dụng đồng loạt »... vì « chúng ta không hề bị bó buộc phải theo một khuôn mẫu nhất luật nào cả, chúng ta không quyết định vĩnh viễn rằng kinh nghiệm của chúng ta, kinh nghiệm của nước Nga trung tâm, có thể hoàn toàn áp dụng được cho tất cả các vùng ngoại vi nước Nga » (xem tập XXIV, tr. 125-126) ***.

---

* Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

** Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 29, tr. 194. *(B.T.)*

*** Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư ,tập 29. tr. 138. *(B.T.)*

Lê-nin còn nói rằng :

« Áp dụng một biện pháp chung cho cả miền trung tâm nước Nga, lẫn U-cơ-ren, lẫn Xi-bi-ri, là rất ngu xuẩn » (xem tập XXVI, tr. 243) *.

Sau hết, Lê-nin còn đề ra cho những người cộng sản ở Cáp-ca-dơ nhiệm vụ là :

« Phải nhận rõ *đặc tính riêng của hoàn cảnh của họ, của hoàn cảnh các nước Cộng hòa của họ, hoàn cảnh này khác với hoàn cảnh và điều kiện của nước Cộng hòa liên bang xô-viết Nga, nhận rõ sự cần thiết không được rập khuôn theo sách lược của chúng ta, mà phải thay đổi nó đi, sau khi đã suy nghĩ kỹ càng và chú ý đến những điều kiện cụ thể hết sức khác nhau* » (xem tập XXVI, tr. 191) **.

Tôi thiết tưởng nói thế là rõ ràng rồi.

Theo đúng những chỉ thị đó của Lê-nin, Ban Chấp hành trung ương đảng ta, trong nghị quyết của mình *Về nhịp độ tập thể hóa nông nghiệp* (xem báo *Sự thật*, ngày 6 tháng Giêng 1930 [35]), đã chiếu theo tiêu chuẩn nhịp độ tập thể hóa mà chia các vùng ở Liên-xô ra làm ba bộ phận : miền Bắc Cáp-ca-dơ, miền trung lưu và hạ lưu sông Vôn-ga thì đến mùa xuân năm 1931 là có thể đã làm xong về căn bản công cuộc tập thể hóa nông nghiệp ; những vùng ngũ cốc khác (U-cơ-ren, vùng trung tâm miền Đất đen, xứ Xi-bi-ri, miền U-ran, xứ Ca-dắc-stan, v.v.) thì đến mùa xuân 1932 là có thể làm xong về căn bản công cuộc tập thể hóa ; còn những vùng khác thì có thể kéo dài quá trình tập thể hóa cho đến hết thời kỳ kế hoạch năm năm, tức là cho đến hết năm 1933.

Nhưng sự thực thì thế nào? Sự thực là một số đồng chí chúng ta vì say sưa với những kết quả đầu tiên của phong trào hợp tác hóa nên đã quên bẵng hẳn chỉ thị của Lê-nin và nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương. Vùng Mạc-tư-khoa, vì điên cuồng chạy theo tỷ số quá cao về tập thể hóa, nên đã

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 32, tr. 198. *(B.T.)*

** Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 32, tr. 295. *(B.T.)*

hướng cán bộ của mình tiến tới hoàn thành công cuộc tập thể hóa vào mùa xuân 1930, mặc dầu đã có một thời hạn ít nhất là ba năm (tức là hết năm 1932) để làm việc đó. Vùng trung tâm miền Đất đen, vì không muốn « thua các vùng khác », cũng đã hướng cán bộ của mình tiến tới hoàn thành công cuộc tập thể hóa vào 6 tháng đầu năm 1930, mặc dầu đã có một thời hạn ít nhất là hai năm (tức là hết năm 1931) để làm việc đó. Và các đồng chí vùng Nam Cáp-ca-dơ và vùng Tuốc-ke-stan thì vì hăng hái muốn « đuổi kịp và vượt » các vùng tiên tiến nên đã hướng tới hoàn thành công cuộc tập thể hóa trong một « thời hạn ngắn nhất », mặc dầu đã được một thời hạn là 4 năm chẵn (tức là đến cuối năm 1933) để làm việc đó.

Dĩ nhiên là với một « nhịp độ » phát triển tập thể hóa điên cuồng như vậy, thì những vùng ít được chuẩn bị hơn trong cuộc vận động tập thể hóa, cũng muốn « vượt » những vùng được chuẩn bị chu đáo hơn, nên buộc phải dùng một áp lực hành chính mãnh liệt, bằng cách cố dùng nhiệt tình hành chính của chính mình mà bù đắp vào chỗ mình thiếu những nhân tố làm tăng tốc độ công cuộc tập thể hóa. Kết quả ra sao, thì ai nấy đều biết cả. Mọi người đều biết tình trạng hỗn độn do đó đã xảy ra trong các vùng ấy và đã phải cần đến Ban Chấp hành trung ương can thiệp thì mới gỡ ra được.

Đó là sai lầm thứ hai trong cuộc tập thể hóa nông nghiệp.

3) Người ta đã vi phạm nguyên tắc của Lê-nin là trong việc thành lập các nông trang tập thể thì không được vượt qua hình thức chưa hoàn toàn thành hình của cuộc vận động. Người ta đã vi phạm nguyên tắc này của Lê-nin là : không được vượt quá trình độ phát triển của quần chúng, không được dùng mệnh lệnh để ban bố cuộc vận động quần chúng, không được xa rời quần chúng, mà phải cùng vận động với quần chúng và làm cho quần chúng tiến lên, bằng cách dẫn họ tới khẩu hiệu của chúng ta và làm cho họ, do kinh nghiệm bản thân, mà dễ dàng tin rằng các khẩu hiệu của chúng ta là đúng.

Lê-nin nói :

« Khi giai cấp vô sản Pê-tơ-rô-gơ-rát và binh sĩ đóng ở Pê-tơ-rô-gơ-rát đã giành được chính quyền, thì họ đều hoàn toàn biết rằng công cuộc xây dựng ở nông thôn sẽ gặp nhiều khó khăn lớn ; rằng ở đấy, cần phải tiến một cách tuần tự hơn ; rằng ở đấy, muốn *áp dụng chế độ cày chung ruộng đất* mà lại *dùng pháp lệnh* và luật lệ *thì thật là cực kỳ ngu dại* ; rằng chỉ mới có một số rất ít nông dân giác ngộ là có thể tán thành chế độ ấy, còn tuyệt đại đa số nông dân thì đã không hề đặt ra vấn đề đó. Bởi vậy, chúng ta chỉ cần chú ý đến điều tuyệt đối cần thiết cho sự phát triển của cách mạng là : bất kỳ trong trường hợp nào cũng không được *vượt quá trình độ phát triển của quần chúng* mà phải đợi cho có một phong trào tiến lên nảy sinh ra từ kinh nghiệm bản thân của quần chúng đó, từ cuộc đấu tranh của chính họ »* (xem tập XXIII, tr. 252)**.

Xuất phát từ những chỉ thị đó của Lê-nin, Ban Chấp hành trung ương, như mọi người đều biết, đã nhận định trong nghị quyết của mình *Về nhịp độ tập thể hóa nông nghiệp* (xem *Sự thật*, ngày 6 tháng Giêng 1930) rằng :

a) hình thức chủ yếu của cuộc vận động tập thể hóa lúc này là ác-ten nông nghiệp ;

b) cho nên, cần phải lập một điều lệ mẫu cho ác-ten nông nghiệp, coi đó là hình thức chủ yếu của cuộc vận động tập thể hóa ;

c) trong công tác thực tiễn của chúng ta, quyết không thể ngồi trên mà « ban bố » cuộc vận động tập thể hóa được và không thể coi « cuộc vận động tập thể hóa là một trò đùa được ».

Nghĩa là hiện nay chúng ta không được hướng tới công xã, mà phải hướng tới ác-ten nông nghiệp, coi đó là hình thức chủ yếu để xây dựng nông trang tập thể ; nghĩa là người ta không thể vượt qua ác-ten nông nghiệp mà tiến thẳng tới công xã được, người ta không thể lấy việc « ban bố » nông trang tập

---

* Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

** Xem V. I. Lê-nin : ***Toàn tập***, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 121. *(B.T.)*

thể, lấy « trò chơi nông trang tập thể » để thay cho phong trào quần chúng nông dân tiến tới nông trang tập thể được.

Tôi thiết tưởng điều đó cũng đã rõ ràng rồi.

Nhưng sự thực thì thế nào? Sự thực là một số đồng chí chúng ta, say sưa vì những thắng lợi đầu tiên của cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp, đã quên những chỉ thị của Lê-nin và nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương. Đáng lẽ phải tổ chức một phong trào quần chúng ủng hộ ác-ten nông nghiệp, thì các đồng chí đó lại đưa nông dân cá thể « chuyển » thẳng đến thực hành điều lệ công xã. Đáng lẽ phải củng cố hình thức ác-ten của phong trào, thì các đồng chí đó lại dùng lối cưỡng bức mà « tập thể hóa » cả gia cầm, gia súc lấy sữa không dùng để bán ở thị trường, và nhà ở.

Kết quả của sự vội vàng không thể thừa nhận được đó đối với một người lê-nin-nít, hiện nay mọi người đều đã thấy rõ. Đương nhiên là, nói chung, người ta đã không lập được những công xã vững chắc. Mà trái lại, người ta lại đã mất đi khá nhiều ác-ten nông nghiệp. Thật ra thì những nghị quyết « tốt đẹp » hãy còn đó. Nhưng những nghị quyết đó, thì dùng để làm gì bây giờ?

Đó là sai lầm thứ ba trong phong trào tập thể hóa.

Câu hỏi thứ ba. Những sai lầm đó do đâu mà sinh ra, và đảng phải sửa chữa sai lầm đó như thế nào?

Trả lời. Những sai lầm đó là do thắng lợi mau chóng của chúng ta về mặt tập thể hóa mà nảy sinh ra. Đôi khi thắng lợi làm cho chúng ta choáng váng. Thường thường những thắng lợi đó gây nên tính tự phụ và tự cao quá đáng. Điều đó, những đại biểu của đảng đang nắm giữ chính quyền rất dễ mắc phải. Nhất là đối với một đảng như đảng ta mà lực lượng và quyền hành rất rộng lớn. Ở đấy, rất có thể phát sinh ra nhiều biểu hiện của tính kiêu căng cộng sản, mà Lê-nin đã từng kịch liệt đả phá. Ở đấy, rất có thể xảy ra tình trạng là người ta sẽ tin rằng dùng pháp lệnh, nghị quyết và mệnh lệnh thì có thể giải quyết được mọi việc. Ở đấy, rõ ràng có một nguy cơ là những biện pháp cách mạng của đảng đã bị một vài đại biểu của đảng biến thành một lời tuyên bố suông

bằng hàng loạt mệnh lệnh quan liêu, trên một nơi nào đó trong đất nước rộng lớn của chúng ta. Tôi muốn nói cả các cán bộ địa phương, lẫn một số cán bộ lãnh đạo các tổ chức ở tỉnh và thậm chí cả một số ủy viên Ban Chấp hành trung ương nữa.

Lê-nin nói :

« Bệnh kiêu căng cộng sản là hiện tượng của một người đảng viên cộng sản chưa bị khai trừ ra khỏi đảng, tưởng rằng cứ dùng những pháp lệnh cộng sản chủ nghĩa là có thể làm tròn được tất cả mọi nhiệm vụ của mình » (xem tập XXVII, tr. 50-51)*

Chính do đó mà đã nảy sinh ra những sai lầm trong cuộc vận động tập thể hóa, những hành vi sai lệch đường lối của đảng trong công cuộc xây dựng nông trang tập thể.

Nếu những sai lầm ấy và những hành vi sai lệch ấy, sau này cứ tiếp tục mãi, nếu nó không được thanh toán nhanh chóng và triệt để, thì có thể đưa đến nguy cơ như thế nào ?

Nguy cơ trong trường hợp này là ở chỗ những sai lầm ấy sẽ trực tiếp dẫn chúng ta đến chỗ làm cho phong trào tập thể hóa nông nghiệp mất tín nhiệm, đến tình trạng bất hòa với trung nông, đến tình trạng tan rã trong nông dân nghèo, đến tình trạng hỗn loạn trong hàng ngũ của chúng ta, đến chỗ làm suy yếu toàn bộ công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của chúng ta, đến chỗ phục hồi lại bọn cu-lắc.

Nói tóm lại, những sai lầm ấy đang đẩy chúng ta ra khỏi con đường củng cố liên minh với quần chúng nông dân cơ bản, ra khỏi con đường củng cố chuyên chính vô sản, mà đi vào con đường đoạn tuyệt với các quần chúng đó, vào con đường của một chính sách phá hoại chuyên chính vô sản.

Nguy cơ đó đã xuất hiện từ nửa sau tháng Hai, ngay lúc mà một bộ phận đồng chí chúng ta bị những thắng lợi trước kia làm mù quáng, đã ba chân bốn cẳng chạy xa khỏi con đường của Lê-nin. Ban Chấp hành trung ương đã đánh giá được nguy cơ đó, nên đã cấp tốc ủy thác cho Sta-lin cảnh

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 54. *(B.T.)*

cáo những đồng chí đã quá chủ quan, trong một bài báo đặc biệt nói về phong trào nông trang tập thể. Có người cho rằng bài báo « Say sưa vì thắng lợi » là do sáng kiến cá nhân của Sta-lin. Điều đó cố nhiên là vô lý. Ở nước ta, Ban Chấp hành trung ương tồn tại tuyệt không phải là để cho một cá nhân nào, bất cứ là ai, được tự do hành động trong việc này. Đó là một công trình nghiên cứu của Ban Chấp hành trung ương. Khi những sai lầm phạm phải đã xuất hiện một cách sâu sắc và rộng lớn, thì Ban Chấp hành trung ương kiên quyết chống lại ngay, với tất cả quyền hành của mình, bằng cách công bố nghị quyết nổi tiếng của mình ngày 15 tháng Ba 1930.

Ngăn cản cuộc chạy đua điên cuồng của những người đang nhắm mắt lao đầu xuống vực thẳm và đưa họ vào con đường đúng là một việc khó khăn. Nhưng Ban Chấp hành trung ương của chúng ta xứng đáng là Ban Chấp hành trung ương của đảng Lê-nin, chính vì nó biết vượt qua những khó khăn to lớn khác thường. Và những khó khăn đó đã được vượt qua về căn bản.

Trong trường hợp như thế, trọn từng đội ngũ của đảng đang đà chạy nhanh, thì khó mà ngừng ngay lại được, để kịp thời đi vào con đường đúng và chấn chỉnh lại hàng ngũ mình ngay trong khi đang chạy. Nhưng đảng ta được gọi là đảng của Lê-nin, chính là vì nó đủ mềm dẻo để vượt qua những khó khăn như thế. Và về căn bản, nó đã vượt qua được những khó khăn ấy rồi.

Điểm chủ yếu ở đây, là phải tỏ ra dũng cảm, là phải thừa nhận những sai lầm của mình và phải tự mình ra sức sửa chữa những sai lầm đó một cách nhanh chóng. Sợ phải thừa nhận những sai lầm của mình, sau khi say sưa với những thắng lợi vừa qua, sợ phải tự phê bình, từ chối không chịu sửa chữa sai lầm của mình một cách nhanh chóng và kiên quyết, — đó là khó khăn chủ yếu. Chỉ cần khắc phục khó khăn đó, chỉ cần vứt bỏ hẳn lề thói ra chỉ thị quá nhiều và bệnh quan liêu giấy tờ cực độ, chỉ cần hết sức chú ý đến những nhiệm vụ kinh tế và tổ chức của các nông trang tập thể, thì những sai lầm ấy sẽ mất hết không còn dấu vết gì nữa. Không hề có

một lý do nào để nghi ngờ rằng, về căn bản, đảng ta chưa vượt qua được bước khó khăn nguy hiểm đó. Lê-nin nói :

« Xưa nay, tất cả các đảng cách mạng nào mà đã tiêu vong, thì sở dĩ đã bị tiêu vong là vì đã bị *tính tự phụ* lôi cuốn, đã không thấy được sức mạnh của mình là ở chỗ nào, *và sợ nói đến những nhược điểm của mình*. Nhưng chúng ta sẽ không bị tiêu vong, vì chúng ta không sợ nói đến những nhược điểm của chúng ta, vì chúng ta sẽ biết cách vượt qua những khó khăn đó »* (xem tập XXVII, tr. 260-261) **.

Chúng ta không thể quên những lời nói đó của Lê-nin.

Câu hỏi thứ tư. Đấu tranh chống những hành vi sai lệch đường lối của đảng có phải là một bước thụt lùi không ?

Trả lời. Hiển nhiên là không! Chỉ có những kẻ cho rằng tiếp tục phạm những sai lầm và những hành vi sai lệch đó là một cuộc tấn công, và cho rằng đấu tranh chống những sai lầm đó là một bước thụt lùi, thì mới có thể nói như thế được. Tấn công bằng cách tích lũy những sai lầm và những hành vi sai lệch, thì đó thật là một cuộc « tấn công » đẹp đẽ làm sao!

Chúng ta đưa ra ác-ten nông nghiệp, coi đó là hình thức căn bản của phong trào tập thể hóa trong lúc này, và chúng ta đã định ra một điều lệ mẫu để làm kim chỉ nam cho việc thành lập những nông trang tập thể. Chúng ta thụt lùi ở điểm đó chăng ? Hiển nhiên là không!

Về mặt sản xuất, chúng ta đã đưa ra việc củng cố liên minh của giai cấp công nhân và tầng lớp nông dân nghèo với trung nông, coi đó là cơ sở cho phong trào tập thể hóa trong thời gian hiện nay. Chúng ta thụt lùi ở điểm này chăng ? Hiển nhiên là không!

Chúng ta đã đưa ra khẩu hiệu thủ tiêu cu-lắc về mặt giai cấp, coi đó là khẩu hiệu chủ yếu trong công tác thực tế của chúng ta ở nông thôn trong thời gian hiện nay. Chúng ta thụt lùi ở điểm này chăng ? Hiển nhiên là không!

---

* Do tôi viết ngả. J.Sta-lin.

** Xem V. I. Lê-nin : Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 278. (B.T.)

Ngay từ tháng Giêng 1930, chúng ta đã định cho việc tập thể hóa nông nghiệp ở Liên-xô một tốc độ nhất định, và chúng ta đã chia các vùng trong nước thành những khu vực nhất định và đề ra cho mỗi khu vực đó một tốc độ riêng. Chúng ta thụt lùi ở điểm này chăng? Hiển nhiên là không!

Vậy thì các đồng chí thấy đảng « thụt lùi » ở chỗ nào?

Chúng ta muốn rằng những người đã phạm những sai lầm và lệch lạc đó hãy từ bỏ những sai lầm của mình đi. Chúng ta muốn rằng những kẻ làm rối việc hãy từ bỏ những cách làm rối việc của mình đi và hãy trở về lập trường của chủ nghĩa Lê-nin. Chúng ta muốn như thế, vì rằng chỉ với điều kiện đó, người ta mới có thể tiếp tục tấn công *thực sự* chống kẻ thù giai cấp của chúng ta được. Như thế có phải là chúng ta đã lùi không? Cố nhiên là không! Điều đó chỉ có nghĩa là chúng ta muốn tiến hành một cuộc tấn công *thực sự*, chứ không phải là tấn công trò đùa, theo lối những kẻ làm rối việc.

Há chẳng rõ ràng là chỉ có những kẻ lập dị và những kẻ muốn làm bộ quá « tả » mới có thể coi lập trường đó của đảng là một sự thụt lùi hay sao?

Những kẻ hay ba hoa về bước thụt lùi, ít nhất là đã không hiểu hai điều sau đây:

a) Họ không hiểu những quy luật tấn công. Họ không hiểu rằng một cuộc tấn công mà *không củng cố* những vị trí đã chiếm được, thì đó chỉ là một cuộc tấn công vô ích mà thôi.

Trong lĩnh vực quân sự, chẳng hạn, thì khi nào một cuộc tấn công có thể thành công được? Khi mà người ta không phải chỉ chú ý tiến lên một loạt, mà đồng thời còn ra sức *củng cố* những vị trí đã chiếm được, ra sức *chấn chỉnh* lại lực lượng mình tùy theo tình hình thay đổi, ra sức giữ *liên lạc* với hậu phương, thu thập quân dự trữ. Làm như thế để làm gì? Để phòng trước những sự bất ngờ, để bít những lỗ hổng mà không một cuộc tấn công nào tránh khỏi, và do đó mà chuẩn bị để hoàn toàn tiêu diệt kẻ thù. Chỉ đứng về mặt quân sự mà nói, thì khuyết điểm của quân đội Ba-lan hồi 1920, chính là đã coi thường quy luật đó. Đó là một trong những nguyên nhân tại sao sau khi đại quân tiến thẳng đến

Ki-ép, thì lại phải quay cả về Vác-xô-vi. Chỉ nói về mặt quân sự, thì khuyết điểm của quân đội xô-viết hồi 1920, khi tấn công vào Vác-xô-vi, là đã phạm lại khuyết điểm của quân đội Ba-lan.

Nói về quy luật tấn công trên mặt trận đấu tranh giai cấp thì cũng thế. Người ta không thể tiến hành thành công được một cuộc tấn công nhằm thủ tiêu kẻ thù giai cấp, nếu không *củng cố* những vị trí đã chiếm được, *nếu không chấn chỉnh lại* lực lượng của mình nếu không đảm bảo có *dự trữ* cho mặt trận, nếu không có liên lạc với *hậu phương*, v.v.

Sự thật là những kẻ làm rối việc không hiểu được các quy luật tấn công. Sự thật là đảng đã hiểu và áp dụng được những quy luật đó.

b) Họ không hiểu được bản chất giai cấp của cuộc tấn công. Họ tuyên bố tấn công. Nhưng tấn công giai cấp *nào* và liên minh với giai cấp *nào* kia chứ? Chúng ta liên minh với trung nông để tấn công những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, vì chỉ có một cuộc tấn công như thế mới có thể làm cho chúng ta đạt được thắng lợi. Nhưng nếu vì một số đội ngũ của đảng quá hăng mà làm cho cuộc tấn công đó bắt đầu đi lệch con đường đúng đắn và chĩa mũi nhọn tấn công vào đồng minh của chúng ta, vào trung nông, thì làm thế nào? Phải chăng là chúng ta cần có một cuộc tấn công *nói chung*, chứ không phải là liên minh với một giai cấp nhất định mà tấn công một giai cấp nhất định? Khi đánh chiếc cối xay gió, chính Đông Ki-sốt cũng tưởng rằng mình tấn công kẻ thù, nhưng mọi người đều biết rằng ông ta đã bị vỡ đầu trong cuộc tấn công đó, nếu có thể gọi đó là tấn công.

Rõ ràng là những thắng lợi vẻ vang của Đông Ki-sốt đã đến ám ảnh giấc ngủ những người quá «tả» của chúng ta.

Câu hỏi thứ năm. Nguy cơ chủ yếu ở nước ta là nguy cơ nào, là nguy cơ hữu khuynh hay nguy cơ «tả» khuynh?

Trả lời. Nguy cơ chủ yếu ở nước ta hiện nay là nguy cơ hữu khuynh. Nguy cơ hữu khuynh đã từng là và hiện vẫn là nguy cơ chủ yếu. Quan điểm đó có trái với luận điểm, mà mọi người đều biết, của nghị quyết của Ban Chấp hành trung

ương ngày 15 tháng Ba 1930, cho rằng những khuyết điểm và hành vi sai lệch của những người quá « tả » hiện nay là điều cản trở chủ yếu đối với phong trào tập thể hóa nông nghiệp không? Không, nó không trái với luận điểm đó. Sự thật là, về mặt vận động tập thể hóa nông nghiệp, khuyết điểm của những người quá « tả » to lớn đến nỗi nó đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường và củng cố xu hướng hữu khuynh trong đảng. Tại sao vậy? Vì rằng những khuyết điểm đó làm cho người ta hiểu lầm đường lối của đảng, nghĩa là những khuyết điểm đó làm cho đảng ta dễ mất tín nhiệm, và do đó tạo điều kiện dễ dàng cho những phần tử hữu khuynh đấu tranh chống lại sự lãnh đạo của đảng. Làm cho sự lãnh đạo của đảng mất tín nhiệm là tạo cơ hội tốt nhất để cho bọn cầm đầu xu hướng hữu khuynh có thể nổi dậy đấu tranh chống lại đảng. Cơ hội đó, chính bọn quá « tả », do sai lầm và lệch lạc của mình, đã đưa đến cho bọn hữu khuynh. Cho nên, để đấu tranh thắng lợi chống phái cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh thì cần phải thắng những sai lầm của bọn cơ hội chủ nghĩa « tả khuynh ». Khách quan mà nói, thì bọn quá « tả » là đồng minh của bọn gây ra xu hướng hữu khuynh.

Đó là mối liên quan đặc biệt giữa phái cơ hội chủ nghĩa « tả » khuynh và phái cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh.

Chính do mối liên quan đó nên mới có hiện tượng là một số « người tả phái » thường hay nói đến khối liên minh với bọn hữu khuynh. Và chính cũng do đó mà có hiện tượng kỳ lạ là một bộ phận bọn « tả phái », hôm qua còn đang « dẫn đầu » cuộc tấn công điên cuồng của chúng và toan tập thể hóa toàn Liên-xô trong vài ba tuần lễ, thì hôm nay đã có thái độ tiêu cực thất vọng và hoàn toàn bỏ mặc chiến trường cho bọn gây ra xu hướng hữu khuynh, và như vậy là đã thực sự rút lui (không dấu ngoặc kép!) trước giai cấp cu-lắc.

Đặc điểm của tình hình hiện nay là, đối với chúng ta, đấu tranh chống những sai lầm của bọn quá « tả » là điều kiện và là một hình thức độc đáo để đấu tranh thắng lợi chống chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

Câu hỏi thứ sáu. Tại sao một bộ phận nông dân lại rút ra khỏi nông trang tập thể?

Trả lời. Một bộ phận nông dân rút ra khỏi nông trang tập thể có nghĩa là, trong thời gian gần đây, ở nước ta có một số nông trang tập thể không được vững chắc lắm, hiện đang thanh trừ những phần tử dao động. Điều đó có nghĩa là, những nông trang tập thể hữu danh vô thực sẽ tan vỡ, còn những nông trang vững chắc sẽ tồn tại và được củng cố. Tôi nghĩ rằng đó là một hiện tượng rất bình thường. Song tình trạng đó lại làm cho một số đồng chí đâm ra thất vọng, sợ hãi và cứ bo bo bám lấy tỷ lệ tập thể hóa cao. Một số khác thì có ác ý mà lấy làm thích thú và nói trước rằng phong trào tập thể hóa nông nghiệp sẽ « thất bại » Tất cả các đồng chí đó đều hết sức sai lầm. Tất cả các đồng chí đó còn xa mới hiểu bản chất của phong trào tập thể hóa được như những người mác-xít.

Trước hết, tất cả những người đã rời bỏ nông trang là những kẻ mà người ta gọi là những linh hồn chết. Nói đúng ra, đó cũng không phải hẳn là họ rời bỏ, mà chỉ chứng tỏ là họ có mặt cũng như không. Chúng ta có cần có những linh hồn chết đó không? Hiển nhiên là không! Tôi cho rằng việc những người dân miền Bắc Cáp-ca-dơ và những người U-cơ-ren giải tán các nông trang đầy rẫy những linh hồn chết và tổ chức ra những nông trang thật sự có sức sống và thật sự vững chắc, như thế là hoàn toàn đúng. Làm như thế thì chỉ có lợi cho phong trào nông trang tập thể mà thôi.

Thứ hai là, những kẻ rời bỏ nông trang là những phần tử vu vơ, thật sự cừu địch với sự nghiệp của chúng ta. Rõ ràng là càng đuổi cổ những phần tử đó sớm ngày nào, thì càng có lợi cho phong trào tập thể hóa ngày ấy.

Cuối cùng là, những kẻ rời bỏ nông trang là những phần tử dao động mà người ta không thể coi là những phần tử vu vơ cũng như không thể coi là những linh hồn chết được. Đó chính là những người nông dân mà, *ngày nay*, chúng ta chưa thuyết phục được cho họ nhận rõ công cuộc của chúng ta là đúng, nhưng *ngày mai* đây, nhất định chúng ta sẽ thuyết

phục được họ. Những người nông dân đó ra khỏi nông trang, điều đó tuy là một tổn thất tạm thời nhưng là một tổn thất lớn cho phong trào tập thể hóa. Vì vậy việc tranh thủ những phần tử dao động trong nông trang tập thể là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhất hiện nay của phong trào tập thể hóa.

Do đó, thấy rằng một bộ phận nông dân rút khỏi nông trang tập thể không phải chỉ là một hiện tượng có tính chất tiêu cực. Do đó, cũng thấy rằng nếu vì họ rút khỏi nông trang mà nông trang thanh thải được những linh hồn chết và những phần tử rõ ràng là vu vơ xa lạ với nông trang, thì việc rút lui đó là một quá trình hữu ích để kiện toàn và củng cố nông trang tập thể.

Cách đây một tháng, người ta ước lượng rằng trong các vùng ngũ cốc của chúng ta đã có hơn 60% trang trại đã được tập thể hóa. Nhưng rõ ràng là bây giờ nếu muốn nói đến những nông trang tập thể có thật và hơi vững chắc một chút, thì con số đó thật là quá đáng. Sau khi một bộ phận nông dân đã rút ra khỏi nông trang tập thể mà phong trào tập thể hóa nông nghiệp được ổn định ở con số 40% được tập thể hóa trong các vùng ngũ cốc, — và điều đó chắc chắn là có thể thực hiện được, — thì hiện nay, như thế sẽ là một thắng lợi to lớn cho phong trào tập thể hóa nông nghiệp rồi. Tôi chỉ lấy mức trung bình đối với các vùng ngũ cốc, vì biết rằng ở nước ta có những vùng *hoàn toàn* tập thể hóa đã đạt tới tỷ lệ 80%, 90%. Tỷ lệ tập thể hóa là 40% trong các vùng ngũ cốc, điều đó có nghĩa là đến mùa xuân năm 1930, thì chúng ta sẽ hoàn thành vượt mức *gấp đôi* kế hoạch năm năm lần thứ nhất về tập thể hóa.

Ai dám phủ nhận tính chất *quyết định* của thắng lợi *lịch sử* đó trong sự phát triển xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô ?

Câu hỏi thứ bảy. Những nông dân dao động đã ra khỏi nông trang tập thể, như thế có đúng không ?

Trả lời. Không, họ đã hành động sai. Rời bỏ nông trang tập thể là họ đã đi ngược lại lợi ích bản thân của họ, vì chỉ có nông trang tập thể mới làm cho họ thoát khỏi cảnh bần

cùng, dốt nát. Rời bỏ nông trang tập thể, họ sẽ lâm vào một tình trạng hết sức khốn đốn, vì họ không hưởng được những sự dễ dàng và thuận lợi mà Chính quyền xô-viết đã đem lại cho nông trang tập thể. Không nên vin vào những sai lầm và lệch lạc đã phạm phải trong các nông trang tập thể mà rời bỏ nông trang. Sai lầm, thì cần phải ở lại trong nông trang tập thể để cùng chung sức sửa chữa. Những sai lầm đó càng dễ dàng sửa chữa được, khi Chính quyền xô-viết sẽ dưa toàn lực ra chống lại những sai lầm đó.

Lê-nin nói :

« Trong chế độ sản xuất hàng hóa thì chế độ kinh doanh quy mô nhỏ *không thể nào* giải phóng được nhân loại, giải phóng được quần chúng ra khỏi cảnh khốn cùng và sự áp bức » (xem tập XX, tr. 122) *.

Lê-nin nói :

« Với nền kinh doanh quy mô nhỏ thì không thể thoát khỏi cảnh bần cùng được » (xem tập XXIV, tr. 540) **.

Lê-nin nói :

« Nếu chúng ta cứ tự giam mình như xưa trong những doanh nghiệp nhỏ bé, thì dù chúng ta có là những công dân tự do trên ruộng đất tự do đi nữa, thì chúng ta cũng vẫn không tránh khỏi nguy cơ là chắc chắn bị tiêu diệt » (xem tập XX, tr. 417) ***.

Lê-nin nói:

« Chỉ có lao động chung, lao động bằng ác-ten, lao động bằng tập đoàn hợp tác, thì chúng ta mới thoát khỏi con đường bế tắc mà chiến tranh đế quốc chủ nghĩa đã dồn chúng ta vào » (xem tập XXIV, tr. 537) ****.

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 24, tr. 51. (*B.T.*)

** Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 30, tr. 127. (*B.T.*)

*** Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 24, tr. 465. (*B.T.*)

**** Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập:* tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 30, tr. 123. (*B.T.*)

Lê-nin nói :

« Cần phải chuyển sang lối canh tác tập thể trên các nông trang kiểu mẫu lớn, nếu không thì sẽ không thể thoát khỏi tình trạng suy sụp, tình trạng thật là nguy khốn hiện nay của nước Nga » (xem tập XX, tr. 418)*.

Tất cả những lời nói đó có nghĩa gì ?

Có nghĩa là nông trang tập thể là phương sách *duy nhất* khiến nông dân có thể thoát khỏi cảnh bần cùng và dốt nát.

Rõ ràng là những nông dân nào mà rời bỏ nông trang tập thể, là hành động không đúng.

Lê-nin nói :

« Qua toàn bộ sự hoạt động của Chính quyền xô-viết, dĩ nhiên là tất cả các đồng chí đều biết rằng, chúng ta đã *hết sức coi trọng* ** đến như thế nào các công xã, các ác-ten và, nói chung, tất cả các tổ chức nhằm cải biến, nhằm góp phần dần dần cải biến nền tiểu kinh tế nông dân cá thể thành một nền kinh tế tập thể, canh tác bằng tập đoàn hợp tác hay bằng ác-ten » (xem tập XIV, tr. 579)***.

Lê-nin nói :

« Chính quyền xô-viết rõ ràng đã *ưu đãi* các công xã và tập đoàn hợp tác mà nó đã đặt lên hàng đầu » (xem tập XXIII, tr. 399) ****.

Điều đó nghĩa là thế nào ?

Điều đó có nghĩa là Chính quyền xô-viết sẽ cho nông trang tập thể được hưởng nhiều điều dễ dàng và thuận lợi hơn là các kinh doanh cá thể. Nghĩa là Chính quyền xô-viết sẽ cho các nông trang tập thể hưởng nhiều điều dễ dàng về mặt phân phối ruộng đất, cung cấp máy móc, máy kéo, hạt giống lúa mì v.v., và về phương diện giảm thuế cũng như cho vay vốn.

Tại sao Chính quyền xô-viết lại cho các nông trang tập thể hưởng nhiều điều dễ dàng và thuận lợi như thế ?

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 24, tr. 466. *(B.T.)*

** Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

*** Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 30, tr. 173. *(B.T.)*

**** Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 286. *(B.T.)*

Vì nông trang tập thể là phương sách duy nhất để giải thoát nông dân khỏi cảnh bần cùng.

Vì cho các nông trang tập thể hưởng nhiều thuận lợi là cách giúp đỡ có hiệu quả nhất đối với bần nông và trung nông.

Gần đây, Chính quyền xô-viết đã quyết định *miễn* mọi thứ thuế *trong hai năm*, đối với tất cả những súc vật dùng để canh tác (ngựa, bò, v.v.) đã được tập thể hóa trong các nông trang tập thể, đối với tất cả những bò lấy sữa, lợn cừu và gia súc, bất cứ là những gia súc đó thuộc quyền sở hữu chung của nông trang tập thể hay thuộc quyền sở hữu cá nhân của các nông trang viên.

Ngoài ra, Chính quyền xô-viết cũng đã quyết định *gia hạn* cho các nông trang viên đến cuối năm mới phải trả những món nợ của quỹ tín dụng và *bãi bỏ* tất cả những tiền phạt và các lệ phạt đã quyết định, trước ngày 1 tháng Tư, đối với các nông trang viên.

Cuối cùng, Chính quyền xô-viết đã quyết định là trong năm nay, nhất định sẽ cho các nông trang tập thể vay 500 triệu rúp.

Những điều dễ dàng đó sẽ giúp đỡ cho các nông dân nông trang viên. Những điều dễ dàng đó sẽ giúp đỡ cho những nông dân nông trang tập thể nào cương quyết không rút khỏi nông trang tập thể, đã được tôi luyện trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù của nông trang tập thể, đã biết bảo vệ nông trang tập thể và giữ vững lá cờ vĩ đại của phong trào tập thể hóa nông nghiệp. Những điều dễ dàng đó sẽ giúp đỡ cho các nông trang viên, bần nông và trung nông, hiện nay đang làm nòng cốt trong nông trang tập thể của chúng ta, sẽ củng cố và gắn chặt các nông trang tập thể của chúng ta và sẽ thu hút hàng triệu và hàng triệu nông dân đi theo chủ nghĩa xã hội. Những điều dễ dàng đó sẽ giúp đỡ cho các nông dân nông trang tập thể, hiện nay là cán bộ chủ chốt của nông trang tập thể và hoàn toàn xứng đáng được mệnh danh là những anh hùng của phong trào tập thể hóa.

Những nông dân đã ra khỏi nông trang tập thể sẽ *không được hưởng* những điều dễ dàng đó.

Rõ ràng là những nông dân nào mà ra khỏi nông trang tập thể là đã phạm sai lầm.

Rõ ràng là họ chỉ có thể được hưởng những điều dễ dàng đó, khi nào họ trở về nông trang tập thể.

Câu hỏi thứ tám. Đối với công xã, thì nên làm như thế nào, có nên giải tán đi không?

Trả lời. Không, không nên một tý nào, không có lý do nào mà lại giải tán đi được. Tôi muốn nói đến những công xã thật sự, chứ không phải những công xã chỉ có trên giấy tờ. Ở Liên-xô, trong những vùng ngũ cốc, có nhiều công xã tốt đáng được khuyến khích và ủng hộ. Tôi muốn nói đến những công xã cũ đã đứng vững trong những năm đầy thử thách và đã được tôi luyện trong đấu tranh, do đó mà hoàn toàn có đầy đủ lý do để tồn tại. Không nên giải tán những công xã đó, mà phải đem biến thành những ác-ten.

Thành lập và quản lý được các công xã là một việc phức tạp và khó khăn. Các công xã lớn vững chắc chỉ có thể tồn tại và phát triển được, nếu có đủ cán bộ đầy kinh nghiệm và những người lãnh đạo đã được thử thách. Nếu chuyển vội vàng từ hình thức ác-ten sang hình thức công xã, thì chỉ có thể đẩy nông dân rời khỏi phong trào tập thể hóa mà thôi. Vì vậy cần phải tiến hành việc đó một cách đặc biệt thận trọng, và không hề được vội vàng. Ác-ten là một hình thức dễ dàng hơn và dễ tiếp nhận hơn đối với quảng đại quần chúng nông dân. Vì vậy hiện nay, ác-ten là hình thức phổ biến nhất của phong trào tập thể hóa. Chỉ có dần dần tăng cường và củng cố các ác-ten nông nghiệp thì mới có thể tạo điều kiện thuận tiện cho nông dân tổ chức thành phong trào quần chúng tiến tới công xã được. Nhưng việc đó không thể làm sớm được. Vì vậy công xã, tức là hình thức cao, thì chỉ sau này, mới có thể trở thành khâu chính của phong trào tập thể hóa mà thôi.

Câu hỏi thứ chín. Đối với bọn cu-lắc, nên như thế nào?

Trả lời. Cho tới nay, chúng ta chỉ nói đến trung nông. Trung nông là đồng minh của giai cấp công nhân, và chính sách của chúng ta đối với họ là phải thân ái. Nhưng đối với cu-lắc thì lại khác. Cu-lắc là kẻ thù của chính quyền xô-viết. Có chúng, thì chúng ta không có và không thể có hòa bình

được. Chính sách của chúng ta đối với cu-lắc là chính sách thủ tiêu bọn đó về mặt giai cấp. Điều đó dĩ nhiên không có nghĩa là chúng ta có thể thủ tiêu cu-lắc ngay một lúc mà xong được. Mà điều đó có nghĩa là chúng ta sẽ tiến hành làm sao để bao vây và thủ tiêu chúng đi.

Đối với cu-lắc, Lê-nin đã từng nói như sau :

« Bọn cu-lắc là những kẻ bóc lột độc ác nhất, tàn bạo nhất và dã man nhất ; lịch sử các nước khác đã chứng thực rằng chúng đã nhiều lần khôi phục lại chính quyền của bọn địa chủ, bọn Nga hoàng, bọn giáo chủ và bọn tư bản. Bọn cu-lắc đông hơn bọn đại địa chủ và tư bản. Tuy nhiên chúng chỉ là một thiểu số trong nhân dân... Trong chiến tranh, bọn uống máu đó đã làm giàu trên sự nghèo khổ của nhân dân, chúng đã vét bạc vạn bạc triệu, bằng cách tăng giá lúa mì và các sản phẩm khác. Bọn rắn độc đó đã trở nên giàu sụ trên lưng nông dân bị chiến tranh làm phá sản và trên lưng công nhân đói khổ. Người công nhân trong các thành phố và nhà máy càng đói khổ, thì những con đỉa đó càng hút được nhiều máu của người lao động và càng giàu thêm. Loài hút máu đó đã từng và hiện đang chiếm đoạt những đất đai phong kiến, chúng vẫn đang tiếp tục nô dịch mãi nông dân nghèo » (xem tập XXIII, tr. 206-207) *.

Áp dụng một chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn uống máu đó, của bọn rắn độc và bọn hút máu đó là chúng ta đã dung thứ cho chúng. Chúng ta đã dung thứ cho chúng, vì trước kia chúng ta không có gì để thay thế cho những cơ sở kinh tế của cu-lắc, thay thế cho nền sản xuất của cu-lắc cả. Bây giờ chúng ta đã có khả năng thay thế một cách có lợi, kinh tế của chúng bằng kinh tế nông trang tập thể của chúng ta và bằng các nông trường quốc doanh của chúng ta. Hiện nay không có một lý do nào để có thể dung thứ cho bọn rắn độc và bọn uống máu đó lâu hơn nữa. Dung thứ lâu hơn nữa cho bọn rắn độc đó, bọn uống máu đó, bọn đã đốt phá nông trang tập thể, ám sát những chiến sĩ nông trang tập thể và tìm cách phá hoại những vụ gieo giống, tức là làm trái với lợi ích của công nhân và nông dân.

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 39. *(B.T.)*

Cho nên chính sách thủ tiêu giai cấp cu-lắc phải được áp dụng với tất cả tinh thần ráo riết và tinh thần triệt để vốn có của những người bôn-sê-vích.

Câu hỏi thứ mười. Nhiệm vụ thực tiễn trước mắt của các nông trang tập thể là gì?

Trả lời. Nhiệm vụ thực tiễn trước mắt của các nông trang tập thể là đấu tranh để thực hiện những vụ gieo giống, để mở rộng đến mức tối đa diện tích gieo giống, để tổ chức tốt những vụ gieo giống.

Hiện nay tất cả những nhiệm vụ khác của nông trang tập thể đều phải phù hợp với nhiệm vụ gieo giống.

Hiện nay tất cả những công tác khác của nông trang tập thể đều phải tùy theo công tác tổ chức gieo giống.

Điều đó có nghĩa là không thể căn cứ trên những nghị quyết ồn ào và những bài diễn văn khoa trương mà kiểm nghiệm xem nông trang tập thể và lớp cán bộ tích cực ngoài đảng của nó có được vững vàng hay không, xem các người lãnh đạo nông trang tập thể và nòng cốt bôn-sê-vích của các nông trang đó có được những khả năng gì, mà phải căn cứ vào thực tế, vào việc tổ chức tốt các vụ gieo giống.

Nhưng muốn làm tròn được nhiệm vụ thực tiễn đó một cách vẻ vang, thì cần phải hướng cho cán bộ nông trang tập thể chú trọng đến các vấn đề *kinh tế* trong việc tổ chức nông trang tập thể, chú trọng đến những vấn đề thuộc cơ cấu *bên trong* của các nông trang đó.

Cho đến trong thời gian gần đây, cán bộ nông trang vẫn chỉ quan tâm chủ yếu đến việc chạy theo những con số tập thể hóa cao, chứ không muốn thấy chỗ khác nhau giữa tập thể hóa thật sự và tập thể hóa trên giấy tờ. Bây giờ cần phải gạt bỏ cái tâm lý say mê những con số đó đi. Bây giờ cán bộ nông trang phải tập trung chú ý vào việc củng cố các nông trang tập thể, vào việc làm cho cơ cấu các nông trang được *hoàn thiện*, và vào việc *tổ chức* công tác thực tiễn trong các nông trang tập thể.

Cho đến thời gian gần đây, cán bộ nông trang tập thể vẫn chỉ chú ý đến việc tổ chức ra các đơn vị tập thể, đến việc

tổ chức ra những cái mà người ta gọi là « những cái khổng lồ », « những cái khổng lồ » đó thường hay biến thành những cơ quan quan liêu cồng kềnh không có gốc rễ kinh tế trong các thôn xóm. Thành thử công tác hình thức bề ngoài lại đã choán mất công tác thực tế. Bây giờ, cần phải đoạn tuyệt với tâm lý ham chuộng hình thức bề ngoài đó đi. Bây giờ cán bộ phải chú ý đến công tác kinh tế và công tác tổ chức trong các nông trang tập thể ở thôn xóm. Khi công tác đó đã có kết quả rồi, thì « những cái khổng lồ » tự nó sẽ xuất hiện.

Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa quan tâm đầy đủ đến việc lôi kéo trung nông vào công tác quản trị các nông trang tập thể. Thế mà trong số trung nông đó lại có những người cày ruộng giỏi, họ có thể thành những chiến sĩ nông nghiệp xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng nông trang tập thể. Hiện nay cần phải bổ cứu chỗ thiếu sót đó trong công tác của chúng ta. Nhiệm vụ hiện nay là phải thu hút bộ phận ưu tú trong từng lớp trung nông vào công tác quản trị nông trang tập thể, là phải để cho họ phát triển khả năng của mình trong lãnh vực đó.

Cho đến thời gian gần đây, người ta vẫn chưa chú ý đầy đủ đến công tác trong phụ nữ nông dân. Thời kỳ vừa qua đã chứng minh rằng công tác phụ nữ nông dân, ở nước ta, là nhược điểm lớn nhất trong hoạt động của chúng ta. Vì vậy hiện nay cần phải kiên quyết và dứt khoát thanh toán nhược điểm đó.

Cho đến thời gian gần đây, những người cộng sản trong nhiều vùng đã cho rằng họ có thể tự mình giải quyết được tất cả những vấn đề liên quan đến việc xây dựng các nông trang tập thể. Xuất phát từ quan điểm đó, họ vẫn chưa quan tâm đầy đủ đến sự cần thiết phải thu hút những người ngoài đảng vào công tác phụ trách trong các nông trang tập thể, đến việc cần thiết phải đưa những người ngoài đảng vào công tác quản trị, phải tổ chức một đội ngũ rộng lớn gồm các chiến sĩ tích cực ngoài đảng. Lịch sử đảng ta đã chứng minh— và thời kỳ vừa qua của việc thành lập các nông trang tập thể đã chứng minh một lần nữa — rằng một lập trường như

thế là căn bản sai lầm. Nếu những người cộng sản tự thu mình vào trong vỏ ốc, nếu họ tự cô lập với những người ngoài đảng bằng một bức tường, thì họ sẽ làm tổn hại đến tất cả sự nghiệp của mình. Nếu người cộng sản đã có thể chiến thắng rực rỡ trong những trận chiến đấu cho chủ nghĩa xã hội, và nếu kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản đã bị đánh bại, thì một trong những lý do chính là vì những người cộng sản đã biết làm cho các phần tử ưu tú trong những người ngoài đảng tham gia công tác ; chính vì họ đã biết tận dụng lực lượng của các tầng lớp rộng lớn của những người ngoài đảng ; chính vì họ đã biết tập hợp chung quanh đảng mình một đội ngũ rộng lớn các chiến sĩ tích cực ngoài đảng. Hiện nay, cần phải kiên quyết và không do dự trừ bỏ hẳn nhược điểm đó trong công tác của chúng ta đối với những người ngoài đảng.

Sửa chữa những thiếu sót đó trong công tác của chúng ta, triệt để thanh toán những thiếu sót đó, chính là đưa công tác *kinh tế* của các nông trang tập thể đi vào con đường đúng.

Như vậy :

1) Nhiệm vụ là phải tổ chức tốt các vụ gieo giống.

2) Biện pháp để giải quyết nhiệm vụ trên là phải tập trung sức lực vào những nhiệm vụ kinh tế của phong trào tập thể hóa.

« Sự thật », số 92,
3 tháng Tư 1930

Ký tên : J. Sta-lin

GỬI HỌC VIÊN TỐT NGHIỆP KHÓA THỨ NHẤT CỦA VIỆN HÀN LÂM CÔNG NGHIỆP

Bồi dưỡng những cán bộ mới cho ngành công nghiệp xã hội chủ nghĩa, xuất thân trong giai cấp công nhân và trong số những người lao động nói chung, có thể lãnh dạo được xí nghiệp trên hai mặt chính trị xã hội và kỹ thuật sản xuất, đó là một nhiệm vụ chủ yếu trước mắt.

Không hoàn thành nhiệm vụ đó, thì không thể biến Liên-xô từ một nước lạc hậu thành một nước tiên tiến, từ một nước nông nghiệp thành một nước công nghiệp, thành một nước diện khí hóa và có công nghiệp kim khí, một nước sản xuất ra các máy móc và máy kéo được.

Viện hàn lâm công nghiệp là một trong những cái lò đào tạo trọng yếu nhất để bồi dưỡng những loại cán bộ như vậy ở nước ta.

Việc học viên tốt nghiệp khóa thứ nhất của Viện hàn lâm công nghiệp là một viên dạn đầu tiên của Viện hàn lâm công nghiệp bắn vào doanh trại của kẻ thù của chúng ta, bắn vào thành trì của bệnh bảo thủ trong sản xuất và sự lạc hậu về kỹ thuật.

Mong rằng những người lãnh dạo mới trong công nghiệp, hôm nay dã tốt nghiệp ở viện hàn lâm ra, hãy thực tế tỏ ra là những tấm gương về nhiệt tình lao động và công tác thật sự có tính chất cách mạng, trên phương diện thực hiện tốc độ kiến thiết bôn-sê-vích.

Xin chúc mừng các bạn học viên tốt nghiệp khóa thứ nhất của Viện hàn lâm công nghiệp đã được Nhà nước bồi dưỡng và được huấn luyện những sự hiểu biết về kỹ thuật, là những người đứng trong hàng ngũ những người lãnh đạo bôn-sê-vích mới của nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

J. Sta-lin

Ngày 25 tháng Tư 1930

«Sự thật» số 115,
26 tháng Tư 1930

TRẢ LỜI ĐỒNG CHÍ M. RA-PHA-IN

(Lê-nin-gơ-rát, Ban Chấp hành công đoàn tỉnh)
Sao gửi: đồng chí Ki-nốp, bí thư tỉnh ủy Đảng Cộng sản (b) toàn Liên-xô

Đồng chí Ra-pha-in !

Vì không đủ thời giờ, nên xin trả lời ngắn gọn như sau :

1) Không có và không thể có một sự tương tự *nào cả* giữa lời phát biểu của Ban Chấp hành trung ương hồi tháng Ba năm nay chống những sự lệch lạc trong phong trào nông trang tập thể, và thời kỳ ký hòa ước Bơ-rét hoặc thời kỳ thi hành Chính sách kinh tế mới. Lúc đó là sự chuyển biến về chính sách. Còn vừa rồi, vào tháng Ba 1930, không có một sự chuyển biến nào về chính sách cả. Chúng ta chỉ làm có một việc là ghìm những đồng chí đã đi quá trớn, — chỉ có thế thôi. Do đó, tất cả những suy luận của đồng chí — những suy luận được xây dựng trên cơ sở tương tự, mặc dù là một sự tương tự không hoàn toàn như thế, — đều không đứng vững.

2) Thật vậy, ở nước ta đã có một sự chuyển biến về chính sách trong vấn đề phong trào nông trang tập thể (do chỗ quần chúng trung nông đã chuyển về phía nông trang tập thể) vào nửa cuối năm 1929 chứ không phải vào tháng Ba 1930. Sự chuyển biến đó về chính sách đã bắt đầu tại đại hội XV của đảng ta (xem nghị quyết *Về công tác ở nông thôn*).

Như tôi đã nói vào cuối năm 1929 rằng sự chuyển biến đó mang tính chất thuần túy thực tiễn. Nhất định đồng chí đã

biết rằng trong nghị quyết nổi tiếng ngày 5 tháng Giêng 1930 của mình, Ban Chấp hành trung ương đã xác định rành mạch chính sách mới và quy định tốc độ của phong trào nông trang tập thể đối với những khu vực khác nhau ở Liên-xô. Sự thực đã chứng minh rằng tất cả các điểm trong nghị quyết đó của Ban Chấp hành trung ương là hoàn toàn đúng.

Trong nghị quyết ấy của Ban Chấp hành trung ương có điểm nào là lạc hậu so với bước tiến của phong trào không ? Tôi nghĩ rằng vì ở đây vấn đề là ở chỗ dự kiến về mặt lý luận và vạch ra một phương châm chính trị thích hợp cho nên chẳng có gì là lạc hậu cả.

Những bộ phận lớn các đảng viên và riêng từng những ủy viên trong Ban chấp hành trung ương, có bị lạc hậu trong chính sách thực tiễn của họ không ? Có, không còn nghi ngờ gì nữa. Nếu không thì chúng ta đã không phải đấu tranh để bảo vệ đường lối chung và chống các thứ khuynh hướng trong đảng cũng như ngay trong Ban Chấp hành trung ương.

3) Đảng cầm quyền liệu có khả năng nắm vững được ngay lập tức những quá trình mới, phát sinh ra trong cuộc sống, và đồng thời phản ánh ngay lập tức những quá trình đó trong chính sách thực tiễn của mình, hay không ? Tôi cho là không thể được. Không thể được, vì trước tiên là các sự kiện xảy ra, sau đó sự kiện mới được phản ánh trong ý thức của những phần tử tiên tiến nhất trong đảng, và chỉ sau đó mới đến giai đoạn quần chúng đảng viên bắt đầu nhận thức được những quá trình mới. Đồng chí có nhớ câu nói : « Con cú của Mi-néc-vơ chỉ cất cánh vào ban đêm » của Hê-ghen hay không ? Nói một cách khác : so với sự kiện, thì ý thức bị lạc hậu đôi chút.

Về phương diện đó, cái khác nhau giữa sự chuyển biến về chính sách của chúng ta hồi nửa cuối năm 1929 và sự chuyển biến trong thời kỳ hòa ước Bơ-rét và thời kỳ thi hành Chính sách kinh tế mới, là ở chỗ hồi nửa cuối năm 1929, đảng đã nhận thức được nhanh hơn về những quá trình mới xảy ra trong

hiện thực khách quan, nhận thức một cách nhanh hơn so với nhận thức về những chuyển biến trong thời kỳ Bơ-rét và thời kỳ thi hành Chính sách kinh tế mới. Sở dĩ được như thế là vì trong thời gian đó, đảng đã được hoàn thiện và các cán bộ của đảng đã trở nên nhạy cảm hơn.

Lời chào cộng sản

J. Sta-lin

Ngày 31 tháng Năm 1930

In lần đầu tiên

GỬI XƯỞNG SẢN XUẤT CÁC MÁY MÓC NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ RÔ-STỐP

Xin chúc mừng thắng lợi của công nhân, nhân viên kỹ thuật và toàn thể các cán bộ lãnh đạo nòng cốt của Xưởng sản xuất các máy móc nông nghiệp. Thắng lợi của các đồng chí là vĩ đại, ít ra cũng vì chỉ riêng Xưởng sản xuất các máy móc nông nghiệp của các đồng chí sẽ phải sản xuất được — theo kế hoạch quy mô lớn — một số lượng máy móc nông nghiệp trị giá 115 triệu rúp mỗi năm, còn trong thời kỳ trước chiến tranh, tất cả 900 nhà máy sản xuất máy móc nông nghiệp hoạt động hồi bấy giờ hàng năm chỉ sản xuất được một số lượng máy móc nông nghiệp trị giá tổng cộng là 70 triệu rúp mà thôi.

Xin chúc các đồng chí thành công trong việc hoàn thành kế hoạch đó.

Sta-lin

Ngày 16 tháng Sáu 1930

«Sự thật», số 165,
17 tháng Sáu 1930

GỬI CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG XƯỞNG SẢN XUẤT MÁY KÉO STA-LIN-GƠ-RÁT

Xin gửi lời chào và chúc mừng thắng lợi của công nhân và các cán bộ lãnh đạo công trình xây dựng xưởng máy kéo Cờ đỏ không lồ, xưởng sản xuất máy kéo đầu tiên ở Liên-xô. 50 nghìn chiếc máy kéo mà các đồng chí sẽ cung cấp hàng năm cho đất nước sẽ là 50 nghìn viên đạn đại bác làm nổ tung thế giới tư sản cũ và mở ra một con đường cho trật tự mới, xã hội chủ nghĩa, ở nông thôn.

Xin chúc các đồng chí thành công trong việc hoàn thành kế hoạch của các đồng chí.

J. Sta-lin

Ngày 17 tháng Sáu 1930

« Sự thật » số 166,
18 tháng Sáu 1930

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG TẠI ĐẠI HỘI XVI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN (B) TOÀN LIÊN-XÔ[36]

27 tháng Sáu 1930

I

NẠN KHỦNG HOẢNG NGÀY CÀNG TĂNG CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN TRÊN THẾ GIỚI VÀ TÌNH HÌNH BÊN NGOÀI CỦA LIÊN-XÔ

Thưa các đồng chí, từ đại hội XV đến nay, hai năm rưỡi đã trôi qua. Thời gian đó hình như không dài lắm. Song, trong khoảng thời gian đó, nhiều sự thay đổi rất quan trọng đã xảy ra trong đời sống các dân tộc và các quốc gia. Nếu muốn dùng hai tiếng để nói lên đặc điểm của thời kỳ đã qua, thì có thể gọi đó là một thời kỳ *chuyển biến*. Đó là một thời kỳ chuyển biến, không những đối với chúng ta, đối với Liên-xô, mà còn đối với các nước tư bản chủ nghĩa trên toàn thế giới nữa. Tuy nhiên giữa hai bước chuyển biến đó, có sự khác nhau về căn bản. Trong khi đối với Liên-xô, nó có nghĩa là bước đầu một *đà phát triển* mới về kinh tế, quan trọng hơn, thì đối với các nước tư bản chủ nghĩa, nó đánh dấu bước đầu một sự *suy sụp* về kinh tế. Ở Liên-xô chúng ta, công cuộc kiến thiết xã

hội chủ nghĩa trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp đang ngày càng phát triển. Ở nước chúng, ở nước của bọn tư bản, thì nền kinh tế trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp đang ở trong tình trạng *khủng hoảng ngày càng tăng*.

Ngày nay, nói vắn tắt, tình hình diễn ra là như thế.

Các đồng chí hãy nhớ lại tình hình trong các nước tư bản chủ nghĩa cách đây hai năm rưỡi mà xem. Lúc đó, trong hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa, nền sản xuất công nghiệp và nền thương nghiệp đều phát triển. Lúc đó, trong hầu hết các nước nông nghiệp, ngành sản xuất nguyên liệu và lương thực đều phát triển. Lúc đó, nước Mỹ hiện ra rực rỡ là nước mạnh mẽ nhất trong phe tư bản chủ nghĩa. Nhiều bài ca thắng lợi ca ngợi sự « phồn vinh ». Người ta quỳ gối trước đồng đô-la. Người ta ca tụng nền kỹ thuật mới, sự hợp lý hóa tư bản chủ nghĩa. Người ta công bố một kỷ nguyên « lành mạnh » của chủ nghĩa tư bản và một kỷ nguyên vững chắc như đồng của tình hình ổn định của chủ nghĩa tư bản. Người ta đánh trống khua chiêng « khắp nơi » về sự « thất bại chắc chắn » của nước Xô-viết, về sự « phá sản chắc chắn » của Liên-xô.

Hôm qua thì tình hình là như thế.

Còn ngày nay thì tình hình như thế nào ?

Ngày nay là khủng hoảng kinh tế trong hầu hết các nước công nghiệp của chủ nghĩa tư bản. Ngày nay là khủng hoảng nông nghiệp trong tất cả các nước nông nghiệp. Không phải là sự « phồn vinh » nữa, mà là cảnh khốn cùng của quần chúng và là nạn thất nghiệp ngày càng tăng một cách khủng khiếp. Không phải là sự phát triển của nền nông nghiệp nữa, mà là sự phá sản của hàng triệu nông dân. Những ảo tưởng về sức mạnh vạn năng của chủ nghĩa tư bản nói chung, về sức mạnh vạn năng của chủ nghĩa tư bản ở Mỹ nói riêng, đang sụp đổ. Những lời ca thắng lợi biểu dương đồng đô-la và sự hợp lý hóa tư bản chủ nghĩa, ngày càng cất lên yếu hơn. Những lời ta thán, bi quan về những « sai lầm » của chủ nghĩa tư bản ngày càng cất lên cao hơn. Còn tiếng đồn « khắp nơi » về sự « thất bại chắc chắn » của Liên-xô, thì nhường chỗ cho tiếng la ó

hẳn học « khắp nơi » đòi phải trừng trị «nước ấy», là nước dám phát triển nền kinh tế của mình trong khi chung quanh đang có nạn khủng hoảng.

Bây giờ thì tình hình đang diễn ra là như thế đó.

Tình hình xảy ra đúng như điều những người bôn-sê-vích đã báo trước đây hai hay ba năm.

Những người bôn-sê-vích đã nói rằng kỹ thuật trong các nước tư bản chủ nghĩa thì có tiến bộ, sức sản xuất và việc hợp lý hóa tư bản chủ nghĩa đều có tiến bộ, mà mức sống của hàng triệu công nhân và nông dân lại bị hạn chế, cho nên tất nhiên phải đưa đến nạn khủng hoảng kinh tế tàn khốc. Báo chí tư sản đã chế giễu điều « tiên tri kỳ lạ » đó của những người bôn-sê-vích. Những kẻ khuynh hữu đã đi đến chỗ bất đồng ý kiến đối với lời dự đoán bôn-sê-vích, nên đáng lẽ phải căn cứ vào chủ nghĩa Mác để phân tích, thì họ lại đi nói ba hoa theo phái tự do về « chủ nghĩa tư bản có tổ chức ». Nhưng thực tế thì tình hình đã xảy ra như thế nào ? Tình hình đã xảy ra như lời những người bôn-sê-vích đã nói trước.

Đó là những sự thực.

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu những tài liệu nói về nạn khủng hoảng kinh tế trong các nước tư bản chủ nghĩa.

1. NẠN KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TRÊN THẾ GIỚI

a) Khi người ta nghiên cứu nạn khủng hoảng thì điều khiến người ta phải chú ý đến ngay trước hết là những hiện tượng sau đây :

1. Cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay là một cuộc khủng hoảng *sản xuất thừa*. Điều đó có nghĩa là sản xuất ra hàng hóa nhiều hơn cái số mà thị trường có thể tiêu thụ được. Điều đó có nghĩa là sản xuất ra vải vóc, nhiên liệu, hàng chế tạo, lương thực nhiều hơn cái số mà những người tiêu dùng chính, nghĩa là quần chúng nhân dân, có thể mua trả tiền ngay được, vì số thu nhập của họ vẫn còn thấp. Song, vì dưới chế độ tư bản

chủ nghĩa, sức mua của quần chúng nhân dân vẫn ở mức thấp nhất, nên bọn tư bản đem cất số hàng hóa, vải vóc, lúa mì, v.v. « thừa » vào trong kho hoặc thậm chí đem phá hủy đi để giữ vững giá cao ; chúng giảm bớt sản xuất, đuổi công nhân còn quần chúng nhân dân thì bị lâm vào cảnh cực khổ vì số lượng hàng hóa đã sản xuất quá nhiều.

2. Cuộc khủng hoảng hiện nay, từ sau cuộc đại chiến là cuộc khủng hoảng kinh tế *thế giới* đầu tiên. Đó là một cuộc khủng hoảng thế giới không phải chỉ ở chỗ nó bao trùm tất cả hay hầu hết những nước *công nghiệp* trên thế giới, và ở chỗ thậm chí cả nước Pháp nữa, là nước tuy vẫn liên tiếp nhận được hàng bao nhiêu tỷ đồng mác* do nước Đức bồi thường, nhưng cũng vẫn không tránh khỏi tình trạng sút kém đi một phần nào, tình trạng này, theo tất cả các tài liệu, tất phải biến thành một cuộc khủng hoảng. Cuộc khủng hoảng hiện nay còn là một cuộc khủng hoảng thế giới ở chỗ là cuộc khủng hoảng *công nghiệp* đã cùng xảy ra với cuộc khủng hoảng *nông nghiệp*; cuộc khủng hoảng này lại làm thiệt hại đến việc sản xuất tất cả các thứ nguyên liệu và thực phẩm trong các nước *nông nghiệp* chủ yếu trên thế giới.

3. Cuộc khủng hoảng thế giới hiện nay mặc dầu có tính chất *phổ biến*, nhưng lại diễn ra *một cách không đều* ; nó nổ ra ở những nước này hay những nước khác vào nhiều thời kỳ khác nhau và với một sức mạnh khác nhau. Cuộc khủng hoảng công nghiệp trước hết bắt đầu ở Ba-lan, Ru-ma-ni, trong các vùng Ban-căng. Nó đã tiếp tục diễn ra ở các nước ấy suốt cả năm qua. Cuối năm 1928, đã có những dấu hiệu rõ ràng bắt đầu khủng hoảng nông nghiệp ở Ca-na-đa, ở Mỹ, ở Ác-giăng-tin, ở Bơ-rê-din, ở Úc. Suốt trong thời kỳ đó, công nghiệp của Mỹ vẫn không ngừng phát triển. Đến giữa năm 1929, sản xuất công nghiệp ở đây đạt đến mức gần như quán quân. Bước ngoặt chỉ bắt đầu từ sáu tháng cuối năm 1929, và sau khi nền sản xuất công nghiệp bị khủng hoảng dữ dội, đẩy nước Mỹ tụt xuống mức sản xuất năm 1927. Sau đó tiếp đến cuộc khủng

---

* *Mark* là đồng tiền Đức. *(B.T.)*

hoảng công nghiệp ở Ca-na-đa, ở Nhật. Rồi đến những vụ ngân hàng phá sản và cuộc khủng hoảng ở Trung-quốc và ở các nước thuộc địa, ở đấy cuộc khủng hoảng càng trầm trọng thêm vì đồng bạc bị sụt giá, và vì cộng thêm vào tình trạng phá sản của nền kinh tế nông dân đã bị đẩy đến chỗ hoàn toàn kiệt quệ vì sự bóc lột của bọn phong kiến và vì thuế má nặng nề, lại còn có nạn khủng hoảng sản xuất thừa nữa. Còn như Tây Âu, thì cuộc khủng hoảng chỉ mới xảy ra từ đầu năm nay và mức độ không phải nơi nào cũng như nhau. Còn nói đến nước Pháp, thì ngay trong thời kỳ đó, sản xuất công nghiệp của nó cũng vẫn tiếp tục biểu hiện một sự tiến triển.

Tôi tưởng không cần phải đặc biệt nói nhiều về những con số dùng để chứng minh rằng đang có cuộc khủng hoảng. Về cái điểm nói rằng đang có cuộc khủng hoảng, thì ngày nay cũng không có ai tranh luận nữa. Vậy tôi chỉ dẫn ra một bản thống kê tóm tắt, nhưng có tính chất đặc trưng, do « Sở nghiên cứu tình hình kinh tế » ở Đức vừa mới công bố. Bản thống kê này nêu rõ sự phát triển của công nghiệp hầm mỏ và của các ngành chủ yếu của nền đại công nghiệp chế biến ở Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Ba-lan, Liên-xô, từ năm 1927. Cũng nói thêm rằng mức sản xuất năm 1928 giả sử là 100.

Đây là bản thống kê ấy :

Năm	Liên-xô	Mỹ	Anh	Đức	Pháp	Ba-lan
1927	82,4	95,5	105,5	100,1	86,6	88,5
1928	100	100,	100	100	100	100
1929	123,5	106,3	107,9	101,8	109,4	99,8
1930 (quý đầu)	171,4	95,5	107,4	93,4	113,1	84,6

Bản thống kê này chứng minh cái gì ?

Một là, nó chứng minh rằng Mỹ, Đức và Ba-lan đang trải qua *một cuộc khủng hoảng thật rõ rệt* về ngành sản xuất công nghiệp lớn, và trong quý đầu năm 1930, *ở Mỹ*, sau *đà*

phát triển trong nửa năm đầu 1929, mức sản xuất đã sút 10,8% so với năm 1929, nghĩa là tụt xuống ngang mức năm 1927 ; ở *Đức*, sau ba năm *đình trệ*, mức sản xuất đã kém đi 8,4% so với năm trước, nghĩa là đã sút xuống dưới mức năm 1927 là 6,7%, và ở *Ba-lan*, sau cuộc *khủng hoảng* năm vừa qua, mức sản xuất đã sụt 15,2% so với năm trước, nghĩa là tụt xuống 3,9% dưới mức năm 1927.

Hai là, bản thống kê ấy chứng minh rằng nước *Anh* đang dậm chân tại chỗ đã từ ba năm nay, chung quanh mức năm 1927 và đang trải qua một tình trạng *đình đốn* trầm trọng về kinh tế ; xin nói thêm là, trong quý đầu năm 1930, nước Anh đã có lúc hạ mức sản xuất xuống 0,5% so với năm trước, và như thế là nước Anh đã bước vào giai đoạn đầu của cuộc khủng hoảng.

Ba là, bản thống kê ấy chứng minh rằng trong số các nước tư bản chủ nghĩa lớn, chỉ có nước Pháp là đã *tiến triển* được một phần nào trong ngành công nghiệp lớn của mình, nhưng nếu tỷ lệ phát triển trong năm 1928 là 13,4% và năm 1929 là 9,4% thì nay sự phát triển đó, so với năm 1929, chỉ tăng được 3,7% trong quý đầu 1930 mà thôi, như vậy là chúng ta thấy ở đây có một đường cong cứ mỗi năm một *xuống*.

Cuối cùng, bản ấy chứng minh rằng trong tất cả các nước trên thế giới, Liên-xô là nước duy nhất có nền công nghiệp lớn đang *phát triển rất mạnh mẽ* ; hơn nữa, mức sản xuất trong quý đầu năm 1930, vượt hơn *hai lần* mức năm 1927 ; còn tính tỷ lệ phát triển, thì mức sản xuất đã tăng từ 17,6% năm 1928 lên 23,5% năm 1929 và lên 32% trong ba tháng đầu 1930, như vậy là chúng ta thấy ở đây có một đường cong cứ mỗi năm một *lên*.

Người ta có thể nói rằng nếu tình hình đã diễn ra như thế cho đến cuối quý đầu năm nay, thì trong quý hai, tình hình vẫn có khả năng thay đổi theo một chiều hướng tốt. Nhưng các số liệu của quý hai hoàn toàn bác lại một sự giả định như thế. Trái lại, các số liệu ấy chứng tỏ rằng trong quý hai, tình hình còn trầm trọng hơn nữa. Các số liệu ấy chứng tỏ rằng ở Sở giao dịch tại Nữu-ước các cổ phần lại bị sút giá một lần nữa và chứng tỏ rằng ở Mỹ lại có *một làn sóng phá sản nữa*;

sức sản xuất lại bị *giảm sút* một lần nữa, *tiền công* của công nhân lại *bị hạ thấp* và *nạn thất nghiệp ngày càng tăng thêm* ở Mỹ, Đức, Anh, Ý, Nhật, Nam Mỹ, Ba-lan, Tiệp-khắc v.v.; nhiều ngành công nghiệp của nước Pháp đang bước vào thời kỳ *đình đốn*, và vì tình hình kinh tế quốc tế hiện nay, nên thời kỳ này là dấu hiệu của một cuộc khủng hoảng đang bắt đầu. Hiện giờ ở Mỹ có hơn sáu triệu người thất nghiệp ; ở Đức, độ chừng năm triệu người ; ở Anh, hơn hai triệu người ; ở Ý, Nam Mỹ, Nhật, mỗi nước một triệu người ; ở Ba-lan, Tiệp-khắc, Áo, mỗi nước 500.000 người. Đó là tôi chưa nói đến tình trạng ngày càng trầm trọng của cuộc khủng hoảng nông nghiệp, đang làm cho hàng triệu người chủ ấp và nông dân lao động bị phá sản. Cuộc khủng hoảng sản xuất thừa, trong nông nghiệp đã đi đến chỗ là ở Bơ-rê-din người ta đã vứt xuống biển hai triệu bao cà-phê để cho giai cấp tư sản giữ được giá cao và lợi nhuận của giai cấp đó ; ở Mỹ, người ta dùng ngô thay than để đốt ; ở Đức, hàng triệu pút lúa mạch đã đem làm thức ăn cho lợn ; về bông và lúa mì, thì người ta đã dùng đủ mọi biện pháp để giảm bớt diện tích gieo hạt từ 10 đến 15%.

Đó là tình hình chung về nạn khủng hoảng kinh tế đang phát triển trên thế giới.

b) Bây giờ trong khi nạn khủng hoảng kinh tế thế giới đang mở rộng tác dụng phá hoại của nó, lôi trọn cả những tầng lớp tư bản hạng vừa và hạng nhỏ xuống vực thẳm, làm cho toàn bộ các tập đoàn công nhân quý tộc và những người chủ ấp bị phá sản, và đang đẩy hàng triệu công nhân vào cảnh đói khổ, thì tất cả mọi người đều tự hỏi : nguyên nhân nạn khủng hoảng là ở đâu ? căn nguyên của nó ra sao ? làm thế nào để chống lại nó và tiêu diệt được nó ? Người ta bịa ra những « lý luận » hết sức khác nhau về nạn khủng hoảng. Người ta đề nghị nhiều phương án đầy đủ về việc « giảm nhẹ », « đề phòng », và « tiêu diệt » nạn khủng hoảng. Các phái đối lập trong giai cấp tư sản công kích các chính phủ tư sản, cho là hình như các chính phủ này « không sử dụng tất cả mọi biện pháp » để đề phòng nạn khủng hoảng. Bọn « dân chủ » buộc tội bọn « cộng hòa », bọn « cộng hòa » buộc tội bọn « dân chủ »,

và tất cả đều cùng buộc tội tập đoàn Hu-vơ với « Hệ thống liên bang ngân hàng dự trữ »[37] của nó, vì đã không « chế ngự » được nạn khủng hoảng. Thậm chí có cả những kẻ khôn ngoan lại thấy rằng nguyên nhân nạn khủng hoảng kinh tế thế giới là do « âm mưu quỷ quyệt » của những người bôn-sê-vích ». Tôi muốn nói nhà « công nghiệp» nổi tiếng Rê-khơ-béc-gơ ; nói đúng ra thì ông ta không giống một nhà công nghiệp nào cả ; nói đúng hơn là ông ta giống như một nhà « công nghiệp » trong số những nhà trước tác và một « nhà trước tác » trong số những nhà công nghiệp. *(Có tiếng cười)*

Hiển nhiên là tất cả những «lý luận » đó và tất cả những phương án đó đều không có một chút gì là khoa học cả. Phải thừa nhận rằng những nhà kinh tế học tư sản đã tỏ ra phá sản hoàn toàn trước nạn khủng hoảng. Hơn nữa, thậm chí họ cũng không có cái hiểu biết tối thiểu về cuộc sống mà những bậc tiền bối của họ đôi khi còn có. Các ngài đó quên rằng người ta không thể xem những cuộc khủng hoảng là một hiện tượng ngẫu nhiên trong hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa. Các ngài đó quên rằng những cuộc khủng hoảng kinh tế là kết quả tất nhiên của chủ nghĩa tư bản. Các ngài đó quên rằng nạn khủng hoảng sinh ra cùng một lúc với sự thống trị của chủ nghĩa tư bản. Từ hơn một trăm năm nay, những cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ vẫn thường xảy ra ; cứ 12-10-8 năm và có khi ít hơn nữa, nó lại tái diễn một lần. Trong thời kỳ đó, các chính phủ tư sản thuộc tất cả các loại và tất cả các màu sắc, các nhân vật tư sản thuộc tất cả các trình độ và tất cả các tài năng, tất cả không trừ một mống nào, đều đã thử đưa sức lực của mình ra để « đề phòng » và « tiêu diệt » các cuộc khủng hoảng. Nhưng tất cả đều hoàn toàn thất bại. Chúng đã hoàn toàn thất bại vì, trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản, thì không thể đề phòng và tiêu diệt được những cuộc khủng hoảng kinh tế. Vậy, có gì là đáng ngạc nhiên, nếu ngày nay những nhân vật tư sản cũng đều hoàn toàn thất bại ? Vậy, có gì là đáng ngạc nhiên, nếu những biện pháp của các chính phủ tư sản đều thực tế đưa đến chỗ không phải là giảm bớt nạn khủng hoảng, cũng không phải là cái

thiện đời sống của hàng triệu người lao động, mà là gây ra những vụ phá sản mới, một làn sóng thất nghiệp mới, và làm cho những tập đoàn tư bản yếu hơn bị những tập đoàn tư bản mạnh hơn nuốt mất?

Nguồn gốc của các cuộc khủng hoảng kinh tế sản xuất thừa, nguyên nhân của những cuộc khủng hoảng đó, nằm ngay trong bản thân hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa. Nguồn gốc của nạn khủng hoảng nằm trong mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sự sản xuất và hình thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về những thành quả của sự sản xuất. Biểu hiện của mâu thuẫn căn bản đó của chủ nghĩa tư bản là sự mâu thuẫn giữa hai trạng thái: năng lực sản xuất của chủ nghĩa tư bản nhằm thu lợi nhuận tư bản chủ nghĩa tới mức *tối đa* thì cứ *ngày càng tăng thêm* rất nhiều, còn nhu cầu hợp với sức mua của hàng triệu người lao động thì bị bọn tư bản luôn luôn ra sức làm cho mức sinh hoạt của họ thu lại trong những giới hạn hết sức *tối thiểu*, nên cứ ngày càng tương đối *giảm sút đi*. Để thắng trong cuộc cạnh tranh và rút cho được càng nhiều lợi nhuận càng tốt, bọn tư bản đã bắt buộc phải phát triển kỹ thuật, tiến hành việc hợp lý hóa, đẩy mạnh việc bóc lột công nhân và hết sức tăng cường năng lực sản xuất của các xí nghiệp của chúng. Để khỏi thua kém nhau, tất cả bọn tư bản đều đã bắt buộc phải bằng cách này hay cách khác, lao đầu vào con đường phát triển điên cuồng ấy về các năng lực sản xuất. Nhưng thị trường trong nước và ngoài nước, và sức mua của hàng triệu công nhân và nông dân, xét cho cùng là những người mua hàng chính, thì đều vẫn ở mức thấp. Do đó mà có những cuộc khủng hoảng sản xuất thừa. Do đó mà có những hậu quả như mọi người đều biết, những hậu quả cứ từng chu kỳ dài hay ngắn lại tái diễn ra, và làm cho hàng hóa không bán được, sản xuất giảm sút, nạn thất nghiệp tăng lên, tiền công hạ thấp và, do đó, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn nữa giữa mức sản xuất và mức nhu cầu hợp với khả năng thanh toán của người tiêu dùng. Khủng hoảng sản xuất thừa là một biểu hiện của mâu thuẫn đó, dưới những hình thức mãnh liệt và có tính chất phá hoại.

Nếu chủ nghĩa tư bản có thể dùng việc sản xuất, không phải để có được lợi nhuận tối đa, mà là để không ngừng cải thiện đời sống vật chất của quần chúng nhân dân, nếu chủ nghĩa tư bản có thể dùng lợi nhuận, không phải để thỏa mãn những ngông cuồng của các giai cấp ăn bám, cũng không phải để cải tiến những phương pháp bóc lột, cũng không phải để đầu tư ra nước ngoài, mà là để không ngừng nâng cao đời sống vật chất của công nhân và nông dân, thì như thế lại không có khủng hoảng. Mà như thế thì chủ nghĩa tư bản lại cũng không phải là chủ nghĩa tư bản nữa. Muốn tiêu diệt những cuộc khủng hoảng thì phải tiêu diệt chủ nghĩa tư bản.

Nói chung, đó là nguồn gốc của các cuộc khủng hoảng kinh tế về sản xuất thừa.

Nhưng khi nêu các đặc điểm của cuộc khủng hoảng *hiện nay*, thì người ta không thể chỉ căn cứ vào đó mà đủ. Người ta không thể coi cuộc khủng hoảng hiện nay, đơn thuần là một sự tái diễn của các cuộc khủng hoảng trước kia. Nó xảy ra và phát triển trong những điều kiện mới nào đó, mà ta cần phải phát hiện ra để thấy rõ được cuộc khủng hoảng một cách toàn diện. Nó càng trở nên phức tạp và sâu sắc thêm vì có nhiều hoàn cảnh đặc biệt ; mà không hiểu những hoàn cảnh đó thì không thể nào có một nhận định rõ ràng về nạn khủng hoảng kinh tế hiện nay được.

Những hoàn cảnh đặc biệt đó là những hoàn cảnh gì ?

Những hoàn cảnh đặc biệt đó, quy lại là những đặc điểm sau đây :

1. Cuộc khủng hoảng đã gây tác hại nặng nhất đối với *nước chủ yếu* của chủ nghĩa tư bản, đối với thành trì của chủ nghĩa đó, tức là nước Mỹ, là nước đang nắm ít nhất là một nửa toàn bộ nền sản xuất và sức tiêu dùng của tất cả các nước trên thế giới. Người ta nhận thấy rằng tình hình đó tất nhiên phải đưa đến chỗ mở rộng một cách phi thường, phạm vi ảnh hưởng của nạn khủng hoảng, đến chỗ làm cho cuộc khủng hoảng càng trầm trọng và chồng chất nhiều khó khăn thêm cho chủ nghĩa tư bản thế giới.

2. Trong quá trình phát triển của cuộc khủng hoảng kinh tế, cuộc khủng hoảng công nghiệp ở các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu không phải đơn thuần phát sinh cùng một lúc với cuộc khủng hoảng nông nghiệp trong các nước nông nghiệp mà lại *xen kẽ* với cuộc khủng hoảng này, làm cho những khó khăn trầm trọng thêm và quyết định trước sự suy sụp tất nhiên và phổ biến của sự hoạt động kinh tế. Không cần phải nói cũng hiểu rằng khủng hoảng công nghiệp sẽ làm cho khủng hoảng nông nghiệp trầm trọng thêm, và khủng hoảng nông nghiệp sẽ làm cho khủng hoảng công nghiệp kéo dài ra, điều đó, tất nhiên phải đưa đến chỗ làm cho toàn bộ cuộc khủng hoảng kinh tế ngày càng trầm trọng thêm.

3. Khác với chủ nghĩa tư bản trước kia, chủ nghĩa tư bản hiện nay là một chủ nghĩa tư bản *lũng đoạn*, điều đó quyết định trước cuộc đấu tranh không thể tránh khỏi của các tập đoàn tư bản chủ nghĩa, để giữ giá cao, tức là giá lũng đoạn về hàng hóa, mặc dù là có nạn sản xuất thừa. Người ta dễ hiểu rằng tình hình trên đây làm cho nạn khủng hoảng trở nên đặc biệt trầm trọng và tai hại đối với quần chúng nhân dân là những người chủ yếu tiêu dùng hàng hóa, tình hình đó tất phải đi đến chỗ kéo dài nạn khủng hoảng và làm cho nạn đó chậm bị tiêu diệt.

4. Cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay, phát triển trên cơ sở cuộc *tổng khủng hoảng* của chủ nghĩa tư bản, đã nổ ra từ trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, và đang phá hoại các cơ sở của chủ nghĩa tư bản và đã làm cho nạn khủng hoảng kinh tế chóng xảy ra.

Điều đó nghĩa là thế nào ?

Trước hết, điều đó có nghĩa là : chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và những hậu quả của nó đã làm cho chủ nghĩa tư bản đã thối nát lại càng thối nát thêm và mất thăng bằng ; có nghĩa là hiện nay, chúng ta đang sống trong một thời đại chiến tranh và cách mạng ; có nghĩa là chủ nghĩa tư bản không còn là hệ thống kinh tế thế giới *duy nhất* và bao trùm toàn thế giới nữa ; có nghĩa là bên cạnh hệ thống kinh tế

tư bản chủ nghĩa, còn có hệ thống *xã hội chủ nghĩa* đang lớn lên, phồn vinh, đối đầu với hệ thống tư bản chủ nghĩa; và do chính ngay sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa đó, mà hệ thống đó chứng minh sự thối nát của chủ nghĩa tư bản đang bị nó làm cho lung lay tận gốc.

Sau nữa, điều đó có nghĩa là : chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và sự thắng lợi của cách mạng ở Liên-xô, đã làm lung lay các nền tảng của chủ nghĩa đế quốc trong các nước *thuộc địa và phụ thuộc ;* uy tín của chủ nghĩa đế quốc trong các nước ấy đã bị tổn thương ; chủ nghĩa đế quốc không thể tùy ý thống trị các nước ấy như trước kia được nữa.

Điều đó còn có nghĩa là trong thời gian chiến tranh và sau chiến tranh, trong các nước thuộc địa và phụ thuộc, chủ nghĩa tư bản trẻ tuổi của chính các nước thuộc địa và phụ thuộc ấy, đã xuất hiện và đã trưởng thành, đang cạnh tranh với các nước tư bản chủ nghĩa cũ một cách thắng lợi trên các thị trường, làm cho cuộc đấu tranh giành thị trường tiêu thụ càng thêm trầm trọng và phức tạp.

Cuối cùng, điều đó có nghĩa là chiến tranh đã để lại cho phần lớn các nước tư bản chủ nghĩa một di sản nặng nề. Và đây là tình trạng thường xuyên : các *xí nghiệp* đã không được sử dụng *hết khả năng, các đạo quân thất nghiệp đông đến hàng triệu người*, từ chỗ là những đạo quân trù bị, đã trở thành những *đạo quân thất nghiệp thường trực*, điều đó đã tạo cho chủ nghĩa tư bản rất nhiều khó khăn ngay từ trước khi xảy ra nạn khủng hoảng kinh tế hiện nay, thì giờ đây tất nhiên sẽ lại làm cho tình hình càng phức tạp hơn nữa trong thời gian khủng hoảng.

Đó là những hoàn cảnh làm cho nạn khủng hoảng kinh tế thế giới sâu sắc và trầm trọng thêm.

Phải thừa nhận rằng nạn khủng hoảng kinh tế hiện nay là trầm trọng nhất và sâu sắc nhất so với tất cả các cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới xảy ra từ trước đến nay.

2. MÂU THUẪN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NGÀY CÀNG TRẦM TRỌNG

Kết quả quan trọng nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, là nó bóc trần và làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn cố hữu của chủ nghĩa tư bản thế giới.

a) Những mâu thuẫn giữa các nước đế quốc chủ nghĩa chủ yếu, các cuộc đấu tranh để giành thị trường tiêu thụ, để giành nguyên liệu, để xuất khẩu tư bản ra nước ngoài, đều đã bị bóc trần và đang trở nên ngày càng trầm trọng thêm. Hiện nay, việc phân phối trước kia về các khu vực ảnh hưởng và các thuộc địa không làm cho một nước tư bản chủ nghĩa nào vừa lòng nữa. Các nước tư bản chủ nghĩa thấy rằng tương quan lực lượng đã thay đổi và do đó, cần phải chia lại các thị trường tiêu thụ, các nguồn nguyên liệu, các khu vực ảnh hưởng, v.v. Mâu thuẫn chủ yếu trong các mâu thuẫn đó là mâu thuẫn giữa Mỹ và Anh. Cả trong lĩnh vực xuất khẩu các thành phẩm, lẫn trong lĩnh vực xuất khẩu tư bản ra nước ngoài, thì cuộc đấu tranh tiếp diễn cũng vẫn chủ yếu là giữa Mỹ và Anh. Chỉ cần đọc bất cứ một tờ báo kinh tế nào, bất cứ một tài liệu nào nói về việc xuất khẩu hàng hóa và tư bản là đủ thấy rõ điều đó. Vũ đài chính của cuộc đấu tranh là Nam Mỹ, Trung-quốc, các thuộc địa và các nước tự trị của những nước đế quốc chủ nghĩa cũ. Trong cuộc đấu tranh đó, lực lượng ưu thế — ưu thế nổi bật — là về phía nước Mỹ.

Sau mâu thuẫn chủ yếu là những mâu thuẫn tuy không phải là chủ yếu nhưng cũng khá quan trọng : mâu thuẫn giữa Mỹ và Nhật, giữa Đức và Pháp, giữa Pháp và Ý, giữa Anh và Pháp, v.v.

Không còn nghi ngờ gì nữa, vì cuộc khủng hoảng ngày càng phát triển, nên cuộc đấu tranh để giành thị trường tiêu thụ, để giành nguyên liệu, để xuất khẩu tư bản ra nước ngoài, sẽ càng ngày càng kịch liệt hơn.

Những thủ đoạn đấu tranh là chính sách thuế quan, bán hàng hóa rẻ, cho vay lãi nhẹ, tập hợp lại các lực lượng và

thành lập các liên minh mới về quân sự và chính trị, tăng quân bị và chuẩn bị những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa mới, và sau hết là chiến tranh.

Tôi đã nói cuộc khủng hoảng đang lan rộng ra tất cả các ngành sản xuất. Nhưng có một ngành không bị khủng hoảng. Đó là ngành công nghiệp chiến tranh. Ngành này vẫn luôn luôn phát triển mặc dầu có nạn khủng hoảng. Các nước tư sản vũ trang và tái vũ trang một cách điên cuồng. Với mục đích gì ? Dĩ nhiên không phải để nói chuyện chơi mà là để tiến hành chiến tranh. Mà chiến tranh là cần thiết đối với bọn đế quốc chủ nghĩa, vì nó là một thủ đoạn duy nhất để tiến hành việc chia lại thế giới, chia lại các thị trường tiêu thụ, các nguồn nguyên liệu, các khu vực đầu tư.

Người ta hiểu rất rõ rằng, trong tình hình như thế, cái gọi là chủ nghĩa hòa bình thì đang sống thoi thóp ; rằng Hội quốc liên thì đang thối nát ngay tận gốc ; rằng các « đề án tài giảm quân bị » thì đang rơi xuống vực thẳm và các cuộc hội nghị tài giảm quân bị của thủy quân, thì đang biến thành những cuộc hội nghị đổi mới và mở rộng thủy quân.

Nghĩa là nguy cơ chiến tranh đang tăng lên với một tốc độ ngày càng nhanh.

Bọn xã hội - dân chủ có thể nói ba hoa về chủ nghĩa hòa bình, về hòa bình, về sự phát triển hòa bình của chủ nghĩa tư bản, v.v. Kinh nghiệm đảng xã hội - dân chủ nắm chính quyền ở Đức và ở Anh, chứng tỏ rằng chủ nghĩa hòa bình đối với họ chỉ là một cái mặt nạ cần thiết để che đậy những việc chuẩn bị chiến tranh mới mà thôi.

b) Những mâu thuẫn giữa các nước thắng trận và các nước bại trận đã bị phơi trần và đang trở nên ngày càng trầm trọng thêm. Chủ yếu là tôi muốn nói đến nước Đức trong số những nước bại trận đó. Chắc chắn rằng do cuộc khủng hoảng và do vấn đề thị trường ngày càng nghiêm trọng, nên áp lực đối với nước Đức sẽ càng ngày càng mạnh hơn vì nước Đức không những là một nước mắc nợ mà còn là một nước xuất khẩu rất lớn. Người ta có thể hình dung những mối quan hệ kỳ lạ giữa các nước thắng trận và nước Đức,

như một hình tháp mà nước Mỹ, Pháp Anh, v.v. đang ngồi trên đỉnh, như người chủ với kế hoạch Yâng [38] trong tay và với những chữ này : « Phải trả ! » và ở dưới thì nước Đức nằm dài giữa đất, đã kiệt sức nhưng vẫn buộc phải đưa hết sức lực ra để thi hành lệnh phải trả hàng tỷ tiền bồi thường. Các đồng chí muốn biết hình ảnh đó là cái gì ? Đó là « tinh thần hội nghị Lô-các-nô »[39]. Tin rằng một tình hình như thế lại có thể không có ảnh hưởng gì đối với chủ nghĩa tư bản thế giới, tức là không hiểu một chút gì về cuộc sống. Tin rằng giai cấp tư sản Đức sẽ có khả năng trả được hai mươi tỷ mác, trong mười năm tới, và giai cấp vô sản Đức sống dưới cái ách của giai cấp tư sản « chính » nước mình và giai cấp tư sản « nước ngoài », sẽ để cho giai cấp tư sản Đức rút trong các mạch máu của mình lấy hai mươi tỷ ấy mà không có những trận chiến đấu thật sự cũng như không có những cuộc biến động, thì tức là mất lý trí. Những nhà chính trị Đức và Pháp có thể làm ra vẻ tin vào chuyện kỳ diệu đó. Còn chúng ta, là những người bôn-sê-vích, chúng ta không tin vào những chuyện kỳ diệu.

c) Những mâu thuẫn giữa các nước đế quốc chủ nghĩa và các nước thuộc địa và phụ thuộc, đã bị phơi trần và đang trở nên ngày càng trầm trọng hơn. Nạn khủng hoảng kinh tế ngày càng tăng, không thể không làm cho bọn đế quốc chủ nghĩa tăng cường áp bức đối với các thuộc địa và các nước phụ thuộc, là những thị trường chính về tiêu thụ và về nguyên liệu. Kỳ thực, sự áp bức đã đến cực điểm. Giai cấp tư sản châu Âu hiện nay đang ở trong tình trạng chiến tranh với các thuộc địa « của nó » là Ấn-độ, Đông-dương, In-đô-nê-xi-a, Bắc Phi, đó là một sự thật. Trung-quốc « độc lập », thực tế đã bị chia ra từng khu vực ảnh hưởng, và bè lũ tướng tá Quốc dân đảng phản cách mạng đang đánh lẫn nhau và làm cho nhân dân Trung-quốc bị phá sản, tức là chúng thực hiện cái ý muốn của bọn chủ của chúng trong phe đế quốc chủ nghĩa, đó cũng là một sự thật.

Phải xem cái luận điệu gian dối cho rằng nhân viên các sứ quán Nga ở Trung-quốc phạm tội phá hoại « hòa bình

và an ninh » ở Trung-quốc, là luận điệu đã hoàn toàn bị phá sản. Đã lâu, ở Hoa Nam, cũng như ở Hoa Trung đều không còn có sứ quán Nga nữa. Trái lại, ở đấy có các sứ quán Anh, Nhật, Đức, Mỹ và tất cả các đại sứ quán khác. Đã lâu, cả ở Hoa Nam cũng như ở Hoa Trung đều không còn có các sứ quán Nga nữa. Trái lại, ở đấy có các cố vấn quân sự Đức, Anh và Nhật bên cạnh bọn tướng tá Trung-quốc đang đánh lẫn nhau. Đã lâu, ở các nơi đó không có các sứ quán Nga nữa. Trái lại, ở đấy có đại bác, súng trường, phi cơ, xe tăng, hơi ngạt của Anh, Mỹ, Đức, Tiệp và tất cả những thứ khác. Kết quả như thế nào ? Đáng lẽ là « hòa bình và an ninh », thì hiện nay chúng ta thấy ở Hoa Nam và Hoa Trung, diễn ra một cuộc chiến tranh điên cuồng nhất và tàn phá nhất giữa bọn tướng tá, một cuộc chiến tranh do các nước « văn minh » châu Âu và châu Mỹ, cấp tiền và hướng dẫn. Cái công việc « truyền bá văn minh » của các nước tư bản chủ nghĩa đã bày ra một cảnh tượng khá là mỉa mai. Người ta chỉ không rõ có một điều là những người bôn-sê-vích Nga thì có liên quan gì đến việc đó.

Nếu tưởng rằng những hành động quá đáng đó của bọn đế quốc chủ nghĩa sẽ không có hậu quả gì đối với chúng, thì thật là lố bịch. Công nhân và nông dân Trung-quốc đã trả lời những hành động đó bằng cách thành lập các Xô-viết và một đạo Hồng quân. Người ta nói rằng, ở đó đã thành lập một chính phủ xô-viết. Tôi nghĩ rằng nếu điều đó là đúng thì không có gì là đáng ngạc nhiên cả. Chắc chắn là chỉ có các Xô-viết mới có thể cứu vãn được Trung-quốc thoát khỏi tình trạng bị phá sản hoàn toàn và thoát khỏi tình trạng bần cùng.

Còn về Ấn-độ, Đông-dương, In-đô-nê-xi-a, châu Phi v.v., thì phong trào cách mạng trong các nước ấy đang dâng lên, đôi khi nó mang những hình thức một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nước họ, điều đó không thể nghi ngờ được. Các ngài tư sản định làm cho các nước ấy tràn ngập máu và định dựa vào lưỡi lê của bọn cảnh sát, đồng thời kêu gọi sự giúp đỡ của những người như Găng-đi. Chắc chắn rằng lưỡi

lê cảnh sát không phải là chỗ dựa tốt. Chế độ Nga hoàng, lúc đương thời, cũng đã từng ra sức dựa vào lưỡi lê cảnh sát ; nhưng kết quả chỗ dựa đó như thế nào thì mọi người đều biết cả rồi. Còn về bọn tay sai kiểu Găng-đi thì chế độ Nga hoàng đã từng có cả một bầy đủ các loại những kẻ thỏa hiệp thuộc phái tự do ; nhưng kết quả cũng chẳng nên trò trống gì.

d) Những mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản trong các nước tư bản chủ nghĩa đã bị phơi trần và ngày càng trầm trọng thêm. Nạn khủng hoảng đã có thể làm cho bọn tư bản tăng cường áp bức giai cấp công nhân. Nạn khủng hoảng đã gây ra một làn sóng mới về việc hợp lý hóa tư bản chủ nghĩa, đã làm cho đời sống của giai cấp công nhân ngày càng thêm trầm trọng, nạn thất nghiệp ngày càng tăng, đạo quân thất nghiệp thường trực đông thêm lên, tiền công hạ thấp xuống. Hoàn cảnh đó góp phần vào việc làm cho tình thế trở nên cách mạng, làm cho cuộc đấu tranh giai cấp càng thêm gay gắt và đẩy công nhân vào những cuộc chiến đấu mới có tính chất giai cấp, điều đó không có gì là đáng ngạc nhiên cả.

Vì những hiện tượng đó, nên những ảo tưởng xã hội-dân chủ đang tiêu tán và sụp đổ trong quần chúng công nhân. Sau khi có được kinh nghiệm về việc chấp chính của bọn xã hội-dân chủ, là bọn phá các cuộc đình công, tổ chức sa thải và bắn giết công nhân, thì đối với những lời hứa hẹn dối trá về «dân chủ trong việc sản xuất», về «hòa bình trong công nghiệp» về «phương pháp» đấu tranh« hòa bình », người công nhân nghe chỉ thấy là một lời giễu cợt có ác ý. Hiện nay liệu trong công nhân có còn nhiều người có thể tin tưởng vào lời tuyên truyền dối trá của bọn xã hội-phát xít không ? Những cuộc thị uy của công nhân mà mọi người đều biết, diễn ra ngày 1 tháng Tám 1929 (chống nguy cơ chiến tranh) và ngày 6 tháng Ba 1930 (chống nạn thất nghiệp)[40] đều chứng tỏ rằng các phần tử ưu tú trong giai cấp công nhân đều đã đoạn tuyệt với bọn xã hội-phát-xít. Cuộc khủng hoảng kinh tế sẽ giáng một đòn nữa vào những ảo tưởng xã hội-dân chủ, ở trong

công nhân. Sau khi bị phá sản và nghèo đói vì nạn khủng hoảng, thì trong công nhân hiện nay sẽ không còn có nhiều người chịu tin vào khả năng làm giàu của mỗi « công nhân » bằng cách tham gia các công ty cổ phần đã được « dân chủ hóa ». Không cần phải nói cũng hiểu rằng cuộc khủng hoảng sẽ giáng một đòn như sét đánh vào tất cả các ảo tưởng đó và vào các ảo tưởng khác cũng đại loại như thế.

Nhưng việc quần chúng công nhân lìa bỏ đảng xã hội-dân chủ có nghĩa là họ đang hướng về chủ nghĩa cộng sản. Điều đó đang diễn ra trong thực tế. Sự phát triển của phong trào công đoàn chịu ảnh hưởng của đảng cộng sản, những thắng lợi về tuyển cử của các đảng cộng sản ; làn sóng bãi công đang cuồn cuộn dâng lên với sự tham gia lãnh đạo của những người cộng sản ; việc biến những vụ đình công về kinh tế thành những cuộc phản đối về chính trị do những người cộng sản tổ chức ; những cuộc biểu tình có tính chất quần chúng của những công nhân có cảm tình với chủ nghĩa cộng sản, những cuộc biểu tình này được hết sức nhiệt liệt hưởng ứng trong nội bộ giai cấp công nhân : tất cả điều đó chứng tỏ rằng quần chúng công nhân coi đảng cộng sản là chính đảng duy nhất có thể đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, là chính đảng duy nhất xứng đáng với lòng tin tưởng của công nhân, là chính đảng duy nhất mà người ta có thể và đáng đi theo trong cuộc đấu tranh tự giải phóng khỏi chủ nghĩa tư bản. Đó là sự chuyển hướng của quần chúng về chủ nghĩa cộng sản. Đó là bằng chứng nói lên rằng các đảng cộng sản anh em của chúng ta sẽ biến thành những đảng lớn có tính chất quần chúng, của giai cấp công nhân. Chỉ cần những người cộng sản biết đánh giá tình hình và lợi dụng thích đáng tình hình. Trong lúc nỗ lực đấu tranh không nhân nhượng chống đảng xã hội-dân chủ, tay sai của tư bản trong nội bộ giai cấp công nhân, và trong lúc đập tan tất cả các thứ và các loại khuynh hướng lệch lạc đối với chủ nghĩa Lê-nin, vì những khuynh hướng này có lợi cho đảng xã hội-dân chủ thì các đảng cộng sản đã tỏ ra rằng mình đi đúng đường Các đảng này phải mãi mãi kiên quyết đi trên con đường ấy

Vì, chỉ với điều kiện đó, các đảng ấy mới mong tranh thủ được đa số trong giai cấp công nhân và chuẩn bị được một cách thuận lợi cho giai cấp vô sản trong những cuộc đấu tranh giai cấp sau này. Vì, chỉ với điều kiện đó, thì mới mong mở rộng thêm được ảnh hưởng và uy tín của Quốc tế Cộng sản.

Đó là tình hình các mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản thế giới, các mâu thuẫn đó ngày càng trở nên trầm trọng đến cực điểm vì nạn khủng hoảng kinh tế thế giới.

Tất cả những sự việc đó chứng tỏ điều gì?

Tất cả những sự việc đó chứng tỏ rằng chủ nghĩa tư bản đã đến bước đường cùng, hết ổn định rồi.

Rằng cao trào cách mạng trong quần chúng, sẽ lan rộng với một sức mạnh mới mẻ hơn.

Rằng trong nhiều nước, khủng hoảng kinh tế thế giới sẽ chuyển thành khủng hoảng chính trị.

Thứ nhất, điều đó có nghĩa là giai cấp tư sản sẽ tìm một con đường thoát khỏi tình hình ấy bằng cách lại phát xít hóa hơn nữa về mặt chính sách đối nội, mà muốn phát-xít hóa như thế thì chúng sẽ sử dụng tất cả các lực lượng phản động, trong đó có cả đảng xã hội-dân chủ.

Hai nữa, điều đó có nghĩa là về chính sách đối ngoại, giai cấp tư sản sẽ tìm một con đường thoát trong một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa mới.

Sau cùng, điều đó có nghĩa là giai cấp vô sản đấu tranh chống sự bóc lột tư bản chủ nghĩa và nguy cơ chiến tranh, sẽ tìm một lối thoát bằng con đường cách mạng.

3. NHỮNG QUAN HỆ GIỮA LIÊN-XÔ VÀ CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

a) Tiên kia, tôi đã nói về các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản thế giới. Nhưng ngoài các mâu thuẫn ấy, còn có một mâu thuẫn khác nữa. Tôi muốn nói đến mâu thuẫn giữa thế giới tư bản chủ nghĩa với Liên-xô. Dành rằng không thể xem mâu thuẫn đó là một mâu thuẫn *trong nội bộ chủ nghĩa tư bản*

được. Đó là một mâu thuẫn giữa toàn bộ chủ nghĩa tư bản với nước đang kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Nhưng không phải vì thế mà mâu thuẫn đó không làm tan rã và lung lay ngay cả các cơ sở của chủ nghĩa tư bản. Hơn nữa, mâu thuẫn đó còn triệt để bóc trần tất cả những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản và gộp các mâu thuẫn đó lại làm một mớ, tạo thành một vấn đề sống chết đối với chính bản thân chế độ tư bản chủ nghĩa. Cho nên, cứ mỗi lần các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản bắt đầu trầm trọng lên, thì giai cấp tư sản lại quay nhìn về phía Liên-xô ; liệu có cách nào mà giải quyết được một mâu thuẫn này hay mâu thuẫn khác của chủ nghĩa tư bản hoặc tất cả các mâu thuẫn nói chung, bằng cách làm thiệt hại cho Liên-xô, cho nước Xô-viết này, cho thành trì cách mạng này, cái thành trì mà chỉ riêng việc tồn tại của nó cũng đã thúc đẩy được giai cấp công nhân và các thuộc địa làm cách mạng, ngăn chặn được việc gây một cuộc chiến tranh mới, ngăn chặn được việc phân chia lại thế giới theo một cách khác, ngăn chặn được bọn tư sản không để chúng có thể tùy ý thống trị cái thị trường trong nước rộng lớn của Liên-xô, là một thị trường rất cần thiết cho bọn tư bản, nhất là vì hiện nay, lại đang có khủng hoảng kinh tế.

Do đó mà có xu hướng muốn mạo hiểm tấn công Liên-xô và vũ trang can thiệp, xu hướng này nhất định sẽ tăng thêm lên vì cuộc khủng hoảng kinh tế đang phát triển.

Xu hướng đó hiện giờ đang biểu hiện một cách rõ rệt nhất trong nước Pháp tư sản ngày nay, là tổ quốc của kế hoạch « Liên-Âu »[41] chứa chan tình bác ái, là « quê hương » của hiệp ước Ken-lốt[42], và là một nước xâm lược và quân phiệt trong tất cả các nước xâm lược và quân phiệt trên thế giới.

Nhưng vũ trang can thiệp là một con dao hai lưỡi. Giai cấp tư sản hoàn toàn biết rõ điều đó. Họ nghĩ : nếu can thiệp mà không gặp trở ngại và do đó kết quả là Liên-xô thất bại thì tốt đấy. Nhưng nếu nó đi đến kết quả là các nhà tư bản thất bại thì làm thế nào ? Há chẳng phải là đã có một lần vũ trang can thiệp đi đến chỗ bị thất bại rồi đó sao ? Nếu trước kia, khi những người bôn-sê-vích đang còn yếu, mà cuộc vũ

trang can thiệp lần đầu đã đi đến chỗ thất bại, thì cái gì bảo đảm rằng sự can thiệp lần thứ hai lại sẽ không bị thất bại ? Mọi người đều thấy rằng hiện giờ những người bôn-sê-vích đã mạnh hơn khác hẳn lúc trước, về kinh tế, chính trị và về lực lượng quốc phòng. Và đối phó thế nào với công nhân các nước tư bản chủ nghĩa khi họ sẽ không cho phép vũ trang can thiệp vào Liên-xô, khi mà họ sẽ đấu tranh chống vũ trang can thiệp, và, nếu cần, thì họ có thể đánh ngay vào hậu phương của những nhà tư bản ? Thắt chặt quan hệ buôn bán với Liên-xô, há chẳng tốt hơn hay sao ?Mà làm như thế, thì chính những người bôn-sê-vích cũng không phản đối.

Do đó mà có xu hướng tiếp tục những quan hệ hòa bình với Liên-xô.

Như vậy là chúng ta có hai loại nhân tố và hai xu hướng khác nhau đang chống đối nhau.

1. Chính sách nhằm phá hoại những quan hệ kinh tế giữa Liên-xô với các nước tư bản chủ nghĩa, tấn công khiêu khích Liên-xô, chuẩn bị bí mật hay công khai một cuộc vũ trang can thiệp vào Liên-xô. Đó là tất cả những nhân tố đang đe dọa địa vị quốc tế của Liên-xô. Những nhân tố đó là nguyên nhân của các sự việc như : nội các bảo thủ Anh tuyệt giao với Liên-xô, bọn quân phiệt Trung-quốc chiếm đóng đường sắt ở Hoa Đông, sự bao vây Liên-xô về mặt tài chính, bọn tăng lữ do giáo hoàng cầm đầu tiến hành một cuộc « chiến tranh thập tự » chống Liên-xô, bọn tay sai ngoại quốc tổ chức cho các chuyên gia của ta hoạt động phá hoại ngầm, việc tổ chức các vụ bom nổ, và các vụ đốt cháy như những vụ do một số nhân viên của công ty « Lê-na Gổn-phin »[43] đã gây ra. Những vụ mưu hại các đại biểu Liên-xô (ở Ba-lan), những vụ gây chuyện lôi thôi đối với hàng xuất khẩu của chúng ta (ở Mỹ, Ba-lan), v.v.

2. Công nhân các nước tư bản chủ nghĩa đồng tình và ủng hộ Liên-xô ; thế lực kinh tế và chính trị của Liên-xô tăng lên ; lực lượng quốc phòng của Liên-xô được lớn mạnh thêm ; Chính quyền xô viết luôn luôn theo đuổi chính sách hòa bình. Đó là tất cả những nhân tố làm củng cố địa vị quốc tế của

Liên-xô. Những nhân tố đó là nguyên nhân của những sự việc như : giải quyết thuận lợi vụ xung đột về đường sắt ở Hoa Đông, nối lại quan hệ ngoại giao với Anh, mở rộng các quan hệ kinh tế với các nước tư bản chủ nghĩa, v.v.

Cuộc đấu tranh giữa hai nhân tố đó quyết định tình hình đối ngoại của Liên-xô.

b) Người ta nói vấn đề các khoản nợ là một vật chướng ngại trong việc cải thiện các quan hệ kinh tế giữa Liên-xô với các nước tư bản. Tôi nghĩ rằng đó không phải là một lý lẽ viện ra để biện hộ cho việc đòi thanh toán các món nợ, mà là một cái cớ mà những phần tử hiếu chiến dùng để tuyên truyền vũ trang can thiệp. Chính sách của chúng ta trong lĩnh vực này là rõ ràng và hoàn toàn có căn cứ. Với điều kiện là họ cho chúng ta vay thêm, thì chúng ta rất đồng ý trả một phần nhỏ các món nợ trước chiến tranh, mà chúng ta sẽ coi như là một món tiền lãi phụ về những khoản đi vay. Không có điều kiện đó thì chúng ta không thề và cũng không phải trả nợ. Họ đòi hỏi chúng ta hơn nữa ư? Lấy lý do gì mà đòi? Họ há lại không biết rằng những món nợ ấy là do chính phủ Nga hoàng vay, chính phủ đó đã bị cách mạng lật đổ và đối với những điều ký kết của chính phủ đó thì chính phủ Xô-viết không thề có trách nhiệm nào cả hay sao? Họ nói đến luật quốc tế, đến các điều cam kết quốc tế. Nhưng căn cứ vào luật quốc tế nào mà các ngài « đồng minh » đã cướp lấy vùng Bét-xa-ra-bi của Liên-xô mà giao cho bọn quý tộc Ru-ma-ni đề nô dịch? Căn cứ vào những điều cam kết quốc tế nào mà bọn tư bản và các chính phủ Pháp, Anh, Mỹ, Nhật đã tấn công Liên-xô, đã can thiệp vào Liên-xô, đã cướp phá Liên-xô ba năm ròng và đã làm cho dân cư Liên-xô bị phá sản? Nếu họ gọi đó là luật quốc tế và cam kết quốc tế, vậy thì thế nào họ mới gọi là cướp bóc? *(Có tiếng cười. Vỗ tay.)* Há chẳng phải là một khi đã phạm vào những hành vi cướp bóc ấy, các ngài « đồng minh » đã bỏ mất cái quyền viện đến luật quốc tế và các điều cam kết quốc tế rồi hay sao?

Thứ đến, họ cho rằng sự tuyên truyền của những người bôn-sê-vích Nga làm trở ngại cho việc kiến lập những quan

hệ « bình thường ». Muốn chặn cái ảnh hưởng có hại của việc tuyên truyền, các ngài tư sản luôn luôn dùng « giới tuyến », « dây thép gai » để ngăn ngừa, họ ân cần nhường cái vinh dự canh giữ các « rào thép gai » đó cho Ba-lan, Ru-ma-ni, Phần-lan v.v. Họ nói rằng Đức đã rất lấy làm tức tối, vì hình như người ta không muốn giao cho Đức canh giữ các « giới tuyến » và các « dây thép gai ». Có cần phải chứng minh rằng những câu chuyện bịa đặt về sự tuyên truyền không phải là một lý lẽ để chống lại việc kiến lập những « quan hệ bình thường », mà là một cái cớ để tuyên truyền vũ trang can thiệp không ? Những kẻ không muốn mình là lố bịch, làm thế nào để có thể « ngăn ngừa » được những tư tưởng của chủ nghĩa bôn-sê-vích, nếu ngay trong nước cũng có đất thuận lợi cho những tư tưởng ấy phát triển. Lúc đương thời, ngay chính phủ Nga hoàng cũng đã « ngăn ngừa » chủ nghĩa bôn-sê-vích, nhưng, như ai nấy đều biết, chính phủ đó đã không thể « ngăn ngừa » được. Chính phủ đó đã không thể làm được việc đó, vì chủ nghĩa bôn-sê-vích cứ ngày càng lớn mạnh lên mãi và ở khắp nơi, không phải từ bên ngoài vào mà là từ bên trong. Hình như không có một nước nào bị « ngăn cách » với những người bôn-sê-vích Nga hơn là Trung-quốc, Ấn-độ, Đông-dương. Thế mà kết quả như thế nào ? Chủ nghĩa bôn-sê-vích ở đấy đang lớn mạnh và sẽ tiếp tục lớn mạnh, bất chấp tất cả các « giới tuyến », bởi vì hiển nhiên là ở đấy có những điều kiện thuận lợi cho chủ nghĩa bôn-sê-vích thâm nhập. Vậy sự tuyên truyền của những người bôn-sê-vích Nga có dính líu gì đến đấy không ? Chà ! Nếu các ngài tư bản đã có thể, bằng cách này hay cách khác, « ngăn ngừa » được nạn khủng hoảng kinh tế, ngăn ngừa được sự cùng khổ của quần chúng, nạn thất nghiệp, tình trạng tiền công thấp, việc bóc lột những người lao động, thì có lẽ lại là một việc khác : lúc đó ở các nước của họ có lẽ sẽ không có phong trào bôn-sê-vích. Nhưng sự thật, thì chính lại là bất cứ kẻ đê tiện nào

cũng tìm cách bào chữa cho sự yếu hèn của mình hay sự bất lực của mình bằng cách viện cớ là vì những người bôn-sê-vích Nga tuyên truyền.

Rồi họ lại nói rằng vật chướng ngại là chế độ xô-viết của chúng ta, việc tập thể hóa, cuộc đấu tranh chống cu-lắc, việc tuyên truyền chống tôn giáo, cuộc đấu tranh chống bọn phá hoại và bọn phản cách mạng trong số những « nhà khoa học », việc trục xuất bọn Bét-xê-đốp-ski, bọn Xô-lô-môn, bọn Đi-mi-tơ-ri-ép-ski và bọn tay sai khác của tư bản. Song, điều đó thành ra thật là đáng buồn cười. Các đồng chí xem, chúng không thích chế độ xô-viết. Nhưng chúng ta cũng không ưa gì chế độ tư bản. *(Có tiếng cười. Vỗ tay.)* Chúng ta không ưa vì, ở nước chúng ta, hàng chục triệu người thất nghiệp bị lâm vào cảnh đói khát và bần cùng, trong lúc một nhúm nhỏ tư bản lại giàu có hàng tỷ. Nhưng một khi chúng ta đã đồng ý là không can thiệp vào những việc nội trị của các nước khác, thì có phải rõ ràng là không cần nhắc lại vấn đề ấy không ? Tập thể hóa, đấu tranh chống cu-lắc, đấu tranh chống bọn phá hoại, tuyên truyền chống tôn giáo, v.v. là cái quyền không thể bỏ được của công nhân và nông dân Liên-xô, đã được xác định trong Hiến pháp của chúng ta. Chúng ta phải thi hành Hiến pháp Liên-xô và chúng ta sẽ thi hành Hiến pháp đó với một tinh thần triệt để nhất. Vậy, dĩ nhiên là kẻ nào không muốn tôn trọng Hiến pháp của chúng ta, thì có thể đi theo con đường của họ, đi đến nơi nào mà họ cho là tốt. Còn đối với bọn Bét-xê-đốp-ski, bọn Xô-lô-môn, bọn Đơ-mi-tơ-ri-ép-ski và những tên khác thì chúng ta sẽ tiếp tục ném chúng ra ngoài như một món hàng vứt bỏ, vô ích và có hại cho cách mạng. Những kẻ nào đặc biệt đồng tình với những bọn đê hèn thì có thể đề cao bọn này. *(Có tiếng cười.)* Những cối xay cách mạng của chúng ta xay rất tốt. Nó giữ lấy tất cả cái gì tốt để cống hiến cho các Xô-viết ; nó vứt bỏ những cặn bã. Người ta nói rằng ở Pháp, trong số những người tư sản Pa-ri, món hàng cặn bã đó bán rất chạy. Thế thì họ cứ nhập cảng những thứ ấy theo sở

thích của họ. Dĩ nhiên là như thế sẽ làm cho cái mục nhập khẩu trong bảng cân thương nghiệp của nước Pháp phải gánh nặng thêm một ít, điều mà các ngài tư sản bao giờ cũng phản đối. Nhưng đó là việc của họ. Vậy chúng ta chớ can thiệp vào những việc nội bộ của nước Pháp. *(Có tiếng cười. Vỗ tay.)*

Đó là những « trở ngại » cho việc kiến lập những quan hệ « bình thường » giữa Liên-xô với các nước khác.

Do đó, có thể thấy rằng « những trở ngại » ấy là « những trở ngại » tưởng tượng, mà người ta dùng làm cái cớ để tuyên truyền chống Liên-xô.

Chính sách của chúng ta là chính sách hòa bình và thắt chặt những quan hệ buôn bán với tất cả các nước. Chính sách đó đã đưa lại kết quả là cải thiện được các mối quan hệ với nhiều nước, và ký kết được nhiều hiệp ước buôn bán, giúp đỡ về mặt kỹ thuật, v.v. Chính sách đó còn đưa đến kết quả là Liên-xô tham gia hiệp ước Ken-lốt, ký kết bản nghị định mà mọi người đều biết với Ba-lan, Ru-ma-ni, Li-tu-a-ni v.v. dựa theo tinh thần hiệp ước Ken-lốt, ký kết nghị định về việc gia hạn hiệp ước hữu nghị và trung lập với Thổ. Cuối cùng, kết quả của chính sách đó là chúng ta đã bảo vệ được hòa bình, không để cho kẻ thù lôi kéo chúng ta vào một cuộc xung đột mặc dầu đã có biết bao nhiêu hành động khiêu khích và đã có những cuộc tấn công của bọn phiêu lưu gây chiến. Chính sách hòa bình ấy, chúng ta sẽ còn đem hết sức mình và dùng tất cả mọi phương pháp để tiếp tục thực hiện. Chúng ta không thèm muốn qua một tấc đất nào của nước ngoài. Nhưng đất nước của chúng ta thì chúng ta sẽ không nhường một tấc đất nào của chúng ta cho ai cả. *(Vỗ tay.)*

Đó là chính sách đối ngoại của chúng ta.

Nhiệm vụ là phải theo đuổi chính sách đó với tất cả tinh thần kiên trì vốn có của những người bôn-sê-vích.

II

SỰ PHÁT TRIỂN NGÀY CÀNG TĂNG CỦA CÔNG CUỘC XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ TÌNH HÌNH NỘI BỘ CỦA LIÊN-XÔ

Chúng ta hãy nói đến tình hình nội bộ của Liên-xô.

Trái ngược với những nước tư bản chủ nghĩa mà trong đó, hiện nay luôn luôn xảy ra nạn *khủng hoảng* kinh tế và *nạn thất nghiệp ngày càng tăng thêm* mãi, tình hình trong nước chúng ta lại biểu hiện *một sự phát triển ngày càng tăng* của nền kinh tế quốc dân, và nạn thất nghiệp *ngày càng giảm bớt dần*. Đại công nghiệp đã lớn mạnh và đã tăng nhanh nhịp độ phát triển của nó. Công nghiệp nặng đã được củng cố. Khu vực xã hội chủ nghĩa của công nghiệp đã tiến triển nhiều. Một lực lượng mới đã xuất hiện trong nông nghiệp : nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Nếu trước đây vài năm, chúng ta đã có một cuộc khủng hoảng trong việc sản xuất ngũ cốc ; và về việc thu mua lúa mì, chúng ta đã chủ yếu dựa vào kinh tế cá thể, thì bây giờ trọng tâm đã chuyển về những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh rồi ; còn nạn khủng hoảng ngũ cốc, thì có thể coi như là đã được giải quyết về căn bản. Các tầng lớp quần chúng cơ bản trong nông dân đã hướng hẳn về nông trang tập thể. Sự phản kháng của bọn cu-lắc đã bị đập tan. Tình hình nội bộ của Liên-xô lại càng được củng cố hơn nữa. Nhìn chung tình hình nội bộ của Liên-xô hiện nay là như thế.

Chúng ta hãy xét những tài liệu cụ thể.

1. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TOÀN BỘ NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN

a) Nếu trong năm 1926 - 27, nghĩa là ngay trước đại hội XV của đảng, về *toàn bộ nông nghiệp*, kể cả kinh tế lâm nghiệp, ngư nghiệp, v.v., tổng sản lượng của chúng ta, tính theo đồng rúp trước chiến tranh, là 12.370

triệu rúp, tức là 106,6% trước chiến tranh, thì năm sau, tức là 1927-28 chúng ta đã đạt được 107,2% ; năm 1928-29, 109,1% và năm nay 1929-30 cứ xét theo sự phát triển của nông nghiệp, thì ta sẽ đạt được không kém 113-114% mức trước chiến tranh.

Như thế là chúng ta đang đứng trước một sự phát triển không ngừng, tuy tương đối chậm, của toàn bộ nền sản xuất nông nghiệp.

Nếu năm 1926-27, nghĩa là ngay trước đại hội XV của đảng, về toàn bộ công nghiệp của chúng ta, cả tiểu công nghiệp lẫn đại công nghiệp, kể cả công nghiệp xay bột, tổng sản lượng, tính theo đồng rúp trước chiến tranh, là 8.641 triệu rúp, tức 102,5% mức trước chiến tranh, thì năm sau, nghĩa là năm 1927-28 chúng ta đã đạt được 122%, năm 1928-29, 142,5% và năm nay, 1929-30, cứ xét theo sự phát triển của công nghiệp, thì chúng ta sẽ đạt không kém 180% mức trước chiến tranh.

Như thế là chúng ta đang đứng trước một sự phát triển vô cùng nhanh chóng của toàn bộ nền công nghiệp.

b) Nếu năm 1926-27, nghĩa là ngay trước đại hội XV của đảng, trên toàn bộ *hệ thống đường sắt* của chúng ta, *số lượng vận chuyển hàng hóa* của chúng ta là 81,7 tỷ tấn/cây số, tức 127% mức trước chiến tranh, thì năm sau nghĩa là năm 1927-28 chúng ta đạt được 134,2% ; năm 1928-29, 162,4% và năm nay, 1929-30, theo tất cả các tài liệu thống kê, thì chúng ta sẽ đạt được không kém 130% mức trước chiến tranh. Về việc xây dựng những đường sắt mới, trong thời gian vừa qua, nghĩa là tính từ 1927-28, thì hệ thống đường sắt đã tăng từ 76.000 lên đến 80.000 cây số, tức là 136,7% mức trước chiến tranh.

c) Giả sử *con số kinh doanh thương nghiệp* trong nước năm 1926-27 là 100 (31 tỷ rúp), thì năm 1927-28, con số kinh doanh đó sẽ lên đến 124,6%, năm 1928-29, lên đến 160, 4% và năm nay, 1929-30, cứ xét theo tất cả các tài liệu thống kê thì con số kinh doanh đó sẽ lên tới 202%, nghĩa là gấp đôi so với 1926-27.

d) Giả sử *con số kết toán chung* của tất cả *các cơ quan tin dụng* đến ngày 1 tháng Mười 1927 là 100 (9.173 triệu rúp), thì đến ngày 1 tháng Mười 1928, con số đó lên đến 141% và, đến ngày 1 tháng Mười 1929, là 201,1%, nghĩa là con số đã tăng gấp đôi so với 1927.

e) Giả sử *ngân sách toàn quốc* năm 1926-27 là 100 (6.371 triệu rúp), thì đến năm 1927-28 ngân sách đó là 125,5% ; năm 1928-29 là 146,7% và, năm 1929-30 là 204,4%, nghĩa là con số đã tăng gấp đôi so với ngân sách 1926-27 (12.605 triệu rúp).

g) *Nếu con số kinh doanh về ngoại thương của chúng ta* (xuất khẩu — nhập khẩu), năm 1926-27, là 47,9% mức trước chiến tranh, thì năm 1927-28, con số kinh doanh về ngoại thương là 56,8% ; năm 1928-29 là 67,9% và năm 1929-30, cứ theo các tài liệu thống kê, chúng ta sẽ đạt được không kém 80% mức trước chiến tranh.

h) Và đây tóm lại là tình hình phát triển của toàn bộ *thu nhập quốc dân* trong thời kỳ nói trên (lấy giá cả năm 1926-27 làm tiêu chuẩn) ; năm 1926-27, số thu nhập quốc dân, theo tài liệu của Ủy ban kế hoạch nhà nước là 23.127 triệu rúp ; năm 1927-28 là 25.396 triệu rúp, tức là tăng 9,8% ; năm 1928-29 là 28.596 triệu rúp, tức là tăng 12,6% ; năm 1929-30, cứ tính theo tất cả các tài liệu thống kê, thì số thu nhập quốc dân phải lên đến ít nhất là 34 tỷ rúp, như thế tức là tăng lên 20% trong một năm. Trong ba năm qua, tính trung bình thì như thế mỗi năm tăng hơn 15%.

Nếu người ta chú ý rằng con số tăng trung bình về thu nhập quốc dân trong những nước như Mỹ, Anh, và Đức không vượt quá từ 3 đến 8%, thì phải thừa nhận rằng nhịp độ tăng về thu nhập quốc dân, ở Liên-xô, thật là một nhịp độ *quán quân*.

2. NHỮNG THÀNH TÍCH VỀ MẶT CÔNG NGHIỆP HÓA

Nền kinh tế quốc dân ở nước ta, không phát triển một cách tự phát mà phát triển theo một số hướng nhất định nghĩa là theo hướng công nghiệp hóa, theo khẩu hiệu công nghiệp hóa, theo khẩu hiệu tỷ lệ công nghiệp ngày càng lớn trong toàn bộ hệ thống kinh tế quốc dân, theo khẩu hiệu cải tạo nước chúng ta, từ nước nông nghiệp thành nước công nghiệp.

a) Trong thời kỳ nói trên, tình hình biến chuyển về tỷ số giữa toàn bộ công nghiệp và toàn bộ nông nghiệp, đứng về phương diện tỷ lệ của công nghiệp trong tổng sản lượng của toàn bộ nền kinh tế quốc dân mà nói, là như sau : trong thời kỳ trước chiến tranh, tỷ lệ công nghiệp trong tổng sản lượng của nền kinh tế quốc dân là 42,1% ; tỷ lệ nông nghiệp là 57,9%; năm 1927-28, tỷ lệ công nghiệp là 45,2%, tỷ lệ nông nghiệp là 54,8% ; năm 1928-29, tỷ lệ công nghiệp là 48,7%, tỷ lệ nông nghiệp là 51,3% ; năm 1929-30, tỷ lệ công nghiệp, theo tất cả các tài liệu thống kê, thì ít nhất phải là 53% và tỷ lệ nông nghiệp nhiều nhất là 47%.

Thế có nghĩa là tỷ lệ công nghiệp đã bắt đầu trội hơn tỷ lệ nông nghiệp trong toàn bộ hệ thống kinh tế quốc dân, và chúng ta sắp chuyển từ nước *nông nghiệp* thành nước *công nghiệp*. *(Vỗ tay.)*

b) Đứng về mặt tỷ lệ của công nghiệp về sản lượng *hàng hóa* trong nền kinh tế quốc dân mà xét, thì ưu thế của công nghiệp lại càng rõ rệt. Nếu, trong năm 1926-27, tỷ lệ sản lượng hàng hóa của công nghiệp trong tổng sản lượng hàng hóa của kinh tế quốc dân là 68,8% và tỷ lệ sản lượng hàng hóa của nông nghiệp là 31,2%, thì năm 1927-28, tỷ lệ đó của công nghiệp là 71,2%, của nông nghiệp là 28,8% ; năm 1928-29 tỷ lệ đó của công nghiệp là 72,4%, của nông nghiệp là 27,6%; và năm 1929-30, theo tất cả các tài liệu thống kê, thì tỷ lệ đó của công nghiệp sẽ là 76%, của nông nghiệp là 24%.

Tình trạng đặc biệt bất lợi đó của nông nghiệp, tựu trung là do tính chất tiểu nông và tính chất sản xuất được ít hàng hóa của nông nghiệp. Và người ta hiểu rằng, đến một mức

nào đó, thì tình trạng đó phải dần dần thay đổi theo như sự phát triển của lối kinh doanh đại quy mô—là nông trường quốc doanh và nông trang tập thể — ở trong ngành nông nghiệp, và theo với sản lượng hàng hóa ngày một tăng thêm của ngành này.

c) Nhưng riêng sự phát triển của công nghiệp nói chung cũng không cho ta thấy được đầy đủ tình hình nhịp độ công nghiệp hóa. Muốn biết được đầy đủ tình hình đó, còn phải xác định được sự biến chuyển về tỷ số giữa công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ. Bởi vậy phải coi việc tăng lên không ngừng của tỷ lệ sản lượng *công cụ sản xuất và tư liệu sản xuất* (công nghiệp nặng) trong toàn bộ sản lượng công nghiệp là dấu hiệu rõ rệt nhất của sự phát triển của công nghiệp. Nếu trong năm 1927-28, tỷ lệ sản lượng công cụ sản xuất và tư liệu sản xuất trong tổng sản lượng của *toàn bộ* công nghiệp là 27,2%, và tỷ lệ sản lượng những vật thường dùng là 72,8%, thì năm 1928-29, tỷ lệ sản lượng những công cụ và tư liệu sản xuất là 28,7%, tỷ lệ sản lượng vật thường dùng là 71,3% và năm 1929-30, theo tất cả các tài liệu thống kê thì tỷ lệ sản lượng công cụ và tư liệu sản xuất sẽ lên đến 32,7% rồi, mà tỷ lệ sản xuất các vật thường dùng là 67,3%.

Và nếu người ta không lấy toàn bộ công nghiệp mà xét, mà *chỉ* lấy *riêng* có công nghiệp do Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao đã kế hoạch hóa, nghĩa là công nghiệp bao gồm tất cả những ngành công nghiệp chủ chốt, thì người ta càng thấy rằng ở đây, tỷ số giữa sản lượng công cụ và tư liệu sản xuất và sản lượng những vật thường dùng lại còn có vẻ thuận lợi hơn, tức là : trong năm 1927-28 tỷ lệ sản lượng những công cụ và tư liệu sản xuất là 42,7%, tỷ lệ sản lượng những vật thường dùng là 57,3% ; năm 1928-29, là 44,6% và 55,4%, và năm 1929-30 theo tất cả các tài liệu thống kê, thì tỷ lệ đó ít nhất lên đến 48% so với 52% về sản lượng những vật thường dùng.

Kinh tế quốc dân của chúng ta đang phát triển theo khẩu hiệu công nghiệp hóa, theo khẩu hiệu củng cố và phát triển nền công nghiệp nặng riêng của chúng ta.

Điều đó có nghĩa là chúng ta đã khôi phục được và đang tiếp tục phát triển công nghiệp nặng của chúng ta, tức là cơ sở của sự độc lập kinh tế của chúng ta.

3. ĐỊA VỊ CHỦ ĐẠO VÀ NHỊP ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHIỆP XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nền kinh tế quốc dân của chúng ta đang tiếp tục phát triển theo khẩu hiệu công nghiệp hóa. Những cái mà chúng ta cần có không phải là một thứ công nghiệp nào cũng được. Chúng ta cần có một thứ công nghiệp hóa có khả năng bảo đảm cho *những hình thức công nghiệp xã hội chủ nghĩa* ngày càng chiếm được ưu thế đối với những hình thức sản xuất hàng hóa *nhỏ*, và hơn nữa, đối với những hình thức *tư bản chủ nghĩa*. Đặc điểm của việc công nghiệp hóa của chúng ta là ở chỗ nó là một thứ công nghiệp hóa *xã hội chủ nghĩa*, một thứ công nghiệp hóa bảo đảm cho khu vực *xã hội hóa* trong công nghiệp thắng khu vực *kinh tế tư nhân*, thắng khu vực sản xuất hàng hóa nhỏ và tư bản chủ nghĩa.

Đây là vài tài liệu về việc tăng thêm số vốn đầu tư và tăng thêm tổng sản lượng theo từng khu vực :

a) Nếu người ta xét việc tăng thêm *số vốn đầu tư* vào công nghiệp theo từng khu vực, thì chúng ta sẽ thấy tình hình như sau. *Khu vực xã hội hóa:* năm 1926-27, 1.270 triệu rúp ; năm 1927-28, 1.614 triệu rúp ; năm 1928-29, 2.046 triệu rúp ; năm 1929-30, 4.275 triệu rúp. *Khu vực kinh tế tư nhân và tư bản chủ nghĩa:* năm 1926-27, 63 triệu rúp ; năm 1927-28, 64 triệu rúp ; năm 1928-29, 56 triệu rúp ; năm 1929-30, 51 triệu rúp.

Trước nhất, thế nghĩa là số vốn đầu tư vào khu vực xã hội hóa công nghiệp, trong thời kỳ đó, *đã tăng lên* hơn *gấp ba lần* (335%).

Thứ hai, thế nghĩa là số vốn đầu tư vào khu vực kinh tế tư nhân và tư bản chủ nghĩa, trong thời kỳ đó đã *giảm mất một phần năm* (81%).

Khu vực kinh tế tư nhân và tư bản chủ nghĩa sống bằng số vốn cũ của nó và đang đi đến chỗ diệt vong.

b) Nếu người ta xét sự lớn lên của *tổng sản lượng* công nghiệp theo từng khu vực, thì chúng ta sẽ có tình hình sau đây. *Khu vực xã hội hóa:* năm 1926-27, 11.999 triệu rúp ; năm 1927-28, 15.389 triệu rúp ; năm 1928-29, 18.903 triệu rúp ; năm 1929-30, 24.740 triệu rúp. *Khu vực kinh tế tư nhân và tư bản chủ nghĩa:* năm 1926-27, 4.043 triệu rúp ; năm 1927-28, 3.704 triệu rúp ; năm 1928-29, 3.389 triệu rúp ; năm 1929-30, 3.310 triệu rúp.

Trước nhất, như thế là tổng sản lượng của khu vực xã hội hóa công nghiệp *đã tăng*, trong ba năm, lên hơn *gấp đôi* (206,2%).

Thứ hai, như thế là tổng sản lượng công nghiệp của khu vực kinh tế tư nhân và tư bản chủ nghĩa, trong cùng thời gian đó *đã giảm đi* gần *một phần năm* (81,9%).

Và nếu người ta không lấy sản lượng của toàn bộ công nghiệp mà xét, mà chỉ lấy riêng có sản lượng của ngành *đại* công nghiệp (đã kiểm kê) và nếu người ta xét sản lượng đó theo từng khu vực, thì người ta sẽ có tình hình như sau, về tỷ số giữa khu vực xã hội hóa và khu vực kinh tế tư nhân. Tỷ lệ của khu vực xã hội hóa trong sản lượng của đại công nghiệp ở trong nước là : năm 1926-27, 97,7% ; năm 1927-28, 98,6% ; năm 1928-29, 99,1% ; năm 1929-30, 99,3%. Tỷ lệ của khu vực kinh tế tư nhân trong sản lượng của đại công nghiệp ở trong nước là : năm 1926-27, 2,3% ; năm 1927-28, 1,4% ; năm 1928-29, 0,9% ; năm 1929-30, 0,7%.

Các đồng chí thấy đấy, thành phần tư bản chủ nghĩa trong đại công nghiệp đã đi đến chỗ tiêu vong.

Rõ ràng là vấn đề xem xem « ai thắng ai », vấn đề xem xem có phải chủ nghĩa xã hội thắng những thành phần tư bản chủ nghĩa trong công nghiệp, hay là những thành phần này thắng chủ nghĩa xã hội, — đã được giải quyết bằng sự

thắng lợi của những hình thức công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Đã được giải quyết xong hẳn và dứt khoát. *(Vỗ tay.)*

c) Về phương diện *tốc độ phát triển* của công nghiệp quốc doanh đã được Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao kế hoạch hóa trong thời gian nói trên, thì chúng ta có những tài liệu đặc biệt đáng chú ý. Nếu người ta giả định tổng sản lượng công nghiệp xã hội chủ nghĩa do Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao đã kế hoạch hóa, là 100 cho năm 1926-27, thì năm 1927-28 tổng sản lượng của công nghiệp ấy lên đến 127,4%, năm 1928-29 là 158,6% và năm 1929-30 là 209,8%.

Như thế có nghĩa là công nghiệp xã hội chủ nghĩa do Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao kế hoạch hóa, gồm tất cả các ngành công nghiệp chủ yếu và toàn bộ công nghiệp nặng, trong ba năm đã tăng gấp *hơn hai lần*.

Không thể không thừa nhận rằng trên thế giới, không có nước nào mà công nghiệp nặng lại có được những tốc độ phát triển mạnh mẽ đến như thế.

Chính điều đó làm cho chúng ta có quyền nói đến việc hoàn thành kế hoạch 5 năm trong bốn năm.

d) Một số đồng chí không tin khẩu hiệu : *« hoàn thành kế hoạch 5 năm trong bốn năm »*. Ngay mới đây thôi, hãy còn một bộ phận trong các đồng chí chúng ta vẫn coi kế hoạch 5 năm đã được đại hội V của các Xô-viết[44] thông qua, như một việc huyền hoặc. Đó là tôi chưa nói đến bọn văn sĩ tư sản và bọn hễ nghe đến tiếng « kế hoạch 5 năm » là đã trợn trừng con mắt lên. Nếu đứng về mặt thực hiện kế hoạch 5 năm trong hai năm đầu mà xét, thì sự thật, tình hình hiện nay của chúng ta ra sao ? Tổng kết việc kiểm tra tình hình thi hành kế hoạch 5 năm theo chỉ tiêu cao nhất của nó đã chỉ cho chúng ta thấy gì ? Việc đó không những chỉ cho chúng ta thấy rằng chúng ta có thể hoàn thành kế hoạch 5 năm trong bốn năm. Việc đó còn cho chúng ta thấy rằng, đối với nhiều ngành công nghiệp chúng ta còn có thể hoàn thành kế hoạch đó trong ba năm hay thậm chí trong hai năm rưỡi nữa. Điều

đó, đối với những kẻ hoài nghi thuộc phe cơ hội chủ nghĩa, có thể như là vô lý. Nhưng đó là một sự thật, mà phủ nhận đi thì thật là ngu ngốc và đáng tức cười.

Các đồng chí cứ nghĩ mà xem.

Theo kế hoạch 5 năm, thì *công nghiệp dầu hỏa*, năm 1932-33, phải cung cấp được 977 triệu rúp sản phẩm. Thế mà trên thực tế thì ngay năm 1929-30, công nghiệp đó đã cung cấp được 809 triệu rúp rồi, nghĩa là 83% sản lượng mà kế hoạch 5 năm dự tính cho năm 1932-33. Như vậy là về công nghiệp dầu hỏa thì chúng ta thực hiện kế hoạch 5 năm trong khoảng hai năm rưỡi.

Đối với *công nghiệp than bùn*, kế hoạch 5 năm quy định là năm 1932-33 chúng ta phải đạt được 122 triệu rúp than. Thế mà trên thực tế thì năm 1929-30 , công nghiệp này đã cung cấp trên 115 triệu rúp, nghĩa là 96% sản lượng mà kế hoạch 5 năm dự tính cho năm 1932-33. Như vậy là về công việc than bùn, chúng ta thực hiện kế hoạch 5 năm trong hai năm rưỡi, có khi còn sớm hơn nữa.

Theo kế hoạch 5 năm, thì *ngành chế tạo những máy móc phổ thông*, năm 1932-33, phải cung cấp 2.058 triệu rúp máy móc. Thế mà trên thực tế, năm 1929-30, ngành đó đã cung cấp được 1.458 triệu rúp rồi, tức là 70% sản lượng dự tính trong kế hoạch 5 năm cho năm 1932-33. Như vậy là chúng ta thực hiện kế hoạch 5 năm của ngành chế tạo những máy móc phổ thông trong hai năm rưỡi hay ba năm.

Theo kế hoạch 5 năm thì việc *chế tạo máy móc nông nghiệp*, năm 1932-33, phải cung cấp 610 triệu rúp máy móc nông nghiệp. Thế mà trên thực tế thì năm 1929-30, ngành đó đã cung cấp được đến 400 triệu, tức là trên 60% sản lượng dự tính trong kế hoạch 5 năm cho năm 1932-33. Như vậy là chúng ta thực hiện kế hoạch 5 năm về việc chế tạo máy móc nông nghiệp trong ba năm, hay có thể sớm hơn.

Theo kế hoạch 5 năm, thì năm 1932-33 *công nghiệp điện khí* phải sản xuất được một giá trị là 896 triệu rúp. Thế mà trên thực tế thì năm 1929-30, công nghiệp đó đã cung cấp được 503 triệu rúp rồi, tức là 56% sản lượng dự tính trong kế hoạch

5 năm cho năm 1932-33. Như vậy là chúng ta thực hiện kế hoạch 5 năm của công nghiệp điện khí trong ba năm.

Đó là những tốc độ phát triển chưa từng có của công nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Chúng ta tiến lên với một tốc độ ngày càng nhanh **đuổi** kịp các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến, cả về mặt kỹ thuật lẫn về mặt kinh tế.

e) Tất nhiên như thế không có nghĩa là chúng ta đã theo kịp họ về khối lượng sản xuất, không có nghĩa là công nghiệp của chúng ta đã đạt tới *trình độ* phát triển của công nghiệp trong các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến. Không, còn là xa. Không nên lẫn lộn *tốc độ* phát triển của công nghiệp với *trình độ* phát triển của công nghiệp. Ở nước ta, nhiều người lẫn lộn như thế, cho rằng khi chúng ta đã đạt được những tốc độ chưa từng thấy về phương diện phát triển công nghiệp, thì chính như thế là chúng ta đã đạt đến trình độ phát triển về công nghiệp của các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến rồi. Như thế là hoàn toàn sai.

Chúng ta hãy lấy thí dụ việc sản xuất điện lực là ngành ở ta có những tốc độ rất cao. Về sản xuất điện lực, thì từ 1924 đến 1929, chúng ta đã tăng lên được gần 600%, mà cũng trong thời gian đó, nước Mỹ chỉ nâng sản xuất điện lực của họ lên đến 181%, Ca-na-đa lên 218% ; Đức, 241% ; Ý, 222%. Các đồng chí xem đó chúng ta đã có một tốc độ thật sự chưa từng thấy, cao hơn những tốc độ của tất cả các nước khác. Nhưng nếu ta xét tới trình độ phát triển sản xuất điện lực ở những nước đó, trong năm 1929 chẳng hạn, và đem so sánh với trình độ phát triển sản xuất điện lực ở Liên-xô, thì tình hình thật không lấy gì làm phấn khởi đối với Liên-xô cả. Còn là xa. Mặc dù sản xuất điện lực ở Liên-xô có một tốc độ phát triển chưa từng thấy, nhưng năm 1929 chỉ đạt được 6.465 triệu ki-lô-oát giờ thôi, trong khi đó thì nước Mỹ có 126.000 triệu ; Ca-na-đa 17.628 triệu ; Đức, 33.000 triệu ; Ý, 10.850 triệu.

Cách nhau rất xa, các đồng chí thấy đấy.

Thế là về trình độ phát triển, chúng ta còn lạc hậu so với tất cả các nước ấy.

Lại thí dụ như việc sản xuất gang ở nước ta. Nếu người ta giả định sản xuất gang năm 1926-27 (2,9 triệu tấn) là 100, thì trong ba năm, nghĩa là từ 1927-28 đến 1929-30, sản xuất đó ở nước ta tăng lên gần *gấp đôi*, tức là đạt được 190% (5,5 triệu tấn). Như các đồng chí thấy đấy : tốc độ phát triển khá nhanh. Nhưng nếu đứng về mặt trình độ phát triển của việc sản xuất gang ở nước ta, và nếu đem so sánh khối lượng sản xuất gang ở Liên-xô với khối lượng sản xuất gang ở các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến, thì tình hình không có gì lấy làm phấn khởi cả. Trước hết là vì chỉ trong năm nay, 1929-30, chúng ta mới đạt được và vượt mức trước chiến tranh về sản xuất gang. Chỉ một việc đó thôi cũng đủ khiến cho ta đi đến câu kết luận bất di bất dịch này là : nếu không làm cho tốc độ phát triển của ngành luyện kim tăng lên một cách không ngừng, thì chúng ta sẽ làm hại đến vận mệnh của toàn bộ nền sản xuất công nghiệp của chúng ta. Còn nói về trình độ phát triển của công nghiệp gang ở nước ta và ở phương Tây, thì tình hình là như thế này : sản lượng gang ở nước Mỹ, năm 1929 là 42,3 triệu tấn ; ở Đức là 13,4 triệu tấn ; ở Pháp là 10,45 triệu tấn ; ở Anh là 7,7 triệu tấn ; ở Liên-xô thì đến cuối năm 1929-30, sản lượng gang chỉ mới đạt được một tổng số là 5,5 triệu tấn.

Cách xa nhau không phải là ít, như các đồng chí thấy đấy.

Như vậy là về trình độ phát triển của việc sản xuất gang, chúng ta hiện vẫn còn lạc hậu so với tất cả các nước ấy.

Tất cả những sự việc đó chứng tỏ cái gì ?

Chứng tỏ rằng :

1) *không nên lẫn lộn* tốc độ phát triển của công nghiệp với trình độ phát triển của công nghiệp;

2) về trình độ phát triển công nghiệp của chúng ta, thì chúng ta hiện đang *lạc hậu* một cách ghê gớm so với các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến;

3) chỉ có *luôn luôn đẩy mạnh* tốc độ phát triển công nghiệp của chúng ta lên, thì mới có thể đuổi kịp và vượt được các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến về phương diện kỹ thuật và kinh tế;

4) những kẻ nói ba hoa về sự cần phải *giảm bớt* tốc độ phát triển công nghiệp của chúng ta đi, là kẻ thù của chủ nghĩa xã hội, là tay sai của những kẻ thù giai cấp của chúng ta. *(Vỗ tay.)*

4. NÔNG NGHIỆP VÀ VẤN ĐỀ NGŨ CỐC

Trên đây, tôi đã nói về tình trạng của toàn bộ nông nghiệp, trong đó gồm cả kinh tế lâm nghiệp, ngư nghiệp, v.v., mà không chia nhỏ nền nông nghiệp thành những ngành chủ yếu. Nếu ta để riêng những ngành chủ yếu của toàn bộ nền nông nghiệp như ngành trồng ngũ cốc, chăn nuôi và các ngành trồng cây công nghiệp, thì theo các số liệu của Ủy ban kế hoạch Nhà nước và của Bộ dân ủy Nông nghiệp Liên-xô, tình hình sẽ thể hiện như sau :

a) Nếu giả sử diện tích *gieo trồng ngũ cốc* năm 1913 là 100, thì hàng năm tình hình tăng giảm diện tích gieo trồng ấy sẽ diễn biến như sau : 1926-27 là 96,9% ; 1927-28, 94,7% ; 1928-29, 98,2%, và theo tất cả các số liệu thì năm 1929-30 này, diện tích gieo trồng sẽ lên tới 105,1% so với mức trước chiến tranh.

Điều đáng chú ý là diện tích gieo trồng về ngũ cốc trong năm 1927-28 bị giảm sút. Nguyên nhân sự giảm sút đó không phải do việc trồng ngũ cốc sụt dần xuống, như bọn ngu dốt trong phe cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh đã chỉ trích bậy bạ, mà là do việc gieo trồng vụ thu bị tổn thất tới 7.700.000 éc-ta (tức là 20% diện tích gieo trồng vụ thu của Liên-xô).

Tiếp đó, nếu ta lấy *tổng* sản lượng ngũ cốc năm 1913 là 100, thì chúng ta sẽ thấy tình hình như sau : năm 1927 là 91,9% ; năm 1928, 90,8% ; năm 1929, 94,4% ; và theo tất cả các số liệu thì năm 1930 chúng ta sẽ đạt tới 110% so với con số trước chiến tranh.

Ở đây nữa, điều đáng chú ý là sự giảm sút tổng sản lượng ngũ cốc trong năm 1928, mà nguyên nhân là do việc gieo trồng vụ thu ở U-cơ-ren và ở vùng Bắc Cáp-ca-dơ bị thiệt hại.

Còn nói về phần ngũ cốc trong tổng sản lượng ngũ cốc,

đem bán ra thị trường (tức đem bán ra ngoài thôn xóm) thì tình hình lại còn đáng chú ý hơn nữa. Nếu giả sử cái phần ngũ cốc đem bán năm 1913 là 100, thì năm 1927 phần đó là 37% ; năm 1928, 36,8% ; năm 1929, 58% ; và theo tất cả các số liệu thì trong năm 1930 này, chúng ta sẽ có được ít nhất là 73% so với mức trước chiến tranh.

Như thế là đối với diện tích gieo trồng và tổng sản lượng ngũ cốc, thì chúng ta đã đạt được con số trước chiến tranh và trong năm 1930 này, chúng ta chỉ mới vượt được con số đó ít thôi.

Tiếp đó, như thế là về sản lượng ngũ cốc *hàng hóa*, chúng ta còn xa mới đạt được con số trước chiến tranh, và cả năm nay nữa, so với con số đó, chúng ta cũng còn kém chừng 20%.

Đó là căn nguyên những khó khăn của chúng ta về phương diện lúa mì, những khó khăn đã trở nên đặc biệt trầm trọng năm 1928.

Đó cũng là căn nguyên của vấn đề ngũ cốc nữa.

b) Trong lĩnh vực *chăn nuôi*, ta cũng thấy một tình hình tương tự như thế, nhưng với những dấu hiệu đáng lo ngại hơn.

Nếu năm 1916, giả sử số gia súc thuộc từng loại là 100, thì hàng năm, tình hình sẽ như sau. Năm 1927 số ngựa là 88,9% so với mức trước chiến tranh ; số bò, 114,3% ; số cừu và dê, 119,3% ; số lợn, 111,3%. Năm 1928 số ngựa là 94,3% ; số bò, 118,5% ; số cừu và dê, 126% ; số lợn, 126,1%. Năm 1929 số ngựa là 96,9% ; số bò, 115,6%, số cừu và dê, 127,8% ; số lợn, 103%. Năm 1930, số ngựa là 88,6% ; số bò 89,1% ; số cừu và dê, 87,1% ; số lợn, 60,1% ; so với con số năm 1916.

Như các đồng chí đều thấy, nếu xét theo các số liệu trong năm qua, thì ta nhận thấy ngành chăn nuôi có những dấu hiệu rõ rệt là đã giảm sút.

Về mặt *tăng gia* súc vật *để bán*, nhất là về thịt và mỡ, thì tình hình lại càng kém khả quan hơn nữa. Nếu giả sử tổng sản lượng thịt và mỡ hàng năm là 100, thì sản lượng thịt và mỡ đem bán sẽ như sau : năm 1926 là 33,4% ; năm 1927, 32,9% ; năm 1928, 30,4% ; năm 1929, 29,2%.

Như thế là chúng ta nhận thấy có những dấu hiệu rõ rệt về tình trạng không ổn định và không được đảm bảo về mặt kinh tế trong ngành chăn nuôi nhỏ sản xuất được ít hàng hóa.

Do đó, đáng lẽ chúng ta vượt được tiêu chuẩn chăn nuôi năm 1916, thì năm vừa qua chúng ta lại thấy có những dấu hiệu giảm sút rõ rệt, so với con số đó.

Như vậy là sau vấn đề ngũ cốc mà, trên những nét lớn, chúng ta đã giải quyết một cách có kết quả rồi, thì vấn đề thịt lại được đặt ra trước mắt chúng ta, vấn đề mà ngay từ bây giờ, tính chất khẩn trương của nó đã biểu lộ ra và đang đòi hỏi phải được giải quyết.

c) Sự phát triển việc trồng cây *công nghiệp* để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ của chúng ta lại cho ta thấy một tình hình khác. Nếu giả định rằng *diện tích* trồng cây công nghiệp trong năm 1913 là 100, thì chúng ta đạt được : về *bông* năm 1927 là 107,1% ; năm 1928, 131,4% ; năm 1929, 151,4% ; năm 1930, 217%, so với mức trước chiến tranh ; về *lanh* năm 1927 là 86,6% ; năm 1928, 95,7% ; năm 1929, 112,9% ; năm 1930, 125% so với mức trước chiến tranh ; về *củ cải đường* năm 1927 là 106,6% ; năm 1928, 124,2% ; năm 1929, 125,8% ; năm 1930, 169% so với mức trước chiến tranh ; về *cây có dầu* năm 1927, là 179,4% ; năm 1928, 230,9% ; năm 1929, 219,7% ; năm 1930 ít nhất là 260% so với mức trước chiến tranh.

Trên những nét lớn thì *tổng sản lượng* của ngành trồng cây công nghiệp thể hiện một tình hình cũng thuận lợi như thế. Nếu giả sử tổng sản lượng năm 1913 là 100 thì chúng ta đạt được : về *bông* năm 1928 là 110,5% ; năm 1929, 119% ; năm 1930, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ đạt được 182,8% so với mức trước chiến tranh ; về *lanh* năm 1928 là 71,6% ; năm 1929, 81,5% ; năm 1930, theo tất cả các số liệu thì chúng ta sẽ đạt được 101,3% so với mức trước chiến tranh ; về *củ cải đường* năm 1928 là 93% ; năm 1929, 58%, và trong năm 1930, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ đạt được 139,4% so với mức trước chiến tranh ; về *cây có dầu* năm 1928 là 161,9% ;

năm 1929, 149,8% ; và trong năm 1930, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ đạt được 220% so với mức trước chiến tranh.

Như vậy là đối với việc trồng cây công nghiệp, thì tình hình thuận lợi hơn, nếu chúng ta không kể tới vụ thu hoạch củ cải đường, năm 1929, bị thiệt hại vì loài sâu ăn đêm.

Vả lại, ở đây nữa, trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp thì sau này cũng có thể và chắc chắn sẽ xảy ra những sự bấp bênh nghiêm trọng và những biểu hiện không ổn định do nền kinh tế nhỏ chiếm ưu thế gây ra, những sự bấp bênh và biểu hiện đó cũng giống như những sự bấp bênh và những biểu hiện không ổn định đã thấy rõ trong các con số nói trên về sợi lanh và cây có dầu là những thứ ít chịu ảnh hưởng nhất của các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh.

Cho nên về nông nghiệp, những vấn đề đặt ra cho chúng ta là :

1) vấn đề củng cố tình hình trồng cây công nghiệp, bằng cách bảo đảm cho những miền trồng các thứ cây đó có một số ngũ cốc đầy đủ với giá rẻ;

2) vấn đề phục hồi chăn nuôi và giải quyết vấn đề thịt, bằng cách bảo đảm cho những miền chăn nuôi đó có một số ngũ cốc và cỏ khô đầy đủ với giá rẻ;

3) vấn đề trồng ngũ cốc là vấn đề cần phải được giải quyết triệt để vì nó là vấn đề chủ yếu của nông nghiệp hiện nay.

Do đó, có thể thấy rằng vấn đề ngũ cốc là khâu chủ yếu trong hệ thống nông nghiệp, và là then chốt để giải quyết tất cả các vấn đề khác của nền nông nghiệp đó.

Do đó có thể thấy rằng việc giải quyết vấn đề ngũ cốc là vấn đề đầu tiên trong toàn bộ các vấn đề khác của nền công nghiệp mà chúng ta cần phải giải quyết.

Nhưng giải quyết vấn đề ngũ cốc và do đó hướng nông nghiệp đi vào con đường phát triển mạnh mẽ, tức là thanh toán triệt để tình trạng lạc hậu của nông nghiệp, là trang bị cho nông nghiệp những máy kéo và máy móc nông nghiệp, là cung cấp cho nó những cán bộ mới gồm các nhà công tác khoa học, là nâng cao năng suất lao động và tăng thêm việc sản xuất hàng

hóa. Nếu không có những điều kiện đó thì không thể nghĩ đến việc giải quyết được vấn đề ngũ cốc đâu.

Có thể thực hiện được tất cả những điều kiện đó trên cơ sở nền kinh tế nhỏ của nông dân cá thể không ? Không, không thể được. Không thể được, vì nền kinh tế nhỏ của nông dân cá thể không thể tiếp thu cũng như không nắm được kỹ thuật mới, không thể nâng cao năng suất lao động và tăng thêm việc sản xuất hàng hóa nông nghiệp đến một mức độ cần thiết được. Chỉ còn có một con đường, con đường nông nghiệp *tập trung*, con đường xây dựng những nông trang lớn, được trang bị bằng kỹ thuật hiện đại.

Nhưng Liên-xô không thể đi vào con đường tổ chức các nông trang lớn *tư bản chủ nghĩa* được. Nó chỉ có thể và cũng chỉ nên tiến hành việc tổ chức những nông trang lớn kiểu *xã hội chủ nghĩa*, được trang bị bằng kỹ thuật mới. Ở nước ta những nông trang này là các *nông trường quốc doanh* và *nông trang tập thể*.

Do đó, nhiệm vụ là phải thành lập các nông trường quốc doanh và liên hợp các nông hộ cá thể nhỏ thành nông trang tập thể lớn, đó là con đường *độc nhất* để giải quyết vấn đề nông nghiệp nói chung, vấn đề ngũ cốc nói riêng.

Trong công tác thực tiễn hàng ngày của đảng, thì chính đó là con đường mà đảng ta đã đi, sau đại hội XV, nhất là vào đầu năm 1928, sau khi xảy ra những khó khăn nghiêm trọng về lúa mì.

Cần vạch ra rằng vấn đề chủ yếu đó, ngay tại đại hội XV, đảng ta đã coi nó là nhiệm vụ thực tiễn trước mắt rồi, trong lúc chúng ta còn chưa gặp những sự khó khăn nghiêm trọng về lúa mì. Trong nghị quyết mà mọi người đều biết của đại hội XV bàn về « công tác nông thôn » đã có nói rõ rằng :

« Trong thời kỳ hiện nay, nhiệm vụ liên hợp và cải tạo các nông hộ cá thể nhỏ thành những cơ sở tập thể lớn phải được đặt ra thành *nhiệm vụ cơ bản* của đảng ở nông thôn »[45].

Có lẽ chẳng phải là vô ích nếu ta cũng trích dẫn thêm một đoạn nói về vấn đề trên, trong bản báo cáo hoạt động của Ban Chấp hành trung ương tại đại hội XV ; trong đó vấn đề thanh

toán tình trạng lạc hậu của nông nghiệp trên cơ sở tập thể hóa, đã được đặt ra một cách cũng rõ ràng và cũng chính xác như thế. Bản báo cáo đã nói như sau :

« Vậy thì lối thoát là ở chỗ nào ? Lối thoát là ở chỗ chuyển những nông hộ nhỏ và phân tán thành những nông trang lớn thống nhất dựa trên chế độ canh tác chung ; là ở chỗ chuyển sang chế độ canh tác tập thể, trên cơ sở một nền kỹ thuật mới và cao.

Lối thoát là ở chỗ tập hợp dần dần, nhưng liên tục, những nông hộ nhỏ và rất nhỏ, — *không phải bằng cách dùng áp lực mà là bằng cách dùng những sự việc thực tế để giáo dục và bằng thuyết phục* — thành những nông trang lớn dựa trên chế độ canh tác chung, bằng lối hợp tác, bằng lối tập thể, bằng cách sử dụng những máy móc nông nghiệp và máy kéo, bằng cách áp dụng những phương pháp khoa học trong việc thâm canh.

Ngoài ra tuyệt không còn lối thoát nào khác »[16].

5. BƯỚC CHUYỂN BIẾN CỦA NÔNG DÂN ĐẾN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ NHỊP ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA VIỆC XÂY DỰNG CÁC NÔNG TRƯỜNG QUỐC DOANH VÀ NÔNG TRANG TẬP THỂ

Bước chuyển biến của giai cấp nông dân sang tập thể hóa không phải đã được bắt đầu ngay trong một lúc. Và bước chuyển biến đó cũng không thể bắt đầu ngay trong một lúc được. Đành rằng, ngay từ đại hội XV, khẩu hiệu tập thể hóa đã được đảng tuyên bố ra đời. Nhưng muốn cho giai cấp nông dân hướng hàng loạt theo chủ nghĩa xã hội, thì tuyên bố một khẩu hiệu vẫn chưa phải là đủ. Muốn thực hiện một bước chuyển biến, thì ít ra cũng cần phải có một điều kiện nữa là bản thân quần chúng nông dân phải hiểu được sự đúng đắn của khẩu hiệu đã tuyên bố và tiếp nhận khẩu hiệu đó như là khẩu hiệu của chính mình. Bởi thế bước chuyển biến đó đã được chuẩn bị một cách tuần tự.

Bước chuyển biến đó đã được chuẩn bị bằng suốt cả quá trình phát triển của chúng ta, bằng suốt cả quá trình phát triển

công nghiệp của chúng ta và, trước hết là của công nghiệp cung cấp máy móc và máy kéo cho nông nghiệp. Bước chuyển biến đó đã được chuẩn bị bằng chính sách đấu tranh kiên quyết chống bọn cu-lắc và tiến trình những việc thu mua lúa mì của chúng ta theo những hình thức mới, trong năm 1928 và 1929, khiến cho kinh tế của bọn cu-lắc phải chịu dưới quyền kiểm soát của quần chúng nông dân nghèo và trung nông. Bước chuyển biến đó đã được chuẩn bị bằng sự phát triển hợp tác hóa nông nghiệp, làm cho nông dân cá thể quen với quản lý tập thể. Bước chuyển biến đó đã được chuẩn bị bằng hệ thống các nông trang tập thể, trong đó người nông dân sẽ nghiệm thấy được tính ưu việt của những hình thức kinh tế tập thể so với kinh tế cá thể. Sau hết, bước chuyển biến đã được chuẩn bị bằng hệ thống nông trường quốc doanh rải rác trong toàn Liên-xô và được sự trang bị bằng một nền kỹ thuật mới, mà ở trong đó người nông dân có thể thấy rõ sức mạnh và tính ưu việt của nền kỹ thuật mới.

Coi nông trường quốc doanh của chúng ta chỉ là một trong những người cung cấp lúa mì thôi, như thế là sai. Thực ra, với nền kỹ thuật mới của nó, với sự giúp đỡ mà nó đem đến cho nông dân xung quanh, với quy mô chưa từng thấy trong nền kinh tế của nó, các nông trường quốc doanh đã từng là lực lượng lãnh đạo, đã giúp cho sự chuyển biến của quần chúng nông dân được dễ dàng và đã thúc đẩy họ đi vào con đường tập thể hóa.

Phong trào nông trang tập thể có tính chất quần chúng, bao gồm hàng triệu bần nông và trung nông tham gia, đã phát sinh trên cơ sở như thế đấy, phong trào ấy đã bắt đầu vào sáu tháng cuối năm 1929 và đã mở đầu cho giai đoạn chuyển biến lớn trong đời sống nước ta.

Ban Chấp hành trung ương được chuẩn bị đầy đủ, đã dùng những biện pháp nào để đón tiếp và lãnh đạo phong trào đó ?

Những biện pháp mà Ban Chấp hành trung ương đã dùng là theo ba đường lối sau đây : tổ chức và giúp vốn cho các nông trường quốc doanh, tổ chức và giúp vốn cho các nông

trang tập thể, sau hết là tổ chức việc chế tạo máy kéo và máy móc nông nghiệp và cung cấp những máy đó cho nông thôn thông qua các trạm máy kéo và máy móc nông nghiệp, các đội máy kéo, v.v.

a) Ngay từ tháng Tư 1928, Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương đã quyết định tổ chức, trong vòng ba hoặc bốn năm, các *nông trường quốc doanh mới*, làm sao cho các nông trường này, đến hết thời hạn đó, có thể cung cấp cho ít nhất là 100 triệu púd lúa mì hàng hóa. Sau đó, nghị quyết này đã được Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương phê chuẩn. Ta đã tổ chức một tơ-rớt ngũ cốc chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết đó. Đồng thời, ta đã quyết định củng cố các *nông trường quốc doanh cũ* và mở rộng diện tích trồng trọt của các nông trường đó. Ta đã tổ chức một Tổng cục nông trường quốc doanh chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết đó.

Nên chú ý rằng bọn cơ hội chủ nghĩa trong đảng ta đã kịch liệt phản đối những quyết định đó. Họ nói rằng tiền bỏ vào các nông trường quốc doanh là tiền « vứt đi ». Lại cũng có những lời phê bình của những nhà « khoa học », — được các phần tử cơ hội chủ nghĩa trong đảng ủng hộ, — cho rằng việc tổ chức các nông trường quốc doanh lớn không thể thực hiện được và là điều dại dột.

Nhưng Ban Chấp hành trung ương vẫn tiếp tục thi hành đường lối của mình, và đã đưa nó đến chỗ thành công, bất chấp tất cả mọi cái.

Năm 1927-28, ta đã giúp vốn cho các nông trường quốc doanh (không kể những tài khoản chu chuyển ngắn hạn) là 65,7 triệu rúp. Năm 1928-29 là 185,8 triệu rúp. Sau hết, trong năm nay, là 856,2 triệu rúp. 18.000 máy kéo, tổng cộng là 350.000 mã lực, đã được giao cho các nông trường quốc doanh sử dụng trong thời gian dự định trên.

Kết quả của những biện pháp đó ra sao ?

Diện tích *gieo trồng* của *tơ-rớt ngũ cốc* năm 1928-29 là 150.000 éc-ta ; năm 1929-30 là 1.060.000 éc-ta ; năm 1930-31 diện tích đó sẽ là 4.500.000 éc-ta ; năm 1931-32 sẽ là 9 triệu éc-ta ;

và năm 1932-1933 nghĩa là cuối kế hoạch 5 năm, diện tích đó lên đến 14 triệu éc-ta. Diện tích gieo trồng của *Tổng cục nông trường quốc doanh*, năm 1928-29 là 430.000 éc-ta; năm 1929-30, 860.000 éc-ta ; năm 1930-31 sẽ là 1.800.000 éc-ta ; năm 1931-32 sẽ là 2 triệu éc-ta ; và năm 1932-33 diện tích đó sẽ lên đến 2.500.000 éc-ta. Diện tích gieo trồng của *Tổng cục nông trường quốc doanh U-cơ-ren* năm 1928-29 là 170.000 éc-ta ; năm 1929-30, 280.000 éc-ta ; năm 1930-31 sẽ lên đến 500.000 éc-ta ; và năm 1932-33 sẽ là 720.000 éc-ta. Diện tích gieo trồng của *Tổng cục đường quốc doanh* (về ngũ cốc) năm 1928-29 là 780.000 éc-ta ; năm 1929-30, 820.000 éc-ta ; năm 1930-31, diện tích đó sẽ lên đến 860.000 éc-ta; năm 1931-32 sẽ là 980.000 éc-ta và năm 1932-33, 990.000 éc-ta.

Điều đó có nghĩa, một là, cuối kế hoạch 5 năm, chỉ riêng Tơ-rớt ngũ cốc cũng sẽ có một diện tích gieo hạt về ngũ cốc ngang với diện tích gieo hạt của toàn xứ Ác-giăng-tin hiện nay. *(Vỗ tay.)*

Điều đó có nghĩa, hai là, cuối kế hoạch 5 năm, tất cả các nông trường quốc doanh sẽ có một diện tích gieo trồng về ngũ cốc *nhiều hơn* diện tích gieo trồng của toàn xứ Ca-na-đa hiện nay, đến một triệu éc-ta. *(Vỗ tay.)*

Nói về *tổng* sản lượng ngũ cốc và sản lượng ngũ cốc *hàng hóa* trong các nông trường quốc doanh, thì tình hình hàng năm như sau : 1927-28, tổng sản lượng của tất cả các nông trường quốc doanh là 9,5 triệu tạ, mà 6,4 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa ; năm 1928-29 là 12,8 triệu tạ, mà 7,9 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa ; năm 1929-30, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ có 28,2 triệu tạ, trong đó 18 triệu tạ (108 triệu pút) là ngũ cốc hàng hóa ; năm 1930-31 chúng ta sẽ có 71,7 triệu tạ, trong đó 61 triệu tạ (370 triệu pút) là ngũ cốc hàng hóa. Và vân vân.

Nói về các nông trường quốc doanh thì đó là những kết quả đã thu được và hẳn mong đợi ở chính sách của đảng ta.

Căn cứ theo quyết nghị tháng Tư 1928 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương về việc tổ chức các nông trường quốc doanh mới, thì trong năm 1931-32, chúng ta tất sẽ thu được của các nông trường quốc doanh đó ít nhất là 100 triệu

pút lúa mì hàng hóa. Thực ra, ngay đến năm 1931-32, chỉ riêng ở các nông trường quốc doanh mới, chúng ta cũng sẽ thu được hơn 200 triệu pút rồi. Như thế là kế hoạch sẽ vượt gấp đôi.

Thành thử những người trước kia đã chế nhạo quyết nghị của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương, thì bây giờ hóa ra chính mình lại tự chế nhạo mình một cách dau đớn.

Theo kế hoạch 5 năm mà đại hội các Xô-viết đã thông qua, thì đến cuối kế hoạch 5 năm chúng ta sẽ phải có 5 triệu éc-ta diện tích gieo trồng trong tất cả các loại nông trường quốc doanh. Thực tế là, trong các nông trường quốc doanh, năm nay chúng ta đã có 3,8 triệu éc-ta rồi và, sang năm, tức là vào năm thứ ba của kế hoạch 5 năm, chúng ta sẽ có 8 triệu éc-ta diện tích gieo trồng.

Nghĩa là chúng ta thực hiện được và vượt kế hoạch 5 năm xây dựng nông trường quốc doanh trong ba năm.

Theo kế hoạch 5 năm chúng ta phải có, vào cuối thời kỳ 5 năm, trong các nông trường quốc doanh, một tổng sản lượng là 54,3 triệu tạ ngũ cốc. Nhưng thực ra, năm nay chúng ta đã có 28,2 triệu tạ ngũ cốc rồi và, sang năm, chúng ta sẽ có 71,7 triệu tạ.

Nghĩa là về tổng sản lượng ngũ cốc thì chúng ta thực hiện được và vượt kế hoạch 5 năm, trong có ba năm.

Hoàn thành kế hoạch 5 năm trong ba năm!

Hãy cứ mặc cho bọn bồi bút tư sản và bọn cơ hội chủ nghĩa nịnh hót chúng hiện nay cứ nói ba hoa rằng, trong có ba năm thì không sao thực hiện và vượt kế hoạch 5 năm xây dựng nông trường quốc doanh được.

b) Về việc xây dựng các *nông trang tập thể*, thì tình hình còn thuận lợi hơn nữa.

Từ tháng Bảy 1928, hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương đã thông qua nghị quyết dưới đây về việc xây dựng các nông trang tập thể :

« Hoàn thành đúng đắn nhiệm vụ do đại hội XV đã đề ra là « liên hợp và cải tạo các nông hộ cá thể nhỏ thành những cơ sở tập thể lớn », coi đó là *những tổ chức liên hiệp tự nguyện*, dựa trên một nền kỹ thuật mới và tiêu biểu cho hình thức cao của

doanh nghiệp ngũ cốc, cả về mặt cải tạo xã hội chủ nghĩa nền nông nghiệp cũng như về mặt đảm bảo triệt để nâng cao hiệu suất nông nghiệp và sản lượng hàng hóa nông nghiệp » (xem nghị quyết « Về chính sách thu mua lúa mì liên quan với tình hình chung về kinh tế », đã được hội nghị tháng Bảy của toàn Ban Chấp hành trung ương thông qua, 1928)[47].

Sau này, quyết định đó lại được xác nhận trong các nghị quyết của hội nghị XVI của đảng và trong một nghị quyết đặc biệt của hội nghị toàn Ban Chấp hành trung ương hồi tháng Một 1929 về cuộc vận động nông trang tập thể[48]. Trong nửa cuối năm 1929, khi nông dân đã có một sự chuyển biến căn bản hướng về các nông trang tập thể và khi mà đông đảo quần chúng trung nông đã ồ ạt gia nhập nông trang tập thể, thì ngày 5 tháng Giêng năm 1930, Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương đã thông qua một nghị quyết đặc biệt « về tốc độ tập thể hóa và những biện pháp của Nhà nước để giúp đỡ việc xây dựng các nông trang tập thể ».

Trong nghị quyết đó, Ban Chấp hành trung ương :

1) nhận thấy một *sự chuyển biến của quần chúng nông dân* hướng về các nông trang tập thể và nhận thấy có khả năng, đến mùa xuân 1930, vượt được kế hoạch 5 năm xây dựng các nông trang tập thể ;

2) nhận thấy có những điều kiện vật chất và những điều kiện cần thiết khác *để thay thế nền sản xuất của bọn cu-lắc bằng nền sản xuất của các nông trang tập thể* và do đó mà Ban Chấp hành trung ương tuyên bố là cần phải chuyển từ chính sách hạn chế bọn cu-lắc sang chính sách tiêu diệt cu-lắc về mặt giai cấp ;

3) dự tính là, ngay đến mùa xuân 1930, diện tích gieo trồng canh tác theo nguyên tắc tập thể hóa, phải *vượt quá 30 triệu éc-ta khá nhiều ;*

4) chia Liên-xô thành ba loại khu vực, *quy định cho mỗi loại khu vực đó những thời hạn phỏng chừng* để hoàn thành về căn bản việc tập thể hóa ;

5) *sửa lại phương thức quy định chế độ ruộng đất* để có lợi cho các nông trang tập thể và sửa lại những hình thức

cấp vốn cho nông nghiệp, mà ấn định cho các nông trang tập thể, trong năm 1929 - 30 một tài khoản ít nhất là 500 triệu rúp;

6) xác định rằng *hình thức ác-ten* trong phong trào tập thể hóa, trong lúc này, là *khâu chủ yếu của hệ thống nông trang tập thể;*

7) kiên quyết chống lại những phần tử cơ hội chủ nghĩa trong đảng, là bọn người toan kìm hãm phong trào tập thể hóa lấy cớ rằng ta đang thiếu máy móc và máy kéo ;

8) sau hết, Ban Chấp hành trung ương khuyên các chiến sĩ của đảng hãy đề phòng những sự quá đáng có thể xảy ra trong cuộc vận động tập thể hóa, và đề phòng nguy cơ có thể dùng mệnh lệnh từ trên xuống mà xây dựng nông trang tập thể, nguy cơ đe dọa biến phong trào nông trang tập thể thực sự và có tính chất quần chúng thành một trò hề về tập thể hóa.

Nên chú ý là nghị quyết đó của Ban Chấp hành trung ương đã làm cho những phần tử cơ hội chủ nghĩa trong đảng ta càng thù ghét hơn nữa. Có những luận điệu và những lời thì thầm nhằm làm cho người ta tưởng rằng Ban Chấp hành trung ương đã sa vào ảo tưởng, rằng Ban Chấp hành trung ương đã « lãng phí » tiền bạc của nhân dân vì những nông trang tập thể « hữu danh vô thực ». Những phần tử hữu khuynh đã xoa tay, khoái trá về bước thất bại « chắc chắn ». Song Ban Chấp hành trung ương vẫn kiên trì làm theo đường lối của mình và đã làm cho đường lối đó đi đến kết quả, bất chấp tất cả, bất chấp những tiếng cười nhạt nhẽo của bọn hữu khuynh, bất chấp cả những sự quá đáng và cái cuồng vọng của bọn « tả ».

Năm 1927 - 28, chúng ta đã quyết định bỏ ra 76 triệu rúp để giúp vốn cho các nông trang tập thể ; năm 1928-29 là 170 triệu rúp ; sau hết, trong năm nay là 473 triệu rúp. Ngoài ra, 65 triệu rúp đã được bỏ vào quỹ tập thể hóa. Chúng ta đã thỏa thuận để cho các nông trang tập thể hưởng những điều kiện dễ dàng làm tăng thêm nguồn tài chính của nông trang lên 200 triệu rúp. Chúng ta đã giao lại cho các nông

trang tập thể những của cải tịch thu được của bọn cu-lắc, trị giá trên 400 triệu rúp. Ít ra là 30.000 máy kéo, mạnh trên 400.000 mã lực, đã được dành cho đồng ruộng của các nông trang tập thể, chưa kể đến 7.000 máy kéo của Tổng cục máy kéo để phục vụ cho các nông trang tập thể, cũng như chưa kể đến sự giúp đỡ về máy kéo của hệ thống nông trường quốc doanh đối với các nông trang tập thể. Năm nay, chúng ta đã cho vay và giúp 10 triệu tạ hạt giống (61 triệu pút) cho các nông trang tập thể. Sau hết chúng ta đã giúp đỡ trực tiếp cho các nông trang tập thể nhằm tổ chức hơn 7.000 cơ sở máy móc do súc vật kéo, những cơ sở này sử dụng ít nhất là 1.300.000 ngựa.

Những biện pháp đó đã đem lại những kết quả gì?

Năm 1927, diện tích gieo trồng của các nông trang tập thể là 80 vạn éc-ta; năm 1928, 1,4 triệu éc-ta; năm 1929, 4,3 triệu éc-ta; năm 1930 ít nhất 36 triệu éc-ta, kể cả diện tích gieo trồng mùa xuân và mùa thu.

Điều đó, trước hết, có nghĩa là trong ba năm, diện tích gieo trồng của các nông trang tập thể đã tăng hơn bốn mươi lần. *(Vỗ tay.)*

Hai là, điều đó có nghĩa là hiện nay các nông trang tập thể của chúng ta có một diện tích gieo trồng *ngang* với diện tích gieo trồng của nước Pháp và nước Ý gộp lại. *(Vỗ tay.)*

Nói về *tổng* sản lượng ngũ cốc và phần ngũ cốc *hàng hóa* trong tổng sản lượng ấy, thì tình hình là như sau. Năm 1927, các nông trang tập thể đã đem lại cho chúng ta 4,9 triệu tạ, trong số đó 2 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa; năm 1928, 8,4 triệu tạ trong số đó 3,6 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa; năm 1929, 29,1 triệu tạ, mà 12,7 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa; năm 1930, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ có 256 triệu tạ (1.550 triệu pút), mà ít nhất có 82 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa (hơn 500 triệu pút).

Cần phải thừa nhận rằng không một ngành nào trong công nghiệp chúng ta đang phát triển, nói chung, theo một tốc độ khá nhanh, lại có những tốc độ phát triển phi thường như ngành xây dựng nông trang tập thể.

Tất cả những con số đó, chứng minh cái gì?

Một là, nó chứng minh rằng, trong ba năm, tổng sản lượng ngũ cốc trong các nông trang tập thể đã tăng hơn năm mươi lần, và sản lượng ngũ cốc hàng hóa tăng hơn bốn mươi lần.

Hai là, nó chứng minh rằng, năm nay, chúng ta có khả năng thu được của các nông trang tập thể một số lượng ngũ cốc *hơn một nửa* tổng sản lượng ngũ cốc hàng hóa trong nước.

Ba là, nó chứng minh rằng vận mệnh của nông nghiệp và của những vấn đề cơ bản của nó từ nay sẽ do các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh quyết định, chứ không phải do các cơ sở kinh tế của nông dân cá thể quyết định nữa.

Bốn là, nó chứng minh rằng quá trình tiêu diệt bọn cu-lắc về mặt giai cấp đang tiến triển hết sức nhanh chóng ở nước ta.

Sau hết, nó chứng minh rằng trong nước đã có những sự biến đổi về kinh tế rồi, khiến cho chúng ta có đủ lý lẽ để khẳng định rằng chúng ta đã hướng được nông thôn đi vào một con đường mới, vào con đường tập thể hóa, đồng thời chính do đó mà đảm bảo cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, không những ở thành thị mà cả ở nông thôn nữa.

Trong quyết nghị ngày 5 tháng Giêng 1930, Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương đã ấn định là chương trình gieo trồng vụ Xuân năm 1930 của các nông trang tập thể phải đảm bảo được một diện tích là 30 triệu éc-ta canh tác theo nguyên tắc tập thể hóa. Thực ra, hiện nay chúng ta tính ra, có đến 36 triệu éc-ta. Như vậy là vượt kế hoạch của Ban Chấp hành trung ương.

Thành thử những người trước kia đã chế nhạo quyết nghị của Ban Chấp hành trung ương, thì bây giờ chính mình lại tự chế nhạo mình một cách đau đớn. Cả thế lực tự phát tiểu tư sản, lẫn những sự quá đáng đã phạm phải trong phong trào tập thể hóa, cũng chẳng giúp ích gì cho bọn ba hoa cơ hội chủ nghĩa trong đảng ta cả.

Theo kế hoạch 5 năm, chúng ta phải có, vào cuối thời kỳ 5 năm, 20,6 triệu éc-ta diện tích gieo trồng trong các nông trang tập thể. Thực ra, năm nay, về mặt diện tích gieo trồng, chúng ta đã có 36 triệu éc-ta rồi.

Điều đó có nghĩa là trong hai năm, chúng ta đã vượt hơn một lần rưỡi so với kế hoạch 5 năm xây dựng các nông trang tập thể. *(Vỗ tay.)*

Theo kế hoạch 5 năm, thì vào cuối thời kỳ 5 năm, chúng ta phải có trong các nông trang tập thể, một tổng sản lượng là 190,5 triệu tạ ngũ cốc. Thực ra, ngay năm nay chúng ta sẽ có đến 256 triệu tạ ngũ cốc rồi.

Điều đó có nghĩa là trong hai năm, sản lượng ngũ cốc trong các nông trang tập thể đã vượt kế hoạch 5 năm trên 30%.

Kế hoạch 5 năm hoàn thành trong hai năm! (Vỗ tay.)

Thôi bây giờ hãy cứ để mặc cho bọn già mồm cơ hội chủ nghĩa ba hoa cho rằng trong hai năm thì không thể nào thực hiện và vượt mức kế hoạch 5 năm xây dựng nông trang tập thể được.

6. VIỆC CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ VĂN HÓA CỦA CÔNG NHÂN VÀ NÔNG DÂN

Như thế, việc khu vực xã hội chủ nghĩa một ngày một tiến dần lên, trong lĩnh vực công nghiệp cũng như trong lĩnh vực nông nghiệp, là một sự thật không thể hoài nghi gì được nữa.

Đứng về phương diện đời sống vật chất của những người lao động mà nói, thì điều đó có thể có ý nghĩa gì ?

Điều đó có nghĩa là, chính cũng do đấy mà đã có cơ sở để cải thiện căn bản đời sống vật chất và văn hóa của công nhân và nông dân.

Vì sao ? Bằng cách nào ?

Một là, vì sự lớn mạnh của khu vực xã hội chủ nghĩa, trước hết có nghĩa là các thành phần bóc lột ở thành thị và nông thôn bị giảm sút, lực lượng của chúng trong nền kinh tế quốc dân

cũng bị giảm sút. Như thế có nghĩa là, trong số thu nhập quốc dân của nước ta, phần thu nhập của công nhân và nông dân tất nhiên phải tăng lên do phần thu nhập của giai cấp bóc lột đã bị giảm xuống.

Hai là, vì sự lớn mạnh của khu vực xã hội hóa (xã hội chủ nghĩa), mà phần thu nhập quốc dân từ trước đến nay vẫn dùng để nuôi sống các giai cấp bóc lột và bọn tôi tớ của chúng, thì từ nay trở đi phải nằm ngay trong nền sản xuất đó, để mở rộng sản xuất, để xây dựng các công xưởng và nhà máy mới, để cải thiện những điều kiện sinh sống của những người lao động. Điều đó có nghĩa là nhân số và lực lượng của giai cấp công nhân phải tăng lên, và nạn thất nghiệp phải giảm đi và biến mất.

Sau hết là, vì sự lớn mạnh của khu vực xã hội chủ nghĩa, — nhờ đó mà đời sống vật chất của giai cấp công nhân được cải thiện, — có nghĩa là khả năng của thị trường trong nước không ngừng tăng tiến, nhu cầu về sản phẩm công nghiệp của công nhân và nông dân sẽ tăng thêm. Như vậy là sự lớn mạnh của thị trường trong nước sẽ vượt nhanh hơn tốc độ lớn mạnh của công nghiệp và sẽ thúc đẩy công nghiệp tiến tới một bước phát triển không ngừng.

Tất cả những trường hợp đó và những trường hợp tương tự làm cho đời sống vật chất và văn hóa của công nhân và nông dân không ngừng được cải thiện.

a) Trước hết hãy nói về vấn đề giai cấp công nhân *tăng thêm số lượng* và vấn đề *giảm bớt nạn thất nghiệp*.

Nếu năm 1926-27, số người lao động làm thuê (trừ những người thất nghiệp) là 10.990.000 người, thì năm 1927-28 tính ra có đến 11.456.000 người ; năm 1928-29 là 11.997.000 và năm 1929-30, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ có một con số không dưới 13.129.000 người. Trong số đó, lao động chân tay (kể cả những công nhân nông nghiệp và những công nhân làm từng mùa) năm 1926-27 tính đến 7.069.000 người ; năm 1927-28, 7.404.000 ; năm 1928-29, 7.758.000 ; năm 1929-30, 8.533.000 người. Trong số công nhân đó công nhân đại công

nghiệp (trừ nhân viên) năm 1926-27 chiếm con số là 2.439.000 người ; năm 1927-28, 2.632.000 ; năm 1928-29, 2.858.000 ; năm 1929-30, 3.029.000 người.

Nghĩa là chúng ta thấy có một sự phát triển liên tục về số lượng của giai cấp công nhân, và nếu, trong quá trình 3 năm đó, tỷ lệ những người lao động làm thuê đã tăng 19,5% và tỷ lệ những người lao động chân tay đã tăng 20,7%, thì tỷ lệ công nhân công nghiệp đã tăng đến 24,2%.

Chúng ta hãy nói sang vấn đề *thất nghiệp*. Cần phải nói rằng hiện nay, cả Bộ Lao động lẫn Ban Chấp hành trung ương các Công đoàn Liên-xô rất hồ đồ trong lĩnh vực này.

Một mặt, theo những số liệu của các cơ quan này thì chúng ta thấy có gần một triệu người thất nghiệp, trong số đó thì những người lao động tương đối lành nghề chỉ có 14,3% ; những người gọi là lao động trí óc và những người lao động không lành nghề chiếm chừng 73% ; chúng tôi nói thêm rằng đại đa số những người lao động không lành nghề này gồm những phụ nữ và thiếu niên chưa từng có quan hệ gì đến sản xuất công nghiệp.

Mặt khác, cũng theo các số liệu ấy, chúng ta gặp một tình trạng thiếu một cách ghê gớm những nhân công lành nghề, các Sở giới thiệu người lao động không thể làm thỏa mãn được gần 80% yêu cầu về nhân công trong các xí nghiệp của chúng ta ; cho nên chúng ta bắt buộc phải cấp tốc và tuyệt đối không chút do dự huấn luyện cho những người hoàn toàn không biết qua một nghề gì và đào tạo họ thành những công nhân lành nghề để làm thỏa mãn, dù chỉ với mức tối thiểu, những nhu cầu của các xí nghiệp chúng ta.

Trong sự hỗn độn đó, các đồng chí hãy thử gỡ cho ra mối xem sao. Nhưng dù sao, một điều chắc chắn là những người thất nghiệp ấy không phải là một đạo quân *hậu bị*, hơn nữa cũng không phải là một đạo quân *thường trực* những người thất nghiệp trong nền công nghiệp của chúng ta. Thế là thế nào ? Cứ theo ngay các số liệu của Bộ Lao động, thì trong thời gian vừa qua, số người thất nghiệp đã *giảm đi* hơn 700.000 người so với năm ngoái. Điều đó có nghĩa là đến ngày 1 tháng Năm

năm nay, số người thất nghiệp đã giảm đi hơn 42%. Vậy đó là một kết quả khác nữa của sự lớn mạnh của khu vực xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế quốc dân của chúng ta.

b) Kết quả đó còn nổi bật hơn nữa, nếu đứng về phương diện phân phối thu nhập quốc dân cho từng giai cấp mà nhận xét tình hình. Vấn đề phân phối thu nhập quốc dân cho từng giai cấp là một vấn đề chủ yếu về mặt đời sống vật chất và văn hóa của công nhân và nông dân. Thật không phải là không có lý do mà những nhà kinh tế tư sản Đức, Anh, Mỹ cố làm rối beng vấn đề đó để có lợi cho giai cấp tư sản, bằng cách luôn luôn công bố những công trình nghiên cứu « hoàn toàn khách quan » của họ về vấn đề đó.

Theo các số liệu của Cục thống kê toàn nước Đức, thì phần tiền lương công nhân trong nền thu nhập quốc dân của nước đó, năm 1929, là 70% và phần của giai cấp tư sản là 30%. Theo các số liệu của Tiểu ban liên bang thương cục và Phòng nghiên cứu kinh tế quốc gia thì phần của công nhân trong nền thu nhập quốc dân của Mỹ, năm 1923, chiếm hơn 54%, và phần của bọn tư bản hơn 45% một ít. Sau hết, theo các số liệu của các nhà kinh tế Bao-lây và Stem, thì phần của giai cấp công nhân trong thu nhập quốc dân nước Anh, năm 1924, là dưới 50% một ít, và phần bọn tư bản thì hơn 50% một ít.

Dĩ nhiên là ta không thể tin vào những kết quả của các cuộc điều tra nghiên cứu đó. Ta không thể tin được công việc đó, vì rằng, ngoài những sai lầm về mặt thuần túy kinh tế, những cuộc điều tra kinh tế đó còn có những sai lầm khác nữa, một phần vì mục đích của nó là che giấu và nói bớt những số tiền thu nhập của bọn tư bản, một phần nữa nó là thổi phồng và thêm thắt một cách quá đáng những món thu nhập của giai cấp công nhân, bằng cách liệt kê những công chức được trả lương rất cao vào trong hàng công nhân. Đấy là chưa kể các cuộc điều tra nghiên cứu đó thường không tính đến những món thu nhập của bọn chủ ấp và, nói chung, của bọn tư bản nông thôn.

Đồng chí Vác-ga đã đem phân tích, phê phán những số liệu đó. Và đây là điều mà đồng chí đó đã đạt được. Đồng chí

Vác-ga chứng minh rằng phần của công nhân và những người lao động khác ở thành thị và nông thôn không bóc lột lao động của người khác, ở Đức, chiếm 55% thu nhập quốc dân ; ở Mỹ, 54% ; ở Anh 45% ; và phần của bọn tư bản ở Đức, là 45% ; ở Mỹ, 46% ; ở Anh, 55%.

Đối với các nước tư bản chủ nghĩa lớn nhất thì tình hình cũng như thế.

Và tình hình ở Liên-xô thì thế nào ?

Sau đây là những số liệu của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, chứng minh rằng :

a) Ở nước ta phần của *công nhân và nông dân lao động không bóc lột lao động của người khác*, năm 1927-28, chiếm 75,2% toàn bộ thu nhập quốc dân (kể cả phần của công nhân ở thành thị và nông thôn, 33,3%) ; năm 1928-29 là 76,5% (kể cả phần của công nhân ở thành thị và nông thôn, 33,2%) ; năm 1929-30 là 71,1% (kể cả phần của công nhân ở thành thị và nông thôn, 33,5%).

b) Phần của bọn *cu-lắc và bọn tư bản thành thị*, năm 1927-28, chiếm 8,1% ; năm 1928-29, 6,5% ; năm 1929-30, 1,8%.

c) Phần của những *người thợ thủ công* mà đa số là thành phần lao động, năm 1927-28 là 6,5% ; năm 1928-29, 5,4% ; năm 1929-30, 4,4%.

d) Phần của *khu vực Nhà nước*, mà những món thu nhập là thuộc của giai cấp công nhân và của quần chúng cần lao nói chung, thì năm 1927-28 là 8,4% ; năm 1928-29, 10% ; năm 1929-30, 15,2%.

đ) Sau hết, cái phần gọi là *khoản linh tinh* (chẳng hạn như các món trợ cấp), thì năm 1927-28 là 1,8% ; năm 1928-29, 1,6% ; năm 1929-30, 1,5%.

Do đó, người ta thấy rằng, trong lúc *ở các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến, phần của giai cấp bóc lột trong thu nhập quốc dân*, nếu không phải là nhiều hơn thì cũng *chiếm* chừng *50%, còn ở Liên-xô, phần của giai cấp bóc lột không chiếm quá 2% thu nhập quốc dân.*

Nói cho đúng ra, điều đó giải thích sự thật hiển nhiên là ở Mỹ, năm 1922, cứ theo lời của nhà văn sĩ tư sản Mỹ *Đen-ny* thì « bọn hữu sản chiếm tỷ lệ 1% mà lại tập trung trong tay

59% toàn bộ của cải trong nước », và ở Anh, năm 1920-21, — cũng theo lời *Đen-ny* — thì « gần 2% tổng số bọn hữu sản mà lại nắm quyền sở hữu 64% toàn bộ của cải trong nước » (xem quyển sách của *Đen-ny: Mỹ chinh phục nước Anh*).

Liệu những sự việc tương tự như thế có thể xảy ra ở nước ta, ở Liên-xô, ở nước Xô-viết được không ? Rõ ràng là không. Đã từ lâu, ở Liên-xô không còn có và không thể có những « bọn hữu sản » như thế nữa.

Nhưng nếu, năm 1929-30, chỉ có chừng 2% thu nhập quốc dân của Liên-xô lọt vào tay các giai cấp bóc lột, vậy phần thu nhập quốc dân còn lại chuyển đi đâu ?

Dĩ nhiên là nó nằm trong tay công nhân và nông dân lao động. Nguồn gốc sức mạnh và nguồn gốc uy tín của Chính quyền xô-viết trong hàng triệu nhân dân lao động của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là ở chỗ đó.

Cơ sở của việc nâng cao không ngừng phúc lợi vật chất của công nhân và nông dân Liên-xô là ở chỗ đó.

e) Dưới ánh sáng của những sự thật có tính chất quyết định đó, người ta hoàn toàn hiểu được tại sao tiền lương thực tế của công nhân lại không ngừng tăng lên, tại sao ngân sách bảo hiểm xã hội của công nhân lại tăng thêm, tại sao những cơ sở kinh tế của bần nông và trung nông ngày càng được giúp đỡ thêm, tại sao những món chi vào công cuộc xây dựng nhà ở cho công nhân, vào việc cải thiện điều kiện sinh sống của công nhân, vào việc bảo vệ sản phụ và nhi đồng lại được tăng thêm, và, nhờ đó mà dân số Liên-xô ngày càng tăng và số người chết, nhất là số trẻ con chết yểu, đã được giảm xuống.

Chẳng hạn như, người ta biết rằng *tiền lương thực tế* của công nhân, bao gồm cả những món bảo hiểm xã hội và những món tiền thuế đánh vào lợi tức để bỏ vào quỹ cải thiện điều kiện sinh sống của công nhân, đã lên đến 167% so với mức trước chiến tranh. Chỉ riêng ngân sách bảo hiểm xã hội của công nhân, trong ba năm vừa qua, cũng đã tăng lên từ 980 triệu rúp trong năm 1927-28 đến 1.400 triệu rúp trong năm 1929-30. Đối với việc bảo vệ sản phụ và nhi đồng, từ ba năm nay (từ 1927-28 đến 1929-30) đã tiêu hết 494 triệu rúp. Cũng

trong thời gian đó, mẫu giáo (các vườn trẻ, các nhà giữ trẻ, v.v.) đã tiêu hết 204 triệu rúp. Việc xây dựng nhà ở cho công nhân đã tiêu hết 1.880 triệu rúp.

Dĩ nhiên, điều ấy không hề có nghĩa là chúng ta đã làm đủ tất cả mọi việc cần thiết để tăng tiền lương thực tế lên một cách rõ rệt ; và cũng không có nghĩa là người ta không thể nâng tiền lương thực tế lên một mức cao hơn. Và sở dĩ việc đó chưa làm được, thì nguyên nhân, nói chung là ở chủ nghĩa quan liêu của bộ máy cung cấp của chúng ta, trước hết và nhất là ở chủ nghĩa quan liêu của hợp tác xã tiêu dùng. Theo các số liệu của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, thì khu vực xã hội hóa của ngành nội thương, năm 1929-30, bao gồm hơn 99% về bán buôn và hơn 89% về bán lẻ. Điều đó có nghĩa là hợp tác xã đã không ngừng đánh vào khu vực tư doanh và trở thành độc quyền trong lĩnh vực thương nghiệp. Dĩ nhiên, như vậy là tốt. Nhưng có điều không tốt, là trong nhiều trường hợp, sự độc quyền có hại cho những người tiêu dùng. Tuy gần như chiếm địa vị độc quyền thương nghiệp, nhưng hợp tác xã lại thích cung cấp cho công nhân những hàng « bán được lời » nhiều hơn, đem lại những món lãi lớn (tạp hóa, v.v.), và không muốn cung cấp cho công nhân những thứ hàng « bán được lời » ít, dù những hàng này cần thiết cho công nhân hơn (nông sản phẩm). Vì thế mà công nhân bắt buộc phải thỏa mãn gần 25% nhu cầu của mình về nông sản phẩm bằng cách mua những sản phẩm đó trên thị trường tự do với giá đắt. Đó là không kể đến việc bộ máy hợp tác xã chỉ đặc biệt lo cho bản tính lỗ lãi của mình, cho nên không chịu hạ giá bán lẻ, mặc dầu đã có những chỉ thị nghiêm ngặt của ban lãnh đạo trung ương. Do đó, người ta thấy rằng trong trường hợp này, hợp tác xã hành động không phải như một khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà như một khu vực kinh tế loại đặc biệt, bị tiêm nhiễm ít nhiều đầu óc của bọn nép-man. Người ta tự hỏi : ai cần một thứ hợp tác xã như thế và việc độc quyền của nó có lợi gì cho công nhân, nếu nó không chú ý cải thiện thích đáng tiền lương thực tế cho công nhân ?

Mặc dầu như thế, nhưng ở nước ta sở dĩ tiền lương thực tế hàng năm vẫn cứ luôn luôn tăng thêm thì chính là do trong chế độ chúng ta, chế độ phân phối thu nhập quốc dân và chính sách tiền lương của chúng ta có khả năng làm tê liệt và bồ cứu được tất cả những thiếu sót do các hợp tác xã gây ra.

Nếu ta thêm vào đó nhiều nhân tố khác, như việc đề cao vai trò cung cấp thực phẩm cho nhân dân, việc hạ giá nhà ở cho công nhân, việc cấp thêm nhiều học bổng cho công nhân và con cái công nhân, những công cuộc phục vụ văn hóa v.v., thì ta có thể nói quả quyết mà không sợ sai rằng việc tăng tiền lương công nhân sẽ chiếm một tỷ lệ phần trăm cao hơn nhiều so với tỷ lệ phần trăm mà ta thấy trong thống kê của một số cơ quan nào đó của chúng ta.

Gộp tất cả những sự việc trên đây lại, cộng với chế độ ngày làm bảy giờ thi hành đối với hơn 830.000 công nhân công nghiệp (33,5%) cộng với chế độ tuần lễ làm năm ngày áp dụng đối với hơn một triệu rưỡi công nhân công nghiệp (63,4%) cộng với hệ thống nhiều nhà nghỉ mát, nhà an dưỡng, nhà điều trị dành riêng cho công nhân, trong đó suốt ba năm qua, đã có hơn 1.700.000 công nhân được lưu trú ; tất cả những cái trên đây đã tạo cho giai cấp công nhân những điều kiện lao động và sinh hoạt cho phép chúng ta đào tạo một thế hệ công nhân mới, cường tráng và sống sung sướng, có khả năng làm cho đất nước xô-viết hùng cường đến mức độ mong muốn và có khả năng lấy thân mình làm một bức thành vững chắc để bảo vệ đất nước chống lại các cuộc xâm lược của kẻ thù. *(Vỗ tay.)*

Nói về sự giúp đỡ nông dân cá thể cũng như giúp đỡ nông dân tập thể, kể cả sự giúp đỡ nông dân nghèo thì trong ba năm qua (từ 1927-28 đến 1929-30) sự giúp đỡ đó đã chiếm một món tiền ít nhất là 4 triệu rúp, được cấp dưới hình thức tín dụng và tiền trích ở ngân sách Nhà nước. Mọi người đều biết rằng trong ba năm nay nông dân đã được cung cấp, riêng về việc giúp đỡ hạt giống, ít nhất cũng là 154 triệu rúp ngũ cốc.

Tôi nghĩ rằng nếu về vấn đề này mà đại hội thông qua một quyết nghị chính xác, hoàn toàn kiên quyết, thì như thế là đúng. *(Vỗ tay.)*

7. NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG BƯỚC TRƯỞNG THÀNH, CUỘC ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ CUỘC TẤN CÔNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRÊN KHẮP MẶT TRẬN

Tôi đã nói đến những thành tích của chúng ta về phương diện phát triển kinh tế quốc dân. Tôi đã nói đến những thành tích đã đạt được trong lĩnh vực công nghiệp, trong lĩnh vực nông nghiệp, trong lĩnh vực cải tạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân trên những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Sau cùng tôi đã nói đến những thành tích về mặt cải thiện đời sống vật chất của công nhân và nông dân.

Nhưng nếu tưởng rằng chúng ta đã đạt được những thành tích đó một cách « không khó nhọc gì và thật là êm thắm », có thể nói là một cách tự phát, không có nỗ lực đặc biệt và cũng không phải tập trung hết ý chí, không có đấu tranh và cũng không có những sự chấn động, — nếu tưởng như thế thì thật là một điều sai lầm. Những thành tích như thế không thể có một cách tự phát được. Kỳ thực, chúng ta đã đạt được những thành tích ấy trong một cuộc đấu tranh kiên quyết với những khó khăn, trong một cuộc đấu tranh lâu dài và gay go nhằm khắc phục khó khăn.

Ở nước chúng ta, mọi người đều nói đến khó khăn. Nhưng không phải ai cũng biết rõ tính chất của những khó khăn đó đâu. Thế mà đối với chúng ta thì vấn đề khó khăn lại có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Những khó khăn của chúng ta có những đặc điểm gì, những lực lượng thù địch nào đang ẩn núp sau những khó khăn đó, và chúng ta khắc phục được những khó khăn đó như thế nào ?

a) Trong khi nói rõ những khó khăn của chúng ta, ít ra cũng không được quên những sự việc sau đây.

Tôi nghĩ rằng nếu về vấn đề này mà đại hội thông qua một quyết nghị chính xác, hoàn toàn kiên quyết, thì như thế là đúng. *(Vỗ tay.)*

7. NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG BƯỚC TRƯỞNG THÀNH, CUỘC ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ CUỘC TẤN CÔNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRÊN KHẮP MẶT TRẬN

Tôi đã nói đến những thành tích của chúng ta về phương diện phát triển kinh tế quốc dân. Tôi đã nói đến những thành tích đã đạt được trong lĩnh vực công nghiệp, trong lĩnh vực nông nghiệp, trong lĩnh vực cải tạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân trên những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Sau cùng tôi đã nói đến những thành tích về mặt cải thiện đời sống vật chất của công nhân và nông dân.

Nhưng nếu tưởng rằng chúng ta đã đạt được những thành tích đó một cách « không khó nhọc gì và thật là êm thắm », có thể nói là một cách tự phát, không có nỗ lực đặc biệt và cũng không phải tập trung hết ý chí, không có đấu tranh và cũng không có những sự chấn động, — nếu tưởng như thế thì thật là một điều sai lầm. Những thành tích như thế không thể có một cách tự phát được. Kỳ thực, chúng ta đã đạt được những thành tích ấy trong một cuộc đấu tranh kiên quyết với những khó khăn, trong một cuộc đấu tranh lâu dài và gay go nhằm khắc phục khó khăn.

Ở nước chúng ta, mọi người đều nói đến khó khăn. Nhưng không phải ai cũng biết rõ tính chất của những khó khăn đó đâu. Thế mà đối với chúng ta thì vấn đề khó khăn lại có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Những khó khăn của chúng ta có những đặc điểm gì, những lực lượng thù địch nào đang ẩn núp sau những khó khăn đó, và chúng ta khắc phục được những khó khăn đó như thế nào ?

a) Trong khi nói rõ những khó khăn của chúng ta, ít ra cũng không được quên những sự việc sau đây.

Một là, cần phải chú ý đến cái việc là những khó khăn hiện nay của chúng ta là những khó khăn của thời kỳ *cải tạo*. Như thế nghĩa là thế nào ? Như thế nghĩa là những khó khăn đó, căn bản khác hẳn những khó khăn trong thời kỳ *khôi phục* nền kinh tế của chúng ta. Nếu trong thời kỳ khôi phục, vấn đề là làm cho những nhà máy cũ chạy lại và giúp đỡ nông nghiệp trên cơ sở cũ của nó, thì bây giờ vấn đề là làm lại, là cải tạo lại hoàn toàn cả công nghiệp lẫn nông nghiệp, bằng cách thay đổi cơ sở kỹ thuật của nó, bằng cách thiết bị hiện đại cho nó. Như thế nghĩa là nhiệm vụ đề ra cho chúng ta là làm lại toàn bộ cơ sở kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân. Điều đó đòi hỏi phải bỏ thêm một số vốn quan trọng hơn vào nền kinh tế quốc dân, phải có những cán bộ mới, có kinh nghiệm hơn, có khả năng nắm vững được kỹ thuật mới và đẩy nó tiến lên.

Hai là, không nên quên cái việc này là, ở nước chúng ta, sự cải tạo nền kinh tế quốc dân không phải chỉ là ở chỗ thay đổi cơ sở kỹ thuật của nó mà thôi, trái lại, sự cải tạo đó đòi hỏi phải đồng thời thay đổi cả những quan hệ kinh tế và xã hội nữa. Ở đây, chủ yếu là tôi muốn nói về nông nghiệp. Trong nền công nghiệp đã được hợp nhất và xã hội hóa, việc cải tạo kỹ thuật, về căn bản, đã có sẵn một cơ sở kinh tế và xã hội rồi. Về mặt này, việc cải tạo có nhiệm vụ là đẩy mạnh quá trình gạt bỏ những thành phần tư bản chủ nghĩa trong công nghiệp. Trong nông nghiệp, vấn đề không phải đơn giản như thế. Việc cải tạo cơ sở kỹ thuật của nông nghiệp đương nhiên là cũng theo đuổi những mục đích như thế. Nhưng nông nghiệp ở nước ta có đặc điểm này là : kinh tế nhỏ của nông dân đang còn chiếm ưu thế ; nền kinh tế nhỏ đó không thể dùng được kỹ thuật mới ; và, do đó, việc cải tạo cơ sở kỹ thuật của nền công nghiệp là *không thể được* nếu không đồng thời cải tạo cả nền trật tự cũ về mặt kinh tế và xã hội, nếu các kinh tế nhỏ cá thể không liên hợp thành những nông trang tập thể, rộng lớn, nếu trong nông nghiệp những gốc rễ của chủ nghĩa tư bản không được nhổ sạch.

Hiển nhiên là những việc ấy không thể không làm cho những khó khăn của chúng ta càng nghiêm trọng hơn, không thể không khiến cho công việc mà chúng ta đang làm để khắc phục những khó khăn đó, trở nên phức tạp.

Ba là, không nên quên rằng công việc cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân, cắt đứt những quan hệ kinh tế của chủ nghĩa tư bản và lật đổ nhào tất cả những thế lực của thế giới cũ, không thể không gây ra sự phản kháng tuyệt vọng của những thế lực đó. Và như ai nấy đều biết, chính là điều đó đang xảy ra. Việc những người *trí thức tư sản* lớp trên cố tâm phá hoại trong tất cả các ngành công nghiệp của chúng ta, cuộc đấu tranh tàn bạo của bọn *cu-lắc* chống những hình thức tập thể của nền kinh tế ở nông thôn, hành động phá hoại của những *phần tử quan liêu* trong bộ máy Nhà nước đối với những biện pháp của Chính quyền xô-viết, những phần tử ấy đều là tay sai của kẻ thù giai cấp, — hiện giờ, đó là những hình thức phản kháng chủ yếu của các giai cấp suy tàn trong nước ta. Hiển nhiên là những việc đó không thể góp phần vào việc làm cho công cuộc cải tạo kinh tế quốc dân của chúng ta được dễ dàng.

Bốn là, không nên quên rằng sự phản kháng của các giai cấp suy tàn ở trong nước ta không phải là bị cô lập với thế giới bên ngoài ; sự phản kháng đó dựa vào giới tư bản chủ nghĩa ở chung quanh nước ta. Ta không thể coi cái vòng vây tư bản chủ nghĩa chỉ đơn thuần là một khái niệm địa lý. Vòng vây tư bản chủ nghĩa có nghĩa là chung quanh Liên-xô, có những lực lượng giai cấp thù địch, sẵn sàng ủng hộ về tinh thần và vật chất những kẻ thù giai cấp của chúng ta trong nội bộ Liên-xô, bằng cách phong tỏa về mặt tài chính và nếu có dịp, thì bằng cách can thiệp bằng quân sự. Có nhiều bằng cớ chứng tỏ rằng việc phá hoại của những chuyên gia ở nước ta, hành động chống chế độ xô-viết của bọn cu-lắc, những vụ đốt cháy và bom nổ trong các xí nghiệp, và trong các công trình xây dựng của chúng ta, đều là do bên ngoài trợ cấp và xui giục. Bọn đế quốc chủ nghĩa không được hài lòng khi thấy Liên-xô hồi phục vững chắc và có khả năng đuổi kịp và vượt quá các nước tư bản

chủ nghĩa tiên tiến. Vì thế chúng ủng hộ các thế lực của xã hội cũ ở Liên-xô. Người ta hiểu rằng tình hình đó cũng không thể góp phần làm cho công việc cải tạo của chúng ta được dễ dàng.

Song việc nhận định những khó khăn của chúng ta sẽ không được đầy đủ, nếu chúng ta không chú ý đến một tình hình khác. Đó là vấn đề tính chất đặc biệt của những khó khăn của chúng ta. Những khó khăn đó không phải là những khó khăn của bước *suy tàn* hay những khó khăn trong thời kỳ đình trệ ; mà là những khó khăn trong bước *trưởng thành*, những khó khăn trong thời kỳ *phát triển*, những khó khăn trong *bước tiến lên*. Nghĩa là những khó khăn của chúng ta, về căn bản, khác hẳn những khó khăn của các nước tư bản chủ nghĩa. Khi nói đến những khó khăn của Mỹ, thì người ta nghĩ đến những khó khăn của bước *suy tàn*, vì, hiện nay, Mỹ đang trải qua một cuộc khủng hoảng, nghĩa là một bước suy tàn trong nền kinh tế của nó. Khi nói đến những khó khăn ở Anh, thì người ta nghĩ đến những khó khăn trong thời kỳ *đình trệ*, vì nước Anh, đã từ bao nhiêu năm nay, đang trải qua thời kỳ đình trệ, nghĩa là dừng lại trên đường tiến lên. Nhưng khi nói đến những khó khăn của chính chúng ta, thì chúng ta không nghĩ đến suy tàn cũng không nghĩ đến đình trệ của sự phát triển, mà là nghĩ đến sự *trưởng thành* của các lực lượng của chúng ta, đến sự *phát triển* của các lực lượng của chúng ta, đến *bước tiến* của nền kinh tế của chúng ta. Đến một kỳ hạn nào đó thì chúng ta phải *tiến tới đạt* được bao nhiêu điểm, phải *tăng* tỷ lệ số lượng sản phẩm chế tạo *lên được* bao nhiêu ; phải *tăng* diện tích gieo hạt *lên được* bao nhiêu triệu mẫu ; xây dựng một nhà máy, một công xưởng, một đường sắt thì phải *sớm hơn* mấy tháng, đó là những vấn đề mà người ta nghĩ đến ở nước ta khi nói đến những khó khăn. Do đó, những khó khăn của Mỹ hay của Anh, chẳng hạn, khác với những khó khăn của chúng ta là những khó khăn trong *trưởng thành*, những khó khăn trong *bước tiến lên*.

Thế nghĩa là thế nào ? Thế nghĩa là những khó khăn của chúng ta là những thứ khó khăn mà tự bản thân nó đã bao hàm

sẵn cái *khả năng để khắc phục được rồi*. Thế nghĩa là đặc điểm của những khó khăn của chúng ta là tự bản thân nó, nó đã cho chúng ta một cơ sở để khắc phục nó rồi.

Từ tất cả những cái đó chúng ta rút ra được kết luận gì?

Một là, do đó ta rút ra kết luận rằng: những khó khăn của chúng ta không phải sinh ra từ những cái «mắc mứu» nhỏ bé, ngẫu nhiên, mà chính là những khó khăn của cuộc đấu tranh giai cấp.

Hai là, do đó rút ra kết luận rằng: nấp sau những khó khăn của chúng ta, là những kẻ thù giai cấp của chúng ta; rằng những khó khăn đó ngày càng nghiêm trọng thêm vì các giai cấp suy tàn ở nước ta phản kháng một cách tuyệt vọng, vì các giai cấp đó được sự ủng hộ của bên ngoài, vì có những phần tử quan liêu ở ngay trong các cơ quan chúng ta, vì trong đảng chúng ta có một số người còn hồ nghi và có đầu óc thủ cựu.

Ba là, do đó rút ra kết luận rằng: muốn khắc phục được những khó khăn, thì trước hết, phải đẩy lùi những cuộc tấn công của các phần tử tư bản chủ nghĩa, đập tan sự phản kháng của chúng và như vậy là dọn đường để tiến lên mau chóng.

Cuối cùng, do đó rút ra kết luận rằng ngay bản chất của những khó khăn của chúng ta — vốn là những khó khăn trong bước *trưởng thành* — cũng cho chúng ta những *khả năng* cần thiết để đè bẹp những kẻ thù giai cấp.

Nhưng muốn sử dụng những *khả năng* đó và biến nó thành *hiện thực*, muốn đè bẹp sự phản kháng của những kẻ thù giai cấp và khắc phục được những khó khăn, thì chỉ có một biện pháp duy nhất là: tổ chức *tấn công* những thành phần tư bản chủ nghĩa *trên khắp mặt trận* và cô lập ngay trong hàng ngũ chúng ta những phần tử cơ hội chủ nghĩa đang cản trở cuộc tấn công, và vì đâm hoang mang nên chúng nhảy từ bên này sang bên kia và đem gico rắc vào trong đảng cái tư tưởng không tin tưởng vào sự thắng lợi. *(Vỗ tay.)*

Tuyệt không có phương pháp nào khác.

Chỉ có những người mất trí mới có thể tìm thấy lối thoát trong cái công thức ấu trĩ của Bu-kha-rin về việc nhập một cách hòa bình, những thành phần tư bản chủ nghĩa vào trong

chủ nghĩa xã hội. Sự phát triển đã và đang tiếp tục diễn ra ở nước chúng ta, tuyệt không phải theo công thức của Bu-kha-rin : sự phát triển đã và đang tiếp tục diễn ra theo công thức của Lê-nin : « Ai thắng ai ? ». Có phải chúng ta sẽ đánh quỵ và sẽ đè bẹp bọn bóc lột, hay chính bọn chúng sẽ đánh quỵ và sẽ đè bẹp chúng ta, là những công nhân và nông dân Liên-xô, vấn đề đặt ra là như thế đó, các đồng chí ạ !

Như vậy là, *chủ nghĩa xã hội tổ chức tấn công trên khắp mặt trận*, đó là nhiệm vụ đề ra trước mắt chúng ta giữa lúc các công tác cải tạo *toàn bộ* nền kinh tế quốc dân đang phát triển.

Chính là đảng đã hiểu sứ mệnh của mình như thế, khi đảng tổ chức tấn công những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

b) Nhưng nói chung liệu có thể tiến hành cuộc tấn công được không, và hơn nữa lại là một cuộc tấn công trên khắp mặt trận trong khuôn khổ Chính sách kinh tế mới không ?

Có người nghĩ rằng tấn công là không phù hợp với Chính sách kinh tế mới ; rằng Chính sách kinh tế mới, thật sự là một bước lùi và ngay khi bước lùi đó chấm dứt, thì chính sách đó cũng phải xóa bỏ. Nghĩ như thế, dĩ nhiên, là rồ dại. Một sự rồ dại xuất phát hoặc là từ bọn tơ-rốt-kít, là bọn không hiểu một tí gì về chủ nghĩa Lê-nin cả và tưởng rằng có thể « xóa bỏ » Chính sách kinh tế mới « ngay » được, hoặc là từ bọn cơ hội chủ nghĩa phái hữu mà ra, bọn này cũng không hiểu gì nốt về chủ nghĩa Lê-nin, và chúng lải nhải mãi « về cái nguy cơ là Chính sách kinh tế mới có thể bị xóa bỏ », tưởng rằng cứ mặc cả mãi rồi có thể đạt được tới chỗ là chúng ta từ bỏ cuộc tấn công. Nếu Chính sách kinh tế mới chỉ đơn thuần là một bước lùi, thì Lê-nin đã chẳng nói ở đại hội XI của đảng giữa lúc chính sách đó đang được áp dụng ở nước ta một cách triệt để nhất, rằng « bước lùi đã chấm dứt ». Há chẳng phải là trong khi nói đến bước lùi đã chấm dứt, Lê-nin cũng đã đồng thời tuyên bố rằng chúng ta đang nghĩ đến việc áp dụng chính sách đó « một cách nghiêm chỉnh và lâu dài » hay sao ? Chỉ cần đặt câu hỏi ấy ra cũng đủ thấy được tất cả cái vô lý trong những lời ba hoa về Chính sách kinh tế mới không phù hợp với việc tấn công. Thực ra, chính sách đó không

những có nghĩa là một *bước lùi* và là để cho thương nghiệp tư doanh lại được hoạt động tức là để cho chủ nghĩa tư bản lại được hoạt động trong khi đó thì tác dụng điều tiết của Nhà nước vẫn được bảo đảm (giai đoạn đầu của Chính sách kinh tế mới). Thực ra, Chính sách kinh tế mới, ở một giai đoạn nào đó của sự phát triển, cũng có nghĩa là sự *tấn công* của chủ nghĩa xã hội vào những thành phần tư bản chủ nghĩa, là sự *thu hẹp* phạm vi hoạt động của thương nghiệp tư doanh, là sự *thúc ép* tương đối và tuyệt đối đối với chủ nghĩa tư bản, là *ưu thế* ngày càng tăng của khu vực xã hội hóa đối với khu vực chưa xã hội hóa, là sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản (giai đoạn hiện nay của Chính sách kinh tế mới). Chính sách kinh tế mới đem thi hành cốt để làm cho chủ nghĩa xã hội thắng những thành phần tư bản chủ nghĩa. Trong khi chuyển sang cuộc tấn công trên khắp mặt trận, chúng ta vẫn chưa bỏ Chính sách kinh tế mới, bởi vì thương nghiệp tư doanh và các thành phần tư bản chủ nghĩa vẫn đang còn, việc trao đổi « tự do » vẫn đang còn ; nhưng chắc chắn là chúng ta xóa bỏ giai đoạn đầu của Chính sách kinh tế mới, trong khi phát triển giai đoạn sau của nó tức là giai đoạn hiện nay của Chính sách kinh tế mới, là giai đoạn cuối cùng của chính sách đó.

Đây là điều Lê-nin đã nói năm 1922, một năm sau khi thi hành Chính sách kinh tế mới :

« Hiện nay chúng ta đang lùi bước, hình như chúng ta đang lùi bước, nhưng chúng ta lùi như thế là để lùi trước, rồi sau đó mới lấy đà nhảy xa hơn về phía trước. Chỉ với điều kiện đó mà chúng ta đã lùi bước, đồng thời áp dụng Chính sách kinh tế mới của chúng ta. Hiện nay, chúng ta phải tập hợp nhau lại, phải điều chỉnh, phải cải tổ lại ở đâu và như thế nào đề, sau khi lùi bước, lại bắt đầu cuộc tấn công kiên quyết nhất, đó là điều mà chúng ta hiện còn chưa biết. Để thực hiện tất cả những việc đó một cách bình thường thì, như câu tục ngữ nói, cần phải suy tính không phải mười lần mà là trăm lần, trước khi quyết định » (xem tập XXVII, tr. 316-362)*.

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 399. *(B.T.)*

Tôi nghĩ rằng điều đó đã rõ.

Nhưng vấn đề đặt ra là : đã đến lúc chuyển qua tấn công chưa, đã đúng lúc tấn công chưa ?

Cũng trong năm 1922, ở một chỗ khác, Lê-nin nói đến sự cần thiết :

« Phải đoàn kết với quần chúng nông dân, với những người nông dân lao động bình thường, và phải bắt đầu tiến lên một cách cực kỳ, một cách vô cùng chậm rãi hơn là chúng ta đã mơ tưởng, nhưng trái lại, thì làm sao cho toàn thể quần chúng sẽ thật sự tiến lên với chúng ta »... làm sao cho « đến lúc cần thiết thì phong trào đó sẽ tiến mau, đến nỗi ngày nay chúng ta cũng không thể tưởng tượng được » (xem tập XXVII, tr. 231-232)*.

Và bao giờ vấn đề cũng vẫn đặt ra là : đã đến lúc đẩy phong trào tiến mau như thế chưa, đã đến lúc đẩy nhịp độ phát triển của chúng ta tiến mau chưa ? Chúng ta đã chọn đúng lúc để chuyển qua một cuộc tấn công kiên quyết trên khắp mặt trận, trong nửa năm sau 1929 chưa ?

Vấn đề đó, đảng đã trả lời một cách rõ ràng và chính xác rồi.

Phải, đã đến lúc rồi.

Phải, đảng đã chọn đúng lúc để chuyển qua tấn công trên khắp mặt trận.

Bằng chứng là tính tích cực ngày càng tăng của giai cấp công nhân và uy tín của đảng được nâng cao một cách chưa từng thấy trong hàng triệu người lao động.

Bằng chứng là tính tích cực ngày càng tăng của quần chúng bần nông và trung nông, cũng như là sự chuyển biến căn bản của quần chúng đó hướng vào việc xây dựng các nông trang tập thể.

Bằng chứng là những thành tựu của chúng ta cả trong lĩnh vực phát triển công nghiệp cũng như trong lĩnh vực xây dựng các nông trường quốc doanh và các nông trang tập thể.

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga; xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 243. *(B.T.)*

Bằng chứng là hiện nay, chúng ta có khả năng không những thay thế sự sản xuất của bọn cu-lắc bằng sự sản xuất của các nông trang tập thể và các nông trường quốc doanh, mà còn vượt quá sự sản xuất của bọn ấy nhiều.

Bằng chứng là chúng ta đã giải quyết được, về căn bản, vấn đề ngũ cốc và dự trữ được một số lúa mì, đồng thời chuyển trọng tâm sản xuất ngũ cốc hàng hóa, từ lĩnh vực sản xuất cá thể vào lĩnh vực sản xuất của các nông trang tập thể và của nông trường quốc doanh.

Đó là bằng cớ chứng tỏ rằng đảng đã chọn đúng lúc để chuyển sang tấn công trên khắp mặt trận và tuyên bố khẩu hiệu thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp.

Tình hình sẽ diễn ra như thế nào nếu chúng ta đã nghe theo bọn cơ hội chủ nghĩa phái hữu trong nhóm Bu-kha-rin mà từ bỏ cuộc tấn công giảm bớt tốc độ phát triển của công nghiệp, làm chậm sự phát triển các nông trang tập thể và các nông trường quốc doanh, và nếu chúng ta đã dựa vào kinh tế nông dân cá thể?

Chắc chắn là chúng ta đã phá hoại công nghiệp của chúng ta, đã làm cho công cuộc cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội bị thất bại; chúng ta đã không có lúa mì và đã mở đường cho bọn cu-lắc hoành hành. Có lẽ những sự mơ ước của chúng ta sẽ bị tiêu tan và chúng ta lại vẫn hoàn tay không như trước.

Tình hình sẽ diễn ra như thế nào nếu chúng ta đã nghe theo bọn cơ hội chủ nghĩa «phái tả» thuộc nhóm Tơ-rốt-ski—Di-nô-vi-ép, và đã mở cuộc tấn công vào hồi năm 1926-27, khi mà chúng ta không có một chút khả năng nào để thay thế sự sản xuất của bọn cu-lắc bằng sự sản xuất của các nông trang tập thể và các nông trường quốc doanh?

Chắc chắn là chúng ta đã thất bại trên địa hạt đó, đã biểu lộ sự non yếu của chúng ta, đã củng cố địa vị của bọn cu-lắc và của các thành phần tư bản chủ nghĩa nói chung, đã đẩy trung nông vào tay cu-lắc, đã làm cho công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của chúng ta bị thất bại, và chúng ta đã

không có lúa mì. Có lẽ những mơ ước của chúng ta sẽ bị tiêu tan và chúng ta lại vẫn hoàn tay không như trước.

Kết quả đều như nhau.

Ở nước chúng ta, không phải là không có lý khi công nhân nói : « Nếu anh đi về « bên trái », thì anh sẽ đến bên phải ». (*Vỗ tay.*)

Một số đồng chí nghĩ rằng điều chủ yếu trong cuộc tấn công của chủ nghĩa xã hội là những cuộc trấn áp, rằng nếu không tăng những cuộc trấn áp lên, tức là không tấn công.

Có đúng không ? Dĩ nhiên là sai.

Trong lĩnh vực kiến thiết xã hội chủ nghĩa, trấn áp là một yếu tố cần thiết trong cuộc tấn công, nhưng là một yếu tố phụ, không phải là chính. Vì những điều kiện hiện nay của chúng ta, yếu tố chủ yếu trong cuộc tấn công của chủ nghĩa xã hội là tăng cường nhịp độ phát triển của công nghiệp của chúng ta, là tăng cường nhịp độ phát triển các nông trường quốc doanh và các nông trang tập thể, là tăng cường nhịp độ gạt bỏ về mặt kinh tế các thành phần tư bản chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn, là động viên quần chúng vào công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa, là động viên quần chúng chống chủ nghĩa tư bản. Các đồng chí có thể bắt và đày hàng chục và hàng trăm nghìn tên cu-lắc, nhưng nếu đồng thời các đồng chí không làm tất cả những gì cần thiết để đẩy công cuộc xây dựng các hình thức kinh tế mới được mau chóng, để thay thế những hình thức kinh tế cũ, tức là những hình thức tư bản chủ nghĩa, bằng những hình thức mới, để phá hủy và thủ tiêu những nguồn gốc đẻ ra sự tồn tại về mặt kinh tế và sự phát triển về mặt kinh tế của những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, thì thế nào bọn cu-lắc cũng sẽ tái sinh và sẽ phát triển.

Một số khác thì nghĩ rằng cuộc tấn công của chủ nghĩa xã hội là một bước tiến khinh suất, không có một sự chuẩn bị thích đáng, không có một sự tập hợp các lực lượng trong quá trình tấn công, không củng cố các vị trí đã chiếm cứ được, không sử dụng các lực lượng dự trữ để phát huy những thắng lợi ; và, chẳng hạn, nếu thấy xuất hiện những dấu hiệu như

một bộ phận nào đó trong nông dân rút ra khỏi nông trang tập thể, thì nghĩ rằng đó tức là một « sự thoái trào của cách mạng », một bước xuống của phong trào, một bước ngừng lại của cuộc tấn công rồi.

Điều đó có đúng không? Dĩ nhiên là sai.

Một là, không có cuộc tấn công nào, dù là thắng lợi nhất đi nữa, mà lại tuyệt nhiên không có sứt mẻ, không có tổn thất trong những khu vực này hay khu vực khác của mặt trận. Do hiện tượng đó mà nói là cuộc tấn công đã ngừng lại hay đã bị thất bại, tức là không hiểu bản chất của sự tấn công.

Hai là, nếu không tập hợp lại các lực lượng ngay trong quá trình tấn công, không củng cố các vị trí đã chiếm cứ được, không sử dụng các lực lượng dự trữ để phát huy thắng lợi và tiến hành tấn công đến cùng, thì đã không có và không thể có tấn công *thắng lợi* được. Trong trường hợp tiến lên một cách khinh suất, nghĩa là không chú ý đến những điều kiện đó, thì tất nhiên là cuộc tấn công phải rập gẫy và thất bại. Tiến lên mà khinh suất là tấn công thất bại. Đó là điều mà kinh nghiệm phong phú của cuộc nội chiến của chúng ta đã chứng tỏ.

Ba là, làm sao mà có thể cho là giống nhau được giữa sự « thoái trào của cách mạng », thường xảy ra trên cơ sở của phong trào *đang xuống* với việc rút ra khỏi nông trang tập thể của một bộ phận nông dân đang xảy ra trên cơ sở một sự *phát triển* liên tục của phong trào, trên cơ sở một sự *phát triển* liên tục của toàn bộ công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa của chúng ta, cả của công nghiệp lẫn của các nông trang tập thể, trên cơ sở một sự *phát triển* liên tục của cuộc cách mạng của chúng ta? Làm thế nào mà giữa hai loại hiện tượng hoàn toàn khác nhau đó, lại có thể có điểm giống nhau được?

c) Thực chất của cuộc tấn công bôn-sê-vích, trong những điều kiện hiện nay của chúng ta, là gì?

Trước hết, thực chất của cuộc tấn công bôn-sê-vích là động viên tinh thần cảnh giác giai cấp và tính tích cực cách mạng của quần chúng chống những thành phần tư bản chủ

nghĩa ở nước ta ; là động viên sáng kiến và tinh thần tự động của quần chúng chống chủ nghĩa quan liêu trong các cơ quan và tổ chức của chúng ta, chủ nghĩa này kìm hãm những lực lượng dự trữ khổng lồ tiềm tàng trong lòng chế độ ta, và ngăn trở việc sử dụng những lực lượng dự trữ đó ; là tổ chức quần chúng thi đua và đề cao nhiệt tình lao động để nâng cao năng suất lao động, để phát triển công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa.

Thứ đến, thực chất của cuộc tấn công bôn-sê-vích là cải tổ lại toàn bộ công tác thực tiễn của các công đoàn, các hợp tác xã, các cơ quan hành chính và tất cả những tổ chức quần chúng khác tùy theo những nhu cầu của thời kỳ cải tạo ; là tạo ra, trong các tổ chức đó, một bộ phận trung kiên gồm có những chiến sĩ tích cực nhất và cách mạng nhất, đồng thời gạt ra và cô lập những phần tử cơ hội chủ nghĩa, công liên chủ nghĩa, và quan liêu chủ nghĩa ; là đuổi ra khỏi các tổ chức đó, những phần tử xa lạ và thoái hóa và đề bạt những chiến sĩ mới của cơ sở.

Sau nữa, thực chất của cuộc tấn công bôn-sê-vích là động viên tài lực đến mức tối đa, để cấp vốn cho công nghiệp của chúng ta, để cấp vốn cho các nông trường quốc doanh và nông trang tập thể của chúng ta ; và là giao cho những người ưu tú của đảng ta chăm lo phát triển toàn bộ công việc đó.

Cuối cùng, thực chất của cuộc tấn công bôn-sê-vích là động viên chính bản thân đảng, để tổ chức toàn bộ cuộc tấn công đó ; là củng cố và làm cho các tổ chức của đảng được trong sạch, đồng thời đuổi những phần tử quan liêu và thoái hóa ra khỏi các tổ chức đó, là cô lập và gạt bỏ những kẻ khuynh hữu và khuynh « tả » đối với đường lối Lê-nin, đồng thời đưa lên hàng đầu những người lê-nin-nít chân chính và kiên định.

Đó là những cơ sở của cuộc tấn công bôn-sê-vích trong lúc này.

Đảng đã thực hiện kế hoạch tấn công đó như thế nào ?

Các đồng chí đều biết rằng đảng đã thực hiện kế hoạch đó một cách triệt để nhất.

Đầu tiên là đảng đã phát triển một cuộc *tự phê bình* rộng rãi, đồng thời làm cho quần chúng tập trung chú ý vào những khuyết điểm trong công cuộc kiến thiết của chúng ta, vào những khuyết điểm của các tổ chức và các cơ quan của chúng ta. Sự cần thiết phải tăng cường việc tự phê bình đã từng tuyên bố ngay từ đại hội XV. Một mặt thì vụ Sa-khơ-tư và việc phá hoại trong các ngành công nghiệp đã chứng tỏ rằng một số cấp bộ đảng không có cái thính cách mạng mặt khác thì cuộc đấu tranh chống cu-lắc và các khuyết điểm lộ ra trong các tổ chức của chúng ta ở nông thôn, tất cả những cái đó đã thúc đẩy thêm cho việc tự phê bình. Trong bản thông cáo ngày 2 tháng Sáu 1928[49], Ban Chấp hành trung ương đã xác định hẳn một hình thức cho chiến dịch tự phê bình, đồng thời kêu gọi tất cả mọi lực lượng của đảng và của giai cấp công nhân hãy mở rộng tự phê bình « từ trên xuống và từ dưới lên », và « không phải nề nang gì cả ». Sau khi gạt bỏ sự « phê bình » theo quan điểm Tơ-rốt-ski xuất phát từ bên kia chiến lũy, mà mục đích là làm mất uy tín và làm suy yếu Chính quyền xô-viết, đảng đã tuyên bố nhiệm vụ của tự phê bình là công bố một cách không nề nang các khuyết điểm trong công tác của chúng ta, nhằm *cải tiến* công cuộc kiến thiết của chúng ta, và *củng cố* Chính quyền xô-viết. Người ta biết rằng lời kêu gọi của đảng đã được quần chúng trong giai cấp công nhân và nông dân hết sức nhiệt liệt hưởng ứng.

Tiếp đó, đảng đã tổ chức một chiến dịch đấu tranh rộng lớn chống *chủ nghĩa quan liêu*, đồng thời nêu ra khẩu hiệu xúc tiến việc *thanh trừ* những phần tử thù địch và bị quan liêu hóa trong các tổ chức của đảng, các công đoàn, các hợp tác xã và các công sở. Chiến dịch đó được kế tiếp bằng bản nghị quyết nổi tiếng ngày 16 tháng Ba 1930, của Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương, về việc đề bạt công nhân vào bộ máy Nhà nước và việc quần chúng công nhân kiểm soát bộ máy hành chính (việc đỡ đầu các nhà máy)[50]. Người ta biết rằng chiến dịch đó đã khiến cho quần chúng công nhân hết sức phấn khởi và tích cực. Kết quả của

chiến dịch đó là uy tín của đảng, trong quần chúng cần lao, tăng lên rất nhiều, là lòng tin tưởng của giai cấp công nhân đối với đảng được tăng lên, là đã có thêm hàng trăm nghìn công nhân gia nhập đảng, là đã có những bản nghị quyết của toàn thể công nhân trong nhiều xưởng máy và nhà máy, tỏ lòng mong muốn được gia nhập đảng. Cuối cùng, kết quả của chiến dịch đó là thanh trừ được một số phần tử bảo thủ và quan liêu trong các tổ chức của chúng ta, là làm cho Ban Chấp hành trung ương của các công đoàn Liên-xô thoát khỏi sự lãnh đạo trước kia của bọn cơ hội chủ nghĩa.

Sau đó, đảng đã tổ chức một cuộc *thi đua* xã hội chủ nghĩa rộng lớn và đã gây được *nhiệt tình lao động* trong quần chúng ở các công xưởng và nhà máy. Lời kêu gọi của hội nghị XVI của đảng về vấn đề thi đua, đã mở đầu cho cuộc vận động ấy. Những đội xung kích đang đẩy cuộc vận động ấy tiến lên. Những đoàn Thanh niên cộng sản Lê-nin và thanh niên công nhân do các đoàn ấy lãnh đạo đã đem lại cho cuộc thi đua và lao động xung kích những thành tựu có ý nghĩa quyết định. Phải thừa nhận rằng thanh niên cách mạng của chúng ta đã đóng một vai trò đặc biệt trong lĩnh vực ấy. Hiện nay, không còn thể nghi ngờ gì được nữa rằng một trong những việc quan trọng nhất, nếu không phải là việc quan trọng hơn cả trong công cuộc kiến thiết của chúng ta, hiện giờ là cuộc thi đua xã hội chủ nghĩa trong các công xưởng và nhà máy, là sự trao đổi tin tức giữa hàng chục vạn công nhân về những kết quả đã đạt được, là sự phát triển rộng lớn của *lao động xung kích*.

Phải là mù quáng mới không thấy được rằng tâm lý của quần chúng và thái độ của họ đối với lao động, đã có một sự chuyển biến lớn lao, làm thay đổi một cách căn bản bộ mặt các nhà máy và các công xưởng của chúng ta. Cách đây không lâu lắm, ở nước ta, có người nói rằng thi đua và lao động xung kích là « huyền hoặc » và « không có căn cứ ». Với những kẻ « khôn ngoan » đó, người ta cũng chẳng thèm chế giễu chúng làm gì nữa, mà chỉ xem chúng là những kẻ « khôn ngoan » đã lỗi thời. Hiện giờ thi đua và lao động xung

kích là những việc đã đạt được và đã thành nếp rồi. Ở nước ta, có hơn hai triệu công nhân đang thi đua xã hội chủ nghĩa, và những đội xung kích ít nhất cũng có đến một triệu công nhân, đó là một sự thật.

Điều đáng chú ý nhất trong việc thi đua là nó làm cho quan niệm của người ta đối với lao động đã thay đổi hẳn, vì lao động trước kia vốn là một gánh nặng nhục nhã và nặng nề thì ngày nay, thi đua làm cho nó thành một vấn đề *vinh dự*, một vấn đề *quang vinh*, một vấn đề *dũng cảm* và *anh hùng*. Trong các nước tư bản chủ nghĩa, không có, và không thể nào có như thế được. Ở đấy, ở nước chúng, ở nước của bọn tư bản, điều ước mong nhất, và đáng được công chúng tán thành, là có tô, là sống bằng lợi tức, là không phải bị bắt buộc lao động, vì lao động bị coi là một việc hèn hạ. Ở Liên-xô chúng ta thì trái lại, điều ước mong nhất và đáng được mọi người tán thành lại là có thể trở thành một anh hùng lao động, có thể trở thành một anh hùng lao động xung kích, đầy quang vinh trong số hàng triệu người lao động.

Trong phong trào thi đua, điều không kém phần đáng chú ý là phong trào đó đang bắt đầu lan rộng cả ở nông thôn nữa, ở đây, phong trào đã thâm nhập các nông trường quốc doanh và các nông trang tập thể của chúng ta. Mọi người đều biết nhiều gương nhiệt tình lao động thực sự trong hàng triệu người lao động ở các nông trường quốc doanh và các nông trang tập thể.

Vài năm trước đây, ai mà có thể mơ tưởng được những thành tựu về thi đua và về lao động xung kích như thế?

Sau nữa, đảng đã động viên tài lực trong nước để phát triển công cuộc xây dựng nông trường quốc doanh và nông trang tập thể. Đảng đã cung cấp cho các nông trường quốc doanh những cán bộ tổ chức xuất sắc nhất; đảng đã cử về để giúp đỡ các nông trang tập thể 25.000 công nhân tiên phong, đã đề bạt những người xuất sắc nhất trong số những người nông dân ở các nông trang tập thể và giao cho họ lãnh đạo các nông trang tập thể. Đảng đã tổ chức cả một hệ thống những lớp huấn luyện để phục vụ các nông trang viên, do đó mà

đặt được những cơ sở cho việc đào tạo những cán bộ kiên định và có kinh nghiệm phong trào nông trang tập thể.

Cuối cùng, đảng đã tập hợp lại chính đội ngũ của mình, để sẵn sàng chiến đấu, đảng đã vũ trang lại báo chí, đã tổ chức đấu tranh trên hai mặt trận, đã đập nát những tàn tích của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski, đã đánh bẹp những kẻ khuynh hữu, đã cô lập những kẻ thỏa hiệp, như vậy là căn cứ vào đường lối Lê-nin, đảng đã đảm bảo trong đội ngũ của mình sự nhất trí cần thiết để tiến hành tấn công được tốt, và đã thực hiện lãnh đạo đúng đắn cuộc tấn công, đồng thời uốn nắn lại và đưa trở lại vào con đường đúng đắn, cả những người chủ trương tiến tuần tự trong phái hữu lẫn những người «khuynh tả» quá nôn nóng trong phong trào tập thể hóa.

Đó là những biện pháp chủ yếu mà đảng đã áp dụng để đảm bảo cuộc tấn công trên khắp mặt trận.

Mọi người đều biết rằng cuộc tấn công đó đã đạt được thắng lợi trong tất cả các lĩnh vực công tác của chúng ta.

Đó là lý do đã làm cho chúng ta khắc phục được cả một loạt khó khăn trong thời kỳ cải tạo nền kinh tế quốc dân của chúng ta.

Đó là lý do đã làm cho chúng ta khắc phục được một cách thắng lợi điều khó khăn nhất trong công cuộc kiến thiết của chúng ta, tức là khó khăn trong việc hướng quần chúng cơ bản trong nông dân theo chủ nghĩa xã hội.

Đôi khi, có những người ngoại quốc muốn tìm hiểu tình hình nội bộ của Liên-xô. Nhưng liệu người ta có thể không tin rằng tình hình nội bộ của Liên-xô là vững chắc và không gì lay chuyển nổi, không? Hãy nhìn các nước tư bản chủ nghĩa mà xem; nạn khủng hoảng và nạn thất nghiệp ở các nước ấy ngày càng tăng, những vụ đình công và nghỉ việc, những cuộc biểu tình chống chính phủ, — làm sao mà có thể so sánh tình hình nội bộ các nước ấy với tình hình nội bộ của Liên-xô được?

Phải thừa nhận rằng Chính quyền xô-viết hiện nay là chính quyền vững chắc nhất trong tất cả các chính quyền hiện có trên thế giới. *(Vỗ tay.)*

8. CHẾ ĐỘ KINH TẾ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA HAY XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Như vậy là chúng ta đã thấy tình hình nội bộ của Liên-xô.

Đồng thời chúng ta cũng đã thấy tình hình nội bộ các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu.

Tự nhiên người ta phải đi đến câu hỏi là : nếu đem đối chiếu, đem so sánh hai tình hình đó thì người ta sẽ đi đến những kết quả gì ?

Câu hỏi đó lại càng có ý nghĩa hơn nữa, nhất lại là vì những nhà chính trị tư sản trong tất cả các nước, báo chí tư sản thuộc tất cả các hạng và tất cả các loại, từ bọn chính cống tư bản chủ nghĩa đến bọn men-sê-vích - tơ-rốt-kít, đều đang nhất trí tuyên bố sự « phồn vinh » của các nước tư bản chủ nghĩa, sự « thất bại » của Liên-xô, sự « phá sản về tài chính và kinh tế » của Liên-xô, v.v.

Như thế thì việc phân tích tình hình ở Liên-xô chúng ta và ở nước chúng, ở các nước tư bản chủ nghĩa, đã đem lại những kết quả gì ?

Chúng ta hãy nêu lên những sự việc chính mà mọi người đều biết.

Ở nước chúng, ở nước của bọn tư bản, kinh tế ***khủng hoảng*** và sản xuất suy sụp, cả trong lĩnh vực công nghiệp lẫn trong lĩnh vực nông nghiệp.

Ở Liên-xô chúng ta, kinh tế *phát triển* và sản xuất *ngày một tăng* trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân.

Ở nước chúng, ở nước của bọn tư bản, đời sống vật chất của những người lao động *ngày càng khó khăn*, tiền công của công nhân *giảm sút* và nạn thất nghiệp *ngày càng tăng*.

Ở Liên-xô chúng ta, đời sống vật chất của những người lao động được *nâng cao*, tiền công của công nhân *tăng lên*, và số người thất nghiệp *giảm bớt*.

Ở nước chúng, ở nước của bọn tư bản, những cuộc đình công và biểu tình *ngày càng tăng*, đưa đến chỗ *thiệt mất* hàng triệu ngày lao động.

Ở Liên-xô chúng ta, không có đình công, nhiệt tình lao động của công nhân và nông dân *lên cao*, những cái đó *cống hiến* cho chế độ của chúng ta thêm hàng triệu ngày lao động.

Ở nước chúng, ở nước của bọn tư bản, tình hình nội bộ *ngày càng trầm trọng*, và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân chống chế độ tư bản, ngày càng *lên cao*.

Ở Liên-xô chúng ta, tình hình nội bộ được *củng cố*, và quần chúng vô cùng đông đảo trong giai cấp công nhân *đoàn kết* chung quanh Chính quyền xô-viết.

Ở nước chúng, ở nước của bọn tư bản, vấn đề dân tộc *ngày càng thêm trầm trọng* và phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn-độ, Đông-dương, In-đô-nê-xi-a, ở Phi-líp-pin, v.v., ngày càng *lớn mạnh* và đang biến thành *chiến tranh dân tộc*.

Ở Liên-xô chúng ta, các cơ sở của tình anh em giữa các dân tộc được *củng cố*, nền *hòa bình* dân tộc được bảo đảm và quần chúng vô cùng đông đảo thuộc các dân tộc ở Liên-xô *đoàn kết* chung quanh chính quyền xô-viết.

Ở nước chúng, ở nước của bọn tư bản, tình hình *rối loạn* và tương lai sẽ còn *trầm trọng* hơn nữa.

Ở Liên-xô chúng ta, mọi người đều *tin tưởng vào lực lượng của mình*, và tình hình có triển vọng ngày càng được *cải thiện* hơn.

Người ta nói ba hoa về sự « thất bại » của Liên-xô, về sự « phồn vinh » của các nước tư bản chủ nghĩa, v.v... Nói đến sự thất bại tất nhiên của những người đã bị lôi cuốn « một cách quả thật là bất ngờ » vào cơn gió lốc của cuộc khủng hoảng kinh tế và đến nay cũng vẫn chưa thể thoát khỏi được tình trạng sa lầy, nói như thế có lẽ chẳng đúng hơn hay sao?

Những lý do gì đã gây ra một sự *thất bại* nặng nề như thế ở nước chúng, ở nước của bọn tư bản, và đã đem lại những *thành tựu* to lớn ở Liên-xô chúng ta.

Người ta nói rằng tình hình kinh tế quốc dân là do ở chỗ có vốn dồi dào hay thiếu thốn quyết định một phần rất lớn. Điều đó dĩ nhiên là đúng. Nguyên nhân của nạn khủng hoảng trong các nước tư bản chủ nghĩa và sự phát triển ở Liên-xô có phải là do chúng ta có nhiều vốn mà bọn tư bản thì thiếu

vốn hay không? Không, hiển nhiên là không phải. Ai cũng biết rằng Liên-xô vốn rất ít hơn là các nước tư bản chủ nghĩa. Trong trường hợp này, nếu quả là tình hình tích lũy vốn *quyết định* thì có lẽ chúng ta đã bị khủng hoảng, còn các nước tư bản chủ nghĩa thì đã phát triển rồi.

Người ta nói rằng tình hình kinh tế là do việc đào tạo tốt cán bộ kinh tế về mặt kỹ thuật và tổ chức quyết định một phần rất lớn. Điều đó dĩ nhiên là đúng. Nhưng nạn khủng hoảng trong các nước tư bản chủ nghĩa và sự phát triển ở Liên-xô, có phải là do các nước tư bản chủ nghĩa thiếu cán bộ kỹ thuật mà chúng ta lại có nhiều cán bộ kỹ thuật hay không? Không; hiển nhiên là không phải. Ai cũng biết các nước tư bản chủ nghĩa có rất nhiều cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm hơn là Liên-xô chúng ta. Không bao giờ chúng ta lại giấu giếm và cũng không có ý định giấu giếm rằng trong lĩnh vực kỹ thuật, chúng ta là học trò của người Đức, người Anh, người Pháp, người Ý và, trước hết và nhất là học trò của người Mỹ. Không, ở đây không phải là sự dồi dào hay thiếu thốn cán bộ kỹ thuật, quyết định, tuy rằng vấn đề cán bộ có một ý nghĩa lớn lao đối với sự phát triển nền kinh tế quốc dân.

Có lẽ cái bí quyết của vấn đề là ở chỗ trình độ văn hóa ở nước ta cao hơn trình độ văn hóa ở các nước tư bản chủ nghĩa phải không? Cũng không phải. Ai cũng biết rằng trình độ văn hóa chung của quần chúng ở nước ta còn thấp hơn ở Mỹ, Anh, Đức. Không, vấn đề không phải là trình độ văn hóa của quần chúng, tuy rằng trình độ văn hóa có một ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển nền kinh tế quốc dân.

Có lẽ nguyên nhân ở đây là do tài năng cá nhân của những người lãnh đạo các nước tư bản chủ nghĩa phải không? Cũng không phải. Nạn khủng hoảng đã phát sinh từ khi có sự thống trị của chủ nghĩa tư bản ra đời. Đã từ hơn một thế kỷ nay, cứ từng chu kỳ một, lại xảy ra những cuộc khủng hoảng kinh tế chủ nghĩa tư bản; cứ 12 - 10 - 8 năm hay ít hơn, nó lại tái diễn một lần. Tất cả các đảng của chủ nghĩa tư bản, tất cả những nhân vật nào hơi có tiếng tăm của chủ nghĩa tư bản, từ những người «thiên tài» nhất đến những người

tầm thường nhất, cũng đều đã tìm cách « đề phòng » hoặc « xóa bỏ » nạn khủng hoảng. Nhưng tất cả đều hoàn toàn thất bại. Ông Hô-vơ với nhóm của ông cũng đã hoàn toàn thất bại, vậy có gì là đáng ngạc nhiên? Không, ở đây vấn đề không phải là do các nhà lãnh đạo hay các đảng của chủ nghĩa tư bản, mặc dầu ở đây những nhà lãnh đạo và các đảng của chủ nghĩa tư bản cũng có một tác dụng không ít.

Thế thì, vấn đề là ở chỗ nào?

Nguyên nhân gì đã làm cho Liên-xô, mặc dầu chậm tiến về mặt văn hóa, thiếu vốn, thiếu cán bộ kinh tế được đào tạo về mặt kỹ thuật, nhưng kinh tế vẫn ngày càng *phát triển* và trên mặt trận xây dựng kinh tế, lại thu được những *thắng lợi* quyết định, trong lúc đó thì các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến, mặc dầu có dồi dào vốn và cán bộ kỹ thuật, mặc dầu có một trình độ văn hóa cao hơn, nhưng lại ở trong tình trạng *khủng hoảng* kinh tế ngày càng tăng và *thất bại liên tiếp* trong lĩnh vực phát triển kinh tế?

Nguyên nhân là *ở chỗ khác nhau giữa các chế độ* kinh tế ở nước ta và ở nước của bọn tư bản.

Nguyên nhân là ở chỗ *không hợp lý* của chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Nguyên nhân là ở chỗ chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa *ưu việt hơn* chế độ tư bản chủ nghĩa.

Chế độ kinh tế xô-viết là thế nào?

Chế độ kinh tế xô-viết có nghĩa là :

1) chính quyền của giai cấp bọn tư bản và bọn địa chủ, đã bị lật đổ và đã bị thay thế bằng chính quyền của giai cấp công nhân và của nông dân lao động ;

2) những công cụ và tư liệu sản xuất, ruộng đất, công xưởng, nhà máy, v.v., đã tước lại trong tay bọn tư bản, và chuyển giao cho giai cấp công nhân và quần chúng nông dân lao động làm sở hữu của họ ;

3) sự phát triển sản xuất không phải phục tùng nguyên tắc cạnh tranh và nguyên tắc đảm bảo lợi nhuận tư bản chủ nghĩa, mà phải phục tùng nguyên tắc lãnh đạo có kế hoạch và nguyên tắc không ngừng phát triển trình độ vật chất và văn hóa của những người lao động ;

4) sự phân phối thu nhập quốc dân không phải là để làm cho các giai cấp bóc lột và bọn tay sai ăn bám rất đông của chúng trở nên giàu có, mà là để không ngừng nâng cao đời sống vật chất của công nhân và nông dân và để phát triển sản xuất xã hội chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn ;

5) việc cải thiện không ngừng đời sống vật chất của những người lao động và những nhu cầu của họ (tức là sức mua của họ) không ngừng tăng lên, vì nó là một cái nguồn cứ ngày một lớn mạnh thêm mãi đối với việc mở rộng sản xuất, nên đảm bảo cho những người lao động tránh được nạn khủng hoảng sản xuất thừa, tránh được tình trạng là nạn thất nghiệp và sự cùng khổ cứ ngày càng tăng thêm ;

6) giai cấp công nhân và nông dân lao động làm chủ đất nước, họ không làm việc cho bọn tư bản mà là làm việc cho nhân dân lao động của họ.

Chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa là thế nào ?

Chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa tức là :

1) chính quyền trong nước nằm trong tay bọn tư bản ;

2) các công cụ và tư liệu sản xuất đều tập trung vào tay bọn bóc lột ;

3) sản xuất không phải là theo nguyên tắc cải thiện đời sống vật chất của quần chúng lao động, mà là theo nguyên tắc đảm bảo lợi nhuận tư bản chủ nghĩa được cao ;

4) việc phân phối thu nhập quốc dân tuyệt không phải là nhằm cải thiện đời sống vật chất của những người lao động, mà là nhằm đảm bảo lợi nhuận tối đa cho bọn bóc lột ;

5) việc hợp lý hóa tư bản chủ nghĩa và sự *phát triển* mau chóng của sản xuất, nhằm mục đích bảo đảm lợi nhuận cao cho bọn tư bản, vấp phải đời sống khốn cùng và những điều kiện sinh sống vật chất *giảm sút* của hàng triệu người lao động như vấp phải một hàng rào, những người lao động này không mấy khi có thể thỏa mãn được nhu cầu của mình, dù là trong phạm vi hết sức tối thiểu, điều đó, tất nhiên, tạo hoàn cảnh thuận lợi cho những cuộc khủng hoảng sản xuất thừa không thể nào tránh được, cho sự phát triển nạn thất nghiệp và tình trạng khốn cùng của quần chúng ;

6) giai cấp công nhân và nông dân lao động đều là những người bị bóc lột, họ làm việc không phải cho chính bản thân mình mà là cho một giai cấp khác, cho giai cấp những kẻ bóc lột.

Đó là những điều hơn hẳn của chế độ kinh tế *xô viết* so với chế độ kinh tế *tư bản chủ nghĩa*.

Đó là những điểm hơn hẳn của tổ chức *xã hội chủ nghĩa* so với tổ chức *tư bản chủ nghĩa* về mặt kinh tế.

Đó là lý do vì sao ở Liên-xô chúng ta, kinh tế ngày càng phát triển, trong lúc ở nước chúng, nước của bọn tư bản, thì nạn khủng hoảng kinh tế ngày càng tăng.

Đó là lý do vì sao ở Liên-xô chúng ta, sự phát triển sức tiêu dùng (sức mua) của quần chúng ngày càng cao, luôn luôn vượt quá sự phát triển sản xuất và thúc đẩy sản xuất tiến lên, trong lúc đó thì ở nước chúng, nước của bọn tư bản, trái lại, sự phát triển sức tiêu dùng của quần chúng (sức mua) không bao giờ đuổi kịp được sự phát triển sản xuất, luôn luôn chậm thua sự phát triển sản xuất và lúc nào cũng đưa sản xuất đến những tình trạng khủng hoảng.

Đó là lý do vì sao, ở nước chúng, nước của bọn tư bản, người ta coi việc phá hủy hàng hóa « thặng dư » và đốt cháy các sản phẩm nông nghiệp « thừa » trong thời gian khủng hoảng, để giữ giá đắt và bảo đảm lợi nhuận cao là những việc hoàn toàn bình thường trong khi ở Liên-xô chúng ta, kẻ nào phạm những tội như thế, thì đã bị nhốt vào nhà điên. (*Vỗ tay.*)

Đó là lý do vì sao ở đấy, ở nước của bọn tư bản, công nhân đình công và biểu tình, tổ chức đấu tranh cách mạng chống chính quyền tư bản chủ nghĩa hiện đang tồn tại, trong lúc đó, ở Liên-xô chúng ta, thì lại là bức tranh thi đua lao động vĩ đại của hàng triệu công nhân và nông dân, sẵn sàng đem thân mình ra làm thành lũy bảo vệ Chính quyền xô-viết.

Đó là lý do vì sao tình hình nội bộ Liên-xô ổn định và vững chắc, vì sao tình hình các nước tư bản chủ nghĩa không ổn định và mong manh.

Phải thừa nhận rằng một chế độ kinh tế không biết giải quyết những sản phẩm « thừa » của mình như thế nào mà lại buộc phải đốt cháy những sản phẩm thừa đó đi, giữa lúc mà trong quần chúng thì nạn nghèo khổ và thất nghiệp, nạn đói kém và sự phá sản đang hoành hành, — một chế độ kinh tế như thế, tự nó đã tuyên án tử hình nó rồi.

Những năm vừa qua là một thời kỳ thử thách thực tiễn, một thời kỳ khảo nghiệm hai chế độ kinh tế đối lập nhau, tức là chế độ kinh tế xô-viết và chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa. Trong suốt những năm ấy, đã có quá nhiều lời đoán trước là chế độ xô-viết phải bị « tiêu diệt » và « phá sản ». Những câu đàm luận và những lời tán tụng sự « phồn vinh » của chủ nghĩa tư bản lại còn nhiều hơn nữa. Nhưng kết quả như thế nào ? Những năm đó đã chứng tỏ một lần nữa rằng chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa là một chế độ ***không hợp lý***, rằng chế độ kinh tế xô-viết có những *ưu điểm* mà không một Nhà nước tư sản nào dám nghĩ đến ; dù Nhà nước đó là « dân chủ » nhất, là « có tính chất toàn dân » nhất, v.v. đi nữa.

Trong bài diễn văn của Lê-nin đọc tại hội nghị Đảng cộng sản (b) Nga hồi tháng Năm 1921. Người đã nói :

« Hiện nay, chủ yếu là chúng ta dùng chính sách kinh tế của chúng ta để ảnh hưởng tới cách mạng quốc tế. Tất cả những người lao động trong tất cả các nước trên thế giới, không trừ một ai và cũng không nói quá đáng một tý nào, tất cả đều đang nhìn vào nước Cộng hòa xô-viết Nga. Đó là điều đã đạt được. Bọn tư bản không thể nào im đi một tí gì được, không thể nào giấu giếm tí gì được ; cho nên chúng ra sức đặc biệt là bới tìm những sai lầm của chúng ta về mặt kinh tế và những nhược điểm của chúng ta. Trên địa hạt ấy, cuộc đấu tranh đang phát triển trên một quy mô thế giới. Nếu chúng ta giải quyết được vấn đề ấy, thì chắc chắn là cuối cùng chúng ta sẽ thắng lợi trong phạm vi quốc tế » (xem tập XXVII, tr. 410-411)*.

Phải thừa nhận rằng đối với nhiệm vụ mà Lê-nin đã đề ra, thì đảng ta đang hoàn thành một cách thắng lợi.

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 32, tr. 413. *(B.T.)*

9. NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT

a) Nhiệm vụ chung

1. Trước hết là vấn đề *phân phối hợp lý công nghiệp trong toàn Liên-xô*. Dù chúng ta có phát triển nền kinh tế quốc dân như thế nào chăng nữa, thì cũng không thể bỏ qua được vấn đề xem xem nên tiến hành việc phân phối hợp lý công nghiệp như thế nào, vì nó là ngành chủ đạo của nền kinh tế quốc dân. Hiện nay, tình hình là như thế này : công nghiệp của chúng ta, cũng như nền kinh tế quốc dân của chúng ta, chủ yếu là dựa trên cơ sở than đá và luyện kim ở U-cơ-ren. Ta hiểu rằng không có một cơ sở như thế, thì không thể công nghiệp hóa được nước nhà. Mà cơ sở như thế ở nước ta, chính là cơ sở nhiên liệu và luyện kim ở U-cơ-ren.

Nhưng chỉ riêng **cơ sở** đó thôi, thì liệu sau này có thể cung cấp đủ cho Nam phần, cho Trung phần của Liên-xô, cho miền Bắc, miền Đông-Bắc, cho miền Viễn-đông và cho miền Tuốc-ke-stan không ? Tất cả đều cho ta thấy rằng : không. Một sự kiện mới trong sự phát triển kinh tế quốc dân của chúng ta, chính là chung quy lại, thì cơ sở đó ngay từ bây giờ đã không còn đủ cho chúng ta nữa. Sự kiện mới là, trong khi tiếp tục dùng đủ mọi cách để phát triển cơ sở đó lên, thì còn phải tiến hành thành lập ngay một cơ sở than đá và luyện kim thứ hai nữa. Cơ sở đó phải là nhà máy liên hợp U-ra-lô - Cu-dơ-nét-scơ, liên hợp than cốc ở Cu-dơ-nét-scơ với quặng kim khí U-ran. (*Vỗ tay*) Việc xây dựng một nhà máy ô-tô ở Ni-giơ-ni - Nốp-gô-rốt, một nhà máy làm máy kéo Tsê-li-a-bin-scơ, một nhà máy chế tạo máy móc ở Svéc-lốp, những nhà máy làm máy gặt đập ở Xa-ra-tốp và ở Nô-vô-xi-biếc ; việc có ở Xi-bi-ri và Ca-dắc-stan một ngành luyện kim những loại kim khí có màu sắc đang phát triển, đòi hỏi phải thành lập một hệ thống xưởng sửa chữa máy móc của nhiều nhà máy luyện kim lớn ở miền Đông ; sau cùng là quyết nghị xây dựng những nhà máy sợi ở Nô-vô-xi-biếc và

ở Tuốc-ke-stan ; tất cả những cái đó đòi hỏi phải cấp thiết thành lập một cơ sở than đá và luyện kim thứ hai nữa ở vùng U-ran.

Các đồng chí đều biết rằng, trong nghị quyết về vấn đề các tơ-rớt luyện kim vùng U-ran[51], Ban Chấp hành trung ương đảng ta đã đề ra cái chủ trương chính là theo hướng đó.

2. Sau nữa là vấn đề *phân phối hợp lý các ngành cơ bản của nông nghiệp trong toàn Liên-xô*, vấn đề *chuyên môn hóa các miền của chúng ta theo loại cây trồng trọt và theo từng ngành nông nghiệp*. Ta hiểu rằng với nền kinh tế tiểu nông thì không thể áp dụng nghiêm chỉnh việc chuyên môn hóa được. Không thể áp dụng được là vì kinh tế nhỏ là kinh tế không ổn định, không có những dự trữ cần thiết, nên buộc phải trồng trọt ở nhà mình đủ mọi thứ, để nếu có mất mùa thứ này thì còn có thứ kia kéo lại. Ta cũng thấy rằng không bảo đảm cho Nhà nước một số dự trữ lúa mì nhất định, thì không thể tiến hành chuyên môn hóa được. Bây giờ đây, chúng ta đã chuyển sang kinh tế đại quy mô, và đã đảm bảo cho Nhà nước có những dự trữ lúa mì, thì chúng ta có thể và phải tự định cho mình nhiệm vụ phải tổ chức một cách đúng đắn việc chuyên môn hóa theo từng loại trồng trọt và theo từng ngành. Điểm xuất phát của công tác đó là sự giải quyết triệt để vấn đề ngũ cốc. Tôi nói « điểm xuất phát », vì nếu không giải quyết xong vấn đề ngũ cốc, không tổ chức một hệ thống dầy đặc những kho chứa ngũ cốc trong những miền chăn nuôi, miền trồng bông, củ cải đường, gai, thuốc lá, thì không thể đẩy việc chăn nuôi và việc trồng cây công nghiệp tiến lên được, không thể bảo đảm tổ chức được việc chuyên môn hóa thành từng vùng theo loại và theo ngành.

Nhiệm vụ là phải sử dụng những khả năng hiện có và thúc đẩy công tác đó tiến lên.

3. Rồi đến vấn đề *cán bộ*, trong lĩnh vực công nghiệp cũng như trong lĩnh vực nông nghiệp. Ai cũng thấy trình độ kỹ thuật non kém của cán bộ kinh tế, của chuyên gia, nhà kỹ thuật và cán bộ quản lý của chúng ta. Tình hình phức tạp thêm vì một bộ phận các chuyên gia, có liên hệ với bọn chủ

cũ và bị ngoại quốc thúc đẩy, nên đã cầm đầu những vụ phá hoại. Tình hình còn phức tạp thêm hơn nữa vì có nhiều đảng viên cộng sản, lãnh đạo xí nghiệp, trong trường hợp này lại tỏ ra thiếu tinh thần cảnh giác cách mạng và về mặt tinh thần thường bị bọn phá hoại lung lạc. Thế mà chúng ta lại đang đứng trước những nhiệm vụ to lớn — cải tạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân của chúng ta — đòi hỏi phải có nhiều cán bộ mới, có khả năng nắm được kỹ thuật lớn. Vì thế, vấn đề cán bộ ở nước ta đã thật sự trở thành một vấn đề thời sự nóng hổi.

Sau đây là những biện pháp để giải quyết vấn đề :

1) đấu tranh kiên quyết chống bọn phá hoại ;

2) hết sức ân cần và chú ý đến tuyệt đại đa số những chuyên gia và nhà kỹ thuật đã cắt đứt liên hệ với bọn phá hoại (đương nhiên tôi không nói đến bọn ba hoa và bọn giả dối kiểu U-stơ-ri-a-lốp, mà thành thực nói đến những người công tác khoa học chân chính, đang thành tâm cộng tác với giai cấp công nhân) ;

3) tổ chức việc viện trợ kỹ thuật của nước ngoài ;

4) gửi cán bộ kỹ thuật của chúng ta ra nước ngoài để học tập và nói chung, để thu lượm kinh nghiệm về mặt kỹ thuật ;

5) chuyển giao những trường kỹ thuật cho các tổ chức kinh tế có thẩm quyền, để đào tạo cho thật nhanh một số đầy đủ những nhà kỹ thuật và chuyên gia xuất thân từ giai cấp công nhân và nông dân.

Nhiệm vụ là phải phát triển công tác lên để thực hiện được những biện pháp đó.

4. Vấn đề *đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu*. Chủ nghĩa quan liêu nguy hiểm trước hết là ở chỗ nó dìm, làm cho những lực lượng khổng lồ tiềm tàng trong chế độ chúng ta bị mai một đi, và ngăn cản việc sử dụng những lực lượng tiềm tàng ấy ; nó ra sức làm tiêu diệt óc sáng kiến của quần chúng bằng cách ràng buộc tinh thần đó vào những thủ tục giấy tờ, và tìm cách biến mỗi một sáng kiến mới của đảng thành những điều nhỏ nhặt vô ích và ty tiện. Hai là chủ nghĩa quan liêu nguy hiểm ở chỗ nó không chịu đựng nổi việc *kiểm*

tra tình hình chấp hành, và ra sức biến những chỉ thị chủ yếu của các cơ quan lãnh đạo thành một mảnh giấy lộn, xa rời hiện thực sinh động. Đại biểu cho nguy hiểm đó không những và không phải chỉ là những phần tử quan liêu cũ còn ngồi mốc ra trong các cơ quan chúng ta, mà nhất lại là những phần tử quan liêu mới, quan liêu xô-viết, trong số này những người « cộng sản » quan liêu chủ nghĩa không phải là đã đóng một vai trò ít quan trọng đâu. Tôi muốn nói những « người cộng sản » tìm cách thay thế óc sáng kiến và tính tích cực tự phát của đông đảo quần chúng trong giai cấp công nhân và nông dân bằng những mệnh lệnh giấy tờ và những « sắc lệnh » mà họ tin tưởng là có một mãnh lực như tin tưởng ở một bái vật vậy.

Nhiệm vụ là phải đả phá chủ nghĩa quan liêu trong các cơ quan và các tổ chức của chúng ta đi, là thanh toán những « phong tục » và « tập quán » quan liêu, và dọn đường cho việc sử dụng những lực lượng tiềm tàng của chế độ chúng ta, cho việc phát huy óc sáng kiến và tính tích cực tự phát của quần chúng.

Nhiệm vụ đó không phải là dễ dàng đâu. Không thể giải quyết « ngay một cái » là xong đâu. Nhưng nếu chúng ta thật sự muốn cải tạo nước ta theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, thì dù sao cũng nhất thiết phải làm tròn nhiệm vụ đó.

Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu, công tác của đảng tiến hành theo bốn đường lối sau đây : đường lối phát triển *tự phê bình*, đường lối tổ chức *kiểm tra tình hình chấp hành*, đường lối *làm thanh khiết* bộ máy, và sau hết là đường lối *cất nhắc*, từ dưới lên, những nhân viên công tác tận tâm xuất thân từ giai cấp công nhân, vào những trách nhiệm lãnh đạo.

Nhiệm vụ là đưa hết sức lực của chúng ta ra để thực hiện tất cả những biện pháp ấy.

5. Vấn đề tăng *năng suất lao động*. Nếu không làm cho năng suất lao động tăng lên một cách không ngừng, cả trong lĩnh vực công nghiệp lẫn trong lĩnh vực nông nghiệp, thì

không sao có thể giải quyết được những vấn đề cải tạo, không những không thể đuổi kịp và vượt được các nước tư bản chủ nghĩa, mà cũng chẳng sao bảo vệ được cả đời sống độc lập của chúng ta nữa. Bởi vậy, vấn đề tăng năng suất lao động có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất đối với chúng ta.

Những biện pháp mà đảng đã áp dụng để giải quyết vấn đề đó, là chiếu theo ba đường lối sau đây : đường lối ***cải thiện không ngừng đời sống vật chất*** của những người lao động, đường lối áp dụng một ***kỷ luật thân thiện trong lao động*** trong những xí nghiệp công nghiệp và nông nghiệp, sau hết là đường lối *tổ chức thi đua xã hội chủ nghĩa* và *lao động xung kích*. Tất cả những đường lối đó đều dựa trên một kỹ thuật cải tiến và sự tổ chức hợp lý lao động.

Nhiệm vụ là phát triển thêm nữa việc vận động quần chúng để thực hiện những biện pháp đó.

6. Vấn đề ***tiếp tế***. Vấn đề đó bao gồm vấn đề *tiếp tế đầy đủ* những sản phẩm cần thiết cho những người lao động ở thành thị và nông thôn, vấn đề làm cho bộ máy *hợp tác xã* thích ứng với nhu cầu của công nhân và nông dân, vấn đề làm tăng lên một cách không ngừng *tiền công thực tế* của công nhân, vấn đề *giảm giá* hàng công nghiệp và sản phẩm nông nghiệp. Tôi đã nói đến những khuyết điểm của những hợp tác xã tiêu dùng. Phải thanh toán những khuyết điểm đó đi và phải áp dụng cho được một ***chính sách giảm giá cả***. Về vấn đề thiếu hàng hóa (« nạn khan hiếm hàng hóa »), thì bây giờ chúng ta đã có khả năng phát triển cơ sở nguyên liệu của công nghiệp nhẹ và đẩy việc sản xuất những hàng hóa thường dùng cho thành thị lên. Ta có thể coi vấn đề tiếp tế bánh mì là đã được đảm bảo rồi. Hiện nay vấn đề tiếp tế thịt, sản phẩm bằng chất sữa và rau là khó khăn hơn. Khốn thay là ta không thể thanh toán khó khăn đó trong khoảng vài tháng được. Ít nhất phải một năm mới khắc phục được khó khăn đó. Trong một năm nữa, trước hết là nhờ có những nông trường quốc doanh và nông trang tập thể được tổ chức để nhằm mục đích đó , nên chúng ta sẽ có khả năng bảo đảm hoàn toàn việc tiếp tế thịt, sản phẩm bằng chất sữa và rau.

Khi mà chúng ta đã có trong tay những dự trữ lúa mì, vải vóc, việc khẩn trương xây dựng những nhà ở cho công nhân và những ngành cung ứng công cộng với giá rẻ, thì nắm vững được việc tiếp tế những sản phẩm nói trên nghĩa là thế nào? Như thế có nghĩa là làm chủ được tất cả những nhân tố cơ bản quyết định cái quỹ gia đình của công nhân và tiền công thực tế của họ. Như thế có nghĩa là đảm bảo một cách chắc chắn và vĩnh viễn cho tiền lương thực tế của công nhân được tăng nhanh.

Nhiệm vụ là phải phát triển công tác của tất cả các tổ chức của chúng ta theo hướng đó.

7. Vấn đề *tín dụng* và *lưu thông tiền tệ*. Việc tổ chức hợp lý chế độ tín dụng và việc sử dụng đúng đắn dự trữ tiền bạc có một tác dụng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế quốc dân. Những biện pháp mà đảng áp dụng để giải quyết vấn đề đó là theo hai đường lối sau này: tập trung tất cả mọi thứ tín dụng ngắn hạn vào Ngân hàng quốc gia, và tổ chức việc thanh toán bằng chuyển khoản trong khu vực xã hội hóa. Như vậy, một là Ngân hàng quốc gia trở thành một bộ máy trung ương của Nhà nước để thống kê sản xuất và phân phối sản phẩm; hai là nhiều khối lượng tiền tệ to lớn đã được rút ra khỏi phạm vi lưu thông. Chắc chắn là những biện pháp đó sẽ dẫn đến chỗ (và đã dẫn đến rồi) làm cho toàn bộ chế độ tín dụng được ổn định và làm cho đồng tsếc-vô-nét-dơ được củng cố.

8. Vấn đề *dự trữ*. Đã nói nhiều lần và cũng không cần nhắc lại nữa rằng, nói chung Nhà nước nào cũng vậy, và nói riêng là Nhà nước của chúng ta, đều không thể không cần đến *dự trữ*. Chúng ta hiện có một số dự trữ nhất định về lúa mì, về hàng hóa, về ngoại tệ. Các đồng chí chúng ta trong thời kỳ ấy cũng đã thấy rõ tác dụng tốt của những dự trữ đó. Nhưng, chỉ có «một số» dự trữ «nhất định» thì không đủ. Chúng ta cần phải có những dự trữ chắc chắn hơn về mọi mặt.

Do đó, nhiệm vụ là phải tích lũy dự trữ.

b) Đối với công nghiệp

1. Vấn đề chủ yếu là khẩn trương phát triển ngành *luyện thép*. Hãy nhớ rằng mãi đến niên khóa 1929-30 này, chúng ta mới đạt được và vượt được mức trước chiến tranh về sản xuất gang. Đó là một mối đe dọa lớn đối với toàn bộ kinh tế quốc dân của chúng ta. Để tiêu diệt mối đe dọa đó, phải tổ chức khẩn trương phát triển ngành luyện thép. Đến cuối kế hoạch 5 năm, chúng ta phải có không phải là 10 triệu tấn gang — như kế hoạch 5 năm đã đòi hỏi — mà là 15 đến 17 triệu tấn. Nhiệm vụ đó, dù sao chúng ta cũng phải hoàn thành cho kỳ được, nếu chúng ta muốn phát triển thật sự việc công nghiệp hóa nước ta.

Những người bôn-sê-vích sẽ tỏ ra rằng họ rất có thể làm tròn nhiệm vụ đó.

Như thế cố nhiên không có nghĩa là chúng ta phải coi nhẹ công nghiệp *nhẹ* đâu. Hoàn toàn không phải thế. Cho đến bây giờ chúng ta đều đã tiết kiệm về mọi mặt, kể cả về công nghiệp nhẹ, để khôi phục lại công nghiệp nặng. Thì công nghiệp nặng đó chúng ta đã khôi phục được rồi. Chỉ có việc làm cho nó phát triển hơn lên nữa thôi. Bây giờ chúng ta có thể quay về công nghiệp nhẹ và làm cho nó tiến lên với một tốc độ ngày càng nhanh. Điều mới trong việc phát triển công nghiệp của chúng ta, chung quy lại là ở chỗ hiện nay chúng ta đã có khả năng phát triển cả công nghiệp nặng lẫn công nghiệp nhẹ với một tốc độ ngày càng nhanh. Năm nay đã đạt được mức kế hoạch trồng bông, trồng lanh và củ cải đường, đã giải quyết xong vấn đề sợi gai và tơ nhân tạo, — tất cả những cái đó chứng tỏ rằng chúng ta đã có khả năng làm cho công nghiệp nhẹ thực sự tiến lên.

2. Vấn đề *hợp lý hóa, hạ giá thành, và cải tiến phẩm chất* trong sản xuất. Không thể tha thứ lâu hơn nữa những thiếu sót trong lĩnh vực hợp lý hóa, việc không chấp hành kế hoạch hạ giá thành và phẩm chất sản xuất quá tồi tệ của nhiều xí nghiệp của chúng ta. Những thiếu sót và khuyết điểm đó đè nặng lên toàn bộ kinh tế quốc dân của chúng ta và làm cho nó không tiến lên được. Đã đến lúc, thật đã đến lúc là phải chấm dứt cái vết nhơ đó đi.

Những người bôn-sê-vích sẽ tỏ ra rằng họ rất có thể làm tròn nhiệm vụ đó.

3. Vấn đề *chế độ thủ trưởng*. Những việc phạm vào nguyên tắc chế độ thủ trưởng trong các xí nghiệp cũng trở thành những điều không thể tha thứ được nữa. Công nhân luôn luôn phàn nàn rằng : « Trong nhà máy chẳng có ai là chủ cả », « Trong công tác chẳng có trật tự gì cả ». Không thể tha thứ lâu hơn nữa cái tình trạng các xí nghiệp của chúng ta, là những cơ quan sản xuất mà lại biến thành những nghị viện. Sau hết, các tổ chức đảng và tổ chức công đoàn của chúng ta phải hiểu rằng, nếu không đảm bảo thực hành chế độ thủ trưởng và không quy định một chế độ phụ trách nghiêm ngặt trong tiến trình công tác, thì chúng ta không thể giải quyết được các vấn đề cải tạo công nghiệp.

c) Đối với nông nghiệp

1. Nhiệm vụ *chăn nuôi* và *trồng cây công nghiệp*. Hiện nay chúng ta đã căn bản giải quyết được vấn đề ngũ cốc, chúng ta có thể đề cập đến cách giải quyết cùng một lúc vấn đề sống còn hiện nay là vấn đề chăn nuôi, và vấn đề trồng cây công nghiệp. Để giải quyết những vấn đề đó, chúng ta cũng phải đi theo con đường mà chúng ta đã đi theo để giải quyết vấn đề ngũ cốc. Nghĩa là khi tổ chức các nông trường quốc doanh và nông trang tập thể, là những chỗ dựa cho chính sách của chúng ta, thì chúng ta phải cải tạo dần dần cơ sở kỹ thuật và kinh tế hiện nay trong việc chăn nuôi của người tiểu nông và cơ sở kỹ thuật và kinh tế hiện nay trong việc trồng cây công nghiệp. *Tơ-rớt chăn nuôi gia súc, tơ-rớt chăn nuôi cừu, tơ-rớt chăn nuôi lợn, tơ-rớt bơ và sữa*, rồi đến nông trường chăn nuôi, nông trường quốc doanh và nông trang tập thể hiện có để trồng cây công nghiệp, đó đều là những khởi điểm cho việc giải quyết các nhiệm vụ đang đặt ra cho chúng ta.

2. Nhiệm vụ *phát triển sau này việc xây dựng nông trường quốc doanh và nông trang tập thể*. Có lẽ không cần phải bàn nhiều đến sự việc là nhiệm vụ đó, đối với chúng ta là một nhiệm vụ *phải đặt lên hàng đầu* trong toàn bộ công cuộc

kiến thiết nông thôn của chúng ta. Hiện nay chỉ có mù lòa mới không nhìn thấy rằng giai cấp nông dân đã thực hiện được một bước chuyển biến phi thường, căn bản, từ trật tự cũ sang trật tự mới, từ chỗ bị bọn cu-lắc nô dịch đến chỗ được hưởng đời sống tự do của nông trang tập thể. Không còn phải sống trở lại thời quá khứ nữa. Giai cấp cu-lắc đã bị lên án và sẽ bị tiêu diệt. Chỉ còn một con đường, con đường nông trang tập thể. Và con đường đó, đối với chúng ta, không phải là một con đường chưa ai biết tới và chưa ai đặt chân tới. Nó đã được bản thân quần chúng nông dân dùng hàng nghìn cách để thăm dò và kiểm nghiệm rồi. Nó đã được thăm dò và đánh giá coi như một trật tự mới, một trật tự làm cho nông dân thoát khỏi sự nô dịch của bọn cu-lắc, khỏi sự khốn cùng, khỏi sự ngu dốt. Chính đó là cơ sở của những thành tựu của chúng ta.

Phong trào mới ở nông thôn sau này sẽ phát triển như thế nào? Đi đầu sẽ là nông trường quốc doanh, tức là xương sống của việc cải tạo chế độ cũ ở nông thôn. Tiếp sau là nhiều nông trang tập thể được phát triển, làm chỗ dựa cho phong trào mới ở nông thôn. Công việc phối hợp giữa hai hệ thống này tạo nên những điều kiện cần thiết cho việc tập thể hóa hoàn toàn tất cả các địa phương ở Liên-xô.

Một trong những thắng lợi đáng kể nhất của phong trào tập thể hóa là nó đã có thể đề bạt được hàng nghìn cán bộ *tổ chức* và hàng vạn *cán bộ tuyên truyền* cho các nông trang tập thể lấy *ngay trong nông dân* mà ra. Hiện nay không phải chỉ riêng chúng ta, những người bôn-sê-vích lão luyện, mà cả những nông dân nông trang tập thể, tức là hàng vạn nông dân kiêm cán bộ tổ chức và tuyên truyền của các nông trang tập thể, cũng sẽ giơ cao lá cờ tập thể hóa lên. Mà những nông dân làm cán bộ tuyên truyền là những người tuyên truyền xuất sắc của phong trào nông trang tập thể, vì họ sẽ tìm ra được những lý lẽ để bênh vực nông trang tập thể, những lý lẽ mà quần chúng nông dân ngoài nông trang có

thể hiểu được và có thể tiếp thu được, những lý lẽ mà chúng ta, những người bôn-sê-vích lão luyện, chúng ta cũng đều không thể nghĩ ra được.

Có những luận điệu đó đây cho rằng cần phải từ bỏ chính sách tập thể hóa hoàn toàn đi. Người ta nói rằng ngay trong đảng ta cũng có những người ủng hộ « tư tưởng » đó. Nhưng chỉ có những người, tự giác hay không tự giác, chạy theo với kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản, thì mới có thể nói như thế thôi. Phương pháp tập thể hóa hoàn toàn là phương pháp không thể thiếu được, không có nó thì không thể thực hiện được kế hoạch 5 năm tập thể hóa tất cả các địa phương ở Liên-xô. Làm thế nào có thể từ bỏ được chính sách đó mà lại không phản bội chủ nghĩa cộng sản, mà lại không phản bội lợi ích của giai cấp công nhân và nông dân?

Dĩ nhiên, điều đó không có nghĩa là về mặt phong trào nông trang tập thể, ở nước ta, mọi việc đều sẽ làm được « trôi chảy » « không vấp váp » đâu. Có thể vẫn còn những sự dao động bên trong các nông trang tập thể. Có thể vẫn còn những lúc phong trào lên và xuống nữa. Nhưng điều đó không thể và cũng không được làm nao núng tinh thần những người xây đắp phong trào nông trang tập thể. Hơn nữa, điều đó lại càng không thể là một trở ngại nghiêm trọng đối với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào ấy. Một phong trào vững mạnh một cách không thể chối cãi được như phong trào nông trang tập thể, tất sẽ đạt đến những mục đích của nó, bất kể tất cả mọi việc xảy ra, bất chấp mọi khó khăn và trở ngại.

Nhiệm vụ là phải chuẩn bị lực lượng và tổ chức công tác nhằm để phục vụ cho sự phát triển sau này của phong trào nông trang tập thể.

3. Nhiệm vụ làm thế nào cho *bộ máy lãnh đạo đi **sát với các xã và các thôn*** nhiều hơn nữa. Chắc chắn rằng chúng ta sẽ không thể thực hiện đầy đủ được công việc rộng lớn và khôi phục nền nông nghiệp và phát triển phong trào nông trang tập thể, nếu trước kia chúng ta không tiến hành việc ***phân chia thành các xã.*** Việc mở rộng các tổng và biến tổng

thành xã, việc xóa bỏ việc phân chia thành các châu và biến những châu đó thành những đơn vị hẹp hơn (quận), sau hết, việc thành lập các khu coi như những chỗ dựa trực tiếp của Ban Chấp hành trung ương : đó là tình hình khái quát về việc phân chia thành các xã. Việc phân chia này có mục đích làm cho bộ máy hành chính và bộ máy của đảng cũng như bộ máy kinh tế và hợp tác xã đi sát với xã và thôn, để có thể giải quyết kịp thời những vấn đề cấp bách của nông nghiệp, tức là của sự phát triển và cải tạo nông nghiệp. Với ý nghĩa trên, tôi xin nhắc lại rằng việc phân chia thành xã đã thúc đẩy rất nhiều toàn bộ công cuộc xây dựng của chúng ta.

Song người ta đã làm tất cả mọi điều cần làm để cho bộ máy lãnh đạo thực tế đi sát và thật sự đi sát với các xã thôn chưa ? Chưa, chúng ta chưa làm được hết những điều cần làm. Hiện nay trọng tâm công tác xây dựng nông trang tập thể đã được chuyển về các tổ chức xã. Chính đó là nơi tập trung những đầu mối của công cuộc xây dựng nông trang tập thể và của mọi công tác kinh tế khác ở nông thôn như : các hợp tác xã, các Xô-viết, các cơ quan tín dụng, bộ phận thu mua. Các tổ chức xã đã có đủ số nhân viên cần thiết và không thể thiếu được, nhằm thực hiện đầy đủ toàn bộ công tác phức tạp đó chưa ? Không còn nghi ngờ gì nữa rằng các tổ chức xã còn thiếu rất nhiều nhân viên. Vậy giải quyết như thế nào ? Phải làm gì để sửa chữa khuyết điểm đó và cung cấp đầy đủ cho các tổ chức xã số nhân viên cần thiết thuộc tất cả các ngành công tác của chúng ta ? Muốn thế, ít nhất là phải làm hai việc :

1) bỏ các quận *(vỗ tay)*, vì nó trở thành bức tường vô dụng ngăn cách giữa tỉnh và xã, và tăng cường các tổ chức xã bằng cách đưa số nhân viên các quận về đó ;

2) trực tiếp gắn liền các tổ chức xã với tỉnh (với Ban Chấp hành biên khu, với Ban Chấp hành trung ương Cộng hòa dân tộc).

Và chính điều đó sẽ đánh dấu việc hoàn thành sự phân chia thành các xã, việc hoàn thành biện pháp làm cho bộ máy lãnh đạo đi sát các xã và thôn.

Ở đây chúng ta đã hoan nghênh việc sau này sẽ bãi bỏ các quận. Chắc chắn rằng cần phải bãi bỏ các quận. Nhưng cho rằng chúng ta có quyền chê bai các quận, như một số đồng chí nào đó đã viết trên báo *Sự thật*, thì như thế là sai. Cần phải nhớ rằng trong thời tồn tại của nó, các quận đã cáng đáng rất nhiều công việc nặng nề và đã giữ một vai trò lịch sử lớn lao. *(Vỗ tay.)*

Tôi cũng nghĩ rằng nếu quá hấp tấp về việc bãi bỏ các quận, thì sẽ phạm sai lầm. Ban Chấp hành trung ương đã quyết định bãi bỏ các quận[52]. Nhưng Ban Chấp hành không hề nghĩ rằng cần tiến hành ngay lập tức việc xóa bỏ đó. Dĩ nhiên là cần phải có một công tác chuẩn bị, trước khi xóa bỏ các quận.

d) Đối với việc vận chuyển

Cuối cùng là vấn đề *vận chuyển*. Không cần phải nói nhiều về ý nghĩa lớn lao của ngành *vận chuyển* đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Và không phải chỉ đối với nền kinh tế quốc dân mà thôi. Như mọi người đều biết, ngành vận chuyển còn có một ý nghĩa rất là trọng yếu đối với quốc phòng nữa. Thế mà, mặc dù ý nghĩa to lớn của nó, nhưng sự hoạt động của ngành vận chuyển, công cuộc cải tạo ngành vận chuyển đó còn chậm so với tốc độ chung của sự phát triển. Có cần phải chứng minh rằng trong những điều kiện đó, chúng ta không khéo lại làm cho ngành vận chuyển trở thành một cái « khâu yếu » trong nền kinh tế quốc dân, có thể kìm hãm bước tiến lên của chúng ta không? Chẳng phải là đã đến lúc chấm dứt tình trạng như thế sao?

Tình hình tệ nhất là về ngành vận chuyển trên sông. Sự thật là việc vận chuyển bằng tầu thủy trên sông Vôn-ga chỉ mới đạt được 60%, và việc vận chuyển trên sông Đơ-ni-ép, chỉ mới đạt được 40% mức trước chiến tranh. 60 và 40% mức trước chiến tranh, đó là tất cả những cái mà ngành vận chuyển trên sông có thể ghi vào bản « thành tích » của mình. Đó thật là một « thành tích » lớn. Chẳng phải đã đến lúc chấm dứt điều đáng hổ thẹn ấy sao? *(Có những tiếng nói:* Phải, đã đến lúc).

Nói cho cùng, thì nhiệm vụ là phải cố gắng với tinh thần của những người bôn-sê-vích để tổ chức ngành vận chuyển và làm cho nó tiến lên.

* * *

Đó là những nhiệm vụ trước mắt của đảng.

Phải làm gì để thực hiện những nhiệm vụ đó?

Trước hết và nhất là phải *tiếp tục* mở rộng tấn công những thành phần tư bản chủ nghĩa trên khắp mặt trận và *tiến hành cuộc tấn công đó đến cùng.*

Đó là trung tâm và cơ sở của chính sách của chúng ta, trong lúc này. *(Vỗ tay.)*

III

ĐẢNG

Tôi nói đến vấn đề đảng.

Trên kia tôi đã nói đến những điểm ưu việt của chế độ kinh tế xô-viết so với chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa. Tôi đã nói đến những khả năng vô tận mà chế độ ta đã đưa lại cho chúng ta, trong cuộc đấu tranh giành thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội. Tôi đã nói rằng nếu không có những khả năng ấy, nếu không sử dụng những khả năng ấy, thì chúng ta đã không thể có được những thành tựu mà chúng ta đã thu được trong thời gian qua.

Nhưng vấn đề đặt ra là: đảng có biết sử dụng đúng đắn những khả năng mà chế độ xô-viết đã đưa lại cho chúng ta không? đảng có để những khả năng ấy bị lấp vùi trong các ngăn kéo, và, như vậy, cản trở giai cấp công nhân không phát huy được triệt để toàn bộ lực lượng cách mạng của mình không? đảng có biết khai thác tất cả những cái mà người ta có thể khai thác được, ở những khả năng ấy, để mở rộng công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa trên khắp mặt trận không?

Chế độ xô-viết đem lại những *khả năng* vô tận để giành thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội. Nhưng *khả năng* chưa phải là *hiện thực*. Muốn biến khả năng thành hiện thực, cần phải có cả một loạt điều kiện, trong đó, đường lối của đảng và việc vận dụng đúng đắn đường lối ấy không phải là có tác dụng thứ yếu.

Vài ví dụ.

Bọn cơ hội chủ nghĩa phái hữu cả quyết rằng Chính sách kinh tế mới bảo đảm cho chúng ta sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, — do đó người ta có thể không phải quan tâm đến tốc độ công nghiệp hóa, đến việc phát triển các nông trường quốc doanh và các nông trang tập thể, v.v., bởi vì, dù thế nào đi nữa, thì sự thắng lợi cũng phải đến, có thể nói là một cách tự phát. Dĩ nhiên nói như thế là sai và phi lý. Nói như thế, tức là phủ nhận vai trò của đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tức là phủ nhận trách nhiệm của đảng trong công cuộc xây dựng đó. Lê-nin đã không bao giờ nói rằng Chính sách kinh tế mới bảo đảm cho chúng ta sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Lê-nin chỉ nói rằng « về mặt kinh tế và chính trị, Chính sách kinh tế mới hoàn toàn bảo đảm cho chúng ta *khả năng* xây dựng những cơ sở của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa »[53]. Nhưng, khả năng chưa phải là ***hiện thực***, Muốn biến khả năng thành hiện thực thì, trước hết, phải vứt bỏ cái lý luận cơ hội chủ nghĩa về sự phát triển tự phát, phải cải tổ (cải tạo) nền kinh tế quốc dân và tiến hành một cuộc tấn công cương quyết chống các thành phần tư bản chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn.

Sau nữa, bọn cơ hội chủ nghĩa phái hữu lại cả quyết rằng chế độ ta, tự nó, không có những yếu tố của một sự chia rẽ giữa giai cấp công nhân với nông dân, — do đó, người ta có thể không phải quan tâm đến việc xây dựng một chính sách đúng đắn đối với các tập đoàn xã hội ở nông thôn, bởi vì, dù sao thì bọn cu-lắc cũng sẽ nhập vào chủ nghĩa xã hội, vào sự liên minh công nông sẽ được bảo đảm, việc đó tất phải xảy ra, có thể nói là một cách tự phát. Điều đó cũng sai và phi lý.

Nói được như thế thì chỉ có những người không hiểu rằng ở đây chính sách của đảng, và nhất là của một đảng đang nắm chính quyền, là nhân tố căn bản, quyết định vận mệnh của khối liên minh công nông. Lê-nin tuyệt nhiên không coi nguy cơ chia rẽ giữa giai cấp công nhân và nông dân là không có. Lê-nin nói rằng « chế độ xã hội của chúng ta, ***không nhất định là phải mang sẵn*** trong bản thân nó những cơ sở của một sự chia rẽ như thế », nhưng « ***nếu*** có những ý kiến bất đồng nghiêm trọng ***xảy ra*** giữa những giai cấp đó, thì sự chia rẽ, lúc ấy ***sẽ không thể tránh được*** ».

Về vấn đề này, Lê-nin đã nhận định rằng :

« Nhiệm vụ chủ yếu của Ban Chấp hành trung ương của chúng ta và của Ban Kiểm tra trung ương của chúng ta, cũng như của toàn đảng ta, là chú ý xem xét những trường hợp có thể sinh ra chia rẽ, và ***đề phòng*** những trường hợp đó, vì, xét cho cùng thì vận mệnh của nền Cộng hòa của chúng ta sẽ tùy ở điều này quyết định : quần chúng nông dân có sẽ đi với giai cấp công nhân, đồng thời vẫn trung thành liên minh với giai cấp công nhân không, hay là họ sẽ để cho bọn « nép-man », tức là giai cấp tư sản mới, tách họ ra khỏi công nhân, chia rẽ họ với công nhân không ? »[54].

Cho nên, sự chia rẽ giữa giai cấp công nhân và nông dân không phải là không thể có, nhưng nó quyết không phải là nhất định phải có, vì chế độ của chúng ta tự nó đã có ***khả năng*** ngăn ngừa được sự chia rẽ đó và củng cố được khối liên minh công nông. Và phải làm gì để biến khả năng ấy thành hiện thực ? Muốn biến khả năng ***ngăn ngừa*** sự chia rẽ thành hiện thực, thì trước hết, phải chôn vùi cái lý luận cơ hội chủ nghĩa về sự phát triển tự phát ; phải nhổ sạch gốc rễ của chủ nghĩa tư bản, bằng cách tổ chức các nông trang tập thể và các nông trường quốc doanh, và chuyển từ chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn cu-lắc sang chính sách tiêu diệt bọn cu-lắc về mặt giai cấp.

Vậy, do đó thấy rằng cần phải phân biệt rành mạch các *khả năng* hiện có trong chế độ của chúng ta với việc ***sử dụng*** những khả năng ấy, tức là biến những khả năng ấy thành ***hiện thực***.

Do đó, thấy rằng rất có thể xảy ra những trường hợp trong đó có những khả năng thắng lợi, nhưng đảng không

nhìn thấy những khả năng ấy hay không biết sử dụng một cách đúng đắn những khả năng ấy nên đáng lẽ thu được thắng lợi thì lại bị thất bại.

Nhưng bao giờ cũng vẫn lại vấn đề đó được đặt ra là : đảng có biết sử dụng đúng đắn những *khả năng* và những *ưu điểm* mà chế độ xô-viết đã đem lại cho chúng ta không ? Đảng đã làm tất cả để *biến những khả năng ấy thành hiện thực*, và nhờ thế mà đảm bảo cho công cuộc xây dựng của chúng ta thu được thắng lợi đến mức tối đa chưa ?

Nói một cách khác đảng và Trung ương đảng đã lãnh đạo một cách đúng đắn công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội suốt trong thời kỳ nói trên chưa ?

Phải làm thế nào để sự lãnh đạo của đảng được đúng trong những điều kiện hiện nay của chúng ta ?

Muốn cho sự lãnh đạo của đảng được đúng, thì ngoài những điều kiện khác ra, đường lối của đảng phải đúng ; quần chúng phải hiểu được đường lối đó là đúng đắn và phải tích cực ủng hộ đường lối đó ; đảng không phải chỉ có đề ra đường lối chung, mà hàng ngày còn phải lãnh đạo việc thực hiện đường lối chung đó ; đảng phải tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết chống những khuynh hướng xa rời đường lối chung và chống thỏa hiệp với những khuynh hướng đó ; trong cuộc đấu tranh chống các khuynh hướng, đảng phải rèn luyện sự thống nhất đội ngũ của mình và rèn luyện một kỷ luật sắt .

Đảng và Trung ương đảng đã làm gì để thực hiện những điều kiện đó ?

1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÃNH ĐẠO TRONG LĨNH VỰC KIẾN THIẾT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

a) Phương châm căn bản của đảng, hiện nay, là ***chuyển*** từ cuộc tấn công của chủ nghĩa xã hội trên những ***khu vực riêng biệt*** của mặt trận kinh tế, sang một cuộc tấn công ***trên khắp mặt trận*** trong lĩnh vực công nghiệp cũng như trong lĩnh vực nông nghiệp.

Đại hội XIV, chủ yếu là đại hội *công nghiệp hóa.*

Đại hội XV, chủ yếu là đại hội *tập thể hóa.*

Đó là một sự chuẩn bị cho cuộc *tổng* tấn công.

Khác với những giai đoạn đã qua, thời kỳ trước đại hội XVI, là thời kỳ *tổng* tấn công của chủ nghĩa xã hội *trên khắp mặt trận*, thời kỳ kiến thiết gấp rút chủ nghĩa xã hội về công nghiệp cũng như về nông nghiệp.

Đại hội XVI là đại hội *tấn công mở rộng* của chủ nghĩa xã hội *trên toàn bộ trận tuyến*, là đại hội tiêu diệt bọn cu-lắc về mặt giai cấp, và thực hiện việc tập thể hóa hoàn toàn.

Nói vắn tắt thì thực chất đường lối chung của đảng ta là thế.

Đường lối đó có đúng không?

Đúng, đường lối đó là đúng. Những sự thật chứng tỏ rằng đường lối chung của đảng ta là đường lối duy nhất đúng. *(Vỗ tay.)*

Bằng chứng là những thắng lợi và những thành tựu mà chúng ta đã thu được trên mặt trận kiến thiết xã hội chủ nghĩa. Sự thắng lợi có tính chất quyết định mà đảng đã đạt được trong thời kỳ vừa qua trên mặt trận kiến thiết xã hội chủ nghĩa, ở thành thị và nông thôn, không đời nào và không thể nào lại là kết quả của một chính sách sai lầm được. Chỉ có một đường lối chung đúng đắn, mới có thể đưa lại cho chúng ta một sự thắng lợi như thế.

Bằng chứng là những lời la hét điên cuồng trong thời gian gần đây của những kẻ thù giai cấp của chúng ta, tức là bọn tư bản và báo chí của chúng, là giáo hoàng và những giám mục thuộc đủ các loại, bọn xã hội-dân chủ và bọn men-sê-vích «Nga» kiểu A-bơ-ra-mô-vi-tsơ và Đan, để chống lại chính sách của đảng ta. Bọn tư bản và tay sai của chúng đang kéo đảng ta vào vũng bùn, vậy tức là đường lối chung của đảng ta là đúng. *(Vỗ tay.)*

Bằng chứng là số phận của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski mà hiện nay mọi người đều biết. Các ngài thuộc phe Tơ-rốt-ski trước đây nói ba hoa nào là sự «suy đồi» của Chính quyền xô-viết, nào là «téc-mi-đo», nào là sự «thắng lợi tất nhiên»

của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski, v.v. Và thực tế, thì kết quả như thế nào? Kết quả là chủ nghĩa Tơ-rốt-ski bị tan rã và bị tiêu diệt. Một bộ phận trong bọn tơ-rốt-kít, như người ta biết, đã cắt đứt với chủ nghĩa Tơ-rốt-ski và, trong nhiều lời tuyên bố của các đại biểu của họ, đã thừa nhận sự đúng đắn của đảng, đồng thời thú nhận tính chất phản cách mạng của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski. Một bộ phận khác trong bọn Tơ-rốt-ski, thật vậy, thì đã thoái hóa thành những tên phản cách mạng điển hình tiểu tư sản rồi, bọn này thực tế đã trở thành một phòng thông tin của báo chí tư bản chủ nghĩa về các công việc của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Còn Chính quyền xô-viết, mà họ đã cho là phải «suy đồi» (hay «đã suy đồi rồi») thì đang tiếp tục phồn vinh và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời đã đập tan tành một cách thắng lợi những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nước ta và những bọn tiểu tư sản nịnh hót của chúng.

Bằng chứng là vận mệnh của bọn khuynh hữu mà hiện nay mọi người đều biết. Trước đây chúng đã từng ba hoa và la ó lên về «tính chất diệt vong» trong đường lối của đảng, về «tai nạn chắc chắn» ở Liên-xô, về sự cần thiết phải «cứu vãn» nước nhà thoát khỏi đảng và sự lãnh đạo của đảng, v.v... Thực tế thì kết quả như thế nào? Kết quả là đảng đã thu được những thắng lợi cực kỳ to lớn trên tất cả các mặt trận kiến thiết xã hội chủ nghĩa, và nhóm khuynh hữu, trước kia muốn «cứu vãn» nước nhà, nhưng sau này đã thừa nhận những quan điểm của mình là sai, hiện giờ đang ở trong cảnh tiến thoái lưỡng nan.

Bằng chứng là giai cấp công nhân và nông dân ngày càng tích cực tham gia cách mạng hơn, là hàng triệu người lao động tích cực ủng hộ chính sách của đảng, và sau hết, là công nhân và nông dân nông trang tập thể chứng tỏ mối nhiệt tình lao động chưa từng thấy, khiến cho kẻ thù cũng như bè bạn của nước ta đều phải kinh ngạc vì tính chất lớn lao của nhiệt tình lao động ấy. Ấy là tôi cũng chưa nói gì đến những biểu hiện của lòng tín nhiệm ngày càng tăng đối với đảng, tức là những đơn của công nhân từng cả công

xưởng và từng cả nhà máy xin vào đảng ; và cũng chưa kể đến rằng trong khoảng thời gian từ đại hội XV đến đại hội XVI, số lượng đảng viên tăng lên hơn 600.000 người ; chỉ riêng trong quý thứ nhất năm nay, cũng có hơn 200.000 đảng viên mới đã vào đảng. Tất cả những sự việc đó nói lên cái gì, nếu không phải là nói lên rằng hàng triệu người lao động đã nhận thấy chính sách của đảng ta là đúng đắn, và sẵn sàng ủng hộ chính sách đó hay sao ?

Phải thừa nhận rằng những việc đó sẽ không có, nếu đường lối chung của đảng ta đã không phải là đường lối duy nhất đúng.

b) Song đảng không thể chỉ đề ra đường lối chung mà thôi. Hàng ngày đảng còn phải kiểm tra việc thực hiện đường lối chung trong thực tiễn. Đảng phải lãnh đạo thực hiện đường lối chung, đồng thời trong quá trình công tác, vừa cải tiến và hoàn thiện những kế hoạch kiến thiết kinh tế đã được thông qua, vừa sửa chữa và phòng ngừa các sai lầm.

Trung ương đảng ta đã hoàn thành công tác đó như thế nào?

Công tác của Ban Chấp hành trung ương trong lĩnh vực đó, đã nhằm chủ yếu là sửa chữa kế hoạch 5 năm và chỉnh lý lại cho nó được chính xác, theo phương châm tăng cường tốc độ và giảm bớt kỳ hạn, và kiểm tra việc chấp hành những nhiệm vụ đã quy định của các tổ chức kinh tế.

Đây là một vài quyết nghị trọng yếu của Ban Chấp hành trung ương nhằm sửa chữa kế hoạch 5 năm, theo tinh thần của những quyết nghị đó là nâng cao tốc độ kiến thiết và rút ngắn kỳ hạn thực hiện.

Đối với công nghiệp gang thép : kế hoạch 5 năm dự trù sản xuất gang trong năm cuối cùng của kế hoạch sẽ là 10 triệu tấn ; nhưng quyết nghị của Trung ương thấy con số đó chưa đủ và nhận định rằng sản xuất gang, trong năm cuối cùng của kế hoạch, phải nâng lên đến 17 triệu tấn.

Đối với việc chế tạo máy kéo : kế hoạch dự trù sản xuất máy kéo, trong năm cuối cùng của kế hoạch sẽ là 55.000 cái ; nhưng Ban Chấp hành trung ương thấy nhiệm vụ đó chưa

đầy đủ và nhận định rằng việc sản xuất máy kéo, trong năm cuối cùng của kế hoạch, phải nâng lên là 170.000 cái.

Việc *chế tạo ô-tô*, cũng vậy : đáng lẽ là 100.000 xe (xe cam-nhông và xe nhẹ) như kế hoạch 5 năm đã dự định cho năm cuối cùng của kế hoạch, thì Ban Chấp hành trung ương đã quyết định nâng mức sản xuất lên là 200.000 xe.

Đối với ngành công nghiệp *kim khí không có chất sắt* cũng vậy ; trong ngành đó, các dự trù của kế hoạch 5 năm đã tăng lên hơn 100% và ngành *chế tạo các máy móc nông nghiệp*, cũng thế, các dự trù của kế hoạch 5 năm cũng đã tăng lên quá 100%.

Ấy là tôi cũng chưa nói gì đến ngành chế tạo *máy gặt-đập*, đã không hề dự trù trong kế hoạch 5 năm, nhưng trong năm cuối cùng của kế hoạch, sản xuất của ngành đó ít nhất cũng được 40.000 cái.

Đối với việc xây dựng các nông trường quốc doanh: kế hoạch 5 năm dự trù là đến cuối kế hoạch, diện tích gieo trồng sẽ mở rộng đến 5 triệu éc-ta ; nhưng quyết nghị của Ban Chấp hành trung ương thấy rằng con số đó chưa đủ và nhận định rằng diện tích gieo trồng của các nông trường quốc doanh, đến cuối kế hoạch, phải nâng lên là 18 triệu éc-ta.

Đối với việc xây dựng các nông trang tập thể: kế hoạch 5 năm dự trù đến cuối kế hoạch thì diện tích gieo hạt sẽ mở rộng đến 20 triệu éc-ta. Nhưng quyết nghị của Ban Chấp hành trung ương thấy con số đó rõ ràng là chưa đủ (năm nay con số ấy cũng đã bị vượt quá rồi) và nhận định rằng đến cuối kế hoạch 5 năm thì việc tập thể hóa ở Liên-xô phải được hoàn thành về căn bản, và diện tích gieo hạt của các nông trang tập thể, lúc đó, phải là chín phần mười toàn bộ diện tích gieo trồng của Liên-xô, mà hiện nay do các nông hộ cá thể đang làm. *(Vỗ tay.)*

V. v., v.v.

Đó là toàn bộ tình hình lãnh đạo của Ban Chấp hành trung ương về việc thực hiện đường lối chung của đảng, về việc kế hoạch hóa công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa.

Người ta có thể nói rằng thay đổi những sự dự trù của kế hoạch 5 năm, một cách căn bản như thế, Ban Chấp hành

trung ương đã phạm vào nguyên tắc của việc kế hoạch hóa và làm tổn thương đến uy tín của các cơ quan Kế hoạch. Nhưng chỉ có bọn quan liêu không còn cứu chữa được mới có thể nói như thế. Đối với chúng ta, những người bôn-sê-vích, thì kế hoạch 5 năm quyết không phải là một cái gì cố định vạch một lần là xong không còn phải sửa đổi nữa. Đối với chúng ta, kế hoạch 5 năm, cũng như mọi kế hoạch khác, chỉ là một kế hoạch được đem ra dùng như một việc ước lượng đại khái, mà người ta cần phải căn cứ vào những kinh nghiệm địa phương, và kinh nghiệm đã thu được trong khi thực hiện kế hoạch để làm cho nó được chính xác, để sửa đổi đi và làm cho nó được hoàn thiện. Không một kế hoạch 5 năm nào mà có thể tính được hết tất cả mọi khả năng tiềm tàng trong lòng chế độ ta, và chỉ phát lộ ra trong quá trình công tác, trong quá trình thực hiện kế hoạch ở công xưởng, ở nhà máy, ở nông trang tập thể, ở nông trường quốc doanh, ở các khu, v.v., mà thôi. Chỉ có những kẻ quan liêu mới nghĩ rằng hễ cứ vạch xong kế hoạch là đã *hoàn thành* công tác làm kế hoạch rồi. Việc vạch xong kế hoạch chỉ là *bước đầu của việc kế hoạch hóa*. Việc thật sự lãnh đạo kế hoạch chỉ bắt đầu thực hiện được triệt để là từ sau khi vạch xong kế hoạch, sau khi kiểm tra tại chỗ, trong quá trình thực hiện, về việc sửa chữa kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch cho được chính xác.

Đó là vì sao Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương, thống nhất ý kiến với các cơ quan kế hoạch của nước Cộng hòa, đều đã xét thấy cần thiết phải sửa chữa và cải tiến kế hoạch 5 năm trên cơ sở những tài liệu do kinh nghiệm mà có, theo cái hướng là nâng cao các tốc độ kiến thiết và giảm bớt các kỳ hạn thực hiện.

Đây là lời Lê-nin đã nói về nguyên tắc kế hoạch hóa và về việc lãnh đạo kế hoạch hóa tại đại hội VIII của các Xô-viết, khi nghiên cứu kế hoạch mười năm của Ban Điện khí hóa nước Nga[55].

« Cương lĩnh của đảng ta không thể chỉ đứng nguyên là cương lĩnh của đảng. Nó phải trở thành cương lĩnh kiến thiết kinh tế

của chúng ta, nếu không thì nó không đáng ngay cả là cương lĩnh của đảng nữa. Nó phải được bổ sung bằng một bản cương lĩnh thứ hai của đảng, tức là kế hoạch các công trình khôi phục toàn bộ nền kinh tế quốc dân và nâng cao nền kinh tế đó đến trình độ kỹ thuật hiện đại... Chúng ta phải đi đến chỗ đem dùng một kế hoạch nào đó, đương nhiên đó chỉ là một kế hoạch được đem ra dùng như một việc ước lượng đại khái. Cương lĩnh đó của đảng sẽ không phải là cũng bất di bất dịch như cương lĩnh chính thức của chúng ta, là cương lĩnh chỉ có thể thay đổi trong các đại hội đảng mà thôi. Không, mỗi một ngày, trong mỗi công xưởng, trong mỗi quận, cương lĩnh đó đều sẽ được cải tiến, được chỉnh lý lại cho chính xác, được hoàn thiện và sửa đổi... Trong lúc chú ý đến kinh nghiệm khoa học và thực tiễn, nơi nơi cần phải luôn luôn nỗ lực thực hiện kế hoạch nhanh hơn kỳ hạn đã định trước, để quần chúng có thể thấy rằng kinh nghiệm có thể cho chúng ta rút ngắn được cái thời gian dài trong việc khôi phục hoàn toàn nền công nghiệp. Điều đó tùy ở chúng ta. Trong mỗi công xưởng, trong mỗi xưởng chữa xe, trong mỗi khu vực, chúng ta hãy ra sức cải thiện việc quản lý kinh doanh, và lúc ấy chúng ta sẽ rút ngắn được kỳ hạn. Và chúng ta đang rút ngắn những kỳ hạn đó » (xem tập XXVI, tr. 45, 46, 43)*.

Các đồng chí thấy rằng Ban Chấp hành trung ương trong khi thay đổi và cải tiến kế hoạch 5 năm, rút ngắn các kỳ hạn và nâng cao tốc độ kiến thiết là đã đi theo con đường do Lê-nin vạch ra.

Căn cứ vào những khả năng nào mà Ban Chấp hành trung ương nâng cao tốc độ kiến thiết và rút ngắn các kỳ hạn hoàn thành kế hoạch 5 năm? Căn cứ vào những lực lượng dự trữ tiềm tàng trong lòng chế độ ta và chỉ phát lộ ra trong quá trình công tác, căn cứ vào những khả năng mà thời kỳ cải tạo đem lại cho chúng ta. Ban Chấp hành trung ương nhận định rằng, với việc tổ chức sản xuất *theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa*, việc cải tạo cơ sở kỹ thuật của công nghiệp và

---

* Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 482, 483, 479. *(B.T.)*

nông nghiệp mở cho ta những khả năng đầy mạnh được tốc độ cho ngày càng nhanh thêm, mà không một nước tư bản chủ nghĩa nào có thể mơ ước được.

Chỉ có những trường hợp đó mới có thể giải thích được tại sao công nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta, trong ba năm nay, đã sản xuất được hơn gấp đôi, và trong năm 1930-31, sự sản xuất đó sẽ tăng lên 47% so với năm nay ; hơn nữa, *chỉ riêng chỗ tăng lên đó thôi*, với khối lượng của nó, cũng sẽ bằng khối lượng sản xuất của *toàn bộ* nền công nghiệp lớn trước chiến tranh.

Chỉ có những trường hợp đó mới có thể giải thích được tại sao việc xây dựng các nông trường quốc doanh đã vượt kế hoạch 5 năm trong ba năm và việc xây dựng các nông trang tập thể đã vượt kế hoạch 5 năm trong hai năm.

Có một lý luận cho rằng các tốc độ phát triển cao chỉ có thể có được trong thời kỳ khôi phục mà thôi ; nhưng khi chuyển sang thời kỳ cải tạo, thì hàng năm, các tốc độ kiến thiết phải hạ xuống mau chóng. Lý luận đó gọi là lý luận « đường biểu diễn đi xuống ». Lý luận đó nhằm biện hộ cho sự lạc hậu của chúng ta. Nó không có một chút gì giống chủ nghĩa Mác, và chủ nghĩa Lê-nin cả. Đó là một lý luận tư sản nhằm duy trì mãi tình trạng lạc hậu của nước ta. Trong số những người đã có hay đang có quan hệ với đảng ta, thì chỉ có bọn tơ-rốt-kít và những phần tử khuynh hữu mới bảo vệ và tuyên truyền lý luận đó.

Hiện nay có ý kiến cho rằng bọn tơ-rốt-kít là những nhà siêu công nghiệp hóa chủ nghĩa. Những ý kiến đó chỉ đúng một phần. Nó chỉ đúng trong chừng mực mà đó là nói về cuối thời kỳ *khôi phục*, vào lúc mà bọn tơ-rốt-kít thật sự phát triển những ảo tưởng siêu công nghiệp hóa chủ nghĩa. Còn nói về thời kỳ *cải tạo, thì đứng về phương diện tốc độ mà nói, bọn tơ-rốt-kít, là những người thuộc phái tốc độ tối thiểu, cực đoan nhất và là những kẻ đầu hàng thảm hại nhất.* (*Có tiếng cười. Vỗ tay.*)

Trong chính cương và tuyên ngôn của chúng, bọn tơ-rốt-kít không đưa ra những con số về tốc độ ; chúng chỉ ba hoa

nói chung chung về tốc độ. Nhưng, có một tài liệu trong đó bọn tơ-rốt-kít đã trình bày bằng con số quan niệm của chúng về tốc độ phát triển công nghiệp quốc doanh. Tôi muốn nói đến bản báo cáo của « Hội nghị đặc biệt về việc khôi phục tư bản cố định » của ngành công nghiệp quốc doanh, tức là bản báo cáo căn cứ vào những nguyên tắc của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski. Phân tích sơ lược văn kiện đó hồi năm 1925-26, là một việc có ý nghĩa. Có ý nghĩa là vì nó phản ánh hoàn toàn cái sơ đồ đường biểu diễn đi xuống của bọn tơ-rốt-kít.

Văn kiện đó đã đề nghị *đầu tư* vào công nghiệp quốc doanh năm 1926-27 là 1.543 triệu rúp ; năm 1927-28 là 1.490 triệu rúp ; năm 1928-29 là 1.320 triệu rúp ; năm 1929-30 là 1.060 triệu rúp (tính theo giá năm 1926-27).

Đường biểu diễn *đi xuống* của bọn tơ-rốt-kit là thế đấy.

Và thực tế thì chúng ta đã đầu tư bao nhiêu ? Thực tế, chúng ta đã đầu tư vào công nghiệp quốc doanh, năm 1926-27 là 1.065 triệu rúp ; năm 1927-28 là 1.304 triệu rúp ; năm 1928-29 là 1.819 triệu rúp ; năm 1929-30 là 4.775 triệu rúp theo giá năm 1926-27).

Đường biểu diễn *đi lên* của những người bôn-sê-vích là thế đấy.

Theo văn kiện đó thì *sản xuất* công nghiệp quốc doanh phải tăng lên trong năm 1926-27 là 31,6% ; năm 1927-28 là 22,9% ; năm 1928-29 là 15,5% ; năm 1929-30 là 15%.

Đường biểu diễn *đi xuống* của bọn tơ-rốt-kít là như thế.

Và trong thực tế chúng ta đã đạt được những gì ? Thực tế thì sản xuất công nghiệp quốc doanh đã tăng lên trong năm 1926-27 là 19,7% ; năm 1927-28 là 26,3% ; năm 1928-29 là 24,3% ; năm 1929-30 là 32% ; năm 1930-31 sẽ tăng lên 47%.

Đường biểu diễn *đi lên* của những người bôn-sê-vích là như thế.

Người ta biết rằng Tơ-rốt-ski đặc biệt bênh vực cái lý luận đầu hàng về đường biểu diễn đi xuống đó, trong quyển sách của ông ta, đề là ***Tiến tới chủ nghĩa xã hội hay tiến tới chủ nghĩa tư bản?*** Trong đó, Tơ-rốt-ski nói rõ rằng, vì « trước

chiến tranh, việc mở rộng công nghiệp, về căn bản, cốt chủ là xây dựng các nhà máy mới» còn «ở thời đại chúng ta, việc mở rộng đó lại càng cốt chủ là sử dụng các nhà máy cũ và sử dụng hết hiệu suất của thiết bị cũ», cho nên, «dĩ nhiên *khi quá trình khôi phục đã chấm dứt* thì hệ số tăng phải *hạ xuống* rất nhiều»; và Tơ-rốt-ski đề nghị «trong những năm sắp tới, nàng hệ số tăng về công nghiệp lên, không những gấp đôi, mà ngay cả gấp ba nữa, so với 6% trước chiến tranh, và có lẽ hơn thế nữa».

Như thế là mỗi năm công nghiệp tăng ba lần 6%. Như vậy sẽ là bao nhiêu? Tất cả là tăng 18% mỗi năm. Do đó, mỗi năm sản lượng công nghiệp quốc doanh tăng lên 18%, theo bọn tơ-rốt-kıt đó là cái mức hết sức cao của việc kế hoạch hóa tốc độ phát triển ngày càng mau chóng *trong thời kỳ cải tạo*, mức mà người ta phải cố vươn lên như một lý tưởng. Bây giờ, hãy so sánh cái thông minh nông cạn đó của bọn tơ-rốt-kít với cái sản lượng tăng lên trong thực tế, mà chúng ta đã đạt được trong ba năm này (năm 1927-28 là 26,3%; năm 1928-29 là 24,3%; năm 1929-30 là 32%); hãy so sánh cái triết lý đầu hàng đó của bọn tơ-rốt-kít với sự tăng lên 47%, đã dự trù trong các con số ước định của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cho năm 1930-31, vượt cả những tốc độ *cao nhất* của việc tăng sản lượng trong thời kỳ *khôi phục*, thì các đồng chí sẽ thấy được tất cả những gì là phản động trong cái lý luận của bọn tơ-rốt-kít về «đường biểu diễn đi xuống» và sẽ thấy sự thiếu tin tưởng của bọn tơ-rốt-kít vào những khả năng của thời kỳ *cải tạo*, là nặng biết chừng nào.

Đó là lý do vì sao bọn tơ-rốt-kít hiện nay đang la ó lên về tính chất «quá mức» của các tốc độ bôn-sê-vích, trong việc phát triển công nghiệp và xây dựng nông trang tập thể.

Đó là lý do vì sao *hiện nay không thể phân biệt bọn tơ-rốt-kít với những phần tử hữu khuynh của ta được nữa.*

Mọi người đều hiểu rằng, nếu đã không đập tan nát cái lý luận về «đường biểu diễn đi xuống» của bọn tơ-rốt-kit và bọn khuynh hữu, thì có lẽ chúng ta đã không thể phát triển được việc kế hoạch hóa thật sự, cũng không thể nâng

cao được các tốc độ và rút ngắn được các kỳ hạn kiến thiết. Muốn lãnh đạo việc thực hiện đường lối chung của đảng, muốn sửa chữa và cải tiến kế hoạch kiến thiết 5 năm, muốn nâng cao các tốc độ và đề phòng những sai lầm trong kiến thiết, thì, trước hết, phải đả phá và tiêu diệt cái lý luận phản động về « đường biểu diễn đi xuống ».

Và đó là điều mà Ban Chấp hành trung ương đã làm, như tôi đã nói ở trên.

2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÃNH ĐẠO CÁC CÔNG VIỆC TRONG NỘI BỘ ĐẢNG

Người ta có thể tưởng rằng việc lãnh đạo các công tác kiến thiết xã hội chủ nghĩa và việc thực hiện đường lối chung của đảng là những việc được tiến hành trong nội bộ đảng, một cách êm thấm và không va chạm, không đấu tranh cũng như đã không phải dùng một ý chí khẩn trương. Nhưng, tưởng như thế là không đúng, các đồng chí ạ. Sự thực thì công tác đó đã được tiến hành trong cuộc đấu tranh chống những khó khăn trong nội bộ đảng, chống đủ mọi thứ khuynh hướng xa rời chủ nghĩa Lê-nin, cả trong lĩnh vực chính sách chung lẫn trong lĩnh vực vấn đề dân tộc. Đảng chúng ta tuyệt nhiên không phải là sống cũng như là hoạt động trong không trung, đảng sống và hoạt động ngay trong cuộc sống thực tế, nên chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh chung quanh. Mà hoàn cảnh của chúng ta, như mọi người đều biết, là gồm có các giai cấp khác nhau và các tập đoàn xã hội khác nhau. Chúng ta đã tiến hành một cuộc tấn công quy mô, chống những thành phần tư bản chủ nghĩa, chúng ta đã đẩy mạnh nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa tiến lên, chúng ta đã mở rộng việc xây dựng các nông trường quốc doanh và các nông trang tập thể. Nhưng những hiện tượng như thế không thể không có ảnh hưởng đối với các giai cấp bóc lột. Những hiện tượng đó thường thường là làm cho các giai cấp đang tiêu vong bị phá sản, làm cho bọn cu-lắc ở nông thôn bị phá sản,

làm cho phạm vi hoạt động của các từng lớp tiểu tư sản thành thị bị thu hẹp lại. Người ta hiểu rằng tất cả những cái đó không thể nào lại không làm cho trầm trọng thêm cuộc đấu tranh giữa các giai cấp và sự phản kháng của các giai cấp đang tiêu vong chống lại chính sách của Chính quyền xô-viết. Nghĩ rằng sự phản kháng của các giai cấp đó không có ảnh hưởng này hay ảnh hưởng khác trong hàng ngũ của đảng ta, thì thật là đáng buồn cười. Mà sự phản kháng đó thực tế là đang có ảnh hưởng vào trong đảng. Ảnh hưởng của sự phản kháng của các giai cấp đang tiêu vong, chính là những khuynh hướng xa rời đường lối Lê-nin, khuynh hướng đủ thứ và đủ loại, đang biểu hiện trong hàng ngũ của đảng ta.

Liệu có thể nào tiến hành một cuộc đấu tranh thắng lợi, chống những kẻ thù giai cấp, mà đồng thời lại không đấu tranh chống những khuynh hướng đó trong đảng ta, không khắc phục những khuynh hướng đó được không? Không, không thể làm như thế được. Không thể làm như thế được, vì không thể mở rộng cuộc đấu tranh thật sự chống kẻ thù giai cấp, mà ở đằng sau lưng lại có bọn tay chân của chúng, mà ở đằng sau lưng lại để những người không tin tưởng vào sự nghiệp của chúng ta và đang ra sức tìm đủ mọi cách kìm hãm bước tiến của chúng ta.

Do đó, nhiệm vụ trước mắt của đảng là đấu tranh không nhân nhượng chống những khuynh hướng xa rời đường lối Lê-nin.

Tại sao hiện giờ xu hướng hữu khuynh lại là nguy cơ chính ở trong đảng? Bởi vì nó phản ánh cái nguy cơ cu-lắc, và vì trong lúc này, lúc mà chúng ta đang mở rộng cuộc tấn công và nhổ những gốc rễ của chủ nghĩa tư bản, thì nguy cơ cu-lắc là nguy cơ chủ yếu ở trong nước.

Ban Chấp hành trung ương đã phải làm gì để khắc phục xu hướng hữu khuynh, tiêu diệt nốt xu hướng « tả » khuynh và dọn đường để làm cho đảng được hết sức đoàn kết chung quanh đường lối Lê-nin?

a) Trước hết là đã phải trừ tiệt những vết tích của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski ở trong đảng, cùng những tàn dư của cái

lý luận tơ-rốt-kit. Nhóm tơ-rốt-kít với tư cách là một phái đối lập thì đã bị chúng ta tiêu diệt và tống cổ ra ngoài từ lâu rồi. Bây giờ nhóm tơ-rốt-kít là một nhóm phản cách mạng, phản vô sản, và phản xô-viết, một nhóm đang ti mi báo tin cho giai cấp tư sản những công việc của đảng ta. Nhưng, những vết tích của cái lý luận tơ-rốt-kít, những tàn dư của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski vẫn chưa hoàn toàn bị thanh trừ ra khỏi đảng. Vậy, trước hết là phải thanh toán những tàn dư đó đã.

Thực chất của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski là gì?

Trước hết, thực chất của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski là nó phủ nhận khả năng kiến thiết chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô bằng lực lượng của giai cấp công nhân và nông dân ở nước ta. Như thế nghĩa là thế nào? Như thế nghĩa là nếu cách mạng thế giới thắng lợi không kịp thời giúp đỡ chúng ta trong một tương lai gần đây, thì chúng ta bắt buộc phải đầu hàng trước giai cấp tư sản và dọn đường cho nền cộng hòa dân chủ tư sản. Vậy, đó là một sự phủ nhận theo quan điểm tư sản về khả năng kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở nước ta, sự phủ nhận ấy che đậy dưới một câu nói «có tính chất cách mạng» về sự thắng lợi của cách mạng thế giới.

Với những quan niệm như thế, liệu người ta có thể phát động được cái nhiệt tình lao động, phát động được cuộc thi đua xã hội chủ nghĩa, một phong trào lao động xung kích rộng lớn và một cuộc tấn công quy mô chống những thành phần tư bản chủ nghĩa, trong quần chúng vô cùng đông đảo của giai cấp công nhân không? Hiển nhiên là không. Thật là ngu xuẩn nếu tưởng rằng giai cấp công nhân ở nước ta, một giai cấp đã làm ba cuộc cách mạng, lại có thể phát huy nhiệt tình lao động và một phong trào lao động xung kích rộng lớn, để nhằm một mục đích duy nhất là bồi bổ thêm cái miếng đất cho chủ nghĩa tư bản. Giai cấp công nhân nước ta phát huy nhiệt tình lao động của họ quyết không phải là vì chủ nghĩa tư bản, mà là để vĩnh viễn chôn vùi chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô. Làm cho giai cấp công nhân mất tin tưởng vào khả năng xây dựng chủ nghĩa

xã hội, tức là các đồng chí sẽ phá hủy mọi cơ sở của việc thi đua, của cái đà phấn khởi lao động, và của lao động xung kích.

Do đó mà rút ra kết luận là : muốn phát động cái đà phấn khởi lao động và việc thi đua trong giai cấp công nhân, và muốn tổ chức một cuộc tấn công quy mô, thì trước hết phải chôn vùi cái lý luận tư sản của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski cho rằng không thể nào xây dựng được chủ nghĩa xã hội trong nước ta.

Sau nữa, thực chất của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski là nó phủ nhận khả năng thu hút quần chúng cơ bản trong nông dân tham gia kiến thiết chủ nghĩa xã hội ở nông thôn. Như thế nghĩa là thế nào ? Như thế nghĩa là giai cấp công nhân không đủ sức lãnh đạo nông dân để chuyển kinh tế nông dân cá thể vào con đường tập thể hóa ; là, nếu trong một tương lai gần đây, cách mạng thế giới thắng lợi không kịp thời giúp đỡ giai cấp công nhân, thì nông dân sẽ khôi phục lại chế độ tư sản cũ. Vậy ở đây, chúng ta thấy một sự phủ nhận theo quan điểm tư sản về lực lượng và khả năng của chuyên chính vô sản, để lãnh đạo nông dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, sự phủ nhận đó che đậy dưới những câu nói « có tính chất cách mạng » về sự thắng lợi của cách mạng thế giới.

Với những quan niệm như thế, liệu người ta có thể thu hút được quần chúng nông dân tham gia phong trào nông trang tập thể, tổ chức được một phong trào nông trang tập thể có tính chất quần chúng, tổ chức tiêu diệt được bọn cu-lắc, về mặt giai cấp không ? Hiển nhiên là không.

Do đó mà rút ra kết luận là : muốn tổ chức một phong trào nông trang tập thể có tính chất quần chúng, trong giai cấp nông dân và thủ tiêu giai cấp cu-lắc, thì trước hết phải chôn vùi cái lý luận tư sản của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski cho rằng không thể lãnh đạo được quần chúng nông dân lao động tham gia kiến thiết chủ nghĩa xã hội.

Cuối cùng, thực chất của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski là nó phủ nhận sự cần thiết phải có một kỷ luật sắt trong đảng, là nó thừa nhận việc tự do gây bè phái trong đảng, là nó thừa nhận sự cần thiết phải thành lập một đảng tơ-rốt-kít. Theo chủ

nghĩa Tơ-rốt-ski thì Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, không nên là một đảng chiến đấu, thống nhất và cố kết, mà nên là nơi tập hợp của các nhóm và các phe phái với những cơ quan trung ương với kỷ luật, với báo chí, v.v. của họ. Nhưng, như thế nghĩa là thế nào? Như thế nghĩa là tuyên bố sự tự do tổ chức các phe phái chính trị trong đảng. Như thế có nghĩa là một khi đã có sự tự do tổ chức các nhóm chính trị ở trong đảng, thì tất là phải có sự tự do tổ chức các đảng chính trị ở trong nước, nghĩa là phải thực hiện nền dân chủ tư sản. Như vậy là ở đây, chúng ta thấy cái chủ trương thừa nhận quyền tự do bè phái ở trong đảng, thậm chí cả việc dung nhận các đảng chính trị ở trong một nước chuyên chính vô sản, chủ trương thừa nhận này được che đậy dưới một cái luận điệu nào là « dân chủ trong nội bộ đảng », nào là « cải tiến chế độ » trong đảng. Còn như sự tự do cãi lẫy có tính chất bè phái giữa các nhóm trí thức vẫn chưa phải là dân chủ trong nội bộ đảng, việc tự phê bình rộng rãi mà đảng đã thực hiện và tính tích cực cao độ của quần chúng đảng viên, là một biểu hiện dân chủ thật sự và chân chính trong nội bộ đảng, — thì đó lại chính là điều mà chủ nghĩa Tơ-rốt-ski đã không thể nào hiểu nổi.

Liệu với những quan niệm như thế về đảng, thì có thể đảm bảo được kỷ luật sắt trong đảng không ; có thể đảm bảo được sự thống nhất gang thép trong đảng, cần thiết cho sự thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống những kẻ thù giai cấp không? Hiển nhiên là không.

Do đó, rút ra kết luận là : muốn bảo đảm sự thống nhất gang thép trong đảng, và bảo đảm kỷ luật vô sản trong nội bộ đảng, trước hết cần phải chôn vùi cái lý luận của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski về tổ chức.

Nội dung thì là tinh thần đầu hàng trong việc làm ; còn *hình thức* dùng để che đậy và ca ngợi cái nội dung đầu hàng ấy thì lại là những câu nói có tính chất « tả » và những cử chỉ có tính chất chủ nghĩa phiêu lưu « cách mạng » : đó là tính chất của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski.

Hai tính chất đó của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski, phản ánh hai mặt của giai cấp tiểu tư sản thành thị đang ở trên con đường phá sản, là giai cấp không thể chịu được « chế độ » chuyên chính của giai cấp vô sản và đang ra sức, hoặc nhảy « ngay » tới chủ nghĩa xã hội để tránh khỏi bị phá sản (do đó mà về mặt chính sách, sinh ra *óc phiêu lưu* và *điên cuồng*), hoặc, nếu không thể làm như thế được, thì nhượng bộ tất cả đối với chủ nghĩa tư bản (do đó mà về mặt chính sách *có tính thần đầu hàng*).

Hai tính chất đó của chủ nghĩa Tơ rốt-ski giải thích cái sự thật là tại sao chủ nghĩa Tơ-rốt-ski đã công kích, bề ngoài có vẻ thật là « kịch liệt » chống những phần tử hữu khuynh, nhưng thường nó lại cấu kết thành *một khối* với bọn này cũng như với bọn đầu hàng ra mặt.

Còn về phong trào nông trang tập thể thì những hành động quá « tả » ở trong đảng là cái gì? Đó là một mưu toan tới một mức độ nào đó, — cố nhiên không phải là tự giác, — nhưng trên thực tiễn là khôi phục lại ở nước ta những truyền thống của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski, khôi phục lại cái thái độ tơ-rốt-kít đối với trung nông. Những hành động quá tả ấy là kết quả của cái sai lầm về mặt chính sách mà Lê-nin gọi là « dùng thủ đoạn hành chính một cách quá mức ». Điều đó có nghĩa là có những người trong số đồng chí chúng ta say sưa vì những thắng lợi của phong trào nông trang tập thể, đã bắt đầu giải quyết vấn đề xây dựng nông trang tập thể, không phải với thái độ của những người xây dựng, mà chủ yếu là với thái độ của những nhân viên hành chính, và vì vậy mà đã phạm một loạt sai lầm rất nghiêm trọng.

Trong đảng ta, có những người nghĩ rằng đáng lẽ là không nên bắt những phần tử quá « tả » phải vào khuôn phép. Họ cho rằng đáng lẽ không nên làm mếch lòng các chiến sĩ của chúng ta, cũng không nên phản đối cái say sưa của họ, ngay như nếu cái say sưa đó đã đưa lại những sai lầm. Thật là phi lý, các đồng chí ạ. Chỉ những người cứ nhất định muốn theo đuôi trào lưu mới có thể nói như vậy được. Đó là những người sẽ không bao giờ lại có thể hiểu được đường lối Lê-nin là :

đi ngược lại trào lưu khi tình thế đòi hỏi phải làm như thế, khi lợi ích của đảng đòi hỏi phải làm như thế. Những người đó là những người theo đuôi, chứ không phải là những người theo chủ nghĩa Lê-nin. Nếu đảng đã có thể hướng cả hàng loạt đồng chí chúng ta vào con đường đúng đắn, nếu đảng đã có thể sửa chữa những sai lầm và đạt được những thắng lợi, thì chính là vì đảng đã cương quyết đi ngược lại trào lưu để thực hiện đường lối chung. Đó chính là chủ nghĩa Lê-nin trong thực tiễn, chủ nghĩa Lê-nin trong lãnh đạo.

Đó là vì sao mà tôi nghĩ rằng, nếu đã không khắc phục những hành động quá « tả », thì có lẽ chúng ta đã không thể đạt được những thành tựu mà chúng ta có hiện nay trong phong trào nông trang tập thể.

Tình hình đấu tranh chống những tàn dư của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski và những cặn bã của những tàn dư đó trong thực tiễn là như thế đó.

Còn về vấn đề chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, mà đứng đầu trước kia hay cả bây giờ nữa, cũng vẫn là Bu-kha-rin, Rư-cốp và Tom-ski, thì tình hình có hơi khác.

Đối với những người khuynh hữu thì người ta không thể nói được rằng họ không thừa nhận cái khả năng kiến thiết chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô. Có, họ thừa nhận khả năng ấy, và đó là điều phân biệt họ với bọn tơ-rốt-kít. Nhưng cái hỏng của những người khuynh hữu là ở chỗ trong khi về mặt hình thức thì họ thừa nhận cái khả năng kiến thiết chủ nghĩa xã hội trong một nước duy nhất, nhưng đồng thời họ lại không muốn thừa nhận những phương tiện và những biện pháp đấu tranh, là những cái mà không có thì không thể kiến thiết chủ nghĩa xã hội được. Họ không muốn thừa nhận rằng việc phát triển công nghiệp bằng tất cả mọi phương pháp, là cái thìa khóa để cải tạo toàn bộ kinh tế quốc dân theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Họ không muốn thừa nhận cuộc đấu tranh giai cấp không khoan nhượng chống những thành phần tư bản chủ nghĩa, cũng không muốn thừa nhận cuộc tấn công quy mô của chủ nghĩa xã hội chống chủ nghĩa tư bản. Họ không hiểu rằng tất cả phương tiện

đó và tất cả những biện pháp đó họp thành một hệ thống biện pháp mà nếu không có thì không thể duy trì nền chuyên chính vô sản và kiến thiết chủ nghĩa xã hội trong nước ta được. Họ nghĩ rằng người ta có thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội một cách êm thắm, tự phát, không cần đấu tranh giai cấp, không cần tấn công các thành phần tư bản chủ nghĩa. Họ nghĩ rằng các thành phần tư bản chủ nghĩa sẽ tự nó biến mất một cách lặng lẽ, hoặc là nó sẽ nhập vào chủ nghĩa xã hội. Và vì trong lịch sử không có những việc kỳ lạ đó, nên trên thực tế, *những người khuynh hữu đã rơi vào quan điểm phủ nhận khả năng kiến thiết chủ nghĩa xã hội trong nước ta.*

Đối với những người khuynh hữu, ta cũng không thể nói rằng họ phủ nhận cái khả năng thu hút quần chúng cơ bản trong nông dân tham gia kiến thiết chủ nghĩa xã hội ở nông thôn. Không, họ thừa nhận khả năng ấy, và đó là điều phân biệt họ với bọn tơ-rốt-kít. Nhưng trong khi, về mặt hình thức họ thừa nhận cái khả năng ấy, thì đồng thời họ lại phủ nhận các phương tiện và biện pháp mà nếu không có thì không thể thu hút được nông dân tham gia kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Họ không muốn thừa nhận rằng nông trường quốc doanh và nông trang tập thể là biện pháp chủ yếu và là con « đường rộng lớn » để thu hút quần chúng nông dân cơ bản tham gia kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Họ không muốn thừa nhận rằng nếu trong thực tiễn không thực hiện chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp, thì không thể nào đi đến chỗ cải tạo nông thôn theo các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội được. Họ nghĩ rằng người ta có thể đưa nông thôn vào con đường chủ nghĩa xã hội một cách êm thấm, tự phát, không cần đấu tranh giai cấp, mà chỉ bằng những hợp tác xã mua bán cũng được, vì họ tin chắc rằng cu-lắc tự nó sẽ nhập vào chủ nghĩa xã hội. Họ nghĩ rằng, bây giờ điều chủ yếu không phải là các tốc độ cao của sự phát triển công nghiệp, cũng không phải là ở những nông trang tập thể và những nông trường quốc doanh ; điều chủ yếu là « giải phóng » các lực lượng tự phát của thị trường, « giải phóng » thị trường, và « trừ bỏ những trở ngại » cho kinh tế cá thể,

trong đó cũng kể cả những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn nữa. Nhưng vì cu-lắc không thể nhập vào chủ nghĩa xã hội được, và «giải phóng» thị trường có nghĩa là vũ trang cho bọn cu-lắc và tước vũ khí giai cấp công nhân, nên *thực tế thì những người khuynh hữu đã rơi vào quan điểm phủ nhận khả năng thu hút quần chúng nông dân cơ bản tham gia kiến thiết chủ nghĩa xã hội.*

Chính điều đó giải thích tại sao những phần tử hữu khuynh đã đấu tranh với bọn tơ-rốt-kít theo cái lối chọi gà, nhưng thường thường họ lại kết thúc những cuộc đấu tranh của họ bằng những cuộc đàm phán ngoài hành lang với bọn tơ-rốt-kit để cấu kết với chúng thành *một khối.*

Cái sai lầm lớn nhất của chủ nghĩa cơ hội phái hữu là *thoát ly* quan niệm của chủ nghĩa Lê-nin về đấu tranh giai cấp và rơi vào quan điểm của *chủ nghĩa tự do tiểu tư sản.*

Không còn nghi ngờ gì nữa, sự thắng lợi của xu hướng hữu khuynh trong đảng ta sẽ có nghĩa là giai cấp công nhân hoàn toàn bị tước vũ khí, là vũ trang cho những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn và tăng thêm những cơ hội phục hồi chủ nghĩa tư bản ở Liên-xô.

Những kẻ khuynh hữu không chủ trương thành lập một chính đảng khác, và đó lại là một điểm khác nhau nữa giữa họ với bọn tơ-rốt-kít. Những người cầm đầu phái hữu khuynh, đã công khai thừa nhận sai lầm của mình và đã đầu hàng đảng. Nhưng căn cứ vào việc ấy, mà cho rằng xu hướng hữu khuynh đã bị mai táng rồi thì thật là phi lý. Quyết không thể lấy việc đó mà đánh giá sức mạnh của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh được. Sức mạnh của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là ở trong thế lực tự phát tiểu tư sản, trong áp bức của các thành phần tư bản chủ nghĩa nói chung, của bọn cu-lắc nói riêng đối với đảng. Và chính vì xu hướng hữu khuynh phản ánh sự phản kháng của các phần tử chủ yếu trong các giai cấp đang tiêu vong, chính vì lẽ đó mà xu hướng hữu khuynh là nguy cơ chủ yếu hiện giờ trong đảng.

Đó là vì sao đảng đã xét thấy cần thiết phải tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết và không khoan nhượng chống xu hướng hữu khuynh.

Không còn nghi ngờ gì nữa nếu không có một cuộc đấu tranh kiên quyết chống xu hướng hữu khuynh, nếu đã không cô lập được những phần tử cầm đầu xu hướng ấy, thì chúng ta đã không thể động viên được các lực lượng của đảng và của giai cấp công nhân, đã không thể động viên được các lực lượng của bần nông và của quần chúng trung nông, để mở một cuộc tấn công quy mô của chủ nghĩa xã hội, để tổ chức các nông trường quốc doanh và nông trang tập thể, để khôi phục công nghiệp nặng của chúng ta, để thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp.

Tình hình các xu hướng « tả » khuynh, và hữu khuynh ở trong đảng là như thế.

Nhiệm vụ là tiếp tục tiến hành một cuộc đấu tranh không khoan khượng *trên hai* mặt trận, chống bọn « tả », đại biểu cho *chủ nghĩa cấp tiến tiểu tư sản* cũng như chống bọn hữu, đại biểu cho *chủ nghĩa tự do tiểu tư sản.*

Nhiệm vụ là tiếp tục tiến hành một cuộc đấu tranh *không khoan nhượng* chống những phần tử *thỏa hiệp* trong đảng, không hiểu hay làm ra vẻ không hiểu sự cần thiết phải có một cuộc đấu tranh kiên quyết trên hai mặt trận.

Tình hình đấu tranh chống các khuynh hướng hiện có ở trong đảng sẽ không được toàn diện nếu chúng ta không nói đến những khuynh hướng lệch lạc trong đảng về vấn đề dân tộc. Trước hết tôi muốn nói đến khuynh hướng theo chủ nghĩa sô-vanh Đại Nga, rồi đến khuynh hướng theo chủ nghĩa dân tộc địa phương. Những khuynh hướng đó cũng không đến nỗi rõ rệt và dai dẳng như các khuynh hướng « tả » hay hữu. Người ta có thể gọi những khuynh hướng đó là những khuynh hướng ngấm ngầm. Nhưng như thế không có nghĩa là những khuynh hướng đó hiện không có. Có, có những khuynh hướng đó và điều nghiêm trọng nhất là nó đang phát triển. Không thể có chút nghi ngờ gì về điểm ấy cả. Không thể nghi ngờ gì cả, là vì không khí chung ngày càng trầm trọng của cuộc đấu tranh giai cấp không thể không làm cho những cuộc va chạm dân tộc bị trầm trọng thêm tới một mức độ nào đó,

có ảnh hưởng vào trong đảng. Bởi vậy cần phải nêu rõ ra và phơi bày ra ánh sáng bộ mặt của những khuynh hướng đó.

Trong những điều kiện hiện nay của chúng ta, thực chất của khuynh hướng theo chủ nghĩa sô-vanh Đại Nga là gì?

Thực chất của khuynh hướng theo chủ nghĩa sô-vanh Đại Nga, là nó có xu hướng không đếm xỉa gì đến những sự khác nhau của các dân tộc về mặt ngôn ngữ, văn hóa, sinh hoạt; xu hướng chuẩn bị xóa bỏ các nước Cộng hòa dân tộc và các khu dân tộc; xu hướng phá hoại nguyên tắc bình đẳng dân tộc và phá hoại chính sách của đảng đang nhằm làm cho bộ máy báo chí, trường học, và các tổ chức khác của xã hội và của Nhà nước đều có một tính chất dân tộc.

Làm như thế, những người có khuynh hướng loại đó xuất phát từ quan điểm cho rằng, cùng với sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, các dân tộc đều phải hợp nhất lại làm một và các tiếng nói dân tộc của họ phải biến thành một thứ tiếng nói chung, duy nhất; đã đến lúc phải thanh toán những sự khác nhau về dân tộc và phải từ bỏ cái chính sách ủng hộ sự phát triển nền văn hóa dân tộc của những dân tộc trước kia bị áp bức.

Và những người đó dẫn chứng Lê-nin, trích dẫn Lê-nin một cách không chính xác và đôi khi thậm chí còn xuyên tạc và vu khống Lê-nin nữa.

Lê-nin đã nói rằng trong xã hội xã hội chủ nghĩa, lợi ích của các dân tộc sẽ hợp nhất lại làm một; thế thì há chẳng phải là đã đến lúc xóa bỏ các nước Cộng hòa và các khu dân tộc vì lợi ích của... chủ nghĩa quốc tế hay sao? Năm 1913, Lê-nin, trong khi bút chiến với những người thuộc phái Bun, đã nói rằng khẩu hiệu văn hóa dân tộc là một khẩu hiệu tư sản; thế thì há chẳng phải là đã đến lúc xóa bỏ nền văn hóa dân tộc của các dân tộc ở Liên-xô, vì lợi ích của... chủ nghĩa quốc tế hay sao?

Lê-nin đã nói rằng áp bức dân tộc và các bức tường ngăn cách các dân tộc đều bị thủ tiêu dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, thì thế há chẳng phải là đã đến lúc xóa bỏ cái chính sách chú

ý đến những đặc điểm dân tộc của các dân tộc ở Liên-xô và đã đến lúc chuyển qua chính sách đồng hóa vì lợi ích... của chủ nghĩa quốc tế hay sao?

V.v., v.v.

Không còn nghi ngờ gì nữa, khuynh hướng đó trong vấn đề dân tộc, khuynh hướng mà người ta còn lấy chủ nghĩa quốc tế và tên tuổi của Lê-nin để che đậy thêm nữa, là cái hình thức tinh vi nhất, và do đó, nguy hiểm nhất của chủ nghĩa dân tộc Đại Nga.

Một là, Lê-nin đã không bao giờ nói rằng những sự khác nhau về dân tộc phải biến mất, và các tiếng nói dân tộc phải hợp nhất thành một tiếng nói chung, duy nhất trong khuôn khổ *một* nước *duy nhất, trước khi* chủ nghĩa xã hội *thành công trên phạm vi toàn thế giới* cả. Trái lại, Lê-nin đã nói một cái gì ngược hẳn lại, tức là «những *cái khác nhau* về mặt dân tộc và về mặt quốc gia, giữa các dân tộc và các nước... vẫn sẽ tồn tại *rất, rất lâu*, ngay cả *sau khi* đã thiết lập nền chuyên chính vô sản trên *phạm vi toàn thế giới** » (xem tập XXV, tr. 227)**.

Quên mất cái chỉ thị cơ bản đó của Lê-nin thì làm thế nào mà có thể dẫn chứng Lê-nin được?

Quả thật là đã có một trong những người trước kia là mác-xít, và ngày nay là một tên phản bội và cải lương chủ nghĩa, tức là ông. Cau-sky, đang chủ trương một cái gì ngược hẳn lại với điều mà Lê-nin dạy chúng ta. Ngược lại với Lê-nin, Cau-sky chủ trương rằng sự thắng lợi của cách mạng vô sản trong quốc gia Áo. Đức thống nhất, hồi giữa thế kỷ trước, có thể đưa đến chỗ hình thành *một thứ tiếng nói chung, duy nhất* là tiếng Đức, và đưa đến chỗ *Đức hóa* những người Tiệp, bởi vì «chỉ có sức mạnh của một sự trao đổi tự do không bị ràng buộc, chỉ có sức mạnh của nền văn hóa hiện đại do người Đức mang lại, mới có thể không phải cần qua một sự cưỡng bách Đức hóa nào, mà cũng *biến những người tiểu tư*

* Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

** Xem V.I Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 72. *(B.T.)*

sản, những người nông dân và những người vô sản Tiệp, lạc hậu, thành những người Đức được, tức là biến *những người mà dân tộc yếu hèn của họ không thể cho họ được gì cả*» (xem Lời tựa bản tiếng Đức cuốn *Cách mạng và phản cách mạng*).

Người ta hiểu rằng một « quan niệm » như thế thật là hoàn toàn phù hợp với cái chủ nghĩa xã hội-sô-vanh của Cau-sky. Và chính những quan niệm đó của Cau-sky là những quan niệm mà tôi đã đả phá hồi năm 1925, trong bài diễn văn của tôi ở trường Đại học các dân tộc phương Đông [56]. Nhưng đối với chúng ta, đối với những người mác-xít muốn làm những người quốc tế chủ nghĩa đến cùng, thì lời nói ba hoa phản mác-xít đó của một tên xã hội-sô-vanh Đức điên cuồng có thể thật sự có một ý nghĩa tích cực nào chăng?

Ai có lý, Cau-sky hay Lê-nin?

Nếu là Cau-sky có lý, thế thì tại sao, những dân tộc tương đối lạc hậu như người Bạch Nga và người U-cơ-ren, còn gần người Đại Nga hơn là người Tiệp gần người Đức, mà lại không bị Nga hóa sau khi cách mạng vô sản thắng lợi ở Liên-xô; trái lại, những dân tộc đó đã được phục hưng và đã phát triển như những dân tộc độc lập? Tại sao những dân tộc như người Tuốc-mê-ni, người Kiếc-ghi-di, người U-dơ-bếch, người Tát-gi-ki-stan (chứ đừng nói gì đến những người Giê-oóc-gi, người Ác-mê-ni, người A-déc-bai-dan,v.v., nữa), mặc dù ở trong tình trạng lạc hậu, nhưng họ không những đã không bị Nga hóa vì chủ nghĩa xã hội thắng lợi ở Liên-xô, mà, ngược lại, họ còn được phục hưng và phát triển thành những dân tộc độc lập? Há chẳng phải rõ ràng là những người khuynh hữu đáng kính của chúng ta, trong lúc theo đuổi một thứ chủ nghĩa quốc tế mẽ ngoài thì đã bị chủ nghĩa xã hội-sô-vanh kiểu Cau-sky chi phối đó sao? Há không phải rõ ràng là trong khi đấu tranh cho một thứ tiếng nói chung, duy nhất trong khuôn khổ một quốc gia *duy nhất*, trong khuôn khổ Liên-xô, thì thực chất, là họ nhằm khôi phục những *đặc quyền* của thứ tiếng nói đã thống trị ngày xưa, nghĩa là tiếng *Đại Nga*, đó sao?

Vậy thế thì chủ nghĩa quốc tế ở đâu?

Hai là, Lê-nin đã không bao giờ nói rằng việc thủ tiêu ách áp bức dân tộc và việc hợp nhất lợi ích của các dân tộc lại làm một, cũng tức là thủ tiêu những sự khác nhau giữa các dân tộc. Chúng ta đã thủ tiêu ách áp bức dân tộc. Chúng ta đã thủ tiêu những đặc quyền dân tộc và thành lập quyền bình đẳng dân tộc. Chúng ta đã xóa bỏ những biên giới quốc gia theo cái nghĩa cũ của danh từ, xóa bỏ những cột mốc biên giới và những hàng rào thuế quan giữa các dân tộc ở Liên-xô. Chúng ta đã xác lập được sự nhất trí của những lợi ích kinh tế và chính trị của các dân tộc ở Liên-xô. Nhưng có phải như thế nghĩa là chính do điều đó mà chúng ta đã xóa bỏ những sự khác nhau về dân tộc như là tiếng nói, văn hóa, tập quán sinh hoạt của dân tộc, v.v. không? Rõ ràng là không. Nhưng nếu những sự khác nhau về dân tộc, như là tiếng nói, văn hóa, tập quán sinh hoạt v.v., vẫn tồn tại mà lại đòi phải thủ tiêu các nước Cộng hòa và các khu dân tộc trong giai đoạn lịch sử hiện nay thì há chẳng phải rõ ràng là một sự đòi hỏi phản động, chống lại những lợi ích của chuyên chính vô sản đó sao? Liệu những kẻ có những khuynh hướng lệch lạc ở trong đảng ta có hiểu rằng hiện nay mà thủ tiêu các nước Cộng hòa và các khu dân tộc, tức là làm cho đông đảo quần chúng thuộc các dân tộc ở Liên-xô không thể tiếp thu được giáo dục bằng tiếng *mẹ đẻ* không; là làm cho họ không thể dùng tiếng *mẹ đẻ* trong trường học, tòa án, cơ quan hành chính, trong các tổ chức xã hội, và trong những tổ chức và cơ quan khác không; và là làm cho họ không thể tham gia kiến thiết xã hội chủ nghĩa không? Há chẳng phải rõ ràng là trong khi theo đuổi thứ chủ nghĩa quốc tế mẽ ngoài, những người có những khuynh hướng lệch lạc trong đảng ta đã bị bọn sô-vanh Đại Nga phản động chi phối và đã quên mất, hoàn toàn quên mất, cái khẩu hiệu cách mạng văn hóa trong thời kỳ chuyên chính vô sản, khẩu hiệu có một hiệu lực như nhau đối với *tất cả* các dân tộc ở Liên-xô, đối với những người Đại Nga cũng như đối với những người không phải Đại Nga đó ư?

Ba là, Lê-nin đã không bao giờ nói rằng khẩu hiệu phát triển văn hóa dân tộc trong những *điều kiện của chuyên chính vô sản* là một khẩu hiệu phản động. Trái lại, trước kia Lê-nin bao giờ cũng chủ trương *giúp đỡ* các dân tộc ở Liên-xô phát triển nền văn hóa dân tộc của họ. Chính là dưới sự lãnh đạo của Lê-nin, chứ không phải là dưới sự lãnh đạo của một người nào khác, mà nghị quyết về vấn đề dân tộc đã được thảo ra và được đại hội X của đảng thông qua ; trong nghị quyết đó có nói rõ ràng rằng :

« Nhiệm vụ của đảng là giúp đỡ quần chúng cần lao thuộc các dân tộc không phải Đại Nga, theo kịp miền Trung nước Nga là nơi tiến bộ trước, *giúp đỡ* quần chúng cần lao đó : a) phát triển và củng cố chế độ Nhà nước xô-viết trong địa phương của họ theo những hình thức phù hợp với điều kiện sinh hoạt dân tộc của các dân tộc đó ; b) phát triển và củng cố trong địa phương của họ, các tòa án, cơ quan hành chính, các cơ quan kinh tế, các cơ quan chính quyền dùng tiếng mẹ đẻ và gồm có những người ở địa phương am hiểu tập quán sinh hoạt và tâm lý của dân cư địa phương ; c) phát triển báo chí, trường học, nhà hát, câu lạc bộ và nói chung, các cơ quan giáo dục dùng tiếng mẹ đẻ ở địa phương họ ; d) tổ chức và phát triển một hệ thống rộng rãi các lớp và các trường học cả về giáo dục phổ thông cũng như về nghiệp vụ và kỹ thuật, dùng bằng tiếng mẹ đẻ »[57].

Há chẳng phải rõ ràng là Lê-nin đã hoàn toàn và triệt để tán thành khẩu hiệu phát triển văn hóa dân tộc *trong những điều kiện của chuyên chính vô sản* đó ư?

Há chẳng phải rõ ràng là phủ nhận khẩu hiệu văn hóa dân tộc trong những điều kiện của chuyên chính vô sản, tức là phủ nhận sự cần thiết phát triển văn hóa của các dân tộc không phải Đại Nga ở Liên-xô, tức là phủ nhận sự cần thiết phải có một nền giáo dục phổ thông bắt buộc đối với các dân tộc đó, tức là làm cho các dân tộc đó, về mặt tinh thần, bị bọn dân tộc chủ nghĩa phản động nô dịch đó ư?

Thật vậy, Lê-nin đã gọi cái khẩu hiệu văn hóa dân tộc, ***dưới sự thống trị của giai cấp tư sản***, là một khẩu hiệu phản động. Nhưng thử hỏi nó có thể là cái gì khác được không?

Dưới sự thống trị của giai cấp tư sản dân tộc, văn hóa dân tộc là gì? Là một nền văn hóa có nội dung ***tư sản*** và hình

thức dân tộc, có mục đích đầu độc quần chúng bằng chất độc của chủ nghĩa dân tộc và củng cố sự thống trị của giai cấp tư sản.

Dưới nền chuyên chính vô sản, văn hóa dân tộc là gì ? Là một nền văn hóa có nội dung *xã hội chủ nghĩa* và hình thức dân tộc, có mục đích giáo dục quần chúng theo tinh thần chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa quốc tế.

Làm thế nào mà có thể lầm lẫn được hai cái khác nhau về căn bản đó mà lại không đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác ?

Há chẳng phải rõ ràng là trong khi đả phá cái khẩu hiệu văn hóa dân tộc dưới chế độ tư sản, Lê-nin đã công kích cái *nội dung* tư sản của văn hóa dân tộc chứ không phải đã công kích cái hình thức dân tộc của nó hay sao ?

Thật là ngu ngốc mà cho rằng Lê-nin đã xem nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là một nền văn hóa *không có tính dân tộc*, không có một hình thức dân tộc nào đó. Quả vậy, có một dạo, những người thuộc phái Bun đã gán cái điều phi lý đó cho Lê-nin. Nhưng qua những tác phẩm của Lê-nin, người ta biết rằng Người đã kịch liệt phản đối lời vu khống đó, và cương quyết vạch rõ cái điều phi lý như thế. Liệu thật sự có thể nào những phần tử lệch lạc đáng kính của chúng ta, lại đi bắt chước những người thuộc phái Bun, không ?

Sau tất cả những điều đã nói trên đây, vậy thử xem các lý lẽ của những phần tử lệch lạc của chúng ta đã hiện nguyên hình ra như thế nào ?

Hoàn toàn chỉ là một sự lừa bịp bằng lá cờ chủ nghĩa quốc tế và bằng cách vu khống Lê-nin mà thôi.

Những kẻ có khuynh hướng theo chủ nghĩa sô-vanh Đại Nga đã lầm to khi họ tưởng rằng thời kỳ kiến thiết chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô là một thời kỳ sụp đổ và tiêu diệt của các nền văn hóa dân tộc. Chính là ngược lại mới đúng. Sự thật thì thời kỳ chuyên chính vô sản và kiến thiết chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô là thời kỳ *phồn vinh* của các nền văn hóa dân tộc có nội dung *xã hội chủ nghĩa* và hình thức dân tộc, bởi vì dưới chế độ xô-viết, chính bản thân các dân tộc lại không phải là những dân tộc « hiện đại » thông thường, mà là những

dân tộc xã hội chủ nghĩa, cũng như những nền văn hóa dân tộc của họ, theo nội dung của nó thì không phải là những nền văn hóa thông thường, tư sản, mà là những nền văn hóa *xã hội chủ nghĩa*.

Những kẻ ấy có lẽ không hiểu rằng các nền văn hóa dân tộc phải phát triển với một sức mạnh mới, ngay khi nền giáo dục sơ cấp phổ thông và cưỡng bách, bằng tiếng mẹ đẻ, được thi hành và củng cố. Họ không hiểu rằng người ta chỉ có thể thật sự dắt dẫn được các dân tộc chậm tiến tham gia kiến thiết xã hội chủ nghĩa, với điều kiện là các nền văn hóa dân tộc được phát triển.

Họ không biết rằng đó chính là cơ sở của chính sách Lê-nin, chính sách *ủng hộ* và *nâng đỡ* sự phát triển các nền văn hóa dân tộc của các dân tộc ở Liên-xô.

Có thể có người lấy làm lạ rằng chúng ta, những người tán thành sau này *hợp nhất* các nền văn hóa dân tộc thành một nền văn hóa chung, duy nhất (cả về hình thức lẫn về nội dung), với một thứ tiếng nói chung, duy nhất, lại đồng thời là những người tán thành sự *phồn vinh* của các nền văn hóa dân tộc trong lúc này, trong thời kỳ chuyên chính vô sản. Nhưng không có gì là lạ lùng ở đấy cả. Phải để cho các nền văn hóa dân tộc phát triển, mở rộng, phát huy tất cả những sức mạnh tiềm tàng của nó để tạo ra những điều kiện cần thiết cho việc hợp nhất các nền văn hóa đó thành một nền văn hóa chung, duy nhất với một thứ tiếng nói chung, duy nhất, trong thời kỳ thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới. Trong điều kiện chuyên chính vô sản trong một nước, các nền văn hóa có hình thức dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa phồn vinh lên là *để* các nền văn hóa đó hợp nhất thành một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa chung (cả về hình thức lẫn về nội dung), với một thứ tiếng nói chung, khi mà giai cấp vô sản sẽ thắng trên toàn thế giới, và chủ nghĩa xã hội sẽ thâm nhập trong đời sống hàng ngày, — đó chính là tính chất biện chứng của cách đặt vấn đề văn hóa dân tộc theo quan điểm chủ nghĩa Lê-nin.

Người ta có thể nói rằng cách đặt vấn đề như thế là « mâu thuẫn ». Nhưng thử hỏi chính cái « mâu thuẫn » đó lại không có ở nước ta, trong vấn đề Nhà nước hay sao ? Chúng ta chủ trương tiêu diệt Nhà nước. Nhưng cũng trong lúc đó, chúng ta lại là những người tán thành việc củng cố nền chuyên chính vô sản, là chính quyền mạnh mẽ nhất và có nhiều sinh lực nhất trong tất cả các chính quyền Nhà nước đã có từ trước đến nay. Phát triển chính quyền Nhà nước đến cực độ để chuẩn bị những điều kiện *cho* sự tiêu vong của chính quyền Nhà nước, đó là công thức mác-xít. Như thế có « mâu thuẫn » không ? Có, có « mâu thuẫn ». Nhưng đó là mâu thuẫn trong cuộc sống, và nó phản ánh hoàn toàn phép biện chứng của Mác.

Hay là, chẳng hạn, cách đặt vấn đề quyền dân tộc tự quyết, cho đến cả quyền phân lập theo quan điểm chủ nghĩa Lê-nin. Lê-nin đôi khi đã hình dung luận điểm dân tộc tự quyết dưới một công thức đơn giản là : « phân lập để liên hợp». Hãy nghĩ một tý mà xem : phân lập để liên hợp. Điều đó lại còn có vẻ trái ngược nữa. Song công thức « mâu thuẫn » đó phản ánh các chân lý sinh động trong phép biện chứng của Mác, chân lý này giúp cho những người bôn-sê-vích chiếm lĩnh được những thành trì khó công phá nhất trong vấn đề dân tộc.

Đối với công thức về văn hóa dân tộc thì cũng phải nói như thế : sự phồn vinh của các nền văn hóa dân tộc (và của các thứ tiếng) trong thời kỳ chuyên chính vô sản trong một nước, là để chuẩn bị những điều kiện làm tiêu vong và hợp nhất các nền văn hóa đó thành một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa chung (và thành một thứ tiếng nói chung) trong thời kỳ thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Kẻ nào đã không hiểu được cái tính chất độc đáo và « mâu thuẫn » trong thời kỳ quá độ của chúng ta, kẻ nào đã không hiểu được cái tính chất biện chứng đó của những quá trình lịch sử, thì kẻ đó không sao mà có thể trở thành một người mác-xít được.

Cái tai hại cho những phần tử lệch lạc của chúng ta là họ không hiểu và cũng không muốn hiểu phép biện chứng của Mác.

Tình hình của khuynh hướng theo chủ nghĩa sô-vanh Đại Nga là như thế đấy.

Không phải là khó khăn mới hiểu được rằng khuynh hướng đó phản ánh cái xu hướng của các giai cấp đang đi đến chỗ tiêu vong trong dân tộc Đại Nga thống trị xưa kia, muốn khôi phục lại những đặc quyền của họ đã mất.

Do đó mà trong vấn đề dân tộc đã nảy ra cái nguy cơ chủ nghĩa sô-vanh Đại Nga là nguy cơ chính trong nội bộ đảng.

Thực chất của khuynh hướng theo chủ nghĩa dân tộc địa phương là gì ?

Thực chất của khuynh hướng theo chủ nghĩa dân tộc địa phương là cái xu hướng muốn sống đơn độc và tự giam mình trong cái vỏ dân tộc của mình, là cái xu hướng muốn che đậy các mâu thuẫn giai cấp ở trong nội bộ dân tộc của mình, là cái xu hướng muốn đề phòng chủ nghĩa sô-vanh Đại Nga bằng cách tách mình ra khỏi làn sóng chung là làn sóng kiến thiết xã hội chủ nghĩa, là cái xu hướng không muốn nhìn thấy những cái gì đang làm cho quần chúng lao động trong các dân tộc ở Liên-xô gần gũi và đoàn kết với nhau, và chỉ muốn thấy những cái gì có thể làm cho họ xa nhau.

Khuynh hướng theo chủ nghĩa dân tộc địa phương phản ánh sự bất mãn của các giai cấp đang tiêu vong trong những dân tộc bị áp bức xưa kia, đối với chế độ chuyên chính vô sản, phản ánh cái xu hướng của các giai cấp đó muốn đứng riêng một mình trong một quốc gia dân tộc tư sản riêng của chúng, và muốn thiết lập trong quốc gia đó nền thống trị giai cấp của chúng.

Cái nguy hiểm của khuynh hướng đó là nó vun trồng chủ nghĩa dân tộc tư sản, là nó làm suy yếu sự đoàn kết giữa những người lao động trong các dân tộc ở Liên-xô và làm lợi cho bọn can thiệp.

Đó là thực chất của khuynh hướng theo chủ nghĩa dân tộc địa phương.

Nhiệm vụ của đảng là tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết chống khuynh hướng đó và đảm bảo những điều kiện cần thiết cho việc giáo dục tinh thần quốc tế cho quần chúng lao động trong các dân tộc ở Liên-xô.

Tình hình những khuynh hướng trong đảng ta, những khuynh hướng «tả» hay hữu trong lĩnh vực chính sách chung, những khuynh hướng trong vấn đề dân tộc, là như thế đó.

Đó là tình hình nội bộ của đảng ta.

Bây giờ đây, khi mà đảng ta đã thắng lợi trong cuộc đấu tranh cho đường lối chung, khi mà đường lối Lê-nin của đảng ta đã thắng trên khắp mặt trận, thì có nhiều người dễ quên mất những khó khăn mà những phần tử lệch lạc thuộc đủ thứ, đủ loại, đã gây cho công tác của chúng ta. Hơn nữa, một số đồng chí có đầu óc phi-li-stanh đến nay cũng vẫn còn nghĩ rằng có lẽ người ta có thể đã không cần phải đấu tranh chống những kẻ có khuynh hướng lệch lạc. Không cần phải nói cũng thấy rằng những đồng chí đó đã lầm to. Chỉ cần nhìn lại trước kia và nhớ lại những thành tích của bọn tơ-rốt-kít và bọn khuynh hữu ; chỉ cần nhớ lại lịch sử đấu tranh chống các khuynh hướng suốt trong thời kỳ đã qua, cũng đủ hiểu được tất cả cái trống rỗng và tất cả cái vô dụng của thứ chủ nghĩa phi-li-stanh đó ở trong đảng. Không còn nghi ngờ gì nữa nếu trước kia chúng ta không trấn áp và không công khai đánh bại những phần tử có khuynh hướng lệch lạc, thì có lẽ chúng ta đã không thể đạt được những thắng lợi mà đảng ta hiện nay có quyền được tự hào.

Đảng chúng ta đã trưởng thành và đã được củng cố trong cuộc đấu tranh chống những khuynh hướng xa rời đường lối Lê-nin. Trong cuộc đấu tranh chống các khuynh hướng đảng đã rèn luyện được sự ***thống nhất theo chủ nghĩa Lê-nin***

trong hàng ngũ của mình. Ngày nay, không một ai còn phủ nhận nữa cái sự thật không thể chối cãi này là : chưa bao giờ đảng đoàn kết chặt chẽ chung quanh Trung ương đảng như bây giờ. Bây giờ mọi người đều phải thừa nhận rằng đảng *thống nhất* và *đoàn kết chặt chẽ* hơn bao giờ hết ; rằng đại hội XVI là một trong những đại hội hiếm có của đảng ta, trong đó không còn phái đối lập có tổ chức và cấu kết, có thể đem cái đường lối riêng của họ mà đối lập với đường lối chung của đảng nữa.

Nhờ đâu mà đảng đạt được cái thành tựu có tính chất quyết định ấy ?

Nhờ ở chỗ là, trong cuộc đấu tranh của đảng chống các khuynh hướng, đảng bao giờ cũng thực hiện một chính sách có tính *nguyên tắc*, không bao giờ lại tự hạ mình dùng những thủ đoạn mờ ám và những mánh khóe ngoại giao lừa bịp.

Lê-nin đã nói rằng chính sách có tính nguyên tắc là chính sách *duy nhất* đúng. Chúng ta đã thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống các khuynh hướng, vì chúng ta làm đã theo một cách trung thực và triệt để lời giáo huấn đó của Lê-nin. *(Vỗ tay.)*

* * *

Thưa các đồng chí, tôi xin kết thúc.

Kết luận chung là gì ?

Trong thời gian qua chúng ta đã đạt được nhiều thắng lợi có tính chất quyết định trên tất cả các mặt trận kiến thiết xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã đạt được những thắng lợi đó, vì chúng ta đã biết giương cao lá cờ quang vinh của Lê-nin. Nếu chúng ta muốn chiến thắng, thì chúng ta phải tiếp tục giương cao lá cờ của Lê-nin, đồng thời chú ý giữ gìn cho lá cờ đó được trong sạch. *(Vỗ tay.)*

Đó là câu kết luận chung.

Với lá cờ của Lê-nin, chúng ta đã chiến thắng trong những cuộc chiến đấu cho Cách mạng tháng Mười.

Với lá cờ của Lê-nin, chúng ta đã đạt được những thắng lợi có tính chất quyết định trong cuộc đấu tranh cho công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa thắng lợi.

Cũng chính với lá cờ đó mà cách mạng vô sản sẽ thắng lợi trên toàn thế giới.

Chủ nghĩa Lê-nin muôn năm! *(Vỗ tay nhiệt liệt hồi lâu. Hoan hô khắp hội trường.)*

«Sự thật» số 177,
29 tháng Sáu 1930

CHÚ THÍCH

1. Hội nghị toàn thể giữa Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã họp từ ngày 16 đến 23 tháng Tư 1929. Hội nghị đã nghiên cứu những vấn đề sau đây : 1) về tình hình nội bộ của đảng ; 2) các vấn đề của hội nghị đại biểu toàn quốc XVI của đảng ; 3) vấn đề thanh đảng. Hội nghị đã tán thành nghị quyết của phiên họp liên tịch ngày 9 tháng Hai 1929 giữa Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương và Chủ tịch đoàn Ban Kiểm tra trung ương về tình hình nội bộ của đảng, và bằng một nghị quyết riêng hội nghị đã lên án hoạt động cơ hội hữu khuynh của Bu-kha-rin, Rư-cốp, Tôm-ski. Hội nghị đã tán thành và đã quyết định trao cho hội nghị đại biểu toàn quốc XVI của đảng xét các đề cương của Bộ Chính trị đưa ra về kế hoạch năm năm phát triển nền kinh tế quốc dân, về các biện pháp nhằm đẩy mạnh nông nghiệp và về việc giảm nhẹ thuế cho trung nông, về kết quả và các nhiệm vụ trước mắt của cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu. Hội nghị cũng đã quyết định trao cho hội nghị đại biểu toàn quốc XVI của đảng xét các luận cương mà hội nghị căn bản đã tán thành về vấn đề thanh trừng đảng viên và các đảng viên dự bị của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Trong phiên họp toàn thể ngày 22 tháng Tư, J.V. Sta-lin đã đọc diễn văn *Về xu hướng hữu khuynh trong Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô*. (Về những nghị quyết của hội nghị toàn thể giữa Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô xem trong tập *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết nghị của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 311-323). — *Tr.* 13.

2. Đây là nói về hoạt động phá hoại của tổ chức phản cách mạng của các chuyên gia tư sản hoạt động hồi 1923 - 1928 ở khu Sakhơ-tư và các khu khác ở Đôn-bát. — *Tr.* 24.
3. Đại hội VI của Quốc tế Cộng sản họp ở Mạc-tư-khoa từ ngày 17 tháng Bảy đến ngày 1 tháng Chín 1928. Đại hội đã thảo luận bản báo cáo công tác của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, các báo cáo của Ban Chấp hành Quốc tế Thanh niên Cộng sản và của Ban Kiểm tra quốc tế, các biện pháp đấu tranh chống nguy cơ nổ ra những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, cương lĩnh của Quốc tế Cộng sản, vấn đề phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và các nước nửa thuộc địa, tình hình kinh tế ở Liên-xô và tình hình Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, đại hội đã phê chuẩn điều lệ của Quốc tế Cộng sản. Trong các nghị quyết của mình, đại hội đã chỉ rõ sự phát triển của các mâu thuẫn bên trong của chủ nghĩa tư bản; các mâu thuẫn này nhất định sẽ làm cho sự ổn định của chủ nghĩa tư bản phải lung lay và làm cho cuộc tổng khủng hoảng của nó trở nên hết sức trầm trọng. Đại hội đã xác định những nhiệm vụ của Quốc tế Cộng sản do các điều kiện mới của các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đề ra, đại hội đã động viên các đảng cộng sản ra sức đấu tranh chống thiên hướng hữu coi đó là nguy cơ chủ yếu và chống tư tưởng điều hòa với nó. Đại hội đã nêu lên các thành tích xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô, ý nghĩa của những thành tích ấy đối với việc củng cố lập trường cách mạng của giai cấp vô sản quốc tế, và đại hội đã kêu gọi nhân dân lao động toàn thế giới phải bảo vệ Liên-xô. J. V. Sta-lin đã tham gia đại hội với cương vị lãnh đạo, được bầu làm ủy viên Chủ tịch đoàn của đại hội, ủy viên tiểu ban thảo cương lĩnh và ủy viên tiểu ban chính trị để khởi thảo các luận cương về tình hình quốc tế và về các nhiệm vụ của Quốc tế Cộng sản. — *Tr.* 31.
4. Đây là nói về hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, họp từ ngày 16 đến ngày 24 tháng Một 1928, có các ủy viên Ban Kiểm tra trung ương và Ban thẩm tra trung ương tham dự. — *Tr.* 37.
5. Chủ nghĩa xã hội giảng đàn là một trào lưu tư tưởng tư sản, chủ yếu là ở trong chính trị kinh tế học tư sản. Xuất hiện ở Đức vào nửa cuối thế kỷ XIX; về sau lan rộng đến các nước Anh, Mỹ và Pháp. Đại diện cho trào lưu đó là các giáo sư thuộc phái tự do - tư sản đã đăng đàn diễn thuyết về chủ nghĩa

đó ở các giảng đường trường đại học (do đó gọi là « chủ nghĩa xã hội giảng đàn ») nhằm chống chủ nghĩa Mác và chống phong trào cách mạng của công nhân đang phát triển ; họ đã che giấu các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, đã tuyên truyền tư tưởng điều hòa giai cấp. Bọn xã hội chủ nghĩa giảng đàn đã phủ nhận tính chất giai cấp, phủ nhận tính chất bóc lột của Nhà nước tư sản và khẳng định rằng Nhà nước đó có khả năng tiến hành những cuộc cải cách xã hội để hoàn thiện chủ nghĩa tư bản. Ăng-ghen đã viết về những người xã hội chủ nghĩa giảng đàn như sau : « Về mặt lý luận thì những người xã hội chủ nghĩa giảng đàn chưa bao giờ đứng cao hơn những nhà kinh tế học tầm thường có khuynh hướng nhân từ bác ái, còn hiện nay thì đã thoái hóa thành những kẻ biện hộ bình thường của chủ nghĩa xã hội của chính phủ Bi-smác » (xem C. Mác và F. Ăng-ghen : *Toàn tập*, tiếng Nga, tập XXVII, tr. 499). Ở Nga những người mác-xít hợp pháp đã tuyên truyền những tư tưởng cải lương tự do - tư sản của chủ nghĩa xã hội giảng đàn. Bọn men-sê-vích Nga, các đảng cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế II và bọn xã hội chủ nghĩa hữu khuynh hiện đại đang tìm cách làm cho phong trào công nhân phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản, và đang tuyên truyền rằng chủ nghĩa tư bản có thể phát triển một cách hòa bình và dần dần lên chủ nghĩa xã hội, chúng cũng đã rơi vào chủ nghĩa xã hội giảng đàn. — *Tr.* 45.

6. Đây là nói về hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô họp từ ngày 4 đến ngày 12 tháng Bảy 1928. — *Tr.* 61.
7. Tạp chí *Quốc tế Thanh niên* (Jugend Internationale) — cơ quan ngôn luận của Liên đoàn thanh niên quốc tế xã hội chủ nghĩa ; xuất bản ở Duy-rích từ tháng Chín 1915 đến tháng Năm 1918. Từ năm 1919 đến năm 1941 tạp chí này đã xuất bản với tư cách là cơ quan ngôn luận của Ban Chấp hành Quốc tế thanh niên cộng sản. (Trong những năm 1925 — 1928, lấy tên là *Quốc tế thanh niên cộng sản*). — *Tr.* 80.
8. Xem V.I. Lê-nin : *Văn tập*, tiếng Nga, tập XIV, tr. 250 - 259. — *Tr.* 86.
9. *Tập san của người xã hội-dân chủ* do Ban Chấp hành trung ương Đảng công nhân xã hội-dân chủ Nga xuất bản hồi 1916, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của V.I. Lê-nin. Ra được hai số : số tháng Mười và số tháng Chạp 1916. — *Tr.* 87.

10. Trong thời kỳ hòa ước Bơ-rét (năm 1918), Bu-kha-rin và nhóm những người cộng sản « tả » do hắn cầm đầu đã câu kết với Tơ-rốt-ski tiến hành một cuộc đấu tranh gay gắt trong nội bộ đảng để chống Lê-nin, dòi phải tiếp tục chiến tranh với mục đích là để nước Cộng hòa xô-viết non trẻ, chưa có quân đội hẳn hoi, chịu những đòn của chủ nghĩa đế quốc Đức. Năm 1938, trong phiên tòa xét xử « khối hữu phái tơ-rốt-kít » chống xô-viết, người ta đã xác định rằng Bu-kha-rin và nhóm cộng sản « tả » do hắn cầm đầu đã câu kết với Tơ-rốt-ski và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả, đã tham gia cuộc âm mưu bí mật phản cách mạng chống lại chính phủ xô-viết, với mục đích là phá hoại hòa ước Bơ-rét, bắt và giết V.I. Lê-nin, J.V. Sta-lin, I-a. M. Svéc-lốp và thành lập một chính phủ gồm các bọn Bu-kha-rin, Tơ-rốt-ski và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả. — *Tr.* 110.

11. Hội đồng kinh tế trực thuộc Hội đồng Dân ủy của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, gọi tắt là Ê-CÔ-XÔ. — *Tr.* 112.

12. Hội nghị đại biểu XVI của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, họp ở Mạc-tư-khoa từ ngày 23 đến ngày 29 tháng Tư 1929. Hội nghị đã thảo luận những vấn đề sau đây : về kế hoạch năm năm phát triển nền kinh tế quốc dân, về những biện pháp nhằm đẩy mạnh nông nghiệp và về việc giảm nhẹ thuế cho trung nông, về kết quả và nhiệm vụ sắp tới của cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu, về vấn đề thanh đảng và thẩm tra lý lịch các đảng viên và các đảng viên dự bị của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Vấn đề chủ yếu của hội nghị là kế hoạch năm năm lần thứ nhất. Hội nghị đã bác bỏ cái đề án « tối thiểu » của kế hoạch năm năm mà những phần tử đầu hàng hữu khuynh đã bênh vực và đã thông qua phương án « tối đa », coi đó là chỉ tiêu bắt buộc phải thực hiện vô luận như thế nào. Hội nghị đã lên án xu hướng hữu khuynh, coi đó là một sự hoàn toàn từ bỏ chính sách lê-nin-nít của đảng, coi đó là hành động công khai chuyển sang lập trường cu-lắc, và hội nghị đã kêu gọi đảng kịch liệt đập lại xu hướng hữu khuynh đó, coi nó là mối nguy cơ chủ yếu trong thời kỳ đó, và cũng đập cả tư tưởng dung hòa với những khuynh hướng đã xa rời đường lối lê-nin-nít. Hội nghị đã nghe báo cáo thông báo của V.M. Mô-lô-tốp về hội nghị toàn thể tháng Tư giữa Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô

và về bài diễn văn của J.V. Sta-lin đọc tại hội nghị đó *Về xu hướng hữu khuynh trong Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô* (xem tập này tr. 13—117) và đã nhất trí thông qua nghị quyết *Về tình hình nội bộ của đảng*. Hội nghị đã thông qua lời kêu gọi gửi toàn thể công nhân và nông dân lao động Liên-xô đẩy mạnh thi đua xã hội chủ nghĩa. (*Xem những nghị quyết của hội nghị đại biểu XVI trong tập Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 324 - 358). — *Tr.*...

13. Xem V.I. Lê-nin : *Tổ chức thi đua như thế nào?* (Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 26 tr. 367). — *Tr.* 119.

14. Đội quân đặc biệt ở Viễn đông đã được thành lập hồi tháng Tám 1929 trong thời gian xảy ra cuộc xung đột trên đường sắt Trung-quốc — Miền Đông, do bọn tướng tá phản cách mạng Trung-quốc và đế quốc Nhật khiêu khích. Báo *Tiếng còi báo động* là cơ quan ngôn luận của Cục chính trị của Đội quân đặc biệt ở Viễn-đông, xuất bản từ năm 1929. — *Tr.* 145.

15. *Sự thật Thanh niên cộng sản* — nhật báo, cơ quan ngôn luận của Trung ương và thành đoàn Mạc-tư-khoa Đoàn thanh niên cộng sản Lê-nin ; xuất bản từ ngày 24 tháng Năm 1925. Bài *Khái niệm về chủ nghĩa Lê-nin* đã được đăng trên báo *Sự thật Thanh niên cộng sản*, số 282, ngày 7 tháng Chạp 1929. — *Tr.* 146.

16. Hội nghị đại biểu toàn quốc của các nhà mác-xít chuyên môn về vấn đề ruộng đất do Viện hàn lâm cộng sản trực thuộc Ban Chấp hành trung ương Liên-xô triệu tập, đã họp từ ngày 20 đến ngày 27 tháng Chạp 1929. Dự hội nghị có các đại biểu của các cơ quan nghiên cứu khoa học, của các trường đại học nông nghiệp và kinh tế, của ban biên tập các báo và tạp chí. Tất cả có 302 đại biểu. Sta-lin đọc diễn văn *Bàn về mấy vấn đề chính sách ruộng đất ở Liên-xô* trong phiên họp toàn thể cuối cùng của hội nghị, ngày 27 tháng Chạp. — *Tr.* 149.

17. Xem V.I. Lê-nin : *Văn tập*, tiếng Nga, tập XI, tr. 368. — *Tr.* 156.

18. Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 7 - 8. — *Tr.* 156.

19. Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 483. — *Tr.* 156.

20. Xem *Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức* trong C. Mác và F. Ăng-ghen: *Toàn tập*, tiếng Nga, 1936, phần II, tr. 456. — *Tr.* 160.

21. Xem J.V. Sta-lin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, tập 11, tr. 88-102.—*Tr.* 164.
22. Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 211 - 215. — *Tr.* 174.
23. *Ở nước ngoài* — Tạp chí, xuất bản từ năm 1930 do M. Goóc-ki làm chủ biên ; năm 1932 được cải tổ thành tạp chí—báo xuất bản cho đến năm 1938. — *Tr.*182.
24. *Sao đỏ* — báo chính trị - quân sự ra hàng ngày ; xuất bản từ tháng Giêng 1924. Từ tháng Ba 1946, nó trở thành cơ quan ngôn luận trung ương của Bộ Quốc phòng Liên-xô. — *Tr.*185.
25. Xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 47-53. — *Tr.* 186.
26. Xem nghị quyết của hội nghị đại biểu XVI của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô *Về những biện pháp đẩy mạnh nông nghiệp và về việc giảm nhẹ thuế cho trung nông* trong tập *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị và hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 329 — 338. - *Tr.*186.
27. Xem tập *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 247 - 259. — *Tr.* 186.
28. Xem nghị quyết của đại hội XV của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô *Về những chỉ thị lập kế hoạch năm năm phát triển kinh tế quốc dân* trong tập *Đảng Cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 234 - 247. — *Tr.* 187.
29. Xem : *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941 tr. 222-227. — *Tr.* 187.
30. Các đồng chí trường Svéc-lốp là những sinh viên trường Đại học cộng sản Svéc-lốp. — *Tr.* 191.
31. Xem : V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 32, tr. 431. — *Tr.* 191.
32. Xem : V.I. Lê-nin : *Những lời tự thú quý báu của Pi-ti-rim*

Xô-rô-kin trong V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 171. — *Tr.* 192.

33. « Chủ nghĩa Ru-bin » và « chủ nghĩa máy móc » đều là các xu hướng xét lại, chống chủ nghĩa Mác trong chính trị kinh tế học. Tên men-sê-vích Ru-bin đã đứng trên lập trường duy tâm của giai cấp tư sản mà xét lại học thuyết Mác, tước bỏ nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác và cố tình dánh lạc hướng các nhà kinh tế học làm họ từ bỏ việc nghiên cứu những vấn đề kinh tế Liên-xô, dẫy họ rơi vào tình trạng tranh luận trừu tượng theo kiểu kinh viện. « Chủ nghĩa máy móc » là sự xuyên tạc, đứng trên lập trường của chủ nghĩa máy móc tầm thường, chủ nghĩa Mác về mặt triết học và chính trị kinh tế học, tức là không thừa nhận phép biện chứng duy vật và thay nó bằng học thuyết về sự thăng bằng, một thứ học thuyết tư sản. Nhà tư tưởng của phái hữu khuynh Bu-kha-rin là một trong những đại biểu chủ chốt của chủ nghĩa máy móc đó. Trong lĩnh vực chính trị kinh tế học, bọn theo chủ nghĩa máy móc không thừa nhận mâu thuẫn bên trong của xã hội tư bản, không thừa nhận tính tạm thời về mặt lịch sử của các quy luật phát triển của xã hội tư bản, và đem các quy luật của xã hội tư bản áp dụng vào xã hội xã hội chủ nghĩa xô-viết. — *Tr.* 197.

34. Nghị quyết này của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã được đăng trên báo *Sự thật* số 73, ngày 15 tháng Ba 1930. Cũng xem cả trong tập *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 813-814. — *Tr.*209.

35. Nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, ngày 5 tháng Giêng 1930 « Về tốc độ tập thể hóa và những biện pháp của Nhà nước để giúp đỡ việc xây dựng các nông trang tập thể » (xem : *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội đảng, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 389-391. — *Tr.*215

36. Đại hội XVI của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô họp từ 26 tháng Sáu đến 13 tháng Bảy 1930 ở Mạc-tư-khoa. Đại hội đã thảo luận các bản báo cáo chính trị và báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương, các bản báo cáo của Ban Thẩm tra trung ương, của Ban Kiểm tra trung ương, của đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô trong Ban Chấp hành

Quốc tế Cộng sản, cũng như các bản báo cáo về việc thực hiện kế hoạch công nghiệp 5 năm ; về phong trào nông trang tập thể và về sự phát triển nông nghiệp ; về nhiệm vụ của các công đoàn trong thời kỳ cải tạo. Đại hội đã nhất trí tán thành đường lối chính trị và hoạt động của Ban Chấp hành trung ương đảng, đại hội yêu cầu Ban Chấp hành trung ương là sau này cũng đảm bảo được nhịp độ bôn-sê-vích trong việc xây dựng xã hội chủ nghĩa, làm sao để có thể thực hiện được kế hoạch năm năm trong bốn năm, không ngừng tiếp tục cuộc tấn công xã hội chủ nghĩa đại qui mô trên khắp các mặt trận và tiêu diệt giai cấp cu-lắc, trên cơ sở tập thể hóa phổ biến. Đại hội đã chỉ rõ ý nghĩa lịch sử có tính chất thế giới của bước ngoặt trong sự phát triển của nông nghiệp đã đưa đến kết quả là nông dân nông trang tập thể đã trở nên một chỗ dựa thực sự và vững chắc của Chính quyền xô-viết. Đại hội đã giao trách nhiệm cho Ban Chấp hành trung ương đảng là sau này cũng phải theo đuổi kiên quyết một chính sách hòa bình, và tăng cường khả năng tự vệ của Liên-xô. Đại hội đã chỉ thị như sau : hết sức phát triển công nghiệp nặng và xây dựng cơ sở than thép mới và mạnh mẽ ở phía Đông Liên-xô ; cải tiến công tác của tất cả các tổ chức quần chúng và tăng cường vai trò của công đoàn trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ; thu hút tất cả công nhân và nông dân lao động tham gia phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa. Đại hội đã triệt để vạch trần chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh coi đó là tay sai của bọn cu-lắc trong nội bộ đảng, và đại hội đã tuyên bố rằng quan điểm của phái đối lập hữu khuynh là không thể dung hợp với Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô được. Đại hội đã yêu cầu các tổ chức của đảng phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống những khuynh hướng lệch lạc trong vấn đề dân tộc, chống chủ nghĩa sô-vanh nước lớn và chủ nghĩa dân tộc địa phương, quyết theo đuổi chính sách dân tộc lê-nin-nít là chính sách đảm bảo phát triển rộng rãi các nền văn hóa dân tộc ở Liên-xô, dân tộc về hình thức và xã hội chủ nghĩa về nội dung. Trong lịch sử của đảng, đại hội XVI được xem như một đại hội đánh dấu cuộc tấn công đại quy mô của chủ nghĩa xã hội trên khắp các mặt trận, tiêu diệt giai cấp cu-lắc, thực hiện việc tập thể hóa phổ biến. Trong đại hội, đồng chí J. Sta-lin đã đọc báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô ngày 27 tháng Sáu và diễn văn tổng kết, ngày 2 tháng Bảy.

(Về đại hội XVI của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, xem trong ***Lịch sử Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, Giáo trình tóm tắt,*** tiếng Nga, tr. 296-298. Về các nghị quyết của đại hội, xem ***Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương,*** tiếng Nga, phần II, **1941,** tr. 394 - 431. — *Tr.* 242.

37. Hệ thống Liên bang ngân hàng dự trữ — tổ chức ngân hàng ở Mỹ, thành lập năm 1913. Mười hai liên bang ngân hàng dự trữ được thành lập trong các vùng trung tâm quan trọng nhất trong nước, tập hợp và kiểm soát toàn bộ hoạt động của các ngân hàng Mỹ ; những ngân hàng đó là công cụ của tư bản độc quyền. Điều khiển hệ thống liên bang ngân hàng dự trữ là Hội đồng liên bang ngân hàng dự trữ (năm 1933, đã đổi tên là Hội đồng những người quản lý hệ thống liên bang ngân hàng dự trữ), do Tổng thống Mỹ chỉ định và hoàn toàn nằm trong tay bọn trùm tư bản tài chính. Các nhà kinh tế tư sản — bọn biện hộ cho chủ nghĩa tư bản Mỹ, các giới tài chính và cầm quyền Mỹ, đều coi hệ thống liên bang ngân hàng dự trữ là một phương sách đảm bảo nền kinh tế trong nước khỏi bị khủng hoảng. Tổng thống Hu-vơ định dùng Hệ thống liên bang ngân hàng dự trữ để ứng phó với cuộc khủng hoảng năm 1929, nhưng ông ta đã hoàn toàn thất bại. — *Tr.* 249.

38. Kế hoạch Y-âng, mang tên của người chủ ngân hàng Mỹ, đã đặt ra kế hoạch đó, mục đích để buộc người Đức phải trả tiền bồi thường chiến tranh. Kế hoạch này đã được Ủy ban những chuyên gia Pháp, Anh, Ý, Nhật, Bỉ, Mỹ, Đức, thông qua ngày 7 tháng Sáu 1929, và đã được Hội nghị La Hay chuẩn y ngày 20 tháng Giêng 1930. Kế hoạch đó quy định số tiền nước Đức phải bồi thường là 113,9 tỷ mác (bằng ngoại tệ), phải trả trong vòng 59 năm. Tất cả những chuyền khoản về mục bồi thường thì do Ngân hàng thanh toán quốc tế phụ trách, trong Ngân hàng này, Mỹ giữ địa vị thống trị. Việc thành lập ngân hàng này là một trong những điểm chủ yếu của kế hoạch Y-âng, nó giúp cho tư bản độc quyền Mỹ phương tiện kiểm soát được việc buôn bán và lưu thông tiền tệ của các nước châu Âu. Theo kế hoạch Y-âng thì công nghiệp Đức không phải đóng góp vào việc trả tiền bồi thường, mà tất cả gánh nặng đều bỏ vào lưng những người lao động. Kế hoạch Y-âng đã tạo ra những điều kiện cần thiết để khôi phục được hết sức mau

chóng tiềm lực của nền công nghiệp chiến tranh của Đức, điều mà bọn đế quốc Mỹ vẫn cố thực hiện nhằm để sau này mở cuộc xâm lược Liên-xô. — *Tr.* 256.

39. Đây là nói về những hiệp ước và những hiệp định ký kết giữa các nước đế quốc chủ nghĩa ở hội nghị Lô-các-nô (Thụy-sĩ) họp từ ngày 5 đến 16 tháng Mười 1925. Những hiệp định Lô-các-nô nhằm duy trì cái chế độ sau chiến tranh ở châu Âu đã được quy định trong hiệp ước Véc-xây, đã dẫn đến chỗ làm cho những mâu thuẫn đối kháng giữa các nước đế quốc chủ nghĩa chủ yếu càng thêm trầm trọng và đã dẫn đến chỗ chuẩn bị những cuộc chiến tranh mới. (Về Hội nghị Lô-các-nô, xem J.V. Sta-lin, *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 7, tr. 271-277.—) Tr. 256.

40. Các cuộc biểu tình thị uy và những cuộc bãi công phản đối bọn gây chiến, nổ vào ngày 1 tháng Tám 1929 (kỷ niệm lần thứ mười lăm cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới lần thứ nhất), và các cuộc biểu tình thị uy ngày 6 tháng Ba 1930, phản đối nạn thất nghiệp đang phát triển mau chóng (vì có nạn khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929), đã diễn ra trong nhiều thành phố và trung tâm công nghiệp ở Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Ba-lan và nhiều nước khác ở châu Âu và châu Mỹ. Phong trào phản đối đã diễn ra hoàn toàn dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản và của Quốc tế Cộng sản. — *Tr.* 258.

41. «Liên Âu» là dự án thành lập một khối các nước châu Âu nhằm chống lại Liên-xô, do Bơ-ri-ăng, bộ trưởng Ngoại giao Pháp đưa ra hồi tháng Năm 1930. Theo kế hoạch ấy, châu Âu một khi đã tập hợp lại ở trong «khối liên bang» tất nhiên phải hợp thành một mặt trận thống nhất chống Liên-xô, và cơ quan chấp hành của «khối liên bang,» tức là «ủy ban châu Âu», tất nhiên phải trở thành ban tham mưu trong việc chuẩn bị cuộc xâm lược Liên-xô. Ngoài ra, kế hoạch Bơ-ri-ăng còn tự đặt cho nó cái nhiệm vụ là thiết lập bá quyền của nước Pháp trên lục địa châu Âu, vì thế nó vấp phải sự phản kháng của Anh, Ý và Mỹ. Đề án «Liên Âu» không được thực hiện vì những mâu thuẫn giữa các cường quốc đế quốc chủ nghĩa.—*Tr.* 261.

42. Đây là nói hiệp ước về việc từ bỏ chiến tranh, ký ở Pa-ri ngày 27 tháng Tám 1928 giữa các nước Mỹ, Pháp, Đức, Anh, Ba-lan, Ý, Nhật, Tiệp-khắc, Bỉ và các nước tự trị thuộc Anh. Liên-xô đã không được mời dự cuộc đàm phán về việc ký kết hiệp ước Ken-lốt, như thế là để gạt Liên-xô ra ngoài số các nước nằm trong diện từ bỏ chiến tranh với tính cách là công cụ của chính

sách dân tộc, mà hiệp ước đã quy định. Dưới những câu mị dân về « hòa bình chung », bọn đề xướng ra hiệp ước (Pháp, Mỹ, Anh) hy vọng biến hiệp ước thành một công cụ để cô lập và đề đấu tranh chống Liên-xô. Trong bản tuyên bố ngày 5 tháng Tám 1928, chính phủ Liên-xô tố cáo những mục đích thật sự của hiệp ước. Dưới áp lực của dư luận công chúng, các chính phủ Mỹ, Anh, Pháp đã buộc phải tuyên bố là chúng mời Liên-xô ký hiệp ước. Chính phủ Xô-viết tham gia hiệp ước Ken-lốt và là một trong những nước đầu tiên thừa nhận hiệp ước và đề nghị các nước láng giềng ký kết một hiệp định về việc thi hành ngay các điều khoản của hiệp ước. Ngày 9 tháng Hai 1929, một hiệp định như thế đã được ký ở Mạc-tư-khoa, giữa Liên-xô, Ba-lan, Ru-ma-ni, Ê-stô-ni và Lét-tô-ni, về sau thì Thổ-nhĩ-kỳ và Li-tu-a-ni cũng tham gia ký kết. — *Tr.* 261.

43. « Lê-na Gôn-phin » là một công ty cổ phần ở Anh ; năm 1925-30, đã được nhượng quyền khai thác và chế biến các mỏ vàng, đồng, sắt, v.v... ở Xi-bi-ri. Bản khế ước quy định rằng Lê-na Gôn-phin phải tiến hành xây dựng những xí nghiệp mới để khai thác mỏ và xây dựng lại những nhà máy và mỏ vàng giao cho nó thuê. Vì công ty này không thực hiện những điều đã cam kết và đã phá hỏng những nhà máy, những mỏ vàng và những xí nghiệp đã được tô nhượng, nên chính phủ xô-viết đã thủ tiêu việc tô nhượng đó, truy tố những nhân viên của công ty đã tiến hành hoạt động do thám và phá hoại ở Liên-xô. — *Tr.* 262.

44. Đại hội Xô-viết V ở Liên-xô họp ở Mạc-tư-khoa từ 20 đến 28 tháng Năm 1929, đã thảo luận những vấn đề sau đây : báo cáo của chính phủ Liên-xô ; kế hoạch 5 năm phát triển nền kinh tế quốc dân ở Liên-xô ; phát triển nông nghiệp và xây dựng các hợp tác xã ở nông thôn. Vấn đề trung tâm của đại hội, là thảo luận và thông qua kế hoạch 5 năm Sta-lin lần thứ nhất. Đại hội tán thành bản báo cáo của chính phủ Liên-xô, phê chuẩn kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế quốc dân, vạch ra biện pháp đẩy mạnh nông nghiệp và đẩy mạnh việc xây dựng các hợp tác xã ở nông thôn, và bầu ra một Ban Chấp hành trung ương mới ở Liên-xô. — *Tr.* 274.

45. Xem : *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 251. — *Tr.* 282.

46. J. Sta-lin : *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương tại đại hội XV của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô* (xem J.V. Sta-lin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, tập 10, tr. 294 - 295). — *Tr.* 283.

47. Xem : *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 278-279. — *Tr.* 288.

48. Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, họp từ ngày 10 đến 17 tháng Một 1929, đã thảo luận các vấn đề : về những con số kiểm tra của nền kinh tế quốc dân năm 1929-30 ; về kết quả và những nhiệm vụ mới của việc xây dựng nông trang tập thể ; về nền nông nghiệp của U-cơ-ren và công tác nông thôn, về việc thành lập Bộ nông nghiệp liên bang của Liên-xô ; về việc thực hiện những nghị quyết của Hội nghị toàn thể hồi tháng Bảy của Ban Chấp hành trung ương (1928), về việc đào tạo các cán bộ kỹ thuật. Nhận thấy rằng vừa ở trong Đảng cộng sản (b) Liên-xô mà vừa tuyên truyền những quan điểm của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh và của đầu óc thỏa hiệp với chủ nghĩa đó, là hai việc không thể dung hợp được với nhau, nên Hội nghị toàn thể đã quyết định khai trừ Bu-kha-rin, người chủ mưu và lãnh đạo bọn chủ trương đầu hàng hữu khuynh, ra khỏi Bộ Chính trị của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Hội nghị toàn thể đã vạch ra rằng Liên-xô đã bước vào một giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa rộng rãi ở nông thôn và xây dựng một nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa lớn, và đã quyết định một loạt những biện pháp cụ thể nhằm củng cố các nông trang tập thể và phát triển rộng lớn phong trào nông trang tập thể (về các nghị quyết của Hội nghị toàn thể, xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 359-388). — *Tr.* 288.

49. Đây là nói về bản thông cáo của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, « Gửi toàn thể đảng viên của đảng, và toàn thể công nhân » về sự mở rộng tự phê bình,

bức thông báo này đã đăng trong báo *Sự thật* số 128, ngày 3 tháng Sáu 1928 (xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội đảng, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần II, 1941, tr. 807 - 809). — *Tr.* 313.

50. Quyết định của Ban Chấp hành trung ương và của Ban Kiểm tra trung ương của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô « Về việc đề bạt công nhân vào bộ máy xô-viết và việc kiểm soát có tính chất quần chúng của công nhân, từ dưới lên, đối với bộ máy đó (việc đỡ đầu các nhà máy), » đăng trong báo *Sự thật* số 74, ngày 16 tháng Ba 1930. — *Tr.* 313.
51. Đây là nói về nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô ngày 15 tháng Năm 1930 « Về công tác của U-ran mét » (tức là tơ-rớt liên hợp ngành luyện sắt ở U-ran), đăng trong báo *Sự thật*, số 135, ngày 18 tháng Năm 1930. — *Tr.* 325.
52. Nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô « Về việc bãi bỏ các quận », đăng trên báo *Sự thật* số 194, ngày 16 tháng Bảy 1930. — *Tr.* 335.
53. V.I. Lê-nin : Thư gửi V.M. Mô-lô-tốp về dàn bài bản báo cáo chính trị tại đại hội đảng lần thứ XI (xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 223-224). — *Tr.* 337.
54. V.I. Lê-nin : « Chúng ta phải cải tổ Ban Kiểm tra công nông như thế nào » (xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 444). — *Tr.* 338.
55. Đại hội VIII các Xô-viết nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga họp từ ngày 22 đến 29 tháng Chạp 1920. Một trong những vấn đề chủ yếu ở đại hội là kế hoạch điện khí hóa nước nhà, do Ban điện khí hóa nước Nga (GỐ-EN-RÔ) vạch ra. Trong bản nghị quyết của đại hội, đại hội đã đánh giá kế hoạch điện khí hóa là « bước đầu của một sự nghiệp kinh tế vĩ đại ». Trong bức thư gửi Lê-nin hồi tháng Ba 1921, J. Sta-lin đã viết về kế hoạch điện khí hóa nước Nga như sau : « Trong ba hôm vừa qua, tôi đã có dịp được đọc tập « *Kế hoạch điện khí hóa nước Nga* »... Thật là một quyển sách rất hay và rất tốt. Thật là một bức phác họa tài tình một kế hoạch kinh tế, thật sự *nhất quán* và thật sự là *Nhà nước mà không có dấu ngoặc kép*. Đó là một ý đồ duy nhất mác-xít ở thời đại chúng ta, để đưa lại cho kiến trúc thượng tầng xô-viết của nước Nga, là nước lạc hậu về kinh tế, một cơ sở kỹ

thuật và công nghiệp thật sự có thể thực hiện được và duy nhất có thể thực hiện được trong các điều kiện hiện thời» (xem J.V. Sta-lin, *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 5, tr. 50). — *Tr.* 344.

56. Đây là nói về bài diễn văn đọc tại cuộc họp của sinh viên trường đại học cộng sản của những người lao động phương Đông, ngày 18 tháng Năm 1925 «Về những nhiệm vụ chính trị của trường Đại học các dân tộc phương Đông» (xem J.V. Sta-lin : *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 7, tr. 138 - 140). — *Tr.* 361.

57. Xem : *Đảng Cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần I, 1941, tr. 385. — *Tr.* 363.

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

(Tháng Tư 1929 — tháng Sáu 1930)

1929

16 — 23 tháng Tư. J.V. Sta-lin lãnh đạo cuộc hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương thuộc Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô.

22 tháng Tư. J.V. Sta-lin đọc diễn văn « Về xu hướng hữu khuynh trong Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô » tại phiên họp của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương thuộc Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô.

23 — 29 tháng Tư. J.V. Sta-lin lãnh đạo hội nghị đại biểu toàn quốc XVI của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô.

27 tháng Tư. Tại phiên họp của hội nghị đại biểu toàn quốc XVI của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, J.V. Sta-lin được bầu vào tiểu ban dự thảo nghị quyết về các biện pháp nhằm đẩy mạnh nông nghiệp và giảm nhẹ thuế cho trung nông.

29 tháng Tư. J.V. Sta-lin lãnh đạo cuộc hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô.

1 tháng Năm. J.V. Sta-lin dự cuộc diễu binh của trung đoàn Mạc-tư-khoa và cuộc biểu tình của nhân dân lao động thủ đô tại Hồng trường nhân ngày lễ 1 tháng Năm.

4 tháng Năm. J.V. Sta-lin tọa đàm với đoàn đại biểu công nhân mỏ khu Đôn-bát.

6 tháng Năm. Tại tiểu ban Mỹ thuộc Chủ tịch đoàn Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, J.V. Sta-lin đọc diễn văn nói về những phần tử bè phái hữu khuynh trong Đảng cộng sản Mỹ.

11 tháng Năm. J.V. Sta-lin viết xong bài : «Thi đua và tinh thần phấn khởi lao động của quần chúng» — lời tựa viết cho cuốn *Thi đua của quần chúng* của Mi-cu-li-na. Bài này đăng trên báo *Sự thật* số 114, ngày 22 tháng Năm.

14 tháng Năm. Trong phiên họp của Chủ tịch đoàn Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản, J.V. Sta-lin đọc diễn văn về tình hình Đảng cộng sản Mỹ.

20 — 28 tháng Năm. J.V. Sta-lin tham dự đại hội Xô-viết V toàn Liên-xô.

28 tháng Năm. Tại đại hội Xô-viết V toàn Liên-xô, J.V. Sta-lin được bầu vào Ban Chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Liên-xô.

18 tháng Sáu. J.V. Sta-lin và V.M. Mô-lô-tốp hội đàm với đoàn đại biểu cán bộ ngành lâm nghiệp.

9 tháng Bảy. J.V. Sta-lin viết thư cho đồng chí Phê-lích Côn.

10 tháng Bảy. J.V. Sta-lin viết thư chào mừng Đoàn thanh niên cộng sản U-cơ-ren nhân ngày kỷ niệm mười năm thành lập đoàn. Báo *Sự thật* số 157, ngày 12 tháng Bảy đã đăng bài này.

24 tháng Bảy. J.V. Sta-lin dự cuộc thao diễn của hạm đội Hắc-hải.

25 tháng Bảy. J.V. Sta-lin tham quan tuần dương hạm « U-cơ-ren đỏ », dự tối liên hoan văn nghệ của hạm đội đó và ghi cảm tưởng vào cuốn nhật ký của tuần dương hạm.

30 tháng Mười. J.V. Sta-lin viết thư chào mừng Đội quân đặc biệt ở Viễn đông nhân dịp kỷ niệm năm thứ XII cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại. Tạp chí *Tiếng còi báo động* số 52 và báo *Sự thật* số 259 ngày 7 tháng Một đều có đăng bài đó.

3 tháng Một. J.V. Sta-lin viết bài « Một năm chuyển biến vĩ đại ». Báo *Sự thật* số 259 ngày 7 tháng Một đã đăng bài này.

7 tháng Một. J.V. Sta-lin dự cuộc diễu binh của trung đoàn Mạc-tư-khoa và cuộc biểu tình của nhân dân lao động thủ đô tại Hồng trường nhân kỷ niệm năm thứ XII cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại.

10 — 17 tháng Một. J.V. Sta-lin lãnh đạo cuộc hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô.

13 tháng Một. Tại phiên họp của hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, J.V. Sta-lin đọc diễn văn vạch trần hoạt động bè phái của các lãnh tụ phái đối lập Bu-kha-rin.

Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô bầu J.V. Sta-lin vào tiểu ban duyệt cuối cùng nghị quyết về các con số kiểm tra nền kinh tế quốc dân năm 1929/30 và dự thảo nghị quyết về nhóm hữu khuynh Bu-kha-rin.

15 tháng Một. Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô bầu J.V. Sta-lin vào tiểu ban sửa lại nghị quyết về kết quả và các nhiệm vụ sau này của công cuộc xây dựng nông trang tập thể.

29 tháng Một. J.V. Sta-lin tham dự kỳ họp thứ hai của Ban Chấp hành trung ương toàn Liên-xô khóa V.

18 tháng Chạp. Báo *Sự thật* số 298 đăng bài « Một sự đính chính cần thiết » của J.V. Sta-lin.

21 tháng Chạp. J.V. Sta-lin phúc đáp thư của tất cả các tổ chức và các đồng chí đã gửi điện tới chúc mừng nhân ngày Người thọ 50 tuổi. Báo *Sự thật* số 302, ngày 22 tháng Chạp đã đăng bài phúc đáp này.

27 tháng Chạp. Tại hội nghị đại biểu của những nhà mác-xít chuyên môn về vấn đề ruộng đất, J.V. Sta-lin đọc diễn văn « Bàn về mấy vấn đề chính sách ruộng đất ở Liên-xô ». Bài diễn văn này đã được đăng trên báo *Sự thật* số 309 ngày 29 tháng Chạp.

1930

2 tháng Giêng. Báo *Sự thật* số 2 đăng lời chào mừng của J.V. Sta-lin gửi công nhân thành phố Sta-lin-gơ-rát nhân dịp kỷ niệm mười năm ngày thành phố đó được giải phóng khỏi bọn bạch vệ.

5 tháng Giêng. Theo đề nghị của J.V. Sta-lin, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô thông qua nghị quyết : « Về tốc độ tập thể hóa và những biện pháp của Nhà nước giúp đỡ công cuộc xây dựng nông trang tập thể ». Nghị quyết này đã được đăng trên báo *Sự thật* số 6, ngày 6 tháng Giêng.

17 tháng Giêng. J.V. Sta-lin viết thư cho A.M. Goóc-ki.

19 tháng Giêng. J.V. Sta-lin viết xong bài « Bàn về chính sách thủ tiêu giai cấp cu lắc ». Báo *Sự thật* số 27 và báo *Sao đỏ* số 18 ngày 21 tháng Giêng đều đăng bài đó.

21 tháng Giêng. J.V. Sta-lin dự buổi lễ kỷ niệm năm thứ sáu ngày V. Lê-nin mất, tổ chức tại Nhà hát lớn.

9 tháng Hai. J.V. Sta-lin viết bài « Trả lời sinh viên trường đại học Svéc - lốp ». Báo *Sự thật* số 40, ngày 10 tháng Hai, đã đăng bài này.

13 tháng Hai. Theo rất nhiều đề nghị của hàng loạt các tổ chức, các cuộc hội nghị chung của công nhân, nông dân và Hồng quân, J.V. Sta-lin được tặng thưởng Huân chương cờ đỏ hạng hai vì đã có công lao to lớn trên mặt trận xây dựng chủ nghĩa xã hội. Báo *Sự thật* số 53 ngày 23 tháng Hai đã đăng nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương Liên-xô về việc tặng thưởng J.V. Sta-lin.

22 tháng Hai. J.V. Sta-lin viết lời chào mừng Đội kỵ binh đầu tiên nhân ngày kỷ niệm mười năm thành lập đội. Báo *Sự thật* số 51, ngày 2 tháng Ba, đã đăng lời chào mừng đó.

J.V. Sta-lin phúc đáp thư của công nhân nhà máy I-giep-scơ và hoan nghênh họ đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất vũ khí cho Hồng quân. Báo *Sự thật I-giép-scơ* số 51 ngày 2 tháng Ba đã đăng bài này.

J.V. Sta-lin dự cuộc hội nghị trọng thể của Xô-viết Mạc-tư-khoa họp ở Nhà hát lớn nhân ngày lễ kỷ niệm mười hai năm ngày thành lập Hồng quân và mười năm ngày thành lập Đội kỵ binh đầu tiên.

2 tháng Ba. Báo *Sự thật* số 60 đăng bài « Say sưa vì thắng lợi » của J.V. Sta-lin.

Khoảng từ 14 tháng Ba về trước. J.V. Sta-lin thảo nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô « Về việc đấu tranh chống những hành động làm sai lệch đường lối của đảng trong phong trào nông trang tập thể ». Báo *Sự thật* số 73, ngày 15 tháng Ba đã đăng nghị quyết này.

19 tháng Ba. J.V. Sta-lin phúc đáp thư của đồng chí Be-dư-men-ski.

3 tháng Tư. Báo *Sự thật* số 92 đăng bài « Trả lời các đồng chí nông trang viên » của J.V. Sta-lin.

21 tháng Tư. J.V. Sta-lin viết lời chào mừng công nhân nhà máy cơ khí Sta-lin ở thành phố Lê-nin-gơ-rát nhân dịp họ đã sản xuất xong trước thời hạn cái tuyếc-bin lớn đầu tiên ở Liên-xô. Báo *Sự thật* số 112, ngày 23 tháng Tư đã đăng lời chào mừng này.

25 tháng Tư. J.V. Sta-lin viết bài chào mừng các học viên tốt nghiệp khóa đầu tiên của Viện hàn lâm công nghiệp. Báo *Sự thật* số 115, ngày 26 tháng Tư, đã đăng bài chào mừng này.

26 tháng Tư. Báo *Sự thật* số 115 đăng bài của J.V. Sta-lin chào mừng những người xây dựng con đường sắt Tuốc-ke-stan - Xi-bi-ri nhân dịp hoàn thành việc xây dựng và khánh thành con đường đó.

1 tháng Năm. J.V. Sta-lin dự cuộc diễu binh và cuộc biểu tình của nhân dân lao động thủ đô tại Hội trường nhân ngày lễ 1 tháng Năm.

10 tháng Năm. Báo *Sự thật* số 127 đăng bài của J.V. Sta-lin chào mừng Binh đoàn kỵ binh đặc biệt nhân dịp kỷ niệm mười năm ngày thành lập binh đoàn.

27 tháng Năm. Hội nghị đại biểu đảng bộ các khu phố Pơ-re-sni-a đỏ và Bai-ma-nốp bầu J.V. Sta-lin làm đại biểu đi dự hội nghị tỉnh đảng bộ Mạc-tư-khoa và đại hội XVI của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô.

31 tháng Năm. J.V. Sta-lin viết thư trả lời đồng chí M. Ra-pha-in.

16 tháng Sáu. J.V. Sta-lin viết lời chào mừng tập thể nhà máy nông nghiệp thành phố Rô-stốp đã hoàn thành xây dựng nhà máy trước kỳ hạn. Báo *Sự thật* số 165, ngày 17 tháng Sáu, đã đăng lời chào mừng này.

J.V. Sta-lin trả lời thư chào mừng của các nông trang viên khu Ca-nép thuộc miền Cơ-ra-snô-đa. Báo *Cờ đỏ* (của miền Cơ-ra-snô-đa) số 137 ngày 18 tháng Sáu và báo *Sự thật* số 167, ngày 19 tháng Sáu, đều có đăng bài trả lời đó.

17 tháng Sáu. J.V. Sta-lin viết lời chào mừng công nhân nhà máy sản xuất máy kéo ở thành phố Sta-lin-gơ-rát đã hoàn thành việc xây dựng trước thời hạn và đã đưa nhà máy sản xuất máy kéo đầu tiên vào sản xuất. Báo *Sự thật* số 166 ngày 18 tháng Sáu đã đăng lời chào mừng này.

25 tháng Sáu. J.V. Sta-lin lãnh đạo cuộc hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Hội nghị toàn thể đã thảo luận các đề cương của Bộ Chính trị gửi lên đại hội XVI của đảng và đã phê chuẩn để J.V. Sta-lin đọc báo cáo tại đại hội XVI của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô theo như mục thứ nhất của chương trình nghị sự (báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương).

27 tháng Sáu. J.V. Sta-lin đọc báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương trước đại hội XVI của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô.

MỤC LỤC

Trang

Lời tựa. 7

VỀ XU HƯỚNG HỮU KHUYNH TRONG ĐẢNG CỘNG SẢN (b) TOÀN LIÊN-XÔ. *Diễn văn đọc tại hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, tháng Tư 1929. (Bản tốc ký)* 12-117

I. Một hay hai đường lối ? 15

II. Những sự thay đổi trong quan hệ giai cấp và những ý kiến bất đồng giữa chúng ta 22

III. Những ý kiến bất đồng giữa chúng ta về các vấn đề có liên quan đến Quốc tế Cộng sản 31

IV. Những ý kiến bất đồng trong chính sách đối nội . 38-105

a) Về đấu tranh giai cấp 39

b) Về tính chất ngày càng gay gắt thêm của cuộc đấu tranh giai cấp 46

c) Về vấn đề nông thôn 50

d) Về chính sách kinh tế mới và quan hệ thị trường. 54

đ) Về cái gọi là « cống vật » 60

e) Về vấn đề nhịp độ phát triển của công nghiệp và những hình thức liên minh mới giữa thành thị và nông dân 67

g) Bu-kha-rin về phương diện là một nhà lý luận. 79

h) Kế hoạch năm năm hay kế hoạch hai năm ? . . 89

i) Vấn đề diện tích gieo trồng 93

k) Về vấn đề thu mua lúa mì 96

l) Về vấn đề dự trữ ngoại tệ và nhập khẩu lúa mì. 102

V. Những vấn đề về sự lãnh đạo của đảng 105-115
a) Về hoạt động bè phái của nhóm Bu-kha-rin . . 106
b) Về thái độ trung thực và về sự lãnh đạo tập thể. 108
c) Vấn đề đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh. 113

VI. Kết luận 115

THI ĐUA VÀ TINH THẦN PHẤN KHỞI LAO ĐỘNG CỦA QUẦN CHÚNG. *Lời tựa cho cuốn «Thi đua của quần chúng» của Mi-cu-li-na* 118

GỬI ĐỒNG CHÍ PHÊ-LÍCH CÔN. *Sao gửi đồng chí Cô-lô-ti-lốp, thư ký Ban Thường vụ tỉnh trong Ban Chấp hành trung ương lính I-va-nô-vô-Vô-dơ-ne-xen-scơ* 122

GỬI ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN U-CƠ-REN NHÂN NGÀY KỶ NIỆM MƯỜI NĂM THÀNH LẬP ĐOÀN 126

NHỮNG LỜI GHI TRONG CUỐN NHẬT KÝ CỦA TUẦN DƯƠNG HẠM «U-CƠ-REN ĐỎ» 127

MỘT NĂM CHUYỂN BIẾN LỚN. *Để kỷ niệm lần thứ XII cuộc Cách mạng tháng Mười* 128-144

I. Về mặt năng suất lao động 129

II. Về mặt xây dựng công nghiệp 130

III. Về mặt xây dựng nông nghiệp 134

Kết luận 144

GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO *TIẾNG CÒI BÁO ĐỘNG* CỦA ĐẠO QUÂN ĐẶC BIỆT Ở VIỄN ĐÔNG . . . 145

MỘT SỰ ĐÍNH CHÍNH CẦN THIẾT 146

GỬI TẤT CẢ CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ ĐÃ GỬI ĐIỆN TỚI CHÚC MỪNG NHÂN NGÀY ĐỒNG CHÍ STA-LIN THỌ 50 TUỔI. 148

BÀN VỀ MẤY VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH RUỘNG ĐẤT Ở LIÊN-XÔ. *Diễn văn đọc tại hội nghị những người mác-xít chuyên môn về vấn đề ruộng đất, ngày 27 tháng Chạp 1929*. 149-179

I. Thuyết « thăng bằng ». 151

II. Thuyết « tự phát » trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa 154

III. Thuyết kinh tế tiểu nông là kinh tế « vững chắc » 157

IV. Thành thị và nông thôn. 163

V. Về bản chất của nông trang tập thể. 168

VI. Những sự thay đổi trong quan hệ giai cấp và bước ngoặt trong chính sách của đảng. 173

VII. Kết luận. 178

THƯ GỬI A.M. GOÓC-KI. 180

BÀN VỀ CHÍNH SÁCH THỦ TIÊU GIAI CẤP CU-LẮC. . 185

TRẢ LỜI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SVÉC-LỐP . 191-197

I. Các câu hỏi của sinh viên 191

II. Các câu trả lời của đồng chí Sta-lin 193

SAY SƯA VÌ THẮNG LỢI. *Mấy vấn đề trong phong trào tập thể hóa nông nghiệp*. 198

THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ BE-DU-MEN-SKI. 207

TRẢ LỜI CÁC ĐỒNG CHÍ NÔNG TRANG VIÊN. . . . 209

GỬI HỌC VIÊN TỐT NGHIỆP KHÓA THỨ NHẤT CỦA VIỆN HÀN LÂM CÔNG NGHIỆP. 235

TRẢ LỜI ĐỒNG CHÍ M. RA-PHA-IN. *(Lê-nin-gơ-rát, Ban Chấp hành công đoàn tỉnh). Sao gửi: đồng chí Ki-rốp, bí thư tỉnh ủy Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô* 237

GỬI XƯỞNG SẢN XUẤT CÁC MÁY MÓC NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ RÔ-STỐP. 240

GỬI CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG XƯỞNG SẢN XUẤT MÁY KÉO STA-LIN-GƠ-RÁT. 241

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG TẠI ĐẠI HỘI XVI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN (b) TOÀN LIÊN-XÔ. *27 tháng Sáu 1930* 242-370

I. Nạn khủng hoảng ngày càng tăng của chủ nghĩa tư bản trên thế giới và tình hình bên ngoài của Liên-xô 242-266

1. Nạn khủng hoảng kinh tế trên thế giới. . . . 244

2. Mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản ngày càng trầm trọng 254

3. Những quan hệ giữa Liên-xô và các nước tư bản chủ nghĩa 260

II. Sự phát triển ngày càng tăng của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa và tình hình nội bộ của Liên-xô 267-336

1. Sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. 267

2. Những thành tích về mặt công nghiệp hóa. 270

3. Địa vị chủ đạo và nhịp độ phát triển của công nghiệp xã hội chủ nghĩa 272

4. Nông nghiệp và vấn đề ngũ cốc 278

5. Bước chuyển biến của nông dân đến chủ nghĩa xã hội và nhịp độ phát triển của việc xây dựng các nông trường quốc doanh và nông trang tập thể 283
6. Việc cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của công nhân và nông dân 292
7. Những khó khăn trong bước trưởng thành, cuộc đấu tranh giai cấp và cuộc tấn công của chủ nghĩa xã hội trên khắp mặt trận 301
8. Chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa 317
9. Nhiệm vụ trước mắt 324

III. Đảng 336-370
1. Những vấn đề lãnh đạo trong lĩnh vực kiến thiết xã hội chủ nghĩa 339
2. Những vấn đề lãnh đạo các công việc trong nội bộ đảng 349

Chú thích 371

Thân thế và sự nghiệp 385

Chịu trách nhiệm xuất bản : *Phan-tiến-Tích*
Chịu trách nhiệm bản thảo : *Bùi-thế-Bách*
Soát lại bản in : *Đào-Dục*
Trình bày : *Trịnh-Lễ*

In 2065 cuốn tại Nhà máy in Tiến-bộ, Hà-nội.
Khổ 13 × 19. Xong ngày 12-3-1965. Số X.B. : 84. Số in : 2640
Gửi lưu chiểu tháng 3-1965